BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

# BÁO CÁO
# TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CÁN BỘ, VIÊN CHỨC LẦN THỨ 46

**HÀ NỘI, 31/10/2019**

# MỤC LỤC

PHẦN I: BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2018 - 2019 ..... 3
1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019 ..... 3
*1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất* ..... 3
*1.2. Tóm tắt bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong giai đoạn tới* ..... 4
2. Công tác chính trị tư tưởng ..... 5
3. Công tác đào tạo ..... 6
*3.1. Công tác tuyển sinh năm học 2018 - 2019* ..... 8
*3.2. Quy mô đào tạo* ..... 9
*3.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp* ..... 11
*3.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2017 - 2018* ..... 15
*3.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo* ..... 17
*3.6. Xuất bản giáo trình, bài giảng* ..... 17
*3.7. Công tác tư vấn tuyển sinh* ..... 18
4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục ..... 19
*4.1. Công tác khảo thí* ..... 19
*4.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học* ..... 20
*4.3. Công tác đảm bảo chất lượng* ..... 22
5. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên ..... 23
*5.1. Công tác sinh viên* ..... 23
*5.2. Công tác QHDN và hỗ trợ việc làm sinh viên* ..... 24
6. Công tác khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế ..... 27
*6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học* ..... 27
*6.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ* ..... 33
*6.3. Công tác Hợp tác quốc tế* ..... 33
7. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ ..... 35
*7.1. Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo* ..... 35
*7.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức* ..... 37
8. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo ..... 41
*8.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất* ..... 41
*8.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo* ..... 43
*8.3. Tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm* ..... 43
*8.4. Kinh phí chi thường xuyên hàng năm* ..... 44
9. Công tác thông tin, thư viện ..... 45
*9.1. Công tác thư viện* ..... 45
*9.2. Công tác công nghệ thông tin* ..... 46
10. Công tác tài chính ..... 46
11. Công tác y tế ..... 47
12. Các hoạt động khác ..... 47
*12.1. Thực hiện quy chế dân chủ* ..... 47
*12.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương* ..... 48

*12.3. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng* ..... 49
*12.4. Công tác thanh tra, kiểm tra* ..... 49
*12.5. Công tác Công đoàn* ..... 49
*12.6. Công tác Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên* ..... 52
13. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 45 ..... 52
PHẦN II: NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019 - 2020 ..... 54
1. Nhiệm vụ trọng tâm ..... 54
2. Chỉ tiêu cụ thể ..... 55
3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 ..... 55

# PHẦN I
# BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2018 - 2019

## 1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019

### *1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 tầm nhìn đến 2030 xác định *"Trường Đại học Mỏ - Địa chất có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực khoa học Trái đất và Mỏ, cũng như các lĩnh vực khoa học khác, đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước"*.

Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 9 khoa chuyên môn), 23 đơn vị chức năng (phòng, ban, trung tâm, trạm, văn phòng), 08 Trung tâm nghiên cứu và 01 Công ty. Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Đội ngũ nhân lực có chất lượng với tổng số cán bộ viên chức là 808 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 570 cán bộ, 187 cán bộ hành chính, 51 kỹ sư. Trong số cán bộ giảng dạy có 263 tiến sĩ (05 giáo sư và 60 phó giáo sư), 296 thạc sĩ, 11 kỹ sư.

Phương thức hoạt động, tổ chức của bộ máy quản lý của Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thực hiện theo Điều lệ trường đại học, Luật Giáo dục đại học và pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Năm 2018, Nhà trường có sự thay đổi lớn về cơ cấu nhân sự với việc Hiệu trưởng Lê Hải An được Thủ tướng giao chức vụ Thứ trưởng Bộ GD&ĐT từ 02/11/2018. Nhà trường đã tổ chức kiện toàn bộ máy tổ chức gồm: Hiệu trưởng theo Quyết định số 5608/QĐ-BGDDT ngày 27/12/2018, bổ nhiệm lại các phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 1609/QĐ-BGDDT và Quyết định số 1610/QĐ ngày 07/6/2019, Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018 - 2023 theo Quyết định số1834/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 $m^2$, tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 $m^2$, đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã đền bù giải phóng mặt bằng được 8,7ha trong đó có khu A1(5,5ha) đã hoàn thành cơ bản

giải phóng mặt bằng và chuẩn bị giao đất để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng.

Trong năm 2018, Nhà trường đã được đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA) với tỷ lệ tiêu chí đạt yêu cầu là 85.2%. Giấy chứng nhận số 33/GCN-CSGD được cấp ngày 30/3/2018.

***1.2. Tóm tắt bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong giai đoạn tới***

Trong hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã dành được những thành tựu quan trọng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tạo lập và giữ vững vị thế của một trường đại học kỹ thuật hàng đầu của Việt Nam về lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Dầu khí, Môi trường và nhiều lĩnh vực khác có liên quan.

Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về *"Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kinh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*; thực hiện Kế hoạch năm học 2018 - 2019 của Bộ GD&ĐT, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ 19, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.

- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, và mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.

- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.

- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong thu hút người học và tuyển sinh.

- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của trường.

- Biến động trong lựa chọn ngành nghề, giảm số lượng người học dẫn tới sự sụt giảm số lượng sinh viên nhập học gây ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin *"một cửa"* mới được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả. Hệ thống KPIs còn đang trong giai đoạn xây dựng và chưa được triển khai.

Trong đó đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và kém linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số Khoa chuyên còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn thiếu và chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, đào tạo chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và coi người học là đối tượng phục vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng là một yêu cầu quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa thực sự được toàn thể cán bộ viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm và chưa hiệu quả.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như yêu cầu. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu hoạt động tương đối độc lập và chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCN triển khai ở các trung tâm và công ty.

- Số lượng sinh viên sụt giảm và không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, dẫn tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ đang bị thách thức lớn. Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng cho cả thầy và trò hiện nay chưa đáp ứng được với những thay đổi của thực tiễn.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và đang xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

**2. Công tác chính trị tư tưởng**

Đảng ủy, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Nhà trường. Thực hiện Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT ngày 10/8/2018 của Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ năm học 2018- 2019, và Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học, nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học với phương châm *"Mỗi giờ lên lớp là một bước tiến trong giảng dạy, mỗi ngày đến trường có một đổi mới trong công việc"*; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động; phấn đấu thực hiện hiệu quả mục tiêu chiến lược của Nhà trường *"Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao"*.

Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*" và học tập chuyên đề năm 2019*"Xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*, Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức các buổi sinh

hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy đã triển khai phổ biến Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *"Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*"và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về*"Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*"; triển khai Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình mới, Đảng ủy Trường đã lựa chọn, tổ chức sinh hoạt chuyên đề Quý III/2018 về *"Phát triển hợp tác, liên kết doanh nghiệp trong và ngoài nước về việc triển khai nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất"*, chuyên đề Quý IV/2018 về *"Đẩy mạnh công tác truyền thông trong tuyển sinh và đào tạo nâng cao vị thế và thương hiệu của Nhà trường"*, chuyên đề Quý III/2019 về *"Triển khai xây dựng hệ thống KPIs trong đánh giá cán bộ viên chức và đề xuất các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ viên chức và người lao động"* và Hội nghị sinh hoạt chuyên đề Quý IV/2019 về *"Tăng cường công tác tuyển sinh và xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; rà soát, xây dựng Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất"*.

Đảng ủy đã tổ chức các hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng, sinh hoạt chính trị ngoại khóa cho đảng viên toàn Trường, các buổi nói chuyện thời sự cho cán bộ viên chức, sinh viên như Hội nghị học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, lần thứ 8, lần thứ 10 BCH TW Đảng khóa XII và Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư; triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; Hội nghị Sinh hoạt chính trị hè năm 2019 cho toàn thể đảng viên của Đảng bộ.

Đảng ủy đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với cán bộ, viên chức trẻ (dưới 35 tuổi), qua đó các CBVC trẻ đã được trực tiếp lắng nghe, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường về công tác chăm lo, phát triển nguồn lực trẻ; đồng thời, đây cũng là dịp để các cán bộ trẻ bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất, những khó khăn trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như về đời sống. Qua đó, Nhà trường kịp thời có biện pháp điều chỉnh, hỗ trợ nguyện vọng chính đáng của các cán bộ trẻ.

***Nhận xét, đánh giá chung***

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm và coi trọng. Qua các buổi học tập quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và triển khai các cuộc vận động đã giúp cho cán bộ, viên chức và sinh viên hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong các hoạt động của Nhà trường; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, đẩy lùi tiêu cực góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong Nhà trường. Cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nội quy, quy định của Nhà trường và nơi cư trú, tạm trú.

Tuy nhiên, chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn; chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường

**3. Công tác đào tạo**

***3.1. Công tác tuyển sinh năm học 2018 - 2019***

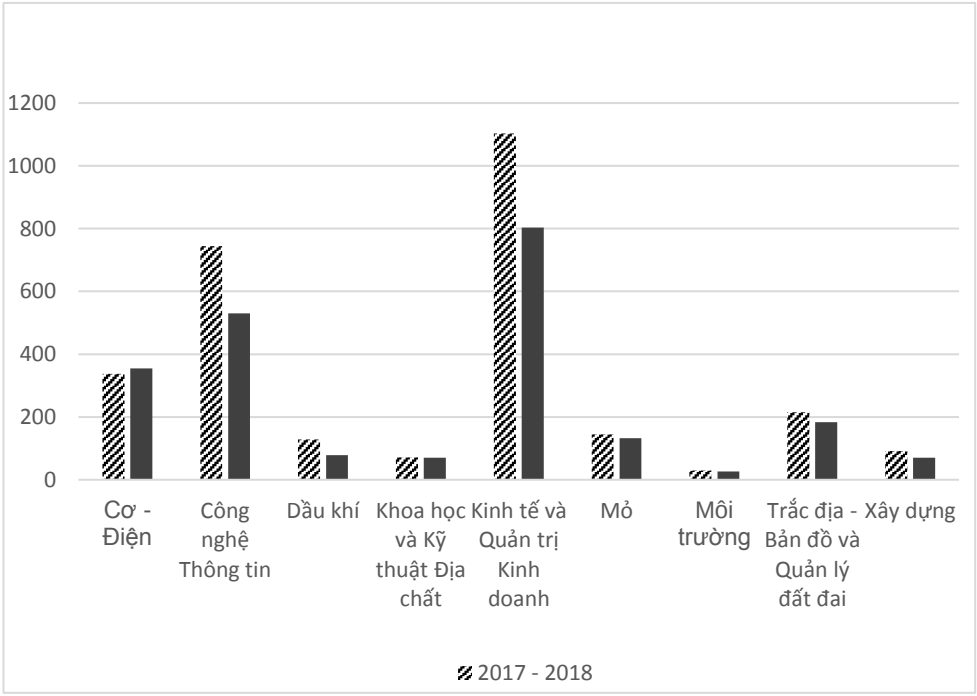
***3.1.1. Đào tạo đại học***

Theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Nhà trường đã tổ chức nghiêm túc, đúng quy định công tác tuyển sinh các hệ: đại học chính quy, đại học bằng 2 đợt 1, liên thông đại học đợt 1, vừa làm vừa học, sau đại học. Kết quả tuyển sinh năm học 2018 - 2019 được thể hiện chi tiết ở Bảng 1.

*Bảng 1. Kết quả tuyển sinh đại học năm học 2018- 2019*

| Khoa | Tổng | ĐHCQ | | | | VLVH | | Sau ĐH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | | VB2 | LT | ĐH | VB2 | Cao học | NCS |
| | | Học bạ | THPT | | | | | | |
| Công nghệ thông tin | 530 (744) | 3 (0) | 508 (741) | 2 (0) | 2 (3) | 0 (0) | 0 (0) | 15 (-) | - (-) |
| Cơ - Điện | 355 (320) | 106 (0) | 182 (274) | 8 (5) | 2 (2) | 11 (14) | 2 (3) | 42 (38) | 2 (1) |
| Dầu khí | 78 (128) | 30 (43) | 32 (59) | 2 (2) | 5 (1) | 0 (0) | 0 (0) | 7 (23) | 2 (0) |
| Khoa học & Kỹ thuật Địa chất | 70 (70) | 10 (0) | 8 (16) | 9 (0) | 0 (0) | 1 (1) | 1 (0) | 39 (52) | 2 (2) |
| Kinh tế & QTKD | 803 (1064) | 67 (0) | 474 (606) | 4 (7) | 1 (60) | 27 (25) | 14 (14) | 214 (390) | 2 (1) |
| Mỏ | 132 (104) | 16 (22) | 23 (31) | 11 (0) | 1 (0) | 40 (32) | 10 (9) | 29 (47) | 2 (4) |
| Môi trường | 26 (29) | 8 (23) | 1 (5) | 0 (1) | 1 (0) | 1 (0) | 0 (0) | 15 (-) | - (-) |
| Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 183 (211) | 21 (50) | 25 (49) | 16 (2) | 2 (6) | 1 (3) | 0 (1) | 118 (101) | 0 (3) |
| Xây dựng | 70 (92) | 9 (62) | 13 (21) | 32 (5) | 10 (0) | 0 (0) | 0 (0) | 5 (4) | 1 (0) |
| ***Tổng*** | **2247 (2864)** | **270 (200)** | **1266 (1802)** | **84 (22)** | **24 (72)** | **81 (75)** | **27 (27)** | **484 (655)** | **11 (11)** |

*Ghi chú: Trong "( )" là kết quả tuyển sinh năm 2017-2018, dấu trừ "-" thể hiện chưa tuyển sinh*




*Hình 1. Biểu đồ kết quả tuyển sinh trong năm học 2017-2018 và 2018 - 2019*

***Đại học chính quy (Văn bằng 1):*** Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp. Kết quả này có nhiều nguyên nhân trong đó: nhu cầu về ngành nghề, sự biến động của xã hội về cơ cấu nền kinh tế, tuyên truyền của Chính phủ.

***Văn bằng 2, liên thông chính quy:*** Từ số liệu tuyển sinh đợt 1 năm 2019 cho thấy có sự sụt giảm mạnh về số lượng ở hệ liên thông so với năm trước. Nguyên nhân có thể đến từ thực tế hiện nay: bằng trung cấp, cao đẳng hiện tại dễ xin việc hơn bằng đại học. Tuy nhiên cũng có điểm tích cực đó là số lượng ở hệ văn bằng 2 tăng gần gấp 4 lần so với năm 2018. Điều này có thể lý giải là do xu hướng làm việc đa ngành ngày càng phổ biến trong xã hội. Vì vậy cần tiếp tục đa dạng hóa loại hình đào tạo như đào tạo theo địa chỉ, theo yêu cầu của doanh nghiệp.

***Vừa làm vừa học:*** Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề…

### *3.1.2. Sau đại học*

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2018 - 2019 (đợt 2 năm 2018 và đợt 1 năm 2019) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 484 học viên cao học và 11 nghiên cứu sinh. So với năm học 2017 - 2018, số lượng tuyển sinh cao học năm 2018 - 2019 giảm mạnh, chủ yếu ở số lượng học viên của ngành Quản lý kinh tế. Số lượng NCS tuyển mới tương đương so với năm học trước.

*Bảng 2. Kết quả tuyển sinh cao học năm 2018, 2019*

| TT | Tên Ngành đào tạo | Đợt 1 năm 2018 | Đợt 2 năm 2018 | Đợt 1 năm 2019 | Đợt 2 năm 2019 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 28 | 51 | 35 | 26 |
| 2 | Bản đồ viễn thám và hệ TTĐL | 7 | 5 | 8 | 0 |
| 3 | Kỹ thuật dầu khí | 8 | | 0 | 6 |
| 4 | Khai thác mỏ | 9 | 14 | 11 | 19 |
| 5 | Kỹ thuật môi trường | | | 15 | 12 |
| 6 | Quản lý đất đai | | | 19 | 8 |
| 7 | Kỹ thuật tuyển khoáng | | 4 | 0 | 3 |
| 8 | Kỹ thuật xây dựng CTN | | 2 | 3 | 9 |
| 9 | Kỹ thuật điện | | 5 | 4 | 8 |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 18 | 3 | 29 | 0 |
| 11 | Địa tin học | | 10 | 5 | 4 |
| 12 | Kỹ thuật hóa học | | | 2 | 4 |
| 13 | Kỹ thuật địa vật lý | | | 5 | 2 |
| 14 | Kỹ thuật địa chất (ĐCTV) | | 5 | 17 | 0 |
| 15 | Kỹ thuật địa chất(ĐCCT) | 4 | | 0 | 5 |
| 16 | Địa chất học | 3 | | | |
| 17 | Kỹ thuật địa chất(ĐCKS&TD) | 10 | 11 | 6 | 9 |
| 18 | Quản lý kinh tế | 205 | 152 | 63 | 102 |
| **Tổng** | | **292** | **262** | **222** | **217** |

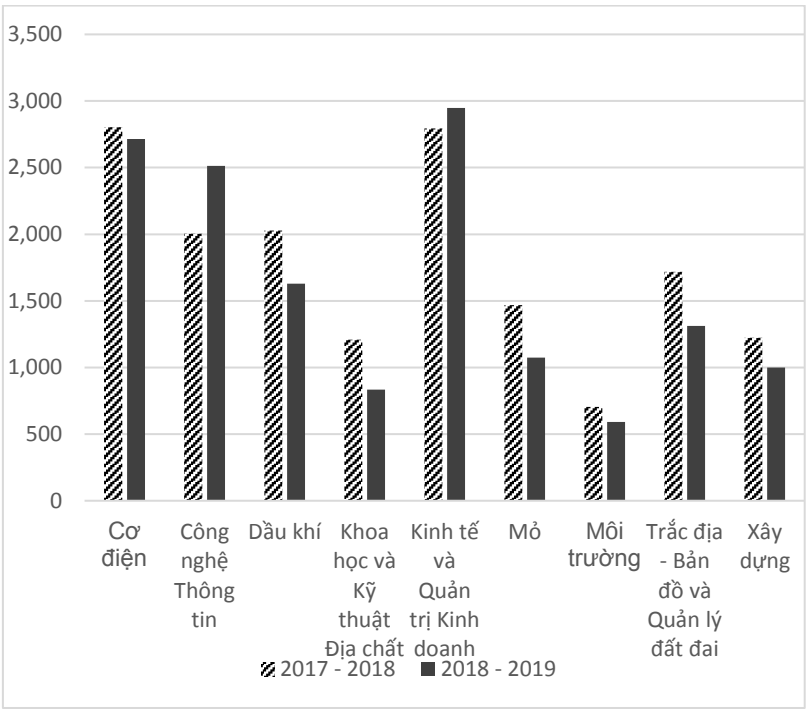
*Bảng 3. Kết quả tuyển sinh NCS năm 2018, 2019*

| TT | Ngành | 2018 | | 2019 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Đợt 1 | Đợt 2 | Đợt 1 | Đợt 2 |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Địa chất học | | | | |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | | | | |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | | 2 | | |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | | | | |
| 6 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | | 1 | |
| 7 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 2 | | | 1 |
| 8 | Khai thác mỏ | 1 | 1 | | 1 |
| 9 | Kỹ thuật điện | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | | | 1 | |
| 11 | Quản lý kinh tế | 1 | 1 | 1 | |
| 12 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | | 1 | | |
| 13 | Kỹ thuật tuyển khoáng | | 1 | | |
| ***Tổng*** | | ***5*** | ***7*** | ***4*** | ***3*** |

### *3.2. Quy mô đào tạo*

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2018 - 2019 là **14.615** người (số lượng ở Vũng Tàu là 491 người), giảm 8,3% so với năm học 2017 - 2018 (**15.948** người).




*Hình 2. Quy mô đào tạo trong năm học 2017- 2018 và 2018 - 2019*

***Hệ chính quy:*** Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **13.570**, giảm 7,8% so với năm học 2017 - 2018 (**14.723** sinh viên**)**, trong đó Đại học: **12.933** (số lượng sinh viên ở Vũng Tàu là 472 SV); Cao đẳng: **274** và Liên thông: **363**.

*Bảng 4. Số lượng sinh viên đại học*

| TT | Khoa | 2017-2018 | 2018-2019 |
|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 1.949 | 2.456 |
| 2 | Cơ - Điện | 2.613 | 2.525 |
| 3 | Dầu khí | 1.952 | 1.592 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 964 | 675 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 1.968 | 2.278 |
| 6 | Mỏ | 1.236 | 930 |
| 7 | Môi trường | 699 | 573 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 1.293 | 985 |
| 9 | Xây dựng | 1.076 | 919 |
| **Tổng** | | **13.750** | **12.933** |

*Bảng 5. Số lượng sinh viên cao đẳng*

| TT | Khoa | 2017-2018 | 2018-2019 |
|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 37 | 30 |
| 2 | Cơ - Điện | 92 | 69 |
| 3 | Dầu khí | 0 | 0 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 27 | 26 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 25 | 26 |
| 6 | Mỏ | 58 | 50 |
| 7 | Môi trường | 4 | 4 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 37 | 41 |
| 9 | Xây dựng | 26 | 28 |
| **Tổng** | | **306** | **274** |

*Bảng 6. Số lượng sinh viên liên thông*

| TT | Khoa | 2017-2018 | 2018-2019 |
|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 18 | 11 |
| 2 | Cơ - Điện | 25 | 31 |
| 3 | Dầu khí | 4 | 4 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 70 | 36 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 194 | 116 |
| 6 | Mỏ | 52 | 29 |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 193 | 93 |
| 9 | Xây dựng | 111 | 43 |
| **Tổng** | | **667** | **363** |

***Hệ vừa làm vừa học:*** Tổng số sinh viên tại các điểm đào tạo trong năm học 2018-2019 là **852** SV. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên quá ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

*Bảng 7. Số lượng sinh viên vừa làm vừa học*

| TT | Địa điểm đào tạo | Tổng | ĐH | VB2 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cẩm Phả *(Kế toán, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh)* | 323 | 35 | 288 |
| 2 | Hà Nội *(Kế toán, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Quản trị kinh doanh)* | 132 | 36 | 96 |
| 3 | Hòn Gai *(Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật xây dựng, Quản trị kinh doanh)* | 120 | 7 | 113 |
| 4 | Phú Yên *(Kế toán, Kỹ thuật dầu khí)* | 3 | 0 | 3 |
| 5 | Tây Ninh *(Kỹ thuật mỏ)* | 17 | 0 | 17 |
| 6 | Thanh Hóa *(Kỹ thuật mỏ)* | 87 | 0 | 87 |
| 7 | Uông Bí *(Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh)* | 150 | 29 | 121 |
| 8 | Vũng Tàu *(Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá)* | 20 | 0 | 20 |
| **Tổng** | | **852** | **107** | **745** |

***Sau đại học:*** Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là 1030, trong đó có 905 học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 125 nghiên cứu sinh của 13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2017 - 2018, quy mô đào tạo sau đại học giảm 15,9% (Năm

học 2017 - 2018, quy mô đào tạo sau đại học là 1225, trong đó số lượng học viên cao học là 1073 và nghiên cứu sinh là 152). Số lượng NCS nhìn chung giảm đều trong 2 năm gần đây. Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật tuyển khoáng, Địa chất học. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng HVCH nhiều như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ, Kỹ thuật cơ khí động lực.

*Bảng 8. Số lượng học viên cao học*

| TT | Khoa | 2017-2018 | 2018-2019 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 0 | 15 | Mới mở 5/2018 |
| 2 | Cơ - Điện | 56 | 69 | |
| 3 | Dầu khí | 60 | 23 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 108 | 63 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 589 | 499 | |
| 6 | Mỏ | 102 | 49 | |
| 7 | Môi trường | 0 | 15 | 2017-2018 chưa mở ngành |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 149 | 164 | |
| 9 | Xây dựng | 9 | 8 | |
| **Tổng** | | **1073** | **905** | |

*Bảng 9. Số lượng nghiên cứu sinh*

| TT | Khoa | 2017-2018 | 2018-2019 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 0 | 0 | Chưa có |
| 2 | Cơ - Điện | 18 | 20 | |
| 3 | Dầu khí | 12 | 11 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 39 | 33 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 17 | 14 | |
| 6 | Mỏ | 20 | 16 | |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | Chưa có |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 45 | 30 | |
| 9 | Xây dựng | 1 | 1 | |
| | **Tổng** | **152** | **125** | |

***3.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp***

Khối lượng giảng dạy thực hiện trong năm học 2018 - 2019 là **270.184** giờ được thực hiện bởi 547 cán bộ. Tổng số giờ vượt của toàn trường là **166.957** giờ (vượt khoảng 62% giờ chuẩn). Tuy nhiên, vẫn còn những cán bộ thiếu giờ.

*Bảng 10. Khối lượng giảng dạy năm học 2018 - 2109*

| TT | Khoa | Số lượng cán bộ thực hiện | Tổng giờ thực hiện của cán bộ | Tổng giờ vượt của cán bộ vượt giờ | Tổng giờ thiếu của cán bộ thiếu giờ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 49 | 22.192 | 12.951 | -523 |
| 2 | Cơ - Điện | 56 | 33.623 | 23.661 | -32 |
| 3 | Dầu khí | 58 | 22.654 | 13.599 | -115 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | 9 | 8.160 | 7.849 | 0 |
| 5 | Khoa học cơ bản | 90 | 37.790 | 18.780 | -995 |
| 6 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 53 | 17.517 | 8.447 | -1.555 |
| 7 | Kinh tế & QTKD | 49 | 46.430 | 36.510 | 0 |
| 8 | Lý luận chính trị | 22 | 12.552 | 8.374 | 0 |
| 9 | Mỏ | 42 | 21.701 | 13.264 | -488 |
| 10 | Môi trường | 27 | 10.481 | 5.115 | -89 |
| 11 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 68 | 27.674 | 13.293 | -794 |
| 12 | Xây dựng | 24 | 9.695 | 5.114 | 0 |
| **Tổng** | | **547** | **270.442** | **166.957** | **-4.590** |

*Bảng 11. Số lượng sinh viên tốt nghiệp*

| TT | Khoa | Đã in bằng tốt nghiệp | | | | | Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | |
| 1 | Công nghệ thông tin | **260** | 0 | 1 | 162 | 97 | 111 |
| 2 | Cơ - Điện | **381** | 0 | 3 | 184 | 194 | 84 |
| 3 | Khoa học & Kỹ thuật Địa chất | **352** | 0 | 11 | 202 | 139 | 126 |
| 4 | Dầu khí | **480** | 5 | 46 | 341 | 88 | 124 |
| 5 | Kinh tế & Quản trị Kinh doanh | **469** | 8 | 64 | 343 | 54 | 97 |
| 6 | Mỏ | **355** | 0 | 20 | 238 | 97 | 102 |
| 7 | Môi trường | **231** | 1 | 33 | 175 | 22 | 35 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | **521** | 8 | 70 | 362 | 81 | 121 |
| 9 | Xây dựng | **294** | 0 | 7 | 162 | 125 | 66 |
| **Tổng cộng** | | **3343** | **22** | **255** | **2169** | **897** | **866** |

*Bảng 12. Kết quả học tập hệ cao đẳng*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 0 | 0 | 1 | 2 | 27 | **30** |
| 2 | Cơ - Điện | 0 | 0 | 2 | 15 | 52 | **69** |
| 3 | Dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 4 | Kinh tế & QTKD | 0 | 0 | 6 | 2 | 18 | **26** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 2 | 0 | 1 | 3 | 20 | **26** |
| 6 | Mỏ | 1 | 0 | 3 | 0 | 46 | **50** |
| 7 | Môi trường | 1 | 0 | 2 | 0 | 1 | **4** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 2 | 0 | 3 | 2 | 34 | **41** |
| 9 | Xây dựng | 0 | 2 | 1 | 0 | 25 | **28** |
| **Tổng** | | **6** | **2** | **19** | **24** | **223** | **274** |

*Bảng 13. Kết quả học tập hệ đại học*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 28 | 105 | 476 | 658 | 1.189 | **2.456** |
| 2 | Cơ - Điện | 30 | 133 | 671 | 636 | 1.055 | **2.525** |
| 3 | Dầu khí | 153 | 239 | 418 | 239 | 543 | **1.592** |
| 4 | Kinh tế & QTKD | 47 | 172 | 669 | 495 | 895 | **2.278** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 51 | 67 | 149 | 109 | 299 | **675** |
| 6 | Mỏ | 94 | 179 | 213 | 101 | 343 | **930** |
| 7 | Môi trường | 135 | 88 | 162 | 60 | 128 | **573** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 169 | 183 | 192 | 112 | 329 | **985** |
| 9 | Xây dựng | 43 | 103 | 210 | 134 | 429 | **919** |
| **Tổng** | | **750** | **1.269** | **3.160** | **2.544** | **5.210** | **12.933** |

*Bảng 14. Kết quả học tập hệ liên thông*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | **11** |
| 2 | Cơ - Điện | 0 | 0 | 0 | 2 | 29 | **31** |
| 3 | Dầu khí | 0 | 0 | 2 | 0 | 2 | **4** |
| 4 | Kinh tế & QTKD | 18 | 8 | 36 | 15 | 39 | **116** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 6 | 3 | 3 | 0 | 24 | **36** |
| 6 | Mỏ | 2 | 6 | 2 | 2 | 17 | **29** |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 35 | 3 | 9 | 5 | 41 | **93** |
| 9 | Xây dựng | 0 | 1 | 4 | 1 | 37 | **43** |
| | **Tổng** | **62** | **22** | **58** | **28** | **193** | **363** |

***Đào tạo đại học:*** Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là 4209, trong đó chỉ có 3343 sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại 866 sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục thể chất, Quốc phòng.

***Đào tạo sau đại học:*** Với quy mô đào tạo 905 học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 125 nghiên cứu sinh của 13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo từng năm học.

Các bộ môn, các khoa và các giảng viên đã khắc phục khó khăn về thời gian, điều kiện đi lại, ăn ở trong quá trình giảng dạy và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học viên và NCS có thời gian để học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn, luận án. Các học kỳ được tổ chức theo lịch ổn định đã tạo sự chủ động trong kế hoạch cho cán bộ giảng dạy và học viên.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ và trao bằng cho 623 HVCH và tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường và trao bằng cho 22 NCS đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS

và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

Khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2018 - 2019 là **25.230** giờ chuẩn, tăng so với năm học trước do có các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ được mở mới và đã được tuyển sinh (năm học 2017 - 2018 là 24.490 giờ). Số lượng HVCH và NCS tốt nghiệp của từng ngành trong 2 năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019 được thể hiện trong Bảng 15 và Bảng 16.

*Bảng 15. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019*

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2017 - 2018 | 2018 - 2019 |
| **Tổng số** | | **558** | **623** |
| ***Khoa KH & KT Địa chất*** | | ***65*** | ***81*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 61 | 80 |
| 2 | Địa chất học | 4 | 1 |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 0 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***41*** | ***42*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 34 | 25 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 5 | 3 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | 2 | 14 |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***31*** | ***27*** |
| 7 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 9 | 3 |
| 8 | Kỹ thuật điện | 19 | 23 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 3 | 1 |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí | Mới mở | Mới mở |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***77*** | ***109*** |
| 11 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 56 | 80 |
| 12 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 21 | 29 |
| 13 | Quản lý đất đai | - | Mới mở |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***93*** | ***85*** |
| 14 | Khai thác mỏ | 81 | 78 |
| 15 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 12 | 7 |
| ***Khoa Môi trường*** | | - | - |
| 16 | Kỹ thuật môi trường | - | Mới mở |
| ***Khoa Công nghệ thông tin*** | | - | - |
| 17 | Địa tin học | Mới mở | Mới mở |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***26*** | ***5*** |
| 18 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 26 | 5 |
| ***Khoa Kinh tế & QTKD*** | | ***225*** | ***274*** |
| 19 | Quản lý kinh tế | 225 | 274 |

*Bảng16. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019*

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2017 - 2018 | 2018 - 2019 |
| **Tổng số** | | **14** | **22** |
| ***Khoa KH và KT Địa chất*** | | ***2*** | ***4*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 2 | 2 |
| 2 | Địa chất học | 0 | 2 |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 0 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***2*** | ***2*** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 0 | 1 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 2 | 1 |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***3*** | ***10*** |
| 6 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 3 | 10 |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***3*** | ***3*** |
| 7 | Khai thác mỏ | 3 | 3 |
| 8 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 0 | 0 |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***1*** | ***0*** |
| 9 | Kỹ thuật điện | 0 | 0 |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 0 | 0 |
| 11 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 1 | 0 |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***0*** | ***1*** |
| 12 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 0 | 1 |
| ***Khoa Kinh tế và QTKD*** | | ***3*** | ***2*** |
| 13 | Quản lý kinh tế | 3 | 2 |

***Những tồn tại, hạn chế:***

- Việc đổi mới phương pháp giảng dạy còn phụ thuộc nhiều yếu tố như do thói quen của người học và người dạy còn thiếu sự sáng tạo, cần có điều kiện để tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

- Một số giảng viên dạy không theo đúng lịch học tập được phân công, tình hình giáo viên dạy dồn giờ và thậm chí rút bớt số giờ dạy theo quy định vẫn còn.

- Tình trạng nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập và nghiên cứu không đúng tiến độ, chậm tốt nghiệp có chiều hướng tăng lên.

***3.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2017 - 2018***

Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học 514 sinh viên, 41 HVCH và 12 NCS. Số lượng HVCH bị xử lý học tập giảm và NCS bị xử lý học tập tăng so với năm học 2017 - 2018 (buộc thôi học 43 HVCH và 7 NCS).

*Bảng 17. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học*

| TT | Khoa | SV học đúng tiến độ | SV buộc thôi học |
|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 2.459 | 38 |
| 2 | Cơ - Điện | 2.481 | 144 |
| 3 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 667 | 70 |
| 4 | Dầu khí | 1.575 | 21 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 2.338 | 82 |
| 6 | Mỏ | 972 | 37 |
| 7 | Môi trường | 562 | 15 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 1.058 | 61 |
| 9 | Xây dựng | 944 | 46 |
| **Tổng** | | **13.056** | **514** |

***3.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo***

Nhà trường đã nghiên cứu, triển khai hình thức liên kết đào tạo đại học với các trường cao đẳng, cao đẳng nghề, đồng thời phát triển mô hình đào tạo các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp:

- Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với một số đơn vị trong nước nhằm thực hiện các liên kết toàn diện về đào tạo và NCKH với mục tiêu hội nhập và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực

của xã hội.

- Tuy nhiên mô hình đào tạo theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp chưa được phát huy đúng với tiềm năng sẵn có của Nhà trường.

*Bảng 18. Danh sách trường tham gia ký kết thỏa thuận*

| TT | Tên trường |
|---|---|
| 1 | Trường Đại học Xây dựng |
| 2 | Trường Đại học Thủy lợi |
| 3 | Trường Đại học Giao thông vận tải |
| 4 | Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai |

***3.5.1. Xây dựng và phát triển phương thức đào tạo từ xa***

Nhà trường đã thực hiện những bước đầu trong việc triển khai đào tạo theo hình thức E-Learning như: lập danh sách các học phần và nhóm giảng viên xây dựng bài giảng và giảng dạy tương ứng theo E-Learning; phối hợp với Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc triển khai giảng dạy trực tuyến cho các lớp Cao học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Trong giai đoạn tới nhà trường sẽ phát triển hệ thống phần mềm đào tạo E-Learning, hoàn thiện studio, xây dựng chương trình tập huấn và triển khai xây dựng bài giảng E-Learning theo kế hoạch.

***3.5.2. Quản lý đào tạo***

Công tác quản lý đào tạo được chú trọng từ việc xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng khóa, từng kỳ, cũng như việc lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy, học tập tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến quản lý đào tạo được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung như Quy định thu học phí đối với sinh viên tốt nghiệp chậm; Quy định về điểm đạt chứng chỉ Giáo dục thể chất; Thông tin quy đổi tương đương học phần Giáo dục thể chất.

Nhà trường tiếp tục xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập. Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát khối lượng, điều chỉnh toàn bộ các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ để phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, nhu cầu xã hội và đáp ứng với quy định về nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Mở thêm 01 ngành đào tạo đại học chính quy, 03 chuyên ngành và 02 ngành đào tạo sau đại học (Bảng 20). Cả 2 ngành Kỹ thuật môi trường và Quản lý đất đai đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội và đều tuyển được học viên trong cả 2 đợt tuyển sinh của năm học 2018 - 2019, đồng thời nâng tổng số ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường lên 19 ngành đào tạo và đã đảm bảo tất cả các khoa chuyên môn của Nhà trường đều có đào tạo sau đại học.

- Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung chương trình đào tạo gắn kết với thực tế đáp ứng sự phát triển kinh tế và xã hội trên tinh thần của Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đảm bảo chất lượng.

- Rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo (CTĐT) 4 năm theo định hướng CDIO.

- Cử giảng viên tham lớp học về CDIO do các chuyên gia Singapore giảng dạy. 05 giảng viên của nhà trường đã được chọn đi thực tế trong một tuần về CDIO ở Singapore.

- Tiến hành chỉnh sửa, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và ban hành Quy trình tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sĩ và cùng với Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành đầu năm 2018 là cơ sở quan trọng cho công tác tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học đạt

hiệu quả và chất lượng hơn. Các khoa và bộ môn chuyên môn đã triển khai thực hiện tốt theo các quy định của Quy chế. Học viên cao học và NCS đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện Quy chế và quy định của Nhà trường.

- Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Việc tổ chức giảng dạy, học tập của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

*Bảng 19. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo mở mới năm học 2018 - 2019*

| STT | Tên ngành, chuyên ngành | Hình thức đào tạo |
|---|---|---|
| 1 | Địa tin học | Đại học chính quy |
| 2 | Trắc địa - bản đồ | Đại học chính quy (chuyên ngành) |
| 3 | Hệ thống thông tin | |
| 4 | Công nghệ thông tin địa học | |
| 5 | Kỹ thuật xây dựng | Đang chờ phê duyệt |
| 6 | Kỹ thuật môi trường | Cao học |
| 7 | Quản lý đất đai | Cao học |

***Những tồn tại, hạn chế:***

- Việc xin ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định, văn bản còn chậm, nhiều đơn vị không gửi ý kiến, làm cho việc sửa đổi không hiệu quả, chưa đáp ứng được những vấn đề thực tiễn.
- Hoạt động của đội ngũ GVCN, CVHT đạt hiệu quả chưa cao.
- Tính chủ động trong quản lý đào tạo tại các Khoa chưa đạt hiệu quả mong đợi.
- Công tác nhập điểm của một số giảng viên còn quá hạn gây khó khăn trong xét học bổng và xử lý học tập.
- Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về việc nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của sinh viên, học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.
- Do các lớp cao học học buổi tối cho nên công tác thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy và học tập của các lớp cao học tiến hành chưa thường xuyên. Công tác quản lý NCS tuy đã có những chuyển biến nhưng chưa thực sự chặt chẽ, việc báo cáo định kỳ kết quả học tập và nghiên cứu của NCS thực hiện chưa thật nghiêm túc ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đào tạo tiến sĩ của Nhà trường.
- Công tác đào tạo và bồi dưỡng cấp chứng chỉ đào tạo sau đại học vẫn được triển khai thực hiện thường xuyên theo nhu cầu của các tổ chức kinh tế nhưng số lượng lớp giảm nhiều so với những năm trước đây do nhu cầu của xã hội và những bất cập về chính sách của Nhà nước.
- Việc mở mới các ngành đào tạo cả ở trình độ tiến sĩ và thạc sĩ còn chậm trễ. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ, cũng như tư duy để mở ra các hướng nghiên cứu, các ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế phát triển của khu vực và thế giới như năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ mới, môi trường và biến đổi khí hậu… ở các bộ môn, khoa chuyên môn còn nhiều hạn chế.
- Việc triển khai xây dựng phần mềm để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo sau đại học còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

***3.6. Xuất bản giáo trình, bài giảng***

- Đã xuất bản 01 giáo trình sau đại học cấp NXB.
- Đã xuất bản 05 giáo trình đại học cấp NXB.
- Đã rà soát, phản biện, biên tập, in ấn Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất 6 số một năm (gồm 4 số tiếng việt và 2 số tiếng Anh).

*Bảng 20. Thống kê công tác xuất bản giáo trình đại học năm học 2018 - 2019*

| TT | Khoa | Tên giáo trình/ sách | Loại giáo trình | Tác giả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lý luận chính trị | Pháp luật đại cương | Cấp NXB | Nguyễn Bình Yên |
| 2 | Lý luận chính trị | Kỹ năng giao tiếp | Cấp NXB | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 3 | Cơ - Điện | Máy nâng - Máy xếp dỡ | Cấp NXB | Nguyễn Văn Xô |
| 4 | Khoa học cơ bản | Cơ sở khoa học vật liệu | Cấp NXB | Vũ Bá Dũng |
| 5 | Khoa học & Kỹ thuật Địa chất | Phương pháp xử lý thông tin địa chất | Cấp NXB | Lương Quang Khang |
| 6 | Môi trường | Xử lý nước thải Wetland | Cấp NXB | Nguyễn Hoàng Nam |

***Những tồn tại, hạn chế***

So với năm học 2017 - 2018, số lượng giáo trình tăng không đang kể (giáo trình đại học tăng 1 giáo trình, sau đại học tăng 1 giáo trình)

***3.7. Công tác tư vấn tuyển sinh***

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược tư vấn tuyển sinh trên cơ sở kết hợp nhiều hình thức truyền thông: Tư vấn tuyển sinh trực tiếp, qua các chương trình hợp tác liên kết với các trường THPT, truyền thông cho tư vấn tuyển sinh qua mạng xã hội, qua các phương tiện thông tin đại chúng, tư vấn tuyển sinh qua các ấn phẩm truyền thông, gọi điện thoại trực tiếp…

Bộ phận Tư vấn tuyển sinh đã tham gia 05 chương trình Ngày hội Tư vấn tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Trường Đại học Hàng hải; Tham gia các chương trình do Tỉnh đoàn Bắc Ninh, Thanh Hóa, Thành đoàn Hà Nội; Đã thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 85 Trường THPT trên địa bàn các tỉnh Hà Nam, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Nghệ An, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc. Đã thực hiện 04 chương trình trao học bổng tài trợ cho các học sinh nghèo, vượt khó, học bổng khuyến khích học tập cho học sinh các trường THPT Tam Dương (Vĩnh Phúc), THPT Lê Hồng Phong và THPT Phổ Yên (Thái Nguyên) và THPT Bỉm Sơn (Thanh Hóa).

Đã thực hiện các chương trình truyền thông cho tư vấn tuyển sinh trên mạng xã hội như facebook, google, youtube qua những bài viết, những clip ngắn thu hút được hàng ngàn lượt like và comment của các thí sinh quan tâm, cùng với đó là hàng ngàn tin nhắn tương tác qua mạng xã hội.

Nhà trường đã phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam (VTV3), Đài Truyền hình Hà Nội, Báo Giáo dục & Thời đại, Báo Dân trí, Báo Tuổi trẻ, Tạp chí Việt Nam Hội nhập để thực hiện các clip giới thiệu về ngành nghề, phương thức tuyển sinh của Nhà trường, đưa các tin, bài về hoạt động của Nhà trường đến với công chúng.

Trong năm 2019, phòng Quan hệ Công chúng và Doanh nghiệp đã phát 31.000 tờ thông tin tới tận tay thí sinh qua các hình thức phát trực tiếp tại trường (khi đến tuyển sinh tại địa bàn), tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, gửi kèm với giấy báo kết quả trúng tuyển (đối với Sở GD&ĐT Hà Nam, và một số trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang); Đã thực hiện treo 101 banner, bandrol thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại 101 điểm trường (trong đó truyền thông tại địa bàn Trường làm công tác coi thi ở Bắc Giang là 16 điểm trường và các trường THPT khác là 85 Điểm)

Đã gọi điện trực tiếp cho 3.038 thí sinh trúng tuyển vào trường (trong đó gọi trúng tuyển theo học bạ là 995 em, gọi trúng tuyển theo kỳ thi THPT QG là 2043 em).

***Hạn chế và nguyên nhân***

Tất cả những phương án tiếp cận đối với công chúng đã được thử nghiệm và mang lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả của công tác tư vấn tuyển sinh chưa cao. Theo đánh giá thì nguyên nhân chính là do nhiều ngành nghề đào tạo truyền thống của nhà trường có sự cạnh tranh mạnh mẽ với các trường đại học lớn, hơn thế nữa nhu cầu của thị trường về những ngành

này ngày càng giảm mạnh. Trong khi đó những ngành mới như công nghệ thông tin, cơ điện đang thu hút sự quan tâm của công chúng.

Nguồn lực dành cho TVTS còn hạn chế, đội ngũ tư vấn viên còn mỏng về số lượng nên công tác *"chăm sóc khách hàng*" khi có kết quả tuyển sinh chưa đạt hiệu quả cao.

**4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục**

***4.1. Công tác khảo thí***

Trong năm học 2018 - 2019, công tác khảo thí được thực hiện theo đúng lộ trình đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Nhà trường đã triển khai công tác khảo thí đối với tất cả các học phần giảng dạy thuộc hệ vừa làm vừa học và bậc sau đại học.

***Đối với hệ chính quy,*** đã tổ chức khảo thí kết thúc học phần lần 1 đối với 403 học phần (106.990 lượt thi) trên tổng số 764 học phần đã đăng ký khảo thí. Trong cả năm học, Nhà trường có tổ chức thi lần 1 đối 857 môn học (140.754 lượt thi). Như vậy về số học phần khảo thí chỉ chiếm 47%, trong khi đó số bài thi lần 1 của các học phần khảo thí chiếm tới 76%. Cụ thể, tỷ lệ số học phần được tổ chức khảo thí trong các học kỳ như sau: HK1: 48% (286/595); HK2: 56,3% (281/499); HK3: 78,7% (100/127).

Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được thay hình thức khảo thí theo yêu cầu của các bộ môn để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi. Thống kê phân bố kết quả chấm thi lần một năm 2019 cho thấy cần có sự điều chỉnh, đổi mới kịp thời trong công tác ra đề thi.

Công tác chấm thi cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: làm phách trong 2 ngày sau buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Phần lớn giảng viên tham gia nhiệm vụ khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, chấm thi. Công tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Tỷ lệ các bài phúc khảo trong khoảng 0.2 - 0.3%; trong đó tỷ lệ bài thi có thay đổi điểm sau khi phúc khảo trong khoảng 0.07 - 0.1%. Thời gian nhận đơn và chấm phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được xác định và đưa lên hệ thống chung của toàn trường. Tuy nhiên, do thời gian chấm thi khác nhau nên khoảng thời gian xử lý các bài phúc khảo còn kéo dài dẫn đến việc hoàn thành phúc khảo còn chậm.

Các đợt thi tại các địa điểm xa trường được tổ chức theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ xét thực tập, xét đồ án tốt nghiệp cũng như xét học bổng cho các lớp sinh viên.

***Đối với hệ VHVL,*** công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy trình khảo thí hệ chính quy, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VHVL, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi cuối học phần được giảng viên gửi kèm đề thi, đáp án và bài thi để thông báo điểm và phục vụ công tác lưu giữ theo quy định.

***Đối với bậc sau đại học,*** công tác khảo thí được thực hiện đối với tất cả các ngành đào tạo và tại các địa điểm liên kết. Công tác tổ chức thi được thực hiện tại các địa điểm liên kết đào tạo do Phòng ĐBCLGD kết hợp cùng Phòng ĐTSĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Tháng 6/2019 Nhà trường đã triển khai Quy trình tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sỹ. Việc chấm thi được thực hiện tập trung, có sự phối hợp với các bộ môn và giảng viên nhằm đảm bảo đúng thời hạn trả điểm thi bậc cao học. Việc lên điểm và báo điểm được thực hiện dưới sự phối hợp của các đơn vị chức năng, chú trọng đến tính chính xác và quyền lợi của học viên.

***Nhận xét, đánh giá chung***

- Công tác khảo thí đã tạo động lực để các kỳ học được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy giúp cho các khóa học có điểm thi kết thúc học phần đúng thời hạn, thuận lợi cho công tác xử lý kết quả học tập hàng kỳ, xét khen thưởng, xét học bổng, xét tốt nghiệp cho sinh viên cũng như xét điều kiện bảo vệ và đánh giá tốt nghiệp của học viên cao học.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh Quy trình khảo thí, quy trình chấm và nhập điểm thi, quản lý đề thi đáp án.

***4.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học***

***4.2.1. Kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học***

Để giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định, Nhà trường đã yêu cầu Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học năm học 2018 - 2019.

Trong năm học 2018 - 2019, Trung tâm đã tổ chức 12 đợt kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra tin học (trong đó có các đợt kiểm tra tại các điểm xa trường như Quảng Ngãi, Phú Yên, Vũng Tàu) cho 7.437 lượt sinh viên trong đó tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 3.218 sinh viên, số sinh viên đạt là 2.152 sinh viên, chiếm tỷ lệ 66,87%, tổng số sinh viên dự thi tin học là 4.219 sinh viên, số sinh viên đạt là 3.109 sinh viên, chiếm tỷ lệ 73,69%. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở Bảng 21.

*Bảng 21. Thống kê kết quả kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học năm học 2018 - 2019*

| Đợt kiểm tra | Ngoại ngữ | | | Tin học | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | Địa điểm |
| 1 | 71 | 69 | 97.18% | 59 | 56 | 94.92% | Quảng Ngãi |
| 2 | 297 | 212 | 71.38% | 494 | 367 | 74.29% | Hà Nội |
| 3 | 18 | 18 | 100.00% | 18 | 18 | 100.00% | Phú Yên |
| 4 | 207 | 126 | 60.87% | 366 | 291 | 79.51% | Hà Nội |
| 5 | 440 | 268 | 60.91% | 580 | 462 | 79.66% | Hà Nội |
| 6 | 87 | 87 | 100.00% | 79 | 77 | 97.47% | Quảng Ngãi |
| 7 | 519 | 343 | 66.09% | 733 | 553 | 75.44% | Hà Nội |
| 8 | 141 | 110 | 78.01% | 173 | 158 | 91.33% | Vũng Tàu |
| 9 | 73 | 40 | 54.79% | 112 | 73 | 65.18% | Hà Nội |
| 10 | 331 | 181 | 54.68% | 526 | 326 | 61.98% | Hà Nội |
| 11 | 512 | 339 | 66.21% | 577 | 376 | 65.16% | Hà Nội |
| 12 | 522 | 359 | 68.77% | 502 | 352 | 70.12% | Hà Nội |
| **Cộng** | **3218** | **2152** | **66.87%** | **4,219** | **3,109** | **73.69%** | |

Việc đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin cùng với các trang thiết bị hiện đại đã giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Nhờ đó tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra đã tăng lên.

***Những tồn tại, hạn chế***

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sỹ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp chưa cao.

***4.2.2. Công tác cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học***

Để đảm bảo sự nghiêm túc và tính công bằng của các kỳ thi, Nhà trường cũng đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn ngừa gian lận trong kiểm tra Chuẩn đầu ra như: giám sát toàn bộ quá trình thi qua camera, nhận diện thí sinh bằng ảnh hiển thị trên màn hình thi... Đặc biệt trong tháng 9/2019, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đã sử dụng máy dò phát hiện thiết bị công nghệ cao gian lận trong

thi cử như tai nghe hạt đậu, nam châm, điện thoại giả dạng ATM, … góp phần tạo ra kỳ thi nghiêm túc, phản ánh đúng thực tế trình độ của sinh viên.

***4.2.3. Công tác bồi dưỡng ngoại khóa ngoại ngữ, tin học***

Một trong những chức năng và nhiệm vụ trọng tâm của Trung tâm là bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho sinh viên Nhà trường để đạt chuẩn đầu ra theo quy định. Trên cơ sở các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học đã có, Trung tâm tiếp tục xây dựng, đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin cùng với các trang thiết bị hiện đại xây dựng hệ thống hỗ trợ, các mô hình giáo dục điện tử, các lớp học thông minh để triển khai hoạt động dạy và học tin học, ngoại ngữ trực tuyến kết hợp trực tiếp đảm bảo chất lượng và phù hợp với nhiều đối tượng người học tại Hà Nội và các điểm liên kết xa trường như Quảng Ngãi, Phú Yên, Vũng Tàu đáp ứng mục tiêu đào tạo chung.

Về ngoại ngữ, các chương trình bồi dưỡng tại Trung tâm chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng của người học, đặc biệt là các kỹ năng mà sinh viên còn yếu như nghe, nói. Bên cạnh đó, Trung tâm còn mở một số lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cơ bản nhằm tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên học và thực hành ngôn ngữ. Đến nay, Trung tâm đã tổ chức được 9 lớp bồi dưỡng ngoại ngữ với 209 sinh viên tham gia trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 209 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Trung tâm cũng phối hợp với Trường Franklin (Mỹ) để tổ chức 03 lớp bồi dưỡng tiếng Anh miễn phí (trình độ A2 và A1) cho sinh viên và 01 lớp trình độ A2 dành cho cán bộ giảng viên trong trường, với tổng số 93 học viên. Bên cạnh đó, Trung tâm đã triển khai để sử dụng nhiều giáo trình nước ngoài kết hợp các tài liệu của giáo viên để giảng dạy, về cơ bản đã tạo dựng được môi trường học tập đáp ứng yêu cầu cho những sinh viên thực sự yêu thích ngoại ngữ và có nhu cầu.

Đối với môn tin học, Trung tâm đã tổ chức được 15 lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin cơ bản với 330 lượt sinh viên tham gia, trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 330 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Về cơ bản, các bài giảng là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành với tài liệu, giáo trình giảng dạy của Khoa Công nghệ thông tin giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học.

***Những tồn tại, hạn chế***

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo do Trung tâm tổ chức vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sĩ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao. Chưa mời được được những giảng viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy các lớp học ngoại khóa.

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng về việc phải ôn luyện để nắm chắc kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng Chuẩn đầu ra.

Sinh viên có tâm lý thi trượt thì thi lại do lệ phí thi tương đối thấp so với học phí một lần tham gia lớp học ôn (lệ phí dự thi là 120.000 nghìn, học phí lớp ôn tin học là 500.000 nghìn, ngoại ngữ là 600.000 nghìn). Hơn nữa, sinh viên có thể dễ dàng thi lại vì các đợt thi được tổ chức liên tục, như trong năm học 2018 – 2019 Trung tâm đã tổ chức 12 đợt kiểm tra đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.

Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp đòi hỏi người học phải có khả năng làm việc độc lập, có ý thức tự giác cao độ và phải biết lập kế hoạch phù hợp với bản thân, tự định hướng trong học tập để thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

Chi phí hiện nay Nhà trường chi trả cho giáo viên dạy ngoài giờ thấp hơn so với mặt bằng chung, do đó khó có thể mời được các giáo viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy tại Trung tâm.

***4.3. Công tác đảm bảo chất lượng***

Trong năm qua, kế hoạch đảm bảo chất lượng đã được xây dựng và thực hiện: khảo sát về chất lượng giảng dạy của giảng viên và môn học, lấy ý kiến/thông tin về sinh viên tốt nghiệp, ý kiến của nhà sử dụng lao động về nội dung, chương trình đào tạo; triển khai công tác cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động trong Nhà Trường sau đánh giá ngoài; Nhà trường trở thành thành viên tổ chức kiểm định chất lượng của Hiệp hội các trường đại học Châu Á - AUN QA.

Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019.

Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 04 CTĐT cho 03 khoa: khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất, khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh và khoa Cơ -Điện; đã triển khai tốt các công tác phục vụ đánh giá ngoài, kiểm định 04 CTĐT, góp phần vào thành công trong công tác kiểm định chất lượng 04 CTĐT. Kết quả cả 04 CTĐT đều có số tiêu chí đạt từ 86 - 90%, kết quả này đã được Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục thông qua vào tháng 9/2019.

Phòng ĐBCL cũng đã kết hợp cùng các Khoa Mỏ, khoa Trắc Địa Bản đồ và Quản lý đất đại, khoa Dầu Khí, khoa Môi trường, khoa Xây dựng, khoa CNTT bước đầu triển khai công tác tự đánh giá 07 chương trình đào tạo.

Hiện nay Phòng ĐBCL đang triển khai xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2019 - 2020: Kế hoạch cải tiến chất lượng cho 04 CTĐT sau đánh giá ngoài; Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với 07 CTĐT trong năm học 2019 - 2020; Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong.

***Nhận xét, đánh giá chung***

- Công tác đảm bảo chất lượng đã và đang được đẩy mạnh trong năm học vừa qua với nhiều kết quả đáng khích lệ. Cần được đẩy mạnh trong năm học tới.

- Công tác đảm bảo chất lượng cần được quan tâm, triển khai một cách hệ thống và chuyên nghiệp, phục vụ tốt hơn việc kiểm định CTĐT và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong Trường.

- Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án tiếp tục được tổ chức thực hiện đối với các học phần khảo thí hệ đào tạo chính quy, theo các hình thức thi khác nhau: trắc nghiệm, tự luận, kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Nhà trường tiếp tục sử dụng phần mềm iQBLion để quản lý cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án.

- Hiện nay, Nhà trường đã có CSDL NHCH của 285 học phần chiếm 37,3% tổng số các học đang phần đã đăng ký khảo thí. Một số học phần mới của CTĐT 4 năm sẽ được triển khai giảng dạy vào năm học này và năm học tới nên các Bộ môn cần chủ động bổ sung CSDL NHCH cho các học phần mới. Bên cạnh đó, bản thân ngân hàng câu hỏi đề thi - đáp án các học phần đã có nhưng số lượng còn khiêm tốn, lại được sử dụng lặp đi lặp lại qua nhiều đợt thi trong thời gian qua cần được bổ sung, cập nhật kịp thời.

- Công tác khảo thí thời gian qua cho thấy Nhà trường cần đầu tư, phát triển một phần mềm tạo phách mã vạch, nhập điểm và ghép điểm thi kết thúc học phần để làm tăng hiệu quả của hoạt động chấm thi và báo điểm. Sau gần 3 năm thực hiện, đến nay điểm thi được ghép và cập nhật trên hệ thống Edusoft ngay sau khi chấm xong, đã cải thiện thời gian báo điểm, tạo điều kiện cho các công việc chung của Nhà trường và cho việc lập các kế hoạch tiếp theo của sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm cuối. Dựa vào tính năng của phần mềm đang sử dụng hiện nay, đã có sự thử nghiệm cải tiến như tăng từ mã phách 4 số sang mã phách 5 số (có thể mở rộng đến 13 số), nhằm thuận lợi hơn trong việc xử lý, quản trị điểm khảo thí các hệ, bậc đào tạo được tốt hơn.

***Nguyên nhân của những hạn chế***

- Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả, bền vững trong công tác tư vấn tuyển sinh đại học và sau đại học.

- Sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng trong công tác quản lý đào tạo, quản lý người học, các khoa và bộ môn quản lý chuyên môn còn lỏng lẻo, chưa đồng bộ; Nhà trường còn thiếu một số quy trình quản lý sự phối hợp trên.

- Chưa xây dựng được quy trình quản lý sinh viên linh hoạt, hiệu quả đối với sinh viên đại học của Nhà trường.

- Các khoa chuyên môn và các bộ môn còn gặp nhiều khó khăn trong việc mở mới các CTĐT, đặc biệt các CTĐT chất lượng cao ở bậc đại học và sau đại học.

- Chưa quyết liệt trong việc nâng cao chất lượng học tiếng Anh trong trường nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên.

- Chưa quyết liệt trong việc triển khai hình thức đào tạo E-learning trong Nhà trường.

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo, khảo thí, kiểm định CTĐT còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Chưa xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường; việc triển khai tự đánh giá 7 CTĐT, cải tiến sau kiểm định trường và 4 CTĐT còn chậm;

- Chưa xây dựng quy trình quản lý đào tạo phục vụ công tác kiểm định theo tiêu chuẩn AUN- QA đối với Chương trình Tiên tiến của Nhà trường.

- Chưa có kế hoạc tổng thể về công tác giáo trình, bài giảng trong toàn trường;

- Một số phòng ban chưa thực sự tham mưu và triển khai có hiệu quả các công việc có liên quan.

- Một số quy định và quy chế nội bộ của Nhà trường chưa khuyến khích động viên được cán bộ giảng viên trong công tác.

**5. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên**

***5.1. Công tác sinh viên***

- Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường về công tác quản lý sinh viên.

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã tổ chức Tuần công dân - sinh viên với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng Công tác chính trị - Sinh viên và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

Trong đợt học tập chính trị đầu khoá, đầu năm học có kiểm tra, đánh giá, viết thu hoạch của từng sinh viên. Kết quả bài thu hoạch có 01 sinh viên đạt loại xuất sắc, 124 sinh viên đạt loại giỏi, 2.263 sinh viên đạt loại khá, 3.739 sinh viên đạt loại trung bình khá, 4.157 sinh viên đạt loại trung bình, 317 sinh viên đạt loại yếu, kém.

- Để động viên, khuyến khích tinh thần học tập cho các em sinh viên, hàng năm Nhà trường đều tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng cho sinh viên có thành tích tốt trong học tập. Năm học 2018 - 2019, đã trao học bổng khuyến khích học tập cho 1.239 sinh viên đại học, cao đẳng (HKI: 668 sinh viên, HKII: 571 sinh viên) với tổng số tiền 6,6 tỷ đồng; khen thưởng cho 70 sinh viên Xuất sắc (Kỳ I: 38 SV, Kỳ II: 32 SV), 845 sinh viên Giỏi (HKI: 429 SV, HKII: 425 SV) với tổng số tiền 99,4 triệu đồng. Ngoài ra, Nhà trường còn nhận nhiều học bổng tài trợ của các Tập đoàn, Công ty, các tổ chức trong và ngoài nước như: học bổng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV (50 triệu đồng), học bổng Kova (40 triệu đồng), học bổng SPE (28 triệu đồng và 7 khóa học tiếng Anh), học bổng của PGS.TS Nguyễn Quang Thắng (30 triệu đồng), học bổng của Cựu sinh viên K32 (50 triệu đồng), học bổng của Cựu sinh viên Khoan khai thác K39 (30 triệu

đồng),… Năm học 2018 - 2019, đã có 74 suất học bổng tài trợ được trao cho sinh viên với số tiền 233 triệu đồng.

- Để tạo điều kiện cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, phấn đấu đạt được ước mơ của mình, trong năm học 2018 - 2019 Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện việc xét miễn giảm học phí học kỳ I cho 215 sinh viên, học kỳ II cho 209 sinh viên theo quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP với tổng kinh phí là 2 tỷ đồng.

- Nhà trường lập kế hoạch hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao năm học theo từng tháng, từng quý phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường. Tổ chức nhiều hoạt động thu hút được sự tham gia của đông đảo sinh viên như: giải bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng rổ, Hội diễn văn nghệ, Hội khoẻ 26/3, Ngày hội Sách; tạo điều kiện cho các câu lạc bộ sinh viên tổ chức các buổi sinh hoạt, các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo không khí phấn khởi, vui tươi, lành mạnh trong sinh hoạt, học tập của cán bộ viên chức và sinh viên.

- Tổ chức các buổi nói chuyện, tư vấn tâm lý cho sinh viên; qua đó nắm bắt tâm lý sinh viên, tư vấn giúp sinh viên vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, học tập; giúp sinh viên có lối sống, thái độ học tập tốt hơn, phòng tránh tệ nạn xã hội,…

- Tổ chức hiệu quả Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên. Hội nghị là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

***Những tồn tại, hạn chế***

- Chưa hình thành kênh thu thập thông tin về cựu sinh viên một cách chính thống, bài bản, chủ yếu thông qua mạng xã hội hoặc liên lạc của các cá nhân.

- Học bổng cho sinh viên còn thấp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên còn hạn chế.

- Công tác xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ.

***5.2. Công tác QHDN và hỗ trợ việc làm sinh viên***

***5.2.1. Công tác hợp tác doanh nghiệp trong nước***

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã đẩy mạnh các hoạt động về hợp tác trao đổi với các doanh nghiệp trong nước và xúc tiến việc kết nối hợp tác với các tỉnh lân cận. Tại ngày Hội việc làm HUMG 2019, Nhà trường đã tổ chức thành công buổi Toạ đàm *"Trường Đại học Mỏ - Địa chất với công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý, khai thác hợp lý tài nguyên và phát triển bền vững kinh tế - xã hội các địa phương"* với sự tham gia của rất nhiều cơ quan và doanh nghiệp trên cả nước. Trong khuôn khổ ngày hội này, Nhà trường đã tiến hành ký kết thảo thuận hợp tác với một số trường Đại học, Cao đẳng và Doanh nghiệp, đó là: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam, Công ty TNHH Thế giới Kỹ thuật, Công ty TNHH Hạnh Trần, Công ty cổ phần Thương mại và Phát triển Năng lượng Việt, Công ty cổ phần đầu tư Thương mại và Xây dựng Hải Phong.

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức lễ ra mắt Quỹ khuyến học HUMG và vận động tài trợ từ các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được trên 500 triệu đồng cho năm đầu tiên thành lập Quỹ.

***5.2.2. Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp và hướng nghiệp, việc làm***

- Tổ chức thành công cuộc thi *"Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp HUMG 2019"* với sự tham gia của 9 khoa chuyên môn và 14 ý tưởng, trong đó có 1 ý tưởng xuất sắc *"Phòng học online Vclassroom"* lọt vào vòng thi cấp quốc gia.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên:

+ Đã liên hệ với 35 doanh nghiệp tìm kiếm được gần 1.300 vị trí việc làm để giới thiệu tới sinh viên và đăng tải trên website vieclam@humg.edu.vn và fanpage Hotrosinhvien Humg.

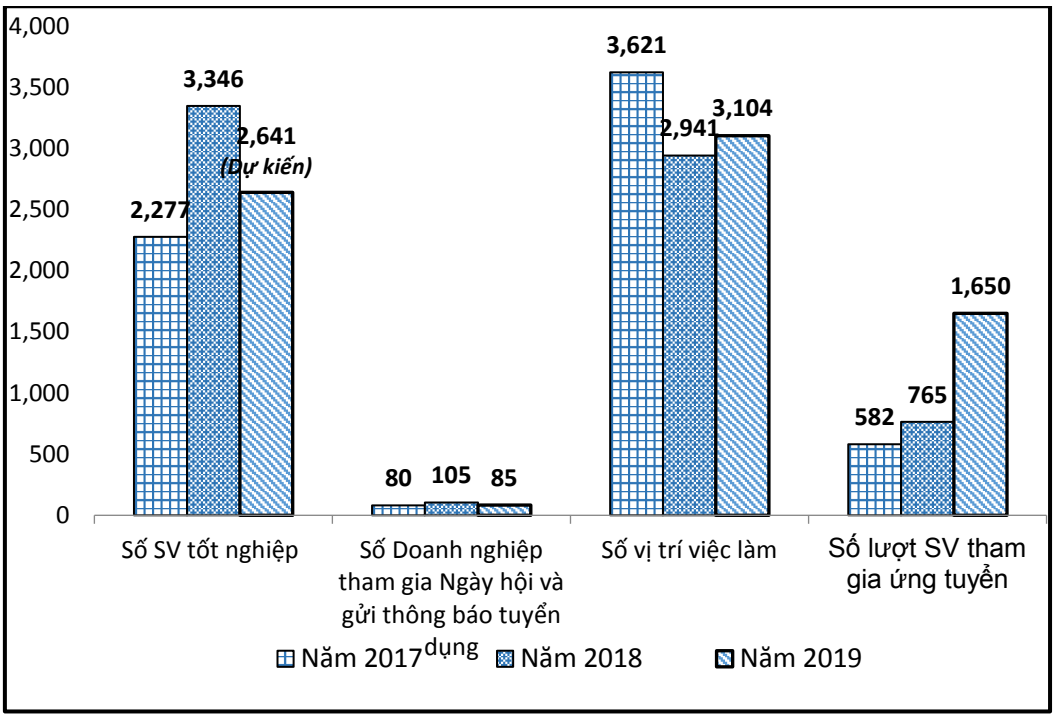
+ Nhà trường đã mời được các doanh nghiệp: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên môi trường biển, Công ty LG Display Việt Nam, Công ty LG Electronics Việt nam Hải Phòng, Công ty cổ phần Vạn Xuân Vivaxan, Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Nam Á về tuyển dụng trực tiếp tại Trường sinh viên tốt nghiệp các ngành Môi trường, Công nghệ thông tin, Cơ khí, Điện, Điện tử, Tự động hóa, Địa chất, Trắc địa, Khai thác mỏ.

- Tổ chức Ngày hội việc làm HUMG 2019:

+ Đã có 67 doanh nghiệp đến tham gia tuyển dụng trực tiếp tại Trường và có 18 doanh nghiệp gửi thông báo tuyển dụng với số lượng vị trí việc làm là 3.820 vị trí. So với 2.461 sinh viên dự kiến tốt nghiệp năm 2019, số vị trí việc làm năm nay đáp ứng tới 145% nhu cầu về việc làm cho sinh viên tốt nghiệp (Hình 3).

*Bảng 22. Nhu cầu tuyển dụng theo ngành tại các Ngày hội việc làm năm 2017, 2018 và 2019*

| TT | Ngành tuyển | Ngày hội VL 2017 | | Ngày hội VL 2018 | | Ngày hội VL 2019 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số SVTN | Nhu cầu tuyển dụng | Số SVTN | Nhu cầu tuyển dụng | Số SVTN *(Dự kiến)* | Nhu cầu tuyển dụng |
| 1 | Kỹ thuật dầu khí | 203 | 8 | 223 | 20 | 205 | 17 |
| 2 | Kỹ thuật địa vật lý | 50 | 11 | 55 | 19 | 38 | 7 |
| 3 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 104 | | 184 | 2 | 90 | 2 |
| 4 | Kỹ thuật địa chất | 246 | 23 | 409 | 43 | 258 | 77 |
| 5 | Kỹ thuật trắc địa – bản đồ | 278 | 100 | 516 | 175 | 306 | 341 |
| 6 | Kỹ thuật mỏ | 231 | 19 | 283 | 32 | 200 | 33 |
| 7 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 58 | 7 | 88 | 5 | 130 | 8 |
| 8 | Công nghệ thông tin | 139 | 221 | 260 | 1.044 | 270 | 354 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 146 | 19 | 125 | 233 | 100 | 93 |
| 10 | Kỹ thuật điện, điện tử | 120 | 96 | 185 | 356 | 180 | 237 |
| 11 | Kỹ thuật cơ khí | 36 | 30 | 76 | 155 | 60 | 74 |
| 12 | Kỹ thuật công trình xây dựng | 166 | 173 | 335 | 133 | 225 | 141 |
| 13 | Kỹ thuật môi trường | 102 | 16 | 159 | 26 | 230 | 105 |
| 14 | Quản trị kinh doanh | 120 | 191 | 83 | 118 | 192 | 310 |
| 15 | Kế toán | 278 | 27 | 365 | 28 | 157 | 89 |
| *16* | ***Nhân viên kinh doanh, marketting, hành chính*** *(tốt nghiệp Cao đẳng các ngành)* | | *153* | | *916* | | *395* |
| *17* | ***Nhân viên kỹ thuật*** *(tốt nghiệp Cao đẳng các ngành kỹ thuật)* | | *2.127* | | *284* | | *800* |
| *18* | ***Kỹ sư làm việc tại Nhật Bản*** *(tốt nghiệp các ngành: CNTT, Điện, Điện tử, Cơ khí, Tự động hoán Xây dựng, QTKD, Khai thác, Tuyển khoáng, Dầu khí…)* | | *400* | | *300* | | *1.017* |
| *19* | ***Part-Time*** | | | | *95* | | *20* |
| **Tổng cộng** | | **2.277** | **3.621** | **3.346** | **2.941** | **2.641** | **3.104** |



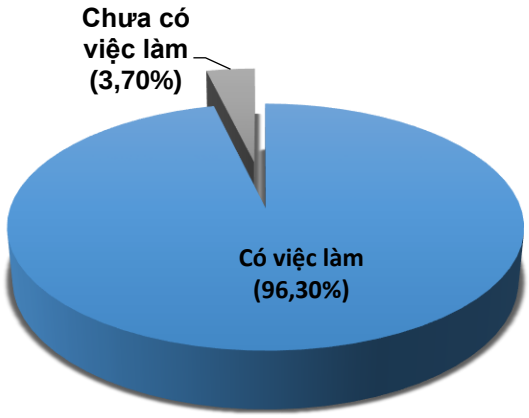

*Hình 3. Tình hình tuyển dụng tại các Ngày hội việc làm năm 2017, 2018 và 2019*

Với tinh thần tăng cường công tác xã hội hoá trong công tác tổ chức ngày hội, Ban Tổ chức đã tích cực liên hệ vận động các doanh nghiệp đống góp, tài trợ cho công tác tổ chức của Nhà trường và số tiền tài trợ và đóng góp từ các doanh nghiệp lên tới 143 triệu đồng, như vậy Nhà trường đã xã hội hoá được 63% tổng số kinh phí tổ chức Ngày hội việc làm 2019.

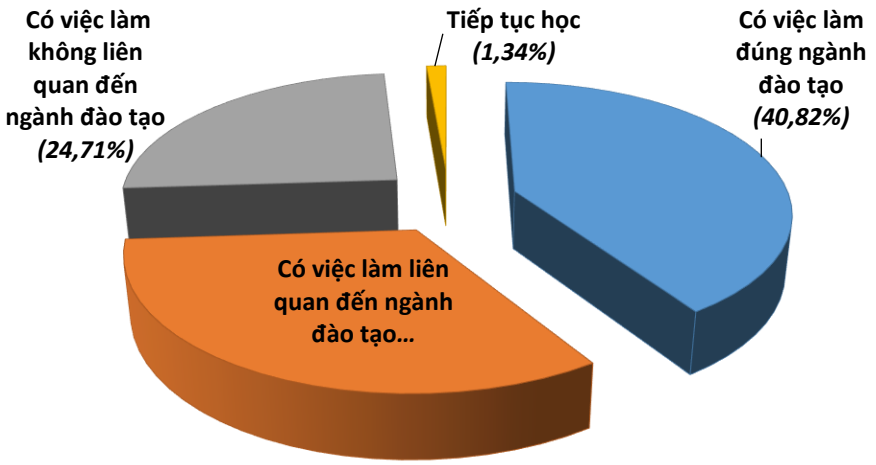
- Về tình hình khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp (SVTN) :

+ Năm 2017, Trường Đại học Mỏ - Địa chất có 2.277 sinh viên tốt nghiệp (SVTN). Số SVTN được khảo sát có phản hồi là 2.160 sinh viên (đạt 94,86%) Trường Đại học Mỏ - Địa chất tỷ lệ có việc làm rất cao *(Hình 4)* tuy nhiên tỷ lệ SVTN có việc làm đúng với ngành đào tạo không cao *(Hình 5)*.

+ Năm 2018, Nhà trường có 3.391 SVTN. Về việc làm của số SVTN này đang được Nhà trường khảo sát, kết quả sẽ được tổng kết và báo cáo vào tháng 12/2019.




*Hình 4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát có phản hồi*




*Hình 5. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và ngành đào tạo*

***Hạn chế và nguyên nhân***

- Ngày hội việc làm cũng như một số hoạt động khác dành cho sinh viên trong những năm gần đây rất khó thu hút được nhiều sinh viên tham gia. Việc làm là vấn đề quan trọng nhất đối với sinh viên tốt nghiệp nhưng cũng nhận được ít sự quan tâm của sinh viên.
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao nhưng làm đúng chuyên ngành còn thấp, có thể do người lao động hiện nay có nhiều sự lựa chọn hơn và một số ngành liên quan đến Nhà trường đào tạo hiện nay không còn hấp dẫn do môi trường và điều kiện làm việc.
- Hoạt động khởi nghiệp mới chỉ dừng lại ở các cuộc thi, phát triển các ý tưởng; chưa có ý tưởng nào được triển khai thành dự án và đưa vào thực tiến sản xuất, kinh doanh.
- Chưa thực sự chú trọng trọng vào việc tăng cưởng, mở rộng và phát triển mối quan hệ với các địa phương và doanh nghiệp để triển khai các đề tài, dự án để mở rộng cung cấp nguồn nhân lực, tìm kiếm việc làm cho cán bộ và sinh viên trong Trường.
- Chưa thu hút được doanh nghiệp cùng đồng hành với Nhà trường trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên và doanh nghiệp.

## 6. Công tác khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế

### *6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học*

#### *6.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ*

Năm 2019, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện 14 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 03 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia, 10 đề tài NCCB trong KHTN, 01 nhiệm vụ hợp tác NCKH theo Nghị định thư Việt - Đức (với kinh phí được duyệt năm 2019 là 14.624 triệu đồng); 04 đề tài mới được giao năm 2019 với tổng kinh phí được cấp là 4.491 triệu đồng.
- 27 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, gồm: 06 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp và 21 đề tài mới được giao năm 2019 với tổng kinh phí được cấp 6.275 triệu đồng.
- Về kết quả thực hiện, đã có 23 đề tài, nhiệm vụ được nghiệm thu cấp Bộ, Tỉnh (05 đề tài đạt loại xuất sắc, 04 đề tài đạt loại tốt, 01 đề tài đạt loại khá và 12 đề tài xếp loại đạt).
- Nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Hầu hết các đề tài này được giao cho cán bộ trẻ, học viên cao học chủ trì thực hiện. Tất cả các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy

định của Nhà nước. Trong năm học 2018 - 2019 đã có 35 đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu theo đúng quy định của Nhà trường.

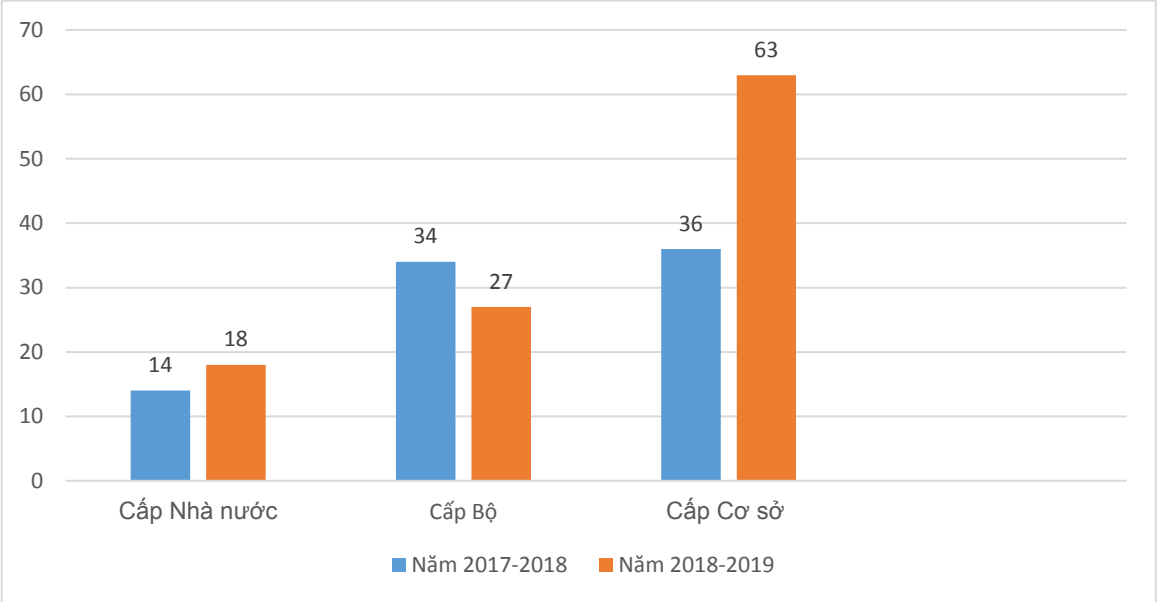
Năm học 2018 - 2019, có 63 đề tài NCKH cấp cơ sở được triển khai thực hiện với tổng kinh phí 1.688 triệu đồng.

- Năm 2018, đã công bố 77 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI được Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ 277 triệu đồng.

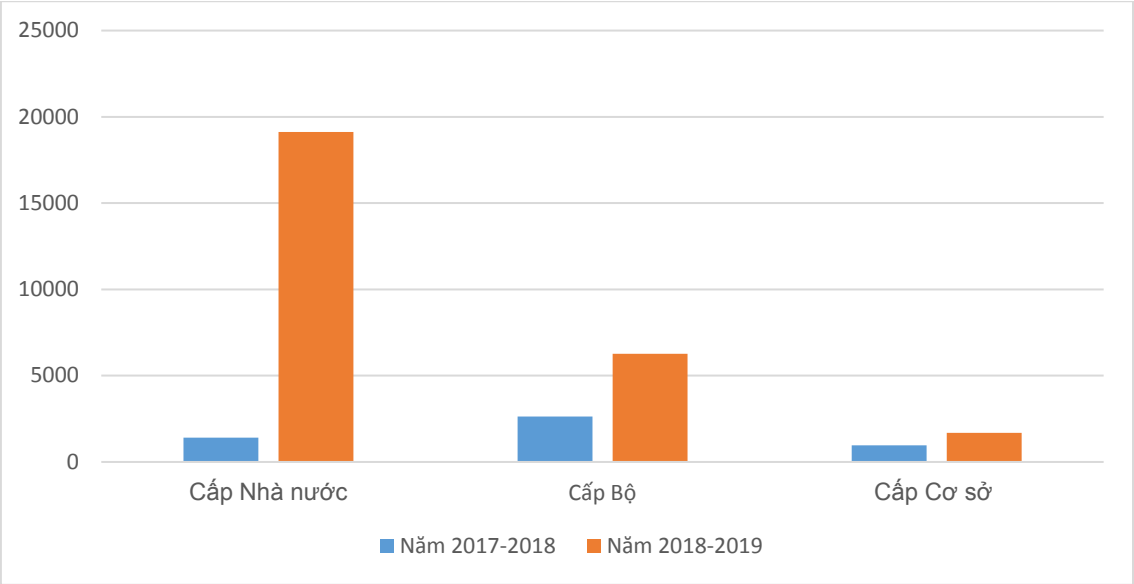
- Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH các cấp, sinh hoạt học thuật cho các cán bộ giảng dạy đã triển khai rộng rãi tại các bộ môn, các khoa.

*Bảng 23. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp*
*(số liệu cập nhật đến ngày 30/9/2019)*

| Nội dung | Năm 2017- 2018 | | Năm 2018-2019 | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Kinh phí (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí (triệu đồng) |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước | 14 | 1.404 | 18 | 19.115 |
| Đề tài KHCN cấp Bộ | 34 | 2.628 | 27 | 6.275 |
| Đề tài NCKH cấp cơ sở | 36 | 953,5 | 63 | 1.688 |




*Hình 6. Số lượng đề tài các cấp năm 2017-2018 và năm 2018-2019*




*Hình 7. Số kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm 2018 và năm 2019*

*Bảng 24. Thống kê công tác NCKH theo các khoa năm 2019*

| Đơn vị | Đề tài cấp NN | Đề tài cấp Bộ | Đề tài cấp cơ sở |
|---|---|---|---|
| Khoa Công nghệ thông tin | 2 | 5 | 4 |
| Khoa Cơ - Điện | 1 | 3 | 4 |
| Khoa Dầu khí | 5 | 2 | 5 |
| Khoa Khoa học cơ bản | 2 | 4 | 7 |
| Khoa KH&KTĐC | 3 | 6 | 7 |
| Khoa Kinh tế &QTKD | | | 7 |
| Khoa Mỏ | 2 | 2 | 10 |
| Khoa Môi trường | 1 | | 5 |
| Khoa Lý luận chính trị | | | |
| Khoa Trắc địa -Bản đồ &QLĐĐ | 1 | | 10 |
| Khoa Xây dựng | 1 | 5 | 3 |
| Khoa Giáo dục quốc phòng | | | |
| Khối Hiệu bộ | 0 | 0 | 1 |
| Tổng | 18 | 27 | 63 |

***Đánh giá chung***

Nhiệm vụ KHCN các cấp được giao trong năm 2019 tăng so với năm 2018, với tổng kinh phí thực hiện lớn tập trung vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Các đề tài đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt

***Những tồn tại, hạn chế***

Nguồn kinh phí thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài.

***6.1.2. Công tác thông tin khoa học***

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tổ chức thành công Hội nghị Khoa học toàn quốc. Đã tổ chức 02 hội thảo quốc tế, 02 Hội thảo khoa học trong nước. Kết quả của các đề tài đã được công bố trên tạp chí quốc tế và trong nước (Bảng 25) trong đó có 142 bài (trong đó với 86 bài trong danh mục ISI), tăng 82 bài so với năm 2017. Các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa: Xây dựng, Khoa học cơ bản, Công nghệ thông tin, Dầu khí, Khoa học và Kỹ thuật địa chất, Mỏ. Thông qua hội

thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học.

*Bảng 25. Hội thảo và công bố khoa học năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019*

| Hội thảo | Năm học 2017 - 2018 | Năm học 2018 - 2019 |
|---|---|---|
| Hội nghị, hội thảo quốc tế | 5 | 2 |
| Hội nghị, hội thảo trong nước | 3 | 4 |
| Báo cáo khoa học | 278 | 449 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế | 71 | 142 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước | 159 | 240 |

Công tác thông tin khoa học của Nhà trường năm học 2018 - 2019 thống kê cụ thể trong Bảng 26. Nhìn chung, số lượng công bố quốc tế và trong nước đều tăng so với năm học trước.

*Bảng 26. Thống kê công tác thông tin khoa học theo khoa năm học 2018 - 2019*

| TT | Khoa | Bài báo | | Báo cáo khoa học |
|---|---|---|---|---|
| | | Tạp chí Quốc tế | Tạp chí trong nước | |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 16 | 5 | 16 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 2 | 20 | 25 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 14 | 19 | 27 |
| 4 | Khoa Mỏ | 12 | 20 | 54 |
| 5 | Khoa Môi trường | 5 | 12 | 53 |
| 6 | Khoa Kinh tế &QTKD | 2 | 27 | 40 |
| 7 | Khoa Lý luận chính trị | 1 | 3 | 22 |
| 8 | Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 6 | 8 |
| 9 | Khoa khoa học cơ bản | 16 | 40 | 30 |
| 10 | Khoa Trắc địa-Bản đồ &QLĐĐ | 7 | 31 | 55 |
| 11 | Khoa Xây dựng | 50 | 17 | 66 |
| 12 | Khoa KH&KTĐC | 17 | 40 | 53 |
| **Tổng** | | **142** | **240** | **449** |

### *6.1.3. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm đã kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự và chính thức đi vào hoạt động. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

***6.1.4. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên***

Hoạt động NCKH và thi Olympic của sinh viên đã được Nhà trường quan tâm đúng mức. Đây là điều kiện để các em sinh viên thể hiện kết quả học tập, khả năng, định hướng nghiên cứu khoa học và là cơ hội trau dồi kiến thức hơn nữa. Năm học 2018 - 2019, Hội nghị khoa học sinh viên toàn Trường diễn ra với 182 đề tài được nghiệm thu và báo cáo với 773 sinh viên tham gia thực hiện tại 24 tiểu ban. Hội nghị đã lựa chọn được 36 đề tài đạt chất lượng trong đó có 24 đề tài đạt giải Nhất, 09 đề tài đạt giải Nhì và 03 đề tài đạt giải Ba; chọn ra những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên xuất sắc nhất tham gia báo cáo điển hình tại phiên toàn thể Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 32.

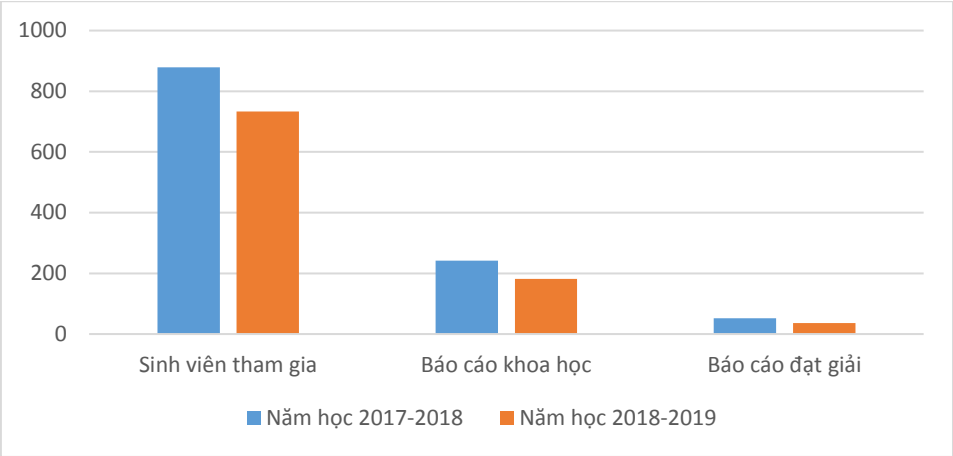
Trong kế hoạch triển khai hoạt động NCKH của sinh viên năm học 2018 - 2019, bên cạnh nguồn kinh phí của Nhà trường, Khoa chuyên môn như các năm trước đây, Công ty dầu khí Rosneft cũng đã tài trợ khoản kinh phí 6.000 USD cho 05 đề tài NCKH sinh viên có tiềm năng trong các lĩnh vực liện quan đến hoạt động dầu khí.

Bên cạnh đó, phong trào thi Olympic các môn Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sức bền vật liệu, các môn Cơ học, Tiếng Anh, Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành hoạt động thường xuyên trong Nhà trường. Trong năm học 2018 - 2019 kỳ thi được tổ chức với 382 thí sinh dự thi (tăng 16,1% so với năm học trước), có 119 em đạt giải cấp Trường (tăng 5,3% so với năm học trước).

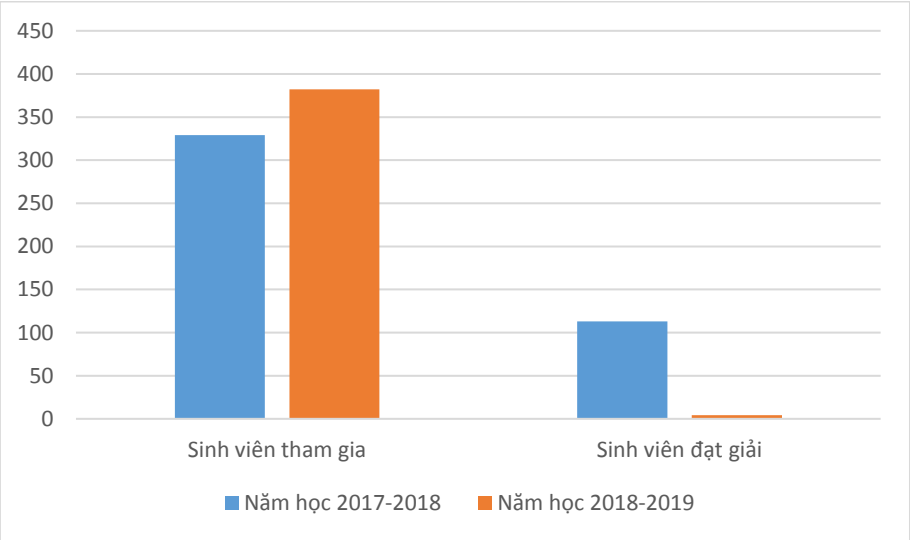
Sau mỗi kỳ thi cấp Trường, các đội tuyển được thành lập, huấn luyện và tham dự thi Olympic quốc gia ở các môn Toán, Vật lý và các môn cơ học. Kết quả có 18 thí sinh đạt giải quốc gia (giảm 13,6% so với năm học trước, trong đó có: 3 giải nhất, 4 giải nhì, 2 giải ba và 9 giải khuyến khích).

*Bảng 27. Kết quả công tác NCKH và thi Olympic sinh viên năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019*

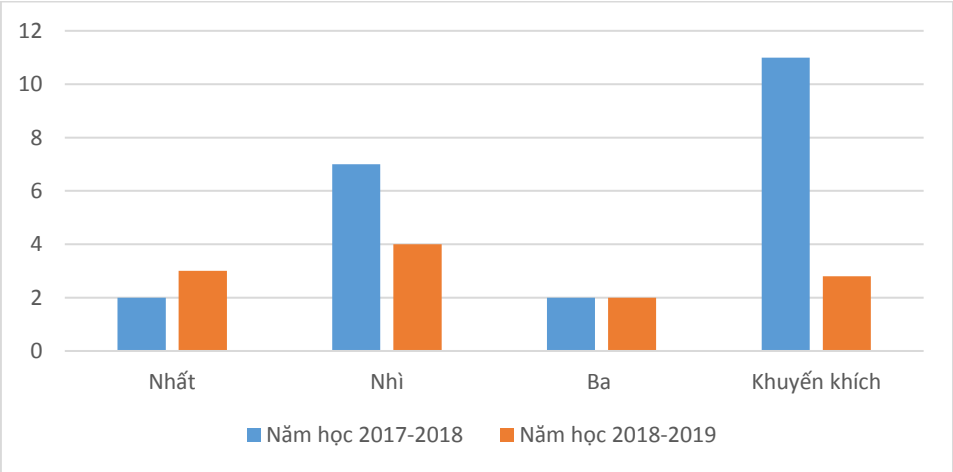
| Nội dung | Năm học 2017 - 2018 | Năm học 2018 - 2019 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| ***1. Hội nghị Khoa học sinh viên*** | | | |
| - Số lượng sinh viên tham gia | 879 | 733 | - 14,6% |
| - Số lượng báo cáo khoa học | 242 | 182 | - 24,8% |
| - Số báo cáo đạt giải | 52 | 36 | - 30,8% |
| ***2. Thi Olympic cấp Trường*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 329 | 382 | + 16,1% |
| - Số sinh viên đạt giải | 113 | 119 | + 5,3% |
| ***3. Thi Olympic Quốc gia*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 58 | 35 | - 39,7% |
| - Số sinh viên đạt giải | 22 | 18 | - 13,6% |
| + Nhất | 2 | 3 | + 50% |
| + Nhì | 7 | 4 | - 42,9% |
| + Ba | 2 | 2 | 0% |
| + Khuyến khích | 11 | 9 | - 18,2% |




*Hình 8. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH*




*Hình 9. Kết quả thi Olympic cấp trường*




*Hình 10. Kết quả thi Olympic Quốc gia*

Nhìn chung, công tác NCKH sinh viên trong năm học qua luôn nhận được sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong toàn Trường. Số báo cáo đạt giải tại HNKH sinh viên và sinh viên thi Olympic quốc gia đạt giải đều tăng (trong đó có 2 giải Nhất) tuy số sinh viên tham gia có giảm.

Điều đó cho thấy các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm hơn và bước đầu phát huy hiệu quả, đặc biệt là đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên; chất lượng sinh viên tham gia cũng ngày càng được nâng cao.

***6.1.5. Công tác quản lý khoa học***

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm, đầu tư phát triển. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã ra quyết định thành lập Quỹ tài năng KHCN HUMG; xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Quỹ, tổ chức đánh giá, xét chọn các nhà khoa học tiêu biểu để trao tặng giải thưởng KHCN HUMG.

Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành Hội nghị tổng kết công tác Khoa học Công nghệ nhằm đánh giá những kết quả đạt được trong năm trước và đề ra kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ trong năm tới.

***6.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong năm học qua vẫn đang là thế mạnh của Trường. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ được chia làm hai hình thức, đó là ký trực tiếp về Trường (phòng Khoa học Công nghệ quản lý) và ký về các Trung tâm, Công ty Codeco.

*Bảng 28. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất*

| Nội dung | Năm 2017 | Năm 2018 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| Tổng số hợp đồng đã ký kết và thực hiện | 840 hợp đồng | 889 hợp đồng | 7,11 |
| Tổng doanh thu theo hợp đồng (tỷ đồng) | 189.349 | 262.242 | 22,65 |
| Đóng góp cho Trường (tỷ đồng) | 2.847 | 3.483 | 22,34 |
| Nộp thuế (tỷ đồng) | 14.439 | 15.816 | 9,54 |

Năm học 2018 - 2019, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH triển khai công nghệ và đào tạo, bằng sự nỗ lực các đơn vị này vẫn giữ vững và đạt được kết quả khả quan, khẳng định được vai trò và vị trí của các đơn vị và Nhà trường đối với xã hội góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của Nhà trường

Thông qua các hoạt động chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thực tế, Nhà trường có thêm nhiều địa bàn cho sinh viên thực tập.

***6.3. Công tác hợp tác quốc tế***

Năm học 2018 - 2019, tiếp tục thực hiện mục tiêu và giải pháp chiến lược HTQT đến năm 2020, công tác HTQT của Trường Đại học Mỏ - Địa chất liên tục được mở rộng, phát triển và đạt được những kết quả như sau:

***6.3.1. Về công tác đoàn ra, đoàn vào***

- Về đoàn ra: Năm học 2018 - 2019, cử 9 đoàn ra đi công tác tại Đài Loan, Trung Quốc, Nga, Hungary, Pháp, Thái Lan trong khuôn khổ các chương trình hợp tác đang triển khai bao gồm: các dự án Erasmus+ Capacity Building, đoàn công tác của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, các chương trình liên kết hợp tác với các trường đối tác nước ngoài.

- Về đoàn vào: Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã tổ chức đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với tổng số đoàn là 38 đoàn đến từ các nước: Nhật Bản, Phần Lan, Nga, Nauy, Ba Lan, Đài Loan, Pháp, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc,… tham gia các chương trình trao đổi học thuật, hội thảo và khóa học ngắn hạn, giao lưu và tăng cường trao đổi hợp tác về nghiên cứu khoa học và đào tạo đại học, sau đại học.

***Những hạn chế, tồn tại***

- Một số khoa chuyên môn chưa thực hiện tốt việc lập kế hoạch và dự toán kinh phí cho đoàn ra, đoàn vào trong cả năm của đơn vị mình, không thực hiện nộp báo cáo kết quả làm việc của các chuyến đi công tác và tiếp đón khách nước ngoài. Vì vậy, việc quản lý và đánh giá hiệu quả đoàn ra, đoàn vào còn khó khăn và chưa chủ động.

- Số lượng cán bộ chuyên trách HTQT quá mỏng so với số lượng các chương trình đang triển khai, gây khó khăn cho việc triển khai và thực hiện các chương trình, quá tải công việc.

***6.3.2. Hợp tác quốc tế về đào tạo***

***a) Về đào tạo sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh***

- Thực hiện chương trình tiến tiến, đào tạo hệ đại học ngành Kỹ thuật hóa học với trường đối tác Trường Đại học California Davis (UC Davis), California, Mỹ, hiện đang có 163 sinh viên theo học. Năm 2019, tuyển được 18 sinh viên.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng quản lý lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại trường, bao gồm lưu học sinh Lào, Mông Cổ, Campuchia và Trung Quốc học chính quy, sinh viên trao đổi đến từ Ba Lan, Pháp, Mỹ.

- Tiếp nhận chương trình tài trợ học bổng của Hiệp hội Dầu khí SPE Việt Nam cho sinh viên, chương trình tài trợ hệ thống thiết bị phục vụ  nghiên cứu khoa học sinh viên trường ĐH Mỏ - Địa chất của công ty Rosneft Viet Nam và nhiều chương trình học bổng dành cho cán bộ, sinh viên Nhà trường.

- Nhà trường tích cực đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong đào tạo bằng việc tham gia các dự án nhằm xây dựng, cải tiến, hiện đại hóa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn tiên tiến của châu Âu. Cụ thể là 02 dự án Erasmus+ Capacity Building do EU tài trợ đang được thực hiện là dự án MINERAL "Hiện đại hóa Chương trình Thạc sỹ Địa chất theo định hướng địa chất dầu khí" và dự án ESSENCE "Xây dựng chương trình thạc sỹ ngành hệ thống năng lượng thông minh" nhằm phát triển chương trình Thạc sỹ Kỹ thuật điện hiện có của trường.

- Đẩy mạnh việc kết nối, đề xuất tài trợ nhằm hỗ trợ cho các chương trình trao đổi nghiên cứu và học thuật, cụ thể là dự án tài trợ 30.000 Euro của vùng Auvergne-Rhone-Alpes (CH Pháp) cho chương trình hợp tác giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Trường Đại học Mỏ Saint Etienne giai đoạn 2018-2021, và tài trợ 18.000 Euro cho dự án hợp tác giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và nhóm các Trường Đại học Bách Khoa Pháp (Polytech Group).

***b) Về hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên***

Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi giảng viên, chuyên gia, tình nguyện viên, trong đó chương trình Erasmus+ và các chương trình trại hè quốc tế hiện đang thực hiện rất hiệu quả và được sinh viên tham gia tích cực. Nhà trường đã cử 10 giảng viên và sinh viên tham gia chương trình Erasmus$^{+}$ tại Ba Lan, 05 sinh viên tham gia trại hè tại Trung Quốc; 2 sinh viên tham gia trao đổi tại Nauy theo dự án NORPART, 5 sinh viên đi thực tế mỏ tại Trung Quốc, đón 7 sinh viên Pháp đến thực tập, 10 sinh viên Mỹ đến tham gia khóa học ngắn hạn và 02 nghiên cứu sinh Ba Lan đến học tập theo diện trao đổi.

***c) Về khóa học ngắn hạn***

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường phối hợp với các trường Đại học Mỹ, Đức tổ chức các khóa học ngắn hạn cho giảng viên và sinh viên:

-  Khóa học ngắn hạn về Quản lý Tài nguyên nước do giáo sư Trường đại học Miami (Mỹ) sang giảng dạy.

- Khóa học ngắn hạn về Khai thác Mỏ và hoàn nguyên môi trường mỏ do Trường Đại học Mỏ - Địa chất phối hợp với DAAD và Đại học Kỹ thuật Bergakademie Freiberg, Đức tổ chức (từ ngày 18/10/2018 đến 28/12/2018).

Các khóa học này là cơ hội để giảng viên và sinh viên trong Trường giao lưu, trao đổi kiến thức, kỹ năng học tập và làm việc, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đây cũng là cơ hội để các cán bộ trẻ được tiếp xúc, học hỏi và tìm kiếm cơ hội đi học tập các chuyên ngành phù hợp ở các trường, cơ sở nghiên cứu chất lượng cao ở nước ngoài.

***Những tồn tại, hạn chế***

Trình độ Ngoại ngữ của sinh viên chưa đồng đều dẫn đến khó khăn trong việc tham gia các khóa học ngắn hạn quốc tế.

***6.3.3. Hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ***

- Tổ chức Hội thảo quốc tế *"The Second International Seminar on Recent Advances in Civil Engineering"* ngày 25/9/2018 với sự tham gia của các nhà khoa học Nhật Bản và Thái Lan.

- Hội thảo quốc tế Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản EMMA tổ chức từ ngày 19/11/2018 đến ngày 20/11/2018.

- Ngoài ra, Nhà trường và các khoa chuyên môn tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ nghiên cứu khoa học của Trường có điều kiện tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm đồng thời nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường.

***6.3.4. Hợp tác quốc tế về xây dựng cơ sở vật chất***

- Năm học 2018- 2019, Nhà trường đã được một số đơn vị nước ngoài tài trợ phần mềm và trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, có thể nhận thấy có sự không đồng đều trong hoạt động hợp tác quốc tế để xây dựng cơ sở vật chất giữa các Khoa. Một số Khoa trong nhiều năm qua hầu như không có những hoạt động hợp tác quốc tế hiệu quả để xây dựng tiềm lực cho Khoa.

- Năm 2018, Nhà trường đã nhận được tài trợ thiết bị thí nghiệm từ Trường Đại học Mỏ St Etienne gồm nồi hấp áp suất cao, các thiết bị phụ trợ gồm máy khuấy thích hợp cho nồi hấp, cảm biến nhiệt độ, cảm biến áp suất và hệ thống điện và điện tử; trang bị hệ thống phòng học trực tuyến và các thiết bị phụ trợ đi kèm từ nguồn tài trợ dự án ERASMUS+ MINERAL; hệ thống phòng thí nghiệm lọc hóa dầu do Công ty Rosneft tài trợ.

***6.3.5. Công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế***

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế của các đơn vị và của toàn trường. Nhìn chung, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng công tác HTQT của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019 đã có nhiều đổi mới và phát triển so với những năm học trước. Nhà trường tiếp tục duy trì các chương trình hợp tác, đã triển khai và tích cực, chủ động tìm kiếm các đối tác cũng như chương trình hợp tác mới, đặc biệt là các dự án về tăng cường năng lực.

**7. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ**

***7.1. Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo***

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn (2015 - 2020, 2020 - 2025), từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

***7.1.1. Công tác tổ chức bộ máy***

Để triển khai tổ chức, bộ máy thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, Ngày 26/3/2019, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-MĐC ban hành Quy định Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tái cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả:

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

- Hội đồng trường;

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

- Các phòng ban chức năng;
- Các đơn vị đào tạo (khoa) trực thuộc Trường;
- Các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Hội đồng tư vấn liên ngành.

-Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của các tổ chức, đoàn thể xã hội;

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở 03 cấp: Trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa Khoa học cơ bản, khoa Lý luận chính trị và khoa Giáo dục Quốc phòng với 59 bộ môn; 12 phòng và 08 trung tâm trực thuộc trường, 01 văn phòng đại diện.

***7.1.2. Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý, tuyển dụng cán bộ***

Tháng 4/2019, Nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2018 - 2023.

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường

- Thuận lợi, ưu điểm:

+ Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nề nếp, đảm bảo công khai, dân chủ. Việc quy hoạch vừa có sự kế thừa, vừa có bước phát triển mới; cán bộ lãnh đạo quy hoạch dần được trẻ hoá, số lượng cán bộ từ 30 - 40 tuổi được đưa và quy hoạch lãnh đạo ngày càng nhiều. Cán bộ quy hoạch đều là những người có năng lực công tác, trình độ chuyên môn tốt, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác cao trong thực thi công việc.

+ Công tác tuyển dụng viên chức được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo sát sao. Việc tuyển dụng sử dụng cán bộ, viên chức của Nhà trường được thực hiện theo Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng, tuyển dụng viên chức. Việc tổ chức thi tuyển được thực hiện nghiêm túc, theo quy định, đánh giá đúng chất lượng của cán bộ. Số lượng cán bộ, viên chức tuyển dụng đã bổ sung kịp thời lực lượng cán bộ thiếu hụt do nghỉ hưu, chuyển công tác; đồng thời, tạo điều kiện về nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng. Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã lên kế hoạch tuyển dụng cán bộ giảng dạy ở các bộ môn: Kỹ thuật cơ khí, bộ môn Ngoại ngữ.

- Khó khăn, hạn chế:

+ Chưa đảm bảo kết cấu 03 độ tuổi trong quy hoạch theo quy định.

+ Số lượng cán bộ viên chức hiện nay đang có xu hướng mất cân đối về về cơ cấu giữa khối giảng dạy và hành chính; thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong khối cán bộ giảng dạy.

+ Văn bản hướng dẫn của Nhà nước chưa minh bạch dẫn đến khó khăn trong việc triển khai quy hoạch cán bộ, lãnh đạo.

+ Chưa thực hiện được việc định biên cũng như cơ cấu ngạch viên chức cho các đơn vị dẫn đến công tác quản lý, sử dụng ngạch viên chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Trường còn bị động.

***7.1.3. Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo***

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2015 - 2020. Đến nay, đã hoàn thành quy trình và kiện toàn đội ngũ Ban

Giám hiệu. Ngày 27/12/2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 5068/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm GS.TS Trần Thanh Hải giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Ngày 07/6/2019, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 1610/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm PGS. TS Bùi Xuân Nam và Quyết định số 1609/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm PGS.TS Triệu Hùng Trường giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ; cơ cấu tổ chức và nhân sự tinh gọn, gắn với tái cơ cấu học thuật để phù hợp hơn với xu thế phát triển của khoa học công nghệ và thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, vị trí, vai trò của mỗi đơn vị đối với sự phát triển chung của Nhà trường.

- Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định. Năm học 2018 - 2019, đã thực hiện 89 lượt bổ nhiệm. Đội ngũ cán bộ quản lý ngày càng được trẻ hóa, đa số đều nằm trong độ tuổi 35 - 40 (55 cán bộ), 41 - 45 (56 cán bộ) (chiếm 75% tổng số cán bộ quản lý từ cấp Bộ môn trở lên); vẫn còn 05 cán bộ quản lý trên 60 tuổi, tập trung ở các trung tâm trực thuộc Trường; không còn cán bộ có trình độ đại học.

***Những tồn tại, hạn chế***

Vẫn còn cán bộ, lãnh đạo quản lý ở một số bộ môn, Trung tâm quá tuổi quản lý do một số đơn vị chưa có đội ngũ cán bộ kế cận đảm bảo điều kiện theo quy định.

***7.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức***

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường.

Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 35 tuổi có 182 cán bộ, chiếm 31,9% tổng số CBGD, từ 36 - 45 có 277 cán bộ, 48,6% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất (150/263 cán bộ, chiếm 57,03 % số CBGD có trình độ TS).

- Công tác cán bộ của Nhà trường năm học 2018 - 2019: Hiện tại đến thời điểm 31/8/2019 cơ cấu cán bộ, viên chức của Nhà trường cụ thể như sau:

+ Tổng số cán bộ, viên chức là 808 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 570 cán bộ chiếm 70,5%, kỹ sư là 51cán bộ chiếm 6,4% và 187 cán bộ hành chính, nghiệp vụ chiếm 23,1 % tổng số cán bộ. Trong số cán bộ giảng dạy có: 05 GS, 60 PGS, 263 cán bộ có trình độ tiến sĩ chiếm 46,1%, 296 cán bộ có trình độ thạc sĩ chiếm 51,9%, 11 cán bộ trình độ đại học chiếm 2% tổng số cán bộ giảng dạy.

+ Tháng 9/2019, Nhà trường tổ chức kỳ thi tuyển dụng viên chức; đã có 02 cán bộ được tuyển dụng làm cán bộ giảng dạy.

+ Năm 2018 - 2019, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu cho 11 cán bộ, 27 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

*Bảng 29. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường*

| Nội dung | Năm 2018 (đến 31/08/2018) | Năm 2019 đến 31/8/2019 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| Tổng số CBVC | 844 | 808 | -4,3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| - Giảng viên | 586 | 570 | -2,7 |
| - Nhân viên hành chính | 199 | 187 | -6,03 |
| - Kỹ sư | 59 | 51 | -13.6 |
| Cán bộ nghỉ hưu | 12 | 11 | -083 |
| Cán bộ chuyển công tác, chấm dứt hợp đồng | 18 (5 CBHC, 13 CBGD) | 27 (17 CBHC, 10 CBGD) | +50 |
| Cử đi học cao học | 2 | 2 | 0 |
| Cử đi học NCS | 20 | 18 | 0 |

+ Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã cử 02 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 18 nghiên cứu sinh, 02 cán bộ đi đào tạo thạc sĩ.

+ Tính đến tháng 09/2019, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 17 cán bộ hoàn thành học tập ở nước ngoài về nước (15 TS, 02 ThS), 16 cán bộ hoàn thành kế hoạch học tập trong nước (14 TS và 02 ThS) bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

*Bảng 30. Cơ cấu đội ngũ giảng viên*

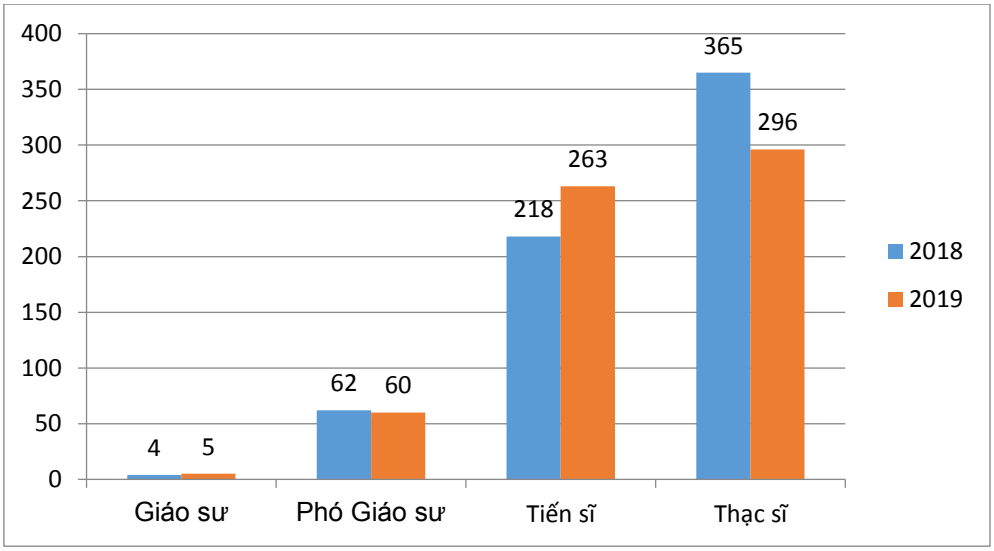
| Năm | GS | | PGS | | TS | | ThS | | ĐH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 2018 | 4 | 0,6 | 62 | 9,61 | 237 | 36,74 | 365 | 56,58 | 43 | 6,66 |
| 2019 | 5 | 0,9 | 60 | 10,5 | 263 | 46,1 | 296 | 51,9 | 11 | 2 |

*Bảng 31. Đội ngũ cán bộ, viên chức ở các khoa chia theo trình độ*

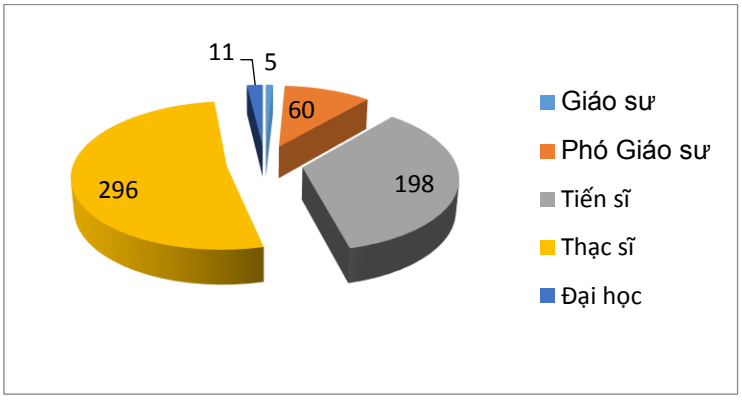
| | | Tổng số | Số nữ | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | CĐ | Kỹ sư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Toàn trường** | | **621** | **218** | **5** | **60** | **263** | **335** | **23** | | **51** |
| ***1*** | ***Khoa Công nghệ thông tin*** | ***66*** | ***30*** | ***1*** | ***3*** | ***16*** | ***46*** | ***4*** | | ***10*** |
| 1.1 | Bộ môn Mạng máy tính | 8 | 3 | 0 | 0 | 1 | 6 | 1 | | 1 |
| 1.2 | Bộ môn Công nghệ phần mềm | 10 | 3 | 0 | 1 | 3 | 7 | 0 | | 1 |
| 1.3 | Bộ môn Tin học cơ bản | 9 | 4 | 0 | 0 | 2 | 6 | 1 | | 1 |
| 1.4 | Bộ môn Tin học địa chất | 7 | 3 | 1 | 0 | 1 | 6 | 0 | | 1 |
| 1.5 | Bộ môn Khoa học máy tính | 6 | 3 | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 | | 0 |
| 1.6 | Bộ môn Tin học kinh tế | 8 | 6 | 0 | 1 | 1 | 6 | 1 | | 1 |
| 1.7 | Bộ môn Tin học Trắc địa | 15 | 6 | 0 | 1 | 6 | 8 | 1 | | 2 |
| 1.8 | Phòng TNCN Xử lý số liệu | 3 | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | | 3 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | | 2 |
| ***2*** | ***Khoa Cơ - Điện*** | ***61*** | ***9*** | ***0*** | ***7*** | ***25*** | ***34*** | ***2*** | | ***6*** |
| 2.1 | Bộ môn Điện khí hóa | 11 | 3 | 0 | 2 | 7 | 4 | 0 | | 1 |
| 2.2 | Bộ môn Kỹ thuật cơ khí | 8 | 1 | 0 | 0 | 3 | 5 | 0 | | 0 |
| 2.3 | Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử | 11 | 2 | 0 | 2 | 3 | 8 | 0 | | 0 |
| 2.4 | Bộ môn Tự động hóa XNM&DK | 15 | 2 | 0 | 2 | 9 | 6 | 0 | | 1 |
| 2.5 | Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp | 12 | 0 | 0 | 1 | 3 | 8 | 1 | | 0 |
| 2.6 | Xưởng Cơ - Điện | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | | 4 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | | |
| ***3*** | ***Khoa Dầu khí*** | ***57*** | ***16*** | ***0*** | ***7*** | ***32*** | ***21*** | ***4*** | | ***7*** |
| 3.1 | Bộ môn Địa vật lý | 9 | 3 | 0 | 1 | 4 | 4 | 1 | | 1 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3.2 | Bộ môn Địa chất dầu | 6 | 3 | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 | | 0 |
| 3.3 | Bộ môn Lọc hóa dầu | 14 | 4 | 0 | 3 | 10 | 2 | 2 | | 2 |
| 3.4 | Bộ môn Khoan – Khai thác | 17 | 2 | 0 | 2 | 8 | 8 | 1 | | 2 |
| 3.5 | Bộ môn Thiết bị DK và CT | 11 | 4 | 0 | 1 | 6 | 5 | 0 | | 2 |
| | PTN Dầu khí KTN | | | | | | | | | |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | | |
| ***4*** | ***Khoa Khoa học cơ bản*** | ***87*** | ***43*** | ***0*** | ***3*** | ***27*** | ***58*** | ***2*** | | ***1*** |
| 4.1 | Bộ môn Cơ lý thuyết | 5 | 2 | 0 | 0 | 3 | 2 | 0 | | 0 |
| 4.2 | Bộ môn Hóa | 17 | 10 | 0 | 0 | 9 | 8 | 0 | | 0 |
| 4.3 | Bộ môn Hình họa | 6 | 2 | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 | | 0 |
| 4.4 | Bộ môn Giáo dục thể chất | 13 | 4 | 0 | 0 | 0 | 13 | 0 | | 0 |
| 4.5 | Bộ môn Ngoại ngữ | 15 | 11 | 0 | 0 | 0 | 15 | 0 | | 0 |
| 4.6 | Bộ môn Toán | 17 | 9 | 0 | 1 | 5 | 11 | 1 | | 0 |
| 4.7 | Bộ môn Vật lý | 14 | 5 | 0 | 2 | 6 | 7 | 1 | | 1 |
| | Văn phòng khoa | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | | |
| ***5*** | ***Khoa Khoa học và KT Địa chất*** | ***74*** | ***20*** | ***1*** | ***8*** | ***33*** | ***34*** | ***7*** | | ***8*** |
| 5.1 | Bộ môn Địa chất | 14 | 3 | 1 | 1 | 7 | 5 | 2 | | 1 |
| 5.2 | Bộ môn Địa chất công trình | 18 | 4 | 0 | 1 | 8 | 9 | 1 | | 3 |
| 5.3 | Bộ môn Địa chất Thủy văn | 11 | 4 | 0 | 1 | 5 | 5 | 1 | | 1 |
| 5.4 | Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa | 10 | 3 | 0 | 2 | 4 | 5 | 1 | | 1 |
| 5.5 | Bộ môn Tìm kiếm thăm dò | 20 | 5 | 0 | 3 | 9 | 10 | 1 | | 1 |
| 5.6 | Bảo tàng Địa chất | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | |
| ***6*** | ***Khoa Mỏ*** | ***54*** | ***12*** | ***1*** | ***7*** | ***25*** | ***28*** | ***1*** | | ***5*** |
| 6.1 | Bộ môn Khai thác Lộ thiên | 16 | 3 | 1 | 2 | 8 | 7 | 1 | | 2 |
| 6.2 | Bộ môn Khai thác Hầm lò | 18 | 2 | 0 | 2 | 11 | 7 | 0 | | 1 |
| 6.3 | Bộ môn Tuyển khoáng | 12 | 4 | 0 | 3 | 4 | 8 | 0 | | 1 |
| 6.4 | Bộ môn Sức bền vật liệu | 8 | 3 | 0 | 0 | 2 | 6 | 0 | | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | | |
| ***7*** | ***Khoa Môi trường*** | ***32*** | ***15*** | ***0*** | ***3*** | ***12*** | ***20*** | ***0*** | | ***1*** |
| 7.1 | Bộ môn Môi trường cơ sở | 10 | 4 | 0 | 1 | 3 | 7 | 0 | | 0 |
| 7.2 | Bộ môn Địa sinh thái và CNMT | 12 | 6 | 0 | 1 | 5 | 7 | 0 | | 0 |
| 7.3 | Bộ môn Địa sinh thái và CNMT | 10 | 5 | 0 | 1 | 4 | 6 | 0 | | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | |
| ***8*** | ***Khoa Lý luận Chính trị*** | ***19*** | ***12*** | ***0*** | ***2*** | ***7*** | ***12*** | ***0*** | | ***0*** |
| 8.1 | Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin | 5 | 2 | 0 | 0 | 3 | 2 | 0 | | 0 |
| 8.2 | Bộ môn Đường lối CM của ĐCSVN | 5 | 3 | 0 | 0 | 1 | 4 | 0 | | 0 |
| 8.3 | Bộ môn Tư Tưởng HCM | 5 | 4 | 0 | 1 | 2 | 3 | 0 | | 0 |
| 8.4 | Bộ môn Pháp luật | 4 | 3 | 0 | 1 | 1 | 3 | 0 | | 0 |
| | Văn phòng khoa | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | | |
| ***9*** | ***Khoa Kinh tế - Quản trị KD*** | ***50*** | ***30*** | ***0*** | ***3*** | ***22*** | ***28*** | ***0*** | | ***0*** |
| 9.1 | Bộ môn Kinh tế cơ sở | 10 | 7 | 0 | 0 | 4 | 6 | 0 | | 0 |
| 9.2 | Bộ môn kế toán Doanh nghiệp | 18 | 13 | 0 | 0 | 9 | 9 | 0 | | 0 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9.3 | Bộ môn QTDN Mỏ | 13 | 5 | 0 | 2 | 5 | 8 | 0 | | 0 |
| 9.4 | Bộ môn QTDN Địa chất - DK | 9 | 5 | 0 | 1 | 4 | 5 | 0 | | 0 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | |
| ***10*** | ***Khoa Trắc địa – BĐ&QLĐĐ*** | ***86*** | ***27*** | ***1*** | ***15*** | ***43*** | ***41*** | ***2*** | | ***11*** |
| 10.1 | Bộ môn Trắc địa Mỏ | 10 | 2 | 0 | 1 | 6 | 4 | 0 | | 0 |
| 10.2 | Bộ môn Trắc Địa công trình | 12 | 3 | 0 | 6 | 9 | 3 | 0 | | 0 |
| 10.3 | Bộ môn Trắc địa cao cấp | 11 | 3 | 0 | 2 | 3 | 7 | 1 | | 0 |
| 10.4 | Bộ môn Bản đồ | 9 | 4 | 0 | 1 | 5 | 4 | 0 | | 1 |
| 10.5 | Bộ môn Trắc địa Phổ thông và SS | 11 | 2 | 1 | 1 | 4 | 7 | 0 | | 2 |
| 10.6 | Bộ môn Địa chính | 12 | 5 | 0 | 0 | 6 | 5 | 1 | | 1 |
| 10.7 | Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | 15 | 6 | 0 | 4 | 10 | 5 | 0 | | 2 |
| 10.8 | Tổ máy Trắc địa | 6 | 2 | 0 | 0 | 0 | 6 | 0 | | 5 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | | |
| 11 | Khoa Xây dựng | 35 | 4 | 1 | 2 | 21 | 13 | 1 | | 2 |
| 11.1 | Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ | 15 | 1 | 1 | 0 | 10 | 4 | 1 | | 1 |
| 11.2 | Bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở | 10 | 1 | 0 | 1 | 6 | 4 | 0 | | 1 |
| 11.3 | Bộ môn Kỹ thuật xây dựng | 10 | 2 | 0 | 1 | 5 | 5 | 0 | | 0 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | | |




*Hình 11. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2018 và năm 2019*




*Hình 12. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2019*

*Bảng 32. Cơ cấu đội ngũ giảng viên chia theo độ tuổi và trình độ đào tạo*

| | Tổng số | Chia theo chức danh GS, PGS | | | | Chia theo trình độ đào tạo | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giáo sư | | Phó Giáo sư | | TSKH và TS | | Thạc sĩ | | Đại học | |
| | | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ |
| **Tổng số** | **570** | **5** | **0** | **60** | **8** | **263** | **62** | **296** | **127** | **11** | **1** |
| Dưới 30 tuổi | **30** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 25 | 6 | 5 | 0 |
| Từ 31 đến 35 | **152** | 0 | 0 | 0 | 0 | 31 | 7 | 117 | 45 | 4 | 0 |
| Từ 36 đến 40 | **169** | 0 | 0 | 5 | 0 | 92 | 22 | 77 | 37 | 0 | 0 |
| Từ 41 đến 45 | **108** | 1 | 0 | 15 | 2 | 58 | 18 | 49 | 29 | 1 | 0 |
| Từ 46 đến 50 | **37** | 0 | 0 | 7 | 4 | 20 | 9 | 17 | 10 | 0 | 0 |
| Từ 51 đến 55 | **12** | 1 | 0 | 5 | 2 | 11 | 5 | 0 | 0 | 1 | 1 |
| Từ 56 đến 60 | **20** | 1 | 0 | 4 | 0 | 9 | 1 | 11 | 0 | 0 | 0 |
| Trên 60 tuổi | **42** | 2 | 0 | 24 | 0 | 42 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Qua bảng trên có thể thấy, đội ngũ cán bộ giảng viên đang ngày càng được trẻ hóa và có trình độ cao. Giảng viên dưới 35 tuổi có 182 cán bộ chiếm 31,9%, giảng viên từ 36 đến 45 tuổi là 277 cán bộ, chiếm 48,5% cán bộ, đây cũng là độ tuổi có trình độ Tiến sĩ cao (150/263, chiếm 57,03%). Điều đó cho thấy Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức, đặc biệt quan tâm tới đội ngũ cán bộ giảng dạy. Hàng năm, thường xuyên có 23% cán bộ giảng dạy được cử đi đào tạo nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Đa số cán bộ đi đào tạo trở về đã phát huy tốt khả năng của mình, có nhiều đóng góp tích cực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường, tích cực phấn đấu để đạt được các chức danh khoa học cao hơn.

Nhà trường luôn cố gắng duy trì cơ cấu đội ngũ CBVC trẻ để đảm bảo tính kế thừa. Mặc dù vậy, số lượng giảng viên là PGS trên 60 tuổi vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất. Nếu không có chiến lược phát triển thích hợp trong tương lai tổng số GS, PGS của trường có thể sẽ giảm.

- Năm học 2018 - 2019, quy định đánh giá cán bộ viên chức đã được điều chỉnh nhằm đánh giá trung thực, khách quan nhất năng lực, hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC trường.

Nhà trường cũng đã có quy định cụ thể về vị trí việc làm chức danh Kỹ sư; xét chuyển chức danh nghề nghiệp cho 01 CBVC từ kỹ sư sang chuyên viên và 01 cán bộ từ chuyên viên sang kỹ sư.

- Nhà trường luôn quan tâm, có các chế độ, chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho đội ngũ CBVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu chuẩn hóa về đội ngũ cán bộ.

***Những tồn tại, hạn chế***

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ vẫn chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu đội ngũ giảng viên (Thạc sĩ: 296/570, chiếm 51,9%), vẫn còn giảng viên có trình độ Đại học (11 CBGD).

- Hiện tượng cán bộ đi học nước ngoài về không đúng hạn, không làm thủ tục gia hạn, không chấp hành các quy định của Nhà nước và của Trường vẫn còn tồn tại.

- Các đơn vị đã bắt đầu thực hiện tái cấu trúc nhưng tiến độ thực hiện còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong triển khai tái cấu trúc.

**8. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo**

***8.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất***

***8.1.1. Tình hình thực hiện các dự án xây dựng cơ bản***

- Nhà trường đã có quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất trên diện tích đất hiện có.

- Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao làm chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) tại Quyết định số 7819/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2009.

Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở cho việc quy hoạch và xây dựng các công trình của Trường Đại học Mỏ - Địa chất bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, trạm biến áp và đường dây, hệ thống hào kỹ thuật của dự án trong phạm vi nghiên cứu là 23,6ha.

Thời gian thực hiện dự án: 2015 - 2019 (do tiến độ cấp kinh phí cho dự án từ 2009 đến 2014 chưa có nên dự án triển khai khó khăn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt điều chỉnh về thời gian thực hiện dự án 2015-2019 tại Quyết định số 2041/QĐ-BGDĐT ngày 15/6/2016).

Về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng: Do Dự án nằm trên địa giới hành chính của 03 phường (Cổ Nhuế 2, Xuân Đỉnh, Đức Thắng) nên từ khi bắt đầu triển khai công tác này, UBND quận Bắc Từ Liêm đã chỉ đạo Ban Bồi thường GPMB quận Bắc Từ Liêm (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất) cùng với các phòng ban chức năng của Quận và nhà trường lập kế hoạch GPMB theo địa giới từng phường.

Đến nay về cơ bản đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đỉnh.

Do ngân sách Nhà nước cấp cho dự án đến thời điểm này là 104.101.647.180 VNĐ/190.407.274.000 VNĐ nên khối lượng công việc đã thực hiện là đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích đất đã được thu hồi theo quyết định của UBND quận Bắc Từ Liêm là 8,7ha/140 hộ dân và 01 tổ chức (UBND phường Cổ Nhuế 2) với tổng số tiền đã giải ngân là 96.603.533.396 VNĐ trên tổng số nguồn NSNN được cấp cho dự án là 104.101.647.180 VNĐ nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (5,7ha/79 hộ dân); nằm trên địa giới hành chính phường Xuân Đỉnh (3,0ha/68 hộ dân).

Về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) đã được Bộ Giáo dục và Đào phê duyệt tại quyết định số 5603/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2018.

Hiện tại, Ban QLCDA đang triển khai công tác giao đất khu A1 (5,5ha) để tiến hành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu A1 (5,5ha/23,6ha) nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (đã hoàn thành công tác GPMB), theo kế hoạch 2020 sẽ hoàn thành.

Năm học 2019 - 2020, Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan có liên quan trong công tác tổ chức thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với những hộ còn tồn đọng do cơ chế chính sách…theo đúng quy định của Nhà nước đồng thời tổ chức triển khai công tác giao đất khu A1 để tiến hành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu A1 (5,5ha/23,6ha) nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (đã hoàn thành công tác GPMB). Theo kế hoạch 2020 sẽ hoàn thành.

Cụ thể hóa Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị đại học đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 13/05/2008 (Khu A1 tương đương với khu chức năng xây dựng trường học 06.CQ3 và 06.CQ3.CL), Ban QLCDA xây dựng phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư làm cơ sở cho Nhà trường trình kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025:

- Giai đoạn 1 (2019 - 2020): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng hệ thống Hạ tầng kỹ thuật trong khu đất A1 (5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập.

- Giai đoạn 2 (dự kiến 2021 - 2025): Để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025, Nhà trường tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư xây dựng mở rộng Trường Đại học Mỏ - Địa chất trên cơ sở Khu đất A1 đã hoàn thành hệ thống Hạ tầng kỹ thuật.

***8.1.2. Công tác sửa chữa, cải tạo***

Năm học 2018 - 2019, hoàn thành cải tạo, sửa chữa các hạng mục:

- Cải tạo sửa chữa tôn nền và đổ bê tông khu thực tập đa ngành: 484,5 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa khu thực tập Lạng Sơn: 258,8 triệu đồng
- Sửa PTN Khoan - Nổ mìn khu B và xây nhà cất mẫu tại khu A và các hạng mục khác: 484,42 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa phòng máy tính và các hạng mục khác: 474,38 triệu đồng
- Sửa chữa hệ thống phân tích ICP-MS tại Trung tâm phân tích, thí nghiệm công nghệ cao: 575,26 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa nâng cấp phòng họp phổ yên: 477,38 triệu đồng
- Cải tạo phòng C504 thành phòng Studio: 474,39 triệu đồng
- Cải tạo sửa phòng HCTH: 297,21 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa bộ phận 1 cửa: 408,08 triệu đồng

Kinh phí cải tạo, sửa chữa được lấy từ nguồn thu hợp pháp của Trường. Nhìn chung công tác cải tạo, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

***8.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo***

Hàng năm Nhà trường luôn quan tâm đến việc tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo. Tuy nhiên, hiện nay nguồn kinh phí trực tiếp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo rất hạn chế, Nhà trường vận dụng nguồn kinh phí thường xuyên để trang bị thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.

Năm học 2018 - 2019, không có các dự án thiết bị lớn; công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị, dụng cụ vật tư thí nghiệm chủ yếu từ nguồn chi thường xuyên của nhà trường, về cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Các trang thiết bị được đầu tư năm học 2018 - 2019:

- Lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các tòa nhà KTX sinh viên với kinh phí 96,4 triệu đồng.
- Lắp đặt hệ thống PCCC ở các KTX, HT300, nhà C12 với kinh phí 319 triệu
- Trang bị mới phần mềm quản lý cán bộ, đảng viên với kinh phí 253 triệu đồng.
- Trang bị các thiết bị họp trực tuyến cho các phòng họp với kinh phí 696 triệu đồng từ nguồn tài trợ Dự án Erasmus+.
- Xây dựng cổng thông tin điện tử Trường Đại học Mỏ - Địa chất với kinh phí 1,85 tỷ đồng.
- Trang bị, lắp đặt trang thiết bị trường quay với kinh phí 440,5 triệu đồng.
- Bổ sung trang thiết bị phòng thực hành máy tính PTN Địa tin học với kinh phí 404,2 triệu đồng.

Công tác mua sắm trang thiết bị 3 quý đầu năm 2019 về cơ bản thực hiện theo kế hoạch. Năm 2019, phát sinh sửa chữa máy móc thiết bị thí nghiệm tăng so với kế hoạch đầu năm.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Song công tác quản lý, sử dụng công sản chưa thực sự hiệu quả. Do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

***8.3. Tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm***

Hiện nay toàn Trường có 39 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đại: 09 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí: 05 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 04 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

Nhìn chung, tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm trong toàn trường khá hiệu quả, có các phòng hoạt động liên tục, hết công suất như: PTN Vật lý, PTN Hóa học, PTN Lọc - Hóa dầu, PTN và Xưởng thực hành Kỹ thuật Điện - Điện tử, PTN Kỹ thuật cơ khí -Thủy lực, PTN Địa tin học, PTN Địa chất công trình. Tuy nhiên vẫn còn một số phòng thí nghiệm hoạt động chưa thực sự hiệu quả, thời gian đóng cửa nhiều, sổ nhật ký phòng thí nghiệm không cập nhật đầy đủ.

***8.4. Kinh phí chi thường xuyên hàng năm***

Kinh phí chi thường xuyên và kinh phí thực hiện năm 2018, 2019 được tổng hợp trong các Bảng 33 và Bảng 34.

*Bảng 33. Kinh phí thực hiện năm 2018*

| TT | Nội dung | Kế hoạch (1.000đ) | Thực hiện (1.000đ) | Tăng/giảm với kế hoạch (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tiền điện, nước | 3.242.400 | 4.238.444 | 30,7 |
| 2 | Vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ | 1.373.179 | 1.686.563 | 22,8 |
| 3 | Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm | 840.000 | 848.022 | 1,0 |
| 4 | Thuê vệ sinh môi trường | 2.561.730 | 2.143.396 | -16,3 |
| 5 | Sửa chữa nhà cửa | 6.777.000 | 4.269.613 | -37,0 |
| 6 | Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (máy móc thiết bị, ô tô, hệ thống PCCC…) | 450.000 | 1.211.870 | 169,3 |
| 7 | Mua TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn | 2.809.166 | 1.499.295 | -46,6 |

*Bảng 34. Kinh phí thực hiện năm 2019*

| STT | Nội dung | Kế hoạch (1.000đ) | Thực hiện 3 quý đầu năm (1.000đ) | Tăng/giảm với kế hoạch (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tiền điện, nước | 3.862.400 | 2.658.046 | -31,2 |
| 2 | Vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ | 1.739.127 | 854.227 | -50,9 |
| 3 | Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm | 800.000 | 875.000 | 9,4 |
| 4 | Thuê vệ sinh môi trường | 2.649.455 | 1.541.194 | -41,8 |
| 5 | Sửa chữa nhà cửa | 5.986.893 | 958.808 | -84,0 |
| 6 | Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (máy móc thiết bị học tập, thí nghiệm, thang máy, hệ thống PCCC, cửa tự động, thiết bị phòng học…) | 1.344.480 | 1.892.350 | 40,7 |
| 7 | Mua TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn, Cổng thông tin điện tử | 4.720.078 | 3.629.587 | -23,1 |

***Nhận xét, đánh giá chung***

Năm học 2018 - 2019, trong điều kiện còn nhiều khó nhăn, tuy nhiên lãnh đạo Nhà trường vẫn luôn quan tâm đến công tác xây dựng cơ sở vật chất để đáp ứng đủ yêu cầu của công tác đào tạo. Công tác cải tạo, sửa chữa thường xuyên được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn trường; tạo môi trường cảnh quan sạch đẹp, vệ sinh, cải thiện được tình hình ăn, ở, sinh hoạt cho sinh viên và cán bộ trong toàn Trường, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ y tế và vấn đề an toàn thực phẩm của nhà Trường.

**9. Công tác thông tin, thư viện**

***9.1. Công tác thư viện***

Trong năm học 2018 - 2019, phần mềm thư viện điện tử Kipos đã được bổ sung 02 mô đun *"Bổ sung tài liệu"* và *"Ấn phẩm định kỳ"*. Tài liệu tại phòng mượn đang dần được thay thế từ chỉ từ sang chíp (dễ dàng tích hợp với các thiết bị hiện đại như máy mượn - trả tự động và thực hiện thống kê tự động).

Công tác tăng cường nguồn lực thông tin được thực hiện thường xuyên. Trong năm học vừa qua, đã mua 121 đầu sách (3299 cuốn), 01 CSDL điện tử; nhận 07 đầu sách (929 cuốn) từ phòng Xuất bản, 164 bài giảng/giáo trình (165 cuốn) từ phòng Đào tạo Sau đại học; được tặng 126 đầu sách tiếng Việt (444 cuốn) và 127 đầu sách tiếng Anh (322 cuốn) từ các thầy/cô và các tổ chức nước ngoài. Bổ sung 27 đầu tạp chí tiếng Việt (373 cuốn), được tặng 06 đầu (41 cuốn). Bổ sung 733 cuốn luận án, luận văn và 30 báo cáo tổng kết đề tài NCKH. Bổ sung cho thư viện tại Vũng Tàu 294 đầu sách (410 cuốn) và Quảng Ninh 494 đầu sách (670 cuốn).

Trung bình hàng năm, Thư viện phục vụ gần 100 nghìn lượt bạn đọc, trên 150 nghìn lượt tài liệu, tu bổ hàng trăm cuốn sách.

*Bảng 35. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2017-2018 và 2018-2019*

| Năm | PHÒNG XUẤT BẢN CUNG CẤP | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giáo trình | | | Bài giảng | | |
| | Số lượng | | Kinh phí (đồng) | Số lượng | | Kinh phí (đồng) |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | Đầu tài liệu | Cuốn | |
| 2017 - 2018 | 3 | 130 | 6,130,000 | 2 | 110 | 5,310,000 |
| 2018 - 2019 | 7 | 929 | 49,095,000 | 0 | 0 | 0 |
| **Năm** | **PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CUNG CẤP** | | | | | |
| | Giáo trình | | | Bài giảng | | |
| | Số lượng | | Kinh phí (đồng) | Số lượng | | Kinh phí (đồng) |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | Tài liệu | Cuốn | |
| 2017- 2018 | 0 | 0 | 0 | 342 | 358 | 0 |
| 2018 - 2019 | 03 | 03 | 0 | 164 | 165 | 0 |
| **Năm** | **TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA** | | | | | |
| | Tài liệu giấy | | | Cơ sở dữ liệu điện tử | | |
| | Số lượng | | Kinh phí (đồng) | Số lượng | Kinh phí (đồng) | |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | | | |
| 2017 - 2018 | 364 | 4319 | 393,463,000 | 1 | 45,00,000 | |
| 2018 - 2019 | 121 | 3299 | 392,628,000 | 1 | 45,00,000 | |
| Tăng/giảm | -66% | -23% | -0,2% | 0% | 0% | |
| Năm | TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG | | | | | |
| | Tiếng Việt | | | Tiếng Anh | | |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | Tài liệu | Cuốn | |
| 2017 - 2018 | 134 | 310 | | 145 | 253 | |
| 2018 - 2019 | 126 | 444 | | 127 | 322 | |
| Tăng/giảm | -6% | +43% | | -12% | +27% | |

***Những tồn tại, hạn chế***

- Tài liệu giảng dạy và tham khảo cho các học phần của các ngành đào tạo trong Trường còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.
- Việc hợp tác chia sẻ cơ sở dữ liệu với các đơn vị bên ngoài còn yếu.
- Thư viện chưa có phòng học nhóm, đa phương tiện.
- Một số tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần khó hoặc không tìm thấy tại các nhà cung cấp. Kinh phí dành cho bổ sung tài liệu còn hạn chế.

- Các đối tác chưa thực sự muốn chia sẻ CSDL, tài liệu và chưa xây dựng được chính sách cho việc này.

- Chưa bố trí được phòng học nhóm, đa phương tiện.

***9.2. Công tác công nghệ thông tin***

- Nhà trường phối hợp với Cục Công nghệ Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện cổng thông tin điện tử (TTĐT) và xây dựng website thành phần. Rà soát, đưa tin bài, cập nhật thông tin của các đơn vị, cá nhân và các chương trình đào tạo lên cổng TTĐT.

- Đẩy mạnh quảng bá thông tin của Nhà trường trên cổng thông tin điện tử và các trang mạng xã hội. Trong bảng xếp hạng Webometrics mới nhất (tháng 7/2019), Nhà trường trở lại Top 10 và được xếp thứ 6/174 trường đại học được xếp hạng của Việt Nam.

- Quản lý, vận hành và khắc phục sự cố của hệ thống mạng, kết nối Internet, email và wifi.

- Phối hợp với Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn lắp đặt hệ thống wifi miễn phí trong khuôn viên Nhà trường.

***Những tồn tại, hạn chế***

- Tiến độ triển khai Cổng TTĐT và website các đơn vị còn chậm.

- Băng thông kết nối Internet trong nước đã tăng lên gấp đôi nhưng băng thông quốc tế vẫn còn thấp.

- Các website cũ của các đơn vị (xây dựng bằng Joomla) hay bị tấn công.

## 10. Công tác tài chính

Năm 2018, Nhà trường đã triển khai tốt việc lập, chấp hành, quyết toán ngân sách theo đúng quy định. Trong năm qua công tác thu, chi các nguồn kinh phí của Nhà trường phòng Kế hoạch Tài chính đã đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

*Bảng 36. Thống kê thu chi tài chính năm 2018*

| Nội dung | Năm 2017 (tỷ đồng) | Năm 2018 (tỷ đồng) | Tăng/Giảm (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I- Tổng thu của Trường** | **277,29** | **236,84** | **-15** | |
| - Thu từ NSNN | 65,76 | 47,35 | -28 | |
| - Thu từ học phí | 168,70 | 164,37 | -3 | |
| - Thu sự nghiệp khác | 23,07 | 25,12 | 9 | |
| - Thu đề tài, dự án | 19,76 | 9,87 | -50 | |
| Trong đó | | | | |
| + Thu từ NSNN cấp | 11,12 | 2,13 | | |
| + Thu đề tài, dự án không thuộc nguồn kinh phí do Bộ GD&ĐT cấp | 8,64 | 7,74 | | Số dư cuối kỳ năm 2016 : 6,22 tỷ đồng |
| **II- Tổng chi** | **239,59** | **201,25** | **-16** | |
| - Chi hoạt động thường xuyên | 193,79 | 185,04 | -5 | |
| - Chi không thường xuyên | 25,09 | 5,91 | -76 | Giảm do năm 2017 có dự án PTN Bản đồ - Tuyển khoáng: 19,96 tỷ đồng |
| - Chi đề tài, dự án | 20,71 | 10,30 | -50 | |

*Bảng 37. Thu nhập bình quân của cán bộ trong toàn trường năm 2018*

| Thu nhập bình quân | Năm 2017 (đồng) | Năm 2018 (đồng) | Tăng/ Giảm (%) |
|---|---|---|---|
| Thu nhập bình quân toàn trường | 11 972 000 | 12 339 000 | 3 |
| Khối cán bộ giảng dạy | 13 053 000 | 13 193 000 | 1 |
| Khối cán bộ hành chính và cán bộ phục vụ giảng dạy | 8 252 000 | 8 941 000 | 8 |

***Nhận xét đánh giá chung***

Trước tình hình công tác tuyển sinh trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo định mức, thực hiện khoán chi theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, nguồn thu sự nghiệp lại phụ thuộc vào chỉ tiêu đào tạo và khung thu phí do đó nguồn thu tài chính của Nhà trường có xu hướng giảm. Tuy nhiên, công tác thu chi tài chính vẫn kịp thời, đầy đủ đảm bảo cho các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác, đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ viên chức và chế độ cho sinh viên.

**11. Công tác y tế**

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác y tế, khám chữa bệnh đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Trạm Y tế là đơn vị phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho CBVC và sinh viên trong Trường đã làm tốt công tác khám chữa bệnh thông thường, điều trị các bệnh mãn tính như cao huyết áp, tiểu đường, làm các thủ thuật theo danh mục đã được Sở Y tế phê duyệt; làm thủ tục chuyển viện cho những trường hợp cần thiết.

- Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các dịch bệnh, đặc biệt phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội.

- Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC. Năm 2019, Nhà trường hợp đồng với Bệnh viện Phương Đông tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ tháng 5 năm 2019: 585 người. Kinh phí: 276,880,000 đồng.

- Năm 2019 căn cứ Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ, Kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu do trích chuyển từ BHYT để phục vụ công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu năm 2019 cho sinh viên không được cấp.

- Về tình hình khám chữa bệnh BHYT: Tính đến 15/9/ 2019 đã có 1.328 lượt khám với tổng chi phí là: 96,527,253 đồng (năm 2018: 2.634 lượt khám, tổng chi phí: 209,811,094 đồng). Chi phí này hoàn toàn do BHXH thanh quyết toán theo quý.

- Năm học 2018 - 2019, Trường đã đã tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào trường K63: 1761 sinh viên (Hà Nội và Vũng Tàu) tại phòng khám của Trường Đại học Y tế công cộng.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K64 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ: Dự kiến đợt 1 từ 07/10 đến 18/10/2019 tại Phòng khám Trường Đại học Y tế công cộng.

- Về tình hình cấp phát thuốc: Nhà trường hợp đồng mua thuốc theo đúng quy định danh mục thuốc chủ yếu được sử dụng tại các cơ sở KCB được quỹ BHYT thanh toán. Kinh phí quyết toán với cơ quan BHXH hàng quý theo chi phí sử dụng cấp thuốc cho cán bộ, sinh viên tại Trạm Y tế.

**12. Các hoạt động khác**

***12.1. Thực hiện quy chế dân chủ***

Việc thực hiện quy chế dân chủ tại Nhà trường đạt kết quả tốt, thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

- Các cuộc họp định kỳ được duy trì và đảm bảo cả về nội dung và chất lượng, phù hợp với nhu cầu công việc, gồm: Họp công tác tháng, Hội nghị liên tịch Quý, Hội nghị công tác tài chính năm, Hội nghị Tổng kết công tác đào tạo và Hội nghị cán bộ viên chức; các hội đồng tư vấn (Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tổ chức cán bộ, Hội đồng lương, Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở, Hội đồng thi đua - khen thưởng,...) hoạt động công khai, dân chủ, đúng quy chế.

- Thực hiện tốt chế độ công khai tài chính theo quy định của nhà nước; công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách có liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ viên chức; công khai những quy định về sử dụng tài sản, xây dựng cơ sở vật chất, tuyển dụng, nâng ngạch, nâng bậc lương, thuyên

chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ viên chức.

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục tiếp nhận các ý kiến đóng góp của các đơn vị (về các Quy định, Quy chế) để năm học 2019 - 2020 ban hành nhiều văn bản quản lý theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định, quy chế của các Bộ, Ban, Ngành.

***12.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương***

- Nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục Quốc phòng và an ninh cho sinh viên và công tác quân sự địa phương đứng trên địa bàn.

- Năm học 2018 - 2019, khoa GDQP đã giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh cho 107 lớp, nhóm lớp với hơn 9615 lượt sinh viên hệ chính quy từ khóa 59 đến khóa 63 của Nhà trường theo chương trình, nội dung quy định bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị.

- Năm học 2018-2019, khoa GDQP thực hiện giảng dạy theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; tổ chức dạy học đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 18/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và xã hội. Qua đó, trang bị cho sinh viên nhận thức, giác ngộ chính trị, lòng yêu nước và trách nhiệm của công dân; huấn luyện, trang bị một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; xây dựng cho sinh viên ý thức tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Đầu năm học 2019 - 2020, Nhà trường đang triển khai học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên khóa mới K64 theo hình thức tập trung tại cơ sở Lạng Sơn, từ đó nâng cao chất lượng môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong công tác giáo dục của Nhà trường.

- Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên đi học tập, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống nhất và cập nhập những nội dung mới phục vụ cho công tác giáo dục quốc phòng và an ninh

- Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi gọi nhập ngũ, độ tuổi tham gia dân quân tự vệ.

- Tổ chức đăng ký quản lý quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội, phương tiện kỹ thuật. Quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, đồng thời báo cáo kịp thời, đầy đủ, đúng mẫu biểu, thời gian quy định.

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về công tác tiếp nhận, quản lý di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học. Thực hiện tốt công tác giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học về nơi cư trú theo đúng quy định.

- Năm 2019, phối hợp với các đơn vị trong Cụm thi đua số 6, gồm: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Điện lực, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Y tế Công cộng, Học viện Tài chính tổ chức huấn luyện cho 188 cán bộ, chiến sĩ tự vệ của các Nhà trường theo đúng kế hoạch đã được Ban chỉ huy quân sự quận phê duyệt, kết quả huấn luyện đạt loại khá, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị và an toàn giao thông (đặc biệt là trong kiểm tra bắn đạn thật). Đồng thời, tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ tham gia thi đấu đầy đủ các nội dung tại Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Ba môn Nhận thức Chính trị.

- Năm 2019, đã tham mưu cho Nhà trường và trực tiếp tham gia tuyển chọn và gọi 30 nam sinh viên tốt nghiệp đại học khóa 59 đi đào tạo sĩ quan dự bị tại Trường Quân sự Quân khu 2 theo đúng chỉ tiêu của Bộ giao, đảm bảo sức khỏe tốt, chất lượng chính trị cao, 100% là tình nguyện, trong đó có 04 em là Đảng viên.

- Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tình hình giáo dục quốc phòng và an ninh và công tác quân sự địa phương của Nhà trường đúng thời gian quy định lên Ban chỉ huy quân sự quận Bắc

Từ Liêm và Vụ Giáo dục Quốc phòng.

***12.3. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng***

- Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã triển khai phong trào thi đua năm học với chủ đề *"Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"* nhằm nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Công tác đánh giá, phân loại viên chức đã có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý hơn góp phần đánh giá đúng hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC; đây cũng là cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

- Kết quả năm học 2018 - 2019, toàn trường có 253 CBVC đạt mức A+, 390 CBVC đạt mức A, 160 CBVC đạt mức B+, 5 CBVC đạt mức B, 0 CBVC đạt mức C. Về thi đua khen thưởng, Hiệu trưởng đã có quyết định số 1099/QĐ-MĐC ngày 22/8/2019 công nhận 83 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 433 cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và 207 cá nhân đạt danh hiệu *"Chiến sĩ thi đua cơ sở"*. Đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận 22 đơn vị trực thuộc Trường đạt *"Tập thể lao động xuất sắc"*; 13 cá nhân đạt *"Chiến sỹ thi đua cấp Bộ"*; đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho 03 tập thể và 34 cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm học 2018 - 2019; đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 05 cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu, đã đề nghị trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba cho 02 cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong những năm qua.

- Tuy nhiên, quy định chấm công, đánh giá phân loại CBVC cần tiếp tục có sự điều chỉnh, nên linh hoạt hơn, hợp lý hơn, nhất là đánh giá đối với cán bộ hành chính.

***12.4. Công tác thanh tra, kiểm tra***

- Năm học 2018 - 2019, Ban Thanh tra nhân dân đã tiếp nhận và giải quyết thỏa đáng những kiến nghị của CBVC trong Trường về vấn đề thu nhập, đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, quản lý và sử dụng nhà đất trong và ngoài trường...

- Công tác kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng cán bộ, viên chức; thi và tuyển sinh; kiểm tra thi cử (thi đầu vào và thi hết môn học) được thực hiện nghiêm túc. Việc phân phối, sử dụng nguồn thu học phí cũng được giám sát thường xuyên và chặt chẽ nhằm đảm bảo công bằng cho toàn thể CBVC Nhà trường, góp phần ổn định tư tưởng cũng như cải thiện cơ sở vật chất, môi trường và điều kiện làm việc cho CBVC.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, nhanh chóng nắm bắt những thông tin phản hồi từ CBVC, sinh viên và phản ánh kịp thời đến Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng để có cách giải quyết hợp lý góp phần giữ vững hoạt động ổn định của Nhà trường.

***12.5. Công tác Công đoàn***

- Năm học 2018 - 2019, Công đoàn Trường xét trợ cấp khó khăn cho 37 lượt cán bộ ốm đau nằm viện, tai nạn với tổng số tiền: 51 triệu đồng.

- Phối hợp tổ chức, chi giải thưởng kéo co và giải toàn đoàn khối cán bộ, viên chức tại Hội khỏe truyền thống 26/3; Chi giải thưởng giải cầu lông; giải Tennis, giải bóng đá với tổng số tiền 24,8 triệu đồng.

- Công đoàn Trường đã soạn thảo, lấy ý kiến góp ý để hoàn thiện, trình ký ban hành Quy định về thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, việc hiếu (tháng 4/2019).

- Thực hiện Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2019, Công đoàn Trường phối hợp cùng Ban Bảo hộ lao động tổng kiểm tra công tác vệ sinh tại các đơn vị, giảng đường, nhà ăn, khuôn viên trường; Công tác bảo đảm an toàn lao động tại các xưởng thực hành. Từ đó nâng cao ý của CBNGNLĐ trong việc thực hiện An toàn vệ sinh trường học; Thành lập đội tuyển và tham gia Hội thi "An toàn vệ sinh viên giỏi" Công đoàn Giáo dục Việt Nam lần thứ 3 (tháng 5/2019) và đạt giải Ba toàn đoàn.

- Hoàn thành việc triển khai sử dụng hệ thống phần mềm quản lý đoàn viên năm 2019 (6/2019).

- Tổ chức gặp mặt các thế hệ cán bộ công đoàn các thời kỳ nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2019) và 68 năm ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam (22/7/1951 -22/7/2019).

- Tổ chức 02 lớp tập huấn cho 72 cán bộ công đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2022: tại Lào Cai (tháng 12/2018) và Hòa Bình (tháng 8/2019).

- Phối hợp với Chính quyền tiến hành các thủ tục, văn bản pháp lý thành lập Hội cựu giáo chức Trường và Ban Khuyến học Trường; Xây dựng quy chế hoạt động Hội CGC và Ban KH. Hỗ trợ Hội CGC Trường tổ chức thành công Đại hội lần thứ Nhất; vận động các cán bộ đã nghỉ hưu của Nhà trường tham gia Hội.

- Công tác nữ công: Tổ chức Hội thi làm bánh; Tuyên dương nữ Phó Giáo sư, nữ Tiến sĩ, nữ CBGD đạt thành tích NCKH, nữ CB khối hành chính, nữ SV; Sơ kết phong trào "*GVT - ĐVN"* năm học 2017 - 2018 (20/10/2018); Tổ chức du xuân tại Tây Thiên (tháng 2/2019); Tổng kết phong trào *"GVT - ĐVN"* giai đoạn 2016 - 2018 (08/3/2019); Khen thưởng con CBVC đạt HSG các cấp, tổ chức xem phim (01/6/2019).

- Công tác vận động ủng hộ, từ thiện: Mua giá để cặp lồng cho học sinh bán trú Trường Tiểu học Co Mạ 1, huyện Thuận Châu, Sơn La (6,6 triệu đồng); Hỗ trợ kinh phí tổ chức tết sum vầy tại Kỳ Sơn, Nghệ An (30 triệu đồng); Bê tông hóa sân trường THCS xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa (9 triệu đồng); Vận động cán bộ ủng hộ gia đình thầy giáo Nguyễn Thanh Thạo mất đột ngột khi đang công tác (441,52 triệu đồng).

Với những thành tích đạt được trong năm học vừa qua, Công đoàn Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng 03 bằng khen cho tập thể, 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2017 - 2018.

***12.6. Công tác Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên***

Đánh giá cao vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên trong nhà trường, Đảng ủy luôn dành sự quan tâm và chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đoàn và Hội, đặc biệt là công tác giáo dục ý thức chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên. Đảng ủy trực tiếp lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, các chương trình công tác sinh viên.

Đoàn Thanh niên trường luôn xác định công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp giáo dục của nhà trường, chiếm vị trí quan trọng trong việc hình thành nhân cách, đạo đức của thế hệ trẻ, nguồn nhân lực của đất nước. Vì vậy, năm học 2018 - 2019, công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Đoàn trường quan tâm, chú trọng: thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện chính trị của Thủ đô, đất nước phù hợp với nguyện vọng của tuổi trẻ đoàn viên, thanh niên trong toàn trường, tạo thành các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn trường. Điển hình là các hoạt động tìm hiểu và học tập Nghị quyết Đại hội Đoàn thành phố Hà Nội và Đại hội Đoàn toàn quốc; các cuộc thi học tập và làm theo theo tấm gương Bác các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng chào mừng các ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam...

Các hoạt động hỗ trợ nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên được Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đặc biệt chú trọng. Trong năm học vừa qua, Đoàn Thanh niên đã tổ chức tập huấn cho sinh viên tình nguyện, các cán bộ Đoàn, Hội; duy trì hoạt động của các Câu lạc bộ chuyên ngành và CLB Sở thích như: CLB Guitar, CLB Võ thuật, CLB Sinh viên tình nguyện, CLB Dầu khí, CLB sinh viên yêu thích công nghệ thông tin, CLB Trung Nhật…

Thực hiện chương trình *"Áo ấm mùa đông"*vào tháng 1 năm 2019 tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa với số tiền ủng hộ gần 250.000.000 VNĐ.

Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên đã chỉ đạo các Liên Chi đoàn củng cố các câu lạc bộ chuyên ngành như: CLB Dầu khí, CLB Tiếng Anh, CLB Tin học, CLB Trung Nhật... đi vào hoạt động theo chiều sâu thu hút đông đảo đoàn viên sinh viên tham gia. Những chương trình này giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa của việc học thật, thi thật, dần hạn chế các hành vi tiêu cực trong thi cử và chủ động trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học.

Năm học 2018 -2019 cũng là năm học mà nhiều đoàn viên là sinh viên được tham gia NCKH và hoàn thành xuất sắc đề tài đảm nhiệm. Toàn trường đã có 733 số sinh viên tham gia, hơn 182 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đăng ký tham gia và thi tại các tiểu ban. Trong đó có 36 báo cáo đạt giải.

Đoàn trường luôn thường xuyên quan tâm tới các hoạt động nhằm đẩy mạnh phong trào học tập và nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tiêu biểu là phong trào thi Olympic. Năm học 2018 - 2019 toàn trường đã có gần 393 đoàn viên sinh viên tham gia thi các môn tại 2 cơ sở đào tạo là Hà Nội, Vũng Tàu góp phần đẩy mạnh phong trào học tập, tìm nhân tố cho các giải Olympic quốc gia. Đã có 18 em đạt các giải Nhất, Nhì, Ba và khuyến khích ở giải Olympic quốc gia trong các môn Đại số, Giải tích, Hóa học, Vật lý, Cơ học,....

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trường đã phối hợp cùng các đơn vị chức năng trong trường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động tuyên truyền, các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao. Khen thưởng và tuyên dương các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao,các phong trào học tập và nghiên cứu khoa học; tuyên truyền sâu rộng về lịch sử và truyền thống của Nhà trường qua các giai đoạn và thời kỳ. Thực hiện tốt việc bóc xóa quảng cáo rao vặt trước cổng trường, trong khuôn viên trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của đoàn viên sinh viên trong việc giữ gìn giảng đường sạch, xây dựng Nhà trường *"Xanh - Sạch - Đẹp"*. Đặc biệt, trong năm học 2018 - 2019, Hội sinh viên trường đã tổ chức thành công trong các hoạt động văn nghệ: Chào Tân sinh viên K63, Cuộc thi *"Bước nhảy sinh viên HUMG DANCE 2019"*, tổ chức ngày Hội khỏe cấp cơ sở và Hội khỏe toàn trường vào ngày 26/3, tổ chức giải bóng đá sinh viên HUMG, tổ chức Hội thi cắm trại, thể thao vui Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, phối hợp tổ chức các Hội thi văn nghệ, thể dục thể thao cho đoàn viên sinh viên...

Hội Sinh viên Trường đã tổ chức thành công Hội nghị kiện toàn Ban chấp hành Hội sinh viên Trường lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2018 - 2020 vào tháng 6/2018.

Trong năm học vừa qua, Đoàn trường đã tổ chức tốt đội hình tình nguyện làm tốt nhiệm vụ *"Tiếp sức mùa thi năm 2019"* tại 16 Trường THPT Thuộc tỉnh Bắc Giang và *"Mùa hè tình nguyện năm 2019"*. Đội sinh viên tình nguyện đã hoạt động tốt tại 03 địa điểm: xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, và khu A Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Đội Mùa hè xanh đã tổ chức thăm hỏi và tặng quà các Mẹ Việt Nam anh hùng. Các sinh viên tình nguyện đã phát huy tốt tinh thần tình nguyện, sáng tạo trong các hoạt động và đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp được địa phương đánh giá cao. Công tác vận động hiến máu nhân đạo trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thực hiện tốt, duy trì thường xuyên, thu hút được đông đảo sinh viên tham gia.

Bên cạnh việc tổ chức cho ĐVTN học tập, tìm hiểu, đóng góp vào các nghị quyết Đại hội Đảng các cấp cho đông đảo ĐVTN, Đoàn Thanh niên các cấp cũng tích cực, chủ động tham mưu, giới thiệu hơn nhiều đoàn viên xuất sắc tham gia các lớp bồi dưỡng, tìm hiểu về Đảng. Kết quả trong năm học này, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường đã phối hợp với Đảng ủy trường tổ chức lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho gần 300 đoàn viên ưu tú, đề nghị Đảng ủy trường kết nạp 62 đoàn viên thanh niên ưu tú có thành tích cao trong rèn luyện và học tập.

Với những hoạt động sôi nổi, phong phú, công tác Đoàn và Hội của Nhà trường đã được tổ chức Đoàn cấp trên đánh giá cao. Năm học 2018 - 2019, Trung ương Đoàn, Thành đoàn Hà Nội

và Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội đã tặng bằng khen cho 8 tập thể và 10 cá nhân có thành tích xuất sắc.

**13. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 45**

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của một Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành giáo dục và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng Bằng khen.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, nhiều nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 38).

*Bảng 38. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2018 - 2019*

| Tiêu chí | Mục tiêu | Thực hiện | Đánh giá |
|---|---|---|---|
| Quy mô đào tạo chính quy | 15.000 | 14.615 | Không đạt |
| Mở mới ngành đào tạo:<br>- Bậc đại học<br>- Thạc sĩ | <br>5<br>3 | <br>1<br>2 | <br>Không đạt<br>Không đạt |
| Chương trình chất lượng cao | 3 | 0 | Không đạt |
| Đề tài KHCN mới:<br>- Cấp Nhà nước<br>- Cấp Bộ và tương đương | <br>5<br>10 | <br>18<br>27 | <br>Vượt<br>Vượt |
| Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế | 100 | 142 | Vượt |
| Hội nghị khoa học quốc tế | 02 | 02 | Đạt |
| Thi đua | 85% LĐTT | 85% LĐTT | Đạt |

Kết quả trên thể hiện trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Cần tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên cần tích cực hơn nữa trong công tác nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ. Chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị nhà trường.

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; kế hoạch tuyển sinh và các hoạt động tuyên truyền, quảng bá chưa có được sự phối hợp tốt giữa Nhà trường với các Khoa; Chương trình đào tạo được cập nhật vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, chưa khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

# PHẦN II
# NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019 - 2020

Năm học 2019 - 2020 là năm học tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết 29-NQ/TW về *"Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kinh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*; Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *"*Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*";* thực hiện Chỉ thị 2919/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2019 - 2020 ngành giáo dục; Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định chủ đề năm học 2019 - 2020 là *"Xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn Trường"* với tiếp tục hành động*"Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao"* và *"Tất cả vì người học"*. Trên cơ sở đó đó đề ra các trọng tâm nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 như sau:

**1. Nhiệm vụ trọng tâm**

1.1. Hoàn thành việc xác định sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược phát triển Trường, làm cơ sở để xây dựng đề án phát triển trung hạn và dài hạn, đề án tự chủ đại học.

1.2. Xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy phù hợp với các quy định mới của Luật GDĐH sửa đổi, các quy định của pháp luật và thực tế phát triển của Trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng đơn vị của Nhà trường.

1.3. Tiếp tục sắp xếp lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển trường; nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ giảng viên, cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng tầm đội ngũ cán bộ; sắp xếp đội ngũ và tổ chức hợp lý để bảo đảm các hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính trị Nhà trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên.

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo, triển khai mạnh mẽ các giải pháp học tập hiệu quả để duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với thực tế và sự phát triển của Nhà trường. Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính thực tiễn của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với cả cán bộ và sinh viên; tiếp tục xây dựng và tăng cường hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh. Tham gia sâu rộng vào các hoạt động khoa học công nghệ xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của thầy và trò. Mở rộng hợp tác quốc tế trong NCKH, chuyển giao công nghệ, đào tạo quốc tế, công nhận tín chỉ, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu phân hạng các trường đại học.

1.6. Tiếp tục nâng cao hoạt động khảo thí và kiểm định chất lượng. Hoàn thành tự đánh giá 7 chương trình đào tạo và nhân rộng ra các chương trình khác. Chuẩn bị triển khai công tác đánh giá chất lượng Trường nửa chu kỳ đáp ứng các yêu cầu đối với việc đánh giá, phân hạng các trường đại học trong thời gian tới. Xây dựng hệ thống pháp quy bảo đảm chất lượng bên trong và hoạt động tự đánh giá của các đơn vị; xây dựng và hoàn thiện báo cáo đánh giá chất lượng giữa kỳ kiểm định.

1.7. Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý và vận động sinh viên trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên Nhà trường để nâng cao chất lượng sinh viên, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm phục vụ tốt

hơn các nhiệm vụ chính trị, cải thiện chất lượng quảng bá hình ảnh và các hoạt động của Nhà trường, đưa hình ảnh Trường Đại học Mỏ - Địa chất gần gũi và phổ quát hơn đối với xã hội.

1.8. Xây dựng kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành việc xây dựng cơ sở hạ tầng Khu A1 và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học; tìm kiếm các nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Khu A1.

1.9. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng các hệ thống phòng thí nghiệm khác để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Quy mô đào tạo: Chính quy: 15000
- Mở mới ngành đào tạo: Bậc đại học 3 ngành đào tạo đó là: Ngành quản lý công nghiệp; Ngành cơ điện tử; Ngành quản lý tài nguyên và môi trường
- Mở mới Chương trình chất lượng cao: 02 chương trình
- Mở mới 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Ngành Kỹ thuật xây dựng; Ngành Quản lý kinh tế liên kết với Đài Loan) và 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Ngành Kỹ thuật hóa học).
- Đề tài triển khai từ 2019: Cấp NN: 07 đề tài ;Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: 10 đề tài
- Bài báo Quốc tế: 150 bài (Trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục ISI: 90 bài)
- Hội nghị Khoa học quốc tế: 03 hội nghị. Hội nghị khoa học toàn quốc: 01
- Mở khóa học ngắn hạn: ít nhất 10 khóa
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình
- Kiểm định chương trình đào tạo: 07 chương trình
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

**3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2019 - 2020**

3.1. Hoàn thiện chiến lược phát triển trường 2030 và tầm nhìn đến 2045, trên cơ sở đó xây dựng các đề án phát triển trung hạn và dài hạn; hoàn thiện đề án tự chủ đại học, tự chịu trách nhiệm trong từng đơn vị của Nhà trường theo yêu cầu của Luật GDĐH sửa đổi và các quy đinh pháp luật khác. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai Đề án vị trí việc làm, Đề án thành lập các Viện nghiên cứu trực thuộc Trường.

3.2. Hoàn thiện và áp dụng thử nghiệm KPIs để làm cơ sở đánh giá CBVC đồng thời xây dựng phương án tính khối lượng công việc và trả lương theo vị trí việc làm, theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBVC; xây dựng và sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế hoạt động của trường, quy chế tài chính và các văn bản quản lý khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

3.3. Tiếp tục kiện toàn công tác quản lý đào tạo đại học và sau đại học, rà soát, chỉnh sửa và cải tiến quy trình quản lý linh hoạt và liên thông giữa đào tạo - quản lý sinh viên - quản lý tài chính; cải tiến chương trình đào tạo hiện có đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng và theo chuẩn AUN-QA; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất để xây dựng các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp... nhằm đa dang hóa loại hình đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội.

3.4. Kiện toàn hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, các cán bộ quản lý cấp khoa và bộ môn về hoạt động tự đánh giá và bảo đảm chất lượng giáo dục; xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản và quy trình hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài các chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng bên trong; hoàn thành kiểm định chất lượng 07 chương trình đào tạo và chuẩn bị kiểm định các chương trình đào tạo đại học và sau đại học khác.

3.5. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ của nhà trường, trong đó chủ động tăng cường tìm kiếm và triển khai các đề tài khoa học công nghệ các cấp, các ngành và các địa phương; tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành trong Trường để giải quyết các vấn đề lớn và cấp

bách hiện nay; cải tiến quy trình quản lý và phối hợp giữa chủ đề tài - phòng KHCN - phòng KHTC nhằm đơn giản hóa và tạo điều kiện tối đa cho chủ nhiệm đề tài thực hiện nhiệm vụ; nâng cao chất lượng các đề tài, đề án, nhiệm vụ KHCN; cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao; tiếp tục khuyến khích cán bộ công bố khoa học quốc tế; tăng cường giao lưu và thông tin khoa học quốc tế, trong đó từng bước xây dựng văn hóa công bố khoa học trong Nhà trường; hiện thực hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt là trong mở ngành, liên kết đào tạo và triển khai hoạt động khoa học công nghệ; giám sát chặt chẽ việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký với đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác hợp tác của Nhà trường.

3.6. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; xây dựng cơ chế khuyến khích sinh viên theo học một số ngành truyền thống của nhà trường gặp khó khăn trong tuyển sinh để bảo toàn ngành nghề đào tạo và từng bước cải thiện hoạt động tuyển sinh đối với các ngành này; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của nhà trường. .

3.7. Tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên để tất cả giảng viên đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ giảng dạy làm NCS, trong đó chú trọng đào tạo ở nước ngoài. Khuyến khích cán bộ học văn bằng 2, mở rộng ngành nghề để tham gia đào tạo cho nhiều chương trình đào tạo, chuyển đổi cơ cấu nhân lực đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo mới, yêu cầu mở rộng và chuyển đổi ngành nghề đào tạo của nhà trường, đáp ứng nhu cầu xã hội và quy định của pháp luật hiện hành.

3.8. Tìm kiếm, vận động các nguồn tài trợ để tăng cường các nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất; tập trung cải tiến các công cụ quản lý và chính sách nhằm khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm, kết nối hiệu quả nghiên cứu với các ngành/chuyên ngành đào tạo; tăng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ của nhà trường. Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn lực để thực hiện dự án khu đô thị đại học, trong đó có việc xây dựng kế hoạch và dự trù nguồn vốn trung hạn cho xây dựng cơ sở hạ tầng của khu đô thị.

3.9. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năngnghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên...

3.10. Kiện toàn công tác thi đua khen thưởng theo quy định mới;

3.11. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế; thực hiện tốt công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, từ đó đề ra giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo; cải tiến công tác lập và điều hành kế hoạch đào tạo cho hợp lý và khoa học hơn.

3.12. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo"* và phong trào *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên

truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong CBVC, SV tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2019 - 2020.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

# BÁO CÁO
## TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CÁN BỘ, VIÊN CHỨC LẦN THỨ 47

**Hà Nội, 17/11/2020**

# MỤC LỤC

**PHẦN I BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019 - 2020** ..... 1

1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2019 - 2020 ..... 1

1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất ..... 1

1.2. Tóm tắt bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong giai đoạn tới ..... 2

2. Công tác chính trị tư tưởng ..... 4

3. Công tác đào tạo…….5

3.1. Công tác tuyển sinh năm học 2019 - 2020 ..... 5

3.2. Quy mô đào tạo ..... 9

3.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp ..... 11

3.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2019-2020 ..... 15

3.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo ..... 16

3.6. Xuất bản giáo trình, bài giảng ..... 18

3.7. Công tác tư vấn tuyển sinh, công tác truyền thông và quan hệ công chúng ..... 19

4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục ..... 21

4.1. Công tác khảo thí ..... 21

4.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học ..... 22

4.3. Công tác đảm bảo chất lượng ..... 25

5. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên ..... 26

5.1. Công tác sinh viên ..... 26

5.2. Công tác QHDN và hỗ trợ việc làm sinh viên ..... 27

6. Công tác khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế ..... 32

6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học ..... 32

6.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ ..... 38

6.3. Công tác hợp tác quốc tế ..... 39

7. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ ..... 41

7.1. Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo ..... 41

7.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức ..... 43
8. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo ..... 48
8.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất ..... 48
8.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo ..... 49
8.3. Tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm ..... 50
9. Công tác thông tin, thư viện ..... 50
9.1. Công tác thư viện ..... 50
9.2. Công tác công nghệ thông tin ..... 52
10. Công tác tài chính ..... 53
11. Công tác y tế ..... 54
12. Các hoạt động khác ..... 54
12.1. Thực hiện quy chế dân chủ ..... 54
12.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương ..... 55
12.3. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng ..... 56
12.4. Công tác thanh tra, kiểm tra ..... 56
12.5. Công tác Công đoàn ..... 56
13. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 46 ..... 59
**PHẦN II NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2020 - 2021** ..... 61
1. Nhiệm vụ trọng tâm ..... 61
2. Chỉ tiêu cụ thể ..... 62
3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2020 - 2021 ..... 62

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Tổng hợp giải trình các ý kiến của Hội nghị CBVC các đơn vị
2. Báo cáo tài chính

# PHẦN I
# BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019 - 2020

## 1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2019 - 2020

### *1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 tầm nhìn đến 2030 xác định *"Trường Đại học Mỏ - Địa chất có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực khoa học Trái đất và Mỏ, cũng như các lĩnh vực khoa học khác, đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước".*

Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 9 khoa chuyên môn) với 58 bộ môn, 23 đơn vị chức năng (phòng, ban, trung tâm, trạm, văn phòng). Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Đội ngũ nhân lực có chất lượng với tổng số cán bộ viên chức là 756 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 531 cán bộ, 177 cán bộ hành chính, 48 kỹ sư. Trong số cán bộ giảng dạy có 256 tiến sĩ (04 giáo sư và 51 phó giáo sư), 267 thạc sĩ, 8 đại học.

Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 $m^2$, tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 $m^2$, đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã đền bù giải phóng mặt bằng được 8,7ha trong đó có khu A1(5,2ha) đã hoàn thành giải phóng mặt bằng và được giao đất để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng.

Trong năm 2019, Nhà trường đã được đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA) với tỷ lệ tiêu chí đạt yêu cầu là 85.2%. Giấy chứng nhận số 33/GCN-CSGD được cấp ngày 30/3/2018. Cũng trong năm 2019, Nhà ttrường triển khai công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài với 7 chương trình đào tạo. Đến nay, việc đánh giá ngoài đã cơ bản hoàn thành và đang chờ kết quả chính thức từ hội đồng đánh giá.

Tháng 5/2020, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng đại học nghiên cứu, được cấp Chứng nhận vào ngày 18/8/2020.

***1.2. Tóm tắt bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong giai đoạn tới***

Trong những năm tới là giai đoạn đất nước triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo đó nhiều trường đại học nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam; nhiều tổ chức, công ty, doanh nghiệp sẽ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục Việt Nam; song song với đó là việc áp dụng cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học và Nghị định 99. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Năm năm tới sẽ có sự thay đổi cơ bản, toàn diện về giáo dục theo chiến lược phát triển ngành giáo dục Việt Nam, có sự thay đổi về định hướng phát triển khoa học công nghệ của cả nước.

Đây là giai đoạn phải điều chỉnh mạnh mẽ để triển khai Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; là giai đoạn Nhà trường phấn đấu đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng cơ sở mới tại khu đô thị đại học đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong bối cảnh đó, Trường Đại học Mỏ - Địa chất cần xây dựng một chiến lược phát triển mới, phát huy nội lực, với sức mạnh tổng hợp và tận dụng triệt để mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để nâng cấp và mở rộng, phát triển thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây thực sự là chặng đường vô cùng quan trọng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thực hiện Kế hoạch năm học 2019 - 2020 của Bộ GD&ĐT, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.

- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.

- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật này cũng như nhiều văn bản pháp luật khác đã và chuẩn bị có hiệu lực hiện chưa có hoặc chưa có hiệu lực thi hành, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.

- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong giáo dục, thu hút người dạy, ngừi học và tuyển sinh.

- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của trường.

- Đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội đặc biệt là trong

giáo dục đại học. Các trường đại học trên cả nước cũng như Trường Đại học Mỏ - Địa chất phải chuyển việc giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến online, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đào tạo, hợp tác quốc tế...

- Biến động trong lựa chọn ngành nghề dẫn đến sụt sụt giảm số lượng sinh viên nhập học và người học ở hầu hết các ngành truyền thống gây mất cân đối và ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin *"Một cửa"* mới được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả. Hệ thống KPIs còn đang trong giai đoạn xây dựng và chưa được triển khai.

- Đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và còn chưa linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình đào tạo mới và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số Khoa chuyên còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn thiếu và chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, đào tạo chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và coi người học là đối tượng phục vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng là một yêu cầu quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa thực sự được toàn thể cán bộ viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm và chưa hiệu quả.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như yêu cầu. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu hoạt động tương đối độc lập và chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCN triển khai ở các trung tâm và công ty.

- Số lượng sinh viên sụt giảm và không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, dẫn tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ đang bị thách thức lớn. Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng cho cả thầy và trò hiện nay chưa đáp ứng được với những thay đổi của thực tiễn.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và tiếp tục xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

**2. Công tác chính trị tư tưởng**

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Nhà trường, tăng cường tính chủ động nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong toàn Đảng bộ và Nhà trường.

Thực hiện *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học* và tiếp tục thực hiện Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học, nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động.

Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*" và học tập chuyên đề năm 2020 *"Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*, Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy tiếp tục triển khai phổ biến Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *"Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*"và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về*"Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*". Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình hiện nay, nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ, Đảng ủy Trường triển khai xây dựng nghị quyết về ***"Các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ viên chức và người lao động; tăng cường công tác tuyển sinh và xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội".***

Đảng ủy đã tổ chức Hội nghị học tập chuyên đề năm 2020, các hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng, sinh hoạt chính trị cho đảng viên toàn Trường và kịp thời tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng theo đúng kế hoạch, bằng nhiều hình thức phong phú. Đặc biệt, Đảng ủy đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với cán bộ, viên chức trẻ (dưới 35 tuổi), qua đó các CBVC trẻ đã được trực tiếp lắng nghe, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường về công tác chăm lo, phát triển nguồn lực trẻ; đồng thời, đây cũng là dịp để các cán bộ trẻ bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất, những khó khăn trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như về đời sống. Qua đó, Nhà trường kịp thời có biện pháp điều chỉnh, hỗ trợ nguyện vọng chính đáng của các cán bộ trẻ.

***Nhận xét, đánh giá chung***

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu quan tâm và coi trọng. Qua các buổi học tập chuyên đề, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và triển khai các cuộc vận động đã giúp cho cán bộ, viên chức và sinh viên hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong các hoạt động của Nhà trường; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, đẩy lùi tiêu cực góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong Nhà trường. Cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nội quy, quy định của Nhà trường và nơi cư trú, tạm trú.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn; chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường.

**3. Công tác đào tạo**

***3.1. Công tác tuyển sinh năm học 2019 - 2020***

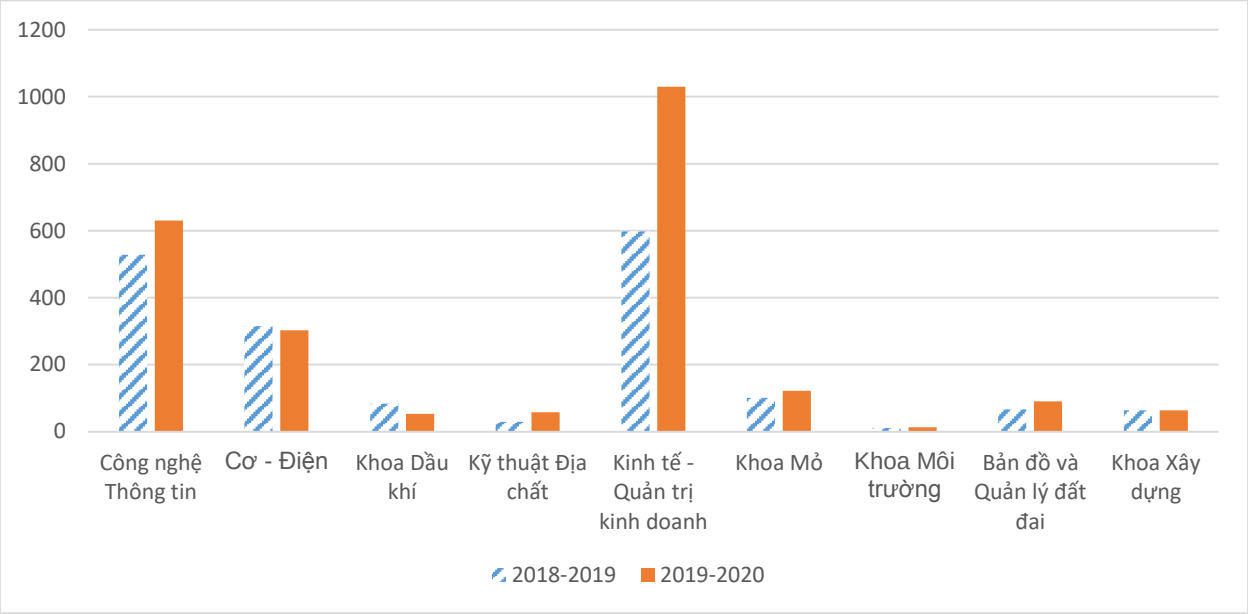
Theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Nhà trường đã tổ chức nghiêm túc, đúng quy định công tác tuyển sinh các hệ: Đại học chính quy; Đại học bằng 2 đợt 1; Liên thông đại học đợt 1; Vừa làm vừa học và Sau đại học. Kết quả tuyển sinh năm học 2019 - 2020 của toàn trường được thể hiện ở các bảng số liệu dưới đây.

***3.1.1. Đào tạo đại học***

*Bảng 1. Kết quả tuyển sinh đại học năm học 2019-2020*

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Chính quy | | | | | | | | Vừa làm vừa học | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *2018-2019* | | | | *2019-2020* | | | | *2018-2019* | | *2019-2020* | |
| | | *VB1* | | *VB2* | *LT* | VB1 | | VB2 | LT | *VB1* | *VB2* | VB1 | VB2 |
| | | *HB* | *THPT* | | | HB | THPT | | | | | | |
| **Khoa:** | **Công nghệ thông tin** | ***6*** | ***518*** | ***2*** | ***2*** | **6** | **624** | **0** | **0** | ***0*** | ***0*** | **0** | **0** |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | *6* | *518* | *2* | *2* | 6 | 624 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | ***104*** | ***188*** | ***8*** | ***2*** | **58** | **205** | **3** | **12** | ***11*** | ***2*** | **20** | **5** |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | *46* | *43* | *0* | *0* | 24 | 29 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | *50* | *42* | *0* | *0* | 34 | 38 | 0 | 5 | *11* | *2* | 20 | 5 |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | *8* | *103* | *8* | *2* | 0 | 138 | 3 | 7 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí** | ***41*** | ***36*** | ***2*** | ***5*** | **23** | **22** | **2** | **6** | ***0*** | ***0*** | **0** | **0** |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | *31* | *17* | *0* | *5* | 17 | 13 | 0 | 6 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | *7* | *18* | *2* | *0* | 6 | 8 | 2 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | *2* | *0* | *0* | *0* | 0 | 0 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học - CTTT | *1* | *1* | *0* | *0* | 0 | 1 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa học và Kỹ thuật Địa chất** | ***10*** | ***8*** | ***9*** | ***0*** | **26** | **6** | **2** | **22** | ***1*** | ***1*** | **2** | **0** |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | *7* | *8* | *9* | *0* | 12 | 6 | 2 | 22 | *1* | *1* | 2 | 0 |
| 7440201 | Địa chất học | *3* | *0* | *0* | *0* | 11 | 0 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | *0* | *0* | *0* | *0* | 3 | 0 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | ***69*** | ***484*** | ***4*** | ***0*** | **111** | **773** | **2** | **113** | ***27*** | ***14*** | **23** | **8** |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | *19* | *244* | *4* | *0* | 28 | 367 | 0 | 0 | *20* | *6* | 20 | 8 |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | *29* | *21* | *0* | *0* | 38 | 105 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| 7340301 | Kế toán | *21* | *219* | *0* | *0* | 45 | 301 | 2 | 113 | *7* | *8* | 3 | 0 |

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Chính quy | | | | | | | | Vừa làm vừa học | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *2018-2019* | | | | *2019-2020* | | | | *2018-2019* | | *2019-2020* | |
| | | *VB1* | | *VB2* | *LT* | VB1 | | VB2 | LT | *VB1* | *VB2* | VB1 | VB2 |
| | | *HB* | *THPT* | | | HB | THPT | | | | | | |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | ***15*** | ***24*** | ***11*** | ***1*** | **26** | **17** | **16** | **0** | ***40*** | ***10*** | **57** | **6** |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | *10* | *18* | *11* | *1* | 21 | 16 | 16 | 0 | *39* | *9* | 52 | 6 |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | *5* | *6* | *0* | *0* | 5 | 1 | 0 | 0 | *1* | *1* | 5 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Môi trường** | ***8*** | ***1*** | ***0*** | ***1*** | **12** | **1** | **0** | **0** | ***1*** | ***0*** | **0** | **0** |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | *8* | *1* | *0* | *1* | 12 | 1 | 0 | 0 | *1* | *0* | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Bản đồ và Quản lý đất đai** | ***21*** | ***26*** | ***16*** | ***2*** | **31** | **34** | **1** | **24** | ***1*** | ***0*** | **0** | **0** |
| 7480206 | Địa tin học | *0* | *0* | *0* | *0* | 4 | 10 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | *12* | *13* | *16* | *2* | 13 | 12 | 1 | 24 | *1* | *0* | 0 | 0 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | *9* | *13* | *0* | *0* | 14 | 12 | 0 | 0 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | ***9*** | ***13*** | ***32*** | ***10*** | **42** | **8** | **11** | **3** | ***0*** | ***0*** | **0** | **0** |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | *9* | *13* | *32* | *10* | 41 | 8 | 11 | 3 | *0* | *0* | 0 | 0 |
| | **TỔNG CỘNG** | ***283*** | ***1.298*** | ***84*** | ***23*** | **335** | **1.697** | **37** | **180** | ***81*** | ***27*** | **102** | **19** |




***Hình 1. Biểu đồ kết quả tuyển sinh trong năm học 2018-2019 và 2019 - 2020***

***Văn bằng 1:*** Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, trong khi một số ngành tuyển vượt quá chỉ tiêu. Điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp. Kết quả này có nhiều nguyên nhân, trong đó có thể kể đến: nhu cầu về ngành nghề, sự biến động của xã hội về cơ cấu nền kinh tế.

***Văn bằng 2, liên thông:*** Số liệu tuyển sinh năm học 2019-2020 cho thấy kết quả tuyển sinh hệ liên thông có sự khởi sắc so với năm học 2018-2019 (180 so với 23, tăng gấp gần 8 lần). Tuy nhiên lại có sự sụt giảm mạnh về số lượng ở hệ văn bằng 2 so với năm trước (37 so với 84, giảm gần 50%).

***Vừa làm vừa học:*** Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề… Kết quả tuyển sinh cho thấy số lượng đầu vào 2 năm liên tiếp đều ở mức thấp.

***3.1.2. Sau đại học***

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2019-2020 (đợt 2 năm 2019 và đợt 1 năm 2020) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 451 học viên cao học và 08 nghiên cứu sinh. So với năm học 2018-2019, số lượng tuyển sinh cao học và NCS năm 2019-2020 có giảm (2018-2019: 484 HVCH, 11 NCS).

***Bảng 2. Kết quả tuyển sinh cao học năm học 2019-2020***

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2018 - 2019 | 2019 - 2020 |
| Tổng số | | **484** | **451** |
| | ***Khoa CNTT*** | ***15*** | ***9*** |
| 1 | Địa tin học | 15 | 9 |
| | ***Khoa Cơ điện*** | ***42*** | ***12*** |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 32 | 0 |
| 3 | Kỹ thuật điện | 10 | 12 |
| 4 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 0 | 0 |
| 5 | Kỹ thuật cơ khí | 0 | 0 |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***7*** | ***14*** |
| 6 | Kỹ thuật dầu khí | 2 | 6 |

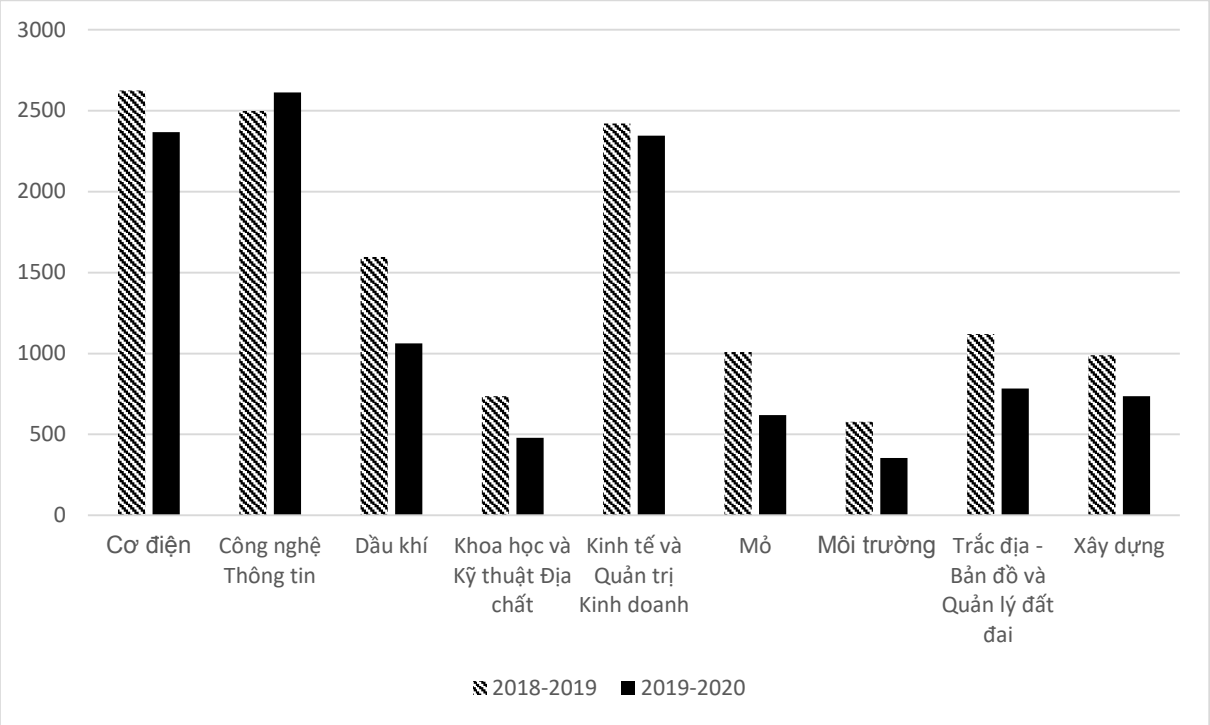
| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2018 - 2019 | 2019 - 2020 |
| 7 | Kỹ thuật địa vật lý | 5 | 2 |
| 8 | Kỹ thuật hóa học | 2 | 6 |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***39*** | ***31*** |
| 9 | Kỹ thuật địa chất | 39 | 26 |
| 10 | Địa chất học | 0 | 1 |
| 11 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 4 |
| | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | ***214*** | ***181*** |
| 12 | Quản lý kinh tế | 214 | 181 |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***29*** | ***47*** |
| 13 | Khai thác mỏ | 25 | 44 |
| 14 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 4 | 3 |
| | ***Khoa Môi trường*** | ***15*** | ***35*** |
| 15 | Kỹ thuật môi trường | 15 | 35 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***118*** | ***105*** |
| 16 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 86 | 89 |
| 17 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 13 | 5 |
| 18 | Quản lý đất đai | 19 | 11 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | ***5*** | ***17*** |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 5 | 17 |

***Bảng 3. Kết quả tuyển sinh NCS năm 2019-2020***

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2018 - 2019 | 2019 - 2020 |
| **Tổng số** | | **11** | **8** |
| | ***Khoa Cơ điện*** | ***2*** | ***0*** |
| 1 | Kỹ thuật điện | 0 | 0 |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 1 | 0 |
| 3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 1 | 0 |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***2*** | ***0*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 2 | 0 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***2*** | ***3*** |
| 6 | Kỹ thuật địa chất | 2 | 3 |
| 7 | Địa chất học | 0 | 0 |
| 8 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 0 |
| | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | ***2*** | ***3*** |
| 9 | Quản lý kinh tế | 2 | 3 |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***2*** | ***1*** |
| 10 | Khai thác mỏ | 1 | 1 |
| 11 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 1 | 0 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***0*** | ***1*** |
| 12 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 0 | 1 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | ***1*** | ***0*** |
| 13 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 1 | 0 |

### *3.2. Quy mô đào tạo*

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2020-2021 là **13.191** người (số lượng ở Vũng Tàu là 302 người), giảm 15% so với năm học trước.




***Hình 2. Quy mô đào tạo trong năm học 2018- 2019 và 2019 - 2020***

***Hệ chính quy:*** Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **11.363**, giảm 14,99% so với năm học 2018-2019 (**13.570** sinh viên**)**, trong đó Đại học: **10.923** (số lượng sinh viên ở Vũng Tàu là 302 SV); Cao đẳng: **134** và Liên thông: **306**.

***Bảng 4. Số lượng sinh viên chính quy***

| TT | Khoa | *2018 - 2019* | | | 2019 - 2020 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ***Đại học*** | ***Cao đẳng*** | ***Liên thông*** | **Đại học** | **Cao đẳng** | **Liên thông** |
| 1 | Công nghệ Thông tin | *2.456* | *30* | *11* | 2.585 | 19 | 8 |
| 2 | Cơ điện | *2.525* | *69* | *31* | 2.293 | 31 | 44 |
| 3 | Dầu khí | *1.592* | *0* | *4* | 1.050 | 0 | 12 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | *675* | *26* | *36* | 441 | 8 | 31 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | *2.278* | *26* | *116* | 2.221 | 12 | 113 |
| 6 | Mỏ | *930* | *50* | *29* | 583 | 24 | 12 |
| 7 | Môi trường | *573* | *4* | *0* | 352 | 2 | 1 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | *985* | *41* | *93* | 706 | 25 | 53 |
| 9 | Xây dựng | *919* | *28* | *43* | 692 | 13 | 32 |
| | **Tổng** | ***12.933*** | ***274*** | ***363*** | **10.923** | **134** | **306** |

***Hệ vừa làm vừa học:*** Tổng số sinh viên Hệ vừa làm vừa học tại các điểm đào tạo trong năm học 2019-2020 là **657** SV, giảm 23% so với năm học trước. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên  ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

***Bảng 5. Số lượng sinh viên vừa làm vừa học***

| TT | Địa điểm đào tạo | *2018 - 2019* | | 2019 - 2020 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | ***VB1*** | ***VB2*** | **VB1** | **VB2** |
| 1 | Cẩm Phả *(Kế toán, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh)* | *35* | *288* | 180 | 40 |
| 2 | Hà Nội *(Kế toán, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Quản trị kinh doanh)* | *36* | *96* | 88 | 44 |
| 3 | Hòn Gai *(Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật xây dựng, Quản trị kinh doanh)* | *7* | *113* | 51 | 0 |
| 4 | Phú Yên *(Kế toán, Kỹ thuật dầu khí)* | *0* | *3* | 2 | 0 |
| 5 | Tây Ninh *(Kỹ thuật mỏ)* | *0* | *17* | 27 | 0 |
| 6 | Thanh Hóa *(Kỹ thuật mỏ)* | *0* | *87* | 87 | 0 |
| 7 | Uông Bí *(Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh)* | *29* | *121* | 75 | 17 |
| 8 | Vũng Tàu *(Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá)* | *0* | *20* | 17 | 0 |
| 9 | Nghệ An *(Kỹ thuật mỏ)* | *0* | *0* | 29 | 0 |
| | **Tổng** | ***107*** | ***745*** | **556** | **101** |

***Sau đại học:*** Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là 1171, trong đó có 1050 học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 121 nghiên cứu sinh của 13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2018-2019, quy mô đào tạo sau đại học tăng 12% (Năm học 2018-2019, quy mô đào tạo sau đại học là 1030, trong đó số lượng học viên cao học là 905 và nghiên cứu sinh là 125). Số lượng NCS nhìn chung là ổn định trong 2 năm gần đây. Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật tuyển khoáng, Địa chất học. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng HVCH nhiều như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ, Kỹ thuật cơ khí động lực.

***Bảng 6. Số lượng học viên cao học***

| TT | Khoa | 2018 - 2019 | 2019 - 2020 |
|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 15 | 24 |
| 2 | Cơ điện | 69 | 56 |
| 3 | Dầu khí | 23 | 28 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 63 | 77 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 499 | 474 |
| 6 | Mỏ | 49 | 85 |
| 7 | Môi trường | 15 | 50 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 164 | 234 |
| 9 | Xây dựng | 8 | 22 |
| | **Tổng** | **905** | **1050** |

*Bảng 7. Số lượng nghiên cứu sinh*

| TT | Khoa | 2018 - 2019 | 2019 - 2020 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 0 | 0 | Chưa có |
| 2 | Cơ - Điện | 20 | 19 | |
| 3 | Dầu khí | 11 | 9 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 33 | 34 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 14 | 15 | |
| 6 | Mỏ | 16 | 16 | |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | Chưa có |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 30 | 27 | |
| 9 | Xây dựng | 1 | 1 | |
| | **Tổng** | **125** | **121** | |

***3.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp***

Khối lượng giảng dạy thực hiện trong năm học 2019-2020 là **244.570** giờ được thực hiện bởi **494** cán bộ. Tổng số giờ vượt của toàn trường là **144.148** giờ. Tuy nhiên, vẫn còn những cán bộ thiếu giờ.

*Bảng 8. Khối lượng giảng dạy năm học 2019 - 2020*

| TT | Khoa | Số lượng cán bộ thực hiện | Tổng giờ thực hiện của cán bộ | Tổng giờ vượt của cán bộ vượt giờ | Tổng giờ thiếu của cán bộ thiếu giờ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 49 | 27715 | 17973 | -390 |
| 2 | Cơ - Điện | 46 | 31883 | 21982 | -333 |
| 3 | Dầu khí | 37 | 21025 | 12995 | 0 |
| 4 | Giáo dục Quốc phòng | 9 | 5394 | 4962 | 0 |
| 5 | Khoa học cơ bản | 85 | 32806 | 14918 | -1496 |
| 6 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 46 | 13184 | 4515 | -1661 |
| 7 | Kinh tế và Quản trị kinh doanh | 47 | 37078 | 27376 | 0 |
| 8 | Lý luận chính trị | 17 | 13144 | 9115 | 0 |
| 9 | Mỏ | 41 | 18926 | 10695 | 0 |
| 10 | Môi trường | 29 | 10461 | 4484 | -120 |
| 11 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 63 | 21366 | 8388 | -2259 |
| 12 | Xây dựng | 25 | 11588 | 6745 | -86 |
| | **Tổng** | **494** | **244570** | **144148** | **-6345** |

*Bảng 9. Số lượng sinh viên tốt nghiệp*

| TT | Khoa | Đã in bằng tốt nghiệp | | | | | Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | |
| 1 | Công nghệ Thông tin | **183** | 1 | 4 | 105 | 73 | 118 |
| 2 | Cơ điện | **335** | 0 | 5 | 149 | 181 | 103 |
| 3 | Dầu khí | **345** | 5 | 29 | 261 | 50 | 145 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | **164** | 0 | 4 | 70 | 90 | 121 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | **395** | 2 | 35 | 296 | 62 | 143 |
| 6 | Mỏ | **186** | 0 | 4 | 130 | 52 | 114 |
| 7 | Môi trường | **109** | 3 | 10 | 85 | 11 | 53 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | **175** | 0 | 26 | 123 | 26 | 116 |
| 9 | Xây dựng | **173** | 0 | 3 | 97 | 73 | 89 |
| | **Tổng cộng** | **2065** | **11** | **120** | **1316** | **618** | **1002** |

*Bảng 10. Kết quả học tập hệ cao đẳng*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 0 | 1 | 0 | 1 | 17 | **19** |
| 2 | Cơ điện | 0 | 0 | 0 | 2 | 29 | **31** |
| 3 | Dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 4 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 1 | 1 | 3 | 0 | 7 | **12** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 0 | 0 | 2 | 2 | 4 | **8** |
| 6 | Mỏ | 0 | 0 | 0 | 1 | 23 | **24** |
| 7 | Môi trường | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | **2** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 4 | 1 | 0 | 0 | 20 | **25** |
| 9 | Xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 | 13 | **13** |
| | **Tổng** | **5** | **4** | **6** | **6** | **113** | **134** |

*Bảng 11. Kết quả học tập hệ đại học*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 28 | 139 | 708 | 607 | 1103 | **2585** |
| 2 | Cơ điện | 47 | 148 | 768 | 560 | 770 | **2293** |
| 3 | Dầu khí | 109 | 187 | 285 | 121 | 348 | **1050** |
| 4 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 134 | 242 | 740 | 446 | 659 | **2221** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 44 | 41 | 109 | 42 | 205 | **441** |
| 6 | Mỏ | 43 | 100 | 159 | 62 | 219 | **583** |

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Môi trường | 102 | 44 | 86 | 34 | 86 | **352** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 117 | 88 | 164 | 79 | 258 | **706** |
| 9 | Xây dựng | 46 | 89 | 188 | 89 | 280 | **692** |
| | **Tổng** | **670** | **1078** | **3207** | **2040** | **3928** | **10923** |

***Bảng 12. Kết quả học tập hệ liên thông***

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 0 | 1 | 0 | 1 | 6 | **8** |
| 2 | Cơ điện | 1 | 3 | 3 | 5 | 32 | **44** |
| 3 | Dầu khí | 1 | 1 | 3 | 4 | 3 | **12** |
| 4 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 26 | 26 | 12 | 10 | 39 | **113** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 3 | 0 | 1 | 0 | 27 | **31** |
| 6 | Mỏ | 1 | 1 | 4 | 0 | 6 | **12** |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | **1** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 13 | 5 | 3 | 1 | 31 | **53** |
| 9 | Xây dựng | 1 | 1 | 1 | 0 | 29 | **32** |
| | **Tổng** | **46** | **38** | **27** | **21** | **174** | **306** |

***Đào tạo đại học:*** Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là **3067**, trong đó chỉ có **2065** sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại **1002** sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

***Đào tạo sau đại học:*** Với quy mô đào tạo **1050** học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và **121** nghiên cứu sinh của 13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo từng năm học.

Các bộ môn, các khoa và các giảng viên đã khắc phục khó khăn về thời gian, điều kiện đi lại, ăn ở trong quá trình giảng dạy và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học viên và NCS có thời gian để học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn, luận án. Các học kỳ được tổ chức theo lịch ổn định đã tạo sự chủ động trong kế hoạch cho cán bộ giảng dạy và học viên.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ cho 394 HVCH và trao bằng cho 546 thạc sỹ; tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường 07 NCS và trao bằng cho 17 tiến sĩ đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

Khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2019-2020 là **25.890** giờ chuẩn, tăng hơn một chút so với năm học trước do số lớp cao học tăng lên (năm học 2018-

2019 là 25.230 giờ). Số lượng HVCH và NCS tốt nghiệp của từng ngành trong 2 năm học 2018-2019 và 2019-2020 được thể hiện trong Bảng 13 và Bảng 14

***Bảng 13. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2018-2019 và 2019 -2020***

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2018-2019 | 2019-2020 |
| **Tổng số** | | **623** | **394** |
| ***Khoa Công nghệ thông tin*** | | ***-*** | ***0*** |
| 1 | Địa tin học | Mới mở | 0 |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***27*** | ***29*** |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 3 | 21 |
| 3 | Kỹ thuật điện | 23 | 5 |
| 4 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 1 | 3 |
| 5 | Kỹ thuật cơ khí | Mới mở | 0 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***42*** | ***9*** |
| 6 | Kỹ thuật dầu khí | 25 | 8 |
| 7 | Kỹ thuật địa vật lý | 3 | 0 |
| 8 | Kỹ thuật hóa học | 14 | 1 |
| ***Khoa KH & KT Địa chất*** | | ***81*** | ***31*** |
| 9 | Kỹ thuật địa chất | 80 | 29 |
| 10 | Địa chất học | 1 | 2 |
| 11 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 0 |
| ***Khoa Kinh tế & QTKD*** | | ***274*** | ***221*** |
| 12 | Quản lý kinh tế | 274 | 221 |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***85*** | ***30*** |
| 13 | Khai thác mỏ | 78 | 23 |
| 14 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 7 | 7 |
| ***Khoa Môi trường*** | | ***-*** | ***0*** |
| 15 | Kỹ thuật môi trường | Mới mở | 0 |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***109*** | ***74*** |
| 16 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 80 | 65 |
| 17 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 29 | 9 |
| 18 | Quản lý đất đai | Mới mở | 0 |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***5*** | ***0*** |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 5 | 0 |

***Bảng14. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020***

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2018-2019 | 2019-2020 |
| **Tổng số** | | **22** | **7** |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***0*** | ***0*** |
| 1 | Kỹ thuật điện | 0 | 0 |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 0 | 0 |
| 3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 0 | 0 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***2*** | ***2*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 1 | 2 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 1 | 0 |
| ***Khoa KH và KT Địa chất*** | | ***4*** | ***2*** |

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2018-2019 | 2019-2020 |
| 6 | Kỹ thuật địa chất | 2 | 1 |
| 7 | Địa chất học | 2 | 0 |
| 8 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 1 |
| ***Khoa Kinh tế và QTKD*** | | ***2*** | ***1*** |
| 9 | Quản lý kinh tế | 2 | 1 |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***3*** | ***0*** |
| 10 | Khai thác mỏ | 3 | 0 |
| 11 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 0 | 0 |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***10*** | ***2*** |
| 12 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 10 | 2 |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***1*** | ***0*** |
| 13 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 1 | 0 |

***Những tồn tại, hạn chế:***

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19, một số hoạt động dạy và học, cũng như các hoạt động phong trào trong năm học 2019 - 2020 bị ảnh hưởng. Tất cả tiến độ đều bị chậm lại so với những năm học trước.

- Một số giảng viên dạy không theo đúng lịch học tập được phân công, tình hình giáo viên dạy dồn giờ và thậm chí rút bớt số giờ dạy theo quy định vẫn còn.

- Tình trạng nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập và nghiên cứu không đúng tiến độ, chậm tốt nghiệp có chiều hướng tăng lên.

- Việc chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật các thông tin, dữ liệu mới vào trong các bài giảng, cũng như biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo cấp nhà xuất bản còn rất hạn chế.

***3.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2019-2020***

Trong năm học 2019 - 2020 Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học **244** sinh viên

***Bảng 15. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học***

| TT | Khoa | SV học đúng tiến độ 2018-2019 | SV buộc thôi học 2018-2019 | SV học đúng tiến độ 2019-2020 | SV buộc thôi học 2019-2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 2.459 | 38 | 2,774 | 54 |
| 2 | Cơ điện | 2.481 | 144 | 2,507 | 34 |
| 3 | Dầu khí | 1.575 | 21 | 1,201 | 34 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 667 | 70 | 582 | 7 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 2.338 | 82 | 2,478 | 51 |
| 6 | Mỏ | 972 | 37 | 735 | 13 |
| 7 | Môi trường | 562 | 15 | 389 | 19 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 1.058 | 61 | 911 | 22 |
| 9 | Xây dựng | 944 | 46 | 827 | 8 |
| | **Tổng** | **13.056** | **514** | **12.404** | **244** |

### *3.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo*

Nhà trường đã nghiên cứu, triển khai hình thức liên kết đào tạo đại học với các trường cao đẳng, cao đẳng nghề, đồng thời phát triển mô hình đào tạo các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp.

Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với một số đơn vị trong nước nhằm thực hiện các liên kết toàn diện về đào tạo và NCKH với mục tiêu hội nhập và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội (Bảng 16).

Tuy nhiên mô hình đào tạo theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp chưa được phát huy đúng với tiềm năng sẵn có của Nhà Trường.

***Bảng 16. Danh sách các đơn vị Trường đã ký thỏa thuận***

| STT | Tên Trường |
|---|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam |
| 2 | Công ty TNHH Hitachi Systems VietNam |
| 3 | Viện Dầu khí Việt Nam |
| 4 | Công ty Cổ phần ADT quốc tế |
| 5 | Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ |
| 6 | Tổng Công ty Đông Bắc |
| 7 | Trường Cao đẳng Truyền hình |
| 8 | Công ty cổ phần ICDL |
| 9 | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội |
| 10 | Trường Đại học Bách khoa - Đại học quốc gia Hồ Chí Minh |
| 11 | Trường Đại học Bách khoa Đại học Đà Nẵng |
| 12 | Trường Đại học Xây dựng |
| 13 | Trường Đại học Giao thông vận tải |
| 14 | Trường Đại học Thủy Lợi |
| 15 | Công ty Cổ phần Fecon |
| 16 | Công ty Cổ phần Licogi 13- Nền móng xây dựng |
| 17 | Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản |
| 18 | Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONG POC) |

#### *3.5.1. Xây dựng và phát triển phương thức đào tạo từ xa*

Nhà trường đã tập trung nguồn lực việc triển khai đào tạo theo hình thức E-Learning như: xây dựng và đưa vào vận hành một Studi hiện đại, và 2 phòng thu âm bài giảng (C402A và C402B), ký hợp đồng tài trợ với Microsoft cung cấp gói phần mềm Office 365 trong đó có module học và họp trực tuyến, đầu tư trang thiết bị như máy tính, micro thu âm chuyên dụng…; xây dựng hệ thống vận hành và quản lý đào tạo, xây dựng bài giảng E-leanring, tập huấn và triển khai xây dựng bài giảng E-Learning theo kế hoạch. Tính đến thời điểm hiện tại đã có 31 bài giảng E-Learning được xây dựng và đang chờ nghiệm thu. Nhà trường cũng đã triển khai xong hệ thống phần mềm học tập trực tuyến E-Learning tại địa chỉ http://elearning.humg.edu.vn đang ở giai đoạn nghiệm thu để đưa vào sử dụng chính thức. Ngoài ra, Nhà trường đã phối hợp với Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc triển khai giảng dạy trực tuyến cho các lớp sinh viên ngành Công nghệ thông tin và ngành Quản trị kinh doanh.

Nhờ đó, khi bệnh dịch Covid-19 bùng phát, nhà trường đã chủ động điều chỉnh hoạt động đào tạo sang hình thức trực tuyến một cách nhanh chóng và nhịp nhàng, không để hoạt động đào tạo bị gián đoạn và còn tạo ra một hệ thống đào tạo mới, linh hoạt và bảo đảm được chất lượng.

### *3.5.2. Quản lý đào tạo*

Công tác quản lý đào tạo được chú trọng từ việc xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng khóa, từng kỳ, cũng như việc lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy, học tập tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến quản lý đào tạo được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung như: quy định tạm thời về đào tạo trực tuyến trong giai đoạn Covid-19, quy định chế độ làm việc của giảng viên.

Nhà trường tiếp tục xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập. Năm học 2019-2020, Nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát khối lượng, điều chỉnh toàn bộ các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ để phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, nhu cầu xã hội và đáp ứng với quy định về nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Đang tiến hành mở thêm 10 ngành đào tạo đại học chính quy và 02 ngành đào tạo sau đại học. Các ngành đang được mở nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và thu hút người học.
- Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung chương trình đào tạo gắn kết với thực tế đáp ứng sự phát triển kinh tế và xã hội trên tinh thần của Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đảm bảo chất lượng.
- Rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo 4.5 năm theo định hướng CDIO để bắt đầu áp dụng từ K64. Áp dụng mô hình đào tạo tín chỉ định hướng niên chế từ K64 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
- Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Việc tổ chức giảng dạy, học tập của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.
- Tăng cường hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm dạy học e-learning và hệ thống quản lý đào tạo Edushop, trong đó nâng cấp các modul hiện có, bổ sung module đào tạo sau đại học và tiếp tục triển khai nâng cấp một số module khác để cải thiện và nâng cao chất lượng quản lý đào tạo chung.

***Bảng 17. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo đang mở mới***

| STT | Tên ngành, chuyên ngành | Trình độ đào tạo |
|---|---|---|
| 1 | Kỹ thuật xây dựng CTGT | Đại học |
| 2 | Kỹ thuật Cơ điện tử | |
| 3 | Kỹ thuật cơ khí động lực | |
| 4 | Luật kinh tế | |
| 5 | Địa chất du lịch | |
| 6 | Khoa học dữ liệu | |
| 7 | Xây dựng CTNTP và Hệ thống tàu điện ngầm | |
| 8 | Quản lý công nghiệp | |
| 9 | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 10 | CNTT chất lượng cao | |
| 11 | Kỹ thuật xây dựng | Thạc sĩ |

| | | |
|---|---|---|
| 12 | Kỹ thuật hóa học | Tiến sĩ |

***Những tồn tại, hạn chế:***

- Việc xin ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định, văn bản còn chậm, nhiều đơn vị không gửi ý kiến, làm cho việc sửa đổi không hiệu quả, chưa đáp ứng được những vấn đề thực tiễn.
- Hoạt động của đội ngũ GVCN, CVHT đạt hiệu quả chưa cao.
- Tính chủ động trong quản lý đào tạo tại các Khoa chưa đạt hiệu quả mong đợi.
- Công tác nhập điểm của một số GV còn quá hạn gây khó khăn trong xét học bổng và xử lý học tập.
- Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về việc nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của sinh viên, học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.
- Do các lớp cao học học buổi tối cho nên công tác thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy và học tập của các lớp cao học tiến hành chưa thường xuyên. Công tác quản lý NCS tuy đã có những chuyển biến nhưng chưa thực sự chặt chẽ, việc báo cáo định kỳ kết quả học tập và nghiên cứu của NCS thực hiện chưa thật nghiêm túc ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đào tạo tiến sĩ của Nhà trường.
- Công tác đào tạo và bồi dưỡng cấp chứng chỉ đào tạo sau đại học vẫn được triển khai thực hiện thường xuyên theo nhu cầu của các tổ chức kinh tế nhưng số lượng lớp giảm nhiều so với những năm trước đây do nhu cầu của xã hội và những bất cập về chính sách của Nhà nước.
- Việc mở mới các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và đại học còn chậm trễ. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ, cũng như tư duy để mở ra các hướng nghiên cứu, các ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế phát triển của khu vực và thế giới như năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ mới, môi trường và biến đổi khí hậu… ở các bộ môn, khoa chuyên môn còn nhiều hạn chế.
- Việc triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo tại tất cả các đơn vị trong Trường còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

***3.6. Xuất bản giáo trình, bài giảng***

- Đã xuất bản 01 giáo trình sau đại học cấp NXB.
- Đã xuất bản 05 giáo trình đại học cấp NXB.
- Đã rà soát, phản biện, biên tập, in ấn Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất 6 số một năm (gồm 4 số tiếng việt và 2 số tiếng Anh).

***Bảng 18. Thống kê công tác xuất bản giáo trình đại học năm học 2019 - 2020***

| TT | Khoa | Tên giáo trình | Loại (giáo trình, sách tham khảo) | Tác giả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dầu khí | Tiếng Anh trong Kỹ thuật hóa học | Giáo trình Đại học | PGS.TS Bùi Thị Lệ Thủy |
| | | Thí nghiệm hóa hữu cơ | Giáo trình Đại học | PGS.TS Bùi Thị Lệ Thủy |
| | | Hệ thống xử lý số liệu địa vật lý | Giáo trình Sau Đại học | PGS.TS Phan Thiên Hương |
| 2 | Kinh tế - Quản trị kinh doanh | Định mức kinh tế kỹ thuật | Giáo trình Đại học | GVC.TS Phan Thị Thái |
| 3 | Mỏ | Chống giữ mỏ hầm lò | Giáo trình Đại học | PGS.TS Trần Văn Thanh |
| 4 | Trắc địa | Xử lý quan trắc và dự báo biến dạng công trình | Giáo trình Đại học | TS. Phạm Quốc Khánh |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình | Giáo trình Đại học | PGS.TS Trần Khánh |
| 5 | Môi trường | Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất | Giáo trình Đại học | PGS.TS Nguyễn Phương |
| | | Đánh giá môi trường chất lượng | Giáo trình Đại học | PGS.TS Nguyễn Phương |
| 6 | Khoa học cơ bản | Thí nghiệm vật lý đại cương | Giáo trình Đại học | TS. Nguyễn Mạnh Hùng |
| 7 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | Địa chất thủy văn nhiễm bẩn | Giáo trình Sau Đại học | PGS.TS Nguyễn Văn Lâm |

***Những tồn tại, hạn chế***

Năm học 2019 - 2020, số lượng giáo trình xuất bản không tăng so với năm học 2018 - 2019 do đó chưa đáp ứng nhu cầu tham khảo của học viên và sinh viên.

***3.7. Công tác tư vấn tuyển sinh, công tác truyền thông và quan hệ công chúng***

***3.7.1 Công tác tư vấn tuyển sinh***

Trong năm học 2019 - 2020, Phòng QHCC và DN đã xây dựng kế hoạch truyền thông phục vụ tư vấn tuyển sinh (Kế hoạch 692a/KH-MĐC) cụ thể và bài bản. Nhà trường cũng đã triển khai xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống . Do dịch bệnh Covid 19 nên công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh đã được chuyển hướng một cách linh hoạt từ tất cả các loại hình khác thu về chỉ còn hình thức truyền thông online; tư vấn tuyển sinh qua các ấn phẩm truyền thông, gọi điện thoại trực tiếp… Bên cạnh đó, nhờ có sự quyết tâm của nhà trường trong việc xây dựng và từng bước đầu tư cơ sở vật chất cho trường quay (Studio) của trường mà rất nhiều hoạt động tuyên truyền, quảng bá hình ảnh và tư vấn tuyển sinh của Nhà trường

Được sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, Phòng QHC đã nỗ lực hết mình trong việc học hỏi kinh nghiệm, tự tìm hiểu về kỹ thuật, đưa ra những sáng kiến cải tiến cho phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường để triển khai và thực hiện truyền thông tư vấn tuyển sinh trong tình hình mới khi dịch Covid -19 diễn biến phúc tap. Do đó, maejc dù diên biến dịch bệnh phức tạp và kéo dài, , Phòng vẫn triển khai và thực hiện được 80% khối lượng công việc theo kế hoạch đã đề ra, đồng thời phát huy tối đa năng lực của tư vấn tuyển sinh trực tuyến. Cụ thể Phòng đã triển khai đồng bộ các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh như:

*Truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp:*

Tham gia chương trình Tư vấn tuyển sinh tại ĐH Bách Khoa (Hà Nội); ĐH Hàng Hải (Hải Phòng); tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh và làm công tác tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 8 điểm trường THPT trên địa bàn Hà Nội (Thượng Cát, Cầu Giấy, Xuân Đỉnh - Hà Nội; Tam Dương, Bình Xuyên (Vĩnh Phúc); Lạng Giang, Việt Yên, Yên Dũng - Bắc Giang) đã tiếp cận và thu thập dữ liệu của sinh viên lớp 12 tại 50 điểm trường của tỉnh Thanh Hóa.

*Truyền thông online qua mạng xã hội:*

Sử dụng rất hiệu quả kênh truyền thông qua mạng xã hội để quảng bá thông tin tuyển sinh tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Trang facebook chính thức của HUMG từ 21.000 lượt like năm 2019 lên 29.000 lượt like và theo dõi trang trong năm 2020 ( số lượt thích trang tăng lên 8 000 người, vượt 38% so với cùng kỳ năm ngoái); Đã thực hiện 40 chiến dịch quảng cáo thông tin hình ảnh của Trường, thông tin tuyển sinh của Trường trên mạng xã hội (zalo,facebook), tổng số lượng tiếp cận với các bài quảng cáo là 267.894 lượt, tổng số lượng tương tác với các bài viết quảng cáo là 454.371 lượt.

Thực hiện 16 chương trình Livestream tư vấn tuyển sinh giới thiệu về ngành nghề đào tạo của tất cả các khoa; hướng dẫn ôn thi các môn cơ bản Toán, Lý, Hóa, Anh; hướng dẫn chuyển đổi nguyện vọng cho thí sinh thu hút hàng chục nghìn người quan tâm, theo dõi trực tiếp và xem lại chương trình;

Thực hiện quảng cáo qua Google ads với hàng ngàn lượt tìm kiếm từ khóa; thực hiện các bài quảng cáo trên zalo OA chính thức của Trường với 32 bài viết hơn 2800 lượt xem.

Tư vấn tuyển sinh qua hình thức gọi điện thoại và trả lời tin nhắn.

Đã trả lời hàng ngàn tin nhắn về tuyển sinh offline và online; đã gọi điện trực tiếp cho 4900 thí sinh trúng tuyển vào trường (trong đó gọi trúng tuyển theo học bạ là 2215 em, gọi trúng tuyển theo kỳ thi THPT QG là 2685 em).

Kết quả: các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh nói trên đã góp phần quan trọng vào kết quả tuyển sinh với số lượng nguyện vọng sinh viên đăng ký vào HUMG là 4900, số lượng sinh viên đã nhập học là 2050.

*Hạn chế và nguyên nhân*

- Đối với những ngành đào tạo có nhu cầu lớn từ xã hội như Công nghệ thông tin, Kinh tế, Cơ Điện cơ bản đã đạt được chỉ tiêu đề ra; xong những ngành truyền thống như Mỏ; Địa chất, Trắc địa, Dầu khí, Môi trường, Xây dựng tỉ lệ tuyển sinh còn thấp.

- Nguyên nhân chính là do nhu cầu của xã hội, của cha mẹ học sinh và bản thân các bạn sinh viên về những ngành này ngày càng giảm mạnh. Trong khi đó những ngành mới như Công nghệ thông tin, Cơ điện, khối ngành Kinh tế đang thu hút sự quan tâm của công chúng.

*Giải pháp*

- Tiếp tục triển khai các phương án tiếp cận công chúng đã làm. Đặt trọng tâm vào các phương thức tư vấn tuyển sinh mang lại hiệu quả cao (theo khảo sát).

- Khai thác các hình thức truyền thông, các phương thức truyền thông, các chiến dịch truyền thông phù hợp (tư vấn sâu về ngành học; các chính sách ưu đãi cho sinh viên).

- Chuyển đổi các ngành học của các khoa đang khó khăn trong công tác tuyển sinh (từ cơ cấu học thuật đến tên gọi) cho phù hợp với nhu cầu của xã hội, bớt tính đặc thù và tăng tính hấp dẫn.

- Mở thêm các ngành học mới, ngành học hot phù hợp với nhu cầu để tăng số lượng tuyển sinh, và có thêm nhiều sự lựa chọn cho thí sinh (Có thể ví dụ thêm từ trường tài nguyên môi trường, đại học công nghiệp v.v..).

- Tăng thêm các chương trình liên kết với nước ngoài, có thể tham khảo các trường bạn (như Trường Đại học Thủy lợi: chương trình đại học định hướng Nhật bản, đại học định hướng Hàn Quốc v.v..).

***3.7.2. Công tác truyền thông và quan hệ công chúng***

Trong năm học 2019 - 2020, Phòng Quan hệ Công chúng và doanh nghiệp đã thực hiện tốt công tác truyền thông nội bộ và truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng;

*Công tác truyền thông nội bộ:* Quản trị và thực hiện tốt phần tin tức trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Đã thực hiện 171 tin, bài về các sự kiện của Nhà trường; đã tham dự và chụp ảnh và ghi hình cho gần 200 sự kiện về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, văn hóa, xã hội, hợp tác quốc tế hoạt động ngoại khóa của cán bộ và sinh viên Nhà trường. Tin tức luôn cập nhật nhanh chóng và kịp thời;

Đã thực hiện trang trí khánh tiết cho tất cả các sự kiện diễn ra trong trường. Trang trí khánh tiết trên các pano lớn theo chủ đề, cho các sự kiện lớn của Đất nước, của Nhà trường trong khuôn viên trường gồm 104 pano trên cổng thông tin điện tử humg.edu.vn và trang facebook chính thức của HUMG. Thực hiện 65 pano truyền thông khổ lớn các loại;

- Đã triển khai thực hiện và đưa vào sử dụng bộ nhận diện thương hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm những nội dung: hệ thống logo, bộ ấn phẩm văn phòng, bộ ấn phẩm số, bộ ấn phẩm đào tạo, bộ biển hiệu, bộ bảng tên, bộ ấn phẩm quảng cáo, bộ trang phục, bộ quà tặng nhằm tạo sự định vị thương hiệu nhất quán trong tâm trí công chúng, giúp cho công chúng ghi nhớ tốt hơn về Trường; làm cho đội ngũ cán bộ, sinh viên cảm thấy tự hào, tạo động lực để phấn đấu xây dựng thương hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất ngày một tốt hơn.

*Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng:*

Thực hiện tốt việc quản trị hình ảnh, thương hiệu của HUMG trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong năm học vừa qua, gần 20 nội dung tin tức về các hoạt động của HUMG đã được đăng tải trên báo chí, truyền hình từ Trung ương đến địa phương;

Quản trị tốt và phát huy hiệu quả công tác truyền thông qua mạng xã hội Facebook, Google, Zalo OA.

**Hạn chế và nguyên nhân**

*Hạn chế:*

- Công tác truyền thông về các hoạt động của Nhà trường (diễn ra ở trong và ngoài trường; các hoạt động quy mô cấp đơn vị) nhiều khi chưa đầy đủ, chưa bao quát hết các mảng công tác của Trường cũng như các Khoa và các đơn vị trong trường;
- Công tác tuyên truyền các sự kiện lớn của Đất nước và của Nhà trường của các ngành liên quan đôi khi còn chưa kịp thời;
- Truyền thông trước sự kiện chưa được chú trọng.

*Nguyên nhân*

- Sự phối hợp trong công tác truyền thông giữa các đơn vị trong trường chưa tốt.
- Tính kế hoạch trong công việc chưa cao.

*Giải pháp*

- Cần xây dựng văn bản quy định về việc phối hợp truyền thông giữa các đơn vị trong trường (chủ động thông báo về các sự kiện sắp diễn ra của đơn vị mình cho truyền thông; chuyên nghiệp hóa việc cung cấp thông tin (viết thông cáo báo chí) của các đơn vị trong trường cho phòng chức năng để đưa thông tin được đầy đủ và chính xác);
- Cần chủ động hơn nữa trong công tác xây dựng kế hoạch truyền thông cho từng sự kiện.

**4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục**

***4.1. Công tác khảo thí***

Trong năm học 2019 - 2020, công tác khảo thí được thực hiện theo đúng lộ trình đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Trong năm học này, Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện thi kết thúc học phần một lần, bỏ tổ thức thi lần 2. Nhà trường tiếp tục triển khai công tác khảo thí đối với tất cả các học phần giảng dạy thuộc hệ vừa làm vừa học và bậc sau đại học.

*Đối với hệ chính quy,* đã tổ chức khảo thí kết thúc học phần đạt khoảng 55% tổng số học phần ở các học kỳ (HK1: 388/755 - 51%; HK2: 286/516 - 55%; HK3: 80/132 - 61%) trên tổng số 873 học phần đã đăng ký khảo thí. Trong cả năm học, Nhà trường có tổ chức thi lần 1 đối 1403 môn học (110232 lượt thi). Như vậy về số học phần khảo thí chiếm 51 - 61%, trong khi đó số bài thi của các học phần khảo thí chiếm tới 63 – 68%%. So với năm học 2018-2019, tỷ lệ số học phần được tổ chức khảo thí trong các học kỳ có tăng thêm một chút, khoảng 3% từ 48% (286/595) lên 51% (388/755) trong HK1; 55% (286/516) trong HK2 và 61% (80/132) HK3.

Tháng 3/2020, Nhà trường đã ra thông báo để các Bộ môn rà soát, đăng ký bổ sung các học phần tổ chức khảo thí; cập nhật ngân hàng câu hỏi đề thi – đáp án; rà soát hình thức ra đề thi, điều chỉnh số câu hỏi trong đề thi tối thiểu có 3 câu nhằm hướng đến việc đánh giá người học qua bài thi được tốt hơn. Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được thay hình thức khảo thí theo yêu cầu của các bộ môn để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi. Thống kê phân bố kết quả chấm bài thi của toàn Trường, Khoa khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị, Các khoa chuyên môn đối với Tất cả các học phần; Học phần khảo thí; Học phần chưa tổ chức khảo thí (Báo cáo tổng kết công tác đào tạo và ĐBCL ngày 23/10/2020) cho thấy cần tiếp tục điều chỉnh, đổi mới công tác ra đề thi, tiếp tục bổ sung các học phần tham gia vào hình thức khảo thí và cần đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá để giúp người học đạt được CĐR học phần.

Công tác chấm thi cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: làm phách trong 2 ngày sau buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Phần lớn giảng viên tham gia nhiệm vụ khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, chấm thi, tự quét điểm bài thi và nhập điểm vào phần mềm hỗ trợ công tác khảo thí (Phần mềm sinh phách-ghép điểm) của Phòng ĐBCL. Công tác cập nhật điểm thi lên Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Edusoft đã được Phòng ĐTĐH thực hiện chủ động với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc. Trong học kỳ 2 và học kỳ 3 vừa qua, các Bộ môn và Khoa chủ quản học phần đã thực hiện được hoàn thành công tác chấm thi, báo điểm sau khi kết thúc kỳ thi 02 tuần.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Tỷ lệ các bài phúc khảo trong khoảng 0,1 - 0,2%; trong đó tỷ lệ bài thi có thay đổi điểm sau khi phúc khảo trong khoảng 0.05 - 0.07%. Thời gian nhận đơn và chấm phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được xác định và đưa lên hệ thống chung của toàn trường. Phòng ĐBCL đã phối hợp tốt với Bộ phận một cửa trong việc tổ chức phúc khảo và báo điểm phúc khảo cho sinh viên.

Các đợt thi tại các địa điểm xa trường được tổ chức theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ xét thực tập, xét đồ án tốt nghiệp cũng như xét học bổng cho các lớp sinh viên.

*Đối với hệ VHVL,* công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy trình khảo thí hệ chính quy, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VHVL, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi cuối học phần được giảng viên gửi kèm đề thi, đáp án và bài thi để thông báo điểm và phục vụ công tác lưu giữ theo quy định.

*Đối với bậc Sau đại học,* công tác khảo thí được thực hiện đối với tất cả các ngành đào tạo và tại các địa điểm liên kết. Công tác tổ chức thi được thực hiện tại các địa điểm liên kết đào tạo do Phòng ĐBCLGD kết hợp cùng Phòng ĐTSĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Tháng 6/2019 Nhà trường đã triển khai Quy trình tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sỹ. Việc chấm thi được thực hiện tập trung, có sự phối hợp với các bộ môn và giảng viên nhằm đảm bảo đúng thời hạn trả điểm thi bậc cao học. Việc lên điểm và báo điểm được thực hiện dưới sự phối hợp của các đơn vị chức năng, chú trọng đến tính chính xác và quyền lợi của học viên.

***Nhận xét, đánh giá chung***

- Công tác khảo thí trong năm học vừa qua đã có triển khai rà soát, đổi mới trong hình thức ra đề thi, Điểm bài thi của các học phần khảo thí có phân dị tốt hơn, đánh giá người học tốt hơn so với điểm bài thi của các học phần chưa đăng ký khảo thí ở Khoa KHCB, LLCT và tất cả các khoa chuyên môn trong Trường. Công tác khảo thí đã hoàn thành chấm thi, báo điểm đúng hạn, giúp cho các khóa sinh viên có điểm thi kết thúc học phần kịp thời, thuận lợi cho công tác xử lý kết quả học tập hàng kỳ, xét khen thưởng, xét học bổng, xét tốt nghiệp cho sinh viên cũng như xét điều kiện bảo vệ và đánh giá tốt nghiệp của học viên cao học.

- Tiếp tục rà soát, đăng ký bổ sung các học phần khảo thí; đổi mới hình thức ra đề thi; thường xuyên cập nhật ngân hàng câu hỏi đề thi đáp án; đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm giúp người học đạt được CĐR học phần được tốt hơn.

***4.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học***

***4.2.1. Kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học***

Trong năm học 2019-2020, do tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, cán bộ, viên chức và sinh viên trong Nhà trường thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, số đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ trong năm học 2019-2020 giảm so với các năm học trước. Cụ thể là Trung tâm đã tổ chức được 8 đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra tin học (trong đó có các đợt kiểm tra tại các điểm xa trường như Quảng Ngãi, Vũng Tàu) cho 6.141 lượt sinh viên. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở bảng sau:

***Bảng 19. Số sinh viên tham dự kiểm ngoại ngữ, tin học năm học 2019 - 2020***

| Đợt kiểm tra | Ngoại ngữ | | | Tin học | | | Địa điểm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | |
| Đợt 5/2019 | 39 | 39 | 100.00% | 39 | 39 | 100.00% | QN |
| Đợt 6/2019 | 381 | 219 | 57.48% | 447 | 283 | 63.31% | HN |
| Đợt 7/2019 | 308 | 146 | 47.40% | 389 | 247 | 63.50% | HN |
| Đợt 8/2019 | 252 | 123 | 48.81% | 310 | 226 | 72.90% | HN |
| Đợt 9/2019 | 519 | 288 | 55.49% | 393 | 266 | 67.68% | HN |
| Đợt 10/2019 | 99 | 79 | 79.80% | 108 | 99 | 91.67% | VT |
| Đợt 1/2020 | 1,007 | 703 | 69.81% | 954 | 703 | 73.69% | HN |
| Đợt 2/2020 | 497 | 318 | 63.98% | 399 | 317 | 79.45% | HN |
| **Cộng** | **3,102** | **1,915** | 61.73% | **3,039** | **2,180** | 71.73% | |

Nhìn vào bảng thống kê cho thấy, tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 3.102 sinh viên, số sinh viên đạt là 1.915 sinh viên, chiếm tỷ lệ 61.73%; tổng số sinh viên dự thi tin học là 3.039 sinh viên, số sinh viên đạt là 2.180 sinh viên, chiếm tỷ lệ 71.73%.

***Bảng 20. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, tin học năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020***

| | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Tăng/Giảm |
|---|---|---|---|
| **Tổng số thí sinh** | **7,437** | **6,141** | **-1,296** |
| Ngoại ngữ | 3.218 | 3,102 | -116 |
| Tin học | 4.219 | 3,039 | -1,180 |
| **Số thí sinh đạt** | **5.261** | **4.095** | **-1,166** |
| Ngoại ngữ | 2.152 | 1,915 | -237 |
| Tin học | 3.109 | 2,180 | -929 |

So với năm học trước, số lượng sinh viên tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ giảm kéo theo tỷ lệ đạt Chuẩn đầu ra cũng giảm.

Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, trong năm học 2019 – 2020, Trung tâm cũng đã tổ chức hai đợt kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ cho 2.600 sinh viên K63 và K64. Kết quả kiểm tra là cơ sở để Nhà trường đưa ra số tín chỉ tối đa sinh viên được phép đăng ký ở học kỳ sau và phân loại để tổ chức lớp tiếng Anh tăng cường.

***4.2.2. Công tác cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học***

Trong năm học 2019 - 2020, Trung tâm đã làm thủ tục cấp, phát 923 chứng nhận cho sinh viên, trong đó có 446 chứng nhận ngoại ngữ và 348 chứng nhận tin học. Điều này chứng tỏ sinh viên càng ngày càng tín nhiệm các chứng nhận do Nhà trường cấp, tự tin sử dụng các chứng nhận này khi tham gia tuyển dụng tai các đơn vị sử dụng lao động.

***4.2.3. Công tác bồi dưỡng ngoại khóa ngoại ngữ, tin học***

Một trong những chức năng và nhiệm vụ trọng tâm của Trung tâm là bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho sinh viên Nhà trường để đạt chuẩn đầu ra theo quy định.

Về ngoại ngữ, các chương trình bồi dưỡng tại Trung tâm chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng của người học, đặc biệt là các kỹ năng mà sinh viên còn yếu như nghe, nói. Trong năm học vừa qua, Trung tâm đã tổ chức được 4 lớp bồi dưỡng ngoại ngữ với 56 sinh viên tham gia trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 56 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Bên cạnh đó, Trung tâm đã phối hợp với phòng Đào tạo Đại học, bộ môn Ngoại ngữ tổ chức 09 lớp tiếng Anh tăng cường cho hơn 300 sinh viên nhằm tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên học và thực hành ngôn ngữ, đảm bảo lộ trình đạt Chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, Trung tâm đã triển khai để

sử dụng nhiều giáo trình nước ngoài kết hợp các tài liệu của giáo viên để giảng dạy, về cơ bản đã tạo dựng được môi trường học tập đáp ứng yêu cầu cho những sinh viên thực sự yêu thích ngoại ngữ và có nhu cầu.

Đối với môn tin học, Trung tâm đã tổ chức được 10 lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin cơ bản với 105 sinh viên tham gia, trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 105 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Về cơ bản, các bài giảng là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành với tài liệu, giáo trình giảng dạy của Khoa Công nghệ thông tin giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học.

***4.2.4. Công tác tự chủ:***

Tháng 12 năm 2019, Trung tâm đã hoàn thành Đề án tự chủ và được Nhà trường phê duyệt đồng thời là đơn vị tiên phong được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ, tin học cho sinh viên theo Quyết định số 1975/QĐ-MĐC ngày 30/12/2019. Đây là một bước ngoặt lớn giúp Trung tâm chủ động, linh hoạt hơn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự, tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với vị trí việc làm đồng thời ký kết, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để không ngừng nâng cao chất lượng chuyên môn, tăng cường tự chủ về hoạt động tài chính, đảm bảo nguồn thu sự nghiệp phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các chế độ cho người lao động, đặc biệt góp phần tăng nguồn thu cho Nhà trường.

Bên cạnh đó, tháng 5 năm 2020, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đã đổi tên thành Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG để phù hợp với quy định mới. Đến tháng 6 năm 2020, Nhà trường đã ban hành Nội quy tổ chức và hoạt động của Trung tâm theo Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo Trung tâm hoạt động theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

***Hạn chế:***

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo do Trung tâm tổ chức vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sĩ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao. Chưa mời được được những giảng viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy các lớp học ngoại khóa.

***Nguyên nhân:***

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng về việc phải ôn luyện để nắm chắc kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng Chuẩn đầu ra và yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

Sinh viên có tâm lý thi trượt thì thi lại do lệ phí thi tương đối thấp so với học phí một lần tham gia lớp học ôn (lệ phí dự thi là 180.000 nghìn, học phí lớp ôn tin học là 500.000 nghìn, ngoại ngữ là 600.000 nghìn). Hơn nữa, sinh viên có thể dễ dàng thi lại vì các đợt thi được tổ chức liên tục, như trong năm học 2019 - 2020 Trung tâm đã tổ chức 8 đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.

Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp đòi hỏi người học phải có khả năng làm việc độc lập, có ý thức tự giác cao độ và phải biết lập kế hoạch phù hợp với bản thân, tự định hướng trong học tập để thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

Chi phí hiện nay Nhà trường chi trả cho giáo viên dạy ngoài giờ thấp hơn so với mặt bằng chung, do đó khó có thể mời được các giáo viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham giao giảng dạy tại Trung tâm.

Một số khoa chuyên môn, các sinh viên tự thành lập các nhóm, lên lịch học và hỗ trợ nhau tự ôn thi.

***Giải pháp:***

Tăng cường hoạt động tuyển sinh và quảng bá nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên về việc ôn luyện để có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt nhất cho kiểm tra Chuẩn đầu ra.

Tiếp nhận ý kiến đóng góp của giảng viên và học viên về chương trình đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo.

Chủ động và tích cực hơn nữa trong việc lựa chọn giáo viên có trình độ cao và chủ động trong công tác tài chính, mức chi trả cho giáo viên phù hợp nhằm thu hút được giảng viên có trình độ tham gia công tác đào tạo tại Trung tâm.

***4.3. Công tác đảm bảo chất lượng***

Trong năm qua, kế hoạch đảm bảo chất lượng đã được xây dựng và thực hiện: khảo sát về chất lượng giảng dạy của giảng viên và môn học, lấy ý kiến/thông tin về sinh viên tốt nghiệp, ý kiến của nhà sử dụng lao động về nội dung, chương trình đào tạo; triển khai công tác cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động trong Nhà Trường sau đánh giá ngoài; Nhà trường trở thành thành viên tổ chức kiểm định chất lượng của Hiệp hội các trường đại học Châu Á - AUN QA.

Trong thời gian qua, Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019; Nhà trường đã ban hành quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 11/11/2019 về Cấu trúc tổ chức, mô hình và hoạt động ĐBCLGD bên trong của Trường.

Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 07 CTĐT cho 06 khoa: Mỏ, Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ, Dầu khí, CNTT, Xây dựng, Môi trường; đã triển khai tốt các công tác phục vụ đánh giá ngoài, kiểm định 07 CTĐT. Hiện nay, Nhà trường đã nhận được dự thảo Báo cáo ĐGN 07 CTĐT, có kết quả cụ thể 04 CTĐT đạt 92% tiêu chí đạt (46/50: Kỹ thuật Mỏ; Kỹ thuật tuyển khoáng; Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ; Kỹ thuật dầu khí); 01 CTĐT đạt 90% (45/50: Công nghệ thông tin) và 02 CTĐT đạt 88% (44/50: Kỹ thuật Xây dựng và Kỹ thuật môi trường). Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm KĐCLGD – ĐHV sẽ tổ chức họp thẩm định kết quả ĐGN vào 09/11/2020.

Tháng 5/2020, Phòng cũng đã chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị trong toàn trường, hoàn thành việc tham gia xếp hạng các trường ĐH theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng đại học nghiên cứu, được cấp Chứng nhận vào ngày 18/8/2020.

Trong năm học vừa qua, Phòng đã chủ trì tiến hành soạn thảo Quy chế quản lý văn bằng chứng chỉ Trường Đại học Mỏ-Địa chất 10/2019 và 03/2020. Hiện nay, Quy chế quản lý văn bằng chứng chỉ Trường Đại học Mỏ-Địa chất được ban hành theo QĐ 133 ngày 3/3/2020 đã được chính thức được áp dụng từ tháng 03/2020. Trong một năm qua, Phòng đã phối hợp với Xưởng in Văn phòng Bộ (Bộ GDĐT) để in 2 đợt, khoảng 10200 phôi bằng Cử nhân, Kỹ sư, Thạc sỹ, Tiến sỹ: Đợt 1 (10/2019; 100 TS; 1000 ThS); Đợt 2 (10/2020; 100 TS; 2000 ThS; 5000 KS; 2000 CN).

Hiện nay Phòng ĐBCL đang cùng với các đơn vị trong Trường triển khai xây dựng và hoàn thành Báo cáo cải tiến chất lượng giữa chu kỳ KĐCLGD Trường trong tháng 10/2020; triển khai xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021; Kế hoạch đảm bảo chất lượng trung hạn 2020 - 2023; Kế hoạch đảm bảo chất lượng 2020 - 2025; Rà soát và triển khai hoạt động có hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong của Trường.

***Nhận xét, đánh giá chung***

Công tác đảm bảo chất lượng đã được đẩy mạnh trong năm học vừa qua, có kết quả tốt. Cần tiếp tục phát huy và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng trong năm học tới.

Công tác đảm bảo chất lượng cấp CTĐT cần được quan tâm, triển khai một cách hệ thống và chuyên nghiệp, phục vụ tốt hơn việc kiểm định CTĐT và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong Trường.

Tăng cường công nghệ thông tin trong công tác khảo thí và ĐBCL:

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án tiếp tục được tổ chức thực hiện đối với các học phần khảo thí hệ đào tạo chính quy, theo các hình thức thi khác nhau:

trắc nghiệm, tự luận, kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Phòng ĐBCL tiếp tục sử dụng phần mềm iQBLion và McMIX-Pro để quản lý cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án.

Hiện nay, Nhà trường đã có CSDL NHCH của 305 (873) học phần chiếm 35% tổng số các học đang phần đã đăng ký khảo thí. Tuy vậy, CSDL, NHCH tập trung vào các học phần "đầu 4-" trước đây. Các học phần mới "đầu 7-" của CTĐT 4 năm và 4,5 năm đang được triển khai giảng dạy vào năm học này và năm học tới nên các Bộ môn cần chủ động bổ sung CSDL NHCH cho các học phần mới. Bên cạnh đó, bản thân ngân hàng câu hỏi đề thi – đáp án các học phần đã có nhưng số lượng còn khiêm tốn, lại được sử dụng lặp đi lặp lại qua nhiều đợt thi trong thời gian qua cần được bổ sung, cập nhật kịp thời.

Việc sử dụng Phần mềm hỗ trợ công tác TĐG-ĐGN CTĐT thể hiện nhiều ưu điểm trong thời gian TĐG và ĐGN 07 CTĐT cũng như trong xây dựng Báo cáo CTCL giữa chu kỳ KĐCL Trường trong năm học vừa qua. Trong năm học tới cần phối hợp với Khoa CNTT Trường ĐH Đại Nam để nâng cấp các tính năng của phần mềm, phục vụ tốt hơn công tác ĐBCL của Nhà trường.

***Nguyên nhân của những hạn chế***

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo, khảo thí, kiểm định CTĐT trong thời gian qua đã được Nhà trường quan tâm đầu tư, tuy nhiên vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Quy định về công tác ĐBCLGD Trường, Hội đồng ĐBCL Trường cũng như Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường (mô hình mạng lưới, cơ cấu tổ chức) mới được xây dựng, kiện toàn nên khi triển khai các hoạt động còn bộc lộ sự thiếu chuyên nghiệp và hạn chế.

- Việc triển khai tự đánh giá, đánh giá ngoài 7 CTĐT đã hoàn thành tháng 9/2020; tuy nhiên việc cải tiến chất lượng sau kiểm định Trường và 4 CTĐT trong năm qua còn diễn ra chậm.

- Công tác ĐBCL trong thời gian qua đã có nhiều khởi sắc, tuy vậy cần tiếp tục phát huy và đẩy mạnh công tác cải tiến chất lượng với những giải pháp đồng bộ: ***Chiến lược-Hệ thống-Thực hiện chức năng-Kết quả hoạt động*** một cách chuyên nghiệp, thực chất và hiệu quả hơn nữa.

- Chưa xây dựng quy trình quản lý đào tạo phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT theo theo tiêu chuẩn AUN-QA đối với Chương trình Kỹ thuật hóa học (Chương trình Tiên tiến) của Nhà trường.

**5. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên**

***5.1. Công tác sinh viên***

- Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường về công tác quản lý sinh viên.

- Năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã tổ chức Tuần công dân - sinh viên với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng Công tác chính trị - Sinh viên và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

Trong đợt học tập chính trị đầu khoá, đầu năm học có kiểm tra, đánh giá, viết thu hoạch của từng sinh viên. Kết quả bài thu hoạch có 02 sinh viên đạt loại xuất sắc, 112 sinh viên đạt loại giỏi, 2.224 sinh viên đạt loại khá, 3.650 sinh viên đạt loại trung bình khá, 3.570 sinh viên đạt loại trung bình, 260 sinh viên đạt loại yếu, kém.

- Để động viên, khuyến khích tinh thần học tập cho các em sinh viên, hàng năm Nhà trường đều tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng cho sinh viên có thành tích tốt trong học tập. Năm học 2019 - 2020, đã trao học bổng khuyến khích học tập cho 1.260 sinh viên đại học, cao đẳng (HKI: 660 sinh viên, HKII: 600 sinh viên) với tổng số tiền 7.294.807.867 tỷ đồng; khen thưởng cho 66 sinh viên Xuất sắc (Kỳ I: 23 SV, Kỳ II: 43 SV), 801 sinh viên Giỏi (HKI: 302 SV, HKII: 499 SV) với tổng số tiền 94.500.000 triệu đồng. Ngoài ra, Nhà trường còn nhận nhiều học bổng tài trợ của các Tập đoàn, Công ty, các tổ chức trong và ngoài nước như: học bổng Kova (20 triệu đồng), học bổng của PGS.TS Nguyễn Quang Thắng (21 triệu đồng).

- Để tạo điều kiện cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, phấn đấu đạt được ước mơ của mình, trong năm học 2019- 2020 Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện việc xét miễn giảm học phí học kỳ I cho 148 sinh viên, học kỳ II cho 145 sinh viên theo quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP với tổng kinh phí là 1.390.032.000 tỷ đồng.

- Nhà trường lập kế hoạch hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao năm học theo từng tháng, từng quý phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường. Tổ chức nhiều hoạt động thu hút được sự tham gia của đông đảo sinh viên như: giải bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng rổ, Hội diễn văn nghệ, Hội khoẻ 26/3, Ngày hội Sách; tạo điều kiện cho các câu lạc bộ sinh viên tổ chức các buổi sinh hoạt, các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo không khí phấn khởi, vui tươi, lành mạnh trong sinh hoạt, học tập của cán bộ viên chức và sinh viên.

- Tổ chức các buổi nói chuyện, tư vấn tâm lý cho sinh viên; qua đó nắm bắt tâm lý sinh viên, tư vấn giúp sinh viên vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, học tập; giúp sinh viên có lối sống, thái độ học tập tốt hơn, phòng tránh tệ nạn xã hội,…

- Tổ chức hiệu quả Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên. Hội nghị là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

***Những tồn tại, hạn chế***

- Chưa hình thành kênh thu thập thông tin về cựu sinh viên một cách chính thống, bài bản, chủ yếu thông qua mạng xã hội hoặc liên lạc của các cá nhân.

- Học bổng cho sinh viên còn thấp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên còn hạn chế.

- Công tác xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ.

- Tình trạng sinh viên còn nợ chuẩn đầu ra tin/ngoại ngữ ở mức cao.

***5.2. Công tác QHDN và hỗ trợ việc làm sinh viên***

Trong năm 2020 đã ký kết thỏa thuận hợp tác với 16 đơn vị trong đó có các đối tác chiến lược, có mối quan hệ gắn bó mật thiết với các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường như: Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam TKV; Tổng công ty Đông Bắc; Công ty PVEP, Cục đo đạc bản đồ - Bộ tổng tham mưu v.v...;

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong Trường và các cựu sinh viên tìm kiếm, thiết lập và mở rộng quan hệ với các đối tác, doanh nghiệp và các cá nhân ngoài Trường để xúc tiến các hoạt động vận động tài trợ phục vụ cho các hoạt động và chiến lược phát triển của Trường;

- Hoàn thành khảo sát người học sau tốt nghiệp 60% (gần 3000 sinh viên tốt nghiệp năm 2019)

- Hợp tác với Jobnow xây dựng thành công cổng Thông tin việc làm HUMG, từ *khi khai trương ngày 17/7/2020 đến nay, đã đăng thông tin tuyển dụng cho 64 DN với 792 vị trí việc làm;*

Tổ chức thành công Ngày hội việc làm lần thứ 15 theo hai hình thức Online và Offline:

+ Offline: DN tham gia: 26; Số vị trí việc làm: 231; Số lượng SV tham gia: 80

+ Online: DN tham gia: 17; Số vị trí việc làm: 1240; Số lượng SV tham gia: 5

- *Tổ chức tuyển dụng online ngày 16/10/2020*

+ Online: DN tham gia: 13; Số vị trí việc làm: 176; Số lượng SV tham gia: 3

- Tổ chức thành công 3 hội thảo tuyển dụng cho các doanh nghiệp sử dụng nguồn nhân lực của HUMG tại trường.

- Tổ chức thành công cuộc thi "Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp HUMG 2020" với sự tham gia của 9 khoa chuyên môn và 11 ý tưởng, trong đó có 2 ý tưởng xuất sắc được lựa chọn vào vòng thi cấp quốc gia;

**Hạn chế và nguyên nhân**

*Hạn chế:* Hiện nay việc ký kết thỏa thuận hợp tác giữa các đơn vị đang làm rất tốt ở khâu kết nối, tuy nhiên để triển khai các thỏa thuận hợp tác vẫn còn nhiều hạn chế;

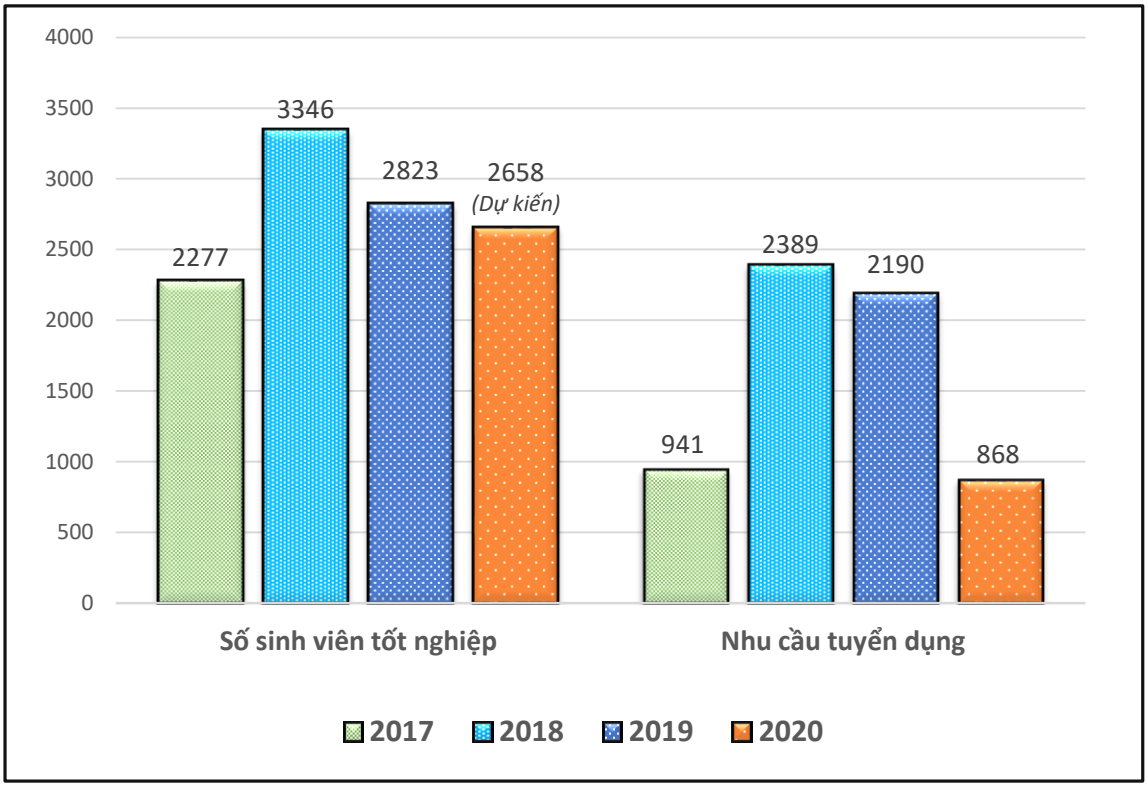
*Nguyên nhân*: do năm nay diễn biến của dịch bệnh phức tạp nên rất khó trong việc triển khai công việc giữa các đơn vị đã thực hiện ký kết thỏa thuận;

Thứ hai, nguồn nhân lực của Phòng trong lĩnh vực này mỏng, trong khi đó để chăm sóc tốt các mối quan hệ cần phải rất chu đáo và có sự phối hợp nhịp nhàng của tất cả các đơn vi;

*Giải pháp:* Cần phải có sự phân công cụ thể, chia sẻ công việc với các đơn vị có liên quan để chăm sóc và khai thác các mối quan hệ đã có với các doanh nghiệp, đồng thời tìm kiếm thêm các đối tác mới có tiềm năng để hỗ trợ tối đa cho Nhà trường và sinh viên;

**Bảng 21. Nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp đối với sinh viên tốt nghiệp các ngành của Nhà trường năm 2017, 2018, 2019 và 2020**

| TT | Ngành tuyển | 2017 | | 2018 | | 2019 | | 2020 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số SVTN | Nhu cầu tuyển dụng | Số SVTN | Nhu cầu tuyển dụng | Số SVTN | Nhu cầu tuyển dụng | Số SVTN *(Dự kiến)* | Nhu cầu tuyển dụng |
| 1 | Kỹ thuật dầu khí | 203 | 8 | 223 | 20 | 210 | 17 | 177 | 25 |
| 2 | Kỹ thuật địa vật lý | 50 | 11 | 55 | 19 | 35 | 15 | 48 | 8 |
| 3 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 104 | | 184 | 2 | 182 | 35 | 103 | 21 |
| 4 | Kỹ thuật địa chất | 246 | 23 | 409 | 43 | 281 | 106 | 202 | 57 |
| 5 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 278 | 100 | 516 | 175 | 298 | 346 | 192 | 145 |
| 6 | Kỹ thuật mỏ | 231 | 19 | 283 | 32 | 211 | 33 | 123 | 46 |
| 7 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 58 | 7 | 88 | 5 | 105 | 8 | 64 | 4 |
| 8 | Công nghệ thông tin | 139 | 221 | 260 | 1.044 | 214 | 373 | 287 | 168 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 146 | 19 | 125 | 233 | 135 | 125 | 173 | 85 |
| 10 | Kỹ thuật điện, điện tử | 120 | 96 | 185 | 356 | 174 | 332 | 176 | 127 |
| 11 | Kỹ thuật cơ khí | 36 | 30 | 76 | 155 | 64 | 108 | 144 | 88 |
| 12 | Kỹ thuật công trình xây dựng | 166 | 173 | 335 | 133 | 209 | 141 | 218 | 34 |
| 13 | Kỹ thuật môi trường | 102 | 16 | 159 | 26 | 204 | 110 | 161 | 4 |
| 14 | Quản trị kinh doanh | 120 | 191 | 83 | 118 | 207 | 345 | 191 | 37 |
| 15 | Kế toán | 278 | 27 | 365 | 28 | 256 | 89 | 327 | 3 |
| 16 | Quản lý đất đai | | | | | 38 | 7 | 72 | 16 |
| **Tổng cộng** | | **2.277** | **941** | **3.346** | **2.389** | **2.823** | **2.190** | **2.658** | **868** |




**Hình 3: Số lượng sinh viên tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp đối với sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường năm 2017, 2018, 2019 và 2020**

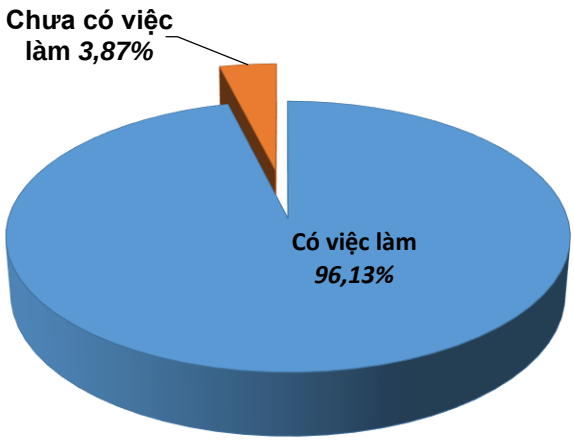
- Về tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp (SVTN):

*+ Năm 2018 :*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất có 3.331 sinh viên tốt nghiệp (SVTN). Số SVTN được khảo sát có phản hồi là 2.160 sinh viên (đạt 94,86%) Trường Đại học Mỏ - Địa chất tỷ lệ có việc làm rất cao (Hình…)

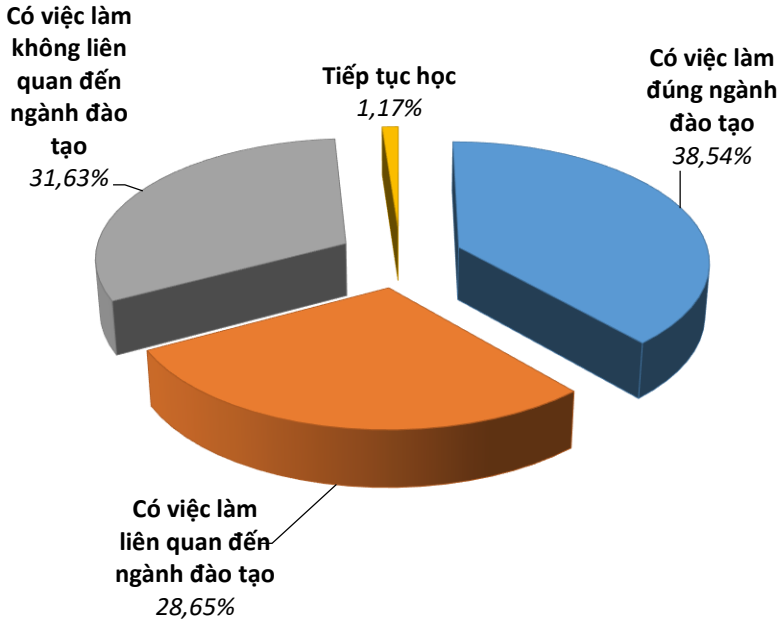
- Số SVTN: 3.331 sinh viên;
- Số SVTN được khảo sát có phản hồi: 2.302 sinh viên (đạt 69,11%);
- Số SVTN có việc làm: 2.213 sinh viên viên, đạt 96,13% trên tổng số SVTN có phản hồi;
- Số SVTN chưa có việc làm: 89 sinh viên, chiếm 3,87% trên tổng số SVTN có phản hồi.

Tại biểu đồ (Hình 2) cho thấy tỷ lệ SVTN có việc làm/Số SVTN có phản hồi rất cao (96,13%), tỷ lệ SVTN chưa có việc làm chiếm tỷ lệ khá thấp (3,87%). Số SVTN chưa có việc làm theo phản hồi phần lớn là do chưa tìm được việc làm phù hợp nên chưa đi làm, tạm nghỉ việc chỗ làm cũ chờ chỗ làm việc mới, hoặc ở nhà nuôi con nhỏ…




***Hình 4: Tỷ lệ sinh viên có việc làm/Tổng số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát có phản hồi***

Hình 4 cho thấy việc làm của SVTN liên quan với ngành đào tạo của Nhà trường như sau :
- Số SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo : 853 sinh viên (38,54%);
- Số SVTN có việc làm liên quan đến ngành đào tạo:634 sinh viên (28,65%) ;
- Số SVTN có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo : 700 sinh viên (31,63%) ;
- Số SVTN tiếp tục học : 26 sinh viên (1,17%).




***Hình 5: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và ngành đào tạo***

+ Năm 2019: Nhà trường có 2.823 SVTN. Về tình hình việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đang được Nhà trường khảo sát, kết quả sẽ được tổng kết và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 12/2020.

***Hạn chế và nguyên nhân***

- Ngày hội việc làm cũng như một số hoạt động khác dành cho sinh viên trong những năm gần đây rất khó thu hút được nhiều sinh viên tham gia. Việc làm là vấn đề quan trọng nhất đối với sinh viên tốt nghiệp nhưng cũng nhận được ít sự quan tâm của sinh viên.

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao nhưng làm đúng chuyên ngành còn thấp, có thể do người lao động hiện nay có nhiều sự lựa chọn hơn và một số ngành liên quan đến Nhà trường đào tạo hiện nay không còn hấp dẫn do môi trường và điều kiện làm việc.

- Hoạt động khởi nghiệp mới chỉ dừng lại ở các cuộc thi, phát triển các ý tưởng; chưa có ý tưởng nào được triển khai thành dự án và đưa vào thực tiến sản xuất, kinh doanh.

- Chưa thực sự chú trọng vào việc tăng cường, mở rộng, phát triển mối quan hệ với các địa phương và doanh nghiệp để triển khai các đề tài, dự án nhằm mở rộng cung cấp nguồn nhân lực, tìm kiếm việc làm cho cán bộ và sinh viên trong Trường.

- Chưa thu hút được doanh nghiệp cùng đồng hành với Nhà trường trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên và doanh nghiệp.

***5.3. Công tác Dịch vụ***

Năm học 2019 - 2020, Trung tâm Dịch vụ đã tiếp nhận 804 sinh viên vào ở nội trú (không bao gồm sinh viên nước ngoài) đã thu và nộp Nhà trường theo đúng Biên bản giao khoán giữa Trung tâm và Nhà trường: **1.945.000.000** đồng.

Năm học 2019 - 2020 đã thu và nộp Nhà trường theo đúng Biên bản giao khoán giữa Trung tâm và Nhà trường:

- Bãi trông xe KTX khu A: **35.000.000** đồng.
- Bãi trông xe KTX khu B: **45.000.000 đ**ồng
- Bãi trông xe giảng đường khu B: **80.000.000** đồng
- Bãi trông ôtô khu B: **230.400.000** đồng

Kinh phí chi thường xuyên và kinh phí thực hiện năm 2019, 2020 được tổng hợp trong các bảng 22 và bảng 23.

***Bảng 22. Kinh phí thực hiện năm 2019***

| STT | Nội dung | Kế hoạch (1.000đ) | Thực hiện (1.000đ) | Đạt so với kế hoạch (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí dọn vệ sinh toàn trường + phát sinh công thêm giờ chủ nhật, ngày lễ… | 2,500,000 | 2,297,220 | 91,89 |
| 2 | Chi dịch vụ bảo vệ khu B | 316,800 | 316,800 | 100 |
| 3 | Chi xử lý chất thải sinh hoạt trong trường | 187,200 | 187,200 | 100 |
| 4 | Chi mua giấy vệ sinh, nước rửa tay khu vực nhà vệ sinh cán bộ | 66,000 | 66,000 | 100 |
| 5 | Chi làm thêm ngoài giờ nhà xe | 96,000 | 96,000 | 100 |
| 6 | Chi làm thêm ngoài giờ KTX Nước ngoài + trực ca 3 | 80,000 | 80,000 | 100 |
| 7 | Chi xử lý, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong trường | 30,000 | 30,000 | 100 |
| 8 | Chi tiền cước phí Truyền hình cáp tầng 7 nhà khách KTX nước ngoài | 2,640 | 2,640 | 100 |
| 9 | Chi tiền hỗ trợ đội TNXK | 80,000 | 80,000 | 100 |
| 10 | Chi dọn vệ sinh KTX đầu kỳ | 10,000 | 10,000 | 100 |
| 11 | Chi tiền đón tiếp sinh viên đầu năm học mới | 9,000 | 9,000 | 100 |
| **Tổng cộng** | | **3,377,640** | **3,174,860** | **93,99** |

***Nhận xét, đánh giá chung:***

Năm học 2019 - 2020, trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng lãnh đạo Nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng cơ sở vật chất để đáp ứng đủ yêu cầu của công tác đào tạo. Công tác cải tạo, sửa chữa thường xuyên được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn trường; tạo môi trường cảnh quan sạch đẹp, vệ sinh, cải thiện được tình hình ăn, ở, sinh hoạt cho sinh viên và cán bộ trong toàn Trường, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ y tế và vấn đề an toàn thực phẩm của nhà Trường.

***Bảng 23. Kinh phí thực hiện năm 2020***

| STT | Nội dung | Kế hoạch năm 2020 (1.000đ) | 3 quý đầu năm 2020 (1.000đ) | So với kế hoạch (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí dọn vệ sinh toàn trường + phát sinh công thêm giờ chủ nhật, ngày lễ… | 2,500,000 | 1,794,870 | 71,8 |
| 2 | Chi dịch vụ bảo vệ khu B | 316,800 | 237,600 | 75 |
| 3 | Chi xử lý chất thải sinh hoạt trong trường | 187,200 | 140,400 | 75 |
| 4 | Chi mua giấy vệ sinh, nước rửa tay khu vực nhà vệ sinh cán bộ | 66,000 | 49,500 | 75 |
| 5 | Chi làm thêm ngoài giờ nhà xe | 96,000 | 72,000 | 75 |
| 6 | Chi làm thêm ngoài giờ KTX Nước ngoài + trực ca 3 | 80,000 | 60,030 | 75 |
| 7 | Chi xử lý, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong trường | 30,000 | 22,500 | 75 |
| 8 | Chi tiền cước phí Truyền hình cáp tầng 7 nhà khách KTX nước ngoài | 2,640 | 1,980 | 75 |
| 9 | Chi tiền hỗ trợ đội TNXK | 80,000 | 40,000 | 50 |
| 10 | Chi dọn vệ sinh KTX đầu kỳ | 10,000 | 10,000 | 100 |
| 11 | Chi tiền đón tiếp sinh viên đầu năm học mới | 9,000 | 9,000 | 100 |
| **Tổng cộng** | | **3,377,640** | **2,437,880** | **72,17** |

**6. Công tác khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế**

***6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học***

***6.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ***

Năm học 2019 - 2020 hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đạt được kết quả tốt, khẳng định KHCN là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường.

- 26 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 04 đề tài thuộc chương trình cấp Quốc gia, 18 đề tài NCCB trong KHTN, 04 đề tài do Bộ Công thương quản lý, 03 đề tài mới được giao năm 2020 với tổng kinh phí được cấp là 5.000 triệu đồng.

- 31 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, gồm: 20 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp, 01 nhiệm vụ hợp tác song phương và 10 đề tài mới được giao năm 2020 với tổng kinh phí được cấp 9.221 triệu đồng.

Về kết quả thực hiện, đã có 12 đề tài, nhiệm vụ được nghiệm thu cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh (03 đề tài đạt loại xuất sắc, 09 đề tài xếp loại đạt).

- Nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt, một số đề tài NCKH cấp cơ sở có đăng ký sản phẩm đầu ra là bài

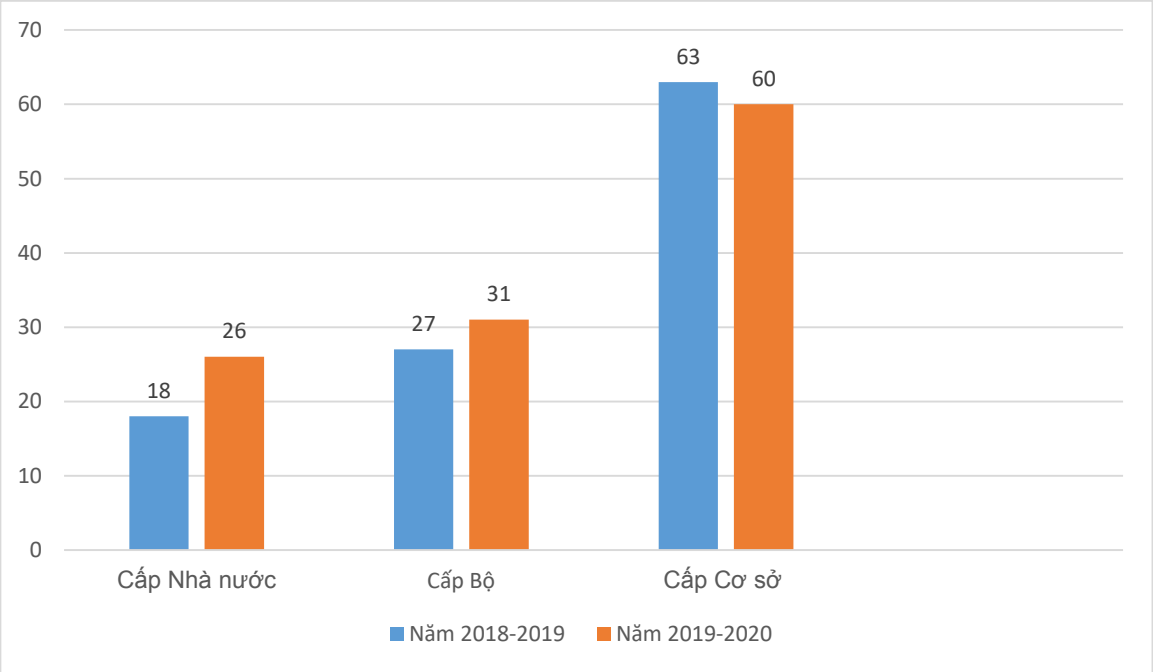
báo ISI, Scopus với mức kinh phí hỗ trợ tăng lên gần 90 triệu đồng/đề tài. Hầu hết các đề tài NCKH cấp cơ sở được giao cho cán bộ trẻ, học viên cao học chủ trì thực hiện. Đa số các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước. Trong năm học 2019-2020 đã có 23/25 đề tài cấp cơ sở giao năm 2019 được nghiệm thu theo đúng quy định của Nhà trường và 60 đề tài NCKH cấp cơ sở được triển khai mới với tổng kinh phí 1.763 triệu đồng.

- Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH các cấp, hoạt động sinh hoạt học thuật của đội ngũ cán bộ giảng dạy vẫn được duy trì tốt và triển khai rộng rãi tại các bộ môn, khoa.

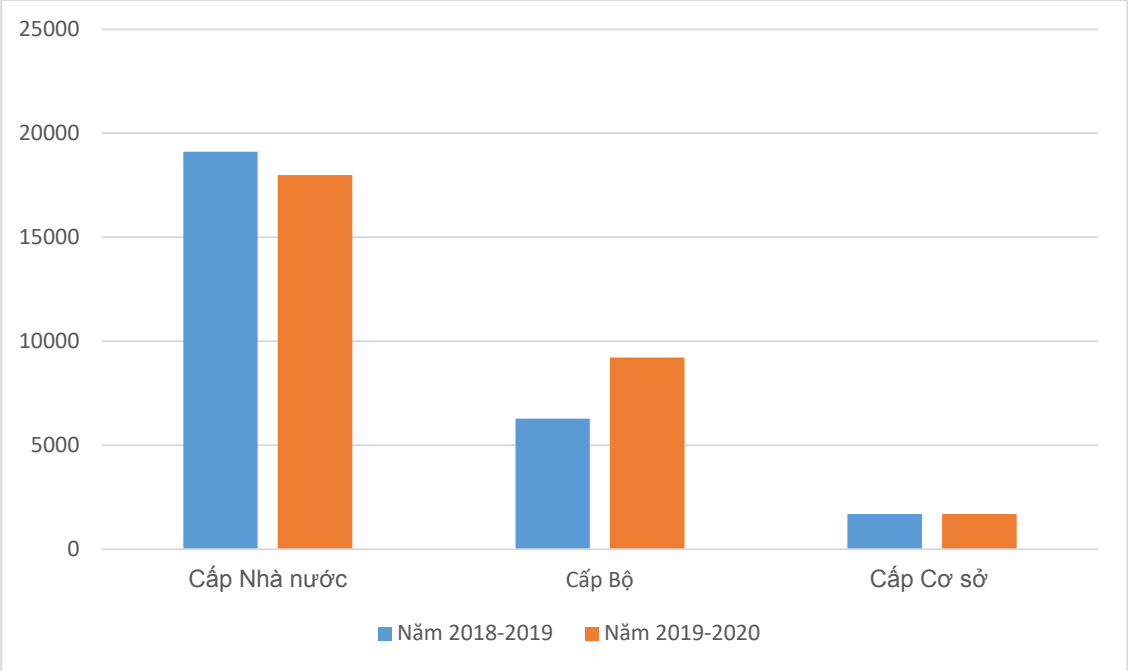
***Bảng 24. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp***

| Nội dung | Năm 2018- 2019 | | Năm 2019-2020 | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Kinh phí (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí (triệu đồng) |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước | 18 | 19.115 | 26 | 17.998 |
| Đề tài KHCN cấp Bộ | 27 | 6.275 | 31 | 9.221 |
| Đề tài NCKH cấp cơ sở | 63 | 1.688 | 60 | 1763 |

*(số liệu cập nhật đến ngày 30/9/2020)*




***Hình 6. Số lượng đề tài các cấp năm học 2018-2019 và 2019-2020***




***Hình 7. Số kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020***

***Bảng 25. Thống kê công tác NCKH theo Khoa năm 2019 - 2020***

| Đơn vị | Đề tài cấp NN | Đề tài cấp Bộ | Đề tài cấp cơ sở |
|---|---|---|---|
| Khoa Công nghệ thông tin | 2 | 4 | 3 |
| Khoa Cơ - Điện | 2 | 3 | 3 |
| Khoa Dầu khí | 4 | 2 | 8 |
| Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 0 | 0 |
| Khoa Khoa học cơ bản | 2 | 5 | 4 |
| Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 7 | 7 | 6 |
| Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 0 | 0 | 5 |
| Khoa Mỏ | 6 | 3 | 7 |
| Khoa Môi trường | 0 | 0 | 5 |
| Khoa Lý luận chính trị | 0 | 0 | 4 |
| Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ | 2 | 1 | 12 |
| Khoa Xây dựng | 1 | 6 | 3 |
| Khối Hiệu bộ | 0 | 0 | 1 |
| Tổng | 26 | 30 | 60 |

***Đánh giá chung:*** Tổng số nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ và kinh phí thực hiện trong năm học 2019 - 2020 tăng so với năm 2018 - 2019, tổng kinh phí thực hiện lớn tập trung vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt. Nhìn chung, hầu hết các đề tài đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ nội dung chuyên môn. Tuy nhiên, chủ nhiệm và nhóm thực hiện một số đề tài còn chưa tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, chưa đảm bảo chất lượng các sản phẩm trung gian, sản phẩm khoa học của đề tài. Tình trạng chậm tiến độ do không đủ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là bài báo quốc tế vẫn còn xảy ra.

***Những tồn tại, hạn chế:*** Nguồn kinh phí cấp để thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm. Ý thức tổ chức thực hiện của một số nhóm thực hiện đề tài chưa cao, chưa chủ động.

***6.1.2. Công tác thông tin khoa học***

Năm học 2019 - 2020, Nhà trường tổ chức và tham gia đồng tổ chức 02 hội nghị Quốc tế. Các Hội nghị, Hội thảo đều được chuẩn bị nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua Hội thảo các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi học thuật và chia sẻ những kinh nghiệm trong NCKH và quản lý, đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN trong thời gian tới. Năm học 2019-2020 do tình hình dịch bệnh Covid - 19 dẫn đến nhiều hội thảo, hội nghị tạm thời dừng tổ chức dẫn đến các báo cáo tại Hội nghị giảm so với năm học 2018-2019.

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế năm học 2019 - 2020 là 198 bài (trong đó có 149 bài ISI), tăng 55 bài so với năm học 2018 - 2019. Năm 2020, các nhà khoa học trong Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ 403 triệu đồng cho 117 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI giai đoạn từ 1/2019-12/2019.

***Bảng 26. Hội thảo và Công bố khoa học năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020***

| **Loại hình Hội thảo/công bố khoa học** | **Năm học 2018 - 2019** | **Năm học 2019 - 2020** |
|---|---|---|
| Hội nghị, hội thảo quốc tế | 2 | 3 |
| Hội nghị, hội thảo trong nước | 4 | 0 |
| Báo cáo khoa học | 449 | 176 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế | 142 | 198 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước | 240 | 207 |

Thống kê kết quả công bố khoa học tại các đơn vị trong Nhà trường cụ thể như sau:

***Bảng 27. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị***

| **STT** | **Khoa** | **Bài báo** | | **Báo cáo khoa học** |
|---|---|---|---|---|
| | | **Tạp chí Quốc tế** | **Tạp chí trong nước** | |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 7 | 4 | 5 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 12 | 8 | 5 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 19 | 29 | 13 |
| 4 | Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 10 | 1 |
| 5 | Khoa Khoa học cơ bản | 18 | 23 | 27 |
| 6 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 15 | 17 | 24 |
| 7 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 2 | 21 | 3 |
| 8 | Khoa Lý luận chính trị | 0 | 10 | 9 |
| 9 | Khoa Mỏ | 53 | 25 | 18 |
| 10 | Khoa Môi trường | 9 | 11 | 25 |
| 11 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 18 | 28 | 19 |
| 12 | Khoa Xây dựng | 45 | 21 | 27 |
| | **Tổng** | **198** | **207** | **176** |

Có thể thấy số lượng bài báo quốc tế chủ yếu tập trung ở một số khoa: Mỏ, Xây dựng, Khoa học cơ bản, Dầu khí, Khoa học và Kỹ thuật địa chất, Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ. Các Khoa khác như Công nghệ thông tin, Môi trường, Kinh tế và QTKD có số lượng công bố quốc tế khá hạn chế và đặc biệt Khoa Lý luận chính trị, Khoa Giáo dục quốc phòng không có công bố quốc tế.

Tỷ lệ số bài báo ISI/giảng viên trong năm học 2019-2020 đạt xấp xỉ 0,24. Thống kê số bài báo ISI năm 2019 cho thấy có 15% giảng viên trong Nhà trường tham gia công bố bài báo ISI và

hầu hết có độ tuổi dưới 50, có khoảng 50% bài báo do các nhà khoa học trong Trường là tác giả chính và phần lớn các bài có sự kết hợp với các nhà khoa học ngoài trường.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn nằm trong Top 10 các cơ sở giáo dục đại học có thành tích tốt nhất về công bố khoa học quốc tế theo các số liệu thống kê, hệ thống phân loại khác nhau (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Webometric, Bảng xếp hạng đại học của Việt Nam UPM, …).

***6.1.3. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ***

- Năm học 2019-2020, Nhà trường đã phê duyệt Đề án tự chủ hoạt động của Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Bên cạnh 03 nhóm nghiên cứu được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng từ năm 2018, trong Nhà trường đã dần hình thành các nhóm nghiên cứu trên cơ sở tập hợp các nhà khoa học. Một số nhóm nghiên cứu có hiệu quả hoạt động rất tốt với nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

- Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

***6.1.4. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên***

- Hoạt động NCKH và thi Olympic của sinh viên đã được Nhà trường quan tâm đúng mức, coi đây là điều kiện để các em sinh viên thể hiện kết quả học tập, khả năng, định hướng nghiên cứu khoa học và là cơ hội trau dồi kiến thức hơn nữa. Năm học 2019-2020, Hội nghị khoa học sinh viên toàn Trường diễn ra với 161 đề tài được nghiệm thu và báo cáo, 670 sinh viên tham gia thực hiện tại 24 tiểu ban. Hội nghị đã lựa chọn được 34 đề tài đạt chất lượng trong đó có 17 đề tài đạt giải Nhất, 13 đề tài đạt giải Nhì và 04 đề tài đạt giải Ba. Ban tổ chức Hội nghị đã chọn ra và trao 03 giải NCKHSV cấp Trường cho những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên xuất sắc nhất, tham gia báo cáo điển hình tại phiên toàn thể Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 33.

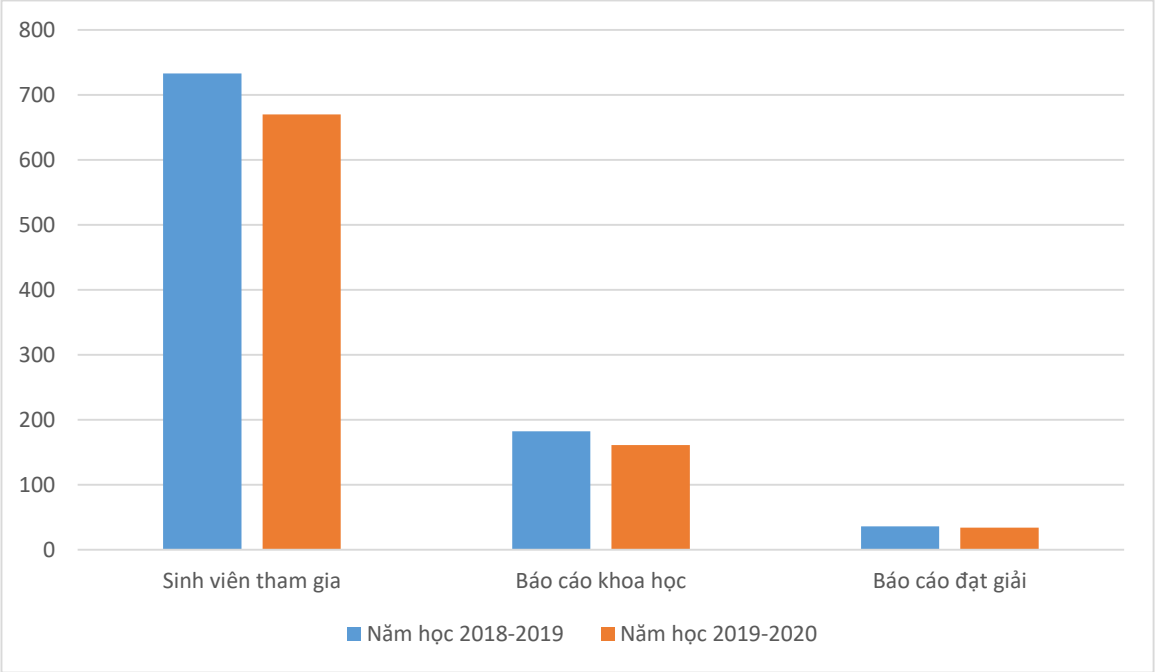
- Trong kế hoạch triển khai hoạt động NCKH của sinh viên năm học 2019-2020, bên cạnh nguồn kinh phí của Nhà trường, Khoa chuyên môn như các năm trước đây, Công ty dầu khí Rosneft cũng đã tài trợ khoản kinh phí 10.500 USD cho 10 đề tài NCKH sinh viên có tiềm năng trong các lĩnh vực nghiên cứu của Nhà trường, trao 05 giải thưởng mỗi giải trị giá 1.000USD cho các đề tài NCKH sinh viên có báo cáo tốt nhất. Bên cạnh đó Công ty dầu khí Rosneft đã tài trợ 04 lớp học tập huấn nâng cao các kỹ năng làm việc nhóm, các kỹ năng nghiên cứu cho sinh viên trong Nhà trường.

- Phong trào thi Olympic các môn Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sức bền vật liệu, các môn Cơ học, Tiếng Anh, Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành hoạt động thường xuyên trong Nhà trường. Trong năm học 2019-2020 kỳ thi được tổ chức với 370 thí sinh dự thi (tăng 16,1% so với năm học trước), có 119 em đạt giải cấp Trường (tăng 5,3% so với năm học trước). Sau mỗi kỳ thi cấp Trường, các đội tuyển được thành lập, huấn luyện và tham dự thi Olympic quốc gia ở các môn Toán, Vật lý và các môn cơ học. Tuy nhiên, năm học này do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên các cuộc thi cấp quốc gia đều bị hoãn.

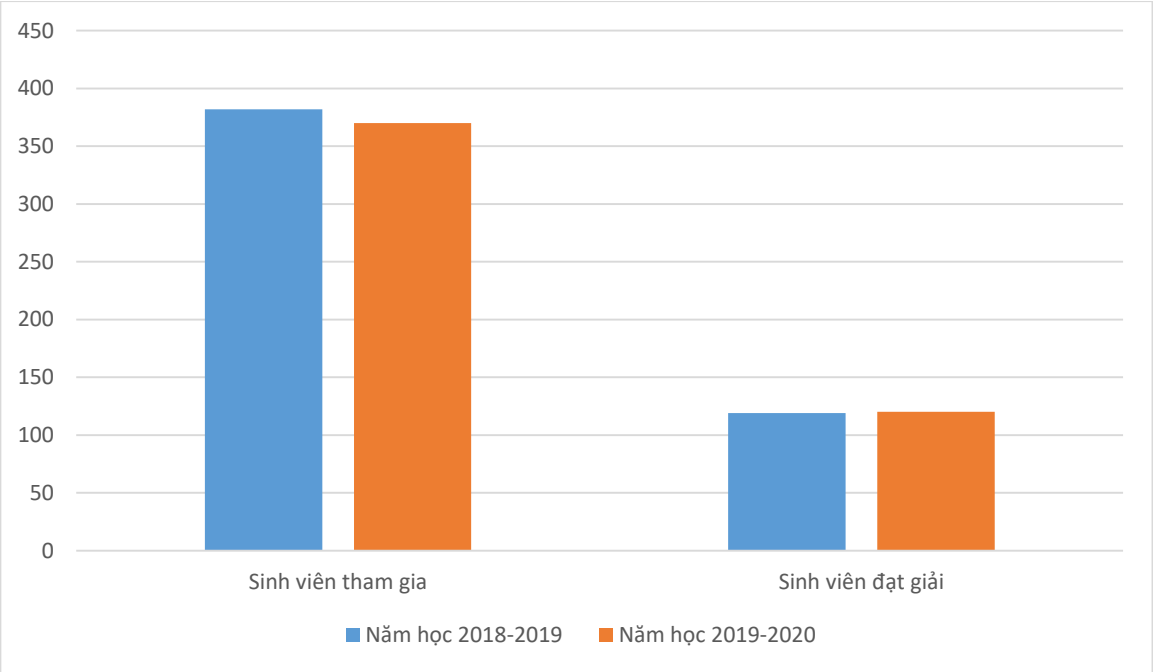
***Bảng 28. Công tác NCKH và thi Olympic sinh viên năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020***

| **Nội dung** | **Năm học 2018 - 2019** | **Năm học 2019 - 2020** | **Tăng/giảm (%)** |
|---|---|---|---|
| ***A. Hội nghị Khoa học sinh viên*** | | | |
| - Số lượng sinh viên tham gia | 733 | 670 | - 8.59% |
| - Số lượng báo cáo khoa học | 182 | 161 | - 11.53% |
| - Số báo cáo đạt giải | 36 | 34 | - 5.55% |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***B. Thi Olympic cấp Trường*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 382 | 370 | - 3.14% |
| - Số sinh viên đạt giải | 119 | 120 | + 0.84% |




***Hình 8. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH***




***Hình 9. Kết quả thi Olympic cấp Trường***

*Bảng 29. Thống kê NCKH sinh viên theo Khoa năm học 2019 - 2020*

| STT | Đơn vị | Hội nghị KHSV | | | Olympic cấp Trường | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cấp Trường | | | Số SV tham gia | SV đạt giải | | | |
| | | Số SV tham gia | Số BCKH | Số BC đạt giải | | Nhất | Nhì | Ba | KK |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 78 | 19 | 4 | 88 | 3 | 9 | 21 | 11 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 129 | 31 | 7 | 100 | 3 | 7 | 11 | 9 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 69 | 18 | 4 | 49 | 1 | 2 | 4 | 6 |
| 4 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 112 | 26 | 6 | 32 | | 1 | 2 | 3 |
| 5 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 19 | 7 | 1 | 7 | | | | 2 |
| 6 | Khoa Mỏ | 81 | 20 | 4 | 24 | | 1 | | 3 |
| 7 | Khoa Môi trường | 73 | 15 | 3 | 4 | | | | |
| 8 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 48 | 10 | 2 | 15 | | 2 | 1 | 1 |
| 9 | Khoa Xây dựng | 38 | 10 | 2 | 33 | 3 | 1 | 2 | 11 |
| 10 | Chương trình tiên tiến | 23 | 5 | 1 | 18 | | 4 | 2 | 4 |
| | **Tổng** | **670** | **161** | **34** | **370** | **10** | **27** | **43** | **50** |

Nhìn chung, công tác NCKH sinh viên và thi Olympic trong năm học qua luôn nhận được sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong toàn Trường. Các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH và thi Olympic được Nhà trường quan tâm, đầu tư nhiều hơn và bước đầu phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, chất lượng sinh viên tham gia các hoạt động này cũng ngày càng được nâng cao.

***6.1.5. Công tác quản lý khoa học***

- Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm, đầu tư phát triển. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

- Nhà trường đã ra ban hành Quy định về Quản lý các Trung tâm Khoa học và Công nghệ trực thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất để quản lý hiệu quả hoạt động về NCKH và CGCN của các trung tâm nghiên cứu trực thuộc Trường.

- Phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) tiếp tục được hoàn thiện cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

- Nhà trường đã ban hành Quy trình thực hiện đề tài KHCN các cấp để hỗ trợ cho các nhà khoa học nắm vững, đầy đủ các bước thực hiện đề tài KHCN. Trên cơ sở đó, có sự phối hợp hiệu quả với các phòng ban chức năng trong Nhà trường triển khai thực hiện đề tài đảm bảo chất lượng, tiến độ.

***6.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ được chia làm hai hình thức, đó là ký trực tiếp về Trường và ký về các trung tâm, công ty Codeco. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong điều kiện kinh tế xã hội đất nước nói chung bị ảnh hưởng bởi dịch Covid19, hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong năm học qua vẫn đang là điểm mạnh của Trường thể hiện qua số liệu trong bảng sau.

***Bảng 30. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất***

| **Nội dung** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Tăng/giảm (%)** |
|---|---|---|---|
| Tổng số hợp đồng đã ký kết và thực hiện | 889 hợp đồng | 863 hợp đồng | -2.89 |
| Tổng doanh thu theo hợp đồng (triệu đồng) | 262.242 | 204.798 | -21.9 |
| Đóng góp cho Trường (triệu đồng) | 3.483 | 3.076 | -11.68 |
| Nộp thuế (triệu đồng) | 15.816 | 14.332 | -9.38 |

Bằng sự nỗ lực của mình, các đơn vị này vẫn giữ vững và đạt được kết quả khả quan, khẳng định được vai trò và vị trí của các đơn vị và Nhà trường đối với xã hội, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động KHCN, cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của Nhà trường.

Thông qua các hoạt động chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thực tế, Nhà trường có thêm nhiều địa bàn cho sinh viên thực tập.

***Những tồn tại hạn chế trong hoạt động KHCN***

Hoạt động KHCN chủ yếu tập trung ở một số khoa có truyền thống NCKH tốt như Địa chất, Dầu khí, Mỏ, Trắc địa Bản đồ và QLĐĐ, Xây dựng, Khoa học cơ bản, … và tập trung ở một số lượng cán bộ nhất định. Còn nhiều nhà khoa học trong trường chưa tích cực tham gia các hoạt động KHCN.

Chưa hình thành được hệ thống các tổ chức KHCN (Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu) phù hợp với nhu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của Nhà trường. Năm 2018 đã thành lập 3 nhóm

nghiên cứu thuộc Trường (2 nhóm nghiên cứu mạnh). Bên cạnh đó còn có các nhóm nghiên cứu khác thành lập trong quá trình triển khai các nhiệm vụ KHCN các cấp. Tuy nhiên hoạt động của các nhóm nghiên cứu còn rất hạn chế.

Hệ thống các PTN được sắp xếp hoạt động chủ yếu theo hướng phục vụ hoạt động đào tạo, chưa gắn kết sâu và phục vụ hiệu quả hoạt động KHCN, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

Số lượng kết quả NCKH của các đề tài/nhiệm vụ KHCN được chuyển giao, ứng dụng vào thực tế sản xuất còn hạn chế.

Nguồn kinh phí dành cho KHCN chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tỷ trọng kinh phí đầu tư từ doanh nghiệp dưới các hình thức nhiệm vụ KHCN đặt hàng để giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn sản xuất còn hạn chế. Kinh phí hỗ trợ hàng năm của Nhà trường còn khiêm tốn, chưa đủ sức để tạo đột phá trong KHCN.

***6.3. Công tác hợp tác quốc tế***

Trong năm học 2019 - 2020, thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 lên tất cả các mặt của đời sống kinh tế, xã hội, giáo dục,…, đặc biệt trong các hoạt động trao đổi hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, Phòng Hợp tác quốc tế vẫn nỗ lực duy trì và mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế của Nhà trường, công tác hợp tác quốc tế của Trường đã thu được một số thành quả tích cực:

***6.3.1. Mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác:***

Nhà trường đã thiết lập quan hệ hợp tác mới và nối lại quan hệ đã gián đoạn với một số trường đại học trên thế giới. Cụ thể, Nhà trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ và Thỏa thuận trao đổi sinh viên với Trường Đại học Sorbonne Paris (Pháp); ký Biên bản ghi nhớ với Trường Đại học Mỏ quốc gia MISIS (LB Nga), Trường Đại học Chandigarh (Ấn Độ), Trường Đại học Adam Mickiewicz University in Poznań (Ba Lan); ký Thỏa thuận trao đổi sinh viên với Trường Đại học Khoa học ứng dụng Schmalkalden (Đức).

Hiện nay, Biên bản ghi nhớ với hai trường đại học của Mỹ là Colorado School of Mines và Cal Poly Pomona đang được các bên trao đổi để tiến tới ký kết. Ngoài ra, Trường cũng đang làm việc với Trường Đại học Mỏ St. Etienne (Pháp) để ký kết Thỏa thuận đào tạo bằng kép dành cho các ngành kỹ thuật, mở ra cơ hội liên kết đào tạo cho các khoa trong trường và cơ hội cho sinh viên được học lấy 2 bằng trong 5 năm (bằng Đại học của Việt Nam và bằng Thạc sỹ của Pháp).

Ngoài ra, trong giai đoạn dịch Covid-19, Trường tham gia tích cực các hội nghị, hội thảo trực tuyến nhằm duy trì quan hệ, cập nhật thông tin đối tác đặc biệt trong tình hình mới, thông tin về các chương trình, dự án mới để kịp thời nắm bắt khi có cơ hội.

***6.3.2. Công tác đoàn ra, đoàn vào, trao đổi:***

Năm học 2019 - 2020, dịch Covid-19 hạn chế rất nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi; vì vậy số lượng đoàn ra, đoàn vào và các chương trình trao đổi quốc tế giảm đi so với các năm học trước.

Nhà trường đã tiếp đón 35 đoàn khách quốc tế với tổng số 98 khách đến làm việc, 8 sinh viên nước ngoài từ Ba Lan và Myanmar đến trao đổi, thực tập tại Trường và các doanh nghiệp đối tác của trường. Đặc biệt, trong năm học 2019-2020, Trường đã mời 01 chuyên gia Hàn Quốc đến làm việc dưới sự bảo trợ của Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc KOICA và mời một giảng viên người Mỹ đến giảng dạy tiếng Anh tại Trường.

Về công tác đoàn ra, Trường đã cử 9 đoàn ra chính thức đi làm việc tại nước ngoài, bao gồm Tham dự lễ kỷ niệm và chúc mừng 100 năm thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ AGH – Ba Lan, tham gia đoàn công tác tại VQ Anh cùng 16 trường đại học Việt Nam trong khuôn khổ hoạt động của mạng lưới hợp tác giáo dục Việt Nam – VQ Anh; Tham dự Hội nghị bàn tròn Nga – Việt tại LB Nga; tham gia triển lãm giới thiệu thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường ĐH Mỏ-Địa chất trong sự kiện Study Abroad Fair; tham gia họp các dự án mà Trường đang thực hiện: họp dự án MINERAL tại Latvia, dự án Ouverture Hanoi-Polytechnique tại Pháp, báo cáo kết quả dự án HEP tại Thái Lan. Trường cũng đã cử 2 sinh viên đi trao đổi theo chương trình Erasmus+ tại Ba Lan.

***6.3.3. Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế:***

Tiếp tục thực hiện dự án Erasmus+ ESSENCE do EU tài trợ về Hiện đại hóa chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Kỹ thuật điện tại các trường Đại học Nga và Việt Nam với sự tham gia của 10 trường Đại học EU, Nga và Việt Nam. Trong 6 tháng đầu năm 2020, dự án đã đi vào giai đoạn thử nghiệm chương trình đào tạo tại các trường Đại học Nga và Việt Nam. Trường Đại học Mỏ-Địa chất đã áp dụng hình thức dạy và học online để dạy thử nghiệm đối với các học phần lý thuyết trong thời gian cách ly và giãn cách xã hội. Từ sau ngày 11/5/2020, thực hiện dạy và học tập trung tại trường đối với tất cả các học phần có thực hành. Do dịch Covid 19 vẫn còn rất phức tạp tại Châu Âu, các trường thành viên dự án vẫn chưa hoạt động bình thường trở lại; nhóm dự án liên tục họp trực tuyến để điều phối từ xa, đồng thời đề xuất kéo dài thời gian thực hiện dự án thêm 1 năm và đã được EU phê duyệt.

Hoàn thiện báo cáo tổng kết dự án Erasmus+ MINERAL do EU tài trợ về Hiện đại hóa chương trình đào tạo ngành Địa chất dầu khí tại các trường Đại học Nga và Việt Nam. Phối hợp với EU và các Trường thành viên dự án thực hiện kiểm toán và kiểm tra kết quả dự án tại tất cả các Trường thành viên bằng hình thức online.

Chuẩn bị và nộp đề xuất một số dự án Erasmus+ mới lên EU (02 đề xuất dự án Erasmus+ trao đổi cán bộ, sinh viên và 02 đề xuất dự án Erasmus+ tăng cường năng lực). Ngoài ra, Nhà trường đã chuẩn bị một dự án nghiên cứu về môi trường mỏ đồng tại Việt Nam hợp tác với Đức; một dựa án nghiên cứu về giảm thải khí metan tại các mỏ hầm lò tại Việt Nam hợp tác với Hàn Quốc, một dự án nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin du lịch hợp tác với Anh.

Trong năm học 2019 - 2020, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã được phê duyệt 01 dự án Erasmus+ tăng cường năng lực trong lĩnh vực giáo dục đại học (dự án ANGEL) dự kiến sẽ kéo dài trong 3 năm (2021 - 2024).

Các dự án nói trên không chỉ giúp nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học mà còn tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường thông qua các gói tài trợ trang thiết bị và phần mềm trong khuôn khổ các dự án.

***6.3.4. Hội nghị, hội thảo quốc tế, khóa học ngắn hạn:***

Năm học 2019 - 2020, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học và Công nghệ AGH, Krakow, Ba Lan tổ chức thành công hội nghị quốc tế Pol-Viet lần thứ 5 tại Ba Lan.

Ngoài ra, Trường cũng chuẩn bị linh hoạt để tổ chức các Hội nghị quốc tế ISRM và EMMA trong tình hình dịch Covid-19, kết hợp cả 2 hình thức on-line (đối với đại biểu quốc tế) và on-site (đối với đại biểu trong nước).

Đặc biệt, khóa học quốc tế "Dự báo trượt lở và giảm thiểu tai biến địa chất" do Trường phối hợp với Viện Academia Sinica Đài Loan tổ chức tại Việt Nam với sự tham gia của gần 20 giáo sư Việt Nam, Nhật Bản và Đài Loan, hơn 40 học viên từ các cơ quan và viện nghiên cứu trong nước tham gia đã giúp khẳng định uy tín của Trường. Ngoài ra, Trường cũng mời chuyên gia Đức đến giảng dạy khóa học ngắn hạn về "Quản lý rủi ro" cho sinh viên khoa Mỏ và khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, chuyên gia Ấn Độ giảng dạy khóa học về Môi trường mỏ cho sinh viên khoa Mỏ.

***6.3.5. Công tác đào tạo sinh viên nước ngoài:***

Năm học 2019-2020, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học hệ chính quy tại Trường, theo diện Hiệp định và tự túc. Tổng số sinh viên nước ngoài học chính quy trong năm học là 86 sinh viên, bao gồm 64 sinh viên Lào, 19 Campuchia, 03 Mông Cổ và 01 Trung Quốc theo học ở tất cả các bậc đào tạo: Đại học, Thạc sỹ và Tiến sỹ.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, Đại sứ quán các nước có sinh viên đang theo học để quản lý lưu học sinh và xử lý các vấn đề phát sinh một cách kịp thời.

Trong năm học 2019 - 2020, dịch bệnh Covid-19 khiến việc đi lại và học tập của lưu học sinh gặp nhiều khó khăn, Nhà trường đã phối hợp với các cơ quan liên quan để hỗ trợ sinh viên

nước ngoài quay trở lại Trường học tập, tạo điều kiện cho lưu học sinh được học, thi bổ sung để kết thúc học kỳ II năm học 2019 - 2020; hỗ trợ sinh viên nước ngoài tốt nghiệp làm các thủ tục để về nước; tiếp nhận sinh viên nước ngoài vào học từ năm học 2020-2021.

***6.3.6. Công tác quản lý hợp tác quốc tế:***

Công tác quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện chặt chẽ. Nhà trường đã ban hành các Quy định liên quan đến HTQT: Quy định quản lý các hoạt động HTQT của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Trường Đại học Mỏ-Địa chất.

***6.3.7. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:***

Năm học 2019 - 2020, do tác động của dịch Covid-19 trên toàn thế giới; nhiều cơ sở giáo dục trong và ngoài nước phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động, hoặc chuyển sang hình thức làm việc trực tuyến, gây nhiều khó khăn cho các hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế trên toàn thế giới. Đặc biệt rất nhiều hoạt động hợp tác đã phải hủy bỏ hoặc hoãn lại, như các chương trình trao đổi cán bộ, sinh viên; chương trình trại hè; các hội nghị, hội thảo phải chuyển sang hình thức online.

Sinh viên nước ngoài học tập tại Trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc quay trở lại Việt Nam học tập và hoàn thành các học phần của học kỳ II năm học 2019-2020 sau giai đoạn giãn cách xã hội do việc đóng cửa biên giới và hạn chế xuất nhập cảnh của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Nhiều sinh viên phải bảo lưu kết quả học tập, chờ cơ hội quay lại Việt Nam tiếp tục học tập, đặc biệt là sinh viên các nước Trung Quốc, Mông Cổ. Điều này gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý đào tạo và quản lý lưu học sinh quốc tế.

Trong điều kiện đó, Phòng Hợp tác quốc tế luôn đồng hành cùng lưu học sinh để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của lưu học sinh trong việc xuất nhập cảnh và học tập tại trường. Phòng Hợp tác quốc tế đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, kịp thời cập nhật tình hình để thông báo tới lưu học sinh; đồng thời phối hợp với các đơn vị trong trường để tổ chức việc học và thi cho lưu học sinh một cách hợp lý.

**7. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ**

***7.1. Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo***

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn (2015 - 2020, 2020 - 2025), từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

***7.1.1. Công tác tổ chức bộ máy***

Để triển khai tổ chức, bộ máy thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, Ngày 26/3/2019, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-MĐC ban hành Quy định Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tái cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả:

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Các phòng ban chức năng;
- Các đơn vị đào tạo (khoa) trực thuộc Trường;
- Các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Hội đồng tư vấn liên ngành.
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của các tổ chức, đoàn thể xã hội;

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở 03 cấp: Trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa: Khoa học cơ bản, khoa Lý luận chính trị và khoa Giáo dục Quốc phòng với 58 bộ môn; 23 đơn vị chức năng (phòng, ban, trung tâm)

*7.1.2. Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý, tuyển dụng cán bộ*

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường.

Thực hiện Công văn số 174-CV/BCSĐ ngày 16/4/2019 về việc thành lập Hội đồng trường và nhân sự Chủ tịch Hội đồng trường, Nhà trường đã triển khai các bước kiện toàn lại Hội đồng trường theo đúng quy định pháp luật và ngày 28/6/2019, Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Nghị quyết số 352-NQ/BCSĐ quyết nghị đồng ý thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018 – 2023. Ngày 25/9/2020, Nhà trường đã có kiện toàn lại Hội đồng trường (được thành lập theo Quyết định số 2574/QĐ-BGDĐT về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Quyết định số 2575/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường).Từ khi có Hội đồng trường, công tác quản trị đại học dần được chuẩn hóa. Trong đó, hội đồng trường có vai trò định hướng và giám sát mọi hoạt động của Nhà trường. Đồng thời chịu trách nhiệm giải trình với xã hội và trách nhiệm với sự tồn tại và phát triển của Nhà trường.

***- Thuận lợi:***

+ Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nề nếp, đảm bảo công khai, dân chủ. Việc quy hoạch vừa có sự kế thừa, vừa có bước phát triển mới; cán bộ lãnh đạo quy hoạch dần được trẻ hoá, số lượng cán bộ từ 30 - 40 tuổi được đưa và quy hoạch lãnh đạo ngày càng nhiều. Cán bộ quy hoạch đều là những người có năng lực công tác, trình độ chuyên môn tốt, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác cao trong thực thi công việc.

+ Công tác tuyển dụng viên chức được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo sát sao. Việc tuyển dụng sử dụng cán bộ, viên chức của Nhà trường được thực hiện theo Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng, tuyển dụng viên chức. Việc tổ chức thi tuyển được thực hiện nghiêm túc, theo quy định, đánh giá đúng chất lượng của cán bộ. Số lượng cán bộ, viên chức tuyển dụng đã bổ sung kịp thời lực lượng cán bộ thiếu hụt do nghỉ hưu, chuyển công tác; đồng thời, tạo điều kiện về nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng. Trong năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã lên kế hoạch tuyển dụng cán bộ ở các đơn vị: Kỹ thuật cơ khí, phòng Hành chính – Tổng hợp.

***- Khó khăn, hạn chế:***

+ Chưa đảm bảo kết cấu 03 độ tuổi trong quy hoạch theo quy định.

+ Số lượng cán bộ viên chức hiện nay đang có xu hướng mất cân đối về về cơ cấu giữa khối giảng dạy và hành chính; thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong khối cán bộ giảng dạy.

+ Văn bản hướng dẫn của Nhà nước chưa minh bạch dẫn đến khó khăn trong việc triển khai quy hoạch cán bộ, lãnh đạo.

+ Chưa thực hiện được việc định biên cũng như cơ cấu ngạch viên chức cho các đơn vị dẫn đến công tác quản lý, sử dụng ngạch viên chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Trường còn bị động.

***7.1.3. Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo.***

- Trong năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định. Năm học 2019 - 2020, đã thực hiện 87 lượt bổ nhiệm. Đội ngũ cán bộ quản lý ngày càng được trẻ hóa, đa số đều nằm trong độ tuổi 35 - 40 (39 cán bộ), 41 - 45 (69 cán bộ) (chiếm 73 % tổng số cán bộ quản lý từ cấp Bộ môn trở lên); vẫn còn 02 cán bộ quản lý trên 60 tuổi, tập trung ở các trung tâm trực thuộc Trường; không còn cán bộ có trình độ đại học.

*7.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức*

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường.

Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 35 tuổi có 148 cán bộ, chiếm 27,8% tổng số CBGD, từ 36 - 45 có 296 cán bộ, 55,7% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất (161/256 cán bộ, chiếm 62,9 % số CBGD có trình độ TS).

- Công tác cán bộ của Nhà trường năm học 2019 - 2020: Hiện tại đến thời điểm 30/9/2020 cơ cấu cán bộ, viên chức của Nhà trường cụ thể như sau:

+ Tổng số cán bộ, viên chức là 756 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 531 cán bộ chiếm 70,2%, kỹ sư là 48 cán bộ chiếm 6,3% và 177 cán bộ hành chính, nghiệp vụ chiếm 23,5 % tổng số cán bộ. Trong số cán bộ giảng dạy có: 04 GS, 51 PGS, 256 cán bộ có trình độ tiến sĩ chiếm 48,2%, 267 cán bộ có trình độ thạc sĩ chiếm 50.2%, 8 cán bộ trình độ đại học chiếm 1,6 % tổng số cán bộ giảng dạy.

+ Tháng 9/2020, Nhà trường tổ chức kỳ thi tuyển dụng viên chức; đã có 02 cán bộ được tuyển dụng.

+ Năm 2019 - 2020, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu cho 32 cán bộ, 20 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

***Bảng 31. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường***

| **Nội dung** | **Năm 2019 (đến 30/9/2019)** | **Năm 2020 (đến 30/9/2020)** | **Tăng/giảm (%)** |
|---|---|---|---|
| Tổng số CBVC | 808 | 756 | -6.4 |
| - Cán bộ giảng dạy | 570 | 531 | -6.8 |
| - Cán bộ hành chính | 187 | 177 | -5.3 |
| - Khác | 51 | 0 | -5.9 |
| Cán bộ nghỉ hưu | 11 | 32 | 190.9 |
| Cán bộ chuyển công tác | 27 | 20 | -25.9 |
| Cử đi học cao học | 2 | 1 | -50.0 |
| Cử đi học NCS | 16 | 6 | -62.5 |

+ Trong năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã cử 04 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 02 nghiên cứu sinh, 02 cán bộ đi đào tạo thạc sĩ.

+ Tính đến tháng 09/2020, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 16 cán bộ hoàn thành học tập về nước, 10 cán bộ ở nước ngoài về nước và 06 cán bộ trong nước, bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

***Bảng 32. Cơ cấu đội ngũ giảng viên***

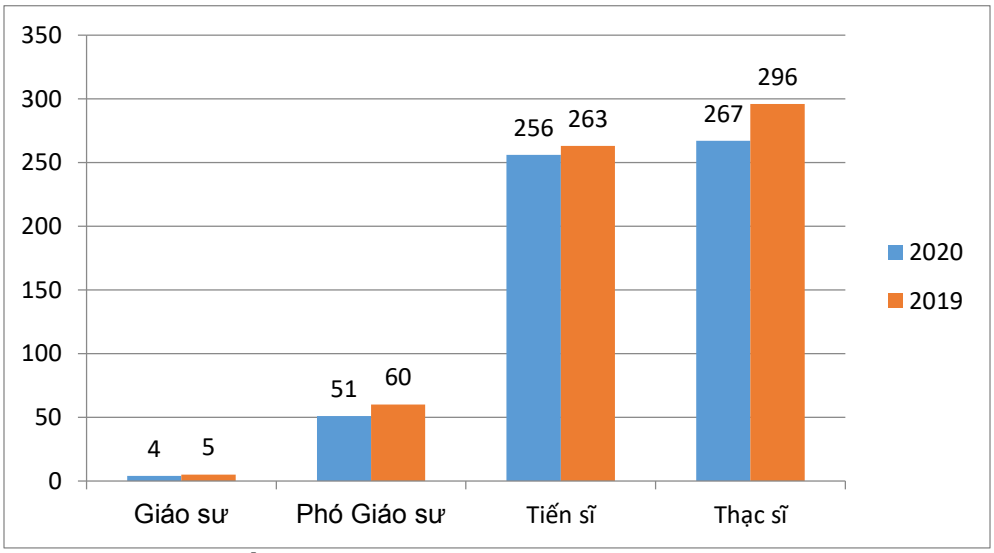
| **Năm** | **GS** | | **PGS** | | **TS** | | **ThS** | | **ĐH** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| 2019 | 5 | 0,9 | 60 | 10,5 | 263 | 46,1 | 296 | 51,9 | 11 | 2 |
| 2020 | 4 | 0.75 | 51 | 9.60 | 256 | 48.21 | 267 | 50.28 | 8 | 1.51 |

*Bảng 33. Đội ngũ cán bộ, viên chức ở các khoa chia theo trình độ*

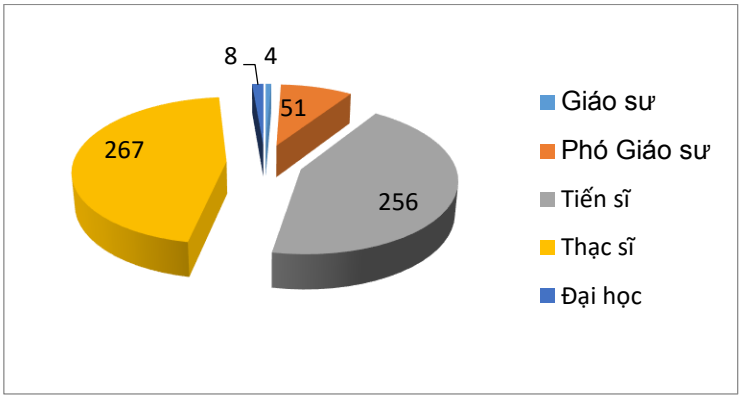
| TT | Nội dung | Tổng số | Nữ | Chia theo chức danh | | Chia theo trình độ đào tạo | | | | PVGD |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | GS | PGS | TSKH và TS | ThS | ĐH | CĐ | |
| | Toàn đơn vị: | 600 | 233 | 4 | 51 | 255 | 309 | 37 | 0 | 48 |
| | Khoa Công nghệ thông tin | 65 | 32 | 0 | 2 | 15 | 45 | 5 | 0 | 10 |
| 1 | Bộ môn Mạng máy tính | 8 | 3 | 0 | 0 | 1 | 6 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Công nghệ phần mềm | 9 | 3 | 0 | 1 | 3 | 6 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Hệ thống thông tin và tri thức | 9 | 4 | 0 | 0 | 2 | 7 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Tin học Địa chất | 6 | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Khoa học máy tính | 6 | 3 | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Tin học Kinh tế | 8 | 6 | 0 | 1 | 2 | 5 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Tin học Trắc địa | 14 | 6 | 0 | 0 | 5 | 8 | 1 | | 2 |
| | Phòng TN CN và xư lý số liệu | 3 | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | | 3 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | | |
| | Khoa Cơ - Điện | 58 | 12 | 0 | 6 | 20 | 34 | 4 | 0 | 7 |
| 2 | Bộ môn Điện khí hóa | 8 | 2 | 0 | 2 | 5 | 3 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Kỹ thuật cơ khí | 10 | 2 | 0 | 0 | 3 | 7 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử | 11 | 2 | 0 | 2 | 3 | 8 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí | 12 | 2 | 0 | 2 | 5 | 7 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp | 11 | 1 | 0 | 0 | 4 | 6 | 1 | | 1 |
| | Xưởng Cơ - Điện | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 | | 4 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | | |
| | Khoa Dầu khí | 54 | 17 | 0 | 6 | 31 | 18 | 5 | 0 | 5 |
| 3 | Bộ môn Địa vật lý | 9 | 3 | 0 | 1 | 4 | 4 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Địa chất dầu | 6 | 3 | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Lọc hóa dầu | 12 | 3 | 0 | 3 | 11 | 0 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Khoan - Khai thác | 15 | 2 | 0 | 1 | 6 | 8 | 1 | | 2 |
| | Bộ môn TBDK và công trình | 10 | 4 | 0 | 1 | 6 | 4 | 0 | | 1 |
| | PTN Dầu khí KTN | | | | | | | | | |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | | |
| | Khoa Khoa học cơ bản | 81 | 42 | 0 | 2 | 26 | 53 | 2 | 0 | 1 |
| 4 | Bộ môn Cơ lý thuyết | 4 | 2 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Hóa | 17 | 10 | 0 | 0 | 10 | 7 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Hình họa | 6 | 2 | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Giáo dục thể chất | 12 | 4 | 0 | 0 | 0 | 12 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Ngoại ngữ | 13 | 11 | 0 | 0 | 0 | 13 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Toán | 15 | 8 | 0 | 0 | 4 | 10 | 1 | | 0 |
| | Bộ môn Vật lý | 13 | 4 | 0 | 2 | 6 | 6 | 1 | | 1 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Văn phòng khoa | 1 | 1 | | | | 1 | | | |
| | Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 71 | 21 | 1 | 6 | 31 | 33 | 8 | 0 | 7 |
| 5 | Bộ môn Địa chất | 14 | 3 | 1 | 1 | 7 | 5 | 2 | | 1 |
| | Bộ môn Địa chất công trình | 14 | 4 | 0 | 0 | 6 | 8 | 0 | | 2 |
| | Bộ môn Địa chất Thủy văn | 11 | 4 | 0 | 1 | 5 | 5 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa | 10 | 3 | 0 | 2 | 5 | 4 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Tìm kiếm thăm dò | 19 | 5 | 0 | 2 | 8 | 10 | 1 | | 1 |
| | Bảo tàng Địa chất | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| | Khoa Mỏ | 49 | 13 | 1 | 3 | 22 | 24 | 3 | 0 | 5 |
| 6 | Bộ môn Khai thác lộ thiên | 14 | 3 | 1 | 1 | 7 | 6 | 1 | | 2 |
| | Bộ môn Khai thác hầm lò | 16 | 2 | 0 | 0 | 9 | 7 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Tuyển khoáng | 11 | 4 | 0 | 2 | 4 | 7 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Sức bền vật liệu | 6 | 2 | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 | | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | | |
| | Khoa Môi trường | 33 | 16 | 0 | 3 | 13 | 19 | 1 | 0 | 1 |
| 7 | Bộ môn Môi trường cơ sở | 10 | 4 | 0 | 1 | 3 | 7 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường | 12 | 6 | 0 | 1 | 5 | 7 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Kỹ thuật Môi trường | 10 | 5 | 0 | 1 | 5 | 5 | 0 | | 1 |
| | Văn phòng khoa | 1 | 1 | | | | | 1 | | |
| | Khoa Lý luận chính trị | 18 | 13 | 0 | 0 | 6 | 11 | 1 | 0 | 0 |
| 8 | Bộ môn Triết học và Pháp luật | 7 | 5 | 0 | 0 | 3 | 4 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa xã hội khoa học | 4 | 4 | 0 | 0 | 1 | 3 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam | 6 | 3 | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 | | 0 |
| | Văn phòng khoa | 1 | 1 | | | | | 1 | | |
| | Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh | 50 | 32 | 0 | 3 | 22 | 26 | 2 | 0 | 1 |
| | Bộ môn Kinh tế cơ sở | 10 | 7 | 0 | 0 | 5 | 5 | 0 | | 0 |
| 9 | Bộ môn Kế toán doanh nghiệp | 16 | 12 | 0 | 0 | 9 | 7 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn QTKD Mỏ | 13 | 6 | 0 | 2 | 4 | 8 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí | 9 | 5 | 0 | 1 | 4 | 5 | 0 | | 0 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | 1 | 1 | | |
| | Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 82 | 28 | 1 | 13 | 45 | 35 | 2 | 0 | 9 |
| | Bộ môn Trắc địa Mỏ | 10 | 2 | 0 | 1 | 7 | 3 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Trắc địa Công trình | 11 | 3 | 0 | 5 | 9 | 2 | 0 | | 0 |
| | Bộ môn Trắc địa Cao cấp | 10 | 2 | 0 | 2 | 4 | 6 | 0 | | 0 |
| 10 | Bộ môn Bản đồ | 9 | 4 | 0 | 1 | 5 | 4 | 0 | | 1 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bộ môn Trắc địa Phổ thông | 11 | 2 | 1 | 1 | 5 | 6 | 0 | | 2 |
| | Bộ môn Địa chính | 12 | 5 | 0 | 0 | 6 | 5 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | 13 | 6 | 0 | 3 | 9 | 4 | 0 | | 1 |
| | Tổ máy Trắc địa | 4 | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | | 4 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | 1 | 1 | | |
| | Khoa Xây dựng | 37 | 6 | 1 | 7 | 24 | 10 | 3 | 0 | 2 |
| 11 | Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ | 15 | 1 | 1 | 4 | 11 | 3 | 1 | | 1 |
| | Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở | 10 | 1 | 0 | 1 | 7 | 3 | 0 | | 1 |
| | Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng | 10 | 2 | 0 | 2 | 6 | 4 | 0 | | 0 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | | |
| 12 | Khoa Giáo dục Quốc phòng | | | | | | | | | |
| | Văn phòng khoa | 2 | 1 | | | | 1 | 1 | | |




*Hình 10. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2018 và năm 2019*




*Hình 11. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2019*

*Bảng 34. Cơ cấu đội ngũ giảng viên chia theo độ tuổi và trình độ đào tạo*

| | Tổng số | Chia theo chức danh GS, PGS | | | | Chia theo trình độ đào tạo | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giáo sư | | Phó Giáo sư | | TSKH và TS | | Thạc sĩ | | Đại học | |
| | | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ | Tổng số | Tr.đó: Nữ |
| Giảng viên chia theo độ tuổi: | **531** | **4** | **0** | **51** | **7** | **256** | **67** | **267** | **118** | **8** | 0 |
| Dưới 30 tuổi | **13** | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 10 | 2 | 2 | 0 |
| Từ 31 đến 35 | **135** | 0 | 0 | 0 | 0 | 32 | 7 | 100 | 39 | 3 | 0 |
| Từ 36 đến 40 | **154** | 0 | 0 | 5 | 0 | 76 | 13 | 76 | 32 | 2 | 0 |
| Từ 41 đến 45 | **142** | 0 | 0 | 19 | 1 | 85 | 31 | 56 | 34 | 1 | 0 |
| Từ 46 đến 50 | **35** | 1 | 0 | 8 | 5 | 20 | 8 | 15 | 9 | 0 | 0 |
| Từ 51 đến 55 | **15** | 1 | 0 | 2 | 0 | 11 | 6 | 4 | 2 | 0 | 0 |
| Từ 56 đến 60 | **13** | 0 | 0 | 4 | 1 | 8 | 2 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| Trên 60 tuổi | **26** | 2 | 0 | 13 | 0 | 23 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |

Qua bảng trên có thể thấy, đội ngũ cán bộ giảng viên đang ngày càng được trẻ hóa và có trình độ cao. Giảng viên dưới 35 tuổi có 148 cán bộ chiếm 27,9 %, giảng viên từ 36 đến 45 tuổi là 296 cán bộ, chiếm 55,7% cán bộ, đây cũng là độ tuổi có trình độ Tiến sĩ cao (161/256, chiếm 62,9% cán bộ có tỉ lệ cán bộ có trình độ tiến sĩ). Điều đó cho thấy Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức, đặc biệt quan tâm tới đội ngũ cán bộ giảng dạy. Hàng năm, thường xuyên có 23% cán bộ giảng dạy được cử đi đào tạo nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Đa số cán bộ đi đào tạo trở về đã phát huy tốt khả năng của mình, có nhiều đóng góp tích cực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường, tích cực phấn đấu để đạt được các chức danh khoa học cao hơn.

Nhà trường luôn cố gắng duy trì cơ cấu đội ngũ CBVC trẻ để đảm bảo tính kế thừa. Mặc dù vậy, số lượng giảng viên là PGS trên 60 tuổi vẫn chiếm tỉ lệ cao. Nếu không có chiến lược phát triển thích hợp trong tương lai tổng số GS, PGS của trường có thể sẽ giảm.

- Năm học 2019 - 2020, quy định đánh giá cán bộ viên chức đã được điều chỉnh nhằm đánh giá trung thực, khách quan nhất năng lực, hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC trường.

- Nhà trường luôn quan tâm, có các chế độ, chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho đội ngũ CBVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu chuẩn hóa về đội ngũ cán bộ.

***Những tồn tại, hạn chế***

- Vẫn còn cán bộ, lãnh đạo quản lý ở một số bộ môn, Trung tâm quá tuổi quản lý do một số đơn vị chưa có đội ngũ cán bộ kế cận đảm bảo điều kiện theo quy định.

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ vẫn chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu đội ngũ giảng viên (Thạc sĩ: 267/531, chiếm 50.2%), vẫn còn giảng viên có trình độ Đại học (8 CBGD).

- Hiện tượng cán bộ đi học nước ngoài về không đúng hạn, không làm thủ tục gia hạn, không chấp hành các quy định của Nhà nước và của Trường vẫn còn tồn tại.

- Các đơn vị đã bắt đầu thực hiện tái cấu trúc nhưng tiến độ thực hiện còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong triển khai tái cấu trúc.

**8. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo**

***8.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất***

***8.1.1. Tình hình thực hiện các dự án xây dựng cơ bản***

*Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học* tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Trường Đại học Mỏ - Địa chất làm chủ đầu tư thực hiện tại Quyết định số 7819/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2009, Quyết định số 5041/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án 2009-2020.

Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở cho việc quy hoạch và xây dựng các công trình của Trường Đại học Mỏ - Địa chất bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, trạm biến áp và đường dây, hệ thống hào kỹ thuật của dự án trong phạm vi nghiên cứu là 23,6ha.

Đến nay về cơ bản đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đỉnh.

Do ngân sách Nhà nước cấp cho dự án đến thời điểm này là 129.101.000.000 VNĐ/190.407.274.000 VNĐ nên khối lượng công việc đã thực hiện là đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích đất đã được thu hồi theo quyết định của UBND quận Bắc Từ Liêm là 8,7ha/147 hộ dân và 01 tổ chức (UBND phường Cổ Nhuế 2) đạt khoảng 37% diện tích dự án nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (5,7ha/79 hộ dân); nằm trên địa giới hành chính phường Xuân Đỉnh (3,0ha/68 hộ dân).

Về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) đã được Bộ Giáo dục và Đào phê duyệt tại quyết định số 5603/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2018.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu A1 (5,5ha/23,6ha) nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (đã được UBND TP Hà Nội giao đất theo Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 về việc giao 51.247,5m2 đất tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ liêm cho Trường Đại học Mỏ - Địa chất để thực hện dự án ĐTXD Khu ĐTĐH), theo kế hoạch 2020 sẽ hoàn thành công tác thi công xây dựng HTKT Khu A1.

Năm học 2020 - 2021, trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 đang được cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Với mục tiêu của Nhà trường là tập trung đầu tư vào Khu A1 thuộc dự án Khu Đô thị Đại học để nhanh chóng tạo ra một khuôn viên đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và các công trình trên cơ sở khu chức năng xây dựng trường học có diện tích 3,766 ha/tổng diện tích khoảng 5,5ha của Khu A1 (06.CQ3) đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và để phù hợp với Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đang đề xuất điều chỉnh dự án theo phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư như sau:

- Giai đoạn 1 (2016 - 2020): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng hệ thống Hạ tầng kỹ thuật trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập.

- Giai đoạn 2 (2021 - 2025): Cụ thể hóa Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị đại học đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 13/05/2008 (Khu A1 tương đương với khu chức năng xây dựng trường học 06.CQ3 và 06.CQ3.CL) để thực hiện công tác đầu tư xây dựng Nhà làm việc trung tâm, Giảng đường và Phòng thí nghiệm tại Khu A1- Khu Đô thị Đại học - Trường Đại học Mỏ - Địa chất với nguồn vốn đầu tư như: Vốn ngân sách nhà nước cấp, vốn tự bổ sung của nhà trường, vốn vay ngân hàng phát triển châu Á (ADB).

*Dự án Tăng cường nâng cao năng lực phân tích và đánh giá chất lượng LNG của Trường Đại học Mỏ - Địa chất:* Với mục tiêu: tăng cường cơ sở vật chất, máy móc thiết bị hiện đại cho phòng thí nghiệm đủ năng lực phân tích và đánh giá chất lượng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt Dự án tại quyết định số 4218/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2019 về việc phê duyệt dự án tăng cường nâng cao năng lực phân tích và đánh giá chất lượng LNG của Trường Đại học Mỏ - Địa chất với Tổng mức đầu tư là 27 tỷ VNĐ, thời gian thực hiện dự án 2019-2020. Theo kế hoạch cuối năm 2020, Dự án sẽ hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng

*Dự án Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0:* Với tiêu chí tích cực huy động nguồn vốn ODA, NGO và các nguồn tài trợ khác, tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, Nhà trường thực hiện tiếp nhận tài trợ Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 do Công ty TNHH Hitachi System Vietnam tài trợ tương đương với số tiền là 101.114.352.000 VNĐ theo Công văn số 737/BGDĐT - KHTC ngày 10/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận tài trợ PTN thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 với nguồn vốn đối ứng của nhà trường khoảng 10% giá trị tài trợ.

***8.1.2. Công tác sửa chữa, cải tạo***

Năm học 2019 - 2020, hoàn thành cải tạo, sửa chữa các hạng mục:

+ Thi công phá dỡ kiot và xây bồn hoa cơ sở Lạng Sơn;

+ Xử lý nền, cung cấp và lắp đặt bệ đặt máy cho xưởng cơ tại nhà H khu B;

+ Cải tạo sửa chữa, cung cấp cơ sở vật chất cho bộ phận 1 cửa của phòng HCTH, kho tầng 13, lắp đặt nhà thép khu TN đa ngành, vỉa hè nhà H khu B, 3 phòng học nhà D, P103 nhà G, PTN khoan nổ mìn khu B; xây nhà cất mẫu phóng xạ, phòng máy tính chuyển thành phòng Studio, phòng họp Phổ Yên, trạm bơm, PTN tuyển khoáng.

- Công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng 3 quý năm 2020:

+ Lắp đặt lan can, trải thảm trước cửa phòng Truyền thống, lắp ghế ngồi tại tầng 1 HT300;

+ Thi công cải tạo hệ thống chiếu sáng, sửa mái nhà T6 nhà C12 và xây tường bao, sửa chữa nhà ăn và một số hạng mục tại cơ sở Lạng Sơn, lắp đặt bục tam cấp tại khu vực giải lao HT300, Ốp vách gỗ và trải thảm sàn phòng họp Thuận Thành, Cải tạo cầu thang, hành lang T1-3 nhà C12, cảnh quan trong khuôn viên Trường, trồng cây xanh; Lắp đặt cửa kính cách âm và trang bị đèn thu P402A, P402B;

+ Thổi rửa bảo dưỡng giếng và sửa chữa trạm xử lý nước khu A, Bơm hút nạo vét bể phốt D1, D2.

Kinh phí cải tạo, sửa chữa được lấy từ nguồn thu hợp pháp của Trường. Nhìn chung công tác cải tạo, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

***8.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo***

Hàng năm Nhà trường luôn quan tâm đến việc tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo. Tuy nhiên, hiện nay nguồn kinh phí trực tiếp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo rất hạn chế, Nhà trường vận dụng nguồn kinh phí thường xuyên để trang bị thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.

Năm học 2019 – 2020, công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị, dụng cụ vật tư thí nghiệm chủ yếu từ nguồn chi thường xuyên của nhà trường, về cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Các trang thiết bị được đầu tư năm 2019, gồm:

+ Mua máy tính, máy in, lắp đặt bổ sung điều hòa các đơn vị, bổ sung trang âm phòng họp Phổ Yên, máy bắn tập cho khoa GDQP, trang âm phòng Thuận Thành, trạm lưu thông công nghệ Reid, bộ thiết bị wifi phòng Phổ Yên, máy khuấy từ PTN Lọc hóa dầu, trạm lập trình REID cho TTTT-TV, phần mềm quản lý đào tạo cho phòng Sau đại học, thiết bị, phần mềm trường quay Studio, thiết bị, vật tư phòng họp trực tuyến khoa Dầu khí, thiết bị dự án Eramus, máy tính cho PTN khoa QTKD & QTKD, Trang thiết bị phòng thực hành máy tính PTN Địa tin học.

+ Xây dựng cổng thông tin điện tử;

+ Bổ sung trang thiết bị trường quay;

+ Lắp đặt hệ thống camera giám sát.

Các trang thiết bị được đầu tư ba quý năm 2020, gồm:

+ Cung cấp thiết bị PTN Lọc hóa dầu (tài trợ);

+ Mua máy chủ Edusoft, điều hòa các phòng học nhà D, phần mềm hỗ trợ kiểm định CTĐT, máy nghiền cho Trung tâm PT TN CNC, điều hòa HT300, phần mềm phục vụ xây dựng bài giảng E-Leraning, trang thiết bị phục vụ Livestream, chip, thẻ RFID cho Trung tâm TT-TV, bộ nhớ RAM máy chủ phòng ĐTĐH.

+ Lắp đặt bảng Led phòng Thuận Thành, trang âm các phòng họp HT300, phòng Sông Công, phòng Thuận Thành, các dụng cụ, linh kiện phục vụ trường quay Studio, Màn hình Led, camera hội nghị phòng Thuận Thành.

Công tác mua sắm trang thiết bị 3 quý đầu năm 2020 về cơ bản thực hiện theo kế hoạch.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã được chú trọng và đạt hiệu quả hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

***8.3. Tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm***

Hiện nay toàn Trường có 42 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đại: 10 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí: 06 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 05 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

Qua đợt kiểm tra của Tổ kiểm tra tình trạng hoạt động các PTN cho thấy, như các năm học trước có một số PTN hoạt động hiệu quả liên tục, hết công suất, cập nhật sổ nhật ký PTN đầy đủ; một số PTN hoạt động chưa thực sự hiệu quả, thời gian đóng cửa nhiều, sổ nhật ký PTN không cập nhật đầy đủ. Nhà trường đã thành lập Ban tổ chức, sắp xếp lại các PTN, thực nghiệm nhằm tổ chức, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động các PTN trong Trường, đề xuất các giải pháp đảm bảo các PTN hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học trong Trường.

**9. Công tác thông tin, thư viện**

***9.1. Công tác thư viện***

Trong năm học 2019 - 2020, đã mua 78 đầu sách (703 cuốn), 01 CSDL điện tử, 46 đầu tạp chí tiếng Việt (321 cuốn); nhận 06 đầu sách (990 cuốn) từ phòng Xuất bản, 338 đầu (338 cuốn) luận án/luận văn và 58 đầu (58 cuốn) báo cáo đề tài NCKH; được tặng 291 đầu sách tiếng Việt (746 cuốn), 156 đầu sách tiếng Anh (156 cuốn) và 06 đầu tạp chí (18 cuốn). Bổ sung cho thư viện tại Vũng Tàu 107 đầu sách (112 cuốn), tại Quảng Ninh 369 đầu sách (384 cuốn) (Bảng 9.1a). Kinh phí bổ sung nguồn lực thông tin năm 2019 - 2020 tăng gần 12% so với năm 2018 - 2019. Hiệu sách nhập và bán tương ứng 300 và 340 cuốn sách.

***Bảng 35. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020***

| Năm | PHÒNG XUẤT BẢN CUNG CẤP | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giáo trình | | | Bài giảng | | |
| | Số lượng | | Kinh phí (đồng) | Số lượng | | Kinh phí (đồng) |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | Đầu tài liệu | Cuốn | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2018 - 2019 | 07 | 929 | 49,095,000 | 0 | 0 | 0 |
| 2019 - 2020 | 06 | 990 | 56,522,000 | 0 | 0 | 0 |
| Tăng/giảm | -14,28% | +6,56% | +15,12% | 0 | 0 | 0 |

| **Năm** | **PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CUNG CẤP** | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Giáo trình** | | | **Bài giảng** | | |
| | **Số lượng** | | **Kinh phí (đồng)** | **Số lượng** | | **Kinh phí (đồng)** |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | |
| 2018 - 2019 | 03 | 03 | 0 | 164 | 165 | 0 |
| 2019 - 2020 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tăng/giảm | -100% | -100% | 0 | -100% | -100% | 0 |

| **Năm** | **TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Tài liệu giấy** | | | **Cơ sở dữ liệu điện tử** | |
| | **Số lượng** | | **Kinh phí (đồng)** | **Số lượng** | **Kinh phí (đồng)** |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | | | |
| 2018 - 2019 | 180 | 5,160 | 591,975,000 | 01 | 45,000,000 |
| 2019 - 2020 | 78 | 703 | 186,649,000 | 01 | 45,000,000 |
| Tăng/giảm | -56,66% | -86,37% | -68,470% | 0% | 0% |

| Năm | **TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Tiếng Việt** | | **Tiếng Anh** | |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** |
| 2018 - 2019 | 126 | 444 | 127 | 322 |
| 2019 - 2020 | 291 | 746 | 156 | 156 |
| Tăng/giảm | +130,95% | +68,01% | +22,83% | -51,55% |

***Bảng 38. Số lượng sách nhập và bán tại hiệu sách các năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020***

| **Năm** | **SÁCH NHÀ XUẤT BẢN** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Nhập** | | **Bán** | |
| | **Số lượng (cuốn)** | **Kinh phí (đồng)** | **Số lượng (cuốn)** | **Kinh phí (đồng)** |
| 2018 - 2019 | 175 | 12.934.000 | 396 | 14.045.000 |
| 2019 - 2020 | 300 | 15.525.000 | 340 | 16.060.500 |
| Tăng/giảm | +71.42% | +20.03% | - 14.14% | +14.35% |

Trong đợt đánh giá ngoài các CTĐT, Trung tâm TT-TV đã làm việc với các khoa, bộ môn rà soát, điều chỉnh tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần, góp phần để tất cả 07 CTĐT đánh giá ngoài trong đợt vừa rồi được ghi nhận không thiếu tài liệu.

Trong năm học 2019 - 2020, phục vụ hơn 100 nghìn lượt bạn đọc, gần 150 nghìn lượt tài liệu. Mở cửa thư viện đến 19h hàng ngày và Thứ 7 trong 06 tháng phục vụ sinh viên ôn thi. Bổ sung các mô đun còn lại của phần mềm thư viện điện tử Kipos.

**Hạn chế:**

Tài liệu giảng dạy và tham khảo cho các ngành đào tạo trong Trường còn thiếu, đặc biệt là giáo trình cấp nhà xuất bản, tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.

**Nguyên nhân:**

- Nhiều giáo trình ghi trong đề cương chi tiết các học phần đã cũ, không có hoặc rất hiếm có tại các nhà cung cấp hiện nay.

- Kinh phí dành cho bổ sung tài liệu tài liệu điện tử, tài liệu tiếng Anh còn hạn chế.

**Giải pháp:**

- Các thầy cô tìm tài liệu tương đương đang có trong thư viện để thay thế cho các tài liệu còn thiếu trong đề cương chi tiết. Nếu không có tài liệu tương đương, nên đưa vào các tài liệu mới xuất bản, hiện có bán trên thị trường. Nếu tài liệu quá hiếm, đề nghị các thầy cô cho thư viện mượn phục vụ công tác đánh giá ngoài, đồng thời, các thầy cô biên soạn thành bài giảng, giáo trình nộp vào thư viện.

- Tăng cường kinh phí bổ sung tài liệu tiếng Anh và điện tử.

***9.2. Công tác công nghệ thông tin***

Tiếp tục hoàn thiện và cập nhật Cổng Thông tin Điện tử, điều chỉnh giao diện Cổng tuyển sinh, hoàn thiện trang Tiếng Anh. Tăng băng thông kết nối Internet lên 1,5 lần. Phối hợp với VINAPHONE-VNPT Hà Nội, phủ sóng WIFI miễn phí tại các khu vực còn lại của giảng đường, ký túc xá khu A, B. Tạo mới hàng nghìn tài khoản e-mail cho cán bộ và sinh viên. Hướng dẫn, hỗ trợ công tác giảng dạy, họp online bằng MS Teams. Bảo trì hệ thống máy tính tại Phòng thí nghiệm Địa tin học và Trung tâm Ngoại Ngữ - Tin học, phục vụ các kỳ thi kiểm tra trình độ ngoại ngữ, tin học. Xây dựng đề án nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Xây dựng sơ đồ vị trí các tòa nhà, giảng đường của Trường trên Google Earth. Duy trì thứ hạng cao (12/176) của Nhà trường trong bảng xếp hạng Webometrics Việt Nam.

**Hạn chế:**

- Tuy băng thông quốc tế và trong nước tăng 1,5 lần so với các năm trước, tốc độ truy cập Internet vẫn còn chậm.

- Một số website của các khoa, đơn vị xây dựng trên nền tảng mã nguồn mở còn bị tấn công phá hoại.

- Hệ thống WIFI miễn phí có nhiều vị trí sóng còn yếu, tốc độ và thời lượng sử dụng còn hạn chế.

**Nguyên nhân:**

- Tốc độ Internet còn chậm là do nhu cầu sử dụng Internet của cán bộ ngày càng tăng, nhất là trong thời gian COVID-19; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Nhà trường tương đối cũ, chưa đồng bộ, chưa có hệ thống cáp quang kết nối giữa các tòa nhà.

- Một số website xây dựng trên nền tảng mã nguồn mở có tính bảo mật kém. Trang thiết bị bảo mật của Nhà trường tuy đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được hết các yêu cầu về an toàn, bảo mật.

- Các đối tác trong dự án phủ sóng WIFI tính đến hiệu quả đầu tư nên không lắp đặt thiết bị ở những vị trí có ít người truy cập; dung lượng và thời gian sử dụng miễn phí còn hạn chế.

**Giải pháp:**

- Xây dựng quy chế hoạt động và chính sách truy cập Internet cho cán bộ, viên chức, sinh viên trong toàn Trường nhằm điều chỉnh việc sử dụng Internet có hiệu quả.

- Xây dựng website của các đơn vị trên cùng nền tảng Sharepoint với Cổng TTĐT của Nhà trường để có tính bảo mật cao, dễ đồng bộ, quản lý.

- Xây dựng và triển khai dự án phủ sóng WIFI bằng nguồn vốn của Nhà trường, cung cấp cho người dùng WIFI ổn định, tốc độ cao, phục vụ tốt công tác đào tạo, đặc biệt là e-learning, trong thời gian tới.

**10. Công tác tài chính**

Năm 2019, Nhà trường đã triển khai tốt việc lập, chấp hành, quyết toán ngân sách theo đúng quy định. Trong năm qua công tác thu, chi các nguồn kinh phí của Nhà trường phòng Kế hoạch Tài chính đã đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

***Bảng 36. Thống kê thu chi tài chính năm 2019***

| STT | Nội dung | Năm 2018 (tỷ đồng) | Năm 2019 (tỷ đồng) | Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2018 (%) | |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tổng thu** | **246,71** | **287,11** | **16** | |
| 1 | - Thu từ NSNN | 47,35 | 48,02 | 1 | |
| 2 | - Thu từ học phí, lệ phí | 164,37 | 165,26 | 1 | |
| 3 | - Thu sự nghiệp khác | 25,12 | 30,43 | 21 | |
| 4 | - Thu đề tài, dự án | 9,87 | 43,40 | 340 | |
| | Trong đó | | | | |
| | + Thu từ NSNN cấp | 2,13 | 7,27 | 241 | |
| 4 | + Thu đề tài, dự án không thuộc nguồn kinh phí do Bộ GD&ĐT cấp KP | 7,74 | 36,13 | 367 | |
| **II** | **Tổng chi** | **201,25** | **242,29** | **20** | |
| 1 | - Chi hoạt động thường xuyên | 185,04 | 193,81 | 5 | |
| 2 | - Chi không thường xuyên | 5,91 | 7,98 | 35 | |
| 3 | - Chi đề tài, dự án | 10,30 | 40,50 | 293 | |
| | Trong đó | | | | |
| | + Chi đề tài, dự án thuộc nguồn KP Bộ GD&ĐT cấp | 2,13 | 7,27 | 241 | |
| | + Chi đề tài, dự án không thuộc nguồn kinh phí do Bộ GD&ĐT cấp KP | 8,17 | 33,23 | 307 | |

*Bảng 39. Thu nhập bình quân của cán bộ trong toàn trường năm 2019*

| STT | Nội dung | Năm 2018 (đồng) | Năm 2019 ( đồng) | Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2018 %) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Thu nhập bình quân của cán bộ viên chức | 12 339 000 | 11 863 000 | -4 |
| 2 | Thu nhập bình quân của cán bộ giảng dạy | 13 193 000 | 13 699 000 | 4 |
| 3 | Thu nhập bình quân của cán bộ hành chính và cán bộ phục vụ giảng dạy | 8 941 000 | 7 943 000 | -11 |

*Chi tiết về thu, chi tài chính năm 2019, Phòng Kế hoạch Tài chính có báo cáo riêng.*

***Nhận xét đánh giá chung***

- Trước tình hình công tác tuyển sinh trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo định mức, nguồn thu sự nghiệp lại phụ thuộc vào chỉ tiêu đào tạo và khung thu phí do đó nguồn thu tài chính của Nhà trường giảm nhiều do số lượng sinh viên giảm. Tuy nhiên, công tác thu chi tài chính vẫn kịp thời, đầy đủ đảm bảo cho các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác, đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ viên chức và chế độ cho sinh viên;

- Trên cơ sở dự toán của đơn vị và nguồn lực tài chính của Trường, Nhà trường đã giao kinh phí hàng năm cho các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động;

- Hoàn thành kế hoạch tài chính năm 2020, xây dựng kế hoạch NSNN năm 2021 và kế hoạch NSNN giai đoạn 2021-2025; tiếp tục sửa đổi các văn bản phục vụ công tác quản lý tài chính cho phù hợp với thực tế.

**11. Công tác y tế**

- Năm học 2019 - 2020, Trạm Y tế đã thực hiện tốt công tác y tế, khám cấp cứu đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, vệ sinh an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội. Đặc biệt là đại dịch Covid-19, Trạm Y tế đã tham mưu giúp Nhà trường để đưa ra biện pháp giải pháp phòng chồng chống dịch Covid-19, phân công cán bộ y tế trực Covid-19 ngoài giờ, kiểm soát đo thân nhiệt, điều tra giám sát những cán bộ và SV đi từ vùng dịch về để hướng dẫn cách ly theo đúng quy định, tuyên truyền cho cán bộ và sv phòng chống dịch an toàn tuyệt đối.

- Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC. Năm 2020, Nhà trường hợp đồng với Bệnh viện Phương Đông tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ vào tháng 10 năm 2020.

- Năm 2020 Nhà trường không ký hợp đồng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (cán bộ và SV) với BHXH Bắc TL từ 1/1/2020.

- Năm học 2019 - 2020, Trường đã đã tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào trường K64: 1401 sinh viên (Hà Nội và Vũng Tàu) tại phòng khám của Trường Đại học Y tế công cộng.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K65 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ: Dự kiến tháng 11/2020 tại Phòng khám Trường Đại học Y tế công cộng.

**12. Các hoạt động khác**

***12.1. Thực hiện quy chế dân chủ***

Việc thực hiện quy chế dân chủ tại Nhà trường đạt kết quả tốt, thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

- Các cuộc họp định kỳ được duy trì và đảm bảo cả về nội dung và chất lượng, phù hợp với nhu cầu công việc, gồm: Họp công tác tháng, Hội nghị liên tịch Quý, Hội nghị công tác tài chính năm, Hội nghị Tổng kết công tác đào tạo và Hội nghị cán bộ viên chức; các hội đồng tư vấn (Hội

đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tổ chức cán bộ, Hội đồng lương, Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở, Hội đồng thi đua - khen thưởng,...) hoạt động công khai, dân chủ, đúng quy chế.

- Thực hiện tốt chế độ công khai tài chính theo quy định của nhà nước; công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách có liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ viên chức; công khai những quy định về sử dụng tài sản, xây dựng cơ sở vật chất, tuyển dụng, nâng ngạch, nâng bậc lương, thuyên chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ viên chức.

- Năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục tiếp nhận các ý kiến đóng góp của các đơn vị (về các Quy định, Quy chế) để năm học 2020 - 2021 ban hành nhiều văn bản quản lý theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định, quy chế của các Bộ, Ban, Ngành.

***12.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương***

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục Quốc phòng và an ninh cho sinh viên và công tác quân sự địa phương đứng trên địa bàn.

Năm học 2019 - 2020, đã giáo dục quốc phòng và an ninh cho 3.089 sinh viên chính quy từ khóa 60 đến khóa 64 của Nhà trường theo chương trình, nội dung quy định bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị.

Thông qua quá trình đào tạo đã trang bị cho sinh viên nhận thức, giác ngộ chính trị, lòng yêu nước và trách nhiệm của công dân; huấn luyện, trang bị một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; đặc biệt trong quá trình giảng dạy Khoa đã lồng ghép các nội dung cơ bản với xây dựng cho sinh viên ý thức tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể trong quá trình học tập.

Năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục triển khai dạy, học môn giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên khóa mới K64 theo hình thức tập trung tại cơ sở Lạng Sơn, từ đó nâng cao chất lượng dạy, học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong công tác giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên đi học tập, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống nhất và cập nhập những nội dung mới phục vụ cho công tác giáo dục quốc phòng và an ninh.

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi gọi nhập ngũ, độ tuổi tham gia dân quân tự vệ; đăng ký quản lý quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật. Quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, đồng thời báo cáo kịp thời, đầy đủ, theo quy định.

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về công tác tiếp nhận, quản lý di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học. Thực hiện tốt công tác giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học theo đúng quy định pháp luật.

Năm 2020, Nhà trường đã phối hợp với Trường Đại học Y tế Công cộng tổ chức huấn luyện cho 154 cán bộ, chiến sĩ tự vệ của 06 trường đại học trên địa bàn quận đảm bảo theo đúng kế hoạch, kết quả huấn luyện đạt loại khá, an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị và an toàn giao thông, đặc biệt là trong quá trình kiểm tra bắn đạn thật vào ngày 17/6/2020. Tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ của Nhà trường tham gia Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Nhì đồng đội môn Chính trị.

Năm học 2019 - 2020, đã tuyển chọn 30 nam sinh viên tốt nghiệp đại học năm 2020 để gửi đi đào tạo sĩ quan dự bị tại Trường Quân sự Quân khu 2 đảm bảo đủ chỉ tiêu, chất lượng chính trị cao, trong đó 100% là tình nguyện, có 02 em là Đảng viên, n*gày 02/10, đã trực tiếp đưa các em đến Trường Quân sự, tổ chức bàn giao cụ thể, đầy đủ về hồ sơ và con người theo đúng quy định.* Thực hiện tốt công tác báo cáo, phản ánh tình hình địa bàn, tham gia đầy đủ các hội nghị, các cuộc họp do Ban chỉ huy quân sự quận Ban chỉ huy quân sự Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

***12.3. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng***

Trong năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục triển khai phong trào thi đua năm học với chủ đề *"Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"* nhằm nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Công tác đánh giá, phân loại viên chức đã có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý hơn góp phần đánh giá đúng hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC; đây cũng là cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

Kết quả năm học 2019 - 2020, toàn trường có 286 CBVC đạt mức A+, 275 CBVC đạt mức A, 195 CBVC đạt mức B+, 10 CBVC đạt mức B, 02 CBVC đạt mức C, 24 CBVC không đánh giá xếp loại; 72 tập thể đạt mức A+, 11 tập thể đạt mức A, 4 tập thể đạt mức B+, 4 tập thể đạt mức B, 0 tập thể đạt mức C.

Về thi đua khen thưởng, Hiệu trưởng đã có quyết định số 995/QĐ-MĐC ngày 14/10/2020 công nhận 83 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 317 cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và 240 cá nhân đạt danh hiệu *"Chiến sĩ thi đua cơ sở"*. Đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận 48 đơn vị trực thuộc Trường đạt *"Tập thể lao động xuất sắc"*; 14 cá nhân đạt *"Chiến sỹ thi đua cấp Bộ"*; đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho 09 tập thể và 51 cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm học 2019 - 2020; đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xét đề nghị trình Thủ thướng Chính phủ tặng Bằng khen Thủ tướng cho 08 cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu, đã đề nghị trao tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua toàn quốc cho 01 cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong những năm qua.

Năm học 2019 - 2020, có 08 cá nhân được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 02 cá nhân được nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

Trong năm học tới, quy định chấm công, đánh giá phân loại CBVC cần tiếp tục có sự điều chỉnh, nên linh hoạt hơn, hợp lý hơn, nhất là đánh giá đối với cán bộ hành chính.

***12.4. Công tác thanh tra, kiểm tra***

Năm học 2019 - 2020, Ban Thanh tra nhân dân đã tiếp nhận và giải quyết thỏa đáng những kiến nghị của CBVC trong Trường về vấn đề thu nhập, đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, quản lý và sử dụng nhà đất trong và ngoài trường...

Công tác kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng cán bộ, viên chức; thi và tuyển sinh; kiểm tra thi cử (thi đầu vào và thi hết môn học) được thực hiện nghiêm túc. Việc phân phối, sử dụng nguồn thu học phí cũng được giám sát thường xuyên và chặt chẽ nhằm đảm bảo công bằng cho toàn thể CBVC Nhà trường, góp phần ổn định tư tưởng cũng như cải thiện cơ sở vật chất, môi trường và điều kiện làm việc cho CBVC.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, nhanh chóng nắm bắt những thông tin phản hồi từ CBVC, sinh viên và phản ánh kịp thời đến Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng để có cách giải quyết hợp lý góp phần giữ vững hoạt động ổn định của Nhà trường.

***12.5. Công tác Công đoàn***

Năm học 2019 - 2020, Công Đoàn trường đã phối hợp với Viện Công nhân - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Công đoàn Giáo dục Việt Nam thực hiện khảo sát đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đối với CBNGNLĐ (2 giai đoạn). Tuyên truyền cán bộ, nhà giáo và người lao động cách phòng chống dịch Covid-19, vận động khai báo y tế toàn dân online và nhắn tin ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19.

- Làm tốt công tác bầu Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2019 - 2021.
- Kiện toàn bổ sung Ủy ban kiểm tra Công đoàn Trường. Hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ công đoàn các cấp đúng quy định.
- Tổ chức sơ kết công tác công đoàn giữa nhiệm kỳ 2017- 2022 và bổ sung chương trình công tác cuối nhiệm kỳ.

- Công đoàn đã xây dựng và trình ký ban hành Quy định đánh giá, xếp loại tổ công đoàn, công đoàn bộ phận và Quy chế khen thưởng Công đoàn.

- Tổ chức tổng kết phong trào "Giỏi việc trường - Đảm việc nhà" giai đoạn 2016 - 2020 và năm học 2019 – 2020; Tổ chức cuộc thi ảnh "Duyên dáng áo dài HUMG".

- Tổ chức Hội nghị tuyên dương khen thưởng điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, các cuộc vận động và công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2015 - 2020.

- Tích cực vận động ủng hộ hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, phối hợp tổ chức trao quà ủng hộ theo chương trình "Áo ấm mùa đông" tại Tuyên Quang.

- Công đoàn Giáo dục Việt Nam kiểm tra toàn diện Công đoàn Trường giai đoạn 2017 – 2019, được đánh giá là công đoàn thực hiện tốt Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Với những thành tích đã đạt được Công đoàn Trường đã được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua Công đoàn cơ sở vững mạnh có phòng trào thi đua xuất sắc, Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng bằng khen Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác phòng chống dịch Covid-19.

***12.6. Công tác Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên***

Đánh giá cao vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên trong nhà trường, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn dành sự quan tâm và chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đoàn và Hội, đặc biệt là công tác giáo dục ý thức chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên. Đảng ủy trực tiếp lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, các chương trình công tác sinh viên.

Đoàn thanh niên Trường triển khai rộng rãi, trọng tâm là tuyên truyền, giáo dục về truyền thống dân tộc và cách mạng; truyền thống lịch sử 90 năm phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam, 90 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ Thành phố Hà Nội, truyền thống 89 năm của Đoàn, truyền thống 53 năm xây dựng và trưởng thành của nhà trường ... đã góp phần củng cố niềm tin, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng tự hào dân tộc, yêu trường v.v. cho sinh viên. Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid 19, công tác giáo dục truyền thống, truyền thông đến đoàn viên, sinh viên của Nhà trường được Đoàn thanh niên Trường tích cực triển khai dưới hình thức trực tuyến. Hệ thống Fanpages của Đoàn thanh niên – Hội sinh viên HUMG, các Fanpages và Group của các cơ sở đoàn trực thuộc đã tích cực chia sẻ thông tin của Thành đoàn Hà Nội, Hội sinh viên Thành phố về các hoạt động, sự kiện đến từng đoàn viên, sinh viên. Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên trường tích cực phối hợp với phòng Công tác chính trị sinh viên trong việc khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống bảng tin, panô, băng zôn, infographic để tuyên truyền các sự kiện chính trị của Đảng, Đoàn và của Nhà trường.Đoàn trường đã tổ chức cho hơn 100% đoàn viên tham gia thi trực tuyến "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" do TW Đoàn triển khai. Đặc biệt, trong năm học 2019 – 2020, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường ĐH Mỏ - Địa chất đã vinh dự nhận được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho danh hiệu Trường có tỷ lệ sinh viên tham gia Cuộc thi "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" nhiều nhất.

Đoàn trường đã triển khai thực hiện tốt chiến dịch CHỦ NHẬT XANH - THỨ HAI SẠCH bằng việc thường xuyên ra quân vào các sáng thứ hai đầu tuần dọn dẹp vệ sinh khu vực trước cổng trường, khu vực công cộng trên địa bàn phường Đức Thắng và Cổ Nhuế 2, trong khuôn viên trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của đoàn viên sinh viên trong việc giữ gìn giảng đường sạch, xây dựng Nhà trường "Xanh - Sạch - Đẹp".

*Công tác giáo dục đạo đức lối sống, ý thức pháp luật* cho ĐVTN tiếp tục được tăng cường và thực hiện có hiệu quả. Đoàn Thanh niên đã tích cực tuyên truyền và cụ thể hóa trong thực tiễn Cuộc vận động xây dựng thanh niên Thủ đô thời đại mới với 5 tiêu chí, 6 giá trị cốt lõi và Cuộc vận động 5 tiết kiệm.

Năm học 2019 - 2020, Đoàn Thanh niên Trường đã tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Đoàn trường lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020 - 2022.

Đoàn trường đã phát huy được vai trò tích cực và sáng tạo của đông đảo đội ngũ đoàn viên là cán bộ giảng viên. 100% đội ngũ giảng viên trẻ tham gia NCKH và là nhân tố quan trọng trong các phong trào NCKH, phát huy sáng kiến cải tiến, các hoạt động thúc đẩy thi đua giảng dạy, học tập... Năm học 2019 -2020, mặc dù là năm học bị ảnh hưởng nhiều của dịch Covid-19 nhưng nhiều đoàn viên là sinh viên được tham gia NCKH và hoàn thành xuất sắc đề tài đảm nhiệm. Toàn trường đã có hơn 400 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đăng ký tham gia và thi tại 23 tiểu ban, nhiều đề tài đã được tham gia thi giải Vifotec và đạt thứ hạng cao.

Đoàn trường luôn thường xuyên quan tâm tới các hoạt động nhằm đẩy mạnh phong trào học tập và nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tiêu biểu là phong trào thi Olympic. Năm học 2019 – 2020 toàn trường đã có hơn 600 đoàn viên sinh viên tham gia thi 14 môn tại 2 cơ sở đào tạo là Hà Nội, Vũng Tàu góp phần đẩy mạnh phong trào học tập, tìm nhân tố cho các giải Olympic quốc gia.Trong năm học 2019 - 2020, Đoàn thanh niên Trường đã tích cực tham gia các cuộc thi Tài năng Anh ngữ 2020 do Thành đoàn tổ chức và đã xuất sắc đứng đầu bảng xếp hạng khối các trường Đại học, Cao đăng khi có số lượng thí sinh tham gia nhiều nhất.

Công tác giao lưu và hợp tác quốc tế cũng đã được Đoàn trường quan tâm thực hiện. Đoàn trường đã phối hợp cùng các đơn vị chức năng tổ chức giao lưu văn nghệ, thể thao, tổ chức Cuộc thi gói bánh chưng chào đón năm mới giữa đoàn viên sinh viên Việt Nam với du học sinh Lào, Mông Cổ đang học tập tại trường; Các hoạt động đã góp phần tích cực vào việc tăng cường đoàn kết hữu nghị, giao lưu quốc tế giữa sinh viên trường và các bạn du học sinh Lào, Mông Cổ, Campuchia. Năm học 2019 - 2020, đã có 12 đoàn viên được tham gia chương trình học tập trao đổi sinh viên tại Ba Lan (trường AGH) theo hiệp định giữa hai chính phủ và 08 đoàn viên tham gia trại hè sinh viên quốc tế tại Nga và Trung Quốc.

Năm học 2019 - 2020, Đoàn trường đã triển khai có hiệu quả "Mô hình bộ phận 1 cửa". Đây là phần việc tại khu vực bộ phận 1 cửa của phòng Hành chính Tổng hợp được Đoàn trường đảm nhiệm và triển khai giao cho đội sinh viên tình nguyện Tuổi trẻ thực hiện. Mô hình này vừa tạo điều kiện rèn luyện sinh viên làm việc trong môi trường cơ quan nhà nước, vừa hỗ trợ nhà trường trong việc giải quyết nhanh các đầu việc thủ tục hành chính, tinh giản vị trí việc làm cho Nhà trường, hỗ trợ một phần tài chính cho các hoạt động của SVTN.

Công tác *Hiến máu nhân đạo* cũng luôn được Đoàn trường triển khai đều đặn, hiệu quả trong năm học qua. Đoàn trường thường xuyên vận động đoàn viên, học sinh sinh viên tham gia hiến máu cứu người tại các điểm hiến máu nhân đạo của Viện Huyết học truyền máu Trung ương và tổ chức định kỳ các Ngày hội hiến máu nhân đạo tại trường 2 lần/1 năm với tổng số đơn vị máu thu gom được trong năm học tại trường hơn 1000 đơn vị máu. Ngoài ra Đội sinh viên tình nguyện HMNĐ kết hợp với Đoàn thanh niên Phường Đức thắng triển khai các đợt hiến máu hiệu quả trên địa bàn.

Nhiều câu lạc bộ chuyên ngành đã được thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả, phù hợp với chuyên môn đào tạo của các Khoa, Trung tâm như Câu lạc bộ Dầu khí, CLB Robocon của khoa Cơ – Điện, CLB Tin học của khoa CNTT, CLB Khởi nghiệp của khoa KT & QTKD, CLB Môi trường của khoa Môi trường, CLB Xây dựng của khoa Xây dựng, CLB Trung Nhật, SPE... thu hút sự tham gia của đông đảo ĐVTN.

Trong năm học 2019 - 2020, Đoàn trường đã triển khai có hiệu quả Khóa tập huấn lan tỏa đầu tiên về Công dân Tích cực Doanh nghiệp Xã hội cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã khép lại sau 4 ngày tập huấn (14, 15, 21, 22/9) cùng với sự hào hứng và nguồn năng lượng tích cực từ phía hàng chục sinh viên các khoa, các khóa trực tiếp tham gia Chương trình. Khóa Tập huấn được tổ chức trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Hội đồng Anh với mục tiêu trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội và sáng tạo xã hội cho sinh viên Nhà trường để các em có thể hình thành và triển khai thực tế những dự án hành động vì xã hội.

Được sự chỉ đạo của Thành đoàn – Hội sinh viên Thành phố Hà Nội và Đảng ủy – Ban Giám hiệu Nhà trường, công tác truyền thông, tham gia hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 của Đoàn thanh niên Trường được thực hiện rất khẩn trương, hiệu quả và đóng góp rất hữu ích cho chiến dịch chung của Nhà trường và địa bàn dân cư. Đặc biệt, có 15 bạn sinh viên chuyên ngành Lọc – hóa dầu đã cùng các giảng viên trẻ của Khoa Dầu khí tham gia pha chế sản xuất hơn 7000 chai nước rửa tay an toàn để sẵn sàng tặng miễn phí cho các bạn sinh viên khi quay trở lại học tập.

Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên Trường đã tham gia hỗ trợ Nhà trường trong công tác kiểm soát thân nhiệt tại khu vực cổng trường, thường xuyên thực hiện các bản tin đăng trên fanpages, thực hiện video clip để hướng dẫn cán bộ, sinh viên cách phòng dịch cho bản thân, gia đình, cơ quan trường học và cộng đồng xã hội. Những sản phẩm truyền thông do Đoàn trường thực hiện đã tạo ra hiệu ứng xã hội rất tốt trong cộng đồng sinh viên HUMG nói riêng và xã hội nói chung, góp phần vào công tác chống dịch của nhà trường và đất nước.

Thực hiện chương trình ***"Áo ấm mùa đông"*** vào tháng 1 năm 2020 tại xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang với số tiền ủng hộ hơn 200.000.000 VNĐ.

Đoàn Thanh niên Trường được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm, tạo điều kiện tối đa trong các hoạt động Đoàn, do đó Đoàn Trường Đại học Mỏ - Địa chấtcũng thường xuyên được Đoàn cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ phối hợp tham gia và triển khai hiệu quả các hoạt động do Đoàn cấp trên tổ chức. Đoàn trường cũng luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ đột xuất, cử lực lượng tham gia các hoạt động khác vào thứ Bảy, Chủ nhật hoặc các ngày lễ lớn, ngày nghỉ

Với những hoạt động sôi nổi, phong phú, công tác Đoàn và Hội của Nhà trường đã được tổ chức Đoàn cấp trên đánh giá cao. Năm học 2019 - 2020, Trung ương Đoàn, Thành đoàn Hà Nội và Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội đã tặng bằng khen cho 21 tập thể và 24 cá nhân có thành tích xuất sắc.

**13. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 46**

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của một Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành giáo dục giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 2680/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, nhiều nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 37).

***Bảng 37. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2019 - 2020***

| Tiêu chí | Mục tiêu | Thực hiện | Đánh giá |
|---|---|---|---|
| Quy mô đào tạo chính quy | 15.000 | 13.191 | Không đạt |
| Mở mới ngành đào tạo:<br>- Bậc đại học<br>- Thạc sĩ | <br>3<br>2 | <br>0<br>0 | <br>Không đạt<br>Không đạt |
| Chương trình chất lượng cao | 2 | 0 | Không đạt |
| Đề tài KHCN mới:<br>- Cấp Nhà nước<br>- Cấp Bộ và tương đương | <br>7<br>10 | <br>13<br>11 | <br>Vượt<br>Vượt |
| Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế | 150 | 195 | Vượt |
| Hội nghị khoa học quốc tế | 03 | 03 | Đạt |
| Thi đua | 85% LĐTT | 85% LĐTT | Đạt |

Kết quả trên thể hiện trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Cần tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên cần tích cực hơn nữa trong công tác nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ. Chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Chất lượng đào tạo ở một số ngành của Nhà trường vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội; năng lực cạnh tranh còn hạn chế; một bộ phận giảng viên và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được trong thời kỳ mới; cơ sở vật chất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của tự chủ đại học; bộ máy tổ chức còn cồng kềnh; thu nhập của cán bộ, viên chức còn chưa cao; chiến lược phát triển Nhà trường chưa tính hết được sự thay đổi nhanh chóng của chính sách và xã hội.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị nhà trường.

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; kế hoạch tuyển sinh và các hoạt động tuyên truyền, quảng bá chưa có được sự phối hợp tốt giữa Nhà trường với các Khoa; Chương trình đào tạo được cập nhật vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, chưa khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

## PHẦN II
## NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2020 -2021

Năm học 2020 - 2021 là năm học tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết 29-NQ/TW về *"Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kinh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*; Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *"*Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*";* thực hiện Chỉ thị 666/CT-BGDĐT ngày 24/8/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2020 - 2021 ngành giáo dục. Trên cơ sở đó Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định nhiệm vụ trọng tâm năm học 2020 - 2021 là *"Thúc đẩy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động cho các cá nhân, tổ chức thuộc và trực thuộc Nhà trường",* nhằm tuân thủ triết lý giáo dục "Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập", phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

**1. Nhiệm vụ trọng tâm**

1.1. Hoàn thành việc xây dựng chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2045, làm cơ sở để xây dựng đề án phát triển trung hạn và dài hạn, đề án tự chủ đại học phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường.

1.2. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng cá nhân, đơn vị của Nhà trường. Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị chủ động xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của Nhà trường.

1.3. Nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm cán bộ, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; bảo đảm số lượng và chất lượng cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và sinh viên. Tăng cường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức và người học của Nhà trường.

1.4. Triển khai cải tiến chất lượng Nhà trường giữa chu kỳ kiểm định (2018 - 2023). Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Thúc đẩy kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học. Triển khai hệ thống đào tạo E-Learning hiệu quả.

1.5. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Nâng cấp Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất để được gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

1.6. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên. Nâng cao vai trò trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc quản lý sinh viên.

1.7. Tổ chức thực hiện kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thành việc lập qui hoạch chi tiết các công trình xây dựng Khu A1 trình cấp có thẩm

quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng các công trình theo từng giai đoạn, hạng mục công việc thành phần thuộc Khu A1 và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học.

1.8. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả trong hoạt động truyền thông, đa dạng và đổi mới liên tục về hình thức và cách thức tiếp cận nhằm phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, hướng đến sự phát triển bền vững qua việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường.

1.9. Tiếp tục tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao, phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0; xây dựng và sắp xếp lại hệ thống phòng thí nghiệm, thực nghiệm để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo. Xây dựng các phương án huy động vốn (vốn ngân sách nhà nước, vay nợ, viện trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác) dành cho đầu tư khu A1 trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục nâng cấp phòng học như lắp máy điều hòa nhiệt độ, trang thiết bị phục vụ quản lý đào tạo, hệ thống wifi, phần mềm quản lý, cải tạo cơ sở vật chất, chống xuống cấp; quy hoạch và nâng cấp các phòng thí nghiệm, cải tạo giảng đường phù hợp với hoạt động đào tạo và cơ cấu sinh viên của trường.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Quy mô đào tạo: Chính quy: 15000
- Mở mới ngành đào tạo: Bậc đại học 8 ngành đào tạo đó là các ngành: Quản lý công nghiệp; Kỹ thuật cơ điện tử; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kỹ thuật xây dựng CTGT; Kỹ thuật cơ khí động lực; Luật kinh tế; Du lịch Địa chất; Khoa học dữ liệu; Xây dựng công trình ngầm TP và Hệ thống tàu điện ngầm; CNTT chất lượng cao
- Mở mới 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: ngành Kỹ thuật xây dựng; và 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: ngành Kỹ thuật hóa học.
- Đề tài triển khai từ 2020: Cấp NN: 10 đề tài ;Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: 10 đề tài
- Bài báo Quốc tế: 150 bài (Trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục ISI: 100 bài)
- Hội nghị Khoa học quốc tế: 03 hội nghị. Hội nghị khoa học toàn quốc: 01
- Mở khóa học ngắn hạn: ít nhất 10 khóa
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình
- Tự đánh giá chương trình đào tạo: 03 chương trình (Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Quản lý đất đai)
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

**3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2020 – 2021**

3.1. Ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2045. Nhà trường định hướng cho các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn. Thí điểm triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho một số đơn vị của Nhà trường theo yêu cầu của Luật GDĐH sửa đổi và các quy định pháp luật. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai Đề án vị trí việc làm, Đề án thành lập Trường, Viện trực thuộc Trường. Thành lập các trung tâm, doanh nghiệp khoa học công nghệ thuộc, trực thuộc Trường.

3.2. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức có nguyện vọng chuyển đổi chuyên môn đào tạo, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho cán bộ, viên chức như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực viên chức làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, công tác truyền thông ... Ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho việc mở ngành đào tạo. Tăng nguồn thu từ các hoạt động của Nhà trường, cân đối, bố trí hợp lý các khoản chi nhằm dành nguồn lực tài chính cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường.

3.3. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Thí điểm xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của một số chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường theo vị trí việc làm, theo kết quả, hiệu quả công việc. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế.

3.4. Xây dựng thí điểm chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học và sau đại học. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, khảo sát cơ cấu, đặc điểm của thị trường lao động; gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất để xây dựng các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp, triển khai đồng bộ hệ thống đào tạo E-Learning ... nhằm đa dạng hóa loại hình, phương pháp đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội và theo các quy định mới về đào tạo trực tuyến. Tiếp tục triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo của Nhà trường. Triển khai kiểm định chất lượng 01 chương trình đào tạo đại học theo chuẩn AUN-QA.

3.5. Kết nối các phần mềm quản lý của Nhà trường tạo thành một hệ thống quản lý đồng nhất. Tổ chức rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Tiếp tục tăng số lượng thủ tục giải quyết ở bộ phận một cửa như đối với các thủ tục kế toán, tài chính, tổ chức cán bộ, đào tạo đại học, sau đại học, công tác chính trị sinh viên ... Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tại Nhà trường. Tăng cường giao lưu học thuật quốc tế. Xây dựng lộ trình cho việc nâng cấp bản Tiếng Anh của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất để đến năm 2022 đạt điều kiện đưa vào danh mục ACI. Ban hành chính sách khuyến khích viên chức công bố khoa học quốc tế. Tiếp tục thúc đẩy thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong Nhà trường thông qua việc ưu tiên giao, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, ưu tiên đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu ... Tiếp tục cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao.

3.6. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên. Tổ chức khóa tập huấn cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm.

3.7. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư dành cho phát triển cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng đề án một số phòng thí nghiệm chuyên sâu để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học, chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan để thực hiện các công tác liên quan đến đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Khu A1 theo hướng phân kỳ giai đoạn đầu tư phù hợp với qui mô và phương án vốn giai đoạn 2021-2025.

3.8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của nhà trường.

3.9. Sắp xếp lại các phòng thí nghiệm, thực nghiệm để nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà trường. Triển khai xây dựng mô hình bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cho Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 để quản lý, sử dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, khoa học công nghệ của Nhà trường.

3.10. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo"* và phong trào *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong cán bộ, viên chức và người học tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2020 - 2021.

## PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Tổng hợp giải trình các ý kiến của Hội nghị CBVC các đơn vị
2. Báo cáo tài chính

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

# BÁO CÁO
# TẠI HỘI NGHỊ VIÊN CHỨC
# LẦN THỨ 48

**HÀ NỘI, THÁNG 11/2021**

| TT | Đề mục | Trang |
|---|---|---|
| **Phần I** | **Báo cáo tổng kết các hoạt động của Nhà trường năm học 2020 - 2021** | **1** |
| **1** | **Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2020 - 2021** | 1 |
| 1.1 | Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất | 1 |
| 1.2 | Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2020 - 2021 | 2 |
| **2** | **Công tác chính trị tư tưởng** | 3 |
| 2.1 | Những kết quả đạt được | 3 |
| 2.2 | Những tồn tại | 5 |
| 2.3 | Giải pháp | 5 |
| **3** | **Công tác đào tạo** | 5 |
| 3.1 | Những kết quả đạt được | 5 |
| *3.1.1* | *Công tác tuyển sinh năm học 2020 – 2021* | 5 |
| *3.1.2* | *Quy mô đào tạo* | 10 |
| *3.1.3* | *Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp* | 12 |
| *3.1.4* | *Kết quả xử lý học tập năm học 2020-2021* | 16 |
| *3.1.5* | *Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới* | 16 |
| *3.1.6* | *Công tác giáo trình, bài giảng* | 19 |
| 3.2 | Những tồn tại | 20 |
| 3.3 | Giải pháp | 20 |
| **4** | **Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục** | 21 |
| 4.1 | Những kết quả đạt được | 21 |
| *4.1.1* | *Công tác khảo thí* | 21 |
| *4.1.2* | *Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học* | 22 |
| *4.1.3* | *Công tác đảm bảo chất lượng* | 24 |
| 4.2 | Những tồn tại | 24 |
| 4.3 | Giải pháp | 25 |
| **5** | **Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp** | 25 |
| 5.1 | Những kết quả đạt được | 25 |
| *5.1.1* | *Công tác tư vấn tuyển sinh* | 25 |
| *5.1.2* | *Công tác truyền thông* | 26 |
| *5.1.3.* | *Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp* | 26 |
| 5.2 | Những tồn tại | 27 |
| 5.3. | Giải pháp | 28 |
| **6** | **Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên** | 29 |
| 6.1 | Những kết quả đạt được | 29 |
| *6.1.1* | *Công tác sinh viên* | 29 |
| *6.1.2* | *Công hỗ trợ sinh viên* | 30 |
| 6.2 | Những tồn tại | 30 |
| 6.3 | Giải pháp | 30 |
| **7** | **Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản** | 31 |
| 7.1 | Những kết quả đạt được | 31 |
| *7.1.1* | *Hoạt động nghiên cứu khoa học* | 31 |
| *7.1.2* | *Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ* | 37 |
| *7.1.3* | *Công tác hợp tác quốc tế* | 38 |
| *7.1.4* | *Công tác xuất bản* | 39 |
| 7.2 | Những tồn tại | 40 |
| 7.3 | Giải pháp | 41 |
| **8** | **Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng** | 43 |
| 8.1 | Những kết quả đạt được | 43 |

| | | |
|---|---|---|
| *8.1.1* | *Công tác tổ chức - cán bộ* | 43 |
| *8.1.2* | *Công tác thanh tra* | 49 |
| *8.1.3* | *Công tác cải cách hành chính* | 52 |
| *8.1.4* | *Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng* | 52 |
| 8.2 | Những tồn tại | 53 |
| 8.3 | Giải pháp | 54 |
| **9** | **Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án** | 54 |
| 9.1 | Những kết quả đạt được | 54 |
| *9.1.1* | *Công tác tài chính* | 54 |
| *9.1.2* | *Công tác cơ sở vật chất* | 58 |
| *9.1.3* | *Công tác quản lý các dự án* | 59 |
| 9.2 | Những tồn tại | 60 |
| 9.3 | Giải pháp | 61 |
| **10** | **Công tác thông tin, thư viện** | 62 |
| 10.1 | Những kết quả đạt được | 62 |
| *10.1.1* | *Công tác thư viện* | 62 |
| *10.1.2* | *Công tác công nghệ thông tin* | 63 |
| 10.2 | Những tồn tại | 63 |
| 10.3 | Giải pháp | 64 |
| **11** | **Công tác y tế** | 64 |
| 11.1 | Những kết quả đạt được | 64 |
| 11.2 | Những tồn tại | 64 |
| 11.3 | Giải pháp | 64 |
| **12** | **Hoạt động dịch vụ** | 64 |
| 12.1 | Những kết quả đạt được | 64 |
| 12.2 | Những tồn tại | 65 |
| 12.3 | Giải pháp | 66 |
| **13** | **Các công tác khác** | 67 |
| 13.1 | Những kết quả đạt được | 67 |
| *13.1.1* | Thực hiện quy chế dân chủ | 67 |
| *13.1.2* | Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương | 68 |
| *13.1.3* | Công tác Công đoàn | 69 |
| *13.1.4* | Công tác Đoàn TN, Hội SV | 70 |
| *13.1.5* | Công tác hoạt động của Hội CCB | 72 |
| 13.2 | Những tồn tại | 73 |
| 13.3 | Giải pháp | 73 |
| **14** | **Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu viên chức Trường lần thứ 47** | 74 |
| **Phần II** | **Nhiệm vụ của Nhà trường năm học 2021 - 2022** | 77 |
| **1.** | Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021 - 2022 | 77 |
| **2.** | Các chỉ tiêu cơ bản | 78 |
| **3.** | Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 | 79 |


**PHỤ LỤC BÁO CÁO**


1. Tổng hợp giải trình các ý kiến của Hội nghị VC các đơn vị
2. Báo cáo tài chính

# PHẦN 1
# BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2020 - 2021

## 1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2020 - 2021

### 1.1 Khái quát chung về trường Đại học Mỏ - Địa chất

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định phương hướng phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất là trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn vào năm 2030; có bước đột phá về chất lượng, hiệu quả đào tạo và nghiên cứu khoa học; có lộ trình cụ thể và thực hiện những bước đi đầu tiên để phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất thành ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU vào năm 2030 theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, đạt trình độ ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, góp phần đưa hệ thống giáo dục đại học Việt Nam hội nhập quốc tế.

Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 9 khoa chuyên môn) với 58 bộ môn, 23 đơn vị chức năng (phòng, ban, trung tâm, trạm, văn phòng). Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Đội ngũ nhân lực có chất lượng với tổng số cán bộ viên chức là 726 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 509 cán bộ, 171 cán bộ hành chính, 46 kỹ sư. Trong số cán bộ giảng dạy có 252 tiến sĩ (04 giáo sư và 50 phó giáo sư), 250 thạc sĩ, 7 đại học.

Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 $m^2$, tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 $m^2$, đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã đền bù giải phóng mặt bằng được 8,7ha trong đó có khu A1(5,2ha) đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, được giao đất và đã thi công xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu A1 - khu đô thị đại học khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu ký túc xá dùng chung.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng đại học nghiên cứu.

Năm học 2020 - 2021, nhà trường vẫn năm top 10 các trường đại học của Bộ có nhiều công bố quốc tế nhất va được tổ chức Webomatrics, UPM, URAP xếp thứ hạng cao trong các cơ sở đại học VN.

**1.2 Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2020 - 2021**

Trong những năm tới là giai đoạn đất nước triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo đó nhiều trường đại học nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam; nhiều tổ chức, công ty, doanh nghiệp sẽ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục Việt Nam; song song với đó là việc áp dụng cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học sửa đổi (Luật 34) và Nghị định 99. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Năm năm tới sẽ có sự thay đổi cơ bản, toàn diện về giáo dục theo chiến lược phát triển ngành giáo dục Việt Nam, có sự thay đổi về định hướng phát triển khoa học công nghệ của cả nước.

Đây là giai đoạn phải điều chỉnh mạnh mẽ để triển khai Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; là giai đoạn Nhà trường phấn đấu đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng cơ sở mới tại khu đô thị đại học đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong bối cảnh đó, Trường Đại học Mỏ - Địa chất cần xây dựng một chiến lược phát triển mới, phát huy nội lực, với sức mạnh tổng hợp và tận dụng triệt để mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để nâng cấp và mở rộng, phát triển thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây thực sự là chặng đường vô cùng quan trọng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thực hiện Kế hoạch năm học 2020 - 2021 của Bộ GD&ĐT, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.

- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.

- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật này cũng như nhiều văn bản pháp luật khác đã và chuẩn bị có hiệu lực hiện chưa có hoặc chưa có hiệu lực thi hành, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.

- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong giáo dục, thu hút người dạy, ngừi học và tuyển sinh.

- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của trường.

- Đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội đặc biệt là trong giáo dục đại học. Các trường đại học trên cả nước cũng như Trường Đại học Mỏ - Địa chất phải chuyển việc giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến online, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đào tạo, hợp tác quốc tế...

- Biến động trong lựa chọn ngành nghề dẫn đến sụt sụt giảm số lượng sinh viên nhập học và người học ở hầu hết các ngành truyền thống gây mất cân đối và ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin *"Một cửa"* mới được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả. Hệ thống KPIs bắt đầu thực hiện thí điểm từ năm học 2020 - 2021 nhưng vẫn còn nhiều bất cập.

- Đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và còn chưa linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình đào tạo mới và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số Khoa chuyên còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn thiếu và chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, co cấu học thuật và đào tạo còn chưa được hoàn thiện đáp ứng được yêu cầu của thực tếvà sự phát triển Nhà trường . Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng đào tạo chưa thực sự được toàn thể cán bộ viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm. .

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như quy định. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu và công ty hoạt động tương đối độc lập,chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCNcủa đơn vị.

- Số lượng sinh viên sụt giảm và không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, tác động mạnh mẽ tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ..

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và tiếp tục xuống cấp nhanh, ảnh hưởng lớn tới hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

**2. Công tác chính trị tư tưởng**

***2.1 Những kết quả đạt được***

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Nhà trường, tăng cường tính chủ động nắm

bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong toàn Đảng bộ và Nhà trường.

*Tiếp tục tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học* và tiếp tục thực hiện Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học, nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đời sống cho cán bộ, Đảng ủy Trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy *"Tăng cường xây dựng chương trình đào tạo và tuyển sinh đáp ứng nhu cầu xã hội"* và *"Các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động"*.

Triển khai công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*". Tổ chức Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, học tập Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng *"Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"* và sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về *"Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"* của Bộ Chính trị. Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến quán triệt Nghị quyết XIII, Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII và tổ chức sinh hoạt chuyên đề tại các chi bộ, ưu tiên tập trung vào các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện Luật số 43, Nghị định 99/2019/NĐ-CP đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy tiếp tục triển khai phổ biến Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *"Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*"và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về*"Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*".

Trong năm học vừa qua, tuy tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng Đảng ủy đã triển khai quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng, tổ chức sinh hoạt chính trị cho đảng viên toàn Trường và kịp thời tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng theo đúng kế hoạch, bằng nhiều hình thức phù hợp, thiết thực và kịp thời; chỉ đạo triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 cho cán bộ, viên chức của Nhà trường.

Đã tích cực vận động cán bộ, viên chức và người lao động đóng góp ủng hộ Chương trình quỹ vắc-xin phòng chống dịch Covid-19 (số tiền 123.100.000 đồng), Chương trình "Sóng và máy tính cho em" (số tiền 212.456.528 đồng), hỗ trợ sinh viên Nhà trường khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; tăng cường phân công cán bộ, đảng viên tham gia phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới, triển khai các đội hình sinh viên tình nguyện hỗ trợ công tác phòng chống dịch.

*Nhận xét, đánh giá chung*

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban

Giám hiệu quan tâm và coi trọng. Qua các buổi học tập chuyên đề, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và triển khai các cuộc vận động đã giúp cho cán bộ, viên chức và sinh viên hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong các hoạt động của Nhà trường; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, đẩy lùi tiêu cực góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong Nhà trường. Cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nội quy, quy định của Nhà trường và nơi cư trú, tạm trú.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn; chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường.

***2.2 Những tồn tại*:** Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn, đôi khi chưa được kịp thời, chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường. Bên cạnh đó, vẫn còn có cán bộ, đảng viên ý thức tham gia đầy đủ các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của đảng, sinh hoạt chính trị chưa cao; tâm lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự yên tâm công tác do những nguyên nhân khách quan và chủ quan; vẫn còn một số cán bộ, viên chức và người lao động chưa thực sự nâng cao tinh thần trách nhiệm trong trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc trong tình hình mới.

***2.3 Giải pháp:*** Nâng cáo ý thức của cán bộ, sinh viên trong các buổi học tập chuyên đề, sinh hoạt chính trị, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kịp thời thực hiện và đổi mới công tác tuyên truyền, triển khai học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng hình thức phù hợp, hiệu quả trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Sát sao hơn trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên, tạo tâm lý ổn định, yên tâm công tác cho cán bộ trong trường.

**3. Công tác đào tạo**

***3.1. Những kết quả đạt được***

***3.1.1 Công tác tuyển sinh năm học 2020 – 2021***

***Đào tạo đại học***

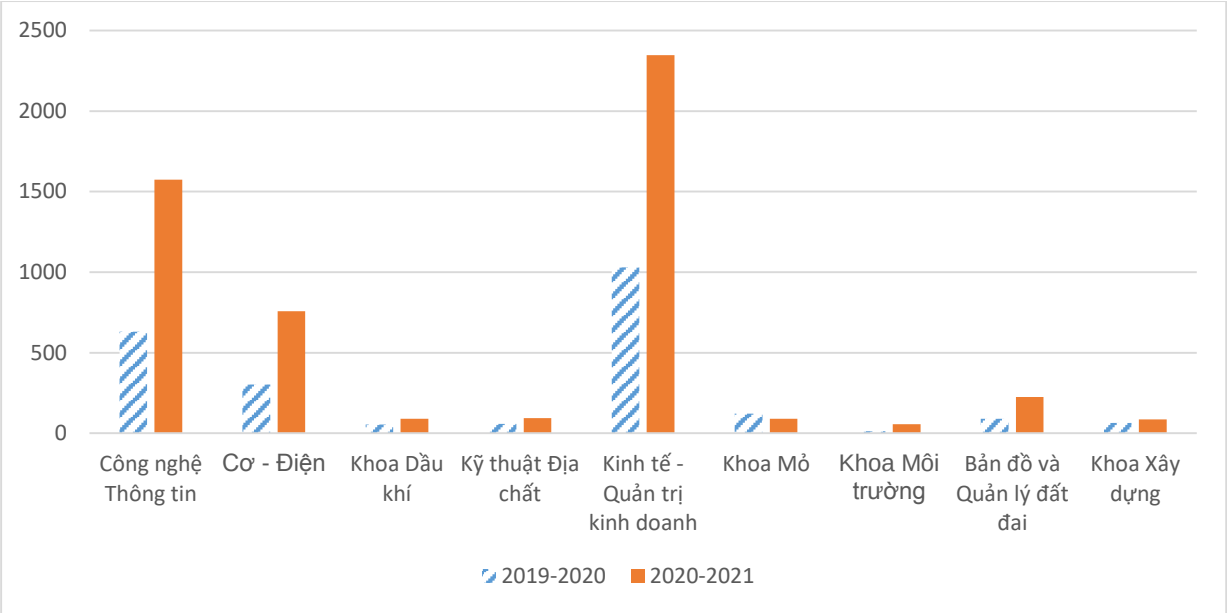
***Bảng 1. Kết quả tuyển sinh đại học chính quy năm học 2020-2021***

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2019-2020 | | | | Năm học 2020-2021 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | | VB2 | LT | VB1 | | VB2 | LT |
| | | HB | THPT | | | HB | THPT | | |
| **Khoa:** | **Công nghệ Thông tin** | **6** | **624** | **0** | **0** | | | | |
| 7480109 | Khoa học Dữ liệu | | | | | 16 | 31 | | |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 6 | 624 | 0 | 0 | 35 | 1451 | | |
| 7480201_CLC | Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) | | | | | 0 | 41 | | |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | **58** | **205** | **3** | **12** | | | | |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 24 | 29 | 0 | 0 | 50 | 65 | | |
| 7520114 | Kỹ thuật Cơ Điện tử | | | | | 38 | 52 | | |
| 7520116 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | | | | 32 | 4 | | |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 34 | 38 | 0 | 5 | 85 | 79 | | |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 0 | 138 | 3 | 7 | 29 | 299 | | |

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2019-2020 | | | | Năm học 2020-2021 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí** | **23** | **22** | **2** | **6** | | | | |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 6 | 8 | 2 | 0 | 15 | 17 | | |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học - CTTT | 0 | 1 | 0 | 0 | 3 | 4 | | |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | | |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 17 | 13 | 0 | 6 | 21 | 28 | | |
| **Khoa:** | **Kỹ thuật Địa chất** | **26** | **6** | **2** | **22** | | | | |
| 7440201 | Địa chất học | 11 | 0 | 0 | 0 | 9 | 8 | | |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 12 | 6 | 2 | 22 | 13 | 12 | | |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 3 | 0 | 0 | 0 | 13 | 12 | | |
| 7810105 | Du lịch địa chất | | | | | 13 | 14 | | |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | **111** | **773** | **2** | **113** | | | | |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 28 | 367 | 0 | 0 | 253 | 798 | | |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 38 | 105 | 0 | 0 | 160 | 224 | | |
| 7340301 | Kế toán | 45 | 301 | 2 | 113 | 235 | 549 | | |
| 7510601 | Quản lý công nghiệp | | | | | 74 | 25 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | **26** | **17** | **16** | **0** | | | | |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 21 | 16 | 16 | 0 | 21 | 31 | | |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 5 | 1 | 0 | 0 | 3 | 3 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Môi trường** | **12** | **1** | **0** | **0** | | | | |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 12 | 1 | 0 | 0 | 14 | 7 | | |
| 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | | | | | 26 | 8 | | |
| **Khoa:** | **Bản đồ và Quản lý đất đai** | **31** | **34** | **1** | **24** | | | | |
| 7480206 | Địa tin học | 4 | 10 | 0 | 0 | 9 | 12 | | |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 13 | 12 | 1 | 24 | 21 | 22 | | |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 14 | 12 | 0 | 0 | 89 | 71 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | **42** | **8** | **11** | **3** | | | | |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 41 | 8 | 11 | 3 | 59 | 12 | | |
| 7580204 | Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm | | | | | 4 | 1 | | |
| 7580205 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | | | | | 9 | 0 | | |
| | **TỔNG CỘNG** | **335** | **1690** | **37** | **180** | **676** | **1940** | | |

*Bảng 2. Kết quả tuyển sinh vừa làm vừa học năm học 2020-2021*

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2019-2020 | | Năm học 2020-2021 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | *VB1* | *VB2* | VB1 | VB2 |
| **Khoa:** | **Công nghệ Thông tin** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | **20** | **5** | **21** | **3** |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 20 | 5 | 21 | 3 |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học - chương trình tiên tiến | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Kỹ thuật Địa chất** | **2** | **0** | **0** | **0** |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 7440201 | Địa chất học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | **23** | **8** | **18** | **11** |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 20 | 8 | 15 | 5 |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7340301 | Kế toán | 3 | 0 | **3** | **6** |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | **57** | **6** | **21** | **11** |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 52 | 6 | 16 | 3 |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 5 | 0 | 5 | 8 |
| **Khoa:** | **Khoa Môi trường** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Bản đồ và Quản lý đất đai** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7480206 | Địa tin học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | **TỔNG CỘNG** | **102** | **19** | **60** | **25** |




***Hình 1. Biểu đồ kết quả tuyển sinh trong năm học 2019-2020 và 2020 - 2021***

***Văn bằng 1:*** Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, một vài ngành vượt chỉ tiêu khá lớn, điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp. Đặc biệt một số ngành mới mở cũng đạt được kết quả tuyển sinh khả quan cho thấy được công tác mở ngành của Nhà trường đang đi đúng hướng. Kết quả này có nhiều nguyên nhân trong đó: nhu cầu về ngành nghề, sự biến động của xã hội về cơ cấu nền kinh tế, tuyên truyền của Chính phủ.

***Văn bằng 2, liên thông:*** Do tình hình dịch bệnh, Nhà trường chưa tổ chức tuyển sinh được. Hiện tại có 1 vài hồ sơ đăng ký, dự kiến sẽ tổ chức thi tuyển trong thời gian tới.

***Vừa làm vừa học:*** Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề (số lượng theo bảng kết quả phía dưới là số lượng hiện tại đang học dự thính do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên chưa thể tổ chức thi tuyển được).….

***Sau đại học***

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2020 - 2021 (đợt 2 năm 2020 và đợt 1 năm 2021) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 613 học viên cao học và 14 nghiên cứu sinh. So với năm học 2019 - 2020, số lượng tuyển sinh cao học tăng 162 học viên và NCS năm 2020 - 2021 tăng 06 người.

***Bảng 3. Số lượng HVCH tuyển sinh năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021***

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2019 - 2020 | 2020 - 2021 |
| **Tổng số** | | **451** | **613** |
| | ***Khoa CNTT*** | ***9*** | ***13*** |
| 1 | Địa tin học | 9 | 13 |
| | ***Khoa Cơ - Điện*** | ***12*** | ***39*** |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 0 | 0 |
| 3 | Kỹ thuật điện | 12 | 25 |
| 4 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 0 | 11 |
| 5 | Kỹ thuật cơ khí | 0 | 3 |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***14*** | ***25*** |
| 6 | Kỹ thuật dầu khí | 6 | 14 |

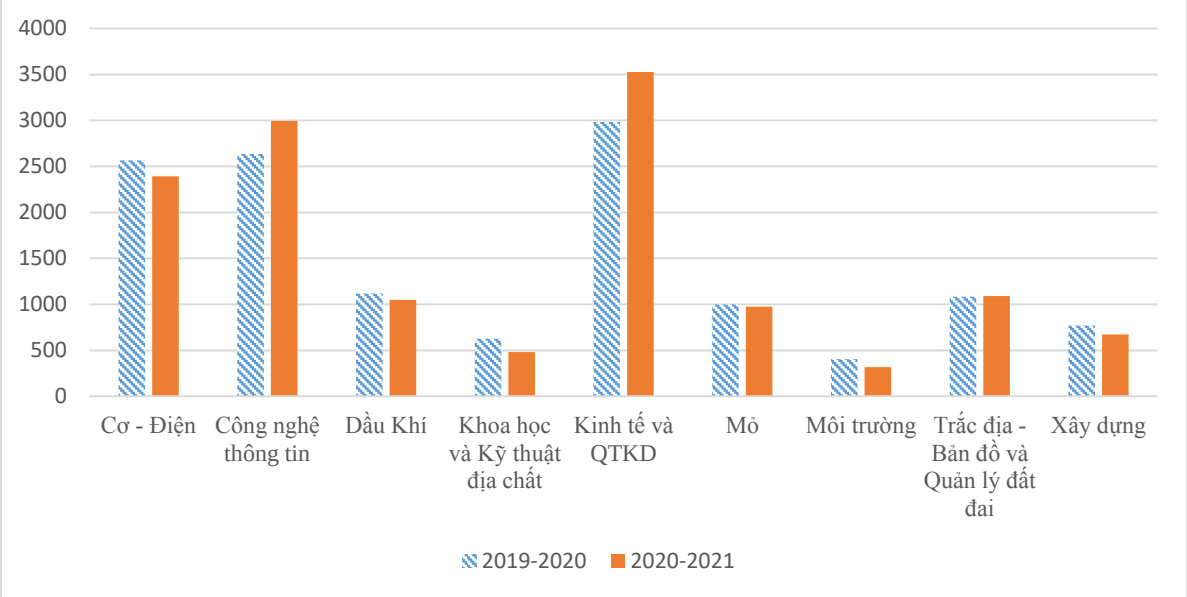
| | | | |
|---|---|---|---|
| 7 | Kỹ thuật địa vật lý | 2 | 5 |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***31*** | ***36*** |
| 8 | Kỹ thuật địa chất | 12 | 32 |
| 9 | Địa chất học | 1 | 4 |
| 10 | Khoáng vật học và địa hóa học | 4 | 0 |
| | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | ***181*** | ***231*** |
| 11 | Quản lý kinh tế | 181 | 231 |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***47*** | ***10*** |
| 12 | Khai thác mỏ | 44 | 6 |
| 13 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 3 | 4 |
| | ***Khoa Môi trường*** | ***35*** | ***15*** |
| 14 | Kỹ thuật môi trường | 35 | 15 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***105*** | ***228*** |
| 15 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 89 | 84 |
| 16 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 5 | 49 |
| 17 | Quản lý đất đai | 11 | 95 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | ***17*** | ***16*** |
| 18 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 17 | 10 |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng | - | 6 |

***Bảng 4. Số lượng NCS tuyển sinh năm học 2019 - 2020 và 2020- 2021***

| **TT** | **Ngành đào tạo** | **Tuyển mới** | |
|---|---|---|---|
| | | **2019 - 2020** | **2020 - 2021** |
| **Tổng số** | | **8** | **14** |
| | ***Khoa Cơ - Điện*** | ***0*** | ***2*** |
| 1 | Kỹ thuật điện | 0 | 1 |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 0 | 1 |
| 3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 0 | 0 |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***0*** | ***1*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 0 | 0 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | - | 1 |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***3*** | ***3*** |
| 7 | Kỹ thuật địa chất | 3 | 3 |
| 8 | Địa chất học | 0 | 0 |
| 9 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 0 |
| | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | ***3*** | ***0*** |
| 10 | Quản lý kinh tế | 3 | 0 |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***1*** | ***4*** |
| 11 | Khai thác mỏ | 1 | 2 |
| 12 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 0 | 2 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***1*** | ***4*** |
| 13 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 1 | 4 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | ***0*** | ***0*** |
| 14 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 0 | 0 |

*3.1.2. Quy mô đào tạo*

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2020 – 2021 là **13.498** người (năm học 2019 - 2020 là **13.191**).




***Hình 2. Quy mô đào tạo trong năm học 2019- 2020 và 2020 - 2021***

***Hệ chính quy:*** Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **11301** cơ bản ổn định so với năm học 2019-2020 (**11363** sinh viên), trong đó Đại học: 10897; Cao đẳng: **106** và Liên thông: **298**.

***Bảng 5. Số lượng sinh viên chính quy***

| TT | Khoa | 2019-2020 | | | 2020-2021 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đại học | Cao đẳng | Liên thông | Đại học | Cao đẳng | Liên thông |
| 1 | Công nghệ Thông tin | 2585 | 19 | 8 | 2948 | 17 | 6 |
| 2 | Cơ - Điện | 2293 | 31 | 44 | 2128 | 21 | 15 |
| 3 | Dầu khí | 1050 | 0 | 12 | 785 | | 12 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 441 | 8 | 31 | 324 | 4 | 28 |
| 5 | Kinh tế và QTKD | 2221 | 12 | 113 | 2759 | 8 | 140 |
| 6 | Mỏ | 583 | 24 | 12 | 480 | 23 | 11 |
| 7 | Môi trường | 352 | 2 | 1 | 263 | 2 | 1 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 706 | 25 | 53 | 620 | 20 | 57 |
| 9 | Xây dựng | 692 | 13 | 32 | 590 | 11 | 28 |
| | **Tổng** | **10923** | **134** | **306** | **10897** | **106** | **298** |

***Hệ vừa làm vừa học:*** Tổng số sinh viên Hệ vừa làm vừa học tại các điểm đào tạo trong năm học 2020-2021 là **837** sinh viên, tăng 27% so với năm học trước. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

***Bảng 6. Số lượng sinh viên vừa làm vừa học***

| TT | Địa điểm đào tạo | 2019-2020 | | 2020-2021 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | *VB1* | *VB2* | VB1 | VB2 |
| 1 | Cẩm Phả(Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng) | 180 | 40 | 254 | 83 |
| 2 | Hà Nội(Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật xây dựng) | 88 | 44 | 87 | 28 |
| 3 | Hòn Gai(Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật xây dựng) | 51 | 0 | 57 | 6 |
| 4 | Phú Yên *(Kế toán)* | 2 | 0 | 2 | 0 |
| 5 | Tây Ninh *(Kỹ thuật mỏ)* | 27 | 0 | 27 | 0 |
| 6 | Thanh Hóa *(Kỹ thuật mỏ)* | 87 | 0 | 87 | 0 |
| 7 | Uông Bí *(Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh)* | 75 | 17 | 102 | 45 |
| 8 | Vũng Tàu *(Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá)* | 17 | 0 | 6 | 1 |
| 9 | Nghệ An *(Kỹ thuật mỏ)* | 29 | 0 | 32 | 0 |
| 10 | Quảng Nam (Kỹ thuật mỏ) | 0 | 0 | 20 | 0 |
| | **Tổng** | **556** | **101** | **674** | **163** |

***Đào tạo sau đại học:*** Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là 1164, trong đó có 1064 học viên cao học của 20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 100 nghiên cứu sinh của 14 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2019 - 2020, quy mô đào tạo sau đại học nói chung tương đối ổn định (Năm học 2019 - 2020, quy mô đào tạo sau đại học là 1171, trong đó số lượng học viên cao học là 1050 và nghiên cứu sinh là 121). Số lượng NCS có giảm so với năm trước. Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng HVCH nhiều như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ.

***Bảng 7. Số lượng học viên Cao học***

| TT | Khoa | 2019-2020 | 2020-2021 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 24 | 22 | |
| 2 | Cơ – Điện | 56 | 51 | |
| 3 | Dầu khí | 28 | 39 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 77 | 67 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 474 | 412 | |
| 6 | Mỏ | 85 | 57 | |
| 7 | Môi trường | 50 | 50 | |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 234 | 333 | |
| 9 | Xây dựng | 22 | 33 | |
| | **Tổng** | **1050** | **1064** | |

*Bảng 8. Số lượng Nghiên cứu sinh*

| TT | Khoa | 2019-2020 | 2020-2021 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 0 | | Chưa có |
| 2 | Cơ - Điện | 19 | 15 | |
| 3 | Dầu khí | 9 | 6 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 34 | 31 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 15 | 9 | |
| 6 | Mỏ | 16 | 15 | |
| 7 | Môi trường | 0 | | Chưa có |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 27 | 23 | |
| 9 | Xây dựng | 1 | 1 | |
| | **Tổng** | **121** | **100** | |

### *3.1.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp*

Khối lượng giảng dạy thực hiện trong năm học **2020-2021** là **256.270** giờ được thực hiện bởi **475** cán bộ (bao gồm cả 13 cán bộ thỉnh giảng). Tổng số giờ vượt của toàn trường là **161.604 giờ** (vượt khoảng 63% giờ chuẩn), tổng số vượt giờ theo hệ số Quyết định 210 là **180.704 giờ**(vượt khoảng 71% giờ chuẩn). Tuy nhiên, song song với các cán bộ vượt giờ vẫn còn những cán bộ thiếu giờ. Đây là thực trạng đáng báo động trong việc phân bổ người học của các ngành chuyên ngành của Nhà Trường trong giai đoạn tới.

*Bảng 9. Khối lượng giảng dạy năm học 2020 – 2021*

| TT | Khoa | Số lượng cán bộ thực hiện | Tổng giờ thực hiện của cán bộ | Tổng giờ vượt của cán bộ | Tổng giờ vượt theo hệ số QĐ 210 | Tổng giờ thiếu của cán bộ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 48 | 33331 | 23569 | 28479 | 77 |
| 2 | Cơ - Điện | 49 | 36375 | 27316 | 29271 | |
| 3 | Dầu khí | 37 | 19969 | 12814 | 12494 | 34 |
| 4 | Giáo dục Quốc phòng | 7 | 5560 | 4169 | 6591 | |
| 5 | Khoa học cơ bản | 78 | 29505 | 13076 | 19039 | 1137 |
| 6 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 46 | 12206 | 4792 | 4067 | 2544 |
| 7 | Kinh tế và Quản trị kinh doanh | 45 | 42306 | 33357 | 35740 | |
| 8 | Lý luận chính trị | 17 | 14747 | 10618 | 15692 | 52 |
| 9 | Mỏ | 36 | 13989 | 7085 | 6936 | 292 |
| 10 | Môi trường | 29 | 8277 | 2399 | 2321 | 363 |
| 11 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 59 | 29848 | 17692 | 15469 | 1041 |
| 12 | Xây dựng | 24 | 10158 | 4718 | 4605 | |
| | **Tổng** | **475** | **256270** | **161604** | **180704** | **5540** |

***Bảng 10. Số lượng sinh viên tốt nghiệp***

| TT | Khoa | Đã in bằng tốt nghiệp | | | | | Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | |
| 1 | Công nghệ Thông tin | **218** | 0 | 6 | 129 | 83 | 133 |
| 2 | Cơ điện | **349** | 0 | 12 | 201 | 136 | 153 |
| 3 | Dầu khí | **178** | 1 | 10 | 129 | 38 | 125 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | **89** | 1 | 0 | 35 | 53 | 69 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | **339** | 1 | 23 | 251 | 64 | 168 |
| 6 | Mỏ | **121** | 6 | 10 | 69 | 36 | 85 |
| 7 | Môi trường | **87** | 1 | 6 | 67 | 13 | 55 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | **127** | 0 | 15 | 90 | 22 | 103 |
| 9 | Xây dựng | **114** | 0 | 2 | 75 | 37 | 82 |
| | **Tổng cộng** | **1622** | **10** | **84** | **1046** | **482** | **973** |

***Bảng 11. Kết quả học tập hệ cao đẳng***

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | **11** |
| 2 | Cơ điện | 0 | 0 | 0 | 0 | 16 | **16** |
| 3 | Dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | **3** |
| 5 | Kinh tế & QTKD | 0 | 0 | 0 | 0 | 6 | **6** |
| 6 | Mỏ | 0 | 0 | 0 | 0 | 20 | **20** |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 0 | 0 | 0 | 1 | 17 | **18** |
| 9 | Xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 | 10 | **10** |
| | **Tổng** | **0** | **0** | **0** | **1** | **83** | **84** |

***Bảng 12. Kết quả học tập hệ đại học***

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 60 | 242 | 965 | 631 | 1051 | 2949 |
| 2 | Cơ điện | 23 | 156 | 846 | 433 | 670 | 2128 |
| 3 | Dầu khí | 54 | 122 | 143 | 87 | 379 | 785 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 17 | 28 | 55 | 25 | 199 | 324 |
| 5 | Kinh tế & QTKD | 99 | 323 | 1135 | 387 | 815 | 2759 |
| 6 | Mỏ | 50 | 63 | 92 | 38 | 237 | 480 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Môi trường | 27 | 41 | 38 | 6 | 151 | 263 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 48 | 70 | 121 | 39 | 342 | 620 |
| 9 | Xây dựng | 35 | 59 | 135 | 75 | 286 | 590 |
| | **Tổng** | **413** | **1104** | **3530** | **1721** | **4130** | **10898** |

***Bảng 13. Kết quả học tập hệ liên thông***

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 1 | 0 | 0 | 1 | 4 | **6** |
| 2 | Cơ điện | 0 | 0 | 2 | 1 | 12 | **15** |
| 3 | Dầu khí | 0 | 1 | 2 | 2 | 7 | **12** |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 0 | 0 | 16 | 6 | 6 | **28** |
| 5 | Kinh tế & QTKD | 0 | 1 | 6 | 17 | 116 | **140** |
| 6 | Mỏ | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | **11** |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | **1** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 0 | 6 | 14 | 1 | 36 | **57** |
| 9 | Xây dựng | 0 | 5 | 6 | 0 | 17 | **28** |
| | **Tổng** | **1** | **13** | **46** | **28** | **210** | **298** |

***Đào tạo đại học:*** Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là **2595**, trong đó chỉ có **1622** sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại **973** sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

***Đào tạo sau đại học:*** Với quy mô đào tạo 1064 học viên cao học của 20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 100 nghiên cứu sinh của 14 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo từng năm học.

Các bộ môn, các khoa và các giảng viên đã khắc phục khó khăn trong tình hình dịch bệnh covid-19, đã sử dụng công nghệ thông tin giảng dạy trực tuyến và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học viên và NCS được học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn, luận án đúng thời gian quy định. Các học kỳ được tổ chức theo lịch ổn định đã tạo sự chủ động trong kế hoạch cho cán bộ giảng dạy và học viên.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ cho 446 HVCH và trao bằng cho 446 thạc sỹ; tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường 16 NCS và trao bằng cho 09 tiến sĩ đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

***Bảng 14. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021***

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2019 - 2020 | 2020-2021 |
| **Tổng số** | | **394** | **446** |
| ***Khoa Công nghệ thông tin*** | | ***0*** | ***5*** |
| 17 | Địa tin học | 0 | 5 |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***29*** | ***42*** |
| 7 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 21 | 30 |
| 8 | Kỹ thuật điện | 5 | 9 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 3 | 3 |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí | 0 | 0 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***9*** | ***6*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 8 | 6 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | 1 | 2 |
| ***Khoa KH & KT Địa chất*** | | ***31*** | ***43*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 29 | 43 |
| 2 | Địa chất học | 2 | 0 |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 0 |
| ***Khoa Kinh tế & QTKD*** | | ***221*** | ***211*** |
| 20 | Quản lý kinh tế | 221 | 211 |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***30*** | ***33*** |
| 14 | Khai thác mỏ | 23 | 26 |
| 15 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 7 | 7 |
| ***Khoa Môi trường*** | | ***0*** | ***12*** |
| 16 | Kỹ thuật môi trường | 0 | 12 |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***74*** | ***70*** |
| 11 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 65 | 57 |
| 12 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 9 | 13 |
| 13 | Quản lý đất đai | 0 | 18 |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***0*** | ***4*** |
| 18 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 0 | 4 |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng | | Mới mở |

***Bảng 15. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021***

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2019 - 2020 | 2020-2021 |
| **Tổng số** | | **7** | **16** |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***0*** | ***1*** |
| 1 | Kỹ thuật điện | 0 | 0 |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 0 | 0 |
| 3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 0 | 1 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***2*** | ***0*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 2 | 0 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | - | Mới mở |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Khoa KH và KT Địa chất*** | | ***2*** | ***2*** |
| 7 | Kỹ thuật địa chất | 1 | 2 |
| 8 | Địa chất học | 0 | 0 |
| 9 | Khoáng vật học và địa hóa học | 1 | 0 |
| ***Khoa Kinh tế và QTKD*** | | ***1*** | ***2*** |
| 10 | Quản lý kinh tế | 1 | 2 |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***0*** | ***5*** |
| 11 | Khai thác mỏ | 0 | 5 |
| 12 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 0 | 0 |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***2*** | ***6*** |
| 13 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 2 | 6 |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***0*** | ***0*** |
| 14 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 0 | 0 |

### *3.1.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2020-2021*

Trong năm học 2020 - 2021 Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học **306** sinh viên

***Bảng 16. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học***

| TT | Khoa | SV học đúng tiến độ 2019-2020 | SV buộc thôi học 2019-2020 | SV học đúng tiến độ 2020-2021 | SV buộc thôi học 2020-2021 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 2,774 | 54 | 2893 | 79 |
| 2 | Cơ điện | 2,507 | 34 | 2271 | 55 |
| 3 | Dầu khí | 1,201 | 34 | 787 | 19 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 582 | 7 | 458 | 17 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 2,478 | 51 | 3274 | 87 |
| 6 | Mỏ | 735 | 13 | 900 | 5 |
| 7 | Môi trường | 389 | 19 | 260 | 7 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 911 | 22 | 717 | 17 |
| 9 | Xây dựng | 827 | 8 | 619 | 20 |
| | **Tổng** | **12.404** | **244** | **12179** | **306** |

Trong năm học 2020 - 2021, có 46 học viên cao học bị buộc thôi học; 10 nghiên cứu sinh không hoàn thành tiến độ học tập và nghiên cứu theo thời gian quy định nên Nhà trường đã ra quyết định trả về cơ quan công tác.

### *3.1.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới*

***Đào tạo đại học:***

Nhà trường đã nghiên cứu, triển khai hình thức liên kết đào tạo đại học với các trường cao đẳng, cao đẳng nghề, đồng thời phát triển mô hình đào tạo các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp:

Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với một số đơn vị trong nước nhằm thực hiện các liên kết toàn diện về đào tạo và NCKH với mục tiêu hội nhập và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội (Bảng 16).

Tuy nhiên mô hình đào tạo theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp chưa được phát huy đúng với tiềm năng sẵn có của Nhà Trường.

***Bảng 17. Danh sách các đơn vị Trường đã ký thỏa thuận***

| STT | Tên đơn vị |
|---|---|
| 1 | Đại học Bách khoa Hà Nội |
| 2 | Đại học Bách khoa Đà Nẵng |
| 3 | Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh |
| 4 | Trường ĐH Giao thông vận tải |
| 5 | Trường ĐH Thủy Lợi |
| 6 | Trường ĐH Xây dựng |
| 7 | Tổng Công ty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP) |
| 8 | Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIỂN ĐÔNG POC) |
| 9 | Cục Bản đồ, Bộ Tổng Tham mưu (Bộ Quốc Phòng) |
| 10 | Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam |
| 11 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) |

*Xây dựng và phát triển phương thức đào tạo từ xa*

Nhà trường tiếp tục tập trung nguồn lực việc triển khai đào tạo theo hình thức E-Learning như: bố trí cán bộ hỗ trợ công tác xây dựng bài giảng E-Learning; xây dựng và đưa vào sử dụng các phòng thu âm bài giảng (C402A và C402B) với đầy đủ trang thiết bị như máy tính, micro thu âm chuyên dụng…; thử nghiệm và cải tiến phương pháp xây dựng bài giảng E-Learning. Nhà trường đã xây dựng và triển khai hệ thống phần mềm học tập trực tuyến E-Learning. Hiện tại các bài giảng E-Learning sau khi nghiệm thu đã được đưa lên hệ thống để sẵn sàng triển khai học tập theo hình thức E-Learning và Blended Learning. Cũng từ nền tảng của hệ thống HUMG E-Learning, Nhà trường đã phát triển thành công hệ thống HUMG eExams để tổ chức thi kết thúc học phần và thi chuẩn đầu ra trực tuyến. Ngoài ra, Nhà trường vẫn tiếp tục ký kết hợp động về việc triển khai giảng dạy trực tuyến cho các lớp sinh viên ngành Công nghệ thông tin và ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Nhờ đó, khi bệnh dịch Covid-19 bùng phát, nhà trường đã chủ động điều chỉnh hoạt động đào tạo sang hình thức trực tuyến một cách nhanh chóng và nhịp nhàng, không để hoạt động đào tạo bị gián đoạn và còn tạo ra một hệ thống đào tạo mới, linh hoạt và bảo đảm được chất lượng.

*Quản lý đào tạo*

Công tác quản lý đào tạo gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trong thời gian dài, hầu hết các hoạt động giảng dạy và học tập phải tiến hành trực tuyến. Vượt qua khó khăn công tác quản lý đào tạo càng được chú trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy và học tập theo hướng có lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến quản lý đào tạo được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung như: Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, quy định chế độ làm việc của giảng viên.

Nhà trường đẩy mạnh công tác xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập. Cụ thể:

- Đang tiến hành mở thêm 8 ngành, 6 chuyên ngành đào tạo đại học chính quy và 02 ngành đào tạo sau đại học (Bảng 18). Các ngành đang được mở nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và thu hút người học.

- Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung đề cương chi tiết chương trình đào tạo theo khuyến nghị của đoàn đánh giá.

- Tiến hành chỉnh sửa, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ mới năm 2021, cùng với Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018. Đây là cơ sở quan trọng cho công tác tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học đạt hiệu quả và chất lượng hơn. Các khoa và bộ môn chuyên môn đã triển khai thực hiện tốt theo các quy định của Quy chế. Học viên cao học và NCS đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện Quy chế và quy định của Nhà trường.

- Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Việc tổ chức giảng dạy, học tập của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

***Bảng 18. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo đang mở mới***

| STT | Tên ngành, chuyên ngành | Hình thức đào tạo |
|---|---|---|
| 1 | Ngành Kỹ thuật Ô tô | Đại học chính quy |
| 2 | Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | |
| 3 | Ngành Robot và Trí tuệ nhân tạo | |
| 4 | Ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước | |
| 5 | Ngành Đá quý Đá mỹ nghệ | |
| 6 | Ngành Luật kinh tế | |
| 7 | Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | |
| 8 | Ngành An toàn, Vệ sinh lao động | |
| 9 | Chuyên ngành Khai thác hầm lò | |
| 10 | Chuyên ngành Dịch vụ Công trình biển - Dầu khí | |
| 11 | Chuyên ngành KT Polyme | |
| 12 | Chuyên ngành KT Hóa thực phẩm | |
| 13 | Chuyên ngành Địa vật lý đô thị | |
| 14 | Ngành hóa dược | |
| 15 | Ngành Kỹ thuật môi trường | NCS |
| 16 | Ngành Bản đồ viễn thám và Hệ thông tin địa lý | |

***Đào tạo sau đại học:***

- Năm học 2020 - 2021, mở thêm 02 ngành đào tạo sau đại học: Kỹ thuật xây dựng trình độ thạc sĩ và Kỹ thuật hóa học trình độ tiến sĩ đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội và đều tuyển được học viên trong năm học 2020 - 2021, đồng thời nâng tổng số ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường lên 20 ngành đào tạo, 14 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và đã đảm bảo tất cả các khoa chuyên môn của Nhà trường đều có đào tạo sau đại học.

- Tiến hành chỉnh sửa, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ mới năm 2021, cùng với Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018. Đây là cơ sở quan trọng cho công tác tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học đạt hiệu quả và chất

lượng hơn. Các khoa và bộ môn chuyên môn đã triển khai thực hiện tốt theo các quy định của Quy chế. Học viên cao học và NCS đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện Quy chế và quy định của Nhà trường.

- Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Việc tổ chức giảng dạy, học tập của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

***3.1.6 Công tác giáo trình, bài giảng***

***Bảng 19. Thống kê công tác xuất bản giáo trình đại học năm học 2020 - 2021***

| TT | Khoa | Tên giáo trình | Mã MH | Số TC | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Khoa CNTT | Tin học văn phòng nâng cao | 7080636 | 3 | Đang làm thủ tục Hội đồng thẩm định giáo trình |
| | | Kế toán máy | 7080633 | 3 | Đang làm thủ tục Hội đồng thẩm định giáo trình |
| 2 | Khoa Dầu khí | Địa chất dầu khí | 7060207 | 2 | |
| | | | 7060206 | 3 | |
| | | Nguyên lý phá hủy | 7060429 | 2 | |
| 3 | Khoa KH&KTĐC | Nguyên liệu khoáng đại cương | 7040225 | 3 | |
| | | Địa chất thủy văn nhiễm bẩn | | | Giáo trình sau đại học |
| 4 | Khoa KT&QTKD | Sách tham khảo Kinh tế học vi mô | 7070104 | 3 | |
| | | Thuế quốc tế | 7070458 | 2 | |
| | | Kế toán thương mại, dịch vụ | 7070421 | 3 | |
| | | Phân tích kinh tế HĐKD trong DN | 7070317 | 3 | Đang làm thủ tục xuất bản |
| 5 | Khoa Mỏ | Chế biến than | 7030403 | 2 | Đã xuất bản năm học 2021-2022 |
| 6 | Khoa TĐBĐ&QLĐĐ | Công nghệ mới trong phát hành bản đồ | | | Giáo trình sau đại học |
| 7 | Khoa KHCB | Đại số tuyến tính | 7010102 | 4 | |
| | | Sách chuyên khảo "Chi bọt ếch (Glochidion) - Hoá học các hợp chất triterpenoid và hoạt tính gây độc tế bào ung thư của ba loài Glochidion eriocarpum, Glochidion glomerulatum và Glochidion hirsutum ở Việt Nam" | 7060319 | 2 | |

Năm học 2020 - 2021, các bộ môn và khoa chuyên môn đã biên soạn được 02 giáo trình sau đại học cấp NXB và bổ sung, chỉnh sửa xong các giáo trình, bài giảng theo CTĐT 60 tín chỉ

phục vụ kịp thời cho công tác giảng dạy và học tập, đặc biệt là các ngành đào tạo mới mở như Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật hóa học.

**3.2. Những tồn tại**

**Đào tạo đại học**

- Việc xin ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định, văn bản còn chậm, nhiều đơn vị không gửi ý kiến, làm cho việc sửa đổi chưa hiệu quả, chưa đáp ứng được những vấn đề thực tiễn.
- Hoạt động của đội ngũ GVCN, CVHT đạt hiệu quả chưa cao.
- Tính chủ động trong quản lý đào tạo tại các Khoa chưa đạt hiệu quả mong đợi.
- Công tác nhập điểm của một số GV còn quá hạn gây khó khăn trong xét học bổng và xử lý học tập.
- Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về việc nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của sinh viên, học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.
- Do số lượng các nhóm học trực tuyến khá nhiều nên công tác thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy và học tập gặp nhiều khó khăn.
- Việc mở mới các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và đại học còn chậm trễ. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ, cũng như tư duy để mở ra các hướng nghiên cứu, các ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế phát triển của khu vực và thế giới như năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ mới, môi trường và biến đổi khí hậu… ở các bộ môn, khoa chuyên môn còn nhiều hạn chế.
- Việc triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo tại tất cả các đơn vị trong Trường còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

**Đào tạo sau đại học**

- Do tình hình dịch bệnh covid - 19, một số hoạt động dạy và học, cũng như các hoạt động phong trào trong năm học 2020 - 2021 bị ảnh hưởng. Tất cả tiến độ đều bị chậm lại so với những năm học trước.
- Một số giảng viên dạy không theo đúng lịch học tập được phân công, tình hình giáo viên dạy dồn giờ và thậm chí rút bớt số giờ dạy theo quy định vẫn còn.
- Tình trạng nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập và nghiên cứu không đúng tiến độ, chậm tốt nghiệp có chiều hướng tăng lên.
- Việc chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật các thông tin, dữ liệu mới vào trong các bài giảng, cũng như biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo cấp nhà xuất bản còn rất hạn chế.
- Số lượng HV được cấp chứng chỉ SĐH trong năm học vừa qua không có. Điều đó cho thấy những bất cập về chính sách, chế độ nên các Bộ môn không mở được các lớp đào tạo chứng chỉ.

***3.3. Giải pháp***

***Đào tạo Đại học:***

- Tiếp tục triển khai các giải pháp quảng bá, tư vấn tuyển sinh phù hợp, hiệu quả với mục tiêu tuyển được ít nhất 3000 sinh viên đại học;
- Ban hành các quy chế, quy định về các công tác mở ngành, bài giảng giáo trình, dạy học trực tuyến, liên kết đào tạo;
- Tăng cường tập huấn sử dụng edusoft tại các khoa, Phối hợp xây dựng các modul trên nền tảng di động phục vụ sinh viên và giảng viên;
- Xây dựng mới các CTDT theo hướng liên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội. Chủ động thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao và các chương trình đào tạo tiên tiến cũng như các chương trình thuộc nhiệm vụ chiến lược của Trường;

***Đào tạo Sau đại học:***

- Cần bám sát mục tiêu đào tạo sau đại học nêu trong Chiến lược phát triển của Nhà trường để xác định nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch cũng như hệ thống giải pháp thực hiện một cách đồng bộ, chủ động, hợp lý trong từng giai đoạn.

- Trong công tác đào tạo sau đại học, vấn đề đội ngũ cán bộ (số lượng, chất lượng) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ảnh hưởng đến tất cả các khâu của quá trình đào tạo.

- Cần tạo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Phòng Đào tạo sau đại học với các đơn vị trong Trường, đặc biệt với các đơn vị chuyên môn ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo, nhất là khâu tuyển sinh để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo sau đại học.

- Trong quá trình thực hiện công tác quản lý đào tạo sau đại học, cần hết sức lưu ý vấn đề xây dựng và vận dụng hệ thống giải pháp thực hiện cho từng dạng công việc, thích ứng với từng đối tượng quản lý cũng như bị quản lý.

- Đối với các NCS, cần tăng cường hơn nữa sự quản lý về thời gian, về kết quả học tập, nghiên cứu, trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Đào tạo sau đại học và các đơn vị chuyên môn theo đúng quy định về quản lý NCS.

** Mục tiêu năm học 2021 - 2022 về công tác đào tạo đại học và sau đại học:*

*Đào tạo đại học*

- Phấn đấu tuyển sinh khoảng từ 3000 đến 3500 sinh viên trong đợt tuyển sinh năm 2022 (theo cả hình thức xét tuyển học bạ và THPT Quốc gia);

- Hoàn thiện các quy định quy chế về: Mở ngành, bài giảng giáo trình, dạy trực tuyến và liên kết đào tạo.

- Ứng dụng công nghệ thông tin triển khai các modul ứng dụng Edusoft trên nền tảng di động, tăng cường công tác sử dụng Edusoft tại các Khoa trong công tác quản lý sinh viên và đánh giá giảng viên.

- Mở thêm các ngành/chuyên ngành mới theo kế hoạch năm 2022

*Đào tạo sau đại học*

- Tuyển sinh 2 đợt/năm với tổng số lượng khoảng 450 học viên cao học, và 10-15 NCS. Quy mô đào tạo sau đại học khoảng 1000, trong đó có 100 NCS và 900 học viên cao học.

- Tổ chức từ 2 đến 3 lớp bồi dưỡng chuyên đề sau đại học với số lượng dự kiến khoảng 50 học viên.

- Mở mới 02 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Ngành Kỹ thuật môi trường và Ngành Bản đồ viễn thám và Hệ thông tin địa lý.

## 4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

### 4.1 Những kết quả đạt được

#### *4.1.1 Công tác khảo thí*

Năm học 2020 - 2021, công tác khảo thí được thực hiện theo đúng lộ trình đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường.

Đối với hệ Chính quy, tính đến tháng 4 năm học 2020-2021, số các Học phần tham gia hình thức khảo thí là 874 học phần (năm học 2019-2020 là 766/3218, chiếm tỷ lệ gần 30%), **tăng 108 học phần** so với năm học trước. Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được thay hình thức khảo thí theo yêu cầu của các bộ môn để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi.

Công tác chấm thi cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: khẩn trương dán phách bài thi ngay sau khi buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Phần lớn giảng viên tham gia nhiệm vụ khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, chấm thi. Công tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến

2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát công tác chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Thời gian nhận đơn và chấm phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được xác định và đưa lên hệ thống chung của toàn trường. Tuy nhiên, do thời gian chấm thi khác nhau nên khoảng thời gian xử lý các bài phúc khảo còn khá dài, dẫn đến việc hoàn thành phúc khảo còn chậm.

Số liệu phúc khảo bài thi trong năm học vừa qua như sau: Học kỳ 1 đợt 1: 81 bài; Học kỳ 1 đợt 2: 26 bài; Học kỳ 2 đợt 1: 59 bài; Học kỳ 2 đợt 2 và học kỳ phụ thi trực tuyến không có bài phúc khảo.

- Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Thời gian nhận đơn và chấm phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được xác định và đưa lên hệ thống chung của toàn trường.

Các đợt thi tại các địa điểm xa trường được tổ chức theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ xét thực tập, xét đồ án tốt nghiệp cũng như xét học bổng cho các lớp sinh viên.

Đối với hệ VLVH, công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy trình khảo thí, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VLVH, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi cuối học phần được giảng viên gửi kèm đề thi, đáp án và bài thi để thông báo điểm và phục vụ công tác lưu giữ theo quy định.

Dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác tổ chức khảo thí của Nhà trường. Tháng 5 năm 2021, Nhà trường đã kịp thời ban hành Quyết định 397/QĐ-MĐC ngày 21/5/2021 Quy định thi kết thức học phần trong thời gian bị ảnh hưởng của Dịch Covid-19 để chủ động tổ chức thi kết thúc học kỳ 2, học kỳ phụ (đại học) và các lớp cao học.

Đối với bậc Sau đại học, công tác khảo thí được thực hiện đối với tất cả các ngành đào tạo và tại các địa điểm liên kết. Công tác tổ chức thi được thực hiện tại các địa điểm liên kết đào tạo do Phòng ĐBCLGD kết hợp cùng phòng SĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Tháng 9 và 10/2021, Nhà trường đã tổ chức thi trực tuyến kết thúc học phần cho tất cả các lớp cao học khóa K40, K42 và K42-1.

***Nhận xét, đánh giá chung:*** Công tác khảo thí đã tạo động lực để các kỳ học được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy; giúp cho các khóa học có điểm thi kết thúc học phần đúng thời hạn, thuận lợi cho công tác xử lý kết quả học tập hàng kỳ, xét khen thưởng, xét học bổng, xét tốt nghiệp cho sinh viên cũng như xét điều kiện bảo vệ và đánh giá tốt nghiệp của học viên cao học.

Nhà trường đã tiến hành chuẩn hóa Quy trình khảo thí, quy trình chấm và nhập điểm thi, quản lý đề thi đáp án; xây dựng kế hoạch tích hợp Quy trình Khảo thí 2020, Quy định về thi kết thúc học phần trong thời gian bị ảnh hưởng của Dịch Covid-19 thành một Quy trình khảo thí đầy đủ hơn dự kiến ban hành trong Tháng 11/2021. Lên phương án, kế hoạch tổ chức khảo thí tất cả các học phần có xếp lịch thi theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐU Trường.

***4.1.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ tin học***

Năm học 2020 - 2021, do tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, cán bộ, viên chức trong Nhà trường thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, sinh viên chuyển từ hình thức học trực tiếp sang học trực tuyến. Vì vậy, số đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ trong năm học 2020 - 2021 giảm so với các năm học trước. Cụ thể là Trung tâm đã tổ chức được 5 đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra tin học (trong đó có đợt kiểm tra tại điểm xa trường như Phú Yên) cho 5.190 lượt sinh viên. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở Bảng 20:

***Bảng 20. Số sinh viên tham dự kiểm ngoại ngữ, tin học năm học 2020 - 2021***

| Đợt kiểm tra | Ngoại ngữ | | | Tin học | | | Địa điểm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | |
| Đợt 3 (10/2020) | 916 | 466 | 50.87% | 810 | 590 | 72.84% | HN |
| Đợt 4 (12/2020) | 615 | 353 | 57.40% | 530 | 413 | 77.92% | HN |
| Đợt 1 (04/2021) | 760 | 476 | 62.63% | 527 | 395 | 74.95% | HN |
| Đợt 2 (05/2021) | 68 | 66 | 97.06% | 66 | 64 | 96.97% | Phú Yên |
| Đợt 3 (07/2021) | 566 | 372 | 65.72% | 332 | 269 | 81.02% | HN |
| **Cộng** | **2,925** | **1,733** | 60.77% | **2,265** | **1,731** | 75.82% | |

Nhìn vào bảng thống kê cho thấy, tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 2.925 sinh viên, số sinh viên đạt là 1.733 sinh viên, chiếm tỷ lệ 60.77%; tổng số sinh viên dự thi tin học là 2.265 sinh viên, số sinh viên đạt là 1.731 sinh viên, chiếm tỷ lệ 75.82%.

***Bảng 21. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, tin học năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021***

| | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Tăng/Giảm |
|---|---|---|---|
| **Tổng số thí sinh** | **6,141** | **5,190** | **-951** |
| Ngoại ngữ | 3,102 | 2.925 | -177 |
| Tin học | 3,039 | 2.265 | -774 |
| **Số thí sinh đạt** | **4.095** | **3.464** | **-631** |
| Ngoại ngữ | 1,915 | 1.733 | -182 |
| Tin học | 2,180 | 1.731 | -449 |

So với năm học trước, số lượng sinh viên tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ giảm..

Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, trong năm học 2020 - 2021, Trung tâm cũng đã tổ chức hai đợt kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ cho 2.041 sinh viên K65. Kết quả kiểm tra là cơ sở để Nhà trường phân loại và sắp xếp các lớp học phù hợp với trình độ của sinh viên.

*Công tác cấp chứng nhận ngoại ngữ, tin học*

Trong năm học 2020 - 2021, Trung tâm đã làm thủ tục cấp, phát 1.416 chứng nhận cho sinh viên, trong đó có 693 chứng nhận ngoại ngữ và 723 chứng nhận tin học. Điều này chứng tỏ sinh viên càng ngày càng tín nhiệm các chứng nhận do Nhà trường cấp, tự tin sử dụng các chứng nhận này khi tham gia tuyển dụng tai các đơn vị sử dụng lao động.

*Công tác bồi dưỡng ngoại khóa ngoại ngữ, tin học*

Các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ tại Trung tâm chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng của người học, đặc biệt là các kỹ năng mà sinh viên còn yếu như nghe, nói. Trong năm học vừa qua, Trung tâm đã tổ chức được 5 lớp bồi dưỡng ngoại ngữ với 80 sinh viên tham gia trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 75 sinh viên, chiếm tỷ lệ 93.75 %. Trung tâm đã phối hợp với

phòng Đào tạo Đại học, bộ môn Ngoại ngữ tổ chức 78 lớp tiếng Anh tăng cường cho hơn 2.000 sinh viên nhằm tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên học và thực hành ngôn ngữ, đảm bảo lộ trình đạt Chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp; đã triển khai để sử dụng nhiều giáo trình nước ngoài kết hợp các tài liệu của giáo viên để giảng dạy, về cơ bản đã tạo dựng được môi trường học tập đáp ứng yêu cầu cho những sinh viên thực sự yêu thích ngoại ngữ và có nhu cầu.

Đối với môn tin học, Trung tâm đã tổ chức được 5 lớp tin học với 85 sinh viên tham gia trong số đó có 85 sinh viên đạt chuẩn đầu ra, chiếm tỷ lệ 100%; đã triển khai tổ chức 02 lớp bồi dưỡng và 02 đợt thi chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản cho 33 sinh viên. Các bài giảng là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành với tài liệu, giáo trình giảng dạy của Khoa Công nghệ thông tin giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học.

***4.1.3. Công tác đảm bảo chất lượng***

Trong năm qua, kế hoạch đảm bảo chất lượng đã được xây dựng và thực hiện như: điều phối các công tác khảo sát về chất lượng giảng dạy của giảng viên và môn học, lấy ý kiến/thông tin về sinh viên tốt nghiệp, ý kiến của nhà sử dụng lao động về nội dung, chương trình đào tạo; triển khai công tác cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động trong Nhà Trường sau đánh giá ngoài; Nhà trường duy trì việc tiếp tục là thành viên tổ chức kiểm định chất lượng của Hiệp hội các trường đại học Châu Á - AUN QA.

Thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 04 CTĐT cho 02 khoa: Khoa Cơ điện (CTĐT Kỹ thuật điện và CTĐT Kỹ thuật Cơ khí); Khoa Trắc địa bản đồ và QLĐĐ (CTĐT Quản lý đất đai) và Văn phòng CTTT (CTĐT Kỹ thuật hóa học). Hiện nay 04 CTĐT đã nộp bản nháp hoàn chỉnh đầu tiên và đang chuẩn bị bản sửa chữa Báo cáo tự đánh giá lần 2.

Đưa ra Hệ thống văn bản Hướng dẫn lưu trữ Minh chứng phục vụ Tự đánh giá CTĐT 2020, áp dụng tới tất cả các Khoa và các Phòng ban chức năng trong toàn trường; bước đầu xây dựng được Hệ thống ĐBCL bên trong theo QĐ 1512/QĐ-MĐC ngày 11/11/2019.

Phòng Đảm bảo chất lượng cũng đã chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị trong toàn trường, hoàn thành việc tham gia xếp hạng các trường ĐH theo UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu vào tháng 08/2020.

Nhà trường đã thông báo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau kiểm định CTĐT các năm 2019 và 2020; đã gửi thông báo và đang cùng các đơn vị xây dựng Kế hoạch ĐBCL cho năm học 2021-2022.

***Nhận xét, đánh giá chung:*** Công tác đảm bảo chất lượng đã và đang được đẩy mạnh trong năm học vừa qua với nhiều kết quả đáng khích lệ; một số vấn đề tồn tại sẽ được khắc phục trong thời gian tới.

***4.2 Những tồn tại***

***Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng***

Quy định về công tác ĐBCLGD Trường, Hội đồng ĐBCL Trường cũng như Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường (mô hình mạng lưới, cơ cấu tổ chức) đã được xây dựng, ban hành nhưng khi triển khai các hoạt động còn bộc lộ sự thiếu chuyên nghiệp và hạn chế. - Việc cải tiến chất lượng sau kiểm định 11 CTĐT đã kiểm định chất lượng trong năm qua còn diễn ra chậm. - Chưa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT theo theo tiêu chuẩn AUN-QA đối với Chương trình Kỹ thuật hóa học (Chương trình Tiên tiến) của Nhà trường.

***Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra tin học ngoại ngữ***

Do dịch bệnh diễn biến phức tạp, để đảm bảo phương án phòng dịch mà vẫn tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp ra trường nên trong năm học vừa qua, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đã phối hợp với các phòng ban chức năng trong nhà trường chuyển từ hình thức kiểm tra Chuẩn đầu ra trực tiếp sang kiểm tra trực tuyến dẫn đến tình trạng nhiều sinh viên

không có đầy đủ các thiết bị máy tính phục vụ kiểm tra, cũng ảnh hưởng đến công tác tổ chức và kết quả đạt của sinh viên sắp tốt nghiệp.

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo do Trung tâm tổ chức vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sĩ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao. Chưa mời được được những giảng viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy các lớp học ngoại khóa.

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng về việc phải ôn luyện để nắm chắc kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng Chuẩn đầu ra và yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

Chi phí hiện nay Nhà trường chi trả cho giáo viên dạy ngoài giờ thấp hơn so với mặt bằng chung, do đó khó có thể mời được các giáo viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham giao giảng dạy tại Trung tâm.

***4.3 Giải pháp***

***Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng***

- Rà soát, kiện toàn các văn bản về công tác ĐBCLGD, kiện toàn hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Rà soát lại quy trình khảo thí đang thực hiện, hợp nhất với quy định thi kết thúc học phần trong các điều kiện đặc biệt (ví dụ Dịch Covid-19).

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về công tác đảm bảo chất lượng CSGD và CTĐT; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác ĐBCL.

- Xây dựng các quy định và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về ĐBCL.

- Rà soát, xây dựng hệ thống thông tin ĐBCL trong Nhà trường và trong mỗi CTĐT.

***Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra tin học ngoại ngữ***

Tăng cường hoạt động tuyển sinh và quảng bá nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên về việc ôn luyện để có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt nhất cho kiểm tra Chuẩn đầu ra.

Tiếp nhận ý kiến đóng góp của giảng viên và học viên về chương trình đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo.

Chủ động và tích cực hơn nữa trong việc lựa chọn giáo viên có trình độ cao và chủ động trong công tác tài chính, mức chi trả cho giáo viên phù hợp nhằm thu hút được giảng viên có trình độ tham gia công tác đào tạo tại Trung tâm.

Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp đòi hỏi người học phải có khả năng làm việc độc lập, có ý thức tự giác cao độ và phải biết lập kế hoạch phù hợp với bản thân, tự định hướng trong học tập để thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

**5. Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp**

***5.1. Những kết quả đạt được***

***5.1.1 Công tác tư vấn tuyển sinh***

Năm học 2020 – 2021, do dịch bệnh Covid 19 nên công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp mới thực hiện được 10% theo kế hoạch đề ra, sau đó đã phải chuyển hướng sang hình thức TVTS online hoàn toàn.

*Truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp:*

Đã tham gia Ngày hội TVTS do Bộ Giáo dục và Đào tạo, phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Hải Phòng và Nam Định; Thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp ( khi chưa giãn cách xã hội) tại 5 điểm trường tại Hà Nội và Bắc Giang; Thực hiện chương trình trao học bổng kết hợp với TVTS cùng Công đoàn trường tại 09 Trường THPT thuộc Thanh Hóa và Hà Tĩnh;

*Truyền thông tư vấn tuyển sinh online:*

Sử dụng rất hiệu quả kênh truyền thông qua mạng xã hội để quảng bá thông tin tuyển sinh tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Trang facebook chính thức của HUMG từ 21.000 lượt like năm 2019 lên 29.000 lượt like và theo dõi trang trong năm 2020, năm 2021 số lượng thích trang đạt mốc 43.600 người (tăng 150% so với năm 2020); Đã thực hiện 71 chiến dịch quảng cáo thông tin hình ảnh của Trường, thông tin tuyển sinh của Trường qua các bài viết trên mạng xã hội, Zalo OA; tổng số lượng tương tác với các bài viết và bài quảng cáo là 1.452.852 lượt, tổng số lượng tương tin nhắn là 3.344 tin nhắn.

Thực hiện 12 chương trình Livestream tư vấn tuyển sinh giới thiệu về ngành nghề đào tạo; hướng dẫn ôn thi các môn cơ bản Toán, Lý, Hóa, Anh; thu hút hàng chục nghìn người quan tâm, theo dõi trực tiếp và xem lại chương trình;

Tư vấn tuyển sinh qua hình thức gọi điện thoại và trả lời tin nhắn;

Đã trả lời hàng chục ngàn tin nhắn về tuyển sinh offline và online (thường tập trung từ 17h00 - 01h00); Đã gọi điện trực tiếp cho 13 000 thí sinh trúng tuyển vào trường theo hình thức xét học bạ và xét theo kết quả thi THPT.

Kết quả: Từ các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh nói trên, mùa tuyển sinh năm 2021 đã được đánh giá là có kết quả tốt hơn so với nhiều năm trở lại đây.

***5.1.2. Công tác truyền thông***

Trong năm học 2020 - 2021, Phòng Quan hệ Công chúng và doanh nghiệp đã thực hiện tốt công tác truyền thông nội bộ và truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

*Công tác truyền thông nội bộ:* Đã thực hiện 104 tin bài trên website humg.edu.vn về các sự kiện của Nhà trường; 95 bài viết trên website tuyển sinh (ts.humg.edu.vn) về các thông tin tuyển sinh và thông tin hữu ích cho tân sinh viên; đã tham dự và chụp ảnh và ghi hình cho hơn 100 sự kiện về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, văn hóa, xã hội, hợp tác quốc tế hoạt động ngoại khóa của cán bộ và sinh viên Nhà trường. Tin tức luôn cập nhật nhanh chóng và kịp thời.

Quản trị tốt và phát huy hiệu quả các kênh mạng xã hội, cụ thể đã thực hiện 263 tin bài, 55 clip trên fanpage của trường; thực hiện 95 bài viết nhiêu bài trên kênh zalo OA; Tối ưu hóa kênh Youtube của trường theo đề mục, thuận tiện cho việc tìm kiếm tư liệu hình ảnh về Trường.

Đã thực hiện gần 300 pano điện tử phục vụ công tác truyền thông nội bộ, công tác tư vấn Thực hiện gần 60 nội dung trang trí khánh tiết trên các pano khổ lớn, bandrol, backdrop, cho các sự kiện lớn của Đảng, Nhà nước và của Nhà trường.

*Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng:*

Thực hiện tốt việc quản trị hình ảnh, thương hiệu của HUMG trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong năm học vừa qua, hơn 40 nội dung tin tức về các hoạt động của HUMG, đặc biệt là các thông tin tuyển sinh đã được đăng tải trên báo chí, truyền hình từ Trung ương đến địa phương. Đã có kết nối tốt với các cơ quan truyền thông để nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu hình ảnh của HUMG

***5.1.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp***

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã triển khai thoả thuận hợp tác với 08 cơ quan, doanh nghiệp trong đó có những đối tác chiến lược, gắn bó mật thiết với các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường như: Hợp tác toàn diện 7 trường Đại học Kỹ thuật hàng đầu Việt Nam; Tổng Công ty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP); Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIỂN ĐÔNG POC); Cục Bản đồ, Bộ Tổng Tham mưu (Bộ Quốc Phòng); Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)…Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai gần 60 thỏa thuận hợp tác đã được ký kết trước đây.

Đặc biệt quan tâm trao đổi cùng các đơn vị cơ quan, doanh nghiệp trong việc cam kết tiếp nhận sinh viên thực tập, tạo việc làm bán thời gian cho sinh viên, tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp vào làm việc; tài trợ học bổng cho quỹ khuyến học …

Trước diễn biến phức tạp của Covid-19, sinh viên từ học tập tập trung phải học tập online tại nhà. Để kịp thời hỗ trợ cho sinh viên nhiều hoạt động xúc tiến việc làm cho sinh viên đã được triển khai như: Liên tục đăng tải thông tin tuyển dụng trên Cổng thông tin việc làm HUMG, tổ chức các buổi tuyển dụng trực tiếp tại Trường như Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn…; tổ chức giới thiệu việc làm cho 42 doanh nghiệp tham gia và có tới hơn 300 vị trí việc làm.

Song song với việc hỗ trợ việc làm thì công tác hướng nghiệp, trang bị kỹ năng cho sinh viên cũng là khâu hết sức quan trọng. Vì vậy ngày 1/4/2021 Nhà trường phối hợp cùng Tập đoàn Viettel tổ chức buổi hội thảo với nội dung danh cho sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Công nghệ Thông tin, Tự động hóa, Xây dựng tìm hiểu về "Kinh nghiệm thực tiễn về Quản lý dự án".

Từ ngày 10/4-13/5/2021 Nhà trường phối hợp cùng Hội đồng Anh tổ chức 3 khóa tập huấn "Công dân tích cực – Doanh nghiệp xã hội". Chương trình phát triển kỹ năng lãnh đạo xã hội, thúc đẩy đối thoại đa văn hóa và trách nhiệm với xã hội được coi là những kỹ năng chủ đạo của các lãnh đạo trẻ trong thế kỉ 21.

Về khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt 78,14% (2180/2790 sinh viên)

Vào tháng 3/2021 cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo HUMG 2021" đã được khởi động với 10 khoa chuyên môn và chương trình tiên tiến. Đã có 12 đề án được xây dựng và tham dự sơ khảo cuộc thi. Hiện nay, 06 đề án xuất sắc nhất đã được lựa chọn để tiếp tục dự thi tại vòng chung kết tổ chức vào ngày 22/10/2021.

Nhìn chung, năm học 2020 – 2021 với diễn biến phức tạo của dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên các hoạt động hợp tác doanh nghiệp, hướng nghiệp, khởi nghiệp và việc làm sinh viên gặp rất nhiều khó khăn cho nhà trường và doanh nghiệp.

***5.2 Những tồn tại***

***Công tác tư vấn tuyển sinh***

*Hạn chế*

- Các chất liệu truyền thông chưa thực sự phong phú (rất thiếu những chất liệu truyền thông mang tính thực tế, có sức thu hút và hấp dẫn, đúng tâm lý và thị hiếu khách hàng.
- Công tác truyền thông cho những ngành khó tuyển sinh gặp nhiều khó khăn
- Công tác truyền thông TVTS nhiều khi còn chưa kịp thời

*Nguyên nhân*

- Bộ phận nhân sự rất thiếu đặc biệt về mảng truyền thông đa phương tiện (thiếu các vị trí công việc như: phóng viên; biên tập viên; kỹ thuật viên);
- Trang thiết bị cơ sở vật chất không đồng bộ, thiếu rất nhiều thiết bị tối thiểu để thực hiện một chương trình có chất lượng cao;
- Thiếu đội ngũ báo cáo viên, diễn giả có chuyên môn nghiệp vụ và khả năng truyền cảm hứng tốt;
- Các đơn vị trong trường đặc biệt là các khoa có những ngành khó tuyển sinh phối hợp với phòng chức năng còn lỏng lẻo, thụ động, nhận thức về truyền thông còn hời hợt;
- Tính kế hoạch trong công tác truyền thông còn chưa cao; nhiều khi bị động trong công việc.

***Công tác truyền thông***

*Hạn chế*

- Tính liên kết trong mạng lưới truyền thông nội bộ chưa cao;
- Công tác tuyên truyền các sự kiện lớn của Đất nước, của Nhà trường và của các ngành liên quan đôi khi còn chưa kịp thời.

- Công tác truyền thông nhiều khi chưa bao quát hết các mảng công tác của các Khoa và các đơn vị trong trường.

*Nguyên nhân*

- Chưa thực sự quan tâm và đầu tư cho công tác truyền thông nội bộ của tổ chức; Phương thức truyền thông nội bộ hiện nay đang theo hướng manh mún, nhỏ lẻ mà chưa theo một định hướng chung;

- Việc chồng chéo trong chức năng nhiệm vụ của đơn vị, dẫn đến có sự kiện thì nhiều đơn vị làm xong có sự kiện không biết thuộc trách nhiệm của đơn vị nào (việc này đã được PHT phụ trách phân xử vào những tháng cuối cùng của năm học)

- Tính phối hợp giữa các đơn vị trong trường về công tác truyền thông chưa cao;

***Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp***

*Hạn chế*

- Hợp tác doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, chưa đem lại hiệu quả;

- Công tác hướng nghề, hướng nghiệp chưa phát huy được hiệu quả và thế mạnh của nhà trường;

- Hỗ trợ việc làm còn chưa đáp ứng được mong muốn và nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng;

- Công tác khởi nghiệp chưa lan tỏa, còn mang tính chất cuộc thi.

*Nguyên nhân*

- Dữ liệu về doanh nghiệp chưa được thống kê, chuyển giao, cập nhật đầy đủ;

- Chưa xây dựng được cơ chế liên kết chặt chẽ giữa Phòng – Khoa; giữa Nhà trường - Doanh nghiệp trên cơ sở win – win;

- Công tác đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội;

- Chất lượng và ý thức của sinh viên ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu HUMG;

- Dịch bệnh phức tạp và kéo dài dẫn đến thay đổi hình thái tổ chức từ offline thành online, từ tập trung thành phân tán..

***5.3 Giải pháp***

***Công tác tư vấn tuyển sinh***

- Tuyển dụng mới những cán bộ có năng lực chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành của các vị trí việc làm đang còn thiếu khuyết;

- Cho phép cán bộ đang có đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc;

- Trang bị cơ sở vật chất (theo yêu cầu, có tham khảo chuyên môn của các đơn vị truyền thông chuyên nghiệp) để đảm bảo thiết bị mua về sử dụng được lâu dài và có chất lượng;

- Xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn, có cơ chế chi trả thù lao hợp lý cho cán bộ tham gia công tác báo cáo viên, diễn giả, người truyền cảm hứng trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh;

- Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, tính phố hợp của các khoa trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh;

- Xây dựng kế hoạch truyền thông Tư vấn tuyển sinh để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả, tránh bị động, vội vàng.

***Công tác truyền thông***

- Xây dựng mạng lưới (website, group) truyền thông nội bộ, kênh thông tin chia sẻ và thấu hiểu, thực sự là nơi gửi gắm các thông điệp truyền thông có ích từ lãnh đạo tới nhân viên và ngược lại (truyền thông 2 chiều tích cực)

- Quy định lại chức năng của đơn vị theo đúng nội hàm và ngoại diên phù hợp theo tên đơn vị.

- Xây dựng Quy tắc phối hợp trong công tác truyền thông nội bộ.

***Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp***

- Tập trung các cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cựu sinh viên và tập hợp về một mối;
- Gia tăng các hoạt động quan hệ doanh nghiệp một cách sâu sắc và gắn kết trên cơ sở win – win;
- Đẩy mạnh và đẩy sớm các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng như: Bồi dưỡng kỹ năng học tập cho sinh viên năm 1; kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên năm 2.
- Gia tăng các hoạt động hướng nghề hướng nghiệp tại các đơn vị ký kết hợp tác thỏa thuận như: Tham quan nhà máy, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh dành cho sinh viên năm 2, tổ chức thực tập môn học cho sinh viên năm 3; tổ chức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên năm 4.
- Kêu gọi doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình tuyển sinh, đào tạo và chuyển giao khoa học – kỹ thuật.
- Tháo gỡ nút thắt cơ chế, chế độ cho giáo viên, sinh viên và người làm công tác khởi nghiệp.
- Tiếp tục học tập các mô hình hay về khởi nghiệp sáng tạo trong hệ thống giáo dục đại học.

**6. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên**

***6.1. Những kết quả đạt được***

***6.1.1. Công tác sinh viên***

Hàng năm, Phòng CTCT-SV xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trong năm học theo hướng dẫn đầu năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Xây dựng kế hoạch công tác sinh viên năm học 2020 - 2021; Kế hoạch tổ chức các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường; Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, Kế hoạch Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, Kế hoạch tổ chức sinh hoạt lớp.... Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên, Phòng CTCT-SV thực hiện theo đúng kế hoạch của Nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tuyên truyền, tôn vinh các tấm gương sinh viên tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh như tổ chức cuộc thi tìm hiểu 90 năm ngày truyền thống ngành tuyên giáo của Đảng; triển khai các hoạt động hưởng ứng cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh….và nhiều cuộc thi có ý nghĩa khác.

Tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm bằng nhiều hình thức: Tuyên truyền qua Pano, qua trang web, facebook…

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, với tinh thần chủ động phối hợp hoạt động tốt giữa phòng chức năng và các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Trường, đã triển khai tốt các hoạt động văn thể theo đúng kế hoạch năm đề ra như: hội khỏe truyền thống 26/3 sinh viên; giải bóng đá nam cán bộ, nam sinh viên...

Ngoài các hoạt động văn thể còn có các chương trình phục vụ sự kiện của Nhà trường như: Lễ khai giảng năm học mới; lễ trao bằng cho sinh viên hệ chính quy; lễ trao bằng cho sinh viên sau đại học, tiến sỹ; lễ kỷ niệm ngày Thành lập Trường và ngày Nhà giáo Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam…

Tổ chức hiệu quả Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa, đầu năm cho sinh viên toàn Trường tại các cơ sở đào tạo Hà Nội, Vũng Tàu. Nội dung sinh hoạt đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…). Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng CTCT-SV và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách

nhanh chóng, thuận tiện nhất. Tổ chức lớp học, lịch học nghiêm túc, hiệu quả. Số sinh viên tham gia sinh hoạt đạt 98%;

Tổ chức hiệu quả buổi Sinh hoạt lớp đầu mỗi học kỳ để đánh giá điểm rèn luyện sinh viên các khóa.

Tổ chức hiệu quả hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên: Hội nghị đối thoại là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức có hiệu quả các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường, đặc biệt là sinh viên năm đầu và sinh viên năm cuối nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên.

Thường xuyên tuyên truyền, triển khai các thông báo tới sinh viên qua trang web, qua hệ thống các fanpage chính thống của Phòng CTCT-SV và của Nhà trường nhằm hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng  thông tin trên internet, mạng xã hội phục vụ việc học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí lành mạnh.

***6.1.2. Công tác hỗ trợ sinh viên***

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên có khó khăn trong việc đăng ký ghép lớp, hủy học phần, đăng ký môn học, xin quay trở lại học tập..., đề xuất giải pháp phát hiện cảnh báo sớm học tập sinh viên.

Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp.

Tổ chức có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sinh viên (bảo hiểm thân thể, xác nhận sinh viên…) giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với sinh viên. Trong năm học 2020 - 2021, giải quyết thủ tục miễn giảm học phí HK1 cho hơn 230 lượt sinh viên với tổng số tiền miễn giảm hơn 1,2 tỷ đồng.

Tìm kiếm và sử dụng nhiều nguồn học bổng giá trị hỗ trợ sinh viên. Học kỳ 1 năm học 2020 - 2021 xét duyệt 552 suất học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên với tổng giá trị hơn 3,5 tỷ đồng, tìm kiếm và xét duyệt gần 10 suất học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Nhà trường.

Công tác hỗ trợ sinh viên trong dịch Covid 19 được giải quyết kịp thời, số sinh viên được chuyển khoản lần 1 là: 5.844 sinh viên và lần 2 là: 7.527 sinh viên. Nhiều sinh viên có số tài khoản sai hoặc không có tài khoản đã nhận tiền mặt tại trường

***6.2. Những tồn tại***

- Công tác xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ.
- Tình trạng sinh viên còn nợ chuẩn đầu ra tin/ngoại ngữ ở mức cao.
- Công tác xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ. (nguyên nhân là do điểm các môn học của sinh viên cập nhật bị chậm, số tài khoản của sinh viên tự kê khai còn nhiều sai sốt, nhầm lẫn)
- Công tác xét miễn giảm học phí cho sinh viên còn nhiều khó khăn chậm trễ do không được tiếp cận với hệ thống số tài khoản của sinh viên.
- Khó khăn trong việc cập nhật thông tin còn thiếu của những sinh viên khóa mới do sinh viên nhập học rải rác nên không lấy được thông tin của sinh viên ngay từ đầu.
- Công tác cảnh báo sớm học tập sinh viên chưa được tổ chức thực hiện, dẫn đến việc chậm trễ trong công tác xử lý các tác vụ học tập của sinh viên và sự phối hợp với gia đình người học.

***6.3. Giải pháp***

- Hoàn thiện nâng cao hệ thống cảnh báo sớm tình trạng học tập của sinh viên;
- Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học hoàn thiện chu trình và quy chế đào tạo;
- Cải thiện chất lượng quản lý sinh viên;

- Phối hợp hiệu quả với các phòng, khoa, ban trong Nhà trường để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chung;

- Giải quyết triệt để, kịp thời khen thưởng, học bổng, miễm giảm học phí cho sinh viên;

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan pháp luật, các ngành, địa phương; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường trong công tác quản lý sinh viên.

**7. Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản**

***7.1. Những kết quả đạt được***

***7.1.1 Hoạt động nghiên cứu khoa học***

Năm học 2020 - 2021 hoạt động KHCN của Nhà trường đã đạt được kết quả tốt, khẳng định KHCN là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường. Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện:

- 28 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 06 đề tài thuộc chương trình cấp Quốc gia, 19 đề tài NCCB trong KHTN, 04 đề tài do Bộ Công thương quản lý.

- 46 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, gồm: 30 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp, 01 nhiệm vụ hợp tác song phương và 14 đề tài triển khai mới được giao năm 2021, 01 dự án nâng cấp Tạp chí chuyển tiếp.

Về kết quả thực hiện, đã có 17 đề tài, nhiệm vụ được nghiệm thu cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh (04 đề tài đạt loại xuất sắc, 13 đề tài xếp loại đạt).

Nhà trường đã gắn mục tiêu các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ CBGD của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là tài liệu phong phú đóng góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo.

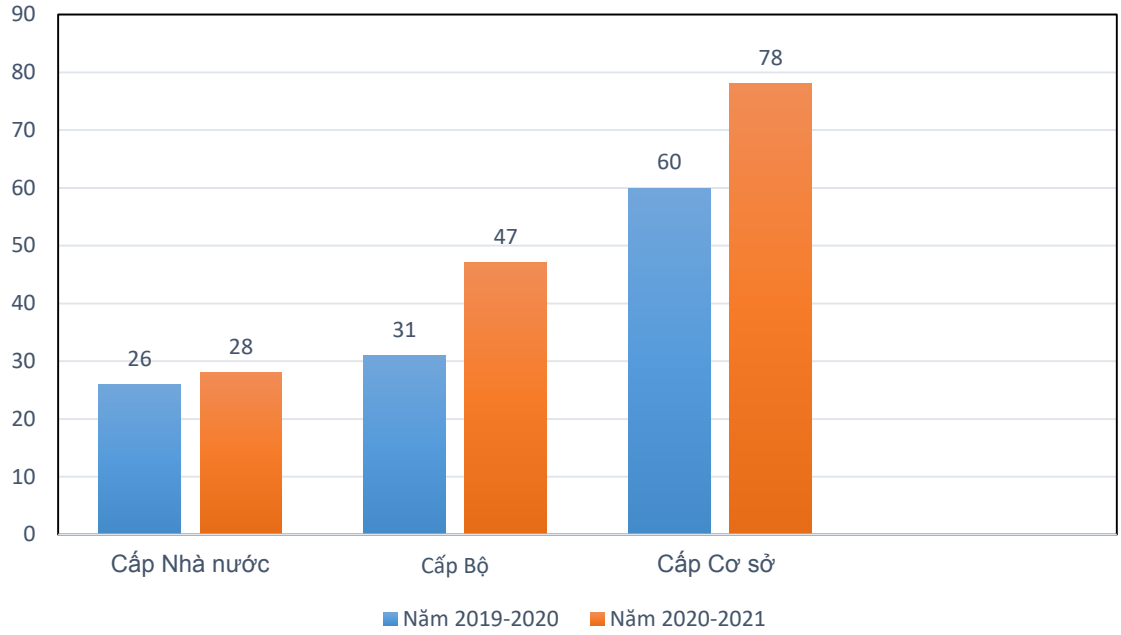
- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Nhà trường đã ưu tiên, khuyến khích NCS, học viên cao học được tham gia, chủ trì thực hiện các đề tài KHCN dưới nhiều hình thức; bổ sung hình thức đề tài cấp cơ sở bằng nguồn kinh phí khác; nhiệm vụ KHCN phục vụ mở mới ngành nghề đào tạo. Chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt, một số đề tài NCKH cấp cơ sở có đăng ký sản phẩm đầu ra là bài báo ISI, Scopus với mức kinh phí hỗ trợ lên đến 100 triệu đồng/đề tài. Đa số các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước. Năm học 2020-2021, có 78 đề tài/nhiệm vụ đang thực hiện với tổng kinh phí là 2.090 triệu đồng, đã có 34/78 đề tài được nghiệm thu theo đúng quy định của Nhà trường.

- Bên cạnh việc thực hiện đề tài KHCN các cấp, hoạt động sinh hoạt học thuật của đội ngũ cán bộ giảng dạy vẫn được duy trì tốt và triển khai rộng rãi tại các bộ môn, khoa trong điều kiện chịu ảnh hưởng của dịch Covid.

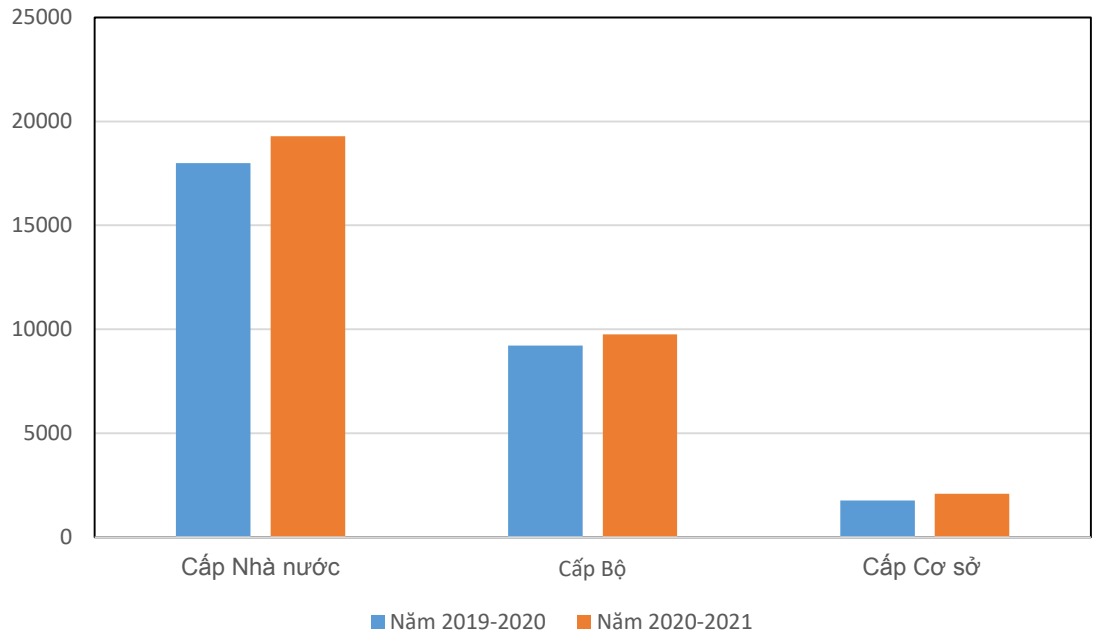
***Bảng 22. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp***

| Nội dung | Năm 2019-2020 | | Năm 2020-2021 | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Kinh phí cấp (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí cấp (triệu đồng) |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước | 26 | 17.998 | 28 | 19.278 |
| Đề tài KHCN cấp Bộ | 31 | 9.221 | 46 | 9.757 |
| Đề tài NCKH cấp cơ sở | 60 | 1763 | 78 | 2.093 |

*(số liệu cập nhật đến ngày 30/9/2021)*




*Hình 3. Số lượng đề tài các cấp năm học 2019-2020 và 2020-2021*




*Hình 4. Số kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2019-2020 và 2020-2021*

**Bảng 23. Thống kê công tác NCKH theo Khoa năm 2020-2021**

| Đơn vị | Đề tài cấp NN | Đề tài cấp Bộ | Đề tài cấp cơ sở |
|---|---|---|---|
| Khoa Công nghệ thông tin | 2 | 4 | 2 |
| Khoa Cơ - Điện | 2 | 3 | 5 |
| Khoa Dầu khí | 5 | 4 | 11 |
| Khoa Khoa học cơ bản | 1 | 6 | 8 |
| Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 9 | 8 | 7 |
| Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 0 | 0 | 8 |
| Khoa Mỏ | 5 | 6 | 8 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Khoa Môi trường | 0 | 1 | 7 |
| Khoa Lý luận chính trị | 1 | 0 | 4 |
| Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ | 2 | 5 | 13 |
| Khoa Xây dựng | 1 | 9 | 5 |
| Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 0 | 0 |
| Khối Hiệu bộ | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 28 | 46 | 78 |

***Đánh giá:*** Tổng số nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ và kinh phí thực hiện trong năm học 2020-2021 tăng so với năm 2019-2020. Kinh phí thực hiện tập trung chủ yếu vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt. Nhìn chung, hầu hết các đề tài đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ nội dung chuyên môn. Tuy nhiên, chủ nhiệm và nhóm thực hiện một số đề tài còn chưa tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, chưa đảm bảo chất lượng các sản phẩm trung gian, sản phẩm khoa học của đề tài. Tình trạng chậm tiến độ do không đủ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là bài báo quốc tế vẫn còn xảy ra.

*Công tác thông tin khoa học*

Do tình hình dịch bệnh Covid -19 dẫn đến nhiều hội thảo, hội nghị tạm thời dừng tổ chức nhưng số báo cáo tại Hội nghị vẫn tăng so với năm học 2019-2020, do các Hội thảo, Hội nghị đã áp dụng nền tảng công nghệ thông tin linh hoạt trong việc tổ chức nên hoạt động trao đổi học thuật giữa các đơn vị trong và ngoài nước vẫn được tổ chức tốt.

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường chủ trì tổ chức Hội nghị Khoa học toàn quốc ERSD - 2020 lần thứ 2 và phối hợp với các đơn vị tổ chức 02 hội thảo quốc tế và nhiều hội thảo khoa học chuyên đề:

- Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã chủ trì, phối hợp với cơ quan, Viện nghiên cứu, Trường đại học trong nước tổ chức Hội nghị Khoa học toàn quốc với chủ đề "Khoa học Trái đất và tài nguyên với phát triển bền vững - (ERSD-2020)" vào ngày 14/11/2020 tại 14 tiểu ban chuyên môn. Tham dự Hội nghị có gần 700 đại biểu, các nhà khoa học, nhà quản lý trong nước và quốc tế. Đã có 255 báo cáo được lựa chọn với tổng số 1824 trang để đăng trên tuyển tập của Hội nghị. Tuyển tập Hội nghị có chỉ số xuất bản ISBN, được phân theo từng lĩnh vực chuyên môn. Hội nghị khoa học toàn quốc ERSD 2020 là nơi giao lưu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ và các khoa học liên quan.

- Các đơn vị trong Nhà trường đã tổ chức các Hội nghị quốc tế như: International Conference on Economic Management in Mineral Activities – EMMA5 (Hội thảo Quốc tế Quản lý kinh tế trong hoạt động Khoáng sản); Innovations For Sustainable And Responsible Mining (Hội nghị khoa học quốc tế "Những tiến bộ trong khai thác mỏ bền vững và có trách nhiệm 2020 - ISRM 2020"). Bên cạnh đó Trường còn giao cho các khoa tổ chức các hội thảo chuyên đề cho các lĩnh vực như: Khoa học xã hội, Địa chất - Địa chất thủy văn, Xây dựng, Ứng dụng công nghệ mới v.v….

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Năm 2020, các nhà khoa học trong Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thưởng 438 triệu đồng cho 152 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI, SCI,SCIE giai đoạn từ 1/2020-12/2020.

***Bảng 24. Hội thảo và Công bố khoa học năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021***

| **Loại hình Hội thảo/công bố khoa học** | **Năm học 2019 - 2020** | **Năm học 2020 - 2021** |
|---|---|---|
| Hội nghị, hội thảo quốc tế | 3 | 2 |
| Hội nghị, hội thảo trong nước | 0 | 3 |
| Báo cáo khoa học | 176 | 375 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế | 198 | 243 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước | 207 | 359 |

Thống kê kết quả công bố khoa học tại các đơn vị trong Nhà trường cụ thể như sau:

***Bảng 25. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị***

| | **Khoa** | **Bài báo** | | **Báo cáo khoa học** |
|---|---|---|---|---|
| | | **Tạp chí Quốc tế** | **Tạp chí trong nước** | |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 15 | 11 | 20 |
| 2 | Khoa Cơ Điện | 16 | 18 | 16 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 30 | 25 | 35 |
| 4 | Khoa Mỏ | 50 | 47 | 27 |
| 5 | Khoa Môi trường | 7 | 32 | 55 |
| 6 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 6 | 50 | 35 |
| 7 | Khoa Lý luận chính trị | 1 | 11 | 28 |
| 8 | Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 9 | 8 |
| 9 | Khoa Khoa học cơ bản | 32 | 34 | 40 |
| 10 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 22 | 47 | 25 |
| 11 | Khoa Xây dựng | 27 | 51 | 30 |
| 12 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 37 | 24 | 56 |
| | **Tổng** | **243** | **359** | **375** |

*(Số liệu cập nhật trên phần mềm QLKHCN đến ngày 31/7/2021)*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn nằm trong Top 10 các cơ sở giáo dục đại học có thành tích tốt nhất về công bố khoa học quốc tế và học thuật theo các số liệu thống kê, hệ thống phân loại khác nhau (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Webometric, Bảng xếp hạng đại học của Việt Nam UPM, …).

*Hoạt động Sở hữu trí tuệ*

Năm học 2020 - 2021, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đăng ký thành công 04 đơn sáng chế, giải pháp hữu ích tại Cục sở hữu trí tuệ, các đăng ký này đang trong quá trình thẩm định hoặc công báo. Nhà trường đang xây dựng Quy chế về đăng ký Sở hữu trí tuệ nhằm hỗ trợ giảng viên, cán bộ định hướng và phát triển các sản phẩm NCKH của mình thành các sáng chế và giải pháp hữu ích, chuyển hóa các kết quả NCKH thành các sản phẩm được đăng ký bản quyền và bảo hộ quyền tác giả, có thể áp dụng và chuyển giao rộng rãi trong và ngoài nước, góp phần khẳng định thương hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ.

*Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ*

Nhà trường đã ra Quyết định công nhận 04 nhóm nghiên cứu (trong đó có 01 nhóm nghiên cứu mạnh) dựa trên cơ sở tập hợp các nhà khoa học trong và ngoài nước. Một số nhóm nghiên cứu có hiệu quả hoạt động rất tốt với nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

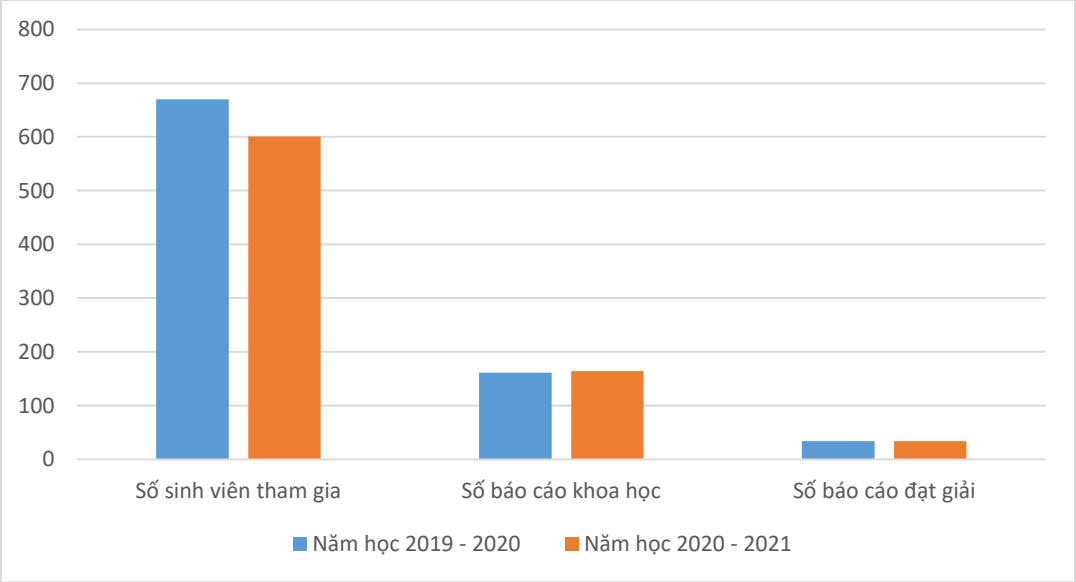
*Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên*

- Hoạt động NCKH của sinh viên đã được Nhà trường quan tâm đúng mức, coi đây là điều kiện để các em sinh viên thể hiện kết quả học tập, khả năng, định hướng nghiên cứu khoa học và là cơ hội trau dồi kiến thức hơn nữa. Năm học 2020-2021, Hội nghị khoa học sinh viên toàn Trường diễn ra theo hình thức trực tuyến với 164 đề tài được nghiệm thu và báo cáo, 601 sinh viên tham gia thực hiện tại 19 tiểu ban. Hội nghị đã lựa chọn được 34 đề tài đạt chất lượng trong đó có 19 đề tài đạt giải Nhất, 12 đề tài đạt giải Nhì và 03 đề tài đạt giải Ba. Ban tổ chức Hội nghị đã chọn ra và trao 03 giải NCKHSV cấp Trường cho những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên xuất sắc nhất Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 34.

- Năm học 2020-2021, Nhà trường cũng cử 15 sinh viên tham dự cuộc thi MSO 2020 do Học viện kỹ thuật quân sự đăng cai tổ chức, trong số đó có 12/15 đạt Chứng chỉ yêu cầu của kì thi. Bên cạnh đó, do tình hình dịch bệnh COVID -19 diễn biến phức tạp dẫn đến kì thi Olympic được thể tổ chức. Các cuộc thi Olympic cấp quốc gia cũng đều bị hủy.

***Bảng 26. Công tác NCKH sinh viên năm học 2019-2020 và 2020-2021***

| Nội dung | Năm học 2019 - 2020 | Năm học 2020 - 2021 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| ***A. Hội nghị Khoa học sinh viên*** | | | |
| - Số lượng sinh viên tham gia | 670 | 601 | - 10,29% |
| - Số lượng báo cáo khoa học | 161 | 164 | + 1,86% |
| - Số báo cáo đạt giải | 34 | 34 | 0 % |




***Hình 4. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH***

***Bảng 27. Thống kê NCKH sinh viên theo Khoa năm học 2020 - 2021***

| TT | Đơn vị | Hội nghị KHSV | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Cấp Trường | | |
| | | Số SV tham gia | Số BCKH | Số BC đạt giải |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 67 | 18 | 4 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 100 | 28 | 6 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 72 | 18 | 3 |
| 4 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 128 | 29 | 6 |
| 5 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 41 | 12 | 3 |
| 6 | Khoa Mỏ | 70 | 20 | 4 |
| 7 | Khoa Môi trường | 34 | 10 | 2 |
| 8 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 35 | 13 | 2 |
| 9 | Khoa Xây dựng | 40 | 13 | 3 |
| 10 | Chương trình tiên tiến | 14 | 3 | 1 |
| | **Tổng** | **601** | **164** | **34** |

Nhìn chung, công tác NCKH sinh viên trong năm học qua dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch COVID -19 nhưng các nhóm sinh viên vẫn nhiệt tình tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm, đầu tư nhiều hơn và bước đầu phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, chất lượng sinh viên tham gia các hoạt động này cũng được nâng cao.

*Công tác quản lý khoa học*

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm, đầu tư phát triển. Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

- Tham gia xây dựng Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ trường nhiệm kì 2021 - 2025, chiến lược phát triển trường Đại học Mỏ - Địa chất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, chương trình hành động số 03 của Đảng ủy Trường nhiệm kỳ 2020-2025 liên quan đến khoa học công nghệ.

- Nhà trường đã ra ban hành Quy định sửa đổi về Quản lý các hoạt động Khoa học Công nghệ của Nhà trường để thực hiện tốt công tác quản lý mang lại hiệu quả về công tác thuộc lĩnh vực hoạt động KHCN của Nhà trường, cụ thể: Mở thêm loại hình đề tài cơ sở gồm: đề tài thường niên, đề tài tiềm năng và đề tài đột xuất. Trong đó chú trọng đến các đề tài cơ sở có sản phẩm công bố bài báo ISI và Scopus, sản phẩm có tính ứng dụng cao, có sở hữu trí tuệ và thời gian thực hiện có thể đến 18 hoặc 24 tháng, với mức kinh phí hỗ trợ có thể đến 100 triệu đồng/đề tài; Cho phép thực hiện đề tài cơ sở bằng nguồn kinh phí khác, Nhà trường quản lý về mặt chất lượng, tiến độ thực hiện đề tài và hỗ trợ kinh phí 5 triệu đồng/đề tài; Thay đổi chính sách, tăng mức hỗ trợ cho tác giả có công bố quốc tế (ISI/Scopus) lên mức tối đa 100 triệu đồng/bài và mở

rộng đối tượng các công trình khoa học quốc tế được hỗ trợ; Nêu cao vai trò, trách nhiệm của Khoa, Bộ môn trong quản lý các đề tài/nhiệm vụ KHCN. Quy định rõ việc ghi nhận tài trợ trong các công trình công bố khoa học là sản phẩm của các đề tài/nhiệm vụ KHCN; Bổ sung quy định về sở hữu trí tuệ, đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Bổ sung quy định tổ chức Hội nghị, Hội thảo do Trường và các đơn vị trong trường chủ trì;

- Xây dựng định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Trường giai đoạn 2021-2025, làm cơ sở lên kế hoạch, triển khai hoạt động KHCN của các đơn vị, nhà khoa học trong Trường;

- Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh trong toàn Trường đến các đơn vị Khoa, Bộ môn. Hiện nay đã có danh sách 35 nhóm nghiên cứu mở mới từ 2022-2024;

- Phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) tiếp tục được hoàn thiện cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

- Nhà trường đã ban hành Quy trình thực hiện đề tài KHCN các cấp để hỗ trợ cho các nhà khoa học nắm vững, đầy đủ các bước thực hiện đề tài KHCN. Trên cơ sở đó, có sự phối hợp hiệu quả với các phòng ban chức năng trong Nhà trường, nhóm thực hiện đề tài triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ.

Ngoài ra, các nhà quản lý, nhà khoa học của Trường đã có nhiều đóng góp trong việc hoạch định chính sách, xây dựng định hướng, kế hoạch, triển khai hoạt động KHCN của các Bộ, ngành địa phương, thông qua đó phục vụ cho hoạt động KHCN của Trường:

- Nhà trường và cá nhân các nhà khoa học đã chủ động kết nối với các tổ chức, cá nhân quản lý về KHCN (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ KHCN, Quỹ Nafosted, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên Môi trường, Sở KHCN các địa phương, ...) để lên ý tưởng, hình thành các đề xuất đề tài, và triển khai thực hiện các chương trình, đề tài, nhiệm vụ KHCN (ví dụ: 3 đề tài thuộc chương trình 562 đã có Quyết định phê duyệt thực hiện với tổng kinh phí xấp xỉ 20 tỷ đồng).

- Tham gia soạn thảo Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: "Quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học", "Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học".

- Chủ trì và phối hợp xây dựng chương trình KHCN 2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về "Nghiên cứu các yếu tố tác động tới sự biến đổi dòng chảy, đới bờ khu vực Tây Nam Bộ và tai biến thiên nhiên liên quan, đề xuất giải pháp phòng tránh, giảm thiểu".

***7.1.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ được chia làm hai hình thức, đó là ký trực tiếp về Trường và ký về các trung tâm, công ty Codeco. Mặc dù tiếp tục bị ảnh hưởng chung của bởi dịch COVID -19, hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong năm học qua vẫn là điểm mạnh của Trường thể hiện qua số liệu trong bảng sau:

***Bảng 28. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất***

| Nội dung | Năm 2019 | Năm 2020 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| Tổng số hợp đồng đã ký kết và thực hiện | 863 hợp đồng | 882 hợp đồng | +2,20 |
| Tổng doanh thu theo hợp đồng (triệu đồng) | 204.798 | 223.404 | +9,08 |
| Đóng góp cho Trường (triệu đồng) | 3.076 | 3.165 | +2,89 |
| Nộp thuế (triệu đồng) | 14.332 | 16.415 | +14,53 |

*(Số liệu báo cáo các đơn vị Công ty, Trung tâm trực thuộc đến ngày 30/3/2021)*

Bằng sự nỗ lực của mình, các trung tâm, công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò nghiên cứu triển khai và phục vụ đào tạo của mình, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung của Nhà trường. Nhiều trung tâm đã được các Bộ ngành, tin tưởng giao thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, dự án trọng điểm.

***7.1.3. Công tác hợp tác quốc tế***

Trong năm học 2020-2021, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của dịch Covid-19, công tác hợp tác quốc tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất vẫn đạt được một số kết quả tích cực:

*Mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác mới*

Nhà trường đã ký MOU thiết lập quan hệ hợp tác với một số đối tác mới và ký thỏa thuận thực hiện một số chương trình hợp tác cụ thể với các trường đại học có cùng định hướng hợp tác quốc tế. Cụ thể, trong năm học 2020-2021, Nhà trường đã ký biên bản hợp tác toàn diện với Trường Đại học Kỹ thuật Riga (Latvia) vào tháng 5/2021, Trường Đại học Liên bang Ural (Nga) vào tháng 7/2021. Ngoài ra, một số thỏa thuận về trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên đã được ký với Trường Đại học Kỹ thuật quốc gia Irkutsk (Nga) vào tháng 11/2020, Trường Đại học Mỏ quốc gia Saint-Etienne (Pháp) vào tháng 12/2020, Trường Đại học Bách khoa Tomsk (Nga) vào tháng 4/2021. Đặc biệt, vào tháng 5/2021, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã ký thỏa thuận song phương với Trường Đại học Công nghệ Malaysia để triển khai thực hiện dự án Erasmus+ ANGEL do Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hoá của Liên minh Châu Âu tài trợ.

Ngoài ra, trong giai đoạn dịch Covid-19, Trường tham gia tích cực các hội nghị, hội thảo trực tuyến nhằm duy trì quan hệ, kết nối với đối tác, cập nhật thông tin về các chương trình, dự án mới để kịp thời nắm bắt khi có cơ hội.

Nhà trường đã tiếp đón một số đoàn khách quốc tế hiện đang có mặt tại Việt Nam đến làm việc tại Trường như Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD), Đại sứ quán Ba Lan, Văn phòng Đài Bắc, Trung tâm văn hóa Nga tại Hà Nội, đại diện Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA) và một số doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam. Tuy số lượng ít, nhưng các đoàn khách đến làm việc tại Trường đều góp phần duy trì và phát triển hoạt động hợp tác quốc tế, tạo cơ hội giao lưu học thuật cho cán bộ và sinh viên của Trường.

*Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế:*

Nhà trường tiếp tục thực hiện dự án Erasmus+ ESSENCE do Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hoá của Liên minh Châu Âu tài trợ về Hiện đại hóa chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Kỹ thuật điện tại các trường Đại học Nga và Việt Nam với sự tham gia của 10 trường Đại học EU, Nga và Việt Nam. Dự án đã đi đến giai đoạn cuối gồm các hoạt động như viết báo cáo tổng kết, họp tổng kết dự án, hội nghị truyền thông và Trại hè online với sự tham gia của 28 đội tuyển sinh viên của 10 trường đại học thành viên dự án. Đặc biệt, đội sinh viên của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã xuất sắc dành giải thưởng là một khóa thực tập tại RTSoft và InteLab - công ty công nghệ hàng đầu của Nga và thế giới và có cơ hội làm việc trong một dự án năng lượng quốc tế.

Trong năm học 2020-2021, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã được phê duyệt 01 dự án Erasmus+ tăng cường năng lực trong lĩnh vực giáo dục đại học (dự án ANGEL) dự kiến sẽ kéo dài trong 3 năm (2021-2024) và đã triển khai thực hiện các nội dung công việc theo đúng tiến độ. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tiến hành làm thủ tục xin phép tiếp nhận viện trợ nước ngoài theo quy định tại Nghị định 80/2020 của Chính phủ đối với dự án này.

Nhà trường đã phối hợp với các cơ sở Việt Nam (Trường Đại học Phenika và Viện Địa chất Khoáng sản) và Trường Đại học Đông Bắc Na-uy nộp đề xuất dự án "Norway-Vietnam Environmental Sustainability Program (NORVIES)" lên Chính phủ Na-uy. Nhà trường cũng hỗ trợ các đơn vị, khoa chuyên môn trong việc kết nối, đề xuất và thực hiện các đề tài hợp tác nghiên cứu song phương và Nghị định thư.

Các dự án nói trên không chỉ giúp nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học, mà còn tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường thông qua các gói tài trợ trang thiết bị và phần mềm trong khuôn khổ các dự án.

*Hội nghị, hội thảo quốc tế, khóa học ngắn hạn*

Năm học 2020-2021, Nhà trường đã tổ chức thành công một số Hội nghị quốc tế có xuất bản quốc tế, gồm: Hội nghị "Những đổi mới trong khai thác mỏ bền vững và có trách nhiệm" - Innovations for Sustainable and Responsible Mining (ISRM 2020), Hội nghị "Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản" - Economic Management in Mineral Activities (EMMA 5) với sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học trong và ngoài nước. Ngoài ra, công tác tổ chức Hội nghị quốc tế Viet-Pol lần thứ 6 tại Hà Nội nhân kỷ niệm 55 năm thành lập Trường cũng được chuẩn bị trong suốt năm học.

Phối hợp với Đại sứ quán Ba Lan tại Việt Nam, Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA) tổ chức khóa học văn hóa và ngôn ngữ Ba Lan miễn phí với sự giảng dạy của giáo viên bản xứ. Khóa học thu hút sự tham gia của không chỉ cán bộ, sinh viên trong trường mà còn có sinh viên các trường đại học khác. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, khóa học được tổ chức với cả 2 hình thức online và tại chỗ tùy theo tình hình dịch bệnh từng thời điểm.

*Quản lý sinh viên nước ngoài*

Năm học 2020-2021, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học hệ chính quy tại Trường, theo diện Hiệp định và tự túc. Nhà trường đã tiếp nhận mới 08 sinh viên Lào và 3 sinh viên Campuchia học bậc đại học, 5 học viên Lào học cao học. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học chính quy trong năm học là 88 người, bao gồm 62 lưu học sinh Lào Lào, 22 Campuchia, 03 Mông Cổ và 01 Trung Quốc theo học ở tất cả các bậc đào tạo: Đại học, Thạc sỹ và Tiến sỹ.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an, Đại sứ quán các nước có sinh viên đang theo học để quản lý và đảm bảo các vấn đề an ninh, an toàn cho lưu học sinh trong quá trình sinh sống và học tập tại Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh.

Trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, Nhà trường đã phối hợp với Đại sứ quán CHDCND Lào và Đại sứ quán Vương quốc Campuchia, các cơ quan xuất nhập cảnh và các cửa khẩu quốc tế đón 100% sinh viên Lào và Campuchia sang Việt Nam học tập đúng thời hạn. Hiện nay, Nhà trường đang nỗ lực tìm các biện pháp để hỗ trợ sinh viên Mông Cổ và Trung Quốc quay trở lại trường tiếp tục học tập.

Đặc biệt, Trường đã phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiêm vaccine phòng Covid-19 cho 100% sinh viên nước ngoài, đảm bảo an toàn phòng dịch tuyệt đối cho lưu học sinh. Trong giai đoạn giãn cách xã hội, Nhà trường đã kêu gọi nhiều nguồn hỗ trợ từ các cơ quan đoàn thể, tổ chức, cá nhân để hỗ trợ vật chất và động viên tinh thần cho lưu học sinh nước ngoài của Trường đang ở tại Ký túc xá.

*Công tác quản lý hợp tác quốc tế:*

Công tác quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện chặt chẽ. Nhà trường đã ban hành các Quy định liên quan đến HTQT: Quy định quản lý các hoạt động HTQT của Trường Đại học Mỏ-Địa chất (ban hành tháng 9/2020) và Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Trường Đại học Mỏ-Địa chất (ban hành tháng 10/2020)

### *7.1.4. Công tác xuất bản*

Nhà trường phối hợp với cộng tác viên khoa học và các đơn vị liên quan thực hiện các công việc thuộc quy trình biên tập, xuất bản và phát hành Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (tiếng Việt và tiếng Anh), Hội nghị Nghiên cứu khoa học sinh viên, Hội nghị nghiên cứu khoa học Quốc tế, các ấn phẩm, sách, giáo trình, bài giảng của Trường theo quy định nội bộ của Trường và các quy định của pháp luật.

***Bảng 29. Thống kê tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất thực hiện nhiệm vụ năm học 2020 - 2021***

| Nhận bài | Ban biên tập đánh giá không đạt để phản biện | Phản biện đồng ý đăng | Phản biện không đồng ý đăng | Tác giả không đồng ý đăng |
|---|---|---|---|---|
| 100 | 5 | 147 | 10 | 1 |

*Nhận xét đánh giá chung*

- Về tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất: Hoàn thành 7 số tạp chí (1 số chuyên đề và 6 số thường niên).

- Về hội nghị, hội thảo: Tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học sinh viên 2020.

***Nhiệm vụ in ấn, xuất bản***

Tổ chức in và xuất bản theo quy định của pháp luật các tài liệu: sách, giáo trình, bài giảng; Tạp chí Khoa học - Kỹ thuật Mỏ - Địa chất; giấy thi phục vụ thi khảo thí, tài liệu phục vụ thi tuyển sinh, hội nghị, hội thảo….

***Bảng 30. Thống kê in thực hiện nhiệm vụ năm học 2020 - 2021.***

| Tên tài liệu | Loại | Số lượng | Đơn vị | Kinh phí |
|---|---|---|---|---|
| **I. Giáo trình** | | | | |
| 1. Đại số tuyến tính | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 8.640.000 |
| 2. Giáo trình thí nghiệm hóa học hữu cơ | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 5.570.400 |
| 3. Giáo trình chống giữ mỏ hầm lò | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 6.309.600 |
| 4. Địa chất dầu khí | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 14.520.000 |
| 5. Đánh giá môi trường chiến lược | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 9.438.000 |
| 6. Địa chất thủy văn nhiễm bẩn | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 6.600.000 |
| 7. Công nghệ mới trong phát hành bản đồ | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 7.642.000 |
| **II. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất** | Tạp chí | 6 | Kỳ | NSNN |
| **III. In phục vụ tuyển sinh năm 2020** | Tờ rơi, tờ gấp, kẹp file,… | 1 | Đợt | 40.000.000 |
| **IV. In tài liệu nội bộ khác** | Catalogue, biểu mẫu, thư mời, card visit, banner, pano,… | 20 | Đợt | 20.500.000 |
| | | | Tổng chi phí in: | 119.220.000 |
| *Trong đó: NSNN là tiền in tạp chí theo đề án nâng cấp tạp chí.* | | | | |

***Nhiệm vụ phát hành các ấn phẩm***

- Đã thực hiện phát hành sách giới thiệu về trường bằng tiếng Việt, nhằm quảng bá nhà trường rộng rãi tới các đơn vị, các đối tác và công chúng.

- Kết hợp cùng Phòng Quan hệ công chúng và doanh nghiệp phát hành các loại tờ rơi, quảng cáo, ấn phẩm, pano quảng cáo của Trường trong các đợt hội nghị, hội trợ việc làm, tuyển dụng, giới thiệu,…

- Thực hiện các nhiệm vụ phát hành khác khi được Hiệu trưởng giao.

***7.2 Những tồn tại***

**Hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ**

- Nguồn kinh phí cấp để thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm. Ý thức tổ chức thực hiện của một số nhóm thực hiện đề tài chưa cao, chưa chủ động.

- Chưa hình thành Quỹ phát triển khoa học công nghệ để tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ cho các hoạt động KHCN (kinh phí cho nhóm nghiên cứu, khen thưởng bài báo quốc tế, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ, tăng số lượng và kinh phí cấp cho đề tài cấp cơ sở của giảng viên và sinh viên, kinh phí đối ứng cho các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, ..)..

- Chưa hình thành được hệ thống các tổ chức KHCN (Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu) phù hợp với nhu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của Nhà trường. Mặc dù năm 2021 có thành thêm 4 nhóm nghiên cứu thuộc Trường (01 nhóm nghiên cứu mạnh) nhưng chưa có cơ thể để khuyến khích hoạt động của các nhóm nghiên cứu/ nghiên cứu mạnh mới dừng lại ở mức công nhận.

- Hệ thống các PTN được sắp xếp hoạt động chủ yếu theo hướng phục vụ hoạt động đào tạo, chưa gắn kết sâu và phục vụ hiệu quả hoạt động KHCN, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

- Số lượng kết quả NCKH của các đề tài/nhiệm vụ KHCN được chuyển giao, ứng dụng vào thực tế sản xuất còn hạn chế.

- Chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học ngoài trường tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học chưa đủ mạnh.

- Nguồn kinh phí dành cho KHCN vẫn chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tỷ trọng kinh phí đầu tư từ doanh nghiệp dưới các hình thức nhiệm vụ KHCN đặt hàng để giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn sản xuất còn hạn chế. Nguồn kinh phí từ NSNN cấp cho một số đề tài KHCN các cấp không đảm bảo theo kế hoạch thực hiện, do đó hầu hết các đề tài không chủ động theo kế hoạch, dẫn tới nhiều đề tài phải kéo dài thời gian thực hiện ngoài mong muốn.

**Công tác hợp tác quốc tế**

Năm học 2020 - 2021, do tác động của dịch Covid-19 trên toàn thế giới; nhiều cơ sở giáo dục trong và ngoài nước phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động, hoặc chuyển sang hình thức làm việc trực tuyến, gây nhiều khó khăn cho các hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế trên toàn thế giới. Đặc biệt rất nhiều hoạt động hợp tác đã phải hủy bỏ hoặc hoãn lại, như các chương trình trao đổi cán bộ, sinh viên; các đoàn ra, đoàn vào; chương trình trại hè; các hội nghị, hội thảo phải chuyển sang hình thức online. Điều này làm hạn chế hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế.

Sinh viên nước ngoài học tập tại Trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc quay trở lại Việt Nam học tập và hoàn thành các học phần của học kỳ II năm học 2019-2020 sau giai đoạn giãn cách xã hội do việc đóng cửa biên giới và hạn chế xuất nhập cảnh của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Nhiều sinh viên phải bảo lưu kết quả học tập, chờ cơ hội quay lại Việt Nam tiếp tục học tập, đặc biệt là sinh viên các nước Trung Quốc, Mông Cổ. Điều này gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý đào tạo và quản lý lưu học sinh quốc tế.

Trong điều kiện đó, Phòng Hợp tác quốc tế luôn đồng hành cùng lưu học sinh để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của lưu học sinh trong việc xuất nhập cảnh và học tập tại trường. Phòng Hợp tác quốc tế đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, kịp thời cập nhật tình hình để thông báo tới lưu học sinh; đồng thời phối hợp với các đơn vị trong trường để tổ chức việc học và thi cho lưu học sinh một cách hợp lý.

**Công tác xuất bản**

Số lượng giáo trình xuất bản còn thiếu, do các Thầy/cô viết không nhiều.

Nguyên nhân: Số lượng và chất lượng sách hiện nay rất ít và nội dung không phong phú, việc tái bản các sách cũ rất thiếu. Vấn đề kiểm duyệt sách hiện nay vẫn do bên phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học kiểm soát. Nên khi chất lượng không đảm bảo thì 2 phòng trên không đồng ý cho xuất bản.

***7.3 Giải pháp***

**Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ**

*Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hoạt động khoa học công nghệ*

- Quy hoạch, phát triển các đơn vị khoa học công nghệ trong Nhà trường: thành lập nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh, Trung tâm nghiên cứu, Viện nghiên cứu;

- Tổ chức hoạt động khoa học công nghệ trong Nhà trường theo các đơn vị khoa học công nghệ (nhóm nghiên cứu/Trung tâm nghiên cứu/Viện nghiên cứu);

- Ưu tiên đầu tư phát triển một số nhóm nghiên cứu mạnh phù hợp với định hướng ưu tiên trong NCKH, đạt tiêu chuẩn Nhóm nghiên cứu mạnh cấp Quốc gia, trở thành hạt nhân để thành lập các Viện nghiên cứu; Tập trung cho các đơn vị có tiềm lực nghiên cứu, công bố quốc tế;

- Cải cách công tác quản lý hành chính về KHCN: chuyển đổi số công tác quản lý KHCN; Thực hiện quy trình một cửa về KHCN tích hợp trong hệ thống quản lý của Nhà trường; Thành lập Hội đồng liêm chính học thuật.

*Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ*

- Thành lập và trích lập Quỹ phát triển KHCN theo đúng quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP từ nguồn thu hợp pháp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để tăng cường đầu tư cho KHCN;

- Tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm (tập trung vào các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu) theo cơ cấu của đơn vị KHCN để nâng cao hiệu quả sử dụng. Gắn kết trong quản lý và hoạt động của phòng thí nghiệm với các Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu;

- Xây dựng chính sách khuyến khích đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu thông qua các nhóm nghiên cứu; Tập trung nâng cao năng lực NCKH cho đội ngũ cán bộ có độ tuổi dưới 40; Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để thu hút các chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế đến làm việc tại Trường thông qua các nhóm nghiên cứu;

- Xây dựng chính sách về nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học để thu hút NCS; Gắn kết đào tạo sau đại học với hoạt động của Viện, nhóm nghiên cứu;

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ (chia sẻ rủi ro), khuyến khích tổ chức, cá nhân tìm kiếm nguồn đề tài KHCN về Nhà trường thực hiện (tự thực hiện, chuyển giao cho người khác thực hiện), đồng thời tăng nguồn thu từ đề tài/nhiệm vụ KHCN để tái đầu tư.

*Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao kết quả NCKH, đăng ký sở hữu trí tuệ*

- Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư cho các đề tài nghiên cứu, dự án giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn liên quan đến ngành nghề đào tạo của Nhà trường, tạo ra kết quả sản phẩm KHCN có khả năng chuyển giao ngay sau khi thực hiện;

- Thành lập đơn vị chuyên trách về tìm kiếm nguồn đề tài, chuyển giao kết quả NCKH;

- Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích đăng ký SHTT; Thành lập bộ phận chuyên trách hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ

- Thành lập đội phản ứng nhanh trong hoạt động KHCN tiếp cận và giải quyết những vấn đề thời sự, cấp bách trong đời sống kinh tế - xã hội có liên quan đến các lĩnh vực nghiên cứu, triển khai ứng dụng KHCN của Nhà trường;

- Xây dựng hồ sơ năng lực của các tổ chức KHCN, đơn vị Khoa, Bộ môn và nhóm nghiên cứu trong Trường; Hệ thống hóa thông tin tiềm lực KHCN của các đơn vị nghiên cứu, kết quả đề tài NCKH trên Cổng thông tin điện tử.

*Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học*

- Tăng cường công tác truyền thông các hoạt động khoa học công nghệ và kết quả nghiên cứu của Nhà trường; Nâng cao chất lượng tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất.

- Kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các Hội nghị khoa học quốc tế và trong nước, nâng cao chất lượng của các Hội nghị với các ấn phẩm khoa học đi kèm.

- Xây dựng định mức thực hiện công bố khoa học (tác giả chính) trên các tạp chí quốc tế uy tín (ISI/Scopus) đối với viên chức có học vị TS trở lên.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học công nghệ.

**Công tác hợp tác quốc tế**

Tiếp tục chủ động tìm kiếm đối tác và cơ hội hợp tác mới, chuyển hóa linh hoạt để phù hợp với điều kiện dịch bệnh chung trên toàn thế giới, đảm bảo tính liên tục, thông suốt và hiệu quả. Liên tục cập nhật tình hình, linh hoạt thích ứng và kịp thời nắm bắt khi có cơ hội.

Phối hợp chặt chẽ với đối tác quốc tế nhằm duy trì, phát triển công tác hợp tác quốc tế cả về chiều rộng và chiều sâu, nâng cao các chương trình cả về số lượng và chất lượng. Đẩy mạnh việc tiếp cận và đề xuất các dự án hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn tài trợ nước ngoài nhằm phát triển năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường.

Phối hợp với các Trường đối tác điều phối hoạt động trao đổi sinh viên, học bổng, trại hè quốc tế thường niên cho phù hợp với điều kiện dịch bệnh hiện tại. Xây dựng các phương án để tổ chức các hoạt động này khi dịch bệnh kết thúc.

Đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh ra các nước lân cận và trong khu vực.

Soạn thảo và lấy ý kiến các đơn vị để ban hành Quy định quản lý các chương trình liên kết đào tạo của Trường Đại học Mỏ-Địa chất.

***Công tác xuất bản***

Cần có quy trình đánh giá chặt chẽ hơn, các giáo trình, sách tham khảo của tác giả trong trường, cần được Hội đồng KH và ĐT trường thông qua trước khi công nhận và cho phép sử dụng trong Trường.

**8. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ**

***8.1 Những kết quả đạt được***

***8.1.1 Công tác tổ chức - cán bộ***

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn (2015 - 2020, 2020 - 2025), từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

*Công tác tổ chức bộ máy*

Nhà trường đã ban hành Nghị Quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường theo Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm (Hình 1):

1. Đảng ủy;
2. Hội đồng trường;
3. Ban Kiểm soát
4. Ban Giám hiệu;
5. Các đơn vị trong Trường, gồm:

- Các đơn vị hành chính gồm: phòng, ban, trung tâm, văn phòng, trạm.

- Các đơn vị chuyên môn (đào tạo, nghiên cứu khoa học) gồm: trường, khoa, Trung tâm, viện và bộ môn (nếu có).

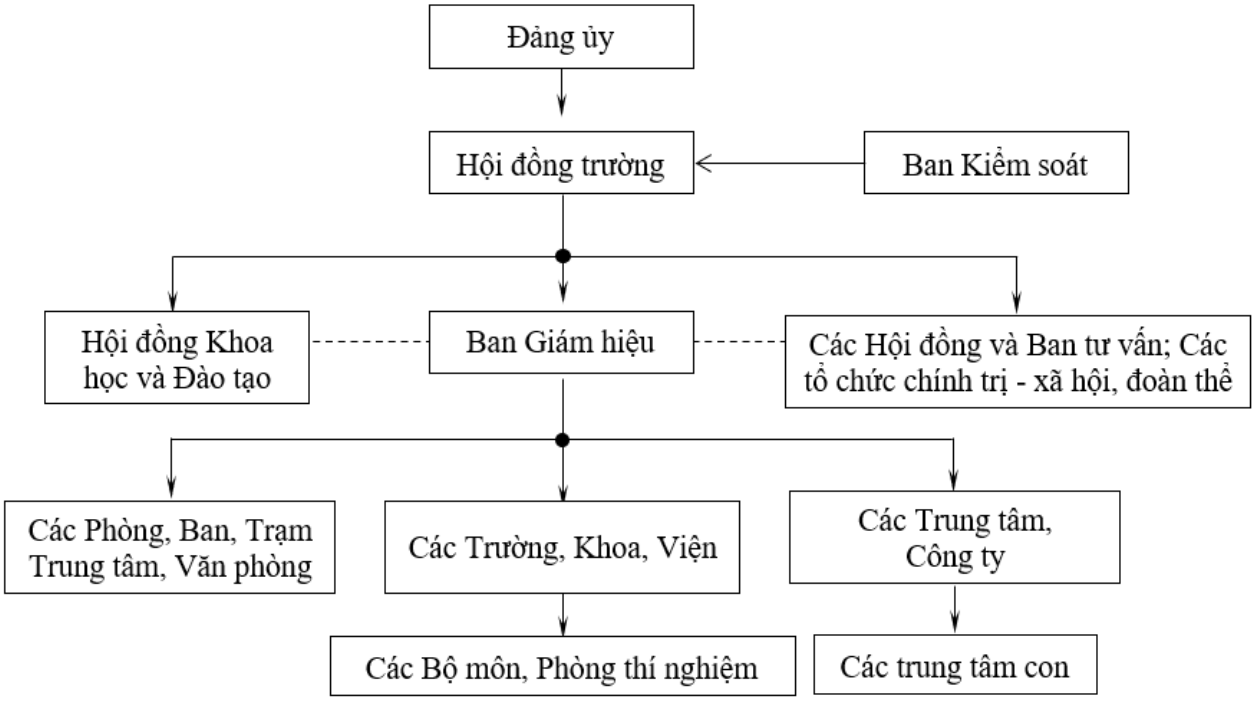
- Các đơn vị khoa học và công nghệ, dịch vụ gồm: trung tâm; công ty

Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viện và tương đương.

6. Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viên và tương đương.
7. Các trung tâm con thuộc các trung tâm, công ty.

8. Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các hội đồng và ban tư vấn khác; các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở **03** cấp: trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa đại cương với **59** bộ môn; 12 phòng và 08 đơn vị chức năng, văn phòng đại diện tại Quảng Ninh, Đà Nẵng.




***Hình 5: Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất*** *(Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

Ghi chú: ———— Quan hệ lãnh đạo

---------- Quan hệ tư vấn, phối hợp

*Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý, tuyển dụng cán bộ*

Nhà trường đã làm tốt công tác về tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường.

Căn cứ chiến lược phát triển trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, Nhà trường sẽ triển khai xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà trường giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2015-2020; Rà soát lại cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị (từ cấp bộ môn và tương đương trở lên) theo hướng tinh gọn, hiệu lực hiệu quả đồng thời điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ tương ứng. Nghiên cứu hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trực thuộc Trường để thu gọn đầu mối (Khoa đào tạo, đơn vị nghiên cứu, phòng chức năng,...) và tinh giản biên chế. Tiếp đến thực hiện và kiện toàn sắp xếp, thu gọn đầu mối các đơn vị trực thuộc Trường.

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường.

Nhà trường đã triển khai thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường theo đúng quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và theo Điều 7, Nghị định số 99 ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Đã được Bộ Giáo

dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 21 thành viên theo Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 và bổ nhiệm PGS.TS Trần Xuân Trường làm Chủ tịch Hội đồng trường theo Quyết định số 2755/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020.Từ khi có Hội đồng trường, công tác quản trị đại học dần được chuẩn hóa. Trong đó, hội đồng trường có vai trò định hướng và giám sát mọi hoạt động của Nhà trường. Đồng thời chịu trách nhiệm giải trình với xã hội và trách nhiệm với sự tồn tại và phát triển của Nhà trường.

***Thuận lợi:***

- Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nề nếp, đảm bảo công khai, dân chủ. Việc quy hoạch vừa có sự kế thừa, vừa có bước phát triển mới; cán bộ lãnh đạo quy hoạch dần được trẻ hoá, số lượng cán bộ từ 30 - 40 tuổi được đưa và quy hoạch lãnh đạo ngày càng nhiều. Cán bộ quy hoạch đều là những người có năng lực công tác, trình độ chuyên môn tốt, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác cao trong thực thi công việc.

- Công tác tuyển dụng viên chức được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo sát sao. Việc tuyển dụng sử dụng cán bộ, viên chức của Nhà trường được thực hiện theo Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng, tuyển dụng viên chức. Việc tổ chức thi tuyển được thực hiện nghiêm túc, theo quy định, đánh giá đúng chất lượng của cán bộ.

*Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo*.

- Trong năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định. Năm học 2020 - 2021, đã thực hiện 20 lượt bổ nhiệm. Đội ngũ cán bộ quản lý ngày càng được trẻ hóa, đa số đều nằm trong độ tuổi 35 - 40 (39 cán bộ), 41 - 45 (69 cán bộ) (chiếm 73 % tổng số cán bộ quản lý từ cấp Bộ môn trở lên).

*Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức*

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường.

Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 35 tuổi có 148 cán bộ, chiếm 27,8% tổng số CBGD, từ 36 - 45 có 296 cán bộ, 55,7% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất (161/256 cán bộ, chiếm 62,9 % số CBGD có trình độ TS).

- Công tác cán bộ của Nhà trường năm học 2020 - 2021: Hiện tại đến thời điểm 30/9/2021 cơ cấu cán bộ, viên chức của Nhà trường cụ thể như sau: tổng số cán bộ viên chức là 726 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 509 cán bộ, 171 cán bộ hành chính, 46 kỹ sư. Trong số cán bộ giảng dạy có 252 tiến sĩ (04 giáo sư và 50 phó giáo sư), 250 thạc sĩ, 7 đại học.

+ Năm 2020 - 2021, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu cho 12 cán bộ, 18 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

***Bảng 31. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường***

| **Nội dung** | **Năm 2020 (đến 30/9/2020)** | **Năm 2021 (đến 30/9/2021)** | **Tăng/giảm (%)** |
|---|---|---|---|
| Tổng số CBVC | 756 | 726 | - 3.97 |
| - Cán bộ giảng dạy | 531 | 509 | - 4.14 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| - Cán bộ hành chính | 225 | 217 | - 3.56 |
| - Khác | 0 | 0 | 0 |
| Cán bộ nghỉ hưu | 32 | 12 | - 62.50 |
| Cán bộ chuyển công tác | 20 | 18 | - 10.00 |
| Cử đi học cao học | 1 | 3 | + 200.00 |
| Cử đi học NCS | 6 | 6 | 0.00 |

- Trong năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã cử 03 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 03 nghiên cứu sinh, 03 cán bộ đi đào tạo thạc sĩ.

- Tính đến tháng 09/2021, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 20 cán bộ hoàn thành học tập về nước, 14 cán bộ ở nước ngoài về nước và 06 cán bộ trong nước, bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

***Bảng 32. Cơ cấu đội ngũ giảng viên***

| Năm | GS | | PGS | | TS | | ThS | | ĐH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 2020 | 4 | 0.75 | 51 | 9.60 | 201 | 37.6 | 267 | 50.3 | 8 | 1.51 |
| 2021 | 4 | 0.78 | 50 | 9.8 | 198 | 37.20 | 250 | 49.11 | 7 | 3.11 |

***Bảng 33. Đội ngũ cán bộ, viên chức ở các khoa chia theo trình độ***

| TT | Đơn vị | Tổng số | Nữ | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sỹ, TSKH | Thạc sỹ | Đại học | Kỹ sư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Toàn đơn vị: | 576 | 224 | 4 | 50 | 252 | 52 | 33 | 46 |
| **1** | **Khoa Công nghệ thông tin** | **63** | **32** | **0** | **2** | **14** | **10** | **4** | **10** |
| 1.1 | Bộ môn Mạng máy tính | 7 | 3 | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 1.2 | Bộ môn Công nghệ phần mềm | 10 | 3 | 0 | 1 | 3 | 1 | 0 | 1 |
| 1.3 | Bộ môn Hệ thống thông tin và tri thức | 7 | 4 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 1 |
| 1.4 | Bộ môn Tin học Địa chất | 6 | 3 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 |
| 1.5 | Bộ môn Khoa học máy tính | 6 | 3 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 1.6 | Bộ môn Tin học Kinh tế | 8 | 6 | 0 | 1 | 2 | 1 | 0 | 1 |
| 1.7 | Bộ môn Tin học Trắc địa | 14 | 6 | 0 | 0 | 5 | 2 | 1 | 2 |
| 1.8 | Phòng TN CN và xư lý số liệu | 3 | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | 3 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | |
| **2** | **Khoa Cơ - Điện** | **57** | **12** | **0** | **7** | **18** | **7** | **4** | **7** |
| 2.1 | Bộ môn Điện khí hóa | 8 | 2 | 0 | 2 | 5 | 1 | 0 | 1 |
| 2.2 | Bộ môn Kỹ thuật cơ khí | 9 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 2.3 | Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử | 11 | 2 | 0 | 2 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 2.4 | Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí | 11 | 2 | 0 | 2 | 4 | 1 | 0 | 1 |
| 2.5 | Bộ môn Máy và Thiết bị Công | 12 | 1 | 0 | 1 | 4 | 1 | 1 | 1 |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | nghiệp | | | | | | | | |
| 2.6 | Xưởng Cơ - Điện | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 | 4 | 1 | 4 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | |
| **3** | **Khoa Dầu khí** | **52** | **17** | **0** | **6** | **30** | **5** | **5** | **5** |
| 3.1 | Bộ môn Địa vật lý | 9 | 3 | 0 | 1 | 4 | 1 | 1 | 1 |
| 3.2 | Bộ môn Địa chất dầu | 6 | 3 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| 3.3 | Bộ môn Lọc hóa dầu | 12 | 3 | 0 | 3 | 11 | 1 | 1 | 1 |
| 3.4 | Bộ môn Khoan - Khai thác | 15 | 2 | 0 | 1 | 6 | 2 | 1 | 2 |
| 3.5 | Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình | 8 | 4 | 0 | 1 | 5 | 1 | 0 | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | |
| **4** | **Khoa Giáo dục Quốc phòng** | **2** | **1** | | | | **1** | **1** | |
| **5** | **Khoa Khoa học cơ bản** | **76** | **42** | **0** | **3** | **24** | **2** | **2** | **1** |
| 5.1 | Bộ môn Cơ lý thuyết | 4 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | |
| 5.2 | Bộ môn Hóa | 16 | 10 | 0 | 0 | 10 | 0 | 0 | |
| 5.3 | Bộ môn Hình họa | 5 | 2 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | |
| 5.4 | Bộ môn Giáo dục thể chất | 11 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5.5 | Bộ môn Ngoại ngữ | 14 | 12 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5.6 | Bộ môn Toán | 13 | 7 | 0 | 1 | 3 | 0 | 1 | 0 |
| 5.7 | Bộ môn Vật lý | 12 | 4 | 0 | 2 | 6 | 1 | 1 | 1 |
| | Văn phòng khoa | 1 | 1 | | | | 1 | | |
| **6** | **Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất** | **68** | **20** | **1** | **6** | **32** | **8** | **7** | **7** |
| 6.1 | Bộ môn Địa chất | 13 | 3 | 1 | 1 | 7 | 1 | 2 | 1 |
| 6.2 | Bộ môn Địa chất công trình | 13 | 3 | 0 | 1 | 6 | 2 | 0 | 2 |
| 6.3 | Bộ môn Địa chất Thủy văn | 11 | 4 | 0 | 1 | 5 | 1 | 1 | 1 |
| 6.4 | Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa | 9 | 3 | 0 | 1 | 4 | 1 | 1 | 1 |
| 6.5 | Bộ môn Tìm kiếm thăm dò | 19 | 5 | 0 | 2 | 10 | 1 | 1 | 1 |
| 6.6 | Bảo tàng Địa chất | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 1 | | | | 1 | 1 | |
| ***7*** | **Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh** | **48** | **30** | **0** | **3** | **23** | **2** | **2** | **1** |
| 7.1 | Bộ môn Kinh tế cơ sở | 9 | 6 | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| 7.2 | Bộ môn Kế toán doanh nghiệp | 15 | 11 | 0 | 0 | 8 | 0 | 0 | 0 |
| 7.3 | Bộ môn QTKD Mỏ | 12 | 5 | 0 | 2 | 5 | 1 | 0 | 1 |
| 7.4 | Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí | 9 | 5 | 0 | 1 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| 7.5 | Phòng Thực nghiệm Quản trị kinh doanh | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | 1 | 1 | |
| **8** | **Khoa Lý luận chính trị** | **17** | **12** | **0** | **0** | **6** | **0** | **1** | **0** |
| 8.1 | Bộ môn Triết học và Pháp luật | 6 | 4 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | |
| 8.2 | Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa xã hội | 4 | 4 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | khoa học | | | | | | | | |
| 8.3 | Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam | 6 | 3 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | |
| | Vp Khoa | 1 | 1 | | | | | 1 | |
| **9** | **Khoa Mỏ** | **47** | **12** | **1** | **3** | **26** | **4** | **3** | **4** |
| 9.1 | Bộ môn Khai thác lộ thiên | 13 | 2 | 1 | 1 | 10 | 1 | 1 | 1 |
| 9.2 | Bộ môn Khai thác hầm lò | 16 | 2 | 0 | 0 | 10 | 1 | 0 | 1 |
| 9.3 | Bộ môn Tuyển khoáng | 10 | 4 | 0 | 2 | 4 | 1 | 0 | 1 |
| 9.4 | Bộ môn Sức bền vật liệu | 6 | 2 | 0 | 0 | 2 | 1 | 0 | 1 |
| | Văn phòng khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | |
| **10** | **Khoa Môi trường** | **33** | **16** | **0** | **3** | **14** | **2** | **0** | **1** |
| 10.1 | Bộ môn Môi trường cơ sở | 10 | 4 | 0 | 1 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 11.2 | Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường | 12 | 6 | 0 | 1 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 12.3 | Bộ môn Kỹ thuật Môi trường | 10 | 5 | 0 | 1 | 5 | 1 | 0 | 1 |
| | VP khoa | 1 | 1 | | | | 1 | | |
| **11** | **Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai** | **77** | **25** | **1** | **10** | **41** | **10** | **2** | **9** |
| 11.1 | Bộ môn Trắc địa Mỏ | 10 | 2 | 0 | 1 | 7 | 0 | 0 | 0 |
| 11.2 | Bộ môn Trắc địa Công trình | 8 | 3 | 0 | 2 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 11.3 | Bộ môn Trắc địa Cao cấp | 10 | 2 | 0 | 2 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| 11.4 | Bộ môn Bản đồ | 8 | 3 | 0 | 1 | 4 | 1 | 0 | 1 |
| 11.5 | Bộ môn Trắc địa Phổ thông | 10 | 2 | 1 | 1 | 5 | 2 | 0 | 2 |
| 11.6 | Bộ môn Địa chính | 12 | 5 | 0 | 0 | 6 | 1 | 1 | 1 |
| 11.7 | Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | 13 | 6 | 0 | 3 | 9 | 1 | 0 | 1 |
| 11.8 | Tổ máy Trắc địa | 4 | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 4 |
| | VP khoa | 2 | | | | | 1 | 1 | |
| **12** | **Khoa Xây dựng** | **36** | **5** | **1** | **7** | **24** | **1** | **2** | **1** |
| 12.1 | Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ | 14 | 0 | 1 | 4 | 11 | 0 | 0 | |
| 12.2 | Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở | 10 | 1 | 0 | 1 | 7 | 1 | 0 | 1 |
| 12.3 | Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng | 10 | 2 | 0 | 2 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| | VP khoa | 2 | 2 | | | | | 2 | |

***Bảng 34. Cơ cấu đội ngũ giảng viên chia theo độ tuổi và trình độ đào tạo***

| | **Tổng số** | **Chia theo chức danh GS, PGS** | | | | **Chia theo trình độ đào tạo** | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Giáo sư** | | **Phó Giáo sư** | | **TSKH và TS** | | **Thạc sĩ** | | **Đại học** | |
| | | **Tổng số** | **Tr.đó: Nữ** | **Tổng số** | **Tr.đó: Nữ** | **Tổng số** | **Tr.đó: Nữ** | **Tổng số** | **Tr.đó: Nữ** | **Tổng số** | **Tr.đó: Nữ** |
| Giảng viên chia theo độ | **555** | **4** | **0** | **50** | **8** | **199** | **68** | **284** | **134** | **18** | 5 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| tuổi: | | | | | | | | | | | |
| Dưới 30 tuổi | **2** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| Từ 31 đến 35 | **120** | 0 | 0 | 0 | 0 | 27 | 5 | 87 | 35 | 6 | 1 |
| Từ 36 đến 40 | **146** | 0 | 0 | 1 | 0 | 56 | 12 | 86 | 35 | 3 | 1 |
| Từ 41 đến 45 | **187** | 0 | 0 | 23 | 2 | 85 | 33 | 74 | 4 | 5 | 3 |
| Từ 46 đến 50 | **50** | 1 | 0 | 10 | 4 | 14 | 2 | 26 | 17 | 0 | 0 |
| Từ 51 đến 55 | **18** | | 0 | 3 | 1 | 8 | 6 | 5 | 3 | 2 | 0 |
| Từ 56 đến 60 | **15** | 1 | 0 | 3 | 1 | 5 | 2 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| Trên 60 tuổi | **17** | 2 | 0 | 10 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Qua bảng trên có thể thấy, đội ngũ cán bộ giảng viên đang ngày càng được trẻ hóa và có trình độ cao. Giảng viên dưới 40 tuổi có 268 cán bộ chiếm 48.3 % tổng số giảng viên toàn trường, đây cũng là độ tuổi có trình độ Tiến sĩ cao (83/199, chiếm 41.7% cán bộ có tỉ lệ cán bộ có trình độ tiến sĩ). Điều đó cho thấy Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức, đặc biệt quan tâm tới đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2020 ban hành kèm theo Kế hoạch số 86/KH-MĐC ngày 03/3/2020 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 ban hành kèm theo Kế hoạch số 161/KH-MĐC ngày 09/4/2021, Nhà trường đã tổ chức được 02 lớp bồi dưỡng Kỹ năng văn hóa ứng xử, giao tiếp với 177 lượt viên chức tham gia, 68 lượt viên chức tham gia lớp bồi dưỡng tin học văn phòng, 06 viên chức đi học nghiên cứu sinh nước ngoài và 03 viên chức đi học nghiên cứu sinh trong nước.

Nhà trường luôn cố gắng duy trì cơ cấu đội ngũ CBVC trẻ để đảm bảo tính kế thừa. Mặc dù vậy, số lượng giảng viên là PGS trên 60 tuổi vẫn chiếm tỉ lệ cao. Nếu không có chiến lược phát triển thích hợp trong tương lai tổng số GS, PGS của trường có thể sẽ giảm.

Năm học 2020 - 2021, quy định đánh giá cán bộ viên chức đã được điều chỉnh nhằm đánh giá minh bạch năng lực, hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC trường.

Nhà trường luôn quan tâm, có các chế độ, chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho đội ngũ CBVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu chuẩn hóa về đội ngũ cán bộ.

***8.1.2. Công tác thanh tra***

Nhằm nắm bắt tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đề xuất phương án xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hoặc những thiếu sót trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị, cá nhân trong Trường, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 499/KH-MĐC ngày 23 tháng 9 năm 2020 ban hành Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát năm học 2020 - 2021.

Công tác tổ chức hoạt động thanh tra bao gồm các hoạt động:

- Thanh tra, kiểm tra, giam sát thường xuyên liên tục:

Việc kiểm tra công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên. Tính tới thời điểm tháng 8/2021, Nhà trường đã tiến hành thanh tra thanh tra 02 tháng từ đầu năm học 2019 - 2020, kết quả các cuộc kiểm tra cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ cán bộ khi lên lớp….

- Kiểm tra, thanh tra chấp hành kỷ luật lao động khối hành chính: Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã lắp thiết bị chấm công bằng vân tay phối kết hợp với các tổ kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật lao động cũng như giám sát ý thức tiết kiệm, bảo quản và giữ gìn tài

sản, trang thiết bị được giao cho đơn vị quản lý. Qua các cuộc kiểm tra cho thấy, cán bộ, viên chức chấp hành tốt ý thức kỷ luật lao động, có ý thức trong việc giữ gìn tài sản chung. Hàng tháng, Phòng Tổ chức – Cán bộ tổng hợp dữ liệu về thanh tra và chấm công tới các đơn vị để kịp thời rà soát và đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ vi phạm.

Thanh tra kiểm tra theo kế hoạch:

Căn cứ vào Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát năm học 2020 -2021, Nhà trường đã tiến hành 03 cuộc kiểm tra theo đúng kế hoạch bao gồm:

Kiểm tra việc thực hiện nếp sống văn minh tại Ký túc xá sinh viên thực hiện vào tháng 11/2020

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra về việc thực hiện nếp sống văn minh tại Ký túc xá sinh viên

Kết luận đã được lập thành biên bản ngày 20/11/2020 với nội dung tóm tắt sau đây: Nhìn chung, sinh viên đã có ý thức trách nhiệm giữ gìn vệ sinh, cảnh quan, môi trường trong Ký túc xá, bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác tùy tiện các hành lang, cầu thang...; tuân thủ nội quy nội trú, có ý thức tiết kiệm điện, nước. Tuy nhiên vẫn còn một số nhỏ sinh viên vẫn chưa thực hiện tốt.

Kiến nghị cũng được đưa vào cụ thể những biện pháp như sau:

- Tăng cường tuyên truyền, vận động kết hợp tổ chức các đợt thi đua thực hiện nếp sống văn mình tại Ký túc xá.

- Xây dựng quy định nội bộ quy định rõ trách nhiệm và hình thức xử phạt khi vi phạm nội quy.

Kiểm tra việc thực hiện xét, cấp học bổng và các chính sách ưu tiên, ưu đãi cho sinh viên trong Trường thực hiện vào tháng 01/2021

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra việc xét, cấp học bổng và các chính sách ưu tiên, ưu đão cho sinh viên trong Trường.

Kết luận đã được lập thành biên bản ngày 14 tháng 01 năm 2021 với nội dung tóm tắt sau dây: Nhìn chung đã thực hiện tốt việc phối hợp giữa các khoa quản lý sinh viên, phòng đào tạo, phòng kế hoạch tài chính trong quá trình xét, cấp học bổng cho sinh viên. Tuy nhiên trong quá trình xét, cấp học bổng cũng còn một số các vấn đề tồn tại như: Một số khoa chậm hoàn thành dữ liệu sinh viên được cấp học bổng, một số môn học vào điểm muộn, sai sót trong tính số tín chỉ của sinh viên, sai sót trong tính điểm rèn luyện của sinh viên. Việc cấp phát học bổng cho sinh viên còn vướng mắc đối với những sinh viên chưa có tài khoản ngân hàng. Học bổng mới chỉ có 2 loại trong khi đó một số Trường Đại học khác có 3 loại học bổng….

Kiến nghị cũng được đưa vào cụ thể những biện pháp như sau:

- Cân đối các nguồn kinh phí để có thêm loại học bổng bằng 200% mức học phí đóng theo số tín chỉ đăng ký của sinh viên;

- Cấp phát học bổng có thể qua tài khoản ngân hàng của sinh viên hoặc bố mẹ, hoặc tài khoan nộp học phí (khi được sinh viên xác nhận);

- Quản lý tốt hơn công tác chấm, nhập điểm cho sinh viên, công tác đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên;

- Tạm ứng trước kinh phí miễn giảm học phí cho sinh viên hoặc bằng các hình thức khác làm sao cho sinh viên được miễn giảm không phải đóng học phí ngay sau khi đăng ký số tín chỉ học trong kỳ;

- Giảm thời gian quyệt tài chính để công tác cấp phát học bổng, miễn giảm học phí được kịp thời;

- Chuẩn bị đề xuất sử dụng quy định chính sách ưu tiên, ưu đãi cho sinh viên khi Nghị định 86/2015/NĐ-CP hết hiệu lực mà chưa có hướng dẫn mới;

- Xây dựng quy chế hỗ trợ sinh viên tại các địa phương bị thiên tai lũ lụt;

- Bố trí thêm diện tích phòng lưu trữ các hồ sơ liên quan đến xét, cấp phát học bổng và các chính sách ưu tiên, ưu đãi cho sinh viên.

Kiểm tra việc thực hiện quy trình một cửa của Nhà trường:

Ngày 07 tháng 04 năm 2021, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra về thực hiện quy trình một cửa của Nhà trường

Kết luận đã được lập thành biên bản ngày 07 tháng 01 năm 2021 với nội dung tóm tắt sau dây: Trong quá trình vận hành Bộ phận một cửa đã bổ sung, điều chỉnh các mẫu biểu giải quyết các thủ tục, tiếp nhận hồ sơ đảm bảo tính khách quan, thời gian giải quyết và trả kết quả phù hợp. Các đơn vị có liên quan trong quá trình giải quyết các hồ sơ phối hợp khá tốt, không có sự gây khó dễ khi làm việc. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế sau như: việc ghi chép sổ sách đã được thay thể bằng phần mềm nhưng vẫn còn nhược điểm cần tiếp tục khắc phục, thải độ tiếp công dân của một số cán bộ viên chức chưa chuyên nghiệp, nhiệt tình, diện tích làm việc của Bộ phận một cửa còn chật hẹp....

Kiến nghị cũng được đưa vào cụ thể những biện pháp như sau:

- Tăng cường công tác truyền thông về hoạt động của Bộ phận một cửa.
- Các phòng ban chức năng tiếp tục xây dựng quy trình thủ tục để sẵn sàng đưa vào Bộ phận một cửa.
- Lắp các thiết bị phụ trợ để giám sát chất lượng, hiệu quả thực hiện và thái độ phục vụ của nhân viên tại Bộ phận một cửa.
- Mở rộng diện tích làm việc tại Bộ phận một cửa;
- Bố trí thêm các máy tính tra cứu cho sinh viên tại Bộ phận một cửa;
- Đào tạo chuyên nghiệp hóa nhân viên, không thay đổi nhân viên tại Bộ phận một cửa;
- Cần khắc phục, nâng cấp phần mềm, tiếp tục số hóa các thủ tục hành chính, trả kết quả bằng hình thức điện tử;
- Khai báo online thủ tục xin nghỉ, đổi giờ giảng dạy của giảng viên.

*Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo*

Ngày 08 tháng 4 năm 2020 ban hành Quyết định số 200/QĐ-MĐC của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định tiếp công dân của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và bố trí phòng 217 Nhà C12 làm trụ sở tiếp công dân. Tại địa điểm tiếp công dân, Nhà trường đã niêm yết nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật và công khai thông tin về việc tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường; đồng thời cử cán bộ trực phòng tiếp công dân vào giờ làm việc các ngày trong tuần.

Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã tiếp nhận 01 đơn thư khiếu nại của giảng viên về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Hội đồng xét danh hiệu NGND, NGƯT lần thứ 15 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Qua quá trình xác minh nội dung khiếu nại, Tổ công tác đưa ra kết luận: Hội đồng được thành lập đúng thành phần, thực hiện đúng quy trình theo hướng dẫn của Nhà nước, kết quả bỏ phiếu khách quan, chính xác; nội dung khiếu nại của viên chức không đủ căn cứ về thông tin, tài liệu, bằng chứng.

*Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra*

Sau các cuộc thanh tra, kiểm tra, Tổ kiểm tra đều lập kết luận thanh tra để tim ra được nguyên nhân các vấn đề vướng mắc, từ đó đưa ra kiến nghị, biện pháp, phương hướng nhắm khắc phục các tồn tại đang gặp phải đối với từng vấn đề riêng biệt

- Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra:

Kết luận thanh tra sau khi công bố được giao cho Phòng Tổ chức - Cán bộ trực tiếp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Phó Hiệu trưởng phụ trách về việc thực hiện các kết luận đã nêu ra.

***8.1.3. Công tác cải cách hành chính***

Nhà trường luôn cập nhật, triển khai, hướng dẫn kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đến cán bộ viên chức thông qua trang thông tin điện tử của đơn vị, các cuộc họp, lịch làm việc, hộp thư điện tử, qua các kế hoạch triển khai thực hiện, các kế hoạch tuyên truyền phổ biến.

Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy định nội bộ trên cơ sở các văn bản của Nhà nước và Bộ Giáo dục Đào tạo. Ban hành các văn bản Quy định về Cơ cấu tổ chức hoạt động của trường, Quy định thi đua khen thưởng, xét và công nhận sáng kiến, Quy định đánh giá phân xếp loại cán bộ viên chức, Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Mỏ Địa chất, Quy định giải quyết các thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa, Quy định về quản lý hoạt động KHCN, Quy định về hoạt động phòng cháy, chữa cháy và công tác cứu nạn, cứu hộ, Quy chế dân chủ … hàng năm căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của nhà nước có sự điều chỉnh sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiểu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ. Nhà trường thực hiện phân cấp quản lý giao quyền chủ động triển khai các công việc cho từng thành viên trong Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, các đoàn thể phụ trách, theo dõi, giám sát việc thực hiện, báo cáo Lãnh đạo nhà trường.

Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Vào đầu mỗi nhiệm kỳ, Nhà trường tổ chức Quy hoạch cán bộ lãnh đạo các phòng, khoa, ban, giữa nhiệm kỳ lại tiến hành công tác rà soát, quy hoạch bổ sung nhằm phát hiện nhân tố mới, có năng lực, trình độ.

Nhà trường đã trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án vị trí việc làm năm 2015. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh tự chủ, Nhà trường chủ động đang tiếp tục xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2. Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Tháng 4/2019, Nhà trường tổ chức Quy hoạch cán bộ lãnh đạo các phòng, khoa, ban nhiệm kỳ 2018 - 2023, giữa nhiệm kỳ lại tiến hành công tác rà soát, quy hoạch bổ sung nhằm phát hiện nhân tố mới, có năng lực, trình độ.

Bộ phận một cửa của Nhà trường đã đi vào hoạt động từ tháng 10/2020 và từng bước hoàn thiện với 39 quy trình giải quyết của các mảng Đào tạo, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục với hơn gần 10.000 lượt hồ sơ đượ giải quyết nhanh chóng thuận tiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc online.

***8.1.4. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng***

Nhà trường tiếp tục triển khai phong trào thi đua năm học với chủ đề *"Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"* nhằm nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường ĐH Mỏ - Địa chất; Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường ĐH Mỏ - Địa chất, Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng của Trường nhằm triển khai công tác đánh giá, phân loại viên chức, công tác xét sáng kiến làm cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

Kết quả năm học 2020 - 2021, toàn trường có 396 CBVC đạt mức A+, 175 CBVC đạt mức A, 134 CBVC đạt mức B, 01 CBVC đạt mức C, 49 CBVC không đánh giá xếp loại; 57 tập thể đạt mức A+, 17 tập thể đạt mức A, 17 tập thể đạt mức B, 0 tập thể đạt mức C.

Năm học 2020 - 2021, có 04 cá nhân được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 02 cá nhân được nhận danh hiệu Nhà giáo ưu tú, 13 cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm học 2019 - 2020.

Nhà trường đã hướng dẫn các đơn vị họp xét thi đua khen thưởng năm học 2020 - 2021 cho các tập thể, cá nhân và gửi danh sách về phòng Hành chính – Tổng hợp. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trường sẽ tiến hành họp xét trong thời gian sớm nhất để ra quyết định công nhận và gửi hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong năm học 2020 - 2021.

***8.2. Những tồn tại***

**Công tác tổ chức - cán bộ**

- Chưa đảm bảo kết cấu 03 độ tuổi trong quy hoạch theo quy định.
- Số lượng cán bộ viên chức hiện nay đang có xu hướng mất cân đối về về cơ cấu giữa khối giảng dạy và hành chính; thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong khối cán bộ giảng dạy.
- Văn bản hướng dẫn của Nhà nước chưa minh bạch dẫn đến khó khăn trong việc triển khai quy hoạch cán bộ, lãnh đạo.
- Chưa thực hiện được việc định biên cũng như cơ cấu ngạch viên chức cho các đơn vị dẫn đến công tác quản lý, sử dụng ngạch viên chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Trường còn bị động.
- Số lượng cán bộ, viên chức tuyển dụng còn thấp không bổ sung kịp thời lực lượng cán bộ thiếu hụt do nghỉ hưu, chuyển công tác... để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng.
- Giảng viên có trình độ thạc sĩ vẫn chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu đội ngũ giảng viên (Thạc sĩ: 284/555, chiếm 51.2%), vẫn còn giảng viên có trình độ Đại học (8 CBGD).
- Hiện tượng cán bộ đi học nước ngoài về không đúng hạn, không làm thủ tục gia hạn, không chấp hành các quy định của Nhà nước và của Trường vẫn còn tồn tại.
- Các đơn vị đã bắt đầu thực hiện tái cấu trúc nhưng tiến độ thực hiện còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong triển khai tái cấu trúc.

**Công tác thanh tra**

Đội ngũ cán bộ thanh tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra thường xuyên, liên tục hơn.

Công tác cải cách hành chính:

Do hệ thống văn bản hướng dẫn của nhà nước còn chưa cụ thể, đôi khi còn dẫn đến việc chồng chéo, chưa kịp thời trong công tác cải cách thể chế và cơ cấu tổ chức bộ máy.

- Do Nhân viên làm công tác ở bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải kiêm nhiệm nhiều việc, do đó ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.
- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhân viên thực hiện liên thông các thủ tục hành chính còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ cho công tác Cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng theo yêu cầu.

**Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng:**

- Công tác ban hành các quy định về việc đánh giá phân loại viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

- Công tác xét đánh giá phân loại viên chức còn nhiều hạn chế, chưa có mức điểm thưởng cao nhằm khuyến khích cán bộ có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy

- Cách tính điểm KPI đối với giờ giảng dạy, giờ NCKH chưa sát với khối lượng thực tế của viên chức.

- Việc tính KPI giữa cán bộ giảng dạy làm công tác quản lý và cán bộ giảng dạy chưa công bằng…

**8.3 Giải pháp**

**Công tác tổ chức - cán bộ**

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm nhằm xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp để thực hiện quản lý cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường.

- Thực hiện chính sách tiền lương theo vị trí việc làm khi có hướng dẫn của Nhà nước bảo đảm các khoản phụ cấp chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế, quy định, nội quy lao động của Nhà trường.

**Công tác thanh tra**

- Sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Phòng chống tham nhũng, Bộ luật Hình sự, Luật Tố cáo, Luật Giám định tư pháp để khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong công tác PCTN, lãng phí. Hoàn thiện pháp luật về thanh tra, kiểm toán theo hướng xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, quan hệ phối hợp với cơ quan điều tra, viện kiểm sát trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

- Hiện tại đội ngũ công tác thanh tra ở các cơ sở còn mỏng, nghiệp vụ chưa tinh thông, hầu hết là làm kiêm nhiệm. Vì vậy, kính đề nghị Bộ quan tâm đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ này để công tác thanh tra, kiểm tra và phòng, chống tham nhũng đạt được kết quả mong muốn.

Công tác cải cách hành chính: Nhà trường tăng cường tiếp thu các hướng dẫn và triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn về Cải cách hành chính, từng bước triển khai hoàn thiện Đề án cải cách hành chính của Nhà trường trong năm học tiếp theo.

**Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng**

Năm học 2020 -2021 là năm đầu tiên triển khai việc đánh giá phân loại viên chức áp dụng KPIs nên còn nhiều hạn chế, bất cập. Nhà trường đã lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các đơn vị và sẽ tiến hành sửa đổi bổ sung cho phù hợp trong năm học 2021 - 2022.

**9. Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án**

***9.1.Những kết quả đạt được***

***9.1.1.Công tác tài chính***

Năm 2020, công tác thu, chi các nguồn tài chính của Trường phòng Kế hoạch Tài chính đã đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Kết quả tài chính năm 2020 được thể hiện tại bảng 1 như sau:

**Bảng 35. Thống kê thu, chi tài chính năm 2020**

*(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)*

| STT | Nội dung | Số tiền (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Thu, chi thường xuyên** | | *Chi tiết tại bảng 41* |
| ***1*** | ***Thu thường xuyên*** | ***200.122*** | |
| | Thu NSNN cấp chi thường xuyên | 42.530 | |
| | Thu học phí các hệ đào tạo | 131.732 | |
| | Thu hoạt động sự nghiệp khác | 25.860 | |
| ***2*** | ***Chi thường xuyên*** | ***149.642*** | |
| | Chi tiền lương, tiền công và các khoản chi khác cho viên chức | 114.090 | |
| | Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý | 31.240 | |
| | Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định | 2.060 | |
| | Chi khác theo quy định | 1.661 | |
| | Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định | 591 | |
| ***3*** | ***Kinh phí giảm trong năm do tiết kiệm chi thường xuyên nộp trả NSNN*** | ***57*** | |
| ***4*** | ***Chênh lệch thu - chi thường xuyên (4=1-2-3)*** | ***50.423*** | |
| ***5*** | ***Trích lập Quỹ cơ quan từ chênh lệch thu, chi thường xuyên*** | ***50.423*** | |
| | Quỹ khen thưởng | 1.513 | |
| | Quỹ phúc lợi | 11.093 | |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 22.691 | |
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 12.606 | |
| | Quỹ dự phòng ổn định thu nhập | 2.521 | |
| ***6*** | ***Số chi Quỹ cơ quan trong năm 2020*** | ***29.109*** | |
| | Quỹ khen thưởng | 1.146 | |
| | Quỹ phúc lợi | 8.965 | |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 18.277 | |
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 721 | |
| | Quỹ dự phòng ổn định thu nhập | | |
| **II** | **Thu, chi không thường xuyên** | | *Chi tiết tại bảng 42* |
| ***1*** | ***Thu không thường xuyên*** | ***18.555*** | |
| | Thu NSNN cấp chi không thường xuyên | 8.956 | |
| | Thu đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 9.599 | |
| ***2*** | ***Chi không thường xuyên*** | ***17.222*** | |
| | Chi NSNN cấp chi không thường xuyên | 7.653 | |
| | Chi đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 9.569 | |
| ***3*** | ***Kinh phí giảm trong năm nộp trả NSNN do cấp thừa và kinh phí tiết kiệm*** | ***1.333*** | |
| | Nộp trả NSNN kinh phí không thường xuyên do cấp thừa | 1.303 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Nộp trả NSNN kinh phí tiết kiệm của đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 30 | |
| ***4*** | ***Chênh lệch thu - chi không thường xuyên (4=1-2-3)*** | ***0*** | |
| **III** | **Các khoản thu hộ, chi hộ** | | *Chi tiết tại bảng 43* |
| ***1*** | ***Các khoản thu hộ*** | ***35.499*** | |
| | Thu từ Dự án Eramus + | 247 | |
| | Thu từ đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 24.225 | |
| | Quỹ khuyến học | 1.209 | |
| | Quỹ hỗ trợ sinh viên | 2.359 | |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | 227 | |
| | Các khoản thu hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)* | 7.232 | |
| ***2*** | ***Các khoản chi hộ*** | ***32.220*** | |
| | Chi Dự án Eramus + | 247 | |
| | Chi đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 22.045 | |
| | Chi Quỹ khuyến học | 117 | |
| | Chi Quỹ hỗ trợ sinh viên | 2.830 | |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | 23 | |
| | Các khoản chi hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)* | 6.958 | |
| ***3*** | ***Chênh lệch các khoản thu hộ - chi hộ (3=1-2)*** | ***3.279*** | |

**Bảng 36. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2020**
**(***trong đó không bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2019 (đồng)** | **Năm 2020 ( đồng)** | **So sánh tăng/giảm** | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **Số tiền (đồng)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 11 863 000 | 13 031 000 | 1 168 000 | 10% |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 13 699 000 | 14 782 000 | 1 083 000 | 8% |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 7 943 000 | 9 383 000 | 1 440 000 | 18% |

**Bảng 37. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2020**
*(trong đó bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

| STT | Nội dung | Năm 2019 (đồng) | Năm 2020 ( đồng) | So sánh tăng/giảm | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số tiền (đồng) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 12 916 000 | 15 372 000 | 2 456 000 | 19% |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 15 126 000 | 17 866 000 | 2 740 000 | 18% |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 8 199 000 | 10 177 000 | 1 978 000 | 24% |

Chi tiết về thu, chi tài chính năm 2020, phòng Kế hoạch Tài chính có báo cáo tại bảng bảng số 41, 42, 43, 44 của báo cáo này.

Về học phí, Trường thực hiện thu học phí theo đúng quy định tại nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Nguồn thu sự nghiệp thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và được thu theo các quyết định của thủ trưởng đơn vị.

Quy chế chi tiêu nội bộ đang được Trường rà soát, sửa đổi, tổ chức lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân trước khi ban hành; Tiếp tục sửa đổi các văn bản phục vụ công tác quản lý tài chính cho phù hợp với thực tế.

Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2020 Trường đã báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời gian quy định tại công văn số 378/BGDĐT-KHTC ngày 12/02/2020. Mẫu biểu báo cáo lập về cơ bản đầy đủ theo đúng quy định về chế độ báo cáo tài chính đối với đơn vị hành chính sự nghiệp. Trường sử dụng các chương trình, phần mềm phục vụ công tác kế toán như: phần mềm kế toán, phần mềm lương, phần mềm thu học phí... để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán, thống kê số liệu và lập báo cáo trong quá trình quản lý tài chính của Trường.

Công tác chấp hành chế độ, định mức chi: Các nội dung chi của Trường đã bám sát theo nội dung, mức chi quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác của Nhà nước. Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn thu hiệu quả, quản lý công tác chi đúng quy định, tiết kiệm, chống lãng phí. Các báo cáo tài chính hàng năm được công khai tài chính theo đúng quy định và được kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp trên như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kiểm toán Nhà nước công nhận.

Các khoản thu được thực hiện đúng với văn bản quy định về tài chính của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác theo đúng dự toán. Phòng KHTC đã chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ về tài chính, kế toán; thực hiện kịp thời các báo cáo tài chính, báo quyết toán tài chính.

Các báo cáo đột xuất khác: Trong năm học 2020-2021, Trường đã thực hiện nhiều các báo cáo đột xuất. Trường đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các nội dung cũng như yêu cầu về thời gian của các báo cáo cơ quan thẩm quyền cấp trên.

Công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán được Trường thực hiện hàng năm trước khi Bộ Giáo dục và Đào tạo về duyệt quyết toán theo đúng quy định tại Quyết định 67/2004/QĐ-BTC

ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 5636/BGDĐT-KHTC ngày 06/7/2005.

Thực hiện công văn số 1616/BGDĐT-KHTC ngày 23/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét duyệt báo cáo quyết toán năm 2020, đoàn kiểm tra đã làm việc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất được đánh giá không vi phạm về quản lý tài chính.

Trường chủ động sử dụng nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của Trường, thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình hình hoạt động thực tế, Trường hoàn thành xây dựng kế hoạch dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch NSNN giai đoạn 2021-2023.

Thực hiện công khai công khai, minh bạch về tài chính trên Website của Trường, hội nghị viên chức, hội nghị kế hoạch tài chính. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến với Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm.

**9.1.2. Công tác cơ sở vật chất**

*Công tác sửa chữa, cải tạo*

Năm học 2020-2021, Nhà trường thực hiện cải tạo thường xuyên các hạng mục:

Nâng nền, xây cống thoát chống ngập dãy nhà cấp 4 A,B,C,D khu B; Lát lại nền sảnh Nhà C12; cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh tầng 1 và khắc phục sửa chữa trần, lở vữa tường các nhà vệ sinh nhà C12; Bơm hút nạo vét bể phốt, cải tạo hệ thống cống, rãnh nước KTX D1, D2; Cải tạo PTN Địa vật lý; Cải tạo nhỏ 1 số phòng học; Cải tạo nền giếng trời và ốp chân tường tầng 1 KTX 9 tầng khu B; Cải tạo và sửa chữa nhà xe cho cán bộ và sinh viên tại khu A đưa vào sử dụng; cải tạo lại một số phòng làm việc (Khoa Mỏ, BM Tuyển Khoáng….), lắp đặt bể nước khu A và chống nhiệm khuẩn khu A, xây dựng cải tạo nhà để xe khu A; một số công việc sửa chữa thường xuyên khác; …

Công tác sửa chữa, cải tạo chủ yếu được thực hiện đầu năm học, giai đoạn cuối năm học, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên tạm thời bị gián đoạn. Nhìn chung công tác cải tạo, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

*Trang thiết bị phục vụ đào tạo*

Năm học 2020-2021, Nhà trường trang bị các trang thiết bị phục vụ đào tạo như sau:

Lắp điều hòa phòng học nhà D; lắp đặt thêm trạm biến áp 1.000 KVA tại khu A; Các điều kiện CSVC phục vụ đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Nâng cấp và mở rộng tính năng phần mềm đào tạo Edusoft bằng nguồn tài trợ của ngân hàng BIDV; Hoàn thiện phần mềm tác nghiệp E-Office; Mua bổ sung thiết bị Dự án Erusmus+; xây dựng các phòng thu bài giảng E-learning và tiếp tục nâng cấp Studio; Các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho thực hiện công tác phòng chống dịch Covid – 19;

Công tác Thực hiện các nhiệm vụ đấu thầu luôn được đảm bảo đúng quy định và kịp thời. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid-19, sinh viên học online nên công tác đấu thầu "Khám sức khỏe sinh viên" - K65 năm 2021 chưa hoàn thành được.

Công tác mua sắm dụng cụ vật tư hóa chất các phòng thí nghiệm trong Trường được thực hiện theo kế hoạch.

Công tác mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo chủ yếu được thực hiện vào học kỳ 1 năm học 2020-2021 (tức cuối năm 2020) và qQý 4/2021.

*Công tác quản lý phòng thí nghiệm*

Năm học trước, toàn Trường có 42 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đai: 10 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí: 06 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng,

Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 05 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

Năm học 2020-2021, Nhà trường đã được đầu tư và đưa vào sử dụng phòng thí nghiệm thuộc dự án LNG, hoàn thành mua phần cứng, cài đặt phần mềm 4.0 phòng thí nghiệm IOTs do Hitachi tài trợ. Đã cải tạo, sủa chữa và nâng cấp một số phòng thí nghiệm hiện có để bảo đảm hoạt động giảng dạy và NCKH của các khoa và bộ môn

Để phù hợp với định hướng phát triển mới và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động các phòng thí nghiệm. Nhà trường đã Quyết định thành lập Ban Tổ chức, sắp xếp lại phòng thí nghiệm. Năm học 2020-2021, Ban đã họp một số lần và bước đầu đưa ra khái quát hướng tổ chức, sắp xếp lại phòng thí nghiệm trong toàn Trường: Mô hình quản lý phòng thí nghiệm sẽ được chia theo mô hình 3 cấp là cấp Trường, cấp Khoa, cấp Bộ môn và việc sắp xếp lại các phòng thí nghiệm được thực hiện theo định hướng phát triển ngành, …

Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, năm học 2020-2021 tần suất hoạt động thí nghiệm có giảm so với các năm học trước.

***9.1.3. Công tác quản lý các dự án***

Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao làm chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) tại Quyết định số 7819/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2009.

- Hoàn thành công tác giao đất khu A1 theo Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc giao 51.247,5 m2 đất tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm cho Trường Đại học Mỏ - Địa chất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học - Trường Đại học Mỏ - Địa chất (đợt 1).

- Hoàn thành công tác thi công xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu A1 - Khu đô thị Đại học khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu ký túc xá dùng chung, đây là bước ngoặt và cũng là nhiệm vụ mấu chốt để thực hiện các bước tiếp theo trong công tác xây dựng các công trình trên đất thuộc dự án Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở cho việc quy hoạch và xây dựng các công trình của Trường Đại học Mỏ - Địa chất bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, trạm biến áp và đường dây, hệ thống hào kỹ thuật.

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng: Do Dự án nằm trên địa giới hành chính của 03 phường (Cổ Nhuế 2, Xuân Đỉnh, Đức Thắng) nên từ khi bắt đầu triển khai công tác này, UBND quận Bắc Từ Liêm đã chỉ đạo Ban Bồi thường GPMB quận Bắc Từ Liêm (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất) cùng với các phòng ban chức năng của Quận và Nhà trường lập kế hoạch GPMB theo địa giới từng phường. Đến nay về cơ bản đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đỉnh.

- Năm học 2020 - 2021, trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan có liên quan trong công tác tổ chức thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với những hộ còn tồn đọng do cơ chế chính sách…theo đúng quy định của Nhà nước.

- Cụ thể hóa Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị đại học đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 13/05/2008 (Khu A1 tương đương với khu chức năng xây dựng trường học 06.CQ3 và 06.CQ3.CL), Ban QLCDA xây dựng phương

án phân kỳ giai đoạn đầu tư làm cơ sở cho Nhà trường trình kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

Triển khai 02 dự án tăng cường năng lực của Phòng thí nghiệm cho Nhà trường gồm:

- Dự án: nâng cao năng lực phân tích và đánh giá chất lượng LNG của Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Nhà trường từng bước tăng cường cơ sở vật chất, máy móc thiết bị hiện đại cho phòng thí nghiệm đủ năng lực phân tích và đánh giá chất lượng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt Dự án tại quyết định số 4218/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2019 về việc phê duyệt dự án tăng cường nâng cao năng lực phân tích và đánh giá chất lượng LNG của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và dự án đến nay đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Dự án: Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng Công nghiệp 4.0 của Công ty TNHH Hitachi Systems Việt Nam.Với tiêu chí tích cực huy động nguồn vốn ODA, NGO và các nguồn tài trợ khác, tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, Nhà trường thực hiện tiếp nhận tài trợ Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 do Công ty TNHH Hitachi System Vietnam tài trợ tương đương với sô tiền là 101.114.352.000 VNĐ theo Công văn số 737/BGDĐT - KHTC ngày 10/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận tài trợ PTN thông minh ứng dung công nghiệp.

Với các 02 Dự án tăng cường năng lực trên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất sẽ là trường đi đầu trong việc thúc đẩy tầm nhìn về một nền sản xuất - chế tạo thông minh. Với sự hỗ trợ từ Phòng thí nghiệm, sự thiếu hụt về nguồn nhân lực chuyên gia cho kỹ thuật số của Việt Nam sẽ được từng bước đáp ứng để hòa nhập với Thế giới.

**9.2. Những tồn tại**

**Công tác tài chính**

Nguồn thu tài chính của Trường còn thấp phần lớn từ ngân sách nhà nước cấp và học phí. Mức thu còn thấp theo quy định của Nhà nước. Thực hiện chính sách tự chủ tài chính với việc nhà nước từng bước trao quyền tự chủ từng phần tiến tới trao quyền tự chủ hoàn toàn về tài chính cho Trường điều này đồng nghĩa với việc Nhà nước sẽ cắt giảm NSNN cấp chi thường xuyên để Trường tự tìm nguồn thu tài chính để đảm bảo chi thường xuyên việc này gây nên khó khăn cho Trường trong việc đảm bảo nguồn tài chính để duy trì hoạt động và phát triển đào tạo. Việc ban hành Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu và quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 cùng với số lượng sinh viên giảm, mặc dù học phí có tăng nhưng tỷ lệ lạm phát cùng với lương tối thiểu đã tăng nhiều lần mà học phí không tăng tương ứng còn bị khống chế mức trần học phí do đó gây khó khăn cho Trường trong việc chi hoạt động thường xuyên và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể như sau:

- Trường đã có nhiều cố gắng cải thiện thu nhập của viên chức và người lao động nhưng thực tế thu nhập còn thấp và còn nhiều bất cập. Chính điều này làm chảy máu chất xám của Trường, các viên chức chuyển sang các tổ chức khác có thu nhập cao hơn. Hiện nay, Trường rất khó tuyển dụng những học viên tốt nghiệp loại khá trở lên ở lại Trường để tham gia công tác giảng dạy do thu nhập thấp.

- Chưa kịp thời việc hoàn thành bóc tách thu chi và xác định chi phí đào tạo của các khoa để làm cơ sở quan trọng cho việc thí điểm giao quyền tự chủ cho một số khoa chuyên ngành.

- Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học còn ở mức thấp và hiệu quả chưa cao.

- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường đã được cải thiện nhưng thực tế vẫn chưa đảm bảo cho Trường đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu. Các công trình phòng làm việc, phòng học đã xuống cấp và cần phải được cải tạo, nâng cấp.

Hiện nay cơ chế tự chủ tài chính xu hướng tất yếu, năng lực của đội ngũ làm công tác quản lý tài chính kế toán còn hạn chế chưa đáp ứng được xu hướng mới về quản lý tài chính theo hướng xã hội hóa và tự chủ tài chính.

**Công tác cơ sở vật chất**

Chưa quy hoạch tổng thể trung hạn, dài hạn cơ sở vật chất của Nhà trường.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường các tòa nhà trong Trường được xây dựng lâu năm, kết hợp thời tiết nhiệt đới ẩm gió mùa nên xuống cấp nhiều. Bên cạnh đó kinh phí sửa chữa hàng năm ngày càng hạn hẹp nên công việc sửa chữa, cải tạo còn hạn chế, khiêm tốn.

Về trang thiết bị phục vụ đào tạo của Nhà trường về cơ bản vừa thiếu và vữa cũ. Hàng năm, kinh phí chỉ đảm bảo được một phần kinh phí nhỏ để chi cho mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Do vậy chỉ đảm bảo tối thiểu chi cho mua sắm thường xuyên, nhỏ lẻ các thiết bị văn phòng. Trang thiết bị phòng thí nghiệm chủ yếu được hình thành từ các dự án, kinh phí thực hiện dự án ngày một khó khăn.

Công tác quản lý và hoạt động phòng thí nghiệm còn nhiều hạn chế, PTN hoạt động chưa thật hiệu quả.

***9.3.Giải pháp***

***Công tác tài chính***

- Phối hợp với phòng Khoa học - Công nghệ trong việc tìm tìm nguồn đề tài, nhiệm vụ khoa học - công nghệ ký về Trường. Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, liên kết với doanh nghiệp để tạo ra các giá trị thực tiễn từ các công trình nghiên cứu khoa học;
- Phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/ĐU ngày 30/12/2020 về các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động;
- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong Trường xây dựng định suất chi phí đào tạo đại học, sau đại học;
- Xây dựng các văn bản phục vụ quản lý tài chính: Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định các thủ tục hành chính giải quyết ở bộ phận một cửa về thanh toán tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;
- Áp dụng quy định về thời điểm xuất hóa đơn mới nhất đã được Bộ Tài chính đề cập tại Điều 4, Thông tư số 68/2019/TT-BTC. Những trường hợp vi phạm quy định sẽ không đủ điều kiện để Nhà trường thanh toán kinh phí.
- Phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ trong việc phân phối thu nhập tăng thêm đảm bảo nguyên tắc: ‘Người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi thì được hưởng nhiều hơn”;
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và công khai tài chính: Phòng Kế hoạch Tài chính sẽ tham mưu ban lãnh đạo Trường có thể thuê đơn vị kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ với các thành viên là người có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán nhằm thực hiện công tác kiểm toán đạt hiệu quả và đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước. Thông qua công tác kiểm toán giúp các đơn vị phát hiện những thiếu sót, kịp thời thực hiện chấn chỉnh lại những sai sót trong công tác quản lý tài chính và đưa công tác quản lý tài chính các trường đi vào nề nếp theo đúng quy định của Nhà nước;
- Lập kế hoạch về việc học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ  cho viên chức làm công tác tài chính như thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chế độ, chính sách mới về quản lý tài chính và tự chủ tài chính nhất là các văn bản mới liên quan đến cơ quản lý tài chính và tự chủ tài chính giúp cập nhật kiến thức và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

**Công tác cơ sở vật chất**

Tăng cường tối đa kinh phí từ các nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước, tài trợ, xã hội hóa, tăng cường các nguồn thu dịch vụ, ...) để có kinh phí đầu tư nâng cao cơ sở vật chất cho Nhà trường.

Hoàn thành việc sắp xếp lại các phòng thí nghiệm trong Trường để ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm. Huy động tối đa kinh phí từ các nguồn để đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm..

Sau khi hoàn thành việc sắp xếp lại các phòng thí nghiệm sẽ ban hành quy định quản lý sử dụng phòng thí nghiệm thay thế quy định cũ, đảm bảo thúc đẩy phát triển hơn nữa hoạt động của các phòng thí nghiệm trong Trường.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã được chú trọng và đạt hiệu quả hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

**Công tác quản lý các dự án**

- Lập kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện;

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Nhà trường tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư xây dựng mở rộng Trường Đại học Mỏ - Địa chất trên cơ sở Khu A1 đã hoàn thành hệ thống Hạ tầng kỹ thuật;

- Đẩy mạnh dự án đầu tư cơ sở vật chất Khu A1 thuộc Khu đô thị Đại học bằng nguồn vốn sự nghiệp, vốn ngân sách và vốn vay.

- Tìm kiếm, huy động các nguồn vốn, hợp tác doanh nghiệp trong xây dựng các dự án cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và các dịch vụ khác của Nhà trường.

## 10. Công tác thông tin, thư viện

### 10.1. Những kết quả đạt được

#### *10.1.1. Công tác thư viện*

Mua 241 đầu sách (2091 cuốn);

Mua 01 CSDL điện tử;

Nhận 06 đầu sách (720 cuốn) từ phòng Xuất bản;

Nhận tặng 24 đầu sách tiếng Việt (126 cuốn) và 121 đầu sách tiếng Anh (150 cuốn) từ các thầy/cô trong Trường và các tổ chức nước ngoài;

Mua 50 đầu tạp chí tiếng Việt (207 cuốn) và nhận tặng 06 đầu (29 cuốn);

Nhận 300 cuốn luận án/luận văn và 27 báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học;

Trung bình phục vụ hơn 100 nghìn lượt bạn đọc, gần 150 nghìn lượt tài liệu hàng năm.

***Bảng 38. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021***

| Năm học | PHÒNG XUẤT BẢN CUNG CẤP | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Giáo trình | | | Ghi chú |
| | Số lượng | | | |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | |
| 2019 - 2020 | 6 | 990 | | |
| 2020 - 2021 | 6 | 720 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tăng/Giảm | 0 | -27% | | | |
| **Năm học** | **TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA** | | | | |
| | **Tài liệu giấy** | | | **Cơ sở dữ liệu điện tử** | |
| | **Số lượng** | | **Kinh phí (đồng)** | **Số lượng** | **Kinh phí (đồng)** |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | | | |
| 2019 - 2020 | 78 | 703 | 186,649,000 | 1 | 45,000,000 |
| 2020 - 2021 | 241 | 2091 | 361.083.000 | 1 | 45,000,000 |
| Tăng/Giảm | +209% | +198% | +94% | 0% | 0% |
| **Năm** | **TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG** | | | | |
| | **Tiếng Việt** | | | **Tiếng Anh** | |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** |
| 2019 - 2020 | 291 | 746 | | 156 | 156 |
| 2020 - 2021 | 24 | 126 | | 121 | 150 |
| Tăng/Giảm | -91% | -83% | | -22% | -3% |

***Bảng 39. Nhập, bán sách năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021***

| **Năm** | **CẤP NHÀ XUẤT BẢN** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Nhập** | | **Bán** | |
| | **Số lượng (cuốn)** | **Kinh phí (đồng)** | **Số lượng (cuốn)** | **Kinh phí (đồng)** |
| 2019 - 2020 | 300 | 15.525.000 | 340 | 16.060.500 |
| 2020 - 2021 | 160 | 8.700.000 | 432 | 14.050.000 |
| Tăng/giảm | -46.6% | -43.96% | +27.64% | -12.518% |

*Ghi chú:* Số lượng sách bán tăng nhưng số tiền bán giảm vì giá giáo trình cũ bằng 1/2 giáo trình mới.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần. Tất cả các CTĐT đánh giá ngoài được ghi nhận không thiếu tài liệu. Tiếp tục rà soát, bổ sung tài liệu cho 04 CTĐT đang đánh giá.

Mở cửa ngoài giờ đến 19h (từ thứ 2 đến thứ 6) và cả ngày thứ 7 trong 6 tháng ôn thi của sinh viên.

***10.1.2. Công tác công nghệ thông tin***

- Đã xây dựng Đề cương thiết kế hạ tầng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số của Nhà trường.

- Đảm bảo công tác kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử, duy trì thứ hạng TOP 10 Việt Nam của Nhà trường trong bảng xếp hạng Webometrics.

- Quản trị, vận hành, sửa chữa, khắc phục sự cố hệ thống mạng, Cổng TTĐT, e-mail, ...

**10.2. Những tồn tại**

- Tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các ngành đào tạo còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.

- Số lượng sách bán giảm dần qua các năm.

- Hệ thống hạ tầng CNTT, mạng máy tính còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường.

**10.3. Nguyên nhân và giải pháp**

***Nguyên nhân***

- Nhiều tài liệu ghi trong đề cương chi tiết các học phần đã cũ, không có hoặc rất hiếm có tại các nhà cung cấp hiện nay. Kinh phí bổ sung tài liệu còn hạn chế.

- Sinh viên hiện nay ít mua sách giấy hơn.

- Trang thiết bị hệ thống hạ tầng CNTT của Nhà trường được đầu tư đã lâu (hơn 10 năm) và thiết kế chưa đạt chuẩn. Đề cương thiết kế hạ tầng CNTT chưa được triển khai.

***Giải pháp***

Thư viện tiếp tục làm việc với các khoa, bộ môn rà soát, bổ sung tài liệu cho các ngành đào tạo.

Tăng cường kinh phí bổ sung tài liệu.

Sau khi Đề cương thiết kế hạ tầng CNTT được Hội đồng Trường phê duyệt, Trung tâm TT-TV sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu cho Nhà trường triển khai trong thời gian sớm nhất.

**11.Công tác y tế**

**11.1. Những kết quả đạt được**

- Năm học 2020 - 2021, Trạm Y tế đã thực hiện tốt công tác y tế, khám cấp cứu đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, vệ sinh an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội. Đặc biệt là đại dịch Covid-19, Trạm Y tế đã tham mưu giúp Nhà trường để đưa ra biện pháp giải pháp phòng chồng chống dịch Covid-19, phân công cán bộ y tế trực Covid-19 ngoài giờ, kiểm soát đo thân nhiệt, điều tra giám sát những cán bộ và SV đi từ vùng dịch, khu cách ly, khu phong tỏa, hướng dẫn cách ly, theo dõi theo đúng quy định, tuyên truyền cho cán bộ và sv phòng chống dịch Covid-19 an toàn tuyệt đối.

- Tổ chức tiêm phòng vaccine: Cán bộ M1: 650 , M2: 625 đạt tỷ lệ 97%.

Sinh viện mắc kẹt tại KTX Trường: M1: 188, M2: 188

- Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC. Năm 2020, Nhà trường hợp đồng với Bệnh viện Phương Đông tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ tháng 10 năm 2020: 555/764 người. Kinh phí: 246.410.000 đồng. Năm 2021 do đại dịch Covid-19 Nhà trường chưa tổ chức khám.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K65 vào tháng 11/2020: 1622/2027 sinh viên, tại Phòng khám Trường Đại học Y tế công cộng. theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ. (do dịch Covid-19 chưa tổ chức khám vét hết, số còn lại sẽ tổ chức khám cùng SV k66).

***11.2. Những tồn tại***

- Năm 2021 chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, viên chức, SV khóa 66 đúng kế hoạch (do dịch Covid-19 không tập trung đông người).

- Phải tổ chức 04 đợt làm thẻ BHYT mới đạt 95% sinh viên mua thẻ, nhận thức kém của một số sinh viên về giá trị và tính nhân văn của BHYT, Nhà trường chưa có chế tài rõ ràng (chế tài chung chung) chỉ mang tính chất dăn đe.

***11.3. Giải pháp***

Tiếp tục tuyên truyền cho sinh viên hiểu và nhận thức về giá tri của thẻ BHYT và tính nhân văn của BHYT, Nhà trường có chế tài rõ ràng, xử phạt nghiêm những sinh viên không tham gia thẻ BHYT.

**12. Hoạt động dịch vụ**

***12.1. Những kết quả đạt được***

*Công tác Ký túc xá*

- Chất lượng phòng ở sinh viên tại Ký túc xá (KTX) được cải thiện. Tình hình an ninh trật tự, an ninh chính trị trong khu nội trú sinh viên được giữ vững. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được tăng cường và đã đạt được những thành công nhất định, được dư luận xã hội và sinh viên đánh giá cao. Trung tâm cũng đã góp phần vào thành công của kiểm định khảo sát đánh giá ngoài 07 CTĐT của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Trong đợt phòng dịch Covid-19, Trung tâm đã phối với chặt chẽ các phòng ban liên quan trong Trường để đảm bảo tốt công việc phòng và chống dịch. Ban quản lý KTX đã tuyên truyền cho sinh viên nội trú những khuyến cáo về dịch bệnh và cách phòng chống, liên tục cập nhật và gửi thông tin đến sinh viên dưới nhiều hình thức, đảm bảo sinh viên nắm rõ về tình hình dịch bệnh và có những kiến thức, kỹ năng cơ.

- KTX khu A, B đã được các đoàn của Ban phòng chống dịch Covid-19 của Quận Bắc Từ Liêm, CDC Hà Nội, Bộ Giáo dục & Đào tạo vào khảo sát để có thể lấy làm khu cách li. Trung tâm xây dựng kịch bản hoạt động trong trường hợp KTX được trưng dụng.

*Công tác trông giữ xe*

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không để xảy ra mất mát tài sản.
- Các bãi xe luôn được dọn dẹp sạch sẽ; công tác phòng cháy cháy nổ được đặt lên hàng đầu.
- Phòng CSVC đã bước đầu bàn giao lại nhà xe 2 tầng nhưng vẫn chưa khai thác được do dịch Covid-19, sinh viên học trực tuyến.
- Công tác thu và quản lý nguồn thu từ các bãi trông giữ xe ô tô, xe máy đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định.

*Về công tác cho thuê cơ sở vật chất*

- Đã hoàn thành Đề án "Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại trường Đại học Mỏ - Địa chất, đối với 02 tòa KTX D1 và D2", đã có Quyết định số 2790/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đang quản lý việc cho thuê cơ sở vật gồm: Nhà công đoàn, Nhà ăn Khu A, Nhà ăn Khu B, KTX khu B, Nhà khách, vị trí đặt máy bán cafe và máy bán nước tự động.
- Các hoạt động cho thuê cơ sở vật chất được trung tâm quản lý chặt chẽ theo đúng hợp đồng ký kết. Hàng tuần, Trung tâm đều có kiểm tra, giám sát việc thuê và sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường đảm bảo tuân thủ đúng hợp đồng.

*Công tác phát triển dịch vụ*

- Theo chiến lược phát triển, Trung tâm phải phát triển đa dạng dạng hóa các loại hình dịch vụ từng bước tạo hệ sinh thái dịch vụ khép kín trong trường, tạo việc làm và tăng nguồn thu cho Nhà trường. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch covid cũng như chưa hoàn thiện được cơ sở pháp lý nên Trung tâm vẫn đang trong trạng thái lên kế hoạch phát triển các loại hình dịch vụ như: Nước đóng chai, café, ăn nhanh, quà lưu niệm, không gian khởi nghiệp, các dịch vụ tiện ích và vui chơi giải trí…
- Trung tâm đã có QĐ số 720/QĐ-MĐC ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng về phê duyệt Đề án tự chủ về hoạt động và đang tiến hành các bước pháp lý làm các giấy tờ thủ tục hành chính tiếp theo (như con dấu, giấy phép kinh doanh, mã số thuế...).

*Về công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài*

- Đang quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài gồm: Thuê cắt tỉa cây, thuê vệ sinh công nghiệp, thuê thu gom rác thải, thuê bảo vệ.
- Các dịch vụ thuê bên ngoài đang được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Do tình hình dịch covid-19, Trung tâm đã chủ động đề nghị giảm giá trên cơ sở các các điều khoản của hợp đồng và thực tế thực hiện.

***12.2. Những tồn tại***

**Công tác Ký túc xá**

- Chưa khắc phục triệt để được tình trạng nấu ăn trong phòng.

- Vẫn còn hiện tượng cán bộ trực KTX chưa sát sao đến từng sinh viên, còn hiện tượng bỏ trực, bỏ vị trí làm việc hoặc nhờ người trực hộ.

- Vẫn còn tình trạng sinh viên nước ngoài tụ tập ăn uống trong giai đoạn toàn TP. Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội theo quy định.

**Công tác trông giữ xe**

- Do đặc thù công việc, môi trường làm việc ngoài trời bất kể nắng hay mưa, hàng ngày cán bộ Tổ xe Trung tâm Dịch vụ tiếp xúc với một lượng lớn khói bụi. Trong những năm qua, ngoài việc được Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị phòng chống cháy nổ, quần áo bảo hộ lao động (gồm: áo mưa, ủng), cán bộ Tổ xe chưa được nhận bất kì một chế độ làm việc nào cho người lao động khi làm việc ngoài trời.

- Bãi xe là nơi có nguy cơ cháy nổ cao và khi xảy cháy rất dễ cháy lan, cháy lớn gây hậu quả nghiêm trọng do phương tiện đậu san sát, luôn có hơi xăng dầu tích tụ. Nguy hiểm là vậy nhưng công tác phòng cháy chữa cháy còn buông lỏng.

- Do tình hình dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, sinh viên học trực tuyến thời gian dài, do đó các bãi trông giữ xe đã không có doanh thu.

**Về công tác cho thuê cơ sở vật chất**

- Do chưa sâu sát trong quản lý và chưa có kinh nghiệm trong kiểm tra, giám sát nên đã để đối tác thuê cơ sở vật chất sử dụng vào các việc không đúng quy định trong hợp đồng làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà trường.

- Vẫn còn một số vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình thực hiện, như một số hợp đồng trước đây ký quá dài, ...

**Về công tác phát triển dịch vụ**

Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên các dịch vụ mới vẫn chưa được triển khai.

**Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài**

Việc thuê ngoài có thể đem đến cho tổ chức những nguy cơ tiềm ẩn và có khả năng đặt tổ chức vào những rủi ro pháp lý. Chất lượng dịch vụ cũng thường là vấn đề của giai đoạn chuyển tiếp từ dịch vụ nội bộ sang thuê ngoài. Trong thời gian đầu nhân viên bên được thuê ngoài chưa nắm rõ hệ thống của khách, nên sẽ gây chậm trễ trong giải quyết sự cố hoặc sai sót.

***12.3. Giải pháp***

**Công tác Ký túc xá**

- Cần phải thay đổi tư duy, cách tiếp cận để có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng KTX. Nếu không có khả năng tự triển khai thì phải tìm cơ chế xã hội hóa, hợp tác với doanh nghiệp.

- Có chính sách truyền thông, quảng bá để thu hút sinh viên vào ở KTX.

- Hoàn thiện nội quy về ở nội trú cho phù hợp với sự phát triển của Trung tâm theo từng năm học trên cơ sở quy chế học sinh, sinh viên. Những quy định này nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sinh hoạt và hỗ trợ tốt nhất cho việc tự học của sinh viên, đồng thời cũng tạo ra những chuẩn mực cho công tác quản lý.

**Công tác trông giữ xe**

- Để an toàn hệ thống điện cần phải được bảo vệ trong các ống chống cháy. Xe cộ cần phải được xếp ngay ngắn thành hàng và phải chừa lối đi không được để bừa bãi.

- Bình chữa cháy cần trang bị tại các khu vực đó để kịp thời dập lửa tuy nhiên bình chữa cháy chỉ có công dụng với những ngọn lửa mới bắt đầu nhen nhúm, khi ngọn lửa lớn cần phải sử dụng các lăng vòi kịp thời phun nước vào đám cháy.

- Để giảm bớt nhân công và thuận tiện cho việc giữ xe, nhà xe 2 tầng cán bộ và sinh viên cần lắp hệ thống máy quẹt thẻ vào/ra thông minh, camera tại các tầng.

**Công tác cho thuê cơ sở vật chất**

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, công năng, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất được Nhà trường giao quản lý, khai thác.

- Xây dựng Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (các cơ sở vật chất, hạng mục có thể cho thuê còn lại của Nhà trường).

**Công tác phát triển dịch vụ**

Khi Trung tâm tự chủ về hoạt động có chức năng pháp lý, có con dấu, tài khoản sẽ giúp hoạt động linh hoạt, thuận lợi trong các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.

**Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài**

Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết thông qua tuyển chọn, đấu thầu đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng pháp luật.

**13. Các công tác khác**

***13.1. Những kết quả đạt được***

***13.1.1. Thực hiện quy chế dân chủ***

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc tổ chức quán triệt, tuyên truyền phổ biến các chủ trương của Đảng, Nhà nước về thực hiện quy chế dân chủ; luôn có sự thống nhất và quyết tâm cao trong việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 14/01/2016 của Thành ủy về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Năm học 2020 – 2021, Nhà trường đã ban hành kế hoạch Thanh tra năm 2020 - 2021, ban hành Quyết định số 1608/QĐ-MĐC ngày 20/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành quy định về giải quyết các thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa. Nhà trường đã xây dựng dự thảo Quy chế dân chủ và đã có Công văn số 446/MĐC-TCCB ngày 27/8/2021 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Quy chế dân chủ của cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn Trường. Sau đó, Nhà trường có Công văn số 477/MĐC-TCCB ngày 17/9/2021 về việc tiếp thu góp ý dự thảo Quy chế dân chủ. và trình Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo Tờ trình số 476/TTr-MĐC ngày 17/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về xin ý kiến ban hành Quy chế dân chủ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và được Hội đồng trường thông qua và ban hành theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thực hiện công khai việc giải quyết các thủ tục hành chính tại bộ phận 1 cửa: Nhà trường có thông báo số 17/TB-MĐC ngày 19/02/2021 về việc thực hiện các thủ tục hành chính tại bộ phận 1 cửa đối với phòng Đào tạo Đại học trong thời gian dịch Covid-19.

Nhà trường cũng thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, không xảy ra tình trạng vượt cấp, khiếu nại kéo dài, đã ban hành Quy định tiếp công dân (Quyết định số 200/QĐ-MĐC ngày 08/4/2020) trong đó công khai lịch tiếp công dân thường xuyên và lịch tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất của Ban Giám hiệu.

Thực hiện dân chủ trong quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ.

Ngoài ra, Nhà trường có tổ chức đối thoại với cán bộ, viên chức các đơn vị trong Trường về các nội dung như cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, chế độ đãi ngộ, đời sống, vật chất tinh thần ... qua đó có những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị đại học về kế hoạch đối thoại đợt 2 với cán bộ, viên chức, người lao động tại các đơn vị trong Trường.

Nghiêm túc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo 3 công khai: Công khai về tài chính, công khai chất lượng giáo dục, công khai đội ngũ cán bộ giáo viên và cơ sở vật chất giáo dục, triển khai từ Ban Giám hiệu đến các đơn vị đảm bảo thống nhất và hiệu quả. Lãnh đạo Trường đã nhận thức rõ việc thực hiện quy chế dân chủ trong Trường là gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, cũng như thực hiện có hiệu quả nhất những qui định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường Đại học.

Ban Thanh tra nhân dân hoạt động dưới sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn Trường và sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường, đó là nguồn động viên, khích lệ các thành viên bộ phận thanh tra hoàn thành nhiệm vụ. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân cũng được Nhà trường cử tham gia các đợt tập huấn và tổng kết công tác thanh tra do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức để nắm vững nghiệp vụ, nâng cao trình độ, đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Công tác thanh tra được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất tùy theo những vấn đề phát hiện qua hoạt động giám sát. Trong quá trình tổ chức triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra, Ban Thanh tra Nhân dân luôn hướng đến mục đích là phòng ngừa, phát hiện và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm, trong đó phòng ngừa là mục đích chủ yếu.

***13.1.2. Công tác quân sự địa phương, Giáo dục quốc phòng và an ninh***

Trong năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường về công tác quân sự địa phương, Giáo dục quốc phòng và an ninh cụ thể:

- Xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch trong năm theo quy định Ban chỉ huy quân sự quận như: Kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng địa phương; Kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị và các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định.

- Đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi tham gia dân quân tự vệ, độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ. Đăng ký quản lý sĩ quan dự bị, quân nhân dự bị hạng 1, quân nhân dự bị hạng 2, phương tiện kỹ thuật, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội.

- Thực hiện đúng quy định về công tác tiếp nhận, quản lý di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học cũng như giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên tốt nghiệp ra trường, thôi học về địa phương nơi cư trú.

- Tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ của Nhà trường tham gia Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Nhì đồng đội môn Chính trị, bảo đảm an toàn về người, vũ khí trang bị và an toàn giao thông.

- Tuyển chọn 30 nam sinh viên tốt nghiệp đại học năm 2020 đi đào tạo sĩ quan dự bị tại Trường Quân sự Quân khu 2 (từ ngày 02/10/2020 đến 29/01/2021) đảm bảo đủ chỉ tiêu, chất lượng chính trị cao.

- Thực hiện tốt công tác báo cáo, phản ánh tình hình địa bàn, tham gia đầy đủ các hội nghị, các cuộc họp do Ban chỉ huy quân sự quận và cấp trên tổ chức.

- Tháng 10/2020, Tham mưu cho Nhà trường cử 02 cán bộ Ban chỉ huy quân sự Trường đi tập huấn công tác quốc phòng, quân sự, lực lượng tự vệ tại Nha Trang - Khánh Hòa do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; Tháng 2/2021, cử 02 cán bộ Ban chỉ huy quân sự Trường tham gia tập huấn cán bộ dân quân tự vệ do Ban chỉ huy quân sự quận Bắc Từ Liêm tổ chức; Tháng 7/2021, động viên 01 sĩ quan dự bị đi huấn luyện tại Trung đoàn 452/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Năm học 2020-2021, đã triển khai giảng dạy, học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cho 2.485 sinh viên từ khóa 61 đến khóa 65 của Nhà trường theo chương trình, nội dung

quy định bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị. Thông qua quá trình đào tạo đã trang bị cho sinh viên nhận thức, giác ngộ chính trị, lòng yêu nước và trách nhiệm của công dân; huấn luyện, trang bị một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; đặc biệt trong quá trình giảng dạy đã lồng ghép các nội dung cơ bản với xây dựng cho sinh viên tính tự giác, ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống văn minh và tinh thần tập thể trong quá trình học tập, rèn luyện.

- Hiện nay, Nhà trường đang chỉ đạo khoa Giáo dục quốc phòng phối hợp với các đơn vị chức năng tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thiện Đề án tự chủ giảng dạy, học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên tại khu B và khu Đô thị đại học theo chỉ đạo của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương.

***13.1.3. Công tác công đoàn***

***Công tác tuyên truyền, giáo dục***

- Phối hợp cùng Chính quyền tổ chức các hoạt động chào mừng thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; chào mừng ngày Hội toàn dân đi bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tổ chức Hội diễn văng nghệ chào mừng kỷ niệm 54 năm ngày thành lập Trường; kỷ niệm 70 ngày ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam; - Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt bài viết của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Nguyễn Phú Trọng - tại Phiên họp đầu tiên của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026: "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.";

- Triển khai, vận động CBNGNLĐ tham gia thi trực tuyến tìm hiểu Bộ Luật lao động năm 2019; thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường và quy tắc ứng xử gắn với việc bảo vệ môi trường" trên địa bàn TP Hà Nội; cuộc thi "Tìm hiểu pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND"; cuộc thi "Tìm hiểu 70 năm CĐGD Việt Nam; tham gia "Liên hoan Tiếng hát giáo viên toàn quốc lần thứ V" năm 2021…;

- Trao quà ủng hộ giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại 09 trường THPT thuộc tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh; hỗ trợ kinh phí, triển khai xây dựng Hệ thống cấp nước sạch trao tặng 03 trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Hỗ trợ tiêu thụ 25 tấn vải thiều Bắc Giang, trị giá 52.500.000 đồng: Công đoàn Trường mua 2,5 tấn ủng hộ nhân dân miền Trung bị thiệt hại do mưa lũ với tổng số tiền: 273.724.184 đồng vận động CBVCNLĐ Trường ủng hộ công tác phòng, chống Covid-19 với số tiền: 123.100.000 đồng; ủng hộ và mua lương thực, thực phẩm hỗ trợ 712 sinh viên Trường lưu trú tại Ký túc xá và khu vực quanh trường gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 với tổng số tiền: 161.983.200 đồng; ủng hộ chương trình Máy tính cho em với tổng số tiền: 212.456.528 đồng.

*Công tác tham gia quản lý*

- Tham gia sửa đổi, bổ sung và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

- Trình ký Hội đồng Trường chủ trương ban hành Quy định Văn hóa công sở Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

- Phối hợp với Chính quyền triển khai công tác tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho toàn thể CBVCNLĐ Trường;

*Thực hiện chế độ, chính sách và đời sống*

- Xét và trợ cấp khó khăn cho 38 cán bộ với số tiền: 23.400.000 đồng.

- Xét trợ cấp khó khăn đột xuất nhân dịp tết Nguyên đán cho 24 CBNGNLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, mắc bệnh hiểm nghèo điều trị dài ngày với số tiền 24 triệu đồng;

- Triển khai chương trình "Phúc lợi đoàn viên": phát voucher khám chữa bệnh miễn phí và giảm giá của Công ty MEDLATEC; khám miễn phí tầm soát ung thư vú cho cán bộ nữ;

- Rà soát, thực hiện miễn đóng (từ tháng 8-12/2021) và hoàn trả (từ tháng 5-7/2021) đoàn phí công đoàn đối với CBVCNLĐ có mức lương (trước khi trừ BHXH) thấp hơn mức lương tối thiểu vùng: 4.420.000 đồng (theo Nghị định 90/2019/NĐ ngày 15/11/2019 của Chính phủ).

*Công tác nữ công*

- Tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổng kết phòng trào "Giỏi việc Trường - Đảm việc nhà"; vinh danh Nữ Phó Giáo sư, nữ Tiến sĩ năm 2021; tuyên dương khen thưởng nữ cán bộ, sinh viên có thành tích xuất sắc trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác, học tập và rèn luyện;

- Vận động nữ cán bộ tham gia hưởng ứng "Tuần lễ áo dài" và cuộc thi ảnh "Duyên dáng áo dài HUMG".

- Thực hiện chi quà nhân dịp tết thiếu nhi 1/6, tằm Trung thu cho con cán bộ; khen thưởng cho các cháu là con cán bộ đạt giải trong kỳ thi HSG các môn văn hóa cấp quận, huyện trở lên; các cháu đạt danh hiệu HSG toàn diện năm học 2020 – 2021 (dự kiến chi đến 30/11/2021 do nhiều trường chưa phát giấy khen).

***Khen thưởng***

- Đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc và được Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng Bằng khen.

### *13.1.4. Công tác Đoàn TN, Hội SV*

Năm học 2020 - 2021 là năm học mà tập thể cán bộ, viên chức, đoàn viên sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất nỗ lực phấn đấu tiếp bước truyền thống xây dựng Nhà trường trong giai đoạn chuẩn bị tự chủ trở thành trung tâm đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu, triển khai công nghệ có uy tín trong nước và khu vực. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp do Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường đề ra đã được các cấp bộ Đoàn – Hội trong toàn trường triển khai thực hiện và đạt được những kết quả cơ bản như sau:

*Nâng cao chất lượng công tác giáo dục của Đoàn – Hội, xây dựng thế hệ ĐVTN kỷ luật, nhân ái, thanh lịch, văn minh góp phần xây dựng Văn hóa Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục là một nội dung quan trọng trong công tác giáo dục đạo đức, là lý tưởng cách mạng trong ĐVTN nhiệm kỳ tới. Việc triển khai cuộc vận động cần được cụ thể hóa và áp dụng một cách linh hoạt với đối tượng là ĐVTN và CBGV trẻ làm việc và sinh hoạt trong môi trường giáo dục.

Đẩy mạnh giáo dục truyền thống của Đảng, của dân tộc, của Đoàn – Hội, về lòng tự hào dân tộc, khát vọng chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ; xây dựng tình cảm và niềm tin cho cán bộ đoàn viên, tuyệt đối tin tưởng vào lý tưởng của Đảng. Đề cao giáo dục đạo đức, lối sống, nếp sống, ý thức pháp luật, ứng xử văn hóa gắn với việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh trong ĐVTN, thực hiện nếp sống, hành vi ứng xử văn hóa trong gia đình, tại trường học, nơi công cộng, góp phần xây dựng thương hiệu văn hóa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

*Tiếp tục triển khai thiết thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu khoa học, thể chất và đời sống văn hóa tinh thần cho đoàn viên, thanh niên*

Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường thường xuyên phát động và bám sát nhằm khơi dậy tinh thần say mê, thái độ nghiêm túc, phương pháp hiệu quả trong học tập và nghiên cứu khoa học, góp phần xây dựng môi trường học tập chất lượng cao theo định hướng của nhà trường. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ ĐVSV học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển các sân chơi trí tuệ góp phần rèn luyện tư duy độc lập, sáng tạo; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tương tác, phát huy tính tích cực, chủ động tự học, tự nghiên cứu.

Phát triển mạnh các câu lạc bộ học thuật tại các Liên chi đoàn – Liên chi Hội theo đặc thù chuyên ngành và thế mạnh của từng đơn vị. Xây dựng các mô hình nhóm nghiên cứu, diễn đàn ý tưởng khoa học, tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học trong thanh niên, tiến hành các hoạt

động giao lưu trao đổi kinh nghiệm học tập và NCKH giữa các đơn vị trong và ngoài trường.

Phối kết hợp chặt chẽ với Phòng CTCT-SV để thường xuyên tổ chức các phong trào thể dục thể thao, các hoạt động văn hóa văn nghệ. Đa dạng hóa hình thức, nội dung hoạt động của hệ thống các câu lạc bộ tạo sân chơi bổ ích qua đó trau dồi kỹ năng sống và kiến thức xã hội của đoàn viên thanh niên. Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp với các trường ĐH – CĐ trong Cụm 4 và trên địa bàn Thủ đô, các đơn vị kết nghĩa, và công tác xã hội hóa nguồn lực để nâng cao chất lượng các hoạt động phong trào.

*. Xây dựng củng cố tổ chức Đoàn – Hội vững mạnh, phát huy tốt vai trò nòng cốt chính trị của Đoàn đối với Hội sinh viên*

Nâng cao chất lượng đoàn viên: Xác định nội dung, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, phẩm chất chính trị của đoàn viên. Ứng dụng *Phần mềm quản lý đoàn viên,* tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đoàn viên; hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn tại các điểm liên kết đào tạo trong công tác quản lý đoàn viên.

Xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn – Hội có tâm huyết, năng lực và bản lĩnh: Tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ Đoàn chuyên trách. Đổi mới phong cách và phương pháp công tác của cán bộ Đoàn với yêu cầu chung là tôn trọng sinh viên, sát với ĐVSV và có trách nhiệm với ĐVSV. Thu hút các cán bộ trẻ có tâm huyết, uy tín và năng lực trong NCKH và giảng dạy tham gia công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

Nâng cao chất lượng Chi đoàn – Chi hội, tăng tính chủ động sáng tạo của Liên chi đoàn – Liên chi Hội: Nâng cao hiệu quả, tính hấp dẫn trong nội dung và hình thức sinh hoạt chi đoàn. Tổ chức Đoàn được phân cấp, lấy Liên chi Đoàn làm nòng cốt trong các hoạt động phong trào. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao tính chủ động sáng tạo của các Liên chi.

*Tích cực tham gia có trách nhiệm công tác phát triển đảng trong cán bộ trẻ và ĐVSV*

Thông qua hoạt động thực tiễn của công tác đoàn và phong trào thanh niên, cần nắm bắt được các đoàn viên ưu tú, có kế hoạch bồi dưỡng phát triển và phân công nhiệm vụ hợp lý. Chủ động và thực hiện đúng quy trình giới thiệu hơn 300 đoàn viên ưu tú tham gia học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, xem xét giới thiệu hơn 100 đoàn viên ưu tú cho các Chi bộ Sinh viên xem xét kết nạp vào Đảng.

*Một số kết quả đạt được trong năm học 2020 - 2021*

- Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu trong Công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2020 – 2021 của Thành đoàn Hà Nội.

- Bằng khen của TW Đoàn, TW Hội Sinh viên cho đơn vị xuất sắc trong công tác Đoàn – Hội năm học 2020 – 2021.

- Bằng khen của TW Đoàn, TW Hội Sinh viên, Thành đoàn và Hội Sinh viên TP Hà Nội cho các tập thể, cá nhân của Trường ĐH Mỏ - Địa chất có thành tích xuất sắc trong năm học 2020 – 2021.

- Các phong trào thi đua được triển khai sâu rộng, kết quả đạt được: 71 sinh viên đạt Danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp Trường, 22 sinh viên đạt Danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp Thành phố, 01 sinh viên đạt Danh hiệu "Sao tháng Giêng", 01 sinh viên đạt Giải thưởng nữ sinh viên tiêu biểu trong lĩnh vực KHCN của TW Đoàn.

- Tổ chức thành công Đại hội Đoàn Trường nhiệm kỳ 2020 – 2022, Đại hội Hội Sinh viên Trường nhiệm kỳ 2021 – 2023.

- Tổ chức chuỗi hoạt động Tháng Thanh niên năm 2021 gồm Cuộc thi "Khoa tôi là Nhất" năm 2021 và Lễ mít tinh Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS HCM (26/3/1931 - 26/3/2021).

- Tổ chức thành công Gala Chào tân sinh viên K65 "Breaking 2020 – The Limits", Cuộc thi Tài năng sinh viên HUMG's Talent 2020, đây là những sự kiện lần đầu tiên được tổ chức tại HUMG, đã đem lại hiệu ứng truyền thông mạnh mẽ, thu hút nhiều, sinh viên tham gia, phát hiện

nhiều tài năng cho phong trào sinh viên HUMG.

- Tổ chức thành công Chiến dịch Tiếp sức Mùa thi 2021 cho các điểm thi THPT trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm.

- Tham gia hỗ trợ nhà trường và địa bàn xung quanh trong công tác phòng chống Covid-19, hỗ trợ tiêm chủng vắc xin. Đặc biệt, trong thời gian TP Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên đã kết nối, tìm kiếm nguồn hỗ trợ thực phẩm thiết yếu cho sinh viên mắc kẹt tại KTX và nhà trọ xung quanh trường. Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên triển khai nhiều đợt hỗ trợ và đã giúp đỡ được 891 sinh viên với hơn 1600 phần quà là thực phẩm thiết yếu gồm: gạo, mì, bánh mì, sữa, đồ hộp, đồ khô, gia vị, rau củ quả …, tổng trị giá hơn 300 triệu đồng.

***13.1.5.Công tác Hội Cựu chiến binh***

Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp cũng như chủ trì thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ trọng yếu, đặc biệt là công tác hoạt động theo qui đnh của Điều lệ hội. Năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội CCB lần thứ VI, hoạt động của Hội là chủ động, tích cực, toàn diện đúng với tính chất, mục đích nhiệm vụ của Hội. Các chi hội và hội viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết gương mẫu thực hiện hoàn thành tốt các mặt công tác của Hội. Kết quả đạt được tương đối toàn diện và có hiệu quả thiết thực, giữ vững là tổ chức Hội trong sạch vững mạnh, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Hội đã tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền giữ vững ổn định chính trị tại cơ sở; triển khai hoạt động có hiệu quả 4 Đề án, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết của Đại hội CCB trường lần thứ III. Tổ chức tốt hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn, hoàn thành các chỉ thị, thông báo của Hội CCB Thành phố. Tình hình chính trị tư tưởng cán bộ hội viên ổn định, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Trường.

- Ngày 6/9/2020, Hội đã chủ trì thành công buổi gặp mặt truyền thống Cựu chiến binh Sinh viên - Chiến sĩ 6.9.71 với chủ đề "Kỷ niệm 49 năm ngày lên đường chống Mỹ cứu nước (6/9/1971 - 6/9/2020) của sinh viên các trường Đại học Hà Nội".

- Ngày 15/12/2020, Hội đã chủ trì thành công Lễ kỷ niệm 31 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân - 76 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam - 31 năm ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam và 20 năm ngày Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ Địa chất.

- Trong năm 2021, Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp với các đoàn thể trong và ngoài trường làm tốt các phong trào hoạt động do các cấp phát động, động viên các Hội viên tham gia các phong trào đóng góp xây dựng và ủng hộ phòng chống covid-19.

***13.2. Những tồn tại***

**Công tác giáo dục quốc phòng – quân sự địa phương**

- Quá trình tổ chức thi online vẫn còn gặp khó khăn do một số sinh viên chưa có đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu bảo đảm theo quy định.

- Năm 2021, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên việc triệu tập sinh viên lên Trường để khám sức khỏe, cử cán bộ đi thẩm tra lý lịch tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị năm 2021 không thể triển khai thực hiện được.

- Thời điểm cuối tháng 5, đầu tháng 6/2021 trùng với việc thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên Nhà trường không thể huy động cán bộ, viên chức tập trung huấn luyện tự vệ được.

- Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giảng dạy, cán bộ, chiến sĩ tự vệ, dự bị động viên phải tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp tại các địa bàn xa Trường ảnh hưởng đến việc huy động, tập trung cán bộ.

- Số lượng cán bộ của Nhà trường trong độ tuổi tham gia dân quân tự vệ, độ tuổi thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự lớn (nam từ 18 đến 45 tuổi, nữ từ 18 đến 40 tuổi); cán bộ còn phải tham gia học tập nâng cao trình độ; cán bộ nữ nghỉ thai sản, sinh con,...

**Công tác Công đoàn**

Do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên một số công tác phải hoãn, hủy:

- Hoãn tổ chức gặp mặt cán bộ công đoàn các cấp đã có nhiều đóng góp cho Công đoàn Trường nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam.

- Hủy tổ chức xem phim cho con cán bộ nhân dịp 1/6; lùi thời gian tổng kết, khen thưởng các cháu đạt giải trong kỳ thi HSG các môn văn hóa cấp quận, huyện trở lên; các cháu đạt danh hiệu HSG toàn diện năm học 2020 - 2021 (do các cấp học chưa tiến hành tổng kết năm học).

- Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Trường lùi chương trình kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Công đoàn các tổ công đoàn trực thuộc Công đoàn Trường.

**Công tác Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên**

Trong năm học 2020 - 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, công tác phong trào của Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường bị ảnh hưởng rất nhiều, một bộ phận không nhỏ ĐVTN thiếu ý thức học tập, rèn luyện.

**Nguyên nhân**

***Nguyên nhân khách quan***

Mặt trái của kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến ý thức và nhận thức của thế hệ trẻ; đặc biệt chủ nghĩa thực dụng, cá nhân, ít quan tâm đến hoạt động tập thể. Hiện tượng này không chỉ xuất hiện ở đối tượng đoàn viên là đoàn viên sinh viên (chủ yếu là sinh viên ngoại trú), mà cả các cán bộ giáo viên trẻ trong độ tuổi sinh hoạt Đoàn.

***Nguyên nhân chủ quan***

Một bộ phận không nhỏ đoàn viên sinh viên thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và nhà trường, ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập, xao nhãng việc tham gia các hoạt động tập thể.

Phần lớn cán bộ giáo viên tham gia hoạt động Đoàn đều kiêm nhiệm, đội ngũ cán bộ Đoàn chưa được chuẩn hóa nên các hoạt động của Đoàn trường gặp nhiều khó khăn. Khối lượng công việc giảng dạy và NCKH quá lớn cùng với áp lực cuộc sống đã hạn chế khả năng tham gia các hoạt động đoàn thể của đội ngũ cán bộ trẻ.

Một số cán bộ Đoàn thiếu chủ động, sáng tạo; nhận thức, kỹ năng về công tác vận động thanh niên còn thiếu, chưa theo kịp tình hình phát triển của kinh tế - xã hội và nhu cầu, nguyện vọng ngày càng cao của ĐVSV, đặc biệt là trong chỉ đạo hoạt động của Chi đoàn.

***13.3. Giải pháp***

**Thực hiện quy chế dân chủ**

Tiếp tục tổ chức quán triệt các văn bản của Trung ương, Quốc hội và của Chính phủ về thực hiện QCDC ở cơ sở để không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, viên chức về dân chủ và thực hành dân chủ. Những vấn đề "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" phải được cụ thể hóa thực hiện nghiêm túc trên mọi lĩnh vực của đời sống. Mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với giữ gìn kỷ cương, trật tự.

Tiếp tục duy trì, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn Trường. Duy trì việc đối thoại giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức theo quy định của pháp luật. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo thường được các đơn vị trong toàn Trường phối hợp để giải quyết kịp thời.

Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để phù hợp với tình hình thực tế. Điều chỉnh những nội quy, quy trình mang tính phối hợp còn chồng chéo, bất cập (nếu có).

Thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác phê bình, tự phê bình, chống các biểu hiện tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức công bằng, công khai, chú trọng công tác khen thưởng để tạo động lực cho toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Khắc phục những mặt hạn chế, tồn tại trong 6 tháng đầu năm

Tiếp tục thực hiện công tác đối thoại định kỳ, lắng nghe những đóng góp, ý kiến của cán bộ, viên chức và người lao động nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời phù hợp với quy định.

**Công tác giáo dục quốc phòng – quân sự địa phương**

- Tiếp tục biên soạn giáo án, bài giảng, tài liệu tham khảo và tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật thống nhất nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ công tác khảo thí môn học kể cả trực tiếp và online.

- Nghiên cứu xây dựng bộ đề thi và đáp án phù hợp với chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tham mưu cho Nhà trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xin tạm dừng tuyển chọn sĩ quan dự bị, xin rút chỉ tiêu năm 2021 (Công văn số 419/MĐC-QS ngày 27/9/2021).

- Báo cáo Ban chỉ huy quân sự quận về việc lùi thời gian triển khai công tác huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị năm 2021 cho lực lượng tự vệ của Nhà trường vào thời gian thích hợp; thường xuyên bám sát sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên để triển khai thực hiện công tác huấn luyện tự vệ theo đúng phương châm "cơ bản, thiết thực, chất lượng", sát tình hình địa bàn, bảo đảm an toàn mọi mặt.

- Phối hợp chặt chẽ với phòng Tổ chức Cán bộ nắm chắc danh sách, chất lượng và tình hình biến động của cán bộ, viên chức trong độ tuổi thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, độ tuổi tham gia tự vệ.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Trường làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, viên chức và sinh viên nắm chắc quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia lực lượng tự vệ, dự bị động viên và thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự.

**Công tác Công đoàn**

Cần chuẩn bị và xây dựng các phương án thực hiện các công tác chưa thực hiện phù hợp với tình hình mới.

**Công tác Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên**

- Cần xác định công tác xây dựng tổ chức Đoàn – Hội là trọng tâm, trong đó cán bộ là khâu then chốt. Từ đó, lựa chọn đội ngũ cán bộ Đoàn – Hội phải là những người trẻ, có sức khoẻ, có trình độ, tâm huyết, nhiệt tình với phong trào, có năng lực tổ chức các hoạt động thực tiễn, biết đoàn kết nội bộ, phát huy trí tuệ tập thể nâng cao chất lượng hoạt động đoàn.

- Trong công tác chỉ đạo thể hiện tính sáng tạo, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, bám sát nhiệm vụ chính trị của Trường, xác định mục tiêu, phương hướng, kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể, khoa học cho công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong cả nhiệm kỳ và từng giai đoạn cụ thể.

- Nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, chương trình phù hợp để phát huy thế mạnh của lực lượng ĐVSV đông đảo của trường trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19.

**14. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 47**

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của một Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra vẫn còn một số nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 40).

***Bảng 40. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2020 - 2021***

| **Tiêu chí** | **Mục tiêu** | **Thực hiện** | **Đánh giá** |
|---|---|---|---|
| Quy mô đào tạo chính quy | 15.000 | 13.498 | Không đạt |
| Mở mới ngành đào tạo:<br>- Bậc đại học<br>- Thạc sĩ<br>- Tiến sỹ | <br>10<br>1<br>1 | <br>10<br>1<br>1 | <br>Đạt<br>Đạt<br>Đạt |
| Chương trình chất lượng cao | 1 | 1 | Đạt |
| Đề tài KHCN mới:<br>- Cấp Nhà nước<br>- Cấp Bộ và tương đương | <br>10<br>10 | <br>12<br>14 | <br>Vượt<br>Vượt |
| Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế | 150 | 243 | Vượt |
| Hội nghị khoa học quốc tế | 3 | 2 | Không đạt |
| Hội nghị khoa học toàn quốc | 1 | 3 | Vượt |
| Mở các khóa đào tạo ngắn hạn | 10 | 0 | Không đạt |
| Xuất bản giáo trình | 10 | 10 | Đạt |
| Tự đánh giá 3 chương trình đào tạo: Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Quản lý đất đai | 3 | 4 | Vượt |
| Thi đua | 85% LĐTT | 86,8% LĐTT | Vượt |

Kết quả trên thể hiện trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Chất lượng đào tạo ở một số ngành của Nhà trường vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội; năng lực cạnh tranh còn hạn chế; một bộ phận giảng viên và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được trong thời kỳ mới; cơ sở vật chất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của tự chủ đại học; bộ máy tổ chức còn cồng kềnh; thu nhập của cán bộ, viên chức còn chưa cao; chiến lược phát triển Nhà trường chưa tính hết được sự thay đổi nhanh chóng của chính sách và xã hội.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị Nhà trường.

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; Chương trình đào tạo được cập nhật vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, chưa khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

# PHẦN II
# NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 -2022

Năm học 2021 - 2022 là năm học tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *"Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập";* Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 9/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 9/01/2015 của Chính phủ; Chỉ thị 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 ứng phó với dịch Covid 19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo. Trên cơ sở đó Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định nhiệm vụ trọng tâm năm học 2020 - 2021 là *"Thúc đẩy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động cho các cá nhân, tổ chức thuộc và trực thuộc Nhà trường",* nhằm tuân thủ triết lý giáo dục "Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập", phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

**1. Nhiệm vụ trọng tâm**

1.1. Triển khai thực hiện chiến lược phát triển Trường, tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng cá nhân, đơn vị của Nhà trường, thí điểm cơ chế tự chủ đối với một số khoa. Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị chủ động xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của Nhà trường. Thành lập Viện, Trung tâm trực thuộc Trường.

1.2. Nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm cán bộ, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; bảo đảm số lượng và chất lượng cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và sinh viên. Tăng cường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức và người học của Nhà trường.

1.3. Triển khai cải tiến chất lượng Nhà trường giữa chu kỳ kiểm định (2018 - 2023). Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Thúc đẩy kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học. Triển khai hệ thống đào tạo E-Learning hiệu quả.

1.4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về cơ cấu tổ chức khoa học công nghệ, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, phương thức đầu tư, cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường. Hoàn thành xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn tới. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Hoàn thành nâng cấp và đưa Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

1.5. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và địa phương trong

quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên. Nâng cao vai trò trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc quản lý sinh viên. Bảo đảm an toàn cao nhất đối với phòng chống đại dịch Covid 19.

1.6. Tổ chức thực hiện kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021 – 2025, hoàn thành việc lập qui hoạch chi tiết các công trình xây dựng Khu A1 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục công việc thành phần thuộc Khu A1 theo từng giai đoạn.Tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng khu ký túc xá dùng chung và các khu vực khác của khu Đô thị đại học.

1.8. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả trong hoạt động truyền thông, đa dạng và đổi mới liên tục về hình thức và cách thức tiếp cận nhằm phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, hướng đến sự phát triển bền vững qua việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường.

1.9. Tiếp tục tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao, phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0; xây dựng và sắp xếp lại hệ thống phòng thí nghiệm, thực nghiệm để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo. Xây dựng các phương án huy động vốn (vốn ngân sách nhà nước, vay nợ, viện trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác) dành cho đầu tư khu A1, khu ký túc xá dùng chung trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục cải tạo và nâng cấp hệ thống phòng học và giản đường hiện có như lắp máy điều hòa nhiệt độ, bổ sung trang thiết bị phục vụ đào tạo, hệ thống wifi; Bổ sung các trang thiết bị phục vụ quản lý và chuyển đổi số như hệ thống thông tin, phần mềm quản lý; cải tạo, chống xuống cấp và từng bước nâng cấp cơ sở vật chất; quy hoạch và nâng cấp các phòng thí nghiệm từng bước đáp ứng hoạt động đào tạo và cơ cấu sinh viên của trường.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Quy mô đào tạo: Chính quy: 13500
- Mở mới các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học: 14
- Mở mới: 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; 02 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: ngành Kỹ thuật Môi trường, ngành Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý.
- Đề tài triển khai mới: Cấp NN: 10 đề tài; Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: 10 đề tài
- Bài báo Quốc tế: 150 bài (Trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục ISI: 100 bài)
- Hội nghị Khoa học quốc tế: 03 hội nghị. Hội nghị khoa học toàn quốc: 01
- Xây dựng các nhóm nghiên cứu: 1 nhóm nghiên cứu mạnh, 5 nhóm nghiên cứu
- Mở khóa học ngắn hạn: ít nhất 2 khóa
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình
- Tự đánh giá chương trình đào tạo: 04 chương trình (Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Quản lý đất đai, Kỹ thuật hóa học của CTTT); Đánh giá ngoài 3 chương trình đào tạo (Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Quản lý đất đai). Triển khai cải tiến chất lượng 01 chương trình đào tạo Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA;
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến trở lên.

**3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2021 – 2022**

3.1. Ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2045. Nhà trường định hướng cho các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn. Thí điểm triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho một số đơn vị của Nhà trường theo các quy định pháp luật. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai Đề án vị trí việc làm, Đề án thành lập trường, viện trực thuộc Trường. Thành lập các trung tâm, doanh nghiệp khoa học công nghệ thuộc, trực thuộc Trường.

3.2. Tổ chức rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ quan lý và viên chức. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức có nguyện vọng chuyển đổi chuyên môn đào tạo, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho cán bộ, viên chức như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực viên chức làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, công tác truyền thông ... Ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho việc mở ngành đào tạo. Tăng nguồn thu từ các hoạt động của Nhà trường, cân đối, bố trí hợp lý các khoản chi nhằm dành nguồn lực tài chính cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường.

3.3. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Thí điểm xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của một số chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường theo vị trí việc làm, theo kết quả, hiệu quả công việc. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế.

3.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh xây dựng và cải tiến chương trình đáp ứng yêu cầu thực tế; xây dựng thí điểm chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học và sau đại học. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, khảo sát cơ cấu, đặc điểm của thị trường lao động; gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất cho các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp, triển khai đồng bộ hệ thống đào tạo E-Learning ... nhằm đa dạng hóa loại hình, phương pháp đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội và theo các quy định mới. Tiếp tục triển khai tự đánh giá và kiểm định các chương trình đào tạo, và bảo đảm chất lượng bên trong của Nhà trường.

3.5. Kết nối các phần mềm quản lý của Nhà trường tạo thành một hệ thống quản lý đồng nhất.. Tiếp tục tăng số lượng thủ tục giải quyết ở bộ phận một cửa như đối với các thủ tục kế toán, tài chính, tổ chức cán bộ, đào tạo đại học, sau đại học, công tác chính trị sinh viên ... Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tại Nhà trường.

3.6. Tiếp tục cải tiến hoạt động quản lý khoa học, xuất bản, công bố khoa học, hợp tác quốc tế, tăng cường giao lưu học thuật quốc tế. Xây dựng lộ trình cho việc nâng cấp bản Tiếng Anh của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất để đến năm 2022 đạt điều kiện đưa vào danh mục ACI. Ban hành chính sách khuyến khích viên chức công bố khoa học quốc tế. Tiếp tục thúc đẩy thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong Nhà trường nhằm ưu tiên giao, đặt hàng, tuyển chọn và triển khai các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu ... Tiếp tục cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao.

3.7. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên. Tổ chức khóa tập huấn cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm.

3.8. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư dành cho phát triển cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng đề án một số phòng thí nghiệm chuyên sâu để từng bước đáp

ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học, chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan để thực hiện các công tác liên quan đến đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Khu A1 theo hướng phân kỳ giai đoạn đầu tư phù hợp với qui mô và phương án vốn giai đoạn 2021-2025.

3.9. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của nhà trường.

3.10. Sắp xếp lại các phòng thí nghiệm, thực nghiệm để nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà trường. Triển khai xây dựng mô hình bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cho Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 để quản lý, sử dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, khoa học công nghệ của Nhà trường.

3.11. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo"* và phong trào *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong cán bộ, viên chức và người học tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2021 - 2022.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

# BÁO CÁO
## HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂUVIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 49

**HÀ NỘI, THÁNG 11/2022**

| TT | Đề mục | Trang |
|---|---|---|
| **Phần I** | **Báo cáo tổng kết các hoạt động của Nhà trường năm học 2021 - 2022** | |
| **1.** | **Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2021 - 2022** | **1** |
| 1.1 | Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất | 1 |
| 1.2 | Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2021 - 2022 | 2 |
| **2.** | **Công tác chính trị tư tưởng** | **4** |
| 2.1 | Những kết quả đạt được | 4 |
| 2.2 | Những tồn tại | 5 |
| 2.3 | Giải pháp | 5 |
| **3.** | **Công tác đào tạo** | **5** |
| 3.1 | Những kết quả đạt được | 5 |
| *3.1.1* | *Công tác tuyển sinh năm học 2021 - 2022* | *5* |
| *3.1.2* | *Quy mô đào tạo* | *9* |
| *3.1.3* | *Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp* | *12* |
| *3.1.4* | *Kết quả xử lý học tập năm học 2021-2022* | *15* |
| *3.1.5* | *Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới* | *16* |
| *3.1.6* | *Công tác giáo trình, bài giảng* | *18* |
| 3.2 | Những tồn tại | 19 |
| 3.3 | Giải pháp | 19 |
| **4.** | **Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục** | **20** |
| 4.1 | Những kết quả đạt được | 20 |
| *4.1.1* | *Công tác khảo thí* | *20* |
| *4.1.2* | *Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học* | *22* |
| *4.1.3* | *Công tác đảm bảo chất lượng* | *23* |
| 4.2 | Những tồn tại | 24 |
| 4.3 | Giải pháp | 24 |
| **5.** | **Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp** | **25** |
| 5.1 | Những kết quả đạt được | 25 |
| *5.1.1* | *Công tác tư vấn tuyển sinh* | *25* |
| *5.1.2* | *Công tác truyền thông* | *26* |
| *5.13.* | *Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp* | *26* |
| 5.2 | Những tồn tại | 27 |
| 5.3. | Giải pháp | 28 |
| **6.** | **Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên** | **29** |
| 6.1 | Những kết quả đạt được | 29 |
| *6.1.1* | *Công tác sinh viên* | *29* |
| *6.1.2* | *Công hỗ trợ sinh viên* | *30* |
| 6.2 | Những tồn tại | 30 |
| 6.3 | Giải pháp | 30 |
| **7.** | **Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản** | **30** |
| 7.1 | Những kết quả đạt được | 30 |
| *7.1.1* | *Hoạt động nghiên cứu khoa học* | *30* |
| *7.1.2* | *Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ* | *36* |
| *7.1.3* | *Công tác hợp tác quốc tế* | *37* |
| *7.1.4* | *Công tác xuất bản* | *39* |
| 7.2 | Những tồn tại | 39 |
| 7.3 | Giải pháp | 40 |

| | | |
|---|---|---|
| **8.** | **Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng** | **41** |
| 8.1 | Những kết quả đạt được | 41 |
| *8.1.1* | *Công tác tổ chức - cán bộ* | *41* |
| *8.1.2* | *Công tác thanh tra* | *46* |
| *8.1.3* | *Công tác cải cách hành chính* | *48* |
| *8.1.4* | *Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng* | *49* |
| 8.2 | Những tồn tại | 50 |
| 8.3 | Giải pháp | 50 |
| **9.** | **Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án** | **51** |
| 9.1 | Những kết quả đạt được | 51 |
| *9.1.1* | *Công tác tài chính* | *52* |
| *9.1.2* | *Công tác cơ sở vật chất* | *54* |
| *9.1.3* | *Công tác quản lý các dự án* | *55* |
| 9.2 | Những tồn tại | 57 |
| 9.3 | Giải pháp | 58 |
| **10.** | **Công tác thông tin, thư viện** | **59** |
| 10.1 | Những kết quả đạt được | 59 |
| *10.1.1* | *Công tác thư viện* | *59* |
| *10.1.2* | *Công tác công nghệ thông tin* | *60* |
| 10.2 | Những tồn tại | 61 |
| 10.3 | Nguyên nhân và Giải pháp | 61 |
| **11.** | **Công tác y tế** | **61** |
| 11.1 | Những kết quả đạt được | 61 |
| 11.2 | Những tồn tại | 62 |
| 11.3 | Giải pháp | 62 |
| **12.** | **Hoạt động dịch vụ** | **62** |
| 12.1 | Những kết quả đạt được | 62 |
| 12.2 | Những tồn tại | 63 |
| 12.3 | Giải pháp | 63 |
| **13.** | **Các công tác khác** | **64** |
| 13.1 | Những kết quả đạt được | 64 |
| *13.1.1* | Thực hiện quy chế dân chủ | 64 |
| *13.1.2* | Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương | 64 |
| *13.1.3* | Công tác Công đoàn | 65 |
| *13.1.4* | Công tác Đoàn TN, Hội SV | 66 |
| *13.1.5* | Công tác hoạt động của Hội CCB | 69 |
| 13.2 | Những tồn tại | 69 |
| 13.3 | Giải pháp | 70 |
| **14.** | **Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu viên chức Trường lần thứ 48** | **71** |
| **Phần II** | **Nhiệm vụ của Nhà trường năm học 2022 - 2023** | **73** |
| **1.** | Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023 | 73 |
| **2.** | Chỉ tiêu cụ thể | 74 |
| **3.** | Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 | 74 |

# PHẦN 1
# BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 - 2022

## 1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2021 - 2022

### 1.1 Khái quát chung về trường Đại học Mỏ - Địa chất

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định phương hướng phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ hàng đầu trong khu vực, đat chuẩn kiểm định quốc tế, tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 9 khoa chuyên môn) với 59 bộ môn, 23 đơn vị chức năng (12 phòng, 8 đơn vị chức năng, văn phòng đại diện tại Quảng Ninh, Đà Nẵng). Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Đội ngũ nhân lực có chất lượng với tổng số cán bộ viên chức là 711 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 497 cán bộ, 169 cán bộ hành chính, 45 kỹ sư. Trong số cán bộ giảng dạy có 271 tiến sĩ (04 giáo sư và 50 phó giáo sư), 219 thạc sĩ, 7 đại học.

Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 $m^2$, tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 $m^2$, đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là: 73 tỷ VNĐ (NSNN: 60 tỷ VNĐ; nguồn Nhà trường: 13 tỷ VNĐ). Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trường tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022.Theo kế hoạch dự kiến công trình sẽ bản giao đưa vào sử dụng năm 2025.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng đại học nghiên cứu.

Năm học 2021 - 2022, Nhà trường xếp thứ 13 trong số các Trường đại học của Việt nam trong bảng xếp hạng của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) năm 2022 (7/2022); Xếp thứ 14 trong số các Trường Đại học tại Việt Nam theo xếp hạng của Webometrics (7/2022) trên tổng số 184 trường đại học của Việt Nam được xếp hạng.

**1.2 Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2021 – 2022**

Trong những năm tới là giai đoạn đất nước triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo đó nhiều trường đại học nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam; nhiều tổ chức, công ty, doanh nghiệp sẽ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục Việt Nam; song song với đó là việc áp dụng cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học và Nghị định 99. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Năm năm tới sẽ có sự thay đổi cơ bản, toàn diện về giáo dục theo chiến lược phát triển ngành giáo dục Việt Nam, có sự thay đổi về định hướng phát triển khoa học công nghệ của cả nước.

Đây là giai đoạn phải điều chỉnh mạnh mẽ để triển khai Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; là giai đoạn Nhà trường phấn đấu đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng cơ sở mới tại khu đô thị đại học đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong bối cảnh đó, Trường Đại học Mỏ - Địa chất cần xây dựng một chiến lược phát triển mới, phát huy nội lực, với sức mạnh tổng hợp và tận dụng triệt để mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để nâng cấp và mở rộng, phát triển thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây thực sự là chặng đường vô cùng quan trọng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thực hiện Kế hoạch năm học 2021 - 2022 của Bộ GD&ĐT, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.

- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.

- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật này cũng như nhiều văn bản pháp luật khác đã và chuẩn bị có hiệu lực hiện chưa có hoặc chưa có hiệu lực thi hành, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.

- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong giáo dục, thu hút người dạy, người học và tuyển sinh.

- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của Trường.

- Đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội đặc biệt là trong giáo dục đại học. Các trường đại học trên cả nước cũng như Trường Đại học Mỏ - Địa chất phải chuyển việc giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến online, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đào tạo, hợp tác quốc tế...

- Biến động trong lựa chọn ngành nghề dẫn đến sụt sụt giảm số lượng sinh viên nhập

học và người học ở hầu hết các ngành truyền thống gây mất cân đối và ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin *"Một cửa"* mới được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả. Hệ thống KPIs được triển khai thực hiện năm học 2021 - 2022 nhưng vẫn còn nhiều bất cập.

- Đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và còn chưa linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình đào tạo mới và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số Khoa chuyên còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn thiếu và chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, đào tạo chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và coi người học là đối tượng phục vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng là một yêu cầu quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa thực sự được toàn thể cán bộ viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm và chưa hiệu quả.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như yêu cầu. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu hoạt động tương đối độc lập và chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCN triển khai ở các trung tâm và công ty.

- Số lượng sinh viên sụt giảm và không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, dẫn tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ đang bị thách thức lớn. Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng cho cả thầy và trò hiện nay chưa đáp ứng được với những thay đổi của thực tiễn.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và tiếp tục xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

- Các đơn vị dịch vụ khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ còn hạn chế.

- Số lượng cán bộ khoa học có khả năng hội nhập quốc tế chưa nhiều, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu đào tạo chất lượng cao.

**2. Công tác chính trị tư tưởng**

**2.1 Những kết quả đạt được**

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Nhà trường, tăng cường tính chủ động nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong toàn Đảng bộ và Nhà trường.

*Tiếp tục tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học* và tiếp tục thực hiện Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên trong trường; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình hiện nay và nâng cao chất lượng đào tạo, đời sống cho cán bộ, giảng viên, Đảng ủy Trường đã tổ chức sinh hoạt chuyên đề hàng quý, xây dựng kế hoạch dự sinh hoạt định kỳ hàng tháng và sinh hoạt chuyên đề của một số chi bộ trong Đảng bộ.

Triển khai công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*". Tổ chức: Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bằng hình thức trực tuyến, Hội nghị học tập Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng *"Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"* và Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH TW Đảng khóa XIII về *"Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"***,** về *"Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"* và Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về *"Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 204*5*"*. Triển khai Kế hoạch 03-KH/TWcủa Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; thực hiện Hướng dẫn *"Nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Kết luận, Quy định của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII),* Đề án số 04-ĐA/ĐUK về *"Tăng cường nắm bắt thông tin, dư luận xã hội và thành lập lực lượng định hướng, tuyên truyền, đấu tranh phản bác các thông tin, luận điệu sai trái của các thế lực thù địch trên các trang mạng xã hội để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng"*, Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 31/5/2021 về *"Tập trung fxây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và những năm tiếp theo"* và Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 01/10/2021 về *"Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước"* của Thành ủy Hà Nội.

Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức sinh hoạt chuyên đề tại các chi bộ**,** ưu tiên tập trung vào các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện Luật số 43, Nghị định 99/2019/NĐ-CP đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực.

Đặc biệt, năm học 2021-2022 tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, nhưng Đảng ủy đã tổ chức các hội nghị và triển khai công tác tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bằng nhiều hình thức thiết thực, phù hợp tình hình thực tế. Đảng ủy đã chỉ đạo sát sao tăng cường thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 và tổ chức tiêm vaccin cho cán bộ, gửi lời kêu gọi của Tổng Bí thư về công tác phòng, chống đại dịch Covid-19 tới toàn thể cán bộ, sinh viên và thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường trách nhiệm của hệ thống chính trị và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19, tăng cường phân công cán bộ, đảng viên tham gia phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới, triển khai các đội hình sinh viên tình nguyện hỗ trợ công tác phòng chống dịch và thông báo Kết luận của lãnh đạo chủ chốt về tình hình dịch bệnh, công tác triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch, thực hiện Chỉ thị của thành ủy Hà Nội về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội và đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết số 116/NQ-CP của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Qua các buổi học tập chuyên đề, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và triển khai các cuộc vận động đã giúp cho cán bộ, viên chức và sinh viên hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong các hoạt động của Nhà trường; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, đẩy lùi tiêu cực góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong Nhà trường. Cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nội quy, quy định của Nhà trường và nơi cư trú, tạm trú.

**2.2 Những tồn tại:** do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn, đôi khi chưa được kịp thời, chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường. Bên cạnh đó, vẫn còn có cán bộ, đảng viên ý thức tham gia đầy đủ các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của đảng, sinh hoạt chính trị chưa cao; tâm lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự yên tâm công tác do những nguyên nhân khách quan và chủ quan; vẫn còn một số cán bộ, viên chức và người lao động chưa thực sự nâng cao tinh thần trách nhiệm trong trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc trong tình hình mới.

**2.3 Giải pháp:** Nâng cáo ý thức của cán bộ, sinh viên trong các buổi học tập chuyên đề, sinh hoạt chính trị, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kịp thời thực hiện và đổi mới công tác tuyên truyền, triển khai học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng hình thức phù hợp, hiệu quả. Sát sao hơn trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên, tạo tâm lý ổn định, yên tâm công tác cho cán bộ trong trường.

**3. Công tác đào tạo**

**3.1. Những kết quả đạt được**

***3.1.1 Công tác tuyển sinh năm học 2021- 2022***

***Đào tạo đại học***

***Văn bằng 1:*** Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, một vài ngành vượt chỉ tiêu khá lớn, điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp nhưng đã có sự thay đổi ở một số ngành. Đặc biệt một số ngành mới mở cũng đạt được kết quả tuyển sinh khả quan cho thấy được công tác mở ngành của Nhà trường đang đi đúng hướng. Kết quả này có nhiều nguyên nhân gồm: nhu cầu về ngành nghề, sự biến động của xã hội về cơ cấu nền kinh tế, tuyên truyền của Chính phủ.

***Văn bằng 2, liên thông:*** Do tình hình dịch bệnh, công tác tổ chức tuyển sinh gặp nhiều khó khăn nhưng Nhà trường đã khắc phục những khó khăn để thực hiện việc tổ chức thi cho những thí sinh đã nộp hồ sơ.

*Bảng 1. Kết quả tuyển sinh Hệ chính quy*

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2020-2021 | | | | Năm học 2021-2022 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | | VB2 | LT | VB1 | | VB2 | LT |
| | | HB | THPT | | | HB | THPT | | |
| **Khoa:** | **Công nghệ Thông tin** | **51** | **1523** | **1** | **0** | **70** | **789** | **1** | **0** |
| 7460108 | Khoa học Dữ liệu | 16 | 31 | | | 17 | 90 | | |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 35 | 1451 | 1 | | 49 | 609 | 1 | |
| 7480201_CLC | Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) | 0 | 41 | | | 4 | 90 | | |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | **234** | **499** | **1** | **29** | **22** | **824** | **0** | **1** |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 50 | 65 | | | 6 | 74 | | |
| 7520114 | Kỹ thuật Cơ Điện tử | 38 | 52 | | | 0 | 172 | | |
| 7520116 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 32 | 4 | | | 1 | 19 | | |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 85 | 79 | 1 | 27 | 15 | 122 | | 1 |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 29 | 299 | | 2 | 0 | 181 | | |
| 7520130 | Kỹ thuật Ô tô | | | | | 0 | 161 | | |
| 7520218 | Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo | | | | | 0 | 24 | | |
| 7510301 | Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử | | | | | 0 | 71 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí** | **41** | **49** | **0** | **1** | **21** | **63** | **1** | **0** |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 15 | 17 | | 1 | 4 | 21 | 1 | |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học – CTTT | 3 | 4 | | | 0 | 5 | | |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 2 | 0 | | | 1 | 0 | | |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 21 | 28 | | | 15 | 25 | | |
| 7440229 | Quản lý dữ liệu khoa học trái đất | | | | | 1 | 6 | | |
| 7520605 | Kỹ thuật khí thiên nhiên | | | | | 0 | 3 | | |
| 7520606 | Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên | | | | | 0 | 3 | | |
| **Khoa:** | **Khoa học và Kỹ thuật Địa chất** | **48** | **46** | **3** | **0** | **41** | **106** | **0** | **1** |
| 7440201 | Địa chất học | 9 | 8 | 3 | | 3 | 14 | | |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 13 | 12 | | | 4 | 21 | | 1 |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 13 | 12 | | | 5 | 27 | | |
| 7810105 | Du lịch địa chất | 13 | 14 | | | 21 | 28 | | |
| 7580212 | Kỹ thuật Tài nguyên nước | | | | | 2 | 7 | | |
| 7520505 | Đá quý Đá mỹ nghệ | | | | | 6 | 9 | | |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | **722** | **1596** | **4** | **0** | **59** | **1180** | **3** | **20** |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 253 | 798 | 2 | | 17 | 476 | 1 | |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 160 | 224 | 2 | | 5 | 159 | | |
| 7340301 | Kế toán | 235 | 549 | | | 16 | 322 | 2 | 20 |
| 7510601 | Quản lý công nghiệp | 74 | 25 | | | 21 | 223 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | **24** | **34** | **8** | **7** | **22** | **51** | **0** | **2** |

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2020-2021 | | | | Năm học 2021-2022 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | | VB2 | LT | VB1 | | VB2 | LT |
| | | HB | THPT | | | HB | THPT | | |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 21 | 31 | 8 | | 15 | 22 | | 2 |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 3 | 3 | | 7 | 3 | 7 | | |
| 7850202 | An toàn, Vệ sinh lao động | | | | | 4 | 22 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Môi trường** | **40** | **15** | **0** | **0** | **30** | **68** | **0** | **0** |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 14 | 7 | | | 7 | 22 | | |
| 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 26 | 8 | | | 23 | 46 | | |
| **Khoa:** | **Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai** | **119** | **105** | **14** | **0** | **55** | **267** | **12** | **25** |
| 7480206 | Địa tin học | 9 | 12 | | | 8 | 36 | | |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 21 | 22 | 12 | | 15 | 40 | 11 | 25 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 89 | 71 | 2 | | 22 | 151 | 1 | |
| 7580109 | Quản lý phát triển đô thị và bất động sản | | | | | 10 | 40 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | **72** | **13** | **3** | **23** | **75** | **222** | **5** | **22** |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 59 | 12 | 3 | 23 | 53 | 84 | 5 | 22 |
| 7580204 | Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm | 4 | 1 | | | 1 | 11 | | |
| 7580205 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 9 | 0 | | | 6 | 34 | | |
| 7580302 | Quản lý xây dựng | | | | | 15 | 93 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Cơ bản** | | | **0** | **0** | **3** | **14** | **0** | **0** |
| 7720203 | Hóa dược | | | | | 3 | 14 | | |
| | **TỔNG CỘNG** | **1351** | **3880** | **34** | **60** | **398** | **3584** | **22** | **71** |

***Vừa làm vừa học:*** Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề (số lượng theo bảng 2 gồm cả một số đang học dự thính do nộp muộn hồ sơ so với đợt tuyển sinh nên chưa thể tổ chức thi tuyển được).

*Bảng 2. Kết quả tuyển sinh Hệ vừa làm vừa học*

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2020-2021 | | Năm học 2021-2022 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | VB2 | VB1 | VB2 |
| **Khoa:** | **Công nghệ Thông tin** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | **21** | **3** | **16** | **12** |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 21 | 3 | 16 | 12 |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học - chương trình tiên tiến | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa học và Kỹ thuật Địa chất** | **0** | **0** | **1** | **9** |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 0 | 0 | 1 | 9 |
| 7440201 | Địa chất học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | **18** | **11** | **13** | **4** |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 15 | 5 | 11 | 0 |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7340301 | Kế toán | **3** | **6** | 2 | 4 |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | **21** | **11** | **23** | **31** |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 16 | 3 | 7 | 1 |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 5 | 8 | 16 | 30 |
| **Khoa:** | **Khoa Môi trường** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7480206 | Địa tin học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | **0** | **0** | **1** | **3** |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 0 | 0 | 1 | 3 |
| | **TỔNG CỘNG** | **60** | **25** | **108** | **118** |

***Sau đại học:*** Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2021 - 2022 (đợt 2 năm 2021 và đợt 1 năm 2022) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 550 học viên cao học và 22 nghiên cứu sinh. So với năm học 2020 - 2021, số lượng tuyển sinh cao học giảm 63 học viên và NCS năm 2021 - 2022 tăng 08 người.

*Bảng 3. Kết quả tuyển sinh cao học năm học 2021-2022*

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | **2020 - 2021** | **2021 - 2022** |
| **Tổng số** | | **613** | **550** |
| | ***Khoa CNTT*** | ***13*** | ***10*** |
| 1 | Địa tin học | 13 | 10 |
| | ***Khoa Cơ điện*** | ***39*** | ***18*** |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | |
| 3 | Kỹ thuật điện | 25 | 18 |
| 4 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 11 | |
| 5 | Kỹ thuật cơ khí | 3 | |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***25*** | ***30*** |
| 6 | Kỹ thuật dầu khí | 14 | 14 |
| 7 | Kỹ thuật địa vật lý | 5 | 10 |
| 8 | Kỹ thuật hóa học | 6 | 6 |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***36*** | ***39*** |
| 9 | Kỹ thuật địa chất | 32 | 33 |
| 10 | Địa chất học | 4 | 6 |

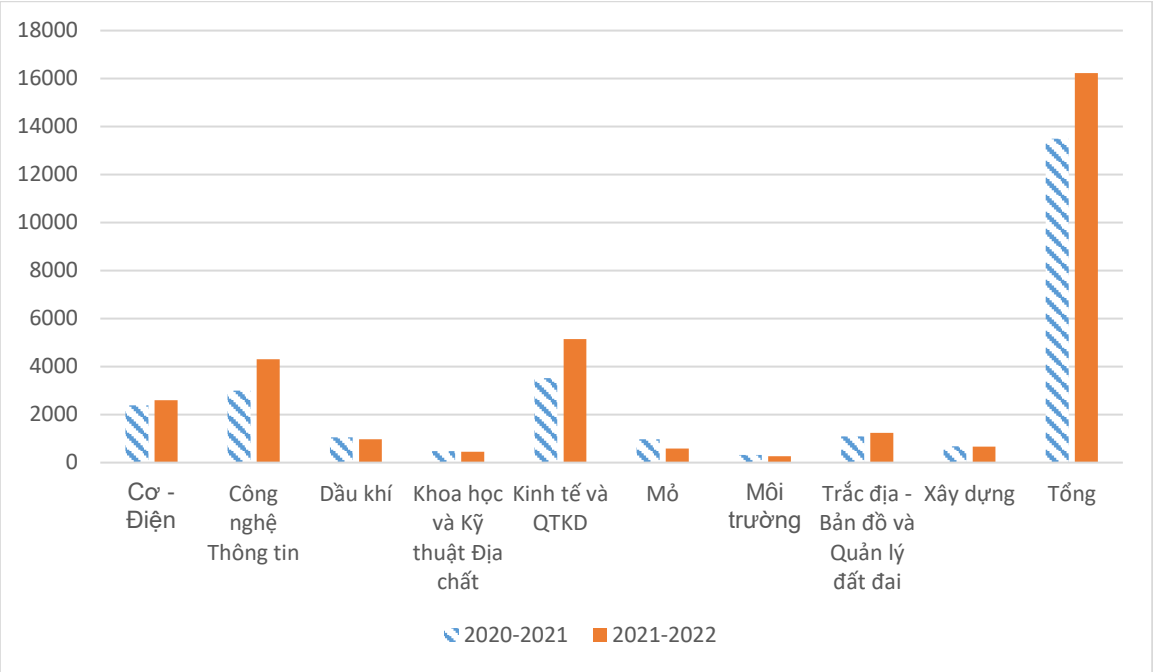
| | | | |
|---|---|---|---|
| 11 | Khoáng vật học và địa hóa học | | |
| | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | ***231*** | ***114*** |
| 12 | Quản lý kinh tế | 231 | 114 |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***10*** | ***82*** |
| 13 | Khai thác mỏ | 6 | 78 |
| *14* | Kỹ thuật tuyển khoáng | 4 | 4 |
| | ***Khoa Môi trường*** | ***15*** | ***20*** |
| *15* | Kỹ thuật môi trường | 15 | 20 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***228*** | ***194*** |
| 16 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 84 | 88 |
| 17 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 49 | 42 |
| 18 | Quản lý đất đai | 95 | 64 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | ***16*** | ***43*** |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 10 | 16 |
| 20 | Kỹ thuật xây dựng | 6 | 27 |

*Bảng 4. Kết quả tuyển sinh NCS năm học 2021-2022*

| **TT** | **Ngành đào tạo** | **Tuyển mới** | |
|---|---|---|---|
| | | **2020 - 2021** | **2021 - 2022** |
| **Tổng số** | | **14** | **22** |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***3*** | |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 3 | |
| 2 | Địa chất học | | |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | | |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***1*** | ***5*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | | 3 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | | 1 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | 1 | 1 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***4*** | ***5*** |
| 7 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 4 | 5 |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***4*** | ***3*** |
| 8 | Khai thác mỏ | 2 | 3 |
| 9 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 2 | |
| | ***Khoa Cơ điện*** | ***2*** | ***2*** |
| 10 | Kỹ thuật điện | 1 | 1 |
| 11 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 1 | |
| 12 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | | 1 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | | ***2*** |
| 13 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | | 2 |
| | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | | ***5*** |

### *3.1.2. Quy mô đào tạo*

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2021 – 2022 là **16.056** người (năm trước là **13.498**).




*Hình 1. Quy mô đào tạo toàn trường*

Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **14969** cơ bản ổn định so với năm học 2020-2021 (**11301** sinh viên), trong đó Đại học: **14499**; Cao đẳng: **91** và Liên thông: **379**

*Bảng 5. Số lượng sinh viên Chính quy*

| TT | Khoa | 2020-2021 | | | 2021-2022 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Đại học** | **Cao đẳng** | **Liên thông** | **Đại học** | **Cao đẳng** | **Liên thông** |
| 1 | Cơ - Điện | 2128 | 21 | 15 | 2474 | 17 | 48 |
| 2 | Công nghệ Thông tin | 2948 | 17 | 6 | 4259 | 13 | 5 |
| 3 | Dầu khí | 785 | | 12 | 893 | 0 | 13 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 324 | 4 | 28 | 320 | 4 | 26 |
| 5 | Kinh tế và QTKD | 2759 | 8 | 140 | 4625 | 8 | 162 |
| 6 | Mỏ | 480 | 23 | 11 | 432 | 21 | 28 |
| 7 | Môi trường | 263 | 2 | 1 | 224 | 0 | 1 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 620 | 20 | 57 | 722 | 18 | 50 |
| 9 | Xây dựng | 590 | 11 | 28 | 550 | 10 | 46 |
| | **Tổng** | **10897** | **106** | **298** | **14499** | **91** | **379** |

Tổng số sinh viên Hệ vừa làm vừa học tại các điểm đào tạo trong năm học 2021-2022 là **973** sinh viên, tăng 16.2% so với năm học trước. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

*Bảng 6. Số lượng sinh viên Vừa làm vừa học*

| TT | Địa điểm đào tạo | 2020-2021 | | 2021-2022 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | *VB1* | *VB2* | VB1 | VB2 |
| 1 | Cẩm Phả(Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng) | 254 | 83 | 310 | 75 |
| 2 | Hà Nội(Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật xây dựng) | 87 | 28 | 108 | 82 |
| 3 | Hòn Gai(Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật xây dựng) | 57 | 6 | 51 | 34 |
| 4 | Phú Yên (Kế toán) | 2 | 0 | 2 | 0 |
| 5 | Tây Ninh (Kỹ thuật mỏ) | 27 | 0 | 27 | 0 |
| 6 | Thanh Hóa (Kỹ thuật mỏ) | 87 | 0 | 75 | 0 |
| 7 | Uông Bí (Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh) | 102 | 45 | 107 | 51 |
| 8 | Vũng Tàu (Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá) | 6 | 1 | 5 | 1 |
| 9 | Nghệ An (Kỹ thuật mỏ) | 32 | 0 | 26 | 0 |
| 10 | Quảng Nam (Kỹ thuật mỏ) | 20 | 0 | 19 | 0 |
| | Tổng | **674** | **163** | **730** | **243** |

***Sau đại học:*** Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là 1263, trong đó có 1163 học viên cao học của 20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 100 nghiên cứu sinh của 14 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2020 - 2021, quy mô đào tạo sau đại học nói chung tương đối ổn định (Năm học 2020 - 2021, quy mô đào tạo sau đại học là 1164, trong đó số lượng học viên cao học là 1064 và nghiên cứu sinh là 100). Số lượng NCS bằng năm trước. Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng HVCH nhiều như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ.

*Bảng 7. Số lượng học viên Cao học*

| TT | Khoa | 2020-2021 | 2021-2022 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cơ điện | 51 | 57 | |
| 2 | Công nghệ Thông tin | 22 | 23 | |
| 3 | Dầu khí | 39 | 55 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 67 | 75 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 412 | 345 | |
| 6 | Mỏ | 57 | 92 | |
| 7 | Môi trường | 50 | 35 | |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 333 | 422 | |
| 9 | Xây dựng | 33 | 59 | |
| | **Tổng** | **1064** | **1163** | |

*Bảng 8. Số lượng Nghiên cứu sinh*

| TT | Khoa | 2020-2021 | 2021-2022 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 0 | | Chưa có |
| 2 | Cơ - Điện | 15 | 10 | |
| 3 | Dầu khí | 6 | 10 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 31 | 24 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 9 | 13 | |
| 6 | Mỏ | 15 | 16 | |
| 7 | Môi trường | 0 | | Chưa có |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 23 | 24 | |
| 9 | Xây dựng | 1 | 3 | |
| | **Tổng** | **100** | **100** | |

### *3.1.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp*

Khối lượng giảng dạy thực hiện trong năm học 2021-2022 là 271.532,1 giờ được thực hiện bởi 454 cán bộ. Tổng số giờ vượt của toàn trường là 178.745,8 giờ (vượt khoảng 79,9% giờ chuẩn), tổng số vượt giờ theo hệ số Quyết định 210 là 209.083,5 giờ (vượt khoảng 110,5% giờ chuẩn). Tuy nhiên, song song với các cán bộ vượt giờ vẫn còn những cán bộ thiếu giờ. Đây là thực trạng đáng báo động trong việc phân bổ người học của các ngành chuyên ngành của Nhà Trường trong giai đoạn tới.

*Bảng 9. Khối lượng giảng dạy năm học 2021–2022*

| TT | Khoa | Số lượng cán bộ thực hiện | Tổng giờ thực hiện của cán bộ | Tổng giờ vượt của cán bộ | Tổng giờ vượt theo hệ số QĐ 210 | Tổng giờ thiếu của cán bộ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cơ điện | 42 | 27165.77 | 17988.32 | 19288.55 | 22.8 |
| 2 | Công nghệ thông tin | 46 | 33008.82 | 23191.62 | 28773.91 | |
| 3 | Dầu khí | 35 | 18244.67 | 11552.77 | 10687.29 | 476.6 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | 8 | 12318.21 | 11278.71 | 15615.46 | |
| 5 | Khoa học cơ bản | 75 | 40680.17 | 24275.37 | 36444.97 | 1631.15 |
| 6 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 45 | 12174.8 | 4893.945 | 3892.168 | 1907.75 |
| 7 | Kinh tế & QTKD | 44 | 41031.28 | 31932.28 | 36359.3 | |
| 8 | Lý luận chính trị | 16 | 18952.49 | 15050.99 | 24274.26 | |
| 9 | Mỏ | 34 | 19438.45 | 12478.34 | 11408.76 | 374.44 |
| 10 | Môi trường | 28 | 5214 | 502.05 | 479.22 | 1511.55 |
| 11 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 56 | 31910.15 | 19539.22 | 16301.05 | 629.675 |
| 12 | Xây dựng | 25 | 11393.3 | 6062.15 | 5558.52 | |
| | **Tổng** | **454** | **271532** | **178746** | **209083** | **6553.965** |

*Bảng 10. Số lượng sinh viên tốt nghiệp*

| TT | Khoa | Đã in bằng tốt nghiệp | | | | | Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | |
| 1 | Cơ điện | **492** | 0 | 10 | 286 | 196 | 122 |
| 2 | Công nghệ Thông tin | **182** | 1 | 7 | 110 | 64 | 112 |
| 3 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | **90** | 1 | 17 | 50 | 22 | 63 |
| 4 | Dầu khí | **201** | 2 | 12 | 141 | 46 | 105 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | **568** | 1 | 64 | 453 | 50 | 152 |
| 6 | Mỏ | **109** | 0 | 6 | 81 | 22 | 70 |
| 7 | Môi trường | **69** | 0 | 1 | 56 | 12 | 24 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | **162** | 1 | 29 | 108 | 24 | 80 |
| 9 | Xây dựng | **151** | 1 | 23 | 82 | 45 | 53 |
| | **Tổng cộng** | **2024** | **7** | **169** | **1367** | **481** | **781** |

*Bảng 11. Kết quả học tập hệ Đại học*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 170 | 445 | 1793 | 694 | 451 | 706 |
| 2 | Cơ điện | 53 | 244 | 803 | 543 | 241 | 587 |
| 3 | Dầu khí | 73 | 82 | 126 | 40 | 60 | 319 |
| 4 | Kinh tế & QTKD | 232 | 847 | 2178 | 443 | 264 | 656 |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 21 | 41 | 66 | 45 | 18 | 129 |
| 6 | Mỏ | 53 | 47 | 63 | 40 | 35 | 196 |
| 7 | Môi trường | 38 | 19 | 39 | 20 | 16 | 91 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 82 | 67 | 138 | 93 | 63 | 278 |
| 9 | Xây dựng | 35 | 57 | 102 | 70 | 40 | 244 |
| | **Tổng** | **757** | **1849** | **5308** | **1988** | **1188** | **3206** |

*Bảng 12. Kết quả học tập hệ Liên thông*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 2 |
| 2 | Cơ điện | 2 | 0 | 5 | 6 | 4 | 31 |
| 3 | Dầu khí | 4 | 1 | 0 | 0 | 1 | 7 |
| 4 | Kinh tế & QTKD | 21 | 25 | 1 | 0 | 0 | 115 |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 24 |
| 6 | Mỏ | 0 | 2 | 4 | 0 | 0 | 22 |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 10 | 7 | 6 | 1 | 1 | 25 |
| 9 | Xây dựng | 1 | 1 | 4 | 2 | 0 | 38 |
| | **Tổng** | **39** | **36** | **21** | **11** | **7** | **265** |

***Đào tạo sau đại học:*** Với quy mô đào tạo 1163 học viên cao học của 20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 100 nghiên cứu sinh của 14 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo từng năm học.

Các bộ môn, các khoa và các giảng viên đã khắc phục khó khăn trong tình hình dịch bệnh covid-19, đã sử dụng công nghệ thông tin giảng dạy trực tuyến, kết hợp với đào tạo trực tiếp, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học viên và NCS được học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn, luận án đúng thời gian quy định. Các học kỳ được tổ chức theo lịch ổn định đã tạo sự chủ động trong kế hoạch cho cán bộ giảng dạy và học viên.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ cho 457 HVCH và trao bằng cho 457 thạc sỹ; tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường 14 NCS và trao bằng cho 18 tiến sĩ đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

Khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2021 - 2022 là **26.159** giờ chuẩn, tăng hơn một chút so với năm học trước do số lớp cao học tăng lên (năm học 2020 - 2021 là **25.890** giờ). Số lượng HVCH và NCS tốt nghiệp của từng ngành trong 2 năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022 được thể hiện trong Bảng 13 và Bảng 14.

*Bảng 13. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2020-2021 và 2021-2022*

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2020-2021 | 2021-2022 |
| **Tổng số** | | **446** | **457** |
| ***Khoa KH & KT Địa chất*** | | ***43*** | |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 43 | 27 |
| 2 | Địa chất học | 0 | |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | 0 | 1 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | | |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 6 | 9 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 3 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | 2 | 2 |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | | |
| 7 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 30 | |
| 8 | Kỹ thuật điện | 9 | 15 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 3 | |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí | 0 | 3 |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | | |
| 11 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 57 | 93 |
| 12 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 13 | 15 |
| 13 | Quản lý đất đai | 18 | 9 |
| ***Khoa Mỏ*** | | | |
| 14 | Khai thác mỏ | 26 | 45 |
| 15 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 7 | 4 |
| ***Khoa Môi trường*** | | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 16 | Kỹ thuật môi trường | 12 | 32 |
| ***Khoa Công nghệ thông tin*** | | | |
| 17 | Địa tin học | 5 | 4 |
| ***Khoa Xây dựng*** | | | |
| 18 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 4 | 21 |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng | 0 | |
| ***Khoa Kinh tế & QTKD*** | | | |
| 20 | Quản lý kinh tế | 211 | 172 |

*Bảng 14. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2020-2021 và 2021-2022*

| **TT** | **Ngành đào tạo** | **Tốt nghiệp** | |
|---|---|---|---|
| | | **2020-2021** | **2021-2022** |
| **Tổng số** | | **16** | **14** |
| ***Khoa KH và KT Địa chất*** | | ***2*** | ***3*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 3 | 3 |
| 2 | Địa chất học | | |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | | |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***0*** | ***2*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 1 | 1 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 1 | 1 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | | |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***6*** | ***4*** |
| 7 | 6 | | |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***5*** | ***2*** |
| 8 | 5 | 2 | 2 |
| 9 | 0 | | |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***1*** | ***2*** |
| 10 | Kỹ thuật điện | 1 | 1 |
| 11 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 1 | 1 |
| 12 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | | |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***0*** | ***1*** |
| 13 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 1 | 1 |
| ***Khoa Kinh tế và QTKD*** | | ***2*** | |
| 14 | Quản lý kinh tế | | |

### *3.1.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2021-2022*

***Đào tạo Đại học:***

Trong năm học 2021–2022 Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học **1091** sinh viên. Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là **2805**, trong đó chỉ có **2024** sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại **781** sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

*Bảng 15. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học*

| **TT** | **Khoa** | **SV học đúng tiến độ 2020-2021** | **SV buộc thôi học 2020-2021** | **SV học đúng tiến độ 2021-2022** | **SV buộc thôi học 2021-2022** |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cơ điện | 2271 | 55 | 2451 | 120 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Công nghệ Thông tin | 2893 | 79 | 4035 | 302 |
| 3 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 458 | 17 | 326 | 33 |
| 4 | Dầu khí | 787 | 19 | 669 | 76 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 3274 | 87 | 4584 | 304 |
| 6 | Mỏ | 900 | 5 | 443 | 68 |
| 7 | Môi trường | 260 | 7 | 220 | 10 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 717 | 17 | 718 | 94 |
| 9 | Xây dựng | 619 | 20 | 555 | 84 |
| | **Tổng** | **12179** | **306** | **14001** | **1091** |

### *3.1.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới*

***Đào tạo đại học:***

Nhà trường đã nghiên cứu, triển khai hình thức liên kết đào tạo đại học với các trường cao đẳng, cao đẳng nghề, đồng thời phát triển mô hình đào tạo các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp:

- Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với một số đơn vị trong nước nhằm thực hiện các liên kết toàn diện về đào tạo và NCKH với mục tiêu hội nhập và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội (Bảng 16).

- Tuy nhiên mô hình đào tạo theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp chưa được phát huy đúng với tiềm năng sẵn có của Nhà Trường.

*Bảng 16. Danh sách đơn vị tham gia ký kết thỏa thuận*

| STT | Tên đơn vị |
|---|---|
| 1 | Đại học Bách khoa Hà Nội |
| 2 | Đại học Bách khoa Đà Nẵng |
| 3 | Đại học Bách khoa Hồ Chí Minh |
| 4 | Đại học Giao thông Vận tải |
| 5 | Đại học Thủy Lợi |
| 6 | Đại học Xây dựng |
| 7 | Quỹ hỗ trợ Phát triển thanh niên FYE |
| 8 | Công ty TNHH TMDV Think Smart |
| 9 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin (VMIC) |
| 10 | Công ty Phát triển Phần mềm Xây dựng Aureole (ACSD). |
| 11 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát |

*Xây dựng và phát triển phương thức đào tạo từ xa*

Nhà trường tiếp tục tập trung nguồn lực việc thử nghiệm và cải tiến phương pháp xây dựng bài giảng E-Learning để áp dụng xây dựng các bài giảng trong giai đoạn tiếp theo. Hiện tại, các bài giảng E-Learning đã xây dựng và nghiệm thu được đưa lên hệ thống HUMG E-Learning để thử nghiệm tại địa chỉ: https://elearning.humg.edu.vn. Cũng từ nền tảng của hệ thống HUMG E-Learning, Nhà trường đã phát triển thành công hệ thống HUMG eExams để tổ chức thi kết thúc học phần và thi chuẩn đầu ra trực tuyến góp phần giải quyết những vấn đề khó khăn trong giai đoạn dịch bệnh Covid.

Trong thời gian sắp tới, Nhà trường sẽ ban hành quy chế đào tạo từ xa để tuyển sinh và đào tạo theo hình thức E-Learning và Blended Learning. Các bài giảng E-Learning đã nghiệm thu sẽ được Nhà trường đưa vào sử dụng, đồng thời các bài giảng mới sẽ được Nhà trường chú

trọng xây dựng. Ngoài ra, Nhà trường vẫn tiếp tục ký kết hợp động về việc triển khai giảng dạy trực tuyến cho các lớp sinh viên ngành Công nghệ thông tin và ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

*Quản lý đào tạo*

Công tác quản lý đào tạo gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trong thời gian dài và những chính sách phòng chống dịch của Nhà nước thay đổi nhanh chóng. Hầu hết các hoạt động giảng dạy và học tập phải tiến hành trực tuyến kết hợp xen kẽ với trực tiếp. Vượt qua khó khăn công tác quản lý đào tạo càng được chú trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy và học tập theo hướng có lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến công tác mở ngành được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung. Nhà trường đẩy mạnh công tác xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập. Cụ thể:

- Đã hoàn thành mở mới 09 ngành (03 ngành đang chờ quyết định của Hội đồng trường) đào tạo đại học chính quy.

- Đang tiến hành mở thêm 01 ngành đào tạo đại học chính quy và 02 ngành đào tạo sau đại học (Bảng 17). Các ngành đang được mở nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và thu hút người học.

- Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung đề cương chi tiết chương trình đào tạo theo khuyến nghị của đoàn đánh giá.

- Tiến hành chỉnh sửa, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ mới năm 2021, cùng với Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021. Đây là cơ sở quan trọng cho công tác tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học đạt hiệu quả và chất lượng hơn. Các khoa và bộ môn chuyên môn đã triển khai thực hiện tốt theo các quy định của Quy chế. Học viên cao học và NCS đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện Quy chế và quy định của Nhà trường.

- Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Việc tổ chức giảng dạy, học tập của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

*Bảng 17. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo đang mở mới*

| STT | Tên ngành, chuyên ngành | Trình độ đào tạo | Trạng Thái |
|---|---|---|---|
| 1 | Ngành Kỹ thuật Khí thiên nhiên | Đại học | Hoàn thành |
| 2 | Ngành Khoa học Vật liệu và Công nghệ nano | Đại học | Hoãn (Tạm dừng) |
| 3 | Ngành Chế biến Khoáng sản và Nguyên liệu tái chế | Đại học | Hoãn (Ngành thí điểm) |
| 4 | Ngành Môi trường và An toàn | Đại học | Hoãn (Ngành thí điểm) |
| 5 | Ngành Kỹ thuật điện - Tự động (song ngành) | Đại học | Hoãn (Ngành thí điểm) |
| 6 | Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc | Đại học | Hoãn (Ngành thí điểm) |
| 7 | Ngành Quản lý Phát triển đô thị và Bất động sản | Đại học | Hoàn thành |
| 8 | Ngành Quản lý Xây dựng | Đại học | Hoàn thành |
| 9 | Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | Đại học | Hoàn thành |
| 10 | Ngành Công nghệ số trong Thăm dò và Khai thác tài nguyên thiên nhiên | Đại học | Hoàn thành |
| 11 | Ngành Quản trị tài nguyên và Công nghệ khoáng sản | Đại học | Hoàn thành |
| 12 | Ngành Quản lý dữ liệu Khoa học trái đất | Đại học | Hoãn (Ngành thí điểm) |
| 13 | Ngành An toàn và quản lý Công trình | Đại học | Hoãn (Tạm dừng) |

| STT | Tên ngành, chuyên ngành | Trình độ đào tạo | Trạng Thái |
|---|---|---|---|
| 14 | Chuyên ngành Kỹ thuật Hóa sinh | Đại học | Hoãn (Tạm dừng) |
| 15 | Kỹ thuật Vật liệu | Đại học | Hoàn thành (Đợi QĐ của HĐT) |
| 16 | Ngành CLC- Kế toán | Đại học | Hoàn thành (Đợi QĐ của HĐT) |
| 17 | Ngành CLC – Quản trị kinh Doanh | Đại học | Hoàn thành (Đợi QĐ của HĐT) |
| 18 | Luật kinh tế | Đại học | Đang triển khai |
| 19 | Ngành Kỹ thuật môi trường | Tiến sĩ | Hoàn thành (Đợi QĐ của Bộ GĐ) |
| 20 | Ngành Bản đồ viễn thám và Hệ thông tin địa lý | Tiến sĩ | Hoàn thành (Đợi QĐ của Bộ GĐ) |

### *3.1.6 Công tác giáo trình, bài giảng*

*Bảng 18. Giáo trình/sách cấp nhà xuất bản của các khoa*

| TT | Tên giáo trình | Mã học phần | Số tín chỉ | Tên tác giả | Khoa |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chế biến than | 7030403 | 2 | TS. Trần Trung Tới (chủ biên)<br>ThS. Nguyễn Ngọc Phú<br>ThS. Phạm Thị Nhung<br>ThS. Vũ Thị Chinh | Mỏ |
| 2 | Phân tích kinh tế HĐKD trong DN | 7070317 | 3 | TS. Lê Minh Thống (Chủ biên)<br>TS. Phan Thị Thái<br>ThS. Phạm Ngọc Tuấn<br>ThS. Nguyễn Lan Hoàng Thảo<br>ThS. Nguyễn Thu Hà | Kinh tế và Quản trị kinh doanh |
| 3 | Sách tham khảo Phân tích kinh tế HĐKD | 7070317 | 3 | TS. Lê Đình Chiều (Chủ biên)<br>TS. Đặng Huy Thái<br>ThS. Nguyễn Thị Hường | |
| 4 | Sách tham khảo Tình huống chiến lược | 7070319 | 3 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân (Chủ biên)<br>TS. Lê Minh Thống | |
| 5 | Thống kê Kinh tế doanh nghiệp | 707111 | 3 | TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Chủ biên)<br>TS. Nguyễn Văn Bưởi<br>TS. Vũ Diệp Anh | |
| 6 | Tin học văn phòng nâng cao | 7080636 | 3 | TS. Dương Thị Hiền Thanh (Chủ biên)<br>ThS. Phạm Thị Nguyệt<br>ThS. Nguyễn Thu Hằng<br>ThS. Vũ Thị Kim Liên<br>ThS. Phạm Quang Hiển | Công nghệ thông tin |
| 7 | Kế toán máy | 7080633 | 3 | PGS.TS Lê Thanh Huệ (Chủ biên) | Công nghệ |

| TT | Tên giáo trình | Mã học phần | Số tín chỉ | Tên tác giả | Khoa |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | ThS. Nguyễn Thu Hằng | thông tin |
| | | | | TS. Dương Thị Hiền Thanh | |
| | | | | ThS. Phạm Thị Nguyệt | |
| | | | | ThS. Nguyễn Thế Bình | |
| 8 | Công nghệ Wetland | 7110303 | 3 | TS. Nguyễn Hoàng Nam (Chủ biên) | Môi trường |
| 9 | Các phương pháp tìm kiếm thăm dò DK cơ bản | 7060202 | 2 | TS. Lê Ngọc Ánh (Chủ biên) | Dầu khí |
| | | | | TS. Lê Văn Bình | |
| | | | | TS. Nguyễn Minh Hòa | |
| | | | | ThS. Bùi Thị Ngân | |
| | | | | ThS. Nguyễn Duy Mười | |

**3.2. Những tồn tại**

- Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả, bền vững trong công tác tư vấn tuyển sinh đại học và sau đại học (đặc biệt là một số ngành truyền thống);
- Sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng trong công tác quản lý đào tạo, quản lý người học, các khoa và bộ môn quản lý chuyên môn còn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, công tác giảng dạy, học tập và làm việc không tập trung dẫn đến các hoạt động khó triển khai hoặc không thể triển khai được;
- Chưa xây dựng được quy trình quản lý sinh viên linh hoạt, hiệu quả đối với sinh viên đại học của Nhà trường;
- Các khoa chuyên môn và các bộ môn còn gặp nhiều khó khăn trong việc mở mới các CTĐT, CTĐT chất lượng cao ở bậc đại học và sau đại học đặc biệt là công tác thanh quyết toán;
- Đã có những đợt thi để kiểm tra và nâng cao chất lượng Tiếng Anh nhằm đáp ứng chuẩn đầu vào/ra của sinh viên nhưng điều kiện và kết quả còn rất khiêm tốn;
- Chưa quyết liệt trong việc triển khai hình thức đào tạo E-learning trong Nhà trường;
- Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo, khảo thí, kiểm định CTĐT còn thiếu và chưa đồng bộ;
- Chưa xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường; việc cải tiến sau kiểm định trường và các CTĐT còn chậm;
- Chưa có kế hoạc tổng thể về công tác giáo trình, bài giảng trong toàn trường;
- Một số phòng ban chưa thực sự tham mưu và triển khai có hiệu quả các công việc có liên quan;
- Một số quy định và quy chế nội bộ của Nhà trường chưa khuyến khích động viên được cán bộ giảng viên trong công tác.

**3.3. Giải pháp**

***Đào tạo Đại học:***

- Tiếp tục triển khai các giải pháp quảng bá, tư vấn tuyển sinh phù hợp, hiệu quả với mục tiêu tuyển được ít nhất 3000 sinh viên đại học chính quy;
- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung bài giảng điện tử, tăng cường triển khai công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh với mục tiêu tuyển được ít nhất 50 sinh viên đại học từ xa;
- Ban hành các quy chế, quy định về các công tác mở ngành, bài giảng giáo trình, dạy học trực tuyến, liên kết đào tạo, tuyển sinh;
- Tăng cường tập huấn sử dụng edusoft tại các khoa, Phối hợp xây dựng các modul trên nền tảng di động phục vụ sinh viên và giảng viên;
- Xây dựng mới các CTDT theo hướng liên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội. Chủ động thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao và các

chương trình đào tạo tiên tiến cũng như các chương trình thuộc nhiệm vụ chiến lược của Trường;

***Đào tạo Sau đại học:***

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, tư vấn tuyển sinh. Xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo, bồi dưỡng sau đại học với nhu cầu xã hội và với các doanh nghiệp.

- Chú trọng công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.

- Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo sau đại học để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

- Chú trọng và thực hiện chặt chẽ hơn nữa việc thực hiện quy chế giảng dạy, học tập và nghiên cứu; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo; thực hiện tốt công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của học viên, từ đó đề ra các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến công tác lập và điều hành kế hoạch đào tạo cho hợp lý và khoa học hơn.

## 4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

### 4.1 Những kết quả đạt được

#### *4.1.1 Công tác khảo thí*

Trong năm học 2021-2022, công tác khảo thí được triển khai theo kế hoạch đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Do các địa phương trong cả nước tiếp tục bị ảnh hưởng bởi Dịch Covid-19 nên đối với sinh viên đại học, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần trực tuyến trong HK1, HK2A; tổ chức thi tập trung, trực tiếp trong HK2B và HK phụ. Đối với học viên cao học, các lớp K41 HK2, K42 HK1 đã được tổ chức thi trực tuyến vào tháng 9 và 10/2021; các lớp K42 HK2 được tổ chức thi vào tháng 2/2022; các lớp K43 HK1 được tổ chức thi vào tháng 4/2022.

Để triển khai tốt công tác khảo thí, Nhà trường đã điều chỉnh và ban hành các văn bản về quy định thi kết thúc học phần trong thời gian bị ảnh hưởng do dịch covid (Quyết định 774/QĐ-MĐC ngày 20/09/2021) và Quy định công tác khảo thí Trường Đại học Mỏ-Địa chất (Quyết định 1298/QĐ-MĐC ngày 20/12/2021).

*Đối với hệ Chính quy*, Trong năm học 2021-2022, thực hiện khảo thí tất cả các học phần có tổ chức giảng dạy nên tổng số bài thi thuộc diện khảo thí (Bảng 19) lớn hơn các năm học trước đây. Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi.

*Bảng 19. Tổng hợp hình thức thi, bài thi theo lịch thi các đợt trong năm học 2021-2022.*

| Học kỳ | Hình thức thi | Số phòng thi | Số thí sinh |
|---|---|---|---|
| Học kỳ 1A | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 24 | 817 |
| | Thực hành online | 6 | 240 |
| | Làm tiểu luận | 88 | 4416 |
| | Tiểu luận và vấn đáp online | 4 | 106 |
| | Vấn đáp online | 27 | 905 |
| | Trắc nghiệm online | 100 | 2894 |
| | Tự luận online | 23 | 636 |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 80 | 4118 |

| Học kỳ | Hình thức thi | Số phòng thi | Số thí sinh |
|---|---|---|---|
| Học kỳ 1B | Thực hành online | 13 | 584 |
| | Làm tiểu luận | 279 | 16593 |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 11 | 252 |
| | Vấn đáp online | 71 | 1981 |
| | Trắc nghiệm online | 581 | 18986 |
| | Tự luận online | 333 | 11177 |
| Học kỳ 2A | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 7 | 388 |
| | Làm tiểu luận | 36 | 2101 |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 2 | 25 |
| | Vấn đáp online | 11 | 400 |
| | Trắc nghiệm online | 65 | 1918 |
| | Tự luận online | 11 | 264 |
| Học kỳ 2B | Thực hành trên máy | 9 | 314 |
| | Tự luận | 486 | 27160 |
| | Trắc nghiệm | 231 | 15620 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 134 | 7928 |
| | Vấn đáp | 50 | 2277 |
| Học kỳ phụ | Thực hành trên máy | 1 | 37 |
| | Trắc nghiệm | 15 | 634 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 9 | 387 |
| | Tự luận | 24 | 573 |
| | Vấn đáp | 1 | 32 |
| **Tổng số** | | | **123731** |

Công tác chấm thi tập trung, trực tiếp cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: khẩn trương dán phách bài thi ngay sau khi buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Phần lớn giảng viên tham gia công tác khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, chấm thi. Công tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát công tác chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Thời gian nhận đơn và chấm bài phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được cập nhật trên hệ thống chung của toàn Trường. Số liệu phúc khảo bài thi trong năm học vừa qua như sau: Học kỳ 1 thi trực tuyến: 45 bài; Học kỳ 2A thi trực tuyến: 07 bài; Học kỳ 2B đợt 2 thi trực tiếp: 87 bài và Học kỳ phụ thi trực tiếp không có bài thi xin phúc khảo.

Các đợt thi tại các địa điểm xa trường được tổ chức theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ xét thực tập, xét đồ án tốt nghiệp cũng như xét học bổng cho các lớp sinh viên.

Đối với hệ VLVH, công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy trình khảo thí, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VLVH, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi cuối học phần được giảng viên gửi kèm đề thi, đáp án và bài thi để thông báo điểm và phục vụ công tác lưu giữ theo quy định.

Đối với bậc Sau đại học, công tác khảo thí được thực hiện đối với tất cả các ngành đào tạo và tại các địa điểm liên kết. Công tác tổ chức thi được thực hiện tại các địa điểm liên kết đào tạo do Phòng ĐBCLGD kết hợp cùng phòng SĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Nhà trường đã tổ chức thi kết thúc học phần trực tuyến cho các lớp cao học K41 HK2, K42 HK1 vào tháng 9 và 10/2021; các lớp K42 HK2 được tổ chức thi vào tháng 2/2022 (Bảng 20); các lớp K43

HK1 được tổ chức thi vào tháng 4/2022; K43 HK2 và K44 HK1 được tổ chức thi vào tháng 9/2022.

*Bảng 20. Tổng hợp số liệu học phần, bài thi cao học năm học 2021-2022*

| **Học kỳ** | **Hình thức thi** | **Số phòng thi** | **Số thí sinh** |
|---|---|---|---|
| K42 HK2 (thi trực tuyến) | Làm tiểu luận | 197 | |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 3 | |
| | Vấn đáp online | 12 | |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 24 | |
| | Tự luận online | 10 | |
| | Trắc nghiệm online | 3 | |
| K43 HK1 | Làm tiểu luận | 266 | 2858 |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 6 | 78 |
| | Vấn đáp online | 14 | 246 |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 11 | 70 |
| | Tự luận online | 19 | 132 |
| | Trắc nghiệm online | 3 | 23 |
| K43 HK2 | Làm tiểu luận | 218 | 2160 |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 1 | 28 |
| | Vấn đáp online | 3 | 48 |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 37 | 341 |
| | Tự luận online | 12 | 108 |
| | Trắc nghiệm online | 3 | 23 |
| | Tự luận (thi tập trung, trực tiếp) | 35 | 507 |
| K44 HK1 | Làm tiểu luận | 100 | 1055 |
| | Vấn đáp online | 7 | 99 |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 11 | 73 |
| | Tự luận online | 2 | 15 |
| | Trắc nghiệm online | 1 | 7 |
| | Tự luận (thi tập trung, trực tiếp) | 14 | 175 |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 3 | 18 |
| | | **1015** | **8064** |

***Nhận xét, đánh giá chung:*** Công tác khảo thí đã được tổ chức tốt theo kế hoạch giảng dạy; giúp cho sinh viên, học viên các khóa học có điểm thi kết thúc học phần đúng thời hạn, thuận lợi cho công tác xử lý kết quả học tập hàng kỳ, xét khen thưởng, xét học bổng, xét tốt nghiệp cho sinh viên cũng như xét điều kiện bảo vệ và đánh giá tốt nghiệp của học viên cao học. Nhà trường đã điều chỉnh, ban hành Quy định về công tác khảo thí cập nhật theo Quyết định 1298/QĐ-MĐC ngày 20/12/2021, tổ chức khảo thí tất cả các học phần có xếp lịch thi theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐU Trường.

***4.1.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ tin học***

Trong năm học 2021 - 2022, nhằm tạo điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên đặc biệt là những sinh viên khóa cũ đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa đạt Chuẩn đầu ra, Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị chức năng liên tục tổ chức các đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp. Cụ thể, Trung tâm đã tổ chức 7 đợt kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra công nghệ thông tin cho 5.968 lượt sinh viên. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở bảng 21:

*Bảng 21. Số sinh viên tham dự kiểm tra trình độ ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin năm học 2021 - 2022*

| Đợt kiểm tra | Ngoại ngữ | | | Tin học | | | Địa điểm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | |
| Đợt 4 (09/2021) | 319 | 235 | 73,67% | 213 | 165 | 77,46% | Hà Nội |
| Đợt 5 (09/2021) | 14 | 14 | 100,00% | 14 | 14 | 100,00% | Bình Phước |
| Đợt 6 (11/2021) | 276 | 268 | 97,10% | 205 | 193 | 96.06% | Hà Nội Quảng Ngãi |
| Đợt 7 (01/2022) | 419 | 333 | 79,47% | 657 | 591 | 89,95% | Hà Nội |
| Đợt 1 (03/2022) | 1090 | 878 | 80,55% | 887 | 728 | 82,07% | Hà Nội |
| Đợt 2 (05/2022) | 760 | 687 | 90,39% | 653 | 556 | 85,15% | Hà Nội |
| Đợt 3 (07, 09/2022) | 213 | 139 | 65,23% | 248 | 204 | 82,26% | Hà Nội |
| **Cộng** | **3,091** | **2,554** | 82,63% | **2,877** | **2,451** | 85.12% | |

Nhìn vào bảng thống kê cho thấy, tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 3,091 sinh viên, số sinh viên đạt là 2,554 sinh viên, chiếm tỷ lệ 82.63%; tổng số sinh viên dự thi tin học là 2,877 sinh viên, số sinh viên đạt là 2,451 sinh viên, chiếm tỷ lệ 85.12%.

*Bảng 22. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, tin học năm học 2020-2021 và năm học 2020-2021*

| | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Tăng/Giảm |
|---|---|---|---|
| **Tổng số thí sinh** | **5190** | **5968** | +778 |
| Ngoại ngữ | 2925 | 3091 | +166 |
| Tin học | 2265 | 2877 | +612 |
| **Số thí sinh đạt** | **3464** | **5005** | +1541 |
| Ngoại ngữ | 1733 | 2554 | +821 |
| Tin học | 1731 | 2451 | +720 |

So với năm học trước, số lượng sinh viên tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ tăng và sinh viên được tập huấn, chuẩn bị kỹ trước khi thi dẫn đến tỷ lệ đạt Chuẩn đầu ra cũng tăng lên.

Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ ,công nghệ thông tin, trong năm học 2021 – 2022, Trung tâm cũng đã tổ chức 04 đợt kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ cho 2.215 sinh viên, trong đó có 622 sinh viên K65 và 1593 sinh viên K66. Kết quả kiểm tra là cơ sở để Nhà trường phân loại và sắp xếp các lớp học phù hợp với trình độ của sinh viên.

Trong năm học 2021 – 2022, Trung tâm đã làm thủ tục cấp, phát 2177 chứng nhận cho sinh viên, trong đó có 1108 chứng nhận ngoại ngữ và 1069 chứng nhận tin học. Điều này chứng tỏ sinh viên càng ngày càng tín nhiệm các chứng nhận do Nhà trường cấp, tự tin sử dụng các chứng nhận này khi tham gia tuyển dụng tai các đơn vị sử dụng lao động.

***4.1.3. Công tác đảm bảo chất lượng***

Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019; Nhà trường đã ban hành quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 11/11/2019 về Cấu trúc tổ chức, mô hình và hoạt động ĐBCLGD bên trong của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo QĐ số 508/QĐ-MĐC ngày 3/6/2022, trong đó có các mức hỗ

trợ công tác ĐBCL cấp CTĐT và cấp Trường đối với các khoa chủ quản CTĐT và các đơn vị chức năng liên quan trong Trường.

Trong năm học vừa qua, kế hoạch đảm bảo chất lượng đã được xây dựng và thực hiện: khảo sát về chất lượng giảng dạy của giảng viên và môn học, lấy ý kiến/thông tin về sinh viên tốt nghiệp, ý kiến của nhà sử dụng lao động về nội dung, chương trình đào tạo; triển khai công tác cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động trong Nhà Trường sau đánh giá ngoài. Nhà trường duy trì việc tiếp tục là thành viên Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á – AUN.

Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 04 CTĐT đại học cho khoa Cơ-Điện; khoa Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ; Chương trình tiên tiến. Nhà trường đã hoàn thành Báo cáo TĐG 03 CTĐT và phục vụ công tác ĐGN đánh giá ngoài (KSSB, KSCT) đối với 03 CTĐT: Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Quản lý đất đai trong tháng 9 và 10/2022. Nhà trường đang triển khai công tác tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ: Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất và Kỹ thuật trắc địa - bản đồ theo Thông báo số 190/TB-MĐC ngày 07/04/2022. Hiện nay, Nhà trường đang triển khai công tác xây dựng Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD đối với 04 CTĐT đã kiểm định năm 2019 theo Thông báo số 488/MĐC-ĐBCL ngày 13/9/2022: Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kế toán; Quản trị kinh doanh.

***Nhận xét, đánh giá chung:*** Công tác đảm bảo chất lượng đã và đang được tiếp tục đẩy mạnh trong năm học vừa qua: hoàn thành ĐGN 03 CTĐT đại học; triển khai TĐG 03 CTĐT thạc sĩ; xây dựng Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD đối với 04 CTĐT đã kiểm định năm 2019.

### 4.2 Những tồn tại

***Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng***

Quy định về công tác ĐBCLGD Trường, Hội đồng ĐBCL Trường cũng như Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường (mô hình mạng lưới, cơ cấu tổ chức) đã được xây dựng, ban hành nhưng khi triển khai các hoạt động còn bộc lộ sự thiếu chuyên nghiệp và hạn chế.

Việc cải tiến chất lượng sau kiểm định 11 CTĐT (4 CTĐT 2019 và 7 CTĐT 2020) trong năm qua còn diễn ra chậm.

Chưa xây dựng được kế hoạch cải tiến chất lượng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT theo theo tiêu chuẩn AUN-QA đối với Chương trình Kỹ thuật hóa học (Chương trình Tiên tiến) của Nhà trường.

***Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra tin học ngoại ngữ***

Do dịch bệnh diễn biến phức tạp, để đảm bảo phương án phòng dịch mà vẫn tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp ra trường nên trong năm học vừa qua, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đã phối hợp với các phòng ban chức năng trong Nhà trường tổ chức kiểm tra Chuẩn đầu ra trực tuyến. Tuy nhiên, do tổ chức thi CĐR trực tuyến, dẫn đến tình trạng nhiều sinh viên không có đầy đủ các thiết bị máy tính phục vụ kiểm tra, đặc biệt là các sinh viên khóa cũ đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa đạt chuẩn đầu ra, điều này cũng ảnh hưởng đến công tác tổ chức và kết quả đạt của sinh viên sắp tốt nghiệp.

### 4.3 Giải pháp

***Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng***

- Rà soát, kiện toàn mạng lưới nhân sự và vận hành hiệu quả Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Rà soát, xây dựng các quy định bổ sung và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về ĐBCL.
- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về công tác đảm bảo chất lượng CSGD và CTĐT; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác ĐBCL.
- Thực hiện các nội dung đúng hạn trong kế hoạch ĐBCLGD đã đề ra trong năm học 2022-2023.
- Phát triển và nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào các hoạt động của khảo thí và ĐBCL trong Trường;
- Rà soát, xây dựng hệ thống thông tin ĐBCL trong Nhà trường và trong mỗi CTĐT.

***Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra tin học ngoại ngữ***

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ sinh viên trong công tác cài đặt và chuẩn bị cài đặt máy móc thiết bị phục vụ thi, đáp ứng yêu cầu.

- Tăng cường mở các đợt thi CĐR trực tiếp và trực tuyến để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tham gia ngay sau khi chuẩn bị đủ điều kiện và đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định.

**5. Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp**

**5.1. Những kết quả đạt được**

***5.1.1 Công tác tư vấn tuyển sinh***

Trong năm học qua, Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch truyền thông tư vấn tuyển sinh cụ thể và chi tiết. Tuy nhiên, năm học 2021 – 2022 vẫn chiuu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh được thực hiện theo phương thức kết hợp linh hoạt giữa trực tiếp và trực tuyến, trong đó lấy trực tuyến làm chủ đạo, lấy trực tiếp làm phương tiện cụ thể hóa kết quả

*Truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp:*

Đã tham gia Ngày hội TVTS (ngày 08/5) và Ngày hội xét tuyển Đại học cao đẳng năm 2022 (ngày 24/7) do Bộ Giáo dục và Đào tạo, phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Đại học Bách Khoa Hà Nội; Tham gia TVTS theo tỉnh đoàn Quảng Ninh (ngày 26/4), Thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 07 trường THPT tại Hà Nội (THPT Phùng Khắc Khoan (12/4), THPT Nguyễn Thị Minh Khai (ngày 20/4), THPT Thượng Cát, THPT Xuân Đỉnh, THPT Hoài Đức A, THPT Đại Mỗ, THPT Hồng Thái), TVTS trực tiếp tại 08 trường THPT trên địa bàn tỉnh Nam Định; treo băng rôn và phát tờ thông tin TVTS tại 30 điểm trường THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, nơi Trường Đại học Mỏ - Địa chất tham gia thanh tra, giám sát trong kỳ thi THPT Quốc gia ;

*Truyền thông tư vấn tuyển sinh online:*

Sử dụng rất hiệu quả kênh truyền thông qua mạng xã hội để quảng bá thông tin tuyển sinh tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Trang facebook chính thức của HUMG từ năm 2021 số lượng thích trang là 43.600 sang năm 2022 số lượng người thích trang là 56.000 người (tăng 128% so với năm 2021); Đã thực hiện 71 chiến dịch quảng cáo thông tin hình ảnh của Trường, thông tin tuyển sinh của Trường qua các bài viết trên mạng xã hội, Zalo OA; tổng số lượng tương tác với các bài viết và bài quảng cáo là 1.452.852 lượt, tổng số lượng tương tin nhắn là 3.344 tin nhắn.

Thực hiện 01 chương trình Livestream: "Chọn chuẩn Trường, đi chuẩn đường" ngày 09/6/2022 giải đáp thắc mắc, tư vấn tuyển sinh giới thiệu về ngành nghề đào tạo thu hút hàng chục nghìn người quan tâm, theo dõi trực tiếp.

Thực hiện 04 chiến dịch (26 videoclip) công tác truyền thông tuyển sinh đại học trên kênh Tiktok 2022 thu hút hàng chục nghìn người quan tâm, theo dõi trực tiếp.

*Tư vấn tuyển sinh qua hình thức gọi điện thoại và trả lời tin nhắn;*

Đã trả lời hàng chục ngàn tin nhắn về tuyển sinh offline và online (thường tập trung từ 17h00 - 01h00); Đã liên hệ trực tiếp cho gần 10000 thí sinh đăng ký và 5009 thí sinh trúng tuyển vào trường theo hình thức xét học bạ và xét theo kết quả thi THPT.

Năm thứ hai triển khai tin nhắn thương hiệu SMS Brandname trong việc thông tin đến thí sinh về quả trúng tuyển theo hình thức xét học bạ; thông báo trúng tuyển theo kết quả thi THPT và thông báo mời thí sinh đến trường nhập học. Tin nhắn thương hiệu đã tiếp tiếp tục phát huy tính nhanh chóng, hiệu quả. Tạo kết nối thông tin nhanh chóng giữa Nhà trường và thí sinh

Kết quả: Từ các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh nói trên, mùa tuyển sinh năm 2022 đã được đánh giá là có kết quả tốt hơn so với nhiều năm trước đây.

Kết quả: Từ các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh nói trên, mùa tuyển sinh năm 2021 đã được đánh giá là có kết quả tốt hơn so với nhiều năm trở lại đây.

### *5.1.2. Công tác truyền thông*

Trong năm học 2021 - 2022, Phòng Quan hệ Công chúng và doanh nghiệp đã thực hiện tốt công tác truyền thông nội bộ và truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

*Công tác truyền thông nội bộ:*

*Công tác truyền thông nội bộ:* Đã thực hiện 104 tin bài trên website humg.edu.vn về các sự kiện của Nhà trường; 95 bài viết trên website tuyển sinh (ts.humg.edu.vn) về các thông tin tuyển sinh và thông tin hữu ích cho tân sinh viên; đã tham dự và chụp ảnh và ghi hình cho hơn 100 sự kiện về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, văn hóa, xã hội, hợp tác quốc tế hoạt động ngoại khóa của cán bộ và sinh viên Nhà trường. Tin tức luôn cập nhật nhanh chóng và kịp thời.

Quản trị tốt và phát huy hiệu quả các kênh mạng xã hội, cụ thể đã thực hiện 263 tin bài, 55 clip trên fanpage của trường; thực hiện 109 bài viết nhiêu bài trên kênh zalo OA; Tối ưu hóa kênh Youtube của trường theo đề mục, thuận tiện cho việc tìm kiếm tư liệu hình ảnh về Trường.

Đã thực hiện gần 300 pano điện tử phục vụ công tác truyền thông nội bộ, công tác tư vấn Thực hiện gần 65 nội dung trang trí khánh tiết trên các pano khổ lớn, bandrol, backdrop, cho các sự kiện lớn của Đảng, Nhà nước và của Nhà trường.

*Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng:*

Thực hiện tốt việc quản trị hình ảnh, thương hiệu của HUMG trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong năm học vừa qua, hơn 40 nội dung tin tức về các hoạt động của HUMG, đặc biệt là các thông tin tuyển sinh đã được đăng tải trên báo chí, truyền hình từ Trung ương đến địa phương. Đã có kết nối tốt với các cơ quan truyền thông để nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu hình ảnh của HUMG.

### *5.1.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp*

Năm học 2021 - 2022, Nhà trường đã tiếp tục triển khai các thoả thuận hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp trong đó có những đối tác chiến lược, gắn bó mật thiết với các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường như: Hợp tác 7 trường Đại học Kỹ thuật hàng đầu Việt Nam về truyền thông, về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Tổng Công ty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP); Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIỂN ĐÔNG POC); Cục Bản đồ, Bộ Tổng Tham mưu (Bộ Quốc Phòng); Tổng công ty Đông Bắc; Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)…

Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai ký mới thỏa thuận hợp tác với Quỹ hỗ trợ Phát triển Thanh niên (FYE); Công ty TNHH TMDV Think Smart; Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin (VMIC); Công ty Phát triển Phần mềm Xây dựng Aureole (ACSD); Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát đã được ký kết trước đây.

Đặc biệt quan tâm trao đổi cùng các đơn vị cơ quan, doanh nghiệp trong việc cam kết tiếp nhận sinh viên thực tập, tạo việc làm bán thời gian cho sinh viên, tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp vào làm việc; tài trợ học bổng cho quỹ khuyến học HUMG với hơn 1,5 tỷ đồng…

Trước diễn biến phức tạp của Covid-19, sinh viên từ học tập tập trung phải học tập online tại nhà. Để kịp thời hỗ trợ cho sinh viên nhiều hoạt động xúc tiến việc làm cho sinh viên đã được triển khai như: Liên tục đăng tải thông tin tuyển dụng trên Cổng thông tin việc làm HUMG, tổ chức các buổi tuyển dụng trực tiếp tại Trường như Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn, Công ty TNHH LG Display, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty INSEE Việt Nam…; tổ chức giới thiệu việc làm cho 28 doanh nghiệp tham gia và có tới hơn 300 vị trí việc làm.

Song song với việc hỗ trợ việc làm thì công tác hướng nghiệp, trang bị kỹ năng cho sinh viên cũng là khâu hết sức quan trọng. Ngày 01,02 & 08/10/2022, Nhà trường tiếp tục phối hợp cùng Hội đồng Anh tổ chức đợt 3 khóa tập huấn "Lan tỏa công dân tích cực – Doanh nghiệp xã hội" cho sinh viên. Chương trình phát triển kỹ năng lãnh đạo xã hội, thúc đẩy đối thoại đa văn

hóa và trách nhiệm với xã hội được coi là những kỹ năng chủ đạo của các lãnh đạo trẻ trong thế kỷ 21.

Về khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt 64,70% (1107/1711sv). Theo đó Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm là 1027 sinh viên, đạt 92,77%.

Vào tháng 10/2022 cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo HUMG 2022" đã được khởi động với 10 khoa chuyên môn và chương trình tiên tiến. Dự kiến ngày 25/12/2022 sẽ chốt hồ sơ đăng ký và tuyển chọn các đề tài đạt yêu cầu vào dự thi.

Nhìn chung, năm học 2021 – 2022 với diễn biến phức tạo của dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên các hoạt động hợp tác doanh nghiệp, hướng nghiệp, khởi nghiệp và việc làm sinh viên gặp rất nhiều khó khăn cho Nhà trường và doanh nghiệp.

**5.2 Những tồn tại**

***Công tác tư vấn tuyển sinh***

*Hạn chế*

- Các chất liệu truyền thông chưa thực sự phong phú (rất thiếu những chất liệu truyền thông mang tính thực tế, có sức thu hút và hấp dẫn, đúng tâm lý và thị hiếu khách hàng)
- Công tác truyền thông cho những ngành khó tuyển sinh gặp nhiều khó khăn
- Công tác truyền thông TVTS nhiều khi còn chưa kịp thời
- Công tác TVTS qua hình thức gọi điện thoại, tin nhắn thương hiệu còn gặp nhiều bất cập khi triển khai nên đôi khi chưa kịp tiến độ.

*Nguyên nhân*

- Bộ phận nhân sự rất thiếu đặc biệt về mảng truyền thông đa phương tiện (thiếu các vị trí công việc như: phóng viên; biên tập viên; kỹ thuật viên);
- Trang thiết bị cơ sở vật chất không đồng bộ, thiếu rất nhiều thiết bị tối thiểu để thực hiện một chương trình có chất lượng cao;
- Thiếu đội ngũ báo cáo viên, diễn giả có chuyên môn nghiệp vụ và khả năng truyền cảm hứng tốt;
- Các đơn vị trong trường đặc biệt là các khoa có những ngành khó tuyển sinh phối hợp với phòng chức năng còn lỏng lẻo, thụ động, nhận thức về truyền thông còn hời hợt;
- Tính kế hoạch trong công tác truyền thông còn chưa cao; nhiều khi bị động trong công việc.
- Chế độ bồi dưỡng thêm cho các cán bộ trực tiếp làm công tác tư vấn tuyển sinh chưa hợp lý, đặc biệt là công tác Tư vấn ngoài giờ hoặc thực hiện công việc vào những ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật)
- Việc phê duyệt dự toán kinh phí đôi khi còn chưa linh hoạt, chưa phù hợp với thực tiễn. Đối với những công việc đột xuất, việc xin dự toán kinh phí đột xuất rất khó khăn.

***Công tác truyền thông***

*Hạn chế*

- Tính liên kết trong mạng lưới truyền thông nội bộ chưa cao;
- Công tác tuyên truyền các sự kiện lớn của Đất nước, của Nhà trường và của các ngành liên quan đôi khi còn chưa kịp thời.
- Công tác truyền thông nhiều khi chưa bao quát hết các mảng công tác của các Khoa và các đơn vị trong trường.

*Nguyên nhân*

- Chưa thực sự quan tâm và đầu tư cho công tác truyền thông nội bộ của tổ chức; Phương thức truyền thông nội bộ hiện nay đang theo hướng manh mún, nhỏ lẻ mà chưa theo một định hướng chung;
- Việc chồng chéo trong chức năng nhiệm vụ của đơn vị, dẫn đến có sự kiện thì nhiều đơn vị làm xong có sự kiện không biết thuộc trách nhiệm của đơn vị nào (việc này đã được PHT phụ trách phân xử vào những tháng cuối cùng của năm học)
- Tính phối hợp giữa các đơn vị trong trường về công tác truyền thông chưa cao;

***Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp***

*Hạn chế*

- Hợp tác doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, chưa đem lại hiệu quả cao;
- Công tác hướng nghề, hướng nghiệp chưa phát huy được hiệu quả và thế mạnh của Nhà trường;
- Hỗ trợ việc làm còn chưa đáp ứng được mong muốn và nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng;
- Công tác khởi nghiệp chưa lan tỏa, còn mang tính chất cuộc thi.

*Nguyên nhân*

- Dữ liệu về doanh nghiệp chưa được thống kê, chuyển giao, cập nhật đầy đủ;
- Chưa xây dựng được cơ chế liên kết chặt chẽ giữa Phòng – Khoa; giữa Nhà trường - Doanh nghiệp trên cơ sở win – win;
- Công tác đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội;
- Chất lượng và ý thức của sinh viên ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu HUMG;
- Dịch bệnh phức tạp và kéo dài dẫn đến thay đổi hình thái tổ chức từ offline thành online, từ tập trung thành phân tán..

**5.3 Giải pháp**

***Công tác tư vấn tuyển sinh***

- Tuyển dụng mới những cán bộ có năng lực chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành của các vị trí việc làm đang còn thiếu khuyết;
- Cho phép cán bộ đang có đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc;
- Trang bị cơ sở vật chất (theo yêu cầu, có tham khảo chuyên môn của các đơn vị truyền thông chuyên nghiệp) để đảm bảo thiết bị mua về sử dụng được lâu dài và có chất lượng;
- Xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn, có cơ chế chi trả thù lao hợp lý cho cán bộ tham gia công tác báo cáo viên, diễn giả, người truyền cảm hứng trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh;
- Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, tính phố hợp của các khoa trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh;
- Xây dựng kế hoạch truyền thông Tư vấn tuyển sinh để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả, tránh bị động, vội vàng.

***Công tác truyền thông***

- Xây dựng mạng lưới (website, group) truyền thông nội bộ, kênh thông tin chia sẻ và thấu hiểu, thực sự là nơi gửi gắm các thông điệp truyền thông có ích từ lãnh đạo tới nhân viên và ngược lại (truyền thông 2 chiều tích cực)
- Quy định lại chức năng của đơn vị theo đúng nội hàm và ngoại diên phù hợp theo tên đơn vị.
- Xây dựng Quy tắc phối hợp trong công tác truyền thông nội bộ.

***Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp***

- Tập trung các cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cựu sinh viên và tập hợp về một mối;
- Gia tăng các hoạt động quan hệ doanh nghiệp một cách sâu sắc và gắn kết trên cơ sở win – win;
- Đẩy mạnh và đẩy sớm các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng như: Bồi dưỡng kỹ năng học tập cho sinh viên năm 1; kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên năm 2.
- Gia tăng các hoạt động hướng nghề hướng nghiệp tại các đơn vị ký kết hợp tác thỏa thuận như: Tham quan nhà máy, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh dành cho sinh viên năm 2, tổ chức thực tập môn học cho sinh viên năm 3; tổ chức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên năm 4.
- Kêu gọi doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình tuyển sinh, đào tạo và chuyển giao khoa học – kỹ thuật.
- Tháo gỡ nút thắt cơ chế, chế độ cho giáo viên, sinh viên và người làm công tác khởi nghiệp.

- Tiếp tục học tập các mô hình hay về khởi nghiệp sáng tạo trong hệ thống giáo dục đại học.

**6. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên**

**6.1. Những kết quả đạt được**

***6.1.1. Công tác sinh viên***

Hàng năm, Phòng Công tác chính trị - Sinh viên xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trong năm học theo hướng dẫn đầu năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Xây dựng kế hoạch công tác sinh viên năm học 2021 - 2022; Kế hoạch tổ chức các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường; Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, Kế hoạch Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, Kế hoạch tổ chức Sinh hoạt lớp.... Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên, Phòng CTSV thực hiện theo đúng kế hoạch của Nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tuyên truyền, tôn vinh các tấm gương sinh viên tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai các hoạt động hưởng ứng cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh….và nhiều cuộc thi có ý nghĩa khác.

Tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm bằng nhiều hình thức: Tuyên truyền qua Pano, qua trang web, facebook…

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, với tinh thần chủ động phối hợp hoạt động tốt giữa phòng chức năng và các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Trường. Năm 2021 - 2022, đã triển khai tốt các hoạt động văn thể theo đúng kế hoạch đề ra như: hội khỏe truyền thống sinh viên; giải bóng đá nam cán bộ, nam sinh viên, giải bóng rổ nam, nữ sinh viên, giải bóng chuyền cán bộ, bóng chuyền sinh viên...

Ngoài các hoạt động văn thể còn có các chương trình phục vụ sự kiện của Nhà trường như: Lễ khai giảng năm học mới; lễ trao bằng cho sinh viên hệ chính quy; lễ trao bằng cho sinh viên sau đại học, tiến sỹ; lễ kỷ niệm ngày Thành lập Trường và ngày Nhà giáo Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam…

Tổ chức hiệu quả Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa, đầu năm cho sinh viên toàn Trường tại các cơ sở đào tạo Hà Nội. Nội dung sinh hoạt đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…). Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng CTSV và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất. Tổ chức lớp học, lịch học nghiêm túc, hiệu quả. Số sinh viên tham gia sinh hoạt đạt 98%;

Tổ chức hiệu quả buổi Sinh hoạt lớp đầu mỗi học kỳ để đánh giá điểm rèn luyện sinh viên các khóa.

Tổ chức hiệu quả hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên: Hội nghị đối thoại là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức có hiệu quả các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường, đặc biệt là sinh viên năm đầu và sinh viên năm cuối nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên.

Thường xuyên tuyên truyền, triển khai các thông báo tới sinh viên qua trang web, qua hệ thống các fanpage chính thống của Phòng CTSV và của Nhà trường nhằm hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng thông tin trên internet, mạng xã hội phục vụ việc học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí lành mạnh

*6.1.2. Công tác hỗ trợ sinh viên*

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên có khó khăn trong việc đăng ký ghép lớp, hủy học phần, đăng ký môn học, xin quay trở lại học tập..., đề xuất giải pháp phát hiện cảnh báo sớm học tập sinh viên.

Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp.

Tổ chức có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sinh viên (xử lý các giấy tờ liên quan đến công tác sinh viên, bảo hiểm thân thể …) giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với sinh viên. Trong năm học 2021 - 2022, giải quyết thủ tục miễn giảm học phí cho 287 sinh viên với tổng số tiền miễn giảm hơn 1.3 tỷ đồng.

Tìm kiếm và sử dụng nhiều nguồn học bổng giá trị hỗ trợ sinh viên. Năm học 2021 - 2022 xét duyệt 1.847 suất học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên với tổng giá trị gần 10 tỷ đồng, xét duyệt 30 suất học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Nhà trường.

Công tác hỗ trợ sinh viên trong mùa dịch covit được giải quyết kịp thời, hiệu quả.

**6.2. Những tồn tại**

- Công tác xét khen thưởng và chi trả học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ.
- Tình trạng sinh viên còn nợ chuẩn đầu ra tin/ngoại ngữ ở mức cao.
- Công tác chi trả học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ. (nguyên nhân là do điểm các môn học của sinh viên cập nhật bị chậm, số tài khoản của sinh viên tự kê khai còn nhiều sai sốt, nhầm lẫn)
- Công tác xét miễn giảm học phí cho sinh viên còn nhiều khó khăn chậm trễ do không được tiếp cận với hệ thống số tài khoản của sinh viên.
- Khó khăn trong việc cập nhật thông tin còn thiếu của những sinh viên khóa mới do sinh viên nhập học rải rác nên không lấy được thông tin của sinh viên ngay từ đầu.
- Công tác cảnh báo sớm học tập sinh viên chưa được tổ chức thực hiện, dẫn đến việc chậm trễ trong công tác xử lý các tác vụ học tập của sinh viên và sự phối hợp với gia đình người học.

**6.3. Giải pháp**

- Hoàn thiện nâng cao hệ thống cảnh báo sớm tình trạng học tập của sinh viên;
- Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học hoàn thiện chu trình và quy chế đào tạo;
- Cải thiện chất lượng quản lý sinh viên;
- Phối hợp hiệu quả với các phòng, khoa, ban trong Nhà trường để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chung;
- Giải quyết triệt để, kịp thời khen thưởng, học bổng, miễm giảm học phí cho sinh viên;
- Tăng cường phối hợp với các cơ quan pháp luật, các ngành, địa phương; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường trong công tác quản lý sinh viên.

**7. Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản**

**7.1. Những kết quả đạt được**

*7.1.1 Hoạt động nghiên cứu khoa học*

Năm học 2021-2022, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện:

- 29 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 06 đề tài thuộc chương trình cấp Quốc gia, 18 đề tài NCCB trong KHTN (Nafosted), 05 đề tài do Bộ Công thương quản lý.
- 58 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm: 39 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp, 01 nhiệm vụ hợp tác song phương và 19 đề tài triển khai mới được giao năm 2022, 01 dự án nâng cấp Tạp chí chuyển tiếp; 03 đề tài KH&CN cấp Bộ Xây dựng, 03 đề tài KH&CN do Bộ Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ quản, 03 nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh.

Về kết quả thực hiện, đã có 16 đề tài, nhiệm vụ được nghiệm thu cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh (04 đề tài đạt loại xuất sắc, 12 đề tài xếp loại đạt).

Trường đã gắn mục tiêu thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ CBGD của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao

công nghệ là tài liệu phong phú đóng góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo.

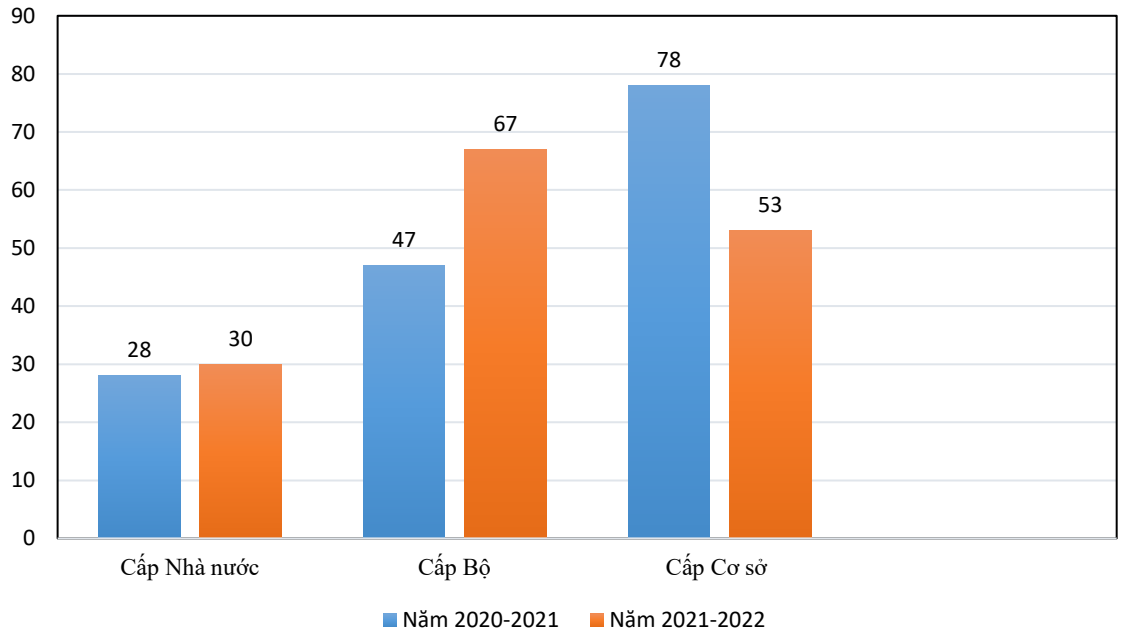
- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Nhà trường đã ưu tiên, khuyến khích NCS, học viên cao học được tham gia, chủ trì thực hiện các đề tài KHCN dưới nhiều hình thức; bổ sung hình thức thực hiện đề tài cấp cơ sở bằng nguồn kinh phí khác; nhiệm vụ KHCN phục vụ mở mới ngành nghề đào tạo. Chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt, một số đề tài NCKH cấp cơ sở có đăng ký sản phẩm đầu ra là bài báo ISI, Scopus với mức kinh phí hỗ trợ lên đến gần 100 triệu đồng/đề tài. Đa số các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước. Năm học 2021-2022, Nhà trường đã tổ chức nghiệm thu 37 đề tài/nhiệm vụ theo đúng quy định của Nhà trường. Năm 2022 nhà trường triển khai mới 53 đề tài nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.460.000.000đ

- Bên cạnh việc thực hiện đề tài KHCN các cấp, hoạt động sinh hoạt học thuật của đội ngũ cán bộ giảng dạy vẫn được duy trì tốt và triển khai rộng rãi tại các bộ môn, khoa trong điều kiện chịu ảnh hưởng của dịch Covid.

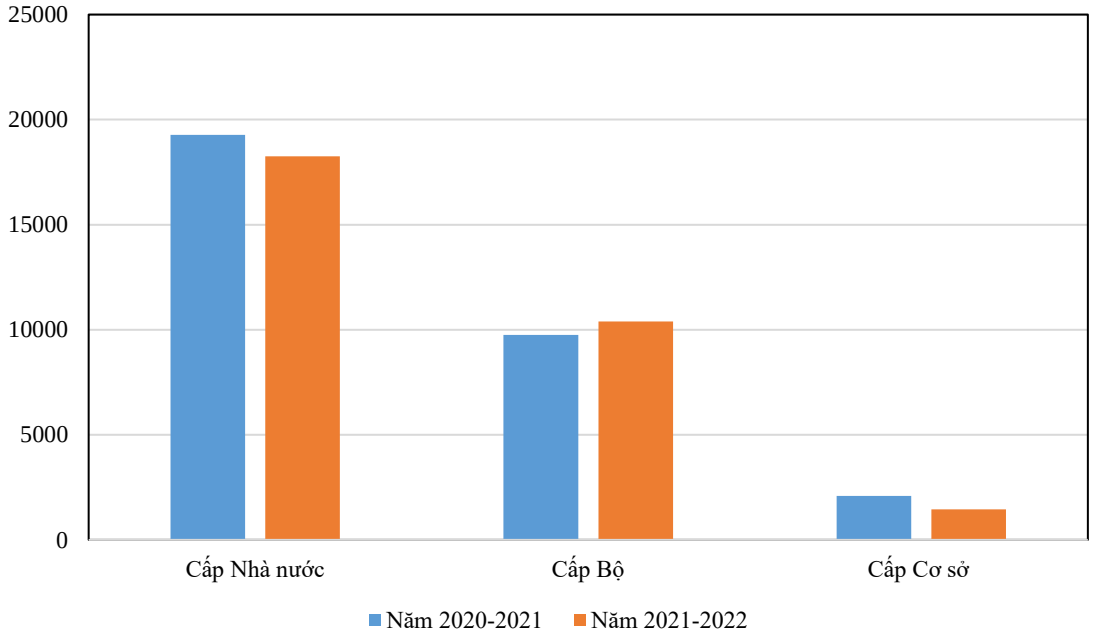
*Bảng 23. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp*

| Nội dung | Năm 2020-2021 | | Năm 2021-2022 | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Kinh phí cấp (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí cấp (triệu đồng) |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước | 28 | 19.278 | 30 | 18.258 |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ/tương đương | 46 | 9.757 | 67 | 10.401 |
| Nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở | 78 | 2.093 | 53 | 1.460 |

*(số liệu cập nhật đến ngày 30/9/2022)*




*Hình 2: Số lượng đề tài các cấp năm học 2020-2021 và 2021-2022*




*Hình 3: Kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2020-2021 và 2021-2022*

*Bảng 24. Thống kê công tác NCKH theo Khoa năm 2021-2022*

| **Đơn vị** | **Đề tài cấp NN** | **Đề tài cấp Bộ** | **Đề tài cấp cơ sở** |
|---|---|---|---|
| Khoa Công nghệ thông tin | 2 | 4 | 4 |
| Khoa Cơ - Điện | 2 | 3 | 5 |
| Khoa Dầu khí | 6 | 3 | 6 |
| Khoa Khoa học cơ bản | 1 | 6 | 6 |
| Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 10 | 16 | 5 |
| Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 0 | 0 | 7 |
| Khoa Mỏ | 5 | 6 | 5 |
| Khoa Môi trường | 0 | 3 | 5 |
| Khoa Lý luận chính trị | 1 | 0 | 1 |
| Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ | 2 | 11 | 5 |
| Khoa Xây dựng | 1 | 15 | 2 |
| Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 0 | 1 |
| Khối Hiệu bộ | 0 | 0 | 1 |
| Tổng | 30 | 67 | 53 |

***Đánh giá chung:*** Tổng số nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ tăng về số lượng, tuy nhiên kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước giảm so với năm học 2020-2021 do tiến độ cấp kinh phí của cơ quan quản lý cấp trên bị chậm so với kế hoạch. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN của Trường tập trung chủ yếu vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt. Nhìn chung, hầu hết các đề tài đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, nội dung chuyên môn. Tuy nhiên, chủ nhiệm và nhóm thực hiện một số đề tài còn chưa tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, chưa đảm bảo chất lượng các sản phẩm trung gian, sản phẩm khoa học của đề tài. Tình trạng chậm tiến độ do không đủ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là công bố bài báo quốc tế là sản phẩm của đề tài vẫn còn xảy ra.

***Những tồn tại, hạn chế:*** Nguồn kinh phí cấp để thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm. Ý thức tổ chức thực hiện của một số nhóm thực hiện đề tài chưa cao, chưa chủ động.

*Công tác thông tin khoa học*

Do tình hình dịch bệnh Covid -19 dẫn đến nhiều hội thảo, hội nghị tạm thời dừng tổ chức. Số báo cáo tại các Hội nghị, hội thảo giảm so với năm học 2020-2021. Tuy nhiên do áp dụng nền tảng công nghệ thông tin, linh hoạt trong việc tổ chức nên hoạt động trao đổi học thuật giữa các đơn vị trong và ngoài nước vẫn được duy trì tương đối hiệu quả.

Năm học 2021 - 2022, Nhà trường chủ trì tổ chức:

+ 01 Hội nghị Khoa học quốc tế Economic Managenment in Mineral Activitives - EMMA6 (3/2022); phối hợp với đối tác nước ngoài tổ chức Hội nghị hợp tác quốc tế lần thứ 6 "Scientific research cooperation between Vietnam and Poland 10/11/2021 (Pol-Viet 2021).

+ 02 Hội thảo quốc gia: Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Cơ khí – Điện – Tự động hóa MEAE 2021(12/2021); Hội nghị khoa học Quốc gia "Công nghệ Địa không gian trong Khoa học Trái đất và Môi trường"

+ 02 Hội thảo khoa học cấp Khoa, cấp Trường: Hội thảo "Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam - Giá trị lý luận và thực tiễn" vào ngày 06/8/2021; Hội thảo khoa học "Phát triển bền vững công nghiệp chế biến khoáng sản và nguyên liệu tái chế" (9/11/2021)

Hội nghị khoa học là nơi giao lưu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học nghiên cứu của Nhà trường.

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Năm 2021, các nhà khoa học trong Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thưởng 500 triệu đồng cho 171 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI, SCI,SCIE giai đoạn từ 1/2021-12/2021.

*Bảng 25. Hội thảo và Công bố khoa học năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022*

| **Loại hình Hội thảo/công bố khoa học** | **Năm học 2020 - 2021** | **Năm học 2021 - 2022** |
|---|---|---|
| Hội nghị, hội thảo quốc tế | 2 | 2 |
| Hội nghị, hội thảo trong nước | 3 | 4 |
| Báo cáo khoa học | 375 | 315 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế | 243 | 255 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước | 359 | 240 |

Thống kê kết quả công bố khoa học tại các đơn vị trong Nhà trường cụ thể như sau:

*Bảng 26. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị năm học 2021 - 2022*

| **TT** | **Khoa** | **Bài báo** | | **Báo cáo khoa học** |
|---|---|---|---|---|
| | | **Tạp chí Quốc tế** | **Tạp chí trong nước** | |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 11 | 9 | 9 |
| 2 | Khoa Cơ Điện | 8 | 18 | 40 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 20 | 13 | 27 |
| 4 | Khoa Mỏ | 55 | 16 | 13 |
| 5 | Khoa Môi trường | 15 | 26 | 20 |
| 6 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 10 | 26 | 35 |
| 7 | Khoa Lý luận chính trị | 0 | 11 | 29 |
| 8 | Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 9 | 2 |
| 9 | Khoa Khoa học cơ bản | 37 | 25 | 35 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 10 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 31 | 31 | 52 |
| 11 | Khoa Xây dựng | 44 | 28 | 28 |
| 12 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 24 | 28 | 25 |
| | **Tổng** | **255** | **240** | **315** |

*(Số liệu cập nhật trên phần mềm QLKHCN đến ngày 31/7/2022)*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn có mặt trong các bảng xếp hạng đại học uy tín của thế giới như:

+ Xếp thứ 13 trong số các Trường đại học của Việt nam trong bảng xếp hạng của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) năm 2022 (7/2022).

+ Xếp hạng thứ 14 trong số các Trường Đại học tại Việt Nam theo xếp hạng của Webometrics (7/2022) trên tổng số 184 trường đại học của Việt Nam được xếp hạng.

*Hoạt động Sở hữu trí tuệ*

Trong năm 2021 - 2022, các nhà khoa học trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đăng ký thành công 02 Quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả. Nhà trường đã xây dựng Quy chế về đăng ký Sở hữu trí tuệ nhằm hỗ trợ giảng viên, cán bộ định hướng và phát triển các sản phẩm NCKH của mình thành các sáng chế và giải pháp hữu ích, chuyển hóa các kết quả NCKH thành các sản phẩm được đăng ký bản quyền và bảo hộ quyền tác giả, có thể áp dụng và chuyển giao rộng rãi trong và ngoài nước, góp phần khẳng định thương hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ.

*Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ*

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường đã ra Quyết định công nhận 10 nhóm nghiên cứu (trong đó có 03 nhóm nghiên cứu mạnh) dựa trên cơ sở tập hợp các nhà khoa học trong và ngoài nước, nâng tổng số nhóm nghiên cứu trong toàn trường lên 17 nhóm. Một số nhóm nghiên cứu có hiệu quả hoạt động rất tốt với nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín như nhóm nghiên cứu mạnh ISRM. Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu tích hợp trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

*Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên*

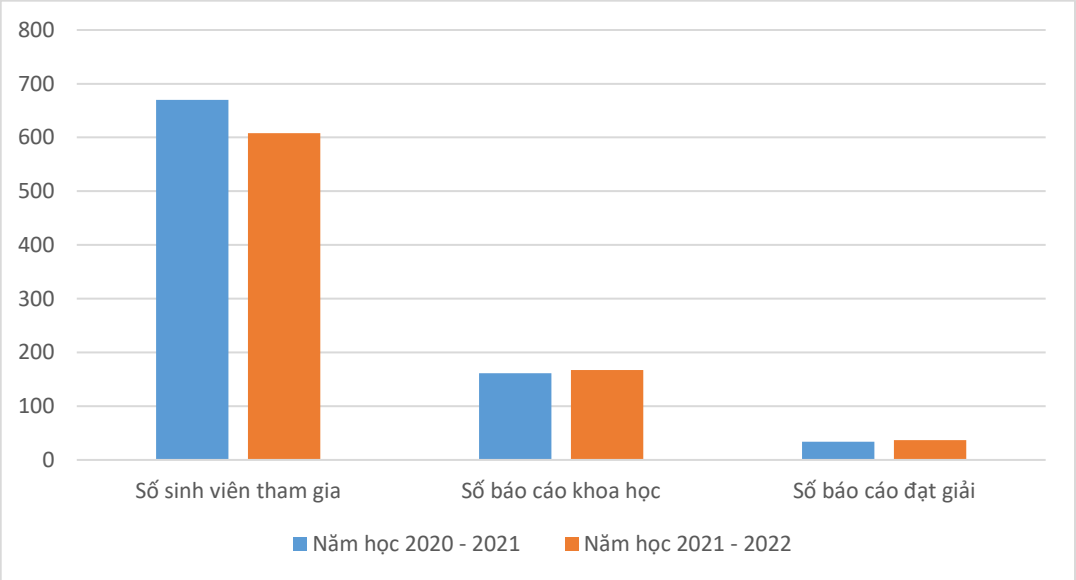
Hoạt động NCKH của sinh viên đã được Nhà trường quan tâm đúng mức, coi đây là điều kiện để các em sinh viên thể hiện kết quả học tập, khả năng, định hướng nghiên cứu khoa học và là cơ hội trau dồi kiến thức hơn nữa. Năm học 2021-2022, Hội nghị khoa học sinh viên toàn Trường được tổ chức vào ngày 09/6/2022 với 167 đề tài được nghiệm thu và báo cáo, 608 sinh viên tham gia thực hiện tại 23 tiểu ban chuyên môn. Hội nghị đã lựa chọn được 37 đề tài đạt chất lượng trong đó có 18 đề tài đạt giải Nhất, 17 đề tài đạt giải Nhì và 02 đề tài đạt giải Ba. Ban tổ chức Hội nghị đã chọn ra và trao 03 giải NCKHSV cấp Trường cho những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên xuất sắc nhất Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 35, 01 đề tài NCKH tham dự xét giải thưởng Khoa học Công nghệ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục Đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, 04 đề tài tham dự xét giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ 24 (năm 2022) tại TP Hồ Chí Minh .

- Cũng trong năm học 2021-2022, Nhà trường cũng cử 19 sinh viên tham dự cuộc thi MSO 2022 do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đăng cai tổ chức, trong số đó có 16/19 sinh viên được cấp chứng chỉ quốc tế Microsoft Office Specialist. Bên cạnh đó, do tình hình dịch bệnh COVID -19 diễn biến phức tạp, kì thi Olympic năm 2022 đã được tổ chức dưới hình thức trực tuyến, với sự tham gia của 261 sinh viên. Kết quả, Nhà trường đã khen thưởng cho 87 sinh viên đạt giải tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2021-2022 gồm: 07 giải Nhất, 22 giải Nhì, 24 giải Ba và 34 giải Khuyến khích. Căn cứ trên kết quả thi Olympic cấp Trường, Nhà trường đã thành lập 03 đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic Quốc gia các môn Cơ học, Toán học và Vật lý.

Kết quả đội tuyển Olympic Toán học của trường Đại học Mỏ - Địa chất đã vinh dự được trao Bằng khen đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc với thành tích đạt 04 giải Nhất môn Giải tích, 04 giải nhất môn Đại số, 01 giải Nhì môn Giải tích, 01 giải Nhì môn Đại số và 01 giải Khuyến khích môn Đại số. Ngoài ra, đội tuyển Vật lý cũng đạt 02 giải Ba và 03 giải Khuyến khích, đội tuyển Cơ học đạt 03 giải Khuyến khích.

*Bảng 27. Công tác NCKH sinh viên năm học 2020-2021 và 2021-2022*

| Nội dung | Năm học 2020 - 2021 | Năm học 2021 - 2022 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| ***A. Hội nghị Khoa học sinh viên*** | | | |
| - Số lượng sinh viên tham gia | 601 | 608 | +1.16 |
| - Số lượng báo cáo khoa học | 164 | 167 | +1.83 |
| - Số báo cáo đạt giải | 34 | 37 | +8.82 |
| ***B. Thi Olympic cấp Trường*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 0 | 261 | |
| - Số sinh viên đạt giải | 0 | 87 | |
| ***C. Thi Olympic cấp Quốc gia*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 0 | 50 | |
| - Giải Nhất | 0 | 8 | |
| - Giải Nhì | 0 | 2 | |
| - Giải Ba | 0 | 2 | |
| - Giải Khuyến khích | 0 | 7 | |




*Hình 4. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH năm học 2020-2021 và 2021-2022*

*Bảng 28. Thống kê NCKH sinh viên theo Khoa năm học 2021 - 2022*

| STT | Đơn vị | Hội nghị KHSV Cấp Trường | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Số SV tham gia | Số BCKH | Số BC đạt giải |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 70 | 19 | 5 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 57 | 18 | 4 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 73 | 21 | 5 |
| 4 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 204 | 42 | 10 |
| 5 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 35 | 13 | 3 |
| 6 | Khoa Mỏ | 66 | 21 | 3 |
| 7 | Khoa Môi trường | 6 | 3 | 1 |
| 8 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 47 | 13 | 2 |
| 9 | Khoa Xây dựng | 45 | 16 | 4 |
| 10 | Chương trình tiên tiến | 5 | 1 | 0 |
| | **Tổng** | **608** | **167** | **37** |

Nhìn chung, công tác NCKH sinh viên trong năm học qua dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch COVID -19 nhưng các nhóm sinh viên vẫn nhiệt tình tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm, đầu tư nhiều hơn và bước đầu phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, chất lượng sinh viên tham gia các hoạt động này cũng được nâng cao.

*Công tác quản lý khoa học*

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được Nhà trường quan tâm đúng mức. Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KHCN của Trường giai đoạn 2021-2025, Ban hành Quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ, Ban hành Quy định sửa đổi về Giải thưởng KHCN HUMG, Ban hành Quy định chế độ làm việc của nghiên cứu viên của Nhà trường để thực hiện tốt công tác quản lý mang lại hiệu quả về công tác thuộc lĩnh vực hoạt động KHCN của Nhà trường.

Phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) tiếp tục được hoàn thiện cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

### *7.1.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ*

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ được chia làm hai hình thức, đó là ký trực tiếp về Trường và ký về các trung tâm, công ty Codeco. Mặc dù tiếp tục bị ảnh hưởng chung của bởi dịch COVID -19, hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong năm học qua vẫn là điểm mạnh của Trường thể hiện qua số liệu trong bảng 29.

*Bảng 29. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất*

| Nội dung | Năm 2020 | Năm 2021 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| Tổng số hợp đồng đã ký kết và thực hiện | 882 hợp đồng | 900 hợp đồng | +2,20 |
| Tổng doanh thu theo hợp đồng (triệu đồng) | 223.404 | 250.992 | +9,08 |
| Đóng góp cho Trường (triệu đồng) | 3.165 | 3.621 | +2,89 |
| Nộp thuế (triệu đồng) | 16.415 | 18.356 | +14,53 |

*(Số liệu báo cáo các đơn vị Công ty, Trung tâm trực thuộc đến ngày 30/3/2022)*

Bằng sự nỗ lực của mình, các trung tâm, công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò nghiên cứu triển khai và phục vụ đào tạo của mình, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung

của Nhà trường. Nhiều trung tâm đã được các Bộ ngành, tin tưởng giao thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, dự án trọng điểm.

### *7.1.3. Công tác hợp tác quốc tế*

Trong năm học 2021-2022, hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất có nhiều khởi sắc do từ tháng 4/2022, Việt Nam đã chính thức mở cửa đón khách quốc tế sau thời gian dài chịu tác động của đại dịch Covid-19. Nhà trường đã nối lại các hoạt động bị gián đoạn với các đối tác, đồng thời cũng mở rộng quan hệ và kết nối với các đối tác mới, tạo thêm nhiều cơ hội hợp tác trong tương lai.

***Mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác mới***

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường kết nối để ký 18 MOU và thỏa thuận hợp tác. Cụ thể, các đối tác đã ký MOU và thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong năm học vừa qua gồm có: Trường ĐH Kỹ thuật Bergakademie Freiberg, Trường ĐH Khoa học ứng dụng Georg Agricola, Công ty J&C Bachman (CHLB Đức), Trường ĐH Bách khoa Montreal, Trường ĐH Windsor (Canada), Trường ĐH Trung ương Đài Loan, Trường ĐH quốc gia Pusan, Trường ĐH Dong-A (Hàn Quốc), Trung tâm nghiên cứu vật liệu thuộc Viện hàn lâm khoa học Belarus, Trung tâm NPO Belarus, Viện nghiên cứu Lukasiewicz – IMN (Ba Lan), Trường ĐH Công nghiệp Siberia (LB Nga), Trường ĐH Obuda (Hungary), Trường ĐH Bristol (VQ Anh).Ngoài ra, một số chương trình cụ thể cũng đã được ký kết để triển khai, gồm: Thỏa thuận về thực hiện dự án nghiên cứu môi trường tại các mỏ đồng VN (EASM-VIET) ký với Trường ĐH Kỹ thuật Bergakademie Freiberg, Thỏa thuận về việc trao đổi cán bộ và sinh viên theo chương trình Erasmus+ ký với Trường ĐH Oradea (Romania).

Ngoài ra, trong giai đoạn dịch Covid-19, Trường tham gia tích cực các hội nghị, hội thảo trực tuyến nhằm duy trì quan hệ, kết nối với đối tác, cập nhật thông tin về các chương trình, dự án mới để kịp thời nắm bắt khi có cơ hội.

Nhà trường tiếp tục duy trì quan hệ tốt đẹp với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam như Đại sứ quán Ba Lan, Đại sứ quán CHDCND Lào, Đại sứ quán Vương quốc Campuchia, Đại sứ quán Mông Cổ, Đại sứ quán Pháp, Đại sứ quán Hungary, Văn phòng Đài Bắc, Trung tâm văn hóa Nga tại Hà Nội, đại diện Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA), Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD), Campus France và một số doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam. Sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức này hỗ trợ rất nhiều trong các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

***Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế***

Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục thực hiện dự án Erasmus+ ANGEL "Mạng lưới khởi tạo và lãnh đạo doanh nghiệp xanh của ASEAN" do Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hoá của Liên minh Châu Âu phê duyệt tài trợ từ năm 2021 với sự tham gia của 16 trường đại học tại Hy Lạp, Síp, Malaysia, Indonesia, Lào, Campuchia và Việt Nam. Dự án mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch nhưng các đối tác thanh viên đã rất cố gắng thực hiện để đảm bảo tiến độ và hiện đã bước sang giai đoạn 2.

Dự án về Khung năng lực nghiên cứu giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, Trường Đại học Portsmounth và Trường Đại học Bournemouth (VQ Anh) cũng đã được triển khai thực hiện với sự tài trợ của Hội đồng Anh nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho các trường đại học Việt Nam.

Ngoài ra, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tích cực kết nối và làm việc với các đối tác để xây dựng các đề xuất dự án mới (Erasmus+, HEP UK-VN) nhằm tìm kiếm các nguồn tài trợ để tăng cường năng lực cho nhà trường. Trong năm học, Trường đã nộp 3 đề xuất Erasmus+ CBHE, 3 đề xuất Erasmus+ về trao đổi cán bộ và sinh viên và hiện đang làm việc với các đối tác Anh để xây dựng đề xuất hợp tác về chuyển đổi số trong giáo dục đại học trong khuôn khổ mạng lưới hợp tác giáo dục Việt Nam – Vương quốc Anh.

Các dự án nói trên không chỉ giúp nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học, con người, mà còn tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường thông qua các gói tài trợ trang thiết bị và phần mềm trong khuôn khổ các dự án.

***Hội nghị, hội thảo quốc tế, khóa học ngắn hạn***

Năm học 2021-2022, Trường Đại học Mỏ-Địa chất đã tổ chức thành công một số Hội nghị quốc tế có xuất bản quốc tế, gồm: Hội nghị quốc tế Viet-Pol lần thứ 6 tại Hà Nội nhân kỷ niệm 55 năm thành lập Trường vào tháng 10/2021, Hội thảo Mining Vietnam 2021 vào tháng 10/2021, Hội nghị Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản - Economic Management in Mineral Activities (EMMA 6) vào tháng 3/2022, Hội nghị First International Conference on Intelligence of things (ICIT) vào tháng 8/2022 và chuẩn bị cho các hội nghị quốc tế khác tổ chức trong năm học tiếp theo (IPE, GTER, SOMP Regional Meeting, Mining Vietnam 2022)

Khóa học văn hóa và ngôn ngữ Ba Lan miễn phí với sự giảng dạy của giáo viên bản xứ tiếp tục được duy trì với sự phối hợp tổ chức giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Đại sứ quán Ba Lan tại Việt Nam, Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA). Khóa học thu hút sự tham gia của không chỉ cán bộ, sinh viên trong trường mà còn có sinh viên các trường đại học khác. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, khóa học được tổ chức với cả 2 hình thức trực tuyến và tại chỗ tùy theo tình hình dịch bệnh từng thời điểm.

***Đoàn ra, đoàn vào và trao đổi cán bộ, sinh viên***

Từ tháng 4/2022, nhờ kiểm soát được dịch bệnh, Việt Nam mở cửa trở lại các hoạt động xuất nhập cảnh. Nhờ đó, các hoạt động đoàn ra, đoàn vào, trao đổi cán bộ và sinh viên đã được nối lại.

Chỉ trong vòng 4 tháng cuối năm học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã cử 7 cán bộ giảng dạy đi trao đổi tại Trường Đại học Khoa học và Công nghệ AGH (Ba Lan) theo chương trình Erasmus+, 1 sinh viên đi trao đổi tại trường Đại học Khoa học ứng dụng Georg Agricola (Đức) theo chương trình tài trợ của DAAD, 1 sinh viên đi thực tập tại trường Đại học Oradea theo chương trình Erasmus+, 4 học viên cao học và nghiên cứu sinh đi trao đổi tại Canada theo chương trình học bổng SEED của Chính phủ Canada. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã tổ chức 1 đoàn ra chính thức tham gia đoàn Bộ Giáo dục và Đào tạo tháp tùng đoàn cấp cao của Quốc hội thăm và làm việc tại Hungary và Vương quốc Anh.

Đối với đoàn vào, Nhà trường đã đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế đến làm việc kể từ tháng 4/2022, cụ thể có 13 đoàn 32 khách quốc tế. Một số đoàn vào trong khuôn khổ các dự án quốc tế và tham dự hội nghị quốc tế gồm có 3 giáo sư Ba Lan sang giảng dạy ngắn hạn theo chương trình Erasmus+, 02 khách quốc tế dự hội nghị EMMA và 2 sinh viên Pháp đến thực tập ngắn hạn tại Trường.

***Quản lý sinh viên nước ngoài***

Năm học 2021-2021, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học hệ chính quy tại Trường, theo diện Hiệp định và tự túc. Cụ thể như sau:

*Bảng 30. Số lượng lưu học sinh nước ngoài nhập học năm học 2021-2022*

| | Lưu học sinh nước | |
|---|---|---|
| | Lào | Campuchia |
| Đại học | 01 | 02 |
| Thạc sĩ | 03 | 0 |
| Tiến sĩ | 0 | 0 |

*Bảng 31. Tổng số lưu học sinh nước ngoài trong năm học 2021 – 2022*

| | Lưu học sinh nước | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Lào | Campuchia | Mông Cổ | Trung Quốc |
| Đại học | 45 | 22 | 03 | 01 |
| Thạc sĩ | 08 | 0 | 0 | 0 |
| Tiến sĩ | 02 | 0 | 0 | |

*Bảng 32. Số lượng lưu học sinh nước ngoài tốt nghiệp năm 2022*

| | Lưu học sinh nước | |
|---|---|---|
| | Lào | Campuchia |
| Đại học | 17 | 08 |
| Thạc sĩ | 04 | |
| Tiến sĩ | 01 | |

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an, Đại sứ quán các nước có sinh viên đang theo học để quản lý và đảm bảo các vấn đề an ninh, an toàn cho lưu học sinh trong quá trình sinh sống và học tập tại Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh.

Trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, Nhà trường đã phối hợp với Đại sứ quán CHDCND Lào và Đại sứ quán Vương quốc Campuchia, các cơ quan xuất nhập cảnh và các cửa khẩu quốc tế đón 100% sinh viên nước ngoài quay trở lại trường tiếp tục học tập.

***Công tác quản lý hợp tác quốc tế***

Công tác quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện chặt chẽ. Nhà trường đã ban hành các Quy định liên quan đến HTQT: Quy định về phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự.

### *7.1.4. Công tác xuất bản*

Nhà trường phối hợp với cộng tác viên khoa học và các đơn vị liên quan thực hiện các công việc thuộc quy trình biên tập, xuất bản và phát hành Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (tiếng Việt và tiếng Anh), Hội nghị Nghiên cứu khoa học sinh viên, Hội nghị nghiên cứu khoa học Quốc tế, các ấn phẩm, sách, giáo trình, bài giảng của Trường theo quy định nội bộ của Trường và các quy định của pháp luật.

*Bảng 33. Thống kê tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022*

| **Nhận bài** | **Ban biên tập đánh giá không đạt để phản biện** | **Phản biện đồng ý đăng** | **Phản biện không đồng ý đăng** | **Tác giả không đồng ý đăng** |
|---|---|---|---|---|
| 100 | 20 | 60 | 20 | 0 |

*Bảng 34. Phần xuất bản giáo trình trong năm học 2021 - 2022*

| Tên tài liệu | Loại | Số lượng | Đơn vị | Kinh phí |
|---|---|---|---|---|
| **I. Giáo trình** | | | | |
| 1. Kinh tế học vi mô | Giáo trình NXB | 900 | Quyển | 39.600.00 |
| 2. Giáo trình chế biến than | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 5.120.000 |
| 3. Giáo trình Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp | Giáo trình NXB | 100 | Quyển | 7.640.000 |
| **II. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất** | Tạp chí | 6 | Kỳ | NSNN |
| **III. In phục vụ tuyển sinh năm 2022** | Tờ rơi, tờ gấp, kẹp file,… | 1 | Đợt | 80.000.000 |
| **IV. In tài liệu nội bộ khác** | Catalogue, biểu mẫu, thư mời, card visit, banner, pano,… | 20 | Đợt | 20.500.000 |
| Tổng chi phí in: | | | | 117.220.000 |
| *Trong đó: NSNN là tiền in tạp chí theo đề án nâng cấp tạp chí.* | | | | |

**7.2 Những tồn tại**

***Hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

- Chưa hình thành Quỹ phát triển khoa học công nghệ để tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ cho các hoạt động KHCN (tăng kinh phí cho nhóm nghiên cứu, khen thưởng bài báo quốc tế; tăng số lượng và kinh phí cấp cho đề tài cấp cơ sở của giảng viên và sinh viên; tạo nguồn kinh phí đối ứng cho các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, ...)..
- Chưa hình thành được hệ thống các tổ chức KHCN (Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu) phù hợp với nhu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của Nhà trường.
- Hệ thống các PTN được sắp xếp hoạt động chủ yếu theo hướng phục vụ hoạt động đào tạo, chưa gắn kết sâu và phục vụ hiệu quả hoạt động KHCN, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.
- Số lượng kết quả NCKH của các đề tài/nhiệm vụ KHCN được chuyển giao, ứng dụng vào thực tế sản xuất còn hạn chế.
- Chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học ngoài trường tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học chưa đủ mạnh.
- Nguồn kinh phí dành cho KHCN vẫn chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tỷ trọng kinh phí đầu tư từ doanh nghiệp dưới các hình thức nhiệm vụ KHCN đặt hàng để giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn sản xuất còn hạn chế. Nguồn kinh phí từ NSNN cấp cho một số đề tài KHCN các cấp không đảm bảo theo kế hoạch thực hiện, do đó hầu hết các đề tài không chủ động thực hiện theo kế hoạch, dẫn tới nhiều đề tài phải kéo dài thời gian thực hiện ngoài mong muốn.

***Công tác hợp tác quốc tế***

Phần lớn thời gian của năm học 2021 - 2022, do tác động của dịch Covid-19 trên toàn thế giới; nhiều cơ sở giáo dục trong và ngoài nước phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động, hoặc chuyển sang hình thức làm việc trực tuyến, các hoạt động trực tiếp chỉ chính thức nối lại từ tháng 4/2022. Điều này cũng hạn chế một phần hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế.

Sinh viên nước ngoài, đặc biệt là sinh viên Mông Cổ của Trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc quay trở lại Việt Nam học tập do việc đóng cửa biên giới và hạn chế xuất nhập cảnh của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Hiện nay, sinh viên Trung Quốc vẫn chưa thể quay lại Việt Nam học tập. Điều này gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý đào tạo và quản lý lưu học sinh quốc tế và làm chậm tiến độ học tập của lưu học sinh.

Trong điều kiện đó, Phòng Hợp tác quốc tế luôn đồng hành cùng lưu học sinh để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của lưu học sinh trong việc xuất nhập cảnh và học tập tại trường. Phòng Hợp tác quốc tế đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, kịp thời cập nhật tình hình để thông báo tới lưu học sinh; đồng thời phối hợp với các đơn vị trong trường để tổ chức việc học và thi cho lưu học sinh một cách hợp lý.

***Công tác xuất bản***

Số lượng giáo trình xuất bản còn thiếu, do các Thầy/cô viết không nhiều.

Số lượng bài báo Tiếng Anh chất lượng chưa nhiều,

Nhiều tác giả phàn nàn chờ đăng bái báo mất nhiều thời gian;

Nhiều tác giả phàn nàn để đăng hoàn thành 1 bài báo phải gửi sửa nhiều lần và mất nhiều thời gian (03 lần/1 bài); Một số trường hợp tác giả yêu cầu làm rõ vai trò của phản biện vì tác giả sau khi sửa bài của 02 phản biện đồng ý đăng bài báo nhưng khi tổng biên tập rà soát lần cuối thì không đạt yêu cầu (yêu cầu phòng giải thích quy trình phản biện khoa học của 02 phản biện có chuyên môn).

**7.3 Giải pháp**

***Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

- Xây dựng quy định về liêm chính trong NCKH;
- Sửa đổi Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Triển khai Xây dựng phần mềm quản lý đề tài KHCN các cấp.
- Đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học.

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của Nhà trường.

- Tăng cường hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, gắn với thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Xây dựng nguồn lực KHCN có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trường trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế; Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường, giải quyết đáp ứng tốt nhu cầu xã hội cần.

- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu.

- Thúc đẩy hợp tác về KHCN với các trường đại học kỹ thuật trong nước, trong đó đặc biệt là các trường trong nhóm G7 trên cơ sở triển khai các nội dung thỏa thuận hợp tác đã ký kết vào tháng 9/2022.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật.

- Tổ chức các hoạt động mang tính định kỳ đối với các nhóm nghiên cứu trong toàn Trường.

***Công tác hợp tác quốc tế***

Tiếp tục chủ động tìm kiếm đối tác và cơ hội hợp tác mới, chuyển hóa linh hoạt để thích nghi với tình hình mới sau đại dịch, đảm bảo tính liên tục, thông suốt và hiệu quả. Liên tục cập nhật tình hình, linh hoạt thích ứng và kịp thời nắm bắt khi có cơ hội.

Phối hợp chặt chẽ với đối tác quốc tế nhằm duy trì, phát triển công tác hợp tác quốc tế cả về chiều rộng và chiều sâu, nâng cao các chương trình cả về số lượng và chất lượng. Đẩy mạnh việc tiếp cận và đề xuất các dự án hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn tài trợ nước ngoài nhằm phát triển năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường.

Đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh ra các nước lân cận và trong khu vực.

Soạn thảo và lấy ý kiến các đơn vị để ban hành Quy định quản lý các chương trình liên kết đào tạo của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Quy định quản lý hộ chiếu công vụ và hộ chiếu ngoại giao của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

***Công tác xuất bản:*** Cần có quy trình đánh giá chặt chẽ hơn, các giáo trình, sách tham khảo của tác giả trong trường. Cần cân nhắc các nhà khoa học khi phản biện bài báo.

**8. Công tác tổ chức –cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng**

**8.1 Những kết quả đạt được**

***8.1.1 Công tác tổ chức - cán bộ***

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn, từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

*Công tác tổ chức bộ máy*

Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường theo Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm (Hình 1):

1. Đảng ủy;
2. Hội đồng trường;
3. Ban Kiểm soát
4. Ban Giám hiệu;
5. Các đơn vị trong Trường, gồm:

- Các đơn vị hành chính gồm: phòng, ban, trung tâm, văn phòng, trạm.

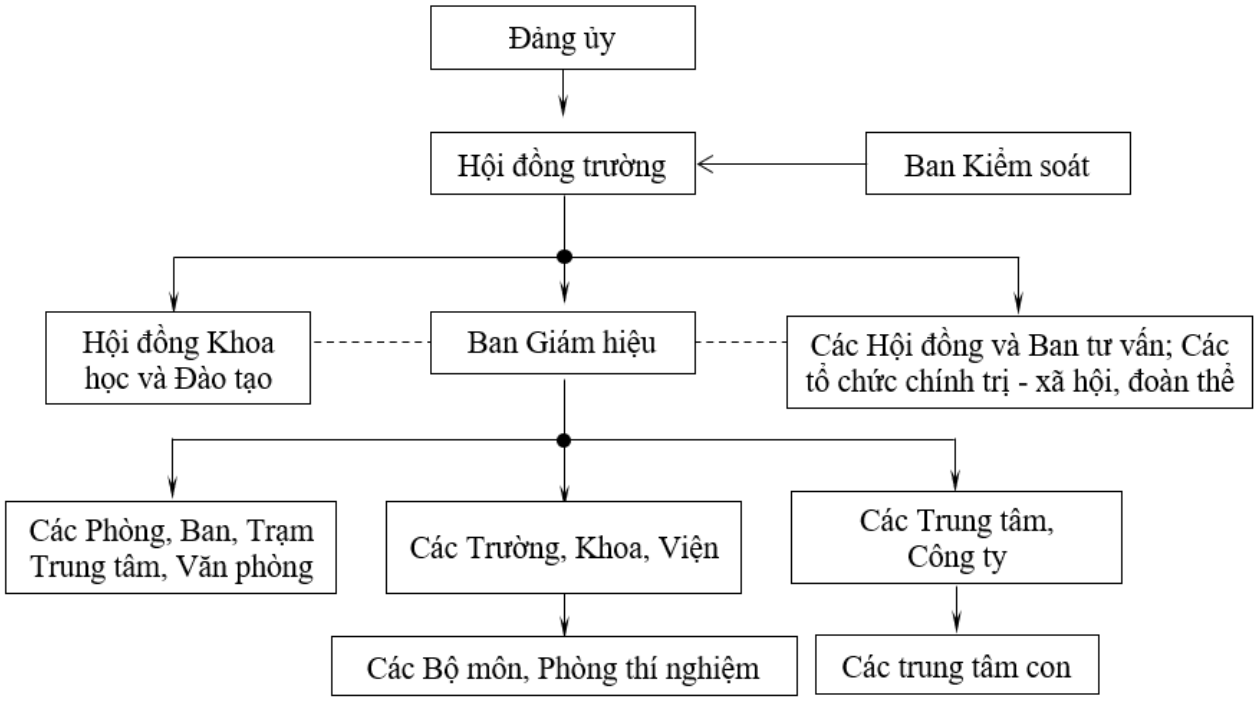
- Các đơn vị chuyên môn (đào tạo, nghiên cứu khoa học) gồm: trường, khoa, Trung tâm, viện và bộ môn (nếu có).

- Các đơn vị khoa học và công nghệ, dịch vụ gồm: trung tâm; công ty

Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viện và tương đương.

6. Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viên và tương đương.
7. Các trung tâm con thuộc các trung tâm, công ty.
8. Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các hội đồng và ban tư vấn khác; các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở **03** cấp: trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa đại cương với **59** bộ môn; 12 phòng và 08 đơn vị chức năng, văn phòng đại diện tại Quảng Ninh, Đà Nẵng.




*Hình 5: Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

Ghi chú: ———— Quan hệ lãnh đạo

---------- Quan hệ tư vấn, phối hợp

*Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý, tuyển dụng cán bộ*

Nhà trường đã làm tốt công tác về tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn số 440/HD-MĐC ngày 12/8/2022 về việc hướng dẫn thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ hiện tại (2020 – 2025) và quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp (2025 – 2030).

Căn cứ chiến lược phát triển trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, Nhà trường sẽ rà soát lại cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị (từ cấp bộ môn và tương đương trở lên) theo hướng tinh gọn, hiệu lực hiệu quả đồng thời điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ tương ứng. Nghiên cứu hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trực thuộc Trường để thu gọn đầu mối (Khoa đào tạo, đơn vị nghiên cứu, phòng chức năng,...) và tinh giản biên chế. Tiếp đến thực hiện và kiện toàn sắp xếp, thu gọn đầu mối các đơn vị trực thuộc Trường.

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường

được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường.

Nhà trường đã triển khai thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường theo đúng quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và theo Điều 7, Nghị định số 99 ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 21 thành viên theo Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 và bổ nhiệm PGS.TS Trần Xuân Trường làm Chủ tịch Hội đồng trường theo Quyết định số 2755/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020. Từ khi có Hội đồng trường, công tác quản trị đại học dần được chuẩn hóa. Trong đó, hội đồng trường có vai trò định hướng và giám sát mọi hoạt động của Nhà trường. Đồng thời chịu trách nhiệm giải trình với xã hội và trách nhiệm với sự tồn tại và phát triển của Nhà trường.

***Thuận lợi:***

- Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nề nếp, đảm bảo công khai, dân chủ. Việc quy hoạch vừa có sự kế thừa, vừa có bước phát triển mới; cán bộ lãnh đạo quy hoạch dần được trẻ hoá, số lượng cán bộ từ 30 - 40 tuổi được đưa vào quy hoạch các vị trí quản lý tăng lên. Cán bộ quy hoạch đều là những người có năng lực công tác, trình độ chuyên môn tốt, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác cao trong thực thi công việc.

- Công tác tuyển dụng viên chức được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo sát sao. Việc tuyển dụng sử dụng cán bộ, viên chức của Nhà trường được thực hiện theo Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng, tuyển dụng viên chức. Từ năm 2019 đến nay, do đề án vị trí việc làm chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt vì vậy công tác tuyển dụng tạm dừng.

*Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo*.

- Trong năm học 2021 - 2022, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định. Năm học 2021 - 2022, Nhà trường đang xây dựng quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý và đã thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường và pháp luật. Đội ngũ cán bộ quản lý ngày càng được trẻ hóa, đa số đều nằm trong độ tuổi 35 - 40 (39 cán bộ), 41 - 45 (69 cán bộ) (chiếm 73 % tổng số cán bộ quản lý từ cấp Bộ môn trở lên).

*Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức*

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường.

Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 40 tuổi có 235 cán bộ, chiếm 43.4% tổng số CBGD, từ 41 - 50 có 260 cán bộ, chiếm 47,9% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất.

- Công tác cán bộ của Nhà trường năm học 2021 - 2022: Hiện tại đến thời điểm 31/10/2022 cơ cấu cán bộ, viên chức của Nhà trường cụ thể như sau: tổng số cán bộ viên chức là 711 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 497 cán bộ, 169 cán bộ hành chính, 45 kỹ sư. Trong số cán bộ giảng dạy có 271 tiến sĩ (04 giáo sư và 50 phó giáo sư), 219 thạc sĩ, 7 đại học.

+ Năm 2021 - 2022, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu cho 9 cán bộ, 6 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

*Bảng 35. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường*

| Nội dung | Năm 2021 (đến 30/9/2021) | Năm 2022 (đến 30/9/2022) | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|

| | | | |
|---|---|---|---|
| Tổng số CBVC | 726 | 711 | -2.1 |
| - Cán bộ giảng dạy | 509 | 497 | -2.4 |
| - Cán bộ hành chính | 171 | 169 | -1.2 |
| Kỹ sư | 46 | 45 | 0 |
| Cán bộ nghỉ hưu | 12 | 9 | -25 |
| Cán bộ chuyển công tác | 18 | 6 | -11 |
| Cử đi học cao học | 3 | 14 | 366.6 |
| Cử đi học NCS | 6 | 15 | 150 |

- Trong năm học 2021 - 2022, Nhà trường đã cử 06 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 09 nghiên cứu sinh, 15 cán bộ đi đào tạo thạc sĩ.

- Tính đến tháng 31/10/2022, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 22 cán bộ hoàn thành học tập về nước, 11 cán bộ ở nước ngoài về nước và 11 cán bộ trong nước, bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

*Bảng 36. Cơ cấu đội ngũ giảng viên*

| Năm | GS | | PGS | | TS | | ThS | | ĐH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 2021 | 4 | 0.78 | 50 | 9.8 | 198 | 37.2 | 250 | 49.11 | 7 | 3.11 |
| 2022 | 4 | 0.8 | 50 | 10.06 | 217 | 43.66 | 219 | 44.06 | 7 | 1.4 |

*Bảng 37 . Đội ngũ giảng viên, kỹ sư ở các khoa chia theo trình độ*

| Số TT | Đơn vị | Tổng số | Nữ | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sỹ, TSKH | Thạc sỹ | Đại học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Toàn đơn vị: | 542 | 204 | 4 | 50 | 271 | 257 | 14 |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 59 | 28 | 0 | 3 | 17 | 40 | 2 |
| 1.1 | Bộ môn Mạng máy tính | 8 | 3 | 0 | 0 | 2 | 5 | 1 |
| 1.2 | Bộ môn Công nghệ phần mềm | 10 | 3 | 0 | 1 | 4 | 6 | 0 |
| 1.3 | Bộ môn Hệ thống thông tin và tri thức | 7 | 4 | 0 | 0 | 1 | 6 | 0 |
| 1.4 | Bộ môn Tin học Địa chất | 6 | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | 0 |
| 1.5 | Bộ môn Khoa học máy tính | 6 | 3 | 0 | 1 | 2 | 4 | 0 |
| 1.6 | Bộ môn Tin học Kinh tế | 7 | 5 | 0 | 1 | 2 | 5 | 0 |
| 1.7 | Bộ môn Tin học Trắc địa | 13 | 6 | 0 | 0 | 6 | 6 | 1 |
| 1.8 | Phòng TN CN và xư lý số liệu | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 54 | 10 | 0 | 7 | 23 | 29 | 2 |
| 2.1 | Bộ môn Điện khí hóa | 8 | 2 | 0 | 2 | 6 | 2 | 0 |
| 2.2 | Bộ môn Kỹ thuật cơ khí | 9 | 2 | 0 | 0 | 4 | 5 | 0 |
| 2.3 | Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử | 11 | 2 | 0 | 2 | 3 | 8 | 0 |
| 2.4 | Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí | 11 | 2 | 0 | 2 | 4 | 7 | 0 |
| 2.5 | Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp | 11 | 1 | 0 | 1 | 6 | 4 | 1 |
| 2.6 | Xưởng Cơ - Điện | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 | 3 | 1 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 51 | 14 | 0 | 7 | 33 | 16 | 2 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3.1 | Bộ môn Địa vật lý | 9 | 3 | 0 | 1 | 5 | 3 | 1 |
| 3.2 | Bộ môn Địa chất dầu | 6 | 3 | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 |
| 3.3 | Bộ môn Lọc hóa dầu | 12 | 3 | 0 | 3 | 11 | 1 | 0 |
| 3.4 | Bộ môn Khoan - Khai thác | 16 | 1 | 0 | 1 | 8 | 7 | 1 |
| 3.5 | Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình | 8 | 4 | 0 | 2 | 5 | 3 | 0 |
| 4 | Khoa Khoa học cơ bản | 74 | 42 | 0 | 3 | 27 | 46 | 1 |
| 4.1 | Bộ môn Cơ lý thuyết | 4 | 2 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 |
| 4.2 | Bộ môn Hóa | 16 | 10 | 0 | 1 | 10 | 6 | 0 |
| 4.3 | Bộ môn Hình họa | 5 | 2 | 0 | 0 | 3 | 2 | 0 |
| 4.4 | Bộ môn Giáo dục thể chất | 10 | 4 | 0 | 0 | 1 | 9 | 0 |
| 4.5 | Bộ môn Ngoại ngữ | 15 | 13 | 0 | 0 | 1 | 14 | 0 |
| 4.6 | Bộ môn Toán | 13 | 7 | 0 | 1 | 4 | 8 | 1 |
| 4.7 | Bộ môn Vật lý | 11 | 4 | 0 | 1 | 6 | 5 | 0 |
| 5 | Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 64 | 19 | 1 | 6 | 33 | 26 | 5 |
| 5.1 | Bộ môn Địa chất | 12 | 3 | 1 | 1 | 6 | 4 | 2 |
| 5.2 | Bộ môn Địa chất công trình | 13 | 3 | 0 | 2 | 7 | 6 | 0 |
| 5.3 | Bộ môn Địa chất Thủy văn | 11 | 4 | 0 | 1 | 6 | 4 | 1 |
| 5.4 | Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa | 8 | 3 | 0 | 0 | 3 | 4 | 1 |
| 5.5 | Bộ môn Tìm kiếm thăm dò | 19 | 5 | 0 | 2 | 11 | 7 | 1 |
| 5.6 | Bảo tàng Địa chất | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 6 | Khoa Mỏ | 43 | 10 | 1 | 4 | 28 | 15 | 0 |
| 6.1 | Bộ môn Khai thác lộ thiên | 12 | 2 | 1 | 2 | 10 | 2 | 0 |
| 6.2 | Bộ môn Khai thác hầm lò | 15 | 2 | 0 | 0 | 11 | 4 | 0 |
| 6.3 | Bộ môn Tuyển khoáng | 10 | 4 | 0 | 2 | 5 | 5 | 0 |
| 6.4 | Bộ môn Sức bền vật liệu | 6 | 2 | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 |
| 7 | Khoa Môi trường | 30 | 15 | 0 | 2 | 13 | 17 | 0 |
| 7.1 | Bộ môn Môi trường cơ sở | 8 | 4 | 0 | 0 | 2 | 6 | 0 |
| 7.2 | Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường | 12 | 6 | 0 | 1 | 6 | 6 | 0 |
| 7.3 | Bộ môn Kỹ thuật Môi trường | 10 | 5 | 0 | 1 | 5 | 5 | 0 |
| 8 | Khoa Lý luận chính trị | 16 | 11 | 0 | 0 | 7 | 9 | 0 |
| 8.1 | Bộ môn Triết học và Pháp luật | 6 | 4 | 0 | 0 | 3 | 3 | 0 |
| 8.2 | Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa xã hội khoa học | 4 | 4 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 |
| 8.3 | Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam | 6 | 3 | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 |
| 9 | Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh | 44 | 27 | 0 | 3 | 23 | 20 | 1 |
| 9.1 | Bộ môn Kinh tế cơ sở | 8 | 6 | 0 | 0 | 5 | 3 | 0 |
| 9.2 | Bộ môn Kế toán doanh nghiệp | 15 | 11 | 0 | 0 | 9 | 6 | 0 |
| 9.3 | Bộ môn QTKD Mỏ | 12 | 5 | 0 | 2 | 5 | 7 | 0 |
| 9.4 | Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí | 8 | 4 | 0 | 1 | 4 | 4 | 0 |
| 9.5 | Phòng Thực nghiệm Quản trị kinh doanh | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 10 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 75 | 25 | 1 | 10 | 42 | 32 | 1 |
| 10.1 | Bộ môn Trắc địa Mỏ | 10 | 2 | 0 | 1 | 7 | 3 | 0 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10.2 | Bộ môn Trắc địa Công trình | 8 | 3 | 0 | 2 | 7 | 1 | 0 |
| 10.3 | Bộ môn Trắc địa Cao cấp | 10 | 2 | 0 | 2 | 5 | 5 | 0 |
| 10.4 | Bộ môn Bản đồ | 8 | 3 | 0 | 1 | 3 | 5 | 0 |
| 10.5 | Bộ môn Trắc địa Phổ thông | 10 | 2 | 1 | 1 | 5 | 5 | 0 |
| 10.6 | Bộ môn Địa chính | 12 | 5 | 0 | 0 | 6 | 5 | 1 |
| 10.7 | Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | 13 | 6 | 0 | 3 | 9 | 4 | 0 |
| 10.8 | Tổ máy Trắc địa | 4 | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 |
| 11 | Khoa Xây dựng | 32 | 3 | 1 | 5 | 25 | 7 | 0 |
| 11.1 | Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ | 14 | 0 | 1 | 4 | 12 | 2 | 0 |
| 11.2 | Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở | 9 | 1 | 0 | 0 | 6 | 3 | 0 |
| 11.3 | Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng | 9 | 2 | 0 | 1 | 7 | 2 | 0 |

Theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2022 ban hành kèm theo Kế hoạch số 168/KH-MĐC ngày 04/4/2022 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cử cán bộ, viên chức đi học các ngành mới phù hợp với định hướng mở ngành và phát triển của Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm 2022 và Kế hoạch số 661/KH-MĐC ngày 10/12/2021 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2025, Nhà trường dự kiến tổ chức được 02 lớp bồi dưỡng Kỹ năng tham mưu và hoạch định chính sách cho nhân viên hành chính với 170 lượt viên chức tham gia, 74 lượt viên chức tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị.

Nhà trường luôn cố gắng duy trì cơ cấu đội ngũ CBVC trẻ để đảm bảo tính kế thừa. Mặc dù vậy, số lượng giảng viên là PGS trên 60 tuổi vẫn chiếm tỉ lệ cao. Nếu không có chiến lược phát triển thích hợp trong tương lai tổng số GS, PGS của trường có thể sẽ giảm.

Năm học 2021 - 2021, quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức đã được điều chỉnh nhằm đánh giá minh bạch năng lực, hiệu quả, chất lượng làm việc của đội ngũ CBVC trường.

Nhà trường luôn quan tâm, có các chế độ, chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho đội ngũ CBVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu chuẩn hóa về đội ngũ cán bộ.

***8.1.2. Công tác thanh tra***

Nhằm nắm bắt tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đề xuất phương án xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hoặc những thiếu sót trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị, cá nhân trong Trường, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 83/KH-MĐC ngày 16/02/2022 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát năm 2022.

Công tác tổ chức hoạt động thanh tra bao gồm các hoạt động:

- Thanh tra, kiểm tra, giam sát thường xuyên liên tục:

Việc kiểm tra công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên. Tính tới thời điểm tháng 8/2021, các kết quả các cuộc kiểm tra cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ cán bộ khi lên lớp….

- Kiểm tra, thanh tra chấp hành kỷ luật lao động khối hành chính: Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã lắp thiết bị chấm công bằng vân tay phối kết hợp với các tổ kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật lao động cũng như giám sát ý thức tiết kiệm, bảo quản và giữ gìn tài sản, trang thiết bị được giao cho đơn vị quản lý. Qua các cuộc kiểm tra cho thấy, cán bộ, viên chức chấp hành tốt ý thức kỷ luật lao động, có ý thức trong việc giữ gìn tài sản chung. Hàng tháng, Phòng Tổ chức – Cán bộ tổng hợp dữ liệu về thanh tra và chấm công tới các đơn vị để kịp thời rà soát và đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ vi phạm.

Kiểm tra theo kế hoạch:

Căn cứ vào Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát năm học 2021 -2022, và Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2022, Nhà trường đã tiến hành 02 cuộc kiểm tra theo đúng kế hoạch bao gồm:

* Kiểm tra việc quản lý sinh viên của các khoa vào tháng 12/2021 và 01/2022

- Ngày 02/12/2021, Nhà trường ra công văn yêu cầu các khoa có quản lý sinh viên báo cáo kết quả hoạt động của Giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập theo Quyết định số 68/QĐ-MĐC ngày 17/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập.

- Ngày 10/12/2021, Nhà trường ra thông báo lịch làm cụ thể đối với từng đơn vị, thành phần bao gồm Lãnh đạo Khoa, bộ môn và Giáo viên chủ nhiệm

- Kết luận đã được lập thành biên bản với nội dung tóm tắt sau đây:

+ Ban chủ nhiệm khoa đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung như trong Quyết định số 68/QĐ-MĐC ngày 17/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

+ BCN khoa và GVCN đã sát sao, nhiệt tình hỗ trợ sinh viên trong học tập và rèn luyện, có những giải pháp xử lý kịp thời và hiệu quả trong công tác hỗ trợ sinh viên.

+ GVCN và CVHT nắm vứng quy chế đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và các quy định khác để tư vấn, hỗ trợ sinh viên.

+ Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế sau đây: Một số GVCB không sử dụng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Nhà trường để phục vụ công tác quản lý sinh viên, chưa chủ động đề ra giải pháp trong công tác quản lý sinh viên. Một số khoa đề xuất cứu sinh viên nhưng không đảm bảo căn cứ theo quy định, chưa thực hiện cảnh báo sớm đến sinh viên thuộc diện cảnh cáo,

- Kiến nghị cũng được đưa vào cụ thể những biện pháp như sau:

+ Phòng ĐTĐH cung cấp thêm quyền cho GVCN khai thác thông tin sinh viên

Trên hệ thống edusoft.

+ Đề xuất P.ĐTĐH rà soát loại bỏ sinh viên mà khoa đã đề xuất xoá tên khỏi danh sách.

+ Đề nghị BCN tăng cường quán triệt công tác GVCN và CVHT, sớm khắc phục các hạn chế.

* Kiểm tra công tác quản lý tài chính nội bộ

Ngày 05/5/2022, Nhà trường ra quyết định thành lập Tổ kiểm tra báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước, báo cáo tài chính năm 2021, thời gian làm việc từ ngày 06/5 đến ngày 20/5/2022.

* Kiểm tra công tác quản lý của Giám đốc trung tâm dịch vụ

Thực hiện Quyết định kiểm tra số 901 ngày 11/08/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Kiểm tra tài chính Trung tâm dịch vụ, từ hoc kỳ 2 năm học 2018-2019 đến học kỳ 2 năm học 2021 - 2022.

Kết luận:

+ Trung tâm đã chấp hành đầy đủ các qui định về Tài chính theo đúng chức năng nhiệm vụ đã được qui định tại QĐ 303/QĐ-MĐC ngày 4/4/2019, qua việc giám sát, quản lý và chấp hành tài chính các hợp đồng giao khoán đã ký kết với Nhà trường, các chứng từ và báo biểu tài chính đảm bảo theo yêu cầu của bộ phận quản lý là Phòng Kế hoạch tài chính của Trường (Bảng đối chiếu công nợ; Bảng kê, phiếu thu; chứng từ gốc lưu tại Phòng kế hoạch tài chính)

+ Đã bố trí 01 cán bộ có chuyên môn kế toán phụ trách theo dõi, quản lý và chấp hành các báo biểu tài chính theo qui định của phòng chức năng và Nhà trường.

+ Hoạt động của Trung tâm đã có nhiều cải thiện, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và tăng nguồn thu cho Nhà trường, góp phần nâng cao đời sống cán bộ viên chức của Trung tâm.

- Hạn chế tồn tại

+ Vẫn còn hiện tượng nợ đọng tiền của các đơn vị, cá nhân theo các hợp đồng giao khoán, tính đến ngày 31/8/2022 là: 428,850 triệu đồng. Ngoài ra, nhà ăn khu A từ ngày 01/09/2020 đến nay chưa có hợp đồng giao khoán.

+ Chưa có lộ trình triển khai công tác quản lý tài chính theo đơn vị tự chủ gắn với quyết định phê duyệt Đề án tự chủ số 720/QĐ-MĐC ngày 26/8/2021 và Quyết định thành lập Trung tâm dịch vụ ngày 12/11/2021.

Kiến nghị:

+ Cần có đề xuất giải pháp hữu hiệu trong việc quản lý các hợp đồng giao khoán của Nhà trường với các đơn vị và cá nhân khác, tránh tình trạng nợ đọng tiền và chưa có hợp đồng giao khoán.

+ Cần có giải pháp tháo gỡ khó khăn trong việc phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện và chấp hành Đề án tự chủ đã được phê duyệt.

+ Đối với các đơn vị chưa tự chủ có chức năng quản lý nguồn thu của Trường, nên sử dụng phương thức thu hộ, nộp Trường theo số thực thu.

+ Tăng cường kiểm soát các hoạt động của Trung tâm dịch vụ qua giám sát việc giao khoán góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm và Trường.

+ Cần có lộ trình rõ ràng trong việc tổ chức và triển khai Đề án tự chủ của Trung tâm dịch vụ.

*Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo*

Ngày 08 tháng 4 năm 2020 ban hành Quyết định số 200/QĐ-MĐC của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định tiếp công dân của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và bố trí phòng 217 Nhà C12 làm trụ sở tiếp công dân. Tại địa điểm tiếp công dân, Nhà trường đã niêm yết nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật và công khai thông tin về việc tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường; đồng thời cử cán bộ trực phòng tiếp công dân vào giờ làm việc các ngày trong tuần.

Ngày 9/11/2021, Nhà trường nhận được đơn kiến nghị của CBVC một đơn vị trong trường về việc xác minh trình độ chuyên môn, bằng cấp của 01 cá nhân trong đơn vị.

Qua kiểm tra, xác minh, Nhà trường kết luận bằng cấp của cá nhân đó được cấp theo đúng quy định.

Ngày 9/11/2021, Nhà trường nhận được đơn kiến nghị, phản ánh của 01 CBVC yêu cầu xác minh làm rõ một số vấn đề trong quá trình đảm nhiệm chức vụ của viên chức quản lý bao gồm:

+ Vấn đề công khai, minh bạch báo cáo tài chính, tình hình hoạt động thu chi của trung tâm.

+ Vấn về công tác lãnh đạo điều hành

+ Có biểu hiện lạm dụng chức vụ quyền hạn, áp đặt, đe doạ….

Ngày 13/12/2021, Nhà trường ra Quyết định số 1226/QĐ-MĐC về việc kiểm tra thông tin trong đơn kiến nghị về công tác lãnh đạo, quản lý. Qua quá trình kiểm tra, xác minh, Đoàn kiểm tra đã đưa ra các kết luận để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo quản lý điều hành tại đơn vị, một số nội dung trong đơn kiến nghị đang trong quá trình xác minh, làm rõ. Sau các cuộc kiểm tra, Tổ kiểm tra đều lập kết luận kiểm tra để tìm ra được nguyên nhân các vấn đề vướng mắc, từ đó đưa ra kiến nghị, biện pháp, phương hướng nhắm khắc phục các tồn tại đang gặp phải đối với từng vấn đề riêng biệt.

***8.1.3. Công tác cải cách hành chính***

Nhà trường luôn cập nhật, triển khai, hướng dẫn kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đến cán bộ viên chức thông qua trang thông tin điện tử của đơn vị, các cuộc họp, lịch làm việc, hộp thư điện tử, qua các kế hoạch triển khai thực hiện, các kế hoạch tuyên truyền phổ biến.

Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy định nội bộ trên cơ sở các văn bản của Nhà nước và Bộ Giáo dục Đào tạo. Năm học 2021-2022 Nhà trường đã ban hành trên 40 văn bản quy định nội bộ Quy định quy chế dân chủ, đánh giá xếp loại cá nhân và tập thể, nâng bậc lương thường xuyên và vượt khung, các quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ

tiến sĩ, khảo thí, về quyền sở hữu trí tuệ và văn hóa công sở. vv... hàng năm căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà nước có sự điều chỉnh sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiểu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ. Nhà trường thực hiện phân cấp quản lý giao quyền chủ động triển khai các công việc cho từng thành viên trong Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, các đoàn thể phụ trách, theo dõi, giám sát việc thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Nhà trường.

Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Vào đầu mỗi nhiệm kỳ, Nhà trường tổ chức Quy hoạch cán bộ lãnh đạo các phòng, khoa, ban, giữa nhiệm kỳ lại tiến hành công tác rà soát, quy hoạch bổ sung nhằm phát hiện nhân tố mới, có năng lực, trình độ.

Nhà trường đã trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án vị trí việc làm năm 2015. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh tự chủ, Nhà trường chủ động đang tiếp tục xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2. Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Nhà trường tổ chức công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025 và quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 của Trường ĐH Mỏ - Địa chất.

Bộ phận một cửa của Nhà trường đã đi vào hoạt động từ tháng 10/2020 và từng bước hoàn thiện với 39 quy trình giải quyết của các mảng Đào tạo, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Năm học 2021-2022 Bộ phận một cửa đã giải quyết 8413 lượt hồ sơ, việc tiếp nhận được giải quyết nhanh chóng thuận tiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc online.

***8.1.4. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng***

Nhà trường tiếp tục triển khai phong trào thi đua năm học với chủ đề *"Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"* nhằm nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Năm học 2021-2022, Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường ĐH Mỏ - Địa chất; Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường ĐH Mỏ - Địa chất, Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng của Trường NQ số 82/NQ-HĐT sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường ĐH Mỏ - Địa chất nhằm triển khai công tác đánh giá, phân loại viên chức, công tác xét sáng kiến làm cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

Kết quả năm học 2021-2022, toàn trường có 419 CBVC đạt mức A+, 165 CBVC đạt mức A, 78 CBVC đạt mức B, 05 CBVC đạt mức C, 64 CBVC không đánh giá xếp loại; 65 tập thể đạt mức A+, 12 tập thể đạt mức A, 14 tập thể đạt mức B, không có tập thể đạt mức C.

Nhà trường đã hướng dẫn các đơn vị họp xét thi đua khen thưởng năm học 2021-2022 cho các tập thể, cá nhân và gửi danh sách về phòng Hành chính – Tổng hợp. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trường sẽ tiến hành họp xét trong thời gian sớm nhất để ra quyết định công nhận và gửi hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong năm học 2021 -2022.

**8.2. Những tồn tại**

***Công tác tổ chức - cán bộ***

- Chưa đảm bảo kết cấu 03 độ tuổi trong quy hoạch theo quy định.

- Số lượng cán bộ viên chức hiện nay đang có xu hướng mất cân đối về về cơ cấu giữa khối giảng dạy và hành chính; thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong khối cán bộ giảng dạy.

- Văn bản hướng dẫn của Nhà nước chưa minh bạch dẫn đến khó khăn trong việc triển khai quy hoạch cán bộ, lãnh đạo.

- Chưa thực hiện được việc định biên cũng như cơ cấu ngạch viên chức cho các đơn vị dẫn đến công tác quản lý, sử dụng ngạch viên chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Trường còn bị động.

- Chưa triển khai công tác tuyển dụng dẫn tới không bổ sung kịp thời lực lượng cán bộ thiếu hụt do nghỉ hưu, chuyển công tác... để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng.

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ vẫn chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu đội ngũ giảng viên. Tính đến ngày 31/10/2022 số giảng viên có trình độ Thạc sĩ là 219/497, chiếm 44.06%, vẫn còn giảng viên có trình độ Đại học (7 CBGD).

- Hiện tượng cán bộ đi học nước ngoài về không đúng hạn, không làm thủ tục gia hạn, không chấp hành các quy định của Nhà nước và của Trường vẫn còn tồn tại.

- Các đơn vị đã bắt đầu thực hiện tái cấu trúc nhưng tiến độ thực hiện còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong triển khai tái cấu trúc.

***Công tác thanh tra, kiểm tra***

Đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra thường xuyên, liên tục hơn.

Công tác cải cách hành chính:

- Do hệ thống văn bản hướng dẫn của Nhà nước còn chưa cụ thể, đôi khi còn dẫn đến việc chồng chéo, chưa kịp thời trong công tác cải cách thể chế và cơ cấu tổ chức bộ máy.

- Do nhân viên làm công tác ở bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải kiêm nhiệm nhiều việc, do đó ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhân viên thực hiện liên thông các thủ tục hành chính còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ cho công tác Cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng theo yêu cầu.

***Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng:***

- Công tác ban hành các quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

- Công tác xét đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức vẫn còn một số hạn chế, chưa đánh giá đầy đủ các hoạt động mà cán bộ, viên chức thực hiện trong năm.

**8.3. Giải pháp**

Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt là cán bộ quản lý, cán bộ trong quy hoạch tạo tiền đề cho công tác bổ nhiệm, tăng cường công tác quản trị của Nhà trường.

Tiếp tục nâng cao nhận thức, thực hiện đúng các quan điểm, nguyên tắc, phương châm nội dung và phương pháp của công tác bổ nhiệm, rà soát, quy hoạch cán bộ. Thực hiện nghiêm túc các Hướng dẫn, các văn bản của cấp trên về công tác quy hoạch.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ của nhà trường có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, đảm bảo về cơ cấu độ tuổi, có tính kế thừa, phát triển, nhằm đáp ứng các nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. Song song với công tác quy hoạch cán bộ nhằm đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, để bố trí công.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát tiêu chuẩn chức danh cán bộ gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao, sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên theo hướng hiệu quả tích cực. Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ của Nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và năng lực

hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực toàn diện về cả số lượng, chất lượng, cơ cấu, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Chú trọng phát hiện, tạo nguồn cán bộ, nhất là cần quan tâm đến những cán bộ, viên chức giỏi, có năng lực chuyên môn tốt, có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình trong công tác, có tư cách và phẩm chất đạo đức tốt, từ đó để chọn nguồn quy hoạch cán bộ lâu dài cho nhà trường.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách cán bộ, gắn với khen thưởng, kỷ luật kịp thời, đúng đối tượng. Cải thiện đời sống cán bộ, tăng thu nhập cán bộ, viên chức trong trường theo Chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong công tác cán bộ. Qua đó đề ra các giải pháp hiệu quả để phòng ngừa, ngăn chặn sai phạm trong công tác cán bộ.

**9. Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án**

**9.1.Những kết quả đạt được**

***9.1.1.Công tác tài chính***

Năm 2021, công tác thu, chi các nguồn tài chính của Trường phòng Kế hoạch Tài chính đã đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Kết quả tài chính năm 2021 được thể hiện tại bảng 38 như sau:

*Bảng 38. Thống kê thu, chi tài chính năm 2021*

(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)

| STT | Nội dung | Số tiền (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Thu, chi thường xuyên** | | *Chi tiết tại bảng 44* |
| ***1*** | ***Thu thường xuyên*** | ***204.749*** | |
| | Thu NSNN cấp chi thường xuyên | 42.000 | |
| | Thu học phí các hệ đào tạo | 145.738 | |
| | Thu hoạt động sự nghiệp khác | 17.011 | |
| ***2*** | ***Chi thường xuyên*** | ***151.119*** | |
| | Chi tiền lương, tiền công và các khoản chi khác cho viên chức | 123.018 | |
| | Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý | 23.905 | |
| | Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định | 2.894 | |
| | Chi khác theo quy định | 986 | |
| | Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định | 315 | |
| ***3*** | ***Kinh phí giảm trong năm do tiết kiệm chi thường xuyên nộp trả NSNN*** | ***65*** | |
| ***4*** | ***Chênh lệch thu - chi thường xuyên (4=1-2-3)*** | ***53.565*** | |
| ***5*** | ***Trích lập Quỹ cơ quan năm 2021 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên*** | ***53.565*** | |
| | Quỹ khen thưởng | 1.607 | |
| | Quỹ phúc lợi | 11.784 | |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 26.783 | |
| | *Trong đó:* | | |
| | *+ Quỹ bổ sung thu nhập* | *24.104* | |
| | *+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập* | *2.678* | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 13.391 | |
| ***6*** | ***Số chi Quỹ cơ quan trong năm 2021 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên*** | ***32.717*** | |
| | Quỹ khen thưởng | 1.082 | |
| | Quỹ phúc lợi | 10.213 | |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 20.813 | |
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 610 | |
| **II** | **Thu, chi không thường xuyên** | | *Chi tiết tại bảng 45* |
| ***1*** | ***Thu không thường xuyên*** | ***16.365*** | |
| | Thu NSNN cấp chi không thường xuyên | 7.140 | |
| | Thu đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 9.225 | |
| ***2*** | ***Chi không thường xuyên*** | ***16.080*** | |
| | Chi NSNN cấp chi không thường xuyên | 7.074 | |
| | Chi đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 9.006 | |
| ***3*** | ***Kinh phí giảm trong năm nộp trả NSNN do cấp thừa và kinh phí tiết kiệm*** | ***159*** | |
| | Nộp trả NSNN kinh phí không thường xuyên do cấp thừa | 66 | |
| | Nộp trả NSNN kinh phí tiết kiệm của đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 93 | |
| ***4*** | ***Kinh phí chuyển năm sau của đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP*** | ***126*** | |
| ***5*** | ***Chênh lệch thu - chi không thường xuyên (5=1-2-3-4)*** | ***0*** | |
| **III** | **Các khoản thu hộ, chi hộ, Quỹ đặc thù** | | *Chi tiết tại bảng 46* |
| ***1*** | ***Các khoản thu hộ, Quỹ đặc thù*** | ***35.927*** | |
| 1.1 | Các khoản thu hộ | 31.967 | |
| | Thu từ Dự án Eramus + | 276 | |
| | Thu từ đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 21.199 | |
| | Các khoản thu hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,....)* | 10.492 | |
| 1.2 | Thu các Quỹ đặc thù | 3.960 | |
| | Quỹ khuyến học | 1.710 | |
| | Quỹ hỗ trợ sinh viên | 2.250 | |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | | |
| ***2*** | ***Các khoản chi hộ, Quỹ đặc thù*** | ***29.167*** | |
| 2.1 | Các khoản chị hộ | 26.733 | |
| | Chi Dự án Eramus + | 276 | |
| | Chi đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 17.397 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Các khoản chi hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,....)* | 9.061 | |
| 2.2 | Chi các Quỹ đặc thù | 2.434 | |
| | Chi Quỹ khuyến học | 252 | |
| | Chi Quỹ hỗ trợ sinh viên | 2.162 | |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | 20 | |
| ***3*** | ***Chênh lệch các khoản thu hộ - chi hộ, Quỹ đặc thù (3=1-2)*** | ***6.760*** | |

*Bảng 39. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2021*
***(****trong đó không bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2020 (đồng)** | **Năm 2021 ( đồng)** | **Tỷ lệ tăng/giảm (so với năm 2020 (%)** | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **Số tiền (đồng)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 13 031 000 | 14 913 000 | 1 882 000 | 14 |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 14 782 000 | 17 161 000 | 2 379 000 | 16 |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 9 383 000 | 10 180 000 | 797 000 | 8 |

*Bảng 40. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2021*
*(trong đó bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2020 (đồng)** | **Năm 2021 ( đồng)** | **Tỷ lệ tăng/giảm (so với năm 2020 (%)** | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **Số tiền (đồng)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 15 372 000 | 16 767 000 | 1 395 000 | 9 |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 17 866 000 | 19 686 000 | 1 820 000 | 10 |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 10 177 000 | 10 622 000 | 445 000 | 4 |

Về quản lý và thu học phí, phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện thu học phí theo đúng quy định tại nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và tiếp tục thực hiện trong năm học 2021-2022 theo văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nguồn thu sự nghiệp thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và được thu theo các Nghị quyết của Hội đồng trường phê duyệt.

Phòng Kế hoạch Tài chính là đơn vị chủ trì xây dựng và đã hoàn thành Quy chế Tài chính theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐT ngày 25/1/2022; Quy định các thủ tục hành chính giải quyết ở bộ phận một cửa về thanh toán tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo Quyết định số 440/QĐ-MĐC ngày 18/5/2022; Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo quyết định số Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022; Tiếp tục sửa đổi các văn bản phục vụ công tác quản lý tài chính cho phù hợp với thực tế.

Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021: Phòng đã báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời gian quy định tại công văn số 680/BGDĐT-KHTC ngày 3/3/2022. Mẫu biểu báo cáo lập về cơ bản đầy đủ theo đúng quy định về chế độ báo cáo tài chính đối với đơn vị hành chính sự nghiệp. Phòng sử dụng các chương trình, phần mềm phục vụ công tác kế toán như: phần mềm kế toán, phần mềm lương, phần mềm thu học phí... để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán, thống kê số liệu và lập báo cáo trong quá trình quản lý tài chính của Trường.

Công tác chấp hành chế độ, định mức chi: Các nội dung chi của Trường đã bám sát theo nội dung, mức chi quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định nội bộ khác của Nhà nước. Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn thu hiệu quả, quản lý công tác chi đúng quy định, tiết kiệm, chống lãng phí. Các báo cáo tài chính hàng năm được công khai tài chính theo đúng quy định và được kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp trên như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kiểm toán Nhà nước công nhận.

Các khoản thu được thực hiện đúng với văn bản quy định về tài chính của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác theo đúng dự toán. Phòng KHTC đã chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ về tài chính, kế toán; thực hiện kịp thời các báo cáo tài chính, báo quyết toán tài chính.

Công tác thanh tra, kiểm tra: Trường thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra tài chính theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các khoản thu, chi tài chính thực hiện đúng với văn bản quy định về tài chính của các cơ quan thẩm quyền ban hành. Đồng thời Bộ Giáo dục và Đào tạo đã duyệt quyết toán tài chính năm 2021 và Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành III đã thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính và tài sản công năm 2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất từ ngày 25 tháng 07 năm 2022 đến ngày 26 tháng 08 năm 2022, Trường không vi phạm về tài chính.

Phòng KHTC đã chủ động tham mưu cho Hội đồng trường, Ban Giám hiệu phân bổ sử dụng nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của Trường, thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình hình hoạt động thực tế, Phòng hoàn thành xây dựng kế hoạch dự toán NSNN năm 2022 và kế hoạch tài chính – ngân sách Nhà nước 3 năm 2022-2024.

Thực hiện công khai công khai, minh bạch về tài chính trên Website của Trường, hội nghị viên chức, hội nghị kế hoạch tài chính. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến với Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm.

***9.1.2. Công tác cơ sở vật chất***

*Công tác quản lý cơ sở hạ tầng, nhà cửa, đất đai:*

Nhà trường đã phối hợp cùng Ban GPMB quận Hai Bà Trưng thực hiện phá dỡ nhà tắm phía trước sân trả lại mặt bằng cho dự án. Ban bồi thường GPMB đã thực hiện các thủ tục thanh toán bồi thường cho Nhà trường. Hiện nay đã thực hiện xong đo hiện trạng và xác nhận bản đồ khu đất tỉ lệ 1:200 và đang thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất.

*Công tác sửa chữa, cải tạo*

Năm học 2021-2022, Nhà trường thực hiện cải tạo thường xuyên các hạng mục: Cải tạo, sửa chữa sân trước Trạm Y tế; Sơn sửa phòng làm việc các đơn vị; Cải tạo phòng họp mới cho Khoa Mỏ; lắp đặt bồn chứa nước inox 35$m^3$ thay thế bể ngầm trước cửa Trạm Y tế cung cấp nước cho KTX D1, D2, nhà E và nhà ăn khu A; lắp đặt mái che bạt tầng 2 nhà để xe cán bộ, sinh viên khu A; lắp đặt hệ thống giám sát, quản lý xe ô tô của cán bộ viên chức, của khách ra,

vào trường, cải tạo dãy nhà cấp 4 B, C làm nhà ăn cho khoa GDQP, cải tạo ghép phòng giảng đường nhà A, B,… và một số công việc sửa chữa thường xuyên khác.

Kinh phí cải tạo, sửa chữa được lấy từ nguồn thu hợp pháp của Trường. Công tác sửa chữa, cải tạo chủ yếu được thực hiện học kỳ 1 năm học (cuối năm tài chính 2021 do KHTC 2021 phê duyệt vào 8/2021). Nhìn chung công tác cải tạo, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

*Công tác kiểm kê, theo dõi, quản lý trang thiết bị, máy móc, tài sản:*

Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của các trang thiết bị tại các tòa nhà chung và các vị trí công cộng, kiểm tra sử dụng và hoạt động tại các đơn vị khi cần.

*Công tác mua sắm tài sản, thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất*

Bổ sung máy chiếu, màn chiếu các phòng học lớn, tăng cường một số thiết bị, dụng cụ các phòng thí nghiệm, mua trang thiết bị phục vụ làm việc các đơn vị. Việc mua sắm được thực hiện vào học kỳ 1 năm học 2021-2022 (tức cuối năm 2021). Học kỳ 2 của năm học (tức đầu năm 2022), công tác mua sắm không thực hiện.

*Công tác Mua sắm dụng cụ vật tư hóa chất các phòng thí nghiệm*: được thực hiện theo kế hoạch.

*Công tác quản lý, vận hành, sửa chữa hệ thống điện nước:* về cơ bản ổn định, đảm bảo công tác đào đạo và làm việc của Nhà trường.

*Công tác thu hồi và thanh lý tài sản:*

Công tác thu hồi tài sản hỏng diễn ra thường xuyên khi tài sản phải thu hồi, thanh lý hay khi có đề xuất của các đơn vị. Hiện tượng tài sản hỏng như bàn ghế … một số đơn vị không làm thủ tục thanh lý mà bỏ ra cầu thang phụ, hành lang chung gần như không còn. Công tác Thanh lý tài sản thực hiện đúng quy định.

*Công tác quản lý kho và cấp phát vật tư, văn phòng phẩm*: Công tác cấp phát văn phòng phẩm cho các đơn vị đáp ứng nhu cầu, kịp thời và tiết kiệm.

*Công tác theo dõi quản lý hoạt động các phòng thí nghiệm:*

Năm học 2021-2022, Nhà trường đã được đầu tư và đưa vào sử dụng trang thiết bị thuộc dự án LNG và đã hoàn thành mua phần cứng, cài đặt phần mềm 4.0 do Hitachi tài trợ nhưng hiện tại chưa đưa vào hoạt động.

Hiện nay, toàn Trường có 42 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đại: 10 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí: 06 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 05 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

Để phù hợp với định hướng phát triển mới và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động các phòng thí nghiệm. Nhà trường đã Quyết định thành lập Ban Tổ chức, sắp xếp lại phòng thí nghiệm. Tháng 12/2021 đã có tờ trình HĐT sắp xếp lại phòng thí nghiệm, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có NQ về việc sắp xếp PTN. Phòng CSVC đã xây dựng xong dư thảo Quy định quản lý phòng thí nghiệm theo mô hình sắp xếp lại PTN nhưng phải chờ quyết định sắp xếp mới có thể xin ý kiến để ban hành.

Theo quy định của Nhà trường, cuối mỗi năm học, các phòng thí nghiệm sẽ thực hiện nộp sổ nhật ký phòng thí nghiệm về Nhà trường, tuy nhiên cho tới thời điểm cuối năm học vẫn có một số phòng thí nghiệm chưa nộp sổ nhật ký.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, năm học 2021-2022 tần suất hoạt động thí nghiệm giảm so với hoạt động bình thường.

### *9.1.3. Công tác quản lý các dự án*

Trong năm học 2021 - 2022 vừa qua, Ban QLCDA đã nỗ lực toàn diện, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ cụ thể sau:

*Công tác Giải phóng mặt bằng (GPMB)*

- Đến nay đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đỉnh.

- Do ngân sách Nhà nước cấp cho dự án đến thời điểm này còn hạn chế nên khối lượng công việc đã thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích đất đã được thu hồi theo quyết định của UBND quận Bắc Từ Liêm là 8,7ha/147 hộ dân và 01 tổ chức (UBND phường Cổ Nhuế 2) đạt khoảng 37% diện tích dự án nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (5,7ha/79 hộ dân); nằm trên địa giới hành chính phường Xuân Đỉnh (3,0ha/68 hộ dân).

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-HĐT ngày 26/4/2022 về Kế hoạch bồi thường hỗ trợ và tái định cư năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng trường và Kế hoạch số 02/KH-TTPTQĐ-UBND ngày 02/6/2022 về tiến độ GPMB để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị đại học của Chủ tịch hội đồng GPMB quận Bắc Từ Liêm.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ mặt bằng và chống tái lấn chiếm các khu vực, diện tích đã hoàn thành công tác GPMB.

*Công tác quản lý thực hiện dự án*

- Với nội dung đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Ban QLCDA đã tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, nghiên cứu điều chỉnh dự án theo phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư.

- Về công tác đầu tư xây dựng: với mục tiêu của Nhà trường là tập trung đầu tư vào Khu A1 thuộc dự án Khu Đô thị Đại học để nhanh chóng tạo ra một khuôn viên đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và các công trình trên cơ sở khu chức năng xây dựng trường học có diện tích 3,766ha/tổng diện tích khoảng 5,5ha của Khu A1 (06.CQ3) đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và để phù hợp với Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Ban QLCDA đã tham mưu đề xuất phân khu dự án theo phương án đầu tư như sau:

+ Đầu tư xây dựng Khu Giảng đường tại khu A1 (2021-2025): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là: 73 tỷ VNĐ (NSNN: 60 tỷ VNĐ; nguồn Nhà trường: 13 tỷ VNĐ). Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022.Theo kế hoạch dự kiến công trình sẽ bàn giao đưa vào sử dụng năm 2025.

+ Bám sát các Bộ, Ban ngành về đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Khu nhà đa năng, Giảng đường và Phòng thí nghiệm tại Khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha) vận hành cùng với Khu Giảng đường ở trên tạo ra 1 khu vực độc lập trong công tác khai thác và quản lý với tổng mức đầu tư khoảng 646 tỷ VNĐ.

- Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác Mỏ

Thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 26/4/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Trung tâm thực nghiệm khai thác mỏ của Chủ tịch Hội đồng trường; Chủ trương của tập thể Lãnh đạo Nhà trường trong công tác mở rộng cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trong năm học qua, Nhà trường đã giao cho Ban QLCDA triển khai từng bước chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh với mục tiêu: tăng cường cơ sở vật chất, đáp ứng như cầu đào tạo, công tác nghiên cứu triển khai tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ khai thác tài nguyên và Môi trường, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các lĩnh vực kỹ thuật Mỏ, Địa chất, Dầu khí cũng như kinh tế, quản trị, và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có Tổng mức đầu tư khoảng 37,2 tỷ VNĐ.

Hiện tại, căn cứ trên các nôi dung hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng khu đất tại phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả để triển khai dự án, Ban QLCDA đang tiếp tục làm việc với cơ quan hữu quan của UBND tỉnh Quảng Ninh để thực hiện những công việc liên quan đến việc gia hạn thời gian sử dụng đất.

- Dự án tăng cường năng lực Phòng thí nghiệm (PTN)

Tiếp tục thực hiện dự án Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0, theo kế hoạch gồm có 2 phần:

+ Phần tài trợ: đã hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm cho PTN.

+ Phần dịch vụ: Nhà trường đang thực hiện các công tác liên quan đến dịch vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ cho các cán bộ, viên chức phục vụ công tác giảng dạy trong năm học tới.

*Công tác quy hoạch cơ sở vật chất*

Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; trong đó mục tiêu về cơ sở vật chất là "Xây dựng Đề án lộ trình hiện đại hóa cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó có một số phòng thí nghiệm đạt chuẩn khu vực", Ban QLDA chủ động phối hợp với phòng Cơ sở vật chất, Kế hoạch Tài chính tham mưu cho Đảng ủy, Lãnh đạo nhà trường về công tác quy hoạch phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2030 và định hướng 2045 đạt hiệu quả tốt.

Hiện tại, Ban QLCDA đang phối hợp với Ban QLCDA Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Quyết định số 2465/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2022 về việc phê duyệt kế hoạch dự kiến thực hiện các nhiệm vụ tăng cường năng lực, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: Trường Đại học Mỏ - Địa chất dự kiến được cải tạo nhà C 12 tầng với nguồn kinh phí từ ngân sách 15 tỷ.

**9.2. Những tồn tại**

***Công tác tài chính***

- Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu phòng Kế hoạch Tài chính đã hoàn thành việc xây dựng Quy chế tài chính. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số bất cập, hạn chế hạn chế chồng chéo nhiệm vụ.

- Chưa thực hiện rà soát, phân loại mức độ tự chủ tài chính của các trung tâm trực thuộc theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, báo cáo Hội đồng trường có ý kiến trước phê duyệt. Khắc phục việc tổng hợp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc; báo cáo Hội đồng trường phê duyệt Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán tổng hợp hằng năm theo quy định tại Quy chế tài chính.

- Chưa trích lập quỹ học bổng, nguồn cải cách tiền lương theo quy định;

- Chưa hoàn thành việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật;

- Còn tồn tại một số khoản nợ của các đơn vị chưa làm thủ tục hoàn tạm ứng;

- Thu nhập của viên chức và người lao động còn thấp (đặc biệt là thu nhập của khối viên chức hành chính).

***Công tác cơ sở vật chất***

Trải qua quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường các tòa nhà trong Trường được xây dựng lâu năm, kết hợp thời tiết nhiệt đới ẩm gió mùa nên xuống cấp nhiều. Bên cạnh đó kinh phí sửa chữa hàng năm ngày càng hạn hẹp nên công việc sửa chữa, cải tạo còn hạn chế, khiêm tốn.

Về trang thiết bị phục vụ đào tạo của Nhà trường về cơ bản vừa thiếu và vữa cũ. Hàng năm, kinh phí chỉ đảm bảo được một phần kinh phí nhỏ để chi cho mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Do vậy chỉ đảm bảo tối thiểu chi cho mua sắm thường xuyên, nhỏ lẻ các thiết bị văn phòng. Trang thiết bị phòng thí nghiệm chủ yếu được hình thành từ các dự án, kinh phí thực hiện dự án ngày một khó khăn..

Công tác quản lý và hoạt động phòng thí nghiệm còn nhiều hạn chế, PTN hoạt động chưa thật hiệu quả.

**9.3.Giải pháp**

***Công tác tài chính***

- Thực hiện kiến nghị của đoàn kiểm tra của Bộ Giáo dục và đào tạo về xét duyệt báo cáo quyết toán năm 2021; kiến nghị của đoàn Kiểm toán Nhà nước kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính và tài sản công năm 2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Phòng Kế hoạch Tài chính sẽ là đơn vị đầu mối phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ, Hội đồng trường sửa Quy chế tài chính đã ban hành để hạn chế chồng chéo nhiệm vụ, phân định rõ chức năng, thẩm quyền theo quy định của Luật Giáo dục Đại học sửa đổi để việc thực hiện được thuận lợi trong quá trình vận hành, phát triển của Nhà trường.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan, chủ yếu là phòng Tổ chức cán bộ, Đào tạo đại học, Đào tạo Sau đại học, Khoa học công nghệ và Cơ sở vật chất để tăng nguồn thu từ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động dịch vụ của Trường để thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/ĐU ngày 30/12/2020 về các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động; Phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ tham mưu cho Ban lãnh đạo Trường thực hiện đồng bộ để đảm bảo hài hòa thu nhập giữa 2 khối viên chức giảng dạy và viên chức khối hành chính khi khối lượng công việc nhiều hơn.

- Nghiên cứu văn bản Nhà nước thực hiện trích lập quỹ học bổng, nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

- Khẩn trương chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong Trường xây dựng và ban hành làm cơ sở để xây dựng mức thu học phí, các mức giá dịch vụ trong hoạt động giáo dục của đơn vị để đảm bảo công khai minh bạch; tránh các khoản thu trùng lặp đã kết cấu trong học phí; đồng thời làm cơ sở để thực hiện trách nhiệm giải trình trước xã hội về các mức thu của đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng các văn bản phục vụ quản lý tài chính cho phù hợp với sự thay đổi các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế: Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định các thủ tục hành chính giải quyết ở bộ phận một cửa về thanh toán tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

- Phối hợp với phòng TCCB trong việc phân phối thu nhập tăng thêm đảm bảo nguyên tắc: ‘Người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi thì được hưởng nhiều hơn”;

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và công khai tài chính: Phòng KHTC sẽ tham mưu ban lãnh đạo Trường có thể thuê đơn vị kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ với các thành viên là người có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán nhằm thực hiện công tác kiểm toán đạt hiệu quả và đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước. Thông qua công tác kiểm toán giúp các đơn vị phát hiện những thiếu sót, kịp thời thực hiện chấn chỉnh lại những sai sót trong công tác quản lý tài chính và đưa công tác quản lý tài chính các trường đi vào nề nếp theo đúng quy định của Nhà nước;

- Phòng Kế hoạch Tài chính sẽ báo cáo Ban Giám hiệu, thông báo các đơn vị thực hiện thanh toán công nợ đối với các khoản tạm ứng chưa hoàn của các tổ chức, cá nhân.

- Lng nợ đối với các khoản tạm ứng chưa hoàn của các tổ chức, cá nhân. vịam mưu ban lãnh đạo Trường có thể thuê đơn vị kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ với các thànht, bg nợ đối với

***Công tác cơ sở vật chất***

Tăng cường tối đa kinh phí từ các nguồn khác nhau (ngân sách Nhà nước, tài trợ, xã hội hóa, tăng cường các nguồn thu dịch vụ,…) để có kinh phí đầu tư nâng cao cơ sở vật chất cho Nhà trường.

Hoàn thành việc sắp xếp lại các phòng thí nghiệm trong Trường để ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm. Huy động tối đa kinh phí từ các nguồn để đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm. Từ đó định hướng phát triển các nguồn thu từ hoạt động thí nghiệm và nghiên cứu khoa học.

Sau khi hoàn thành việc sắp xếp lại các phòng thí nghiệm sẽ ban hành quy định quản lý sử dụng phòng thí nghiệm thay thế quy định cũ, đảm bảo thúc đẩy phát triển hơn nữa hoạt động của các phòng thí nghiệm trong Trường.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã được chú trọng và đạt hiệu quả hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

***Công tác quản lý các dự án***

Thường xuyên rà soát và cập nhật các văn bản pháp luật để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị theo đúng quy định; chủ động, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ trình Hiệu trưởng ban hành nhằm chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Trường liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Chủ động ra các quyết định quản lý, điều hành nếu được ủy quyền.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị khác để thực hiện tốt công việc của Trường. Quản lý trực tiếp và toàn diện cán bộ, viên chức và người lao động của đơn vị. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, viên chức trong đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ và đáp ứng các yêu cầu phát triển của Trường.

Lập kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện.

**10. Công tác thông tin, thư viện**

**10.1. Những kết quả đạt được**

***10.1.1. Công tác thư viện***

Kinh phí bổ sung nguồn lực thông tin năm 2021 - 2022 tăng 20% so với năm 2020 - 2021. Cụ thể như sau:

Mua 190 đầu sách (1806 cuốn);

Mua 02 CSDL điện tử;

Phòng Xuất bản chuyển cho Thư viện 04 đầu sách (1105 cuốn);

Nhận tặng 17 đầu sách tiếng Việt (1007 cuốn) và 02 đầu sách tiếng Anh (02 cuốn) từ các giảng viên trong Trường;

Nhận 286 cuốn luận án/luận văn và 49 báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học;

Phục vụ hơn 8000 lượt bạn đọc, gần 9000 lượt tài liệu.

*Bảng 41. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022*

| **Năm học** | **PHÒNG XUẤT BẢN IN** | | |
|---|---|---|---|
| | **Giáo trình** | | **Ghi chú** |
| | **Số lượng** | | |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | |
| 2020 - 2021 | 6 | 720 | |
| 2021 - 2022 | 4 | 1005 | |
| Tăng/Giảm | -33,3% | +39,5% | |
| **Năm học** | **TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA** | | |
| | **Tài liệu giấy** | | **Cơ sở dữ liệu điện tử** |

| | Số lượng | | Kinh phí (đồng) | Số lượng | Kinh phí (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | | |
| 2020 - 2021 | 241 | 2091 | 361.083.000 | 01 | 45,000,000 |
| 2021 - 2022 | 190 | 1806 | 293,643,688 | 02 | 71,000,000 |
| Tăng/Giảm | -21,1% | -13,6% | -18,6% | 100% | +57,7% |
| Năm | TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG | | | | |
| | Tiếng Việt | | | Tiếng Anh | |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | Đầu tài liệu liệu | Cuốn |
| 2020 - 2021 | 24 | 126 | | 121 | 150 |
| 2021 - 2022 | 17 | 1007 | | 2 | 2 |
| Tăng/Giảm | -29,1% | +69% | | -98,3% | -98,6% |

*Bảng 42. Nhập, bán sách năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022*

| Năm | CẤP NHÀ XUẤT BẢN | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Nhập | | Bán | |
| | Số lượng (cuốn) | Kinh phí (đồng) | Số lượng (cuốn) | Kinh phí (đồng) |
| 2020 - 2021 | 160 | 8.700.000 | 432 | 14.050.000 |
| 2021 - 2022 | 70 | 5.625.000 | 384 | 12.583.000 |
| Tăng/giảm | -56,25% | -35,34% | -11,11% | -10,44% |

*Ghi chú:* Số lượng và giá trị sách bán giảm do sinh viên học trực tuyến trong thời gian dịch COVID-19.

Rà soát, bổ sung tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần của 03 chương trình đào tạo vừa đánh giá và các CTĐT khác.

Mở cửa ngoài giờ đến 19h (từ thứ 2 đến thứ 6) và cả ngày thứ 7 trong 6 tháng ôn thi của sinh viên.

***10.1.2. Công tác công nghệ thông tin***

- Đã xây dựng Quy hoạch tổng thể hạ tầng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số của Nhà trường trình Hội đồng trường.
- Đã xây dựng Đề án mua sắm, lắp đặt hệ thống mạng WiFi khu A được Hội đồng trường phê duyệt, đang tiến hành thực hiện các bước triển khai.
- Đảm bảo công tác kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử, duy trì thứ hạng TOP 15 Việt Nam của Nhà trường trong bảng xếp hạng Webometrics.
- Quản trị, vận hành, sửa chữa, khắc phục sự cố hệ thống mạng, Cổng TTĐT, e-mail…
- Đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử trình Hội đồng trường ban hành.

**10.2. Những tồn tại**

- Tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các ngành đào tạo còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.
- Hệ thống hạ tầng CNTT, mạng máy tính còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường.

**10.3. Nguyên nhân và giải pháp**

***Nguyên nhân***

- Nhiều tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần đã cũ, không có hoặc rất hiếm có tại các nhà cung cấp hiện nay.
- Các khoa, bộ môn còn chậm trong việc đề xuất mua tài liệu theo Quyết định số 748/QĐ-MĐC, ngày 28/06/2022, của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Tài liệu tiếng Anh trong các đề cương chi tiết học phần còn ít, cũ.
- Kinh phí bổ sung tài liệu còn hạn chế.
- Trang thiết bị hệ thống hạ tầng CNTT của Nhà trường được đầu tư đã lâu và thiết kế chưa đạt chuẩn.

***Giải pháp***

- Thư viện tiếp tục làm việc với các khoa, bộ môn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết, bổ sung tài liệu cho các ngành đào tạo.
- Tăng cường bổ sung tài liệu tiếng Anh mới cho các ngành đào tạo để tiến tới hội nhập với khu vực và quốc tế.
- Tăng cường kinh phí bổ sung tài liệu.
- Triển khai Đề án mua sắm, lắp đặt hệ thống mạng WiFi khu A.
- Triển khai công tác chuyển đổi số của Nhà trường theo quy hoạch.

**11.Công tác y tế**

**11.1. Những kết quả đạt được**

- Năm học 2021 - 2022, Trạm Y tế đã thực hiện tốt công tác y tế, Trực sơ cứu, cấp cứu đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.
- Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, vệ sinh an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội. Đặc biệt là đại dịch Covid-19, Trạm Y tế đã tham mưu giúp Nhà trường để đưa ra biện pháp giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, phân công cán bộ y tế trực Covid-19 ngoài giờ, điều tra, tư vấn, hướng dẫn, giám sát những cán bộ và SV đi từ vùng dịch, khu cách ly, khu phong tỏa, hướng dẫn cách ly, theo dõi đúng quy định, tuyên truyền cho cán bộ và sv phòng chống dịch Covid-19 an toàn tuyệt đối với tổng số là: 1.198 người.
- Thu dung sinh viên F0 nội trú ký túc xá đi điều trị tập trung tại quận Bắc là 70 sinh viên;
- Tổng số xét nghiệm tert nhanh Covid-19 cho cán bộ và sinh viên: 254 lần,
- Phối hợp với Trung tâm dịch vụ lập phương án điều trị F0 tại ký túc xá khu A, B tổng số: 26 sinh viên,
- Báo cáo hàng ngày với lãnh đạo Nhà trường, Ngành dọc,
- Tổ chức tiêm phòng Vaccine Covid-19 cho toàn thể cán bộ của Nhà trường và các Trung tâm trong Nhà trường đạt tỷ lệ: M1 đạt 99,4%, M2 99%, M3 99%, M4 62%,
- Tổ chức tiêm phòng Vaccine Covid-19 tiếp các mũi cho sinh viên đạt tỷ lệ: M1: 99.7%, M2: 99,7%, M3: 97.6%, M4 36,2%,
- Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC. Năm 2021 540/741 cán bộ, tổng kinh phí là: 362.714.000 đồng. (năm 2022 do dịch bệnh Covid-19 nên dự kiến tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ tháng 12/2022).
- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K65 vào tháng 11/2020: 1622/2027 sinh viên, tại Phòng khám Trường Đại học Y tế công cộng. theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ. (do dịch Covid-19 chưa tổ chức khám vét hết, số còn lại sẽ tổ chức khám cùng SV k66).
- Tuyên truyền Luật BHYT cho các lớp SV Nhà trường để Sv thực hiện đúng Luật BHYT, năm 2021 - 2022 tỷ lệ mua BHYT đạt 98.57%

**11.2. Những tồn tại**

- Năm 2021 - 2022 chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, viên chức, SV khóa 66 đúng kế hoạch (do dịch Covid-19 không tập trung đông người).

- Phải tổ chức 04 đợt làm thẻ BHYT mới đạt 98.57% sinh viên mua thẻ, nhận thức kém của một số sinh viên về giá trị và tính nhân văn của BHYT, Nhà trường chưa có chế tài rõ ràng (chế tài chung chung) chỉ mang tính chất dăn đe.

**11.3. Giải pháp**

Tiếp tục tuyên truyền cho sinh viên hiểu và nhận thức về giá tri của thẻ BHYT và tính nhân văn của BHYT, Nhà trường có chế tài rõ ràng, xử phạt nghiêm những sinh viên không tham gia thẻ BHYT.

**12. Hoạt động dịch vụ**

**12.1. Những kết quả đạt được**

*Công tác Ký túc xá*

- Chất lượng phòng ở sinh viên tại Ký túc xá (KTX) được cải thiện. Tình hình an ninh trật tự, an ninh chính trị trong khu nội trú sinh viên được giữ vững. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được tăng cường và đã đạt được những thành công nhất định, được dư luận xã hội và sinh viên đánh giá cao. Trung tâm cũng đã góp phần vào thành công của kiểm định khảo sát đánh giá ngoài 04 CTĐT của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Trong đợt phòng dịch Covid-19, Trung tâm đã phối với chặt chẽ các phòng ban liên quan trong Trường để đảm bảo tốt công việc phòng và chống dịch. Ban quản lý KTX đã tuyên truyền cho sinh viên nội trú những khuyến cáo về dịch bệnh và cách phòng chống, liên tục cập nhật và gửi thông tin đến sinh viên dưới nhiều hình thức, đảm bảo sinh viên nắm rõ về tình hình dịch bệnh và có những kiến thức, kỹ năng cơ.

*Công tác trông giữ xe*

- Trong năm học 2021 - 2022, Trung tâm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không để xảy ra mất mát tài sản.

- Các bãi xe luôn được dọn dẹp sạch sẽ; công tác phòng cháy cháy nổ được đặt lên hàng đầu.

- Công tác thu và quản lý nguồn thu từ các bãi trông giữ xe ô tô, xe máy đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định.

*Công tác cho thuê cơ sở vật chất*

- Hiện Trung tâm đang quản lý việc cho thuê cơ sở vật gồm: Nhà công đoàn, Nhà ăn Khu A, Nhà ăn Khu B, KTX khu B, Nhà khách, vị trí đặt máy bán cafe tự động.

- Các hoạt động cho thuê cơ sở vật chất được trung tâm quản lý chặt chẽ theo đúng hợp đồng ký kết. Hàng tuần, Trung tâm đều có kiểm tra, giám sát việc thuê và sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường đảm bảo tuân thủ đúng hợp đồng.

*Công tác phát triển dịch vụ*

- Theo chiến lược phát triển, Trung tâm phải phát triển đa dạng dạng hóa các loại hình dịch vụ từng bước tạo hệ sinh thái dịch vụ khép kín trong trường, tạo việc làm và tăng nguồn thu cho Nhà trường. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch covid cũng như chưa hoàn thiện được cơ sở pháp lý nên Trung tâm vẫn đang trong trạng thái lên kế hoạch phát triển các loại hình dịch vụ như: Nước đóng chai, café, ăn nhanh, quà lưu niệm, không gian khởi nghiệp, các dịch vụ tiện ích và vui chơi giải trí…

*Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài*

- Hiện Trung tâm đang quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài gồm: Thuê cắt tỉa cây, thuê vệ sinh công nghiệp, thuê thu gom rác thải, thuê bảo vệ.

- Các dịch vụ thuê bên ngoài đang được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Do tình hình dịch covid-19, Trung tâm đã chủ động đề nghị giảm giá trên cơ sở các các điều khoản của hợp đồng và thực tế thực hiện.

**12.2. Những tồn tại**

***Công tác Ký túc xá***

- Chưa khắc phục triệt để được tình trạng nấu ăn trong phòng.
- Vẫn còn hiện tượng cán bộ trực KTX chưa sát sao đến từng sinh viên, còn hiện tượng bỏ trực, bỏ vị trí làm việc hoặc nhờ người trực hộ.
- Vẫn còn tình trạng sinh viên nước ngoài tụ tập ăn uống trong giai đoạn toàn TP. Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội theo quy định.

***Công tác trông giữ xe***

Do đặc thù công việc, môi trường làm việc ngoài trời bất kể nắng hay mưa, hàng ngày cán bộ Tổ xe Trung tâm Dịch vụ tiếp xúc với một lượng lớn khói bụi. Trong những năm qua, ngoài việc được Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị phòng chống cháy nổ, quần áo bảo hộ lao động (gồm: áo mưa, ủng), cán bộ Tổ xe chưa được nhận bất kì một chế độ làm việc nào cho người lao động khi làm việc ngoài trời.

- Bãi xe là nơi có nguy cơ cháy nổ cao và khi xảy cháy rất dễ cháy lan, cháy lớn gây hậu quả nghiêm trọng do phương tiện đậu san sát, luôn có hơi xăng dầu tích tụ. Nguy hiểm là vậy nhưng công tác phòng cháy chữa cháy còn buông lỏng.
- Do tình hình dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, sinh viên học trực tuyến thời gian dài, do đó các bãi trông giữ xe đã không có doanh thu.

***Công tác cho thuê cơ sở vật chất***

- Do chưa sâu sát trong quản lý và chưa có kinh nghiệm trong kiểm tra, giám sát nên đã để đối tác thuê cơ sở vật chất sử dụng vào các việc không đúng quy định trong hợp đồng làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà trường.
- Vẫn còn một số vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình thực hiện, như một số hợp đồng trước đây ký quá dài, ...

***Công tác phát triển dịch vụ***

- Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên các dịch vụ mới vẫn chưa được triển khai.
- Kết hợp với P.CTCTSV, P.QHCC xây dựng hệ sinh thái phục vụ sinh viên.

***Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài***

Việc thuê ngoài có thể đem đến cho tổ chức những nguy cơ tiềm ẩn và có khả năng đặt tổ chức vào những rủi ro pháp lý. Chất lượng dịch vụ cũng thường là vấn đề của giai đoạn chuyển tiếp từ dịch vụ nội bộ sang thuê ngoài. Trong thời gian đầu nhân viên bên được thuê ngoài chưa nắm rõ hệ thống của khách, nên sẽ gây chậm trễ trong giải quyết sự cố hoặc sai sót.

**12.3. Giải pháp**

***Công tác Ký túc xá***

- Cần phải thay đổi tư duy, cách tiếp cận để có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng KTX. Nếu không có khả năng tự triển khai thì phải tìm cơ chế xã hội hóa, hợp tác với doanh nghiệp.
- Có chính sách truyền thông, quảng bá để thu hút sinh viên vào ở KTX.
- Hoàn thiện nội quy về ở nội trú cho phù hợp với sự phát triển của Trung tâm theo từng năm học trên cơ sở quy chế học sinh, sinh viên. Những quy định này nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sinh hoạt và hỗ trợ tốt nhất cho việc tự học của sinh viên, đồng thời cũng tạo ra những chuẩn mực cho công tác quản lý.

***Công tác trông giữ xe***

- Để an toàn hệ thống điện cần phải được bảo vệ trong các ống chống cháy. Xe cộ cần phải được xếp ngay ngắn thành hàng và phải chừa lối đi không được để bừa bãi.
- Bình chữa cháy cần trang bị tại các khu vực đó để kịp thời dập lửa tuy nhiên bình chữa cháy chỉ có công dụng với những ngọn lửa mới bắt đầu nhen nhúm, khi ngọn lửa lớn cần phải sử dụng các lăng vòi kịp thời phun nước vào đám cháy.
- Để giảm bớt nhân công và thuận tiện cho việc giữ xe, nhà xe 2 tầng cán bộ và sinh viên cần lắp hệ thống máy quẹt thẻ vào/ra thông minh, camera tại các tầng.

***Công tác cho thuê cơ sở vật chất***

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, công năng, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất được Nhà trường giao quản lý, khai thác.

- Xây dựng Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (các cơ sở vật chất, hạng mục có thể cho thuê còn lại của Nhà trường).

***Công tác phát triển dịch vụ***

Khi Trung tâm tự chủ về hoạt động có chức năng pháp lý, có con dấu, tài khoản sẽ giúp hoạt động linh hoạt, thuận lợi trong các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.

***Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài***

Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết thông qua tuyển chọn, đấu thầu đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng pháp luật.

**13. Các công tác khác**

**13.1. Những kết quả đạt được**

***13.1.1. Thực hiện quy chế dân chủ***

Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường đã triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; nêu cao tinh thần gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên trong thực hành dân chủ. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp dân; tăng cường tiếp xúc, đối thoại và giải quyết kịp thời những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của cán bộ, viên chức, người lao động và người học; tiếp nhận và giải quyết, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ.

Tạo điều kiện để cán bộ, viên chức, người lao động tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tham gia góp ý, phản ảnh những điểm còn chưa hợp lý trong việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các đơn vị, những nội dung còn chưa hợp lý trong các nội quy, quy chế của Nhà trường để đề xuất, kiến nghị bổ sung cho phù hợp.

Hiện nay, Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định trong mọi lĩnh vực quản lý quan trọng của Trường: Quy chế Tổ chức và hoạt động; Quy định về quan hệ giữa Đảng ủy và Ban Giám hiệu; Đề án Vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong Trường Đại học Mỏ-Địa chất; Quy chế tài chính, Quy định chi tiêu nội bộ; Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động; Quy định về nâng lương; Quy định về quản lý công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác khảo thí, công tác nghiên cứu khoa học; Thi đua khen thưởng; Đánh giá, phân loại, cán bộ, viên chức; …Các quy định được ban hành đầy đủ, phù hợp đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Trường, đảm bảo sự dân chủ trong công tác quản lý.

Mặt khác Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến toàn thể cán bộ, viên chức, người học cho các quy chế, quy định, sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển Trường, quy chế Tổ chức hoạt động, Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý và xử lý kỷ luật viên chức, người lao động, Nội quy lao động, Quy định văn hóa công sở, Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, Quy chế dân chủ, Quy chế lương, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ... qua các thông báo số 01a/TB-MĐC, 17/MĐC-TCCB, 134/MĐC-TCCB, 286/MĐC-TCCB, 357/MĐC-VPĐĐ, 305/MĐC-TCCB, 446/MĐC-TCCB, 535/MĐC-TCCB, 574/MĐC-KHTC, 584/MĐC-KHTC..... và khảo sát qua đường link, qua web của Nhà trường.

- Bên cạnh việc triển khai các văn bản hiện có, Nhà trường liên tục cập nhật các quy định pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời các văn bản đã có. Cụ thể trong tháng 3, tháng 11/2021 Nhà trường đã sửa đổi, bổ sung ban hành quy định nâng lương, tháng 9/2021 ban hành Quy chế dân chủ, tháng 6/2022 ban hành quy định chi tiêu nội bộ và một số văn bản khác đang tiếp tục được sửa đổi, bổ sung để ban hành.

Kết quả việc thực hiện quy chế dân chủ đã từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Nhà trường.

***13.1.2. Công tác quân sự địa phương, Giáo dục quốc phòng và an ninh***

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường đã thực hiện và hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương, Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên, cụ thể là:

- Xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch trong năm theo quy định Ban chỉ huy quân sự quận như: Kế hoạch công tác quốc phòng, quân sự địa phương; Kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị đảm bảo đúng chất lượng, đúng thời gian quy định. Đồng thời, thực hiện tốt công tác báo cáo, tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban chỉ huy quân sự quận và cấp trên tổ chức.

- Đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, sẵn sàng nhập ngũ. Đăng ký quản lý sĩ quan dự bị, quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội, phương tiện kỹ thuật.

- Tiếp nhận và giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học, tốt nghiệp ra trường, thôi học về địa phương theo quy định.

- Lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ tại chỗ theo đúng nội dung, chương trình đã được Ban chỉ huy quân sự quận phê chuẩn. Tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ tham gia Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Ba đồng đội môn Kỹ thuật, giải Ba toàn đoàn khối tự vệ quận, bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị.

- Tuyển chọn 34 nam sinh viên tốt nghiệp đại học năm 2022 đi đào tạo sĩ quan dự bị, vượt 04 chỉ tiêu, chất lượng chính trị cao (05 đảng viên).

- Cử 06 đồng chí cán bộ tham gia tập huấn công tác dân quân tự vệ do Ban chỉ huy quân sự quận tổ chức; cử 02 cán bộ tham gia tập huấn công tác quốc phòng, quân sự do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Động viên 02 sĩ quan dự bị đi huấn luyện tập trung, đảm bảo đúng thành phần triệu tập, chất lượng huấn luyện tốt.

- Năm học 2021-2022, đã triển khai giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho khoảng 4.800 sinh viên khóa 66. Quá trình dạy và học bảo đảm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, quy định của môn học, chấp hành tốt kỷ luật học tập trên giảng đường và bãi tập, quản lý chặt chẽ về quân số và thời gian, bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn tuyệt đối với người và vũ khí trang bị. Thông qua quá trình đào tạo trang bị cho sinh viên một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; đặc biệt trong quá trình giảng dạy đã lồng ghép các nội dung cơ bản với xây dựng cho sinh viên tính tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể trong quá trình học tập.

- Hiện nay, Nhà trường đang chỉ đạo khoa Giáo dục quốc phòng phối hợp với các đơn vị chức năng tiếp tục triển khai việc đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, sửa chữa, nâng cấp giảng đường chuyên dùng đảm bảo cho việc học tập, ăn, ở, sinh hoạt tập trung môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên tại cơ sở khu B ngày càng tốt hơn.

***13.1.3. Công tác công đoàn***

***Công tác chăm lo, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho CBNGNLĐ***

- Phối hợp với Chính quyền triển khai công tác tiêm vắc-xin phòng Covid-19 (mũi 2, mũi 3, mũi 4) cho CBVC Trường; Xét, chi thăm hỏi 121 CBVC mắc Covid-19 điều trị tại nơi cư trú với số tiền: 62.100.000 đồng (đợt 1 và đợt 2); Tham mưu, đề xuất Nhà trường chi hỗ trợ CBNGNLĐ gặp khó khăn do đại dịch Covid-19: 500.000 đồng/CB với tổng số tiền là: 354.000.000 đồng.

- Tổ chức gặp mặt, tri ân các đồng chí nguyên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn Trường các thời kỳ nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam (tháng 7/2022)

***Tham gia quản lý; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định***

- Tham gia xây dựng và tuyên truyền và giám sát thực hiện Quy chế dân chủ; Quy định văn hóa công sở Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Tham gia xây dựng, góp ý và tổng hợp góp ý Dự thảo Nội quy Lao động Trường Đại học Mỏ - Địa chất trước khi trình Hội đồng trường ký Nghị quyết ban hành; Tổng hợp, tiếp thu các ý kiến, kiến nghị của các đơn vị về Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể năm học 2021-2022 để trình Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng Trường bàn bạc, xem xét trước khi quyết định.

- Tiếp đoàn công tác của Công đoàn GDVN làm việc với lãnh đạo và cán bộ, viên chức Trường về việc khảo sát, phỏng vấn "Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn trong các trường đại học công lập thực hiện cơ chế tự chủ hiện nay"; Tham gia cùng đoàn công tác làm việc với các đơn vị về thẩm định vị trí việc làm tại các đơn vị

***Công tác tuyên giáo***

- Tuyên truyền 70 năm ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam (22/7/1951 - 21/7/2021) theo tình hình mới – thích ứng an toàn với dịch Covid-19;

- Tuyên truyền và vận động CBNGNLĐ thực hiện Quy định văn hóa công sở Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Quyết định 87/QĐ-MĐC ban hành ngày 14/02/2022);

- Vận động CBVCNLĐ Trường ủng hộ và mua lương thực, thực phẩm hỗ trợ 712 sinh viên Trường lưu trú tại Ký túc xá và khu vực quanh trường gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 với tổng số tiền: 161.983.200 đồng;

- Vận động CBVCNLĐ Trường ủng hộ Máy tính cho em với tổng số tiền: 212.456.528 đồng; Ngoài ra. Trích quỹ khuyến học ủng hộ Máy tính cho em thông qua Hội Khuyến học Hà Nội: 3.000.000 đồng.

- Với vai trò là Khối trưởng Khối Thi đua số 2, Công đoàn Trường đã tổ chức thành công Tọa đàm "Nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo – Vai trò của tổ chức công đoàn trong các trường Đại học" tại Hạ Long, Quảng Ninh**.**

***Công tác Nữ công***

- Nhân dịp kỷ niệm 91 năm ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam 20/10/2021: tổng kết phòng trào "Giỏi việc Trường - Đảm việc nhà" năm học 2020 - 2021; vinh danh nữ Phó Giáo sư, nữ cán bộ đã bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ; tuyên dương khen thưởng nữ cán bộ, sinh viên có thành tích xuất sắc trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác, học tập và rèn luyện

- Tổ chức cho hơn 600 các cháu thiếu niên, nhi đồng là con cán bộ xem phim sau thời gian phải học online, thực hiện giãn cách do dịch Covid; tổ chức tuyên dương, khen thưởng con cán bộ đạt thành tích cao trong học tập nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6.

***Tổ chức, triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động***

- Tổ chức các hoạt động Tháng Công nhân năm 2022 với chủ đề "Công nhân Việt Nam: Tiên phong, sáng tạo, trách nhiệm, an toàn, thích ứng"; vận động CBNGNLĐ tích cực tham gia Chương trình "01 triệu sáng kiến – nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19" do Công đoàn Giáo dục Việt Nam phát động;

- Hưởng ứng Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2022: tổ chức cuộc thi "Công sở Xanh - Sạch - Đẹp" thu hút nhiều đơn vị hưởng ứng tham gia;

***Công tác nâng cao chất lượng cán bộ công đoàn, chất lượng hoạt động công đoàn tại đơn vị.***

- Tổ chức 01 lớp tập huấn cán bộ công đoàn các cấp (trực tuyến); tổ chức giao lưu trao đổi kinh nghiệm hoạt động công đoàn; tham quan Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (tháng 5/2022)

- Đã hoàn thành nhập thông tin lên phần mềm đoàn viên.

***Khen thưởng***

- Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng cờ thi đua Công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc năm học 2021 - 2022

***13.1.4. Công tác Đoàn TN, Hội SV***

Năm học 2021-2022 đã có những bước phát triển mới trên nhiều lĩnh vực thuộc công tác của Đoàn thanh niên – Hội sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất mang lại nhiều giá trị về tinh thần cho Đoàn viên, sinh viên cũng như cộng đồng xã hội. Dưới chỉ đạo sát sao của Thành đoàn – Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội; sự quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi của Đảng ủy - Ban Giám hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất; sự phối hợp hỗ trợ tích cực của các đơn vị trong trường để có thể triển khai hiệu quả các phong trào, hoạt động, đạt được những kết quả đáng ghi nhận và hoàn thành xuất sắc phần lớn các mục tiêu đã đề ra.

Công tác giáo dục truyền thống, Công tác giáo dục đạo đức lối sống, ý thức pháp luật, Công tác thăm dò tư tưởng và dư luận xã hội cho Đoàn viên, sinh viên luôn được chú trọng tăng cường, triển khai rộng khắp và thực hiện hiệu quả.

Việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã tạo sự chuyển biến nhất định trong ý thức rèn luyện, phấn đấu, góp phần nâng cao ý thức và chất lượng học tập của đoàn viên, học sinh, sinh viên trong toàn trường. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên Trường đã tổ chức thành công Cuộc thi "Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác năm 2022", đây là cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến được tổ chức giúp sinh viên HUMG tăng cường tìm hiểu, học tập các môn học về Khoa học Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Công tác tổ chức phát triển các CLB sinh viên luôn được ĐTN – HSV Trường quan tâm triển khai. Hệ thống các CLB sinh viên của HUMG với 26 CLB đang thu hút hơn 1600 đoàn viên sinh viên tham gia trên các mảng hoạt động: văn nghệ - thể thao, học thuật, kỹ năng mềm ... đã góp phần làm phong phú cách thức tổ chức phong trào Đoàn – Hội, nâng cao kỹ năng sống cho đoàn viên, sinh viên HUMG.

Trong năm học 2021 – 2022 vừa qua, do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nên phần lớn thời gian sinh viên HUMG phải học tập online. Tuy nhiên, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên HUMG đã rất sáng tạo trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động, sân chơi phù hợp cho sinh viên. Nhiều cuộc thi dưới hình thức Online của ĐTN – HSV Trường đã thu hút đông đảo đoàn viên sinh viên tham gia như: Cuộc thi Tiếng hát sinh viên Online The Voice 2021, Cuộc thi The Face Online 2021, The Challenge 7 Days, ... Đây là những sự kiện lần đầu tiên được tổ chức tại HUMG nhằm mục đích tạo sân chơi giúp sinh viên Nhà trường tự tin thể hiện bản thân, tạo không khí vui tươi, bổ ích dành cho sinh viên trong thời gian phải học tập trực tuyến do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Công tác NCKH và Olympic sinh viên luôn được Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường quan tâm. Đoàn trường đã phát huy được vai trò tích cực và sáng tạo của đông đảo đội ngũ đoàn viên –giảng viên, đây là nhân tố quan trọng trong các phong trào NCKH. Năm học 2021 - 2022, mặc dù là năm học bị ảnh hưởng nhiều của dịch Covid-19 nhưng nhiều đoàn viên là sinh viên được tham gia NCKH và hoàn thành xuất sắc đề tài đảm nhiệm. Toàn trường đã có hơn 300 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đăng ký tham gia và thi tại 28 tiểu ban.

Các phong trào tình nguyện vẫn luôn được duy trì đều đặn hàng năm và ngày càng thu hút lòng nhiệt thành từ rất đông các bạn sinh viên trong trường tham gia hỗ trợ các công việc của Nhà trường và cộng đồng. Trong mùa hè vừa qua, ĐTN – HSV Trường đã triển khai thành công và an toàn Chiến dịch Tiếp sức Mùa thi 2022 cho 02 đợt thi: Kỳ thi vào lớp 10 THPT và Kỳ thi THPT gồm tổng cổng 08 điểm thi trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm với sự tham gia của 90 tình nguyện viên.

Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường cũng đã chỉ đạo và triển khai Chiến dịch Mùa hè Xanh 2022 với 03 đội hình tình nguyện tham gia hoạt động tại các địa bàn: Huyện Lý Nhân – Tỉnh Hà Nam, huyện Lang Chánh – Tỉnh Thanh Hóa và huyện Thanh Chương – Tỉnh Nghệ An với 160 tình nguyện viên tham gia. Trong Chiến dịch Mùa hè Xanh 2022, các đội SVTN, các bạn tình nguyện viên của HUMG đã triển khai và thực hiện rất nhiều phần việc có ý nghĩa như: Thực hiện đường hoa thanh niên, làm các cột biển tuyên truyền;Cải tạo hệ thống thủy lợi cho bà con nhân dân; Dạy Tiếng anh cho trẻ em; Dạy Tiếng Việt cho sinh viên Lào, Campuchia; Thăm hỏi, tri ân các gia đình chính sách nhân dịp 27/2; Thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn...

Trong năm học 2021 – 2022, đã có hơn 1000 lượt đoàn viên, sinh viên của Nhà trường đã nhiệt tình tham gia đội Phản ứng nhanh phòng chống Covid HUMG, tham gia hỗ trợ Nhà trường và địa bàn xung quanh trong công tác phòng chống Covid-19.

Đoàn Thanh niên Trường đã triển khai thành lập 12 tư vấn hỗ trợ F0 trực tiếp cho các Khoa có quản lý sinh viên và 01 tổ tư vấn Y tế HUMG, kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho các bạn sinh viên bị nhiễm Covid-19, rà soát cập nhật tình trạng sinh viên là các ca F0, F1 để thống kê dữ liệu giúp Nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch học tập phù hợp cho sinh viên.

Đặc biệt, trong thời gian TP Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 để phòng chống dịch Covid-19, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên đã kết nối, tìm kiếm nguồn hỗ trợ thực phẩm thiết yếu cho sinh viên mắc kẹt tại KTX và nhà trọ xung quanh trường. Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên triển khai nhiều đợt hỗ trợ và đã giúp đỡ được 891 sinh viên với hơn 1600 phần quà là thực phẩm thiết yếu gồm: gạo, mì, bánh mì, sữa, đồ hộp, đồ khô, gia vị, rau củ quả …, tổng trị giá hơn 300 triệu đồng.

Bên cạnh đó, trong năm học vừa qua, Đoàn trường đã cùng Thành đoàn Hà Nội tham gia thực hiện 01 công trình thanh niên gồm: 01 sân chơi thiếu nhi và 01 công trình nhà khăn quàng đỏ. Phối hợp cùng Đoàn Thanh niên Viện Dầu khí Việt Nam thực hiện chương trình thiện nguyện mùa đông tại huyện Hoàng Su Phì – tỉnh Hà Giang.

Trong năm học 2021 – 2022, dưới sự chỉ đạo của Đoàn Thanh niên Trường, các Liên chi Đoàn, cơ sở Đoàn trực thuộc đã triển khai thành công công tác Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2024.

Đoàn Thanh niên Trường đã tổ chức thành công Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 28, nhiệm kỳ 2022 – 2024. Đại hội Đoàn trường được diễn ra trong không khí tuổi trẻ Nhà trường đang thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh TP Hà Nội lần thứ XVI, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022 - 2027 và các ngày lễ lớn của đất nước với tinh thần Tuổi trẻ HUMG "**TIÊN PHONG - SÁNG TẠO - BẢN LĨNH HỘI NHẬP- PHÁT TRIỂN"** góp phần xây dựng Nhà trường trong giai đoạn Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng".

Thông qua hoạt động thực tiễn của công tác đoàn và phong trào thanh niên, cần nắm bắt được các đoàn viên ưu tú, có kế hoạch bồi dưỡng phát triển và phân công nhiệm vụ hợp lý. Chủ động và thực hiện đúng quy trình giới thiệu hơn 300 đoàn viên ưu tú tham gia học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, xem xét giới thiệu hơn 72 đoàn viên ưu tú cho các Chi bộ Sinh viên xem xét kết nạp vào Đảng.

***Những thành tích đáng ghi nhận trong năm học 2021 – 2022 Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường đã đạt được:***

- Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu trong Công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021 – 2022 Khối ĐH, CĐ, Học viện của Thành đoàn Hà Nội.
- Bằng khen của TW Đoàn, TW Hội Sinh viên cho đơn vị xuất sắc trong công tác Đoàn – Hội năm học 2021 – 2022.
- Bằng khen của TW Đoàn, TW Hội Sinh viên, Thành đoàn và Hội Sinh viên TP Hà Nội cho các tập thể, cá nhân của Trường ĐH Mỏ - Địa chất có thành tích xuất sắc trong năm học 2021 – 2022.
- Bằng khen của Thành đoàn Hà Nội cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong Cuộc thi Tài năng Anh ngữ trực tuyến năm 2022 và Cuộc thi Olympic Tiếng Anh Học sinh – Sinh viên năm 2021.
- Được Thành đoàn Hà Nội tặng Bằng khen đơn vị xuất sắc trong công tác tổ chức Chuỗi hoạt động Tháng thanh niên chào mừng kỷ niệm 91 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm 2022.
- Được Thành đoàn Hà Nội tặng Bằng khen đơn vị xuất sắc trong công tác tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện Hè năm 2022.
- Bằng khen của BCH Thành đoàn Hà Nội về thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên Giai đoạn 2016 – 2021
- Có 01 cán bộ Đoàn được tuyên dương Nhà giáo trẻ tiêu biểu năm 2021 của TP Hà Nội; 01 cán bộ Đoàn được tuyên dương Cán bộ Đoàn tiêu biểu năm 2021của TP Hà Nội; 01 cán bộ Đoàn được tuyên dương Cán bộ viên chức trẻ tiêu biểu toàn quốc năm 2021.
- Số lượng sinh viên đạt Danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp TW là 02 sinh viên, , Số lượng sinh viên đạt Danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp Thành phố là 33 sinh viên. Số lượng sinh viên đạt Danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp cấp Trường là 110 sinh viên.
- Có 01 sinh viên đạt Danh hiệu "Sao tháng Giêng năm 2021".

- Bồi dưỡng 126 đoàn viên ưu tú, giới thiệu kết nạp được 72 đảng viên.

***13.1.5.Công tác Hội Cựu chiến binh***

Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp cũng như chủ trì thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ trọng yếu, đặc biệt là công tác hoạt động theo qui định của Điều lệ hội. Năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội CCB lần thứ IV và lần thứ V, hoạt động của Hội là chủ động, tích cực, toàn diện đúng với tính chất, mục đích nhiệm vụ của Hội. Các chi hội và hội viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết gương mẫu thực hiện hoàn thành tốt các mặt công tác của Hội. Kết quả đạt được tương đối toàn diện và có hiệu quả thiết thực, giữ vững là tổ chức Hội trong sạch vững mạnh, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

- Ngày 22/12/2021, Hội đã phối hợp cùng Khoa Quốc phòng chủ trì tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 32 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân,77 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 32 năm ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam và 21 năm ngày Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ Địa chất.

- Ngày 18/5/2022, Hội đã tổ chức thành công Đại hội toàn thể lần thứ V (nhiệm kỳ 2022-2027) theo đúng điều lệ và quy định của Hội CCB Việt Nam dưới sự chỉ đạo của Ban thường vụ Thành Hội Hà Nội và Đảng uỷ Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Trong năm 2022, Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp với các đoàn thể trong và ngoài trường làm tốt các phong trào hoạt động do các cấp phát động, động viên các Hội viên tham gia các phong trào đóng góp xây dựng và ủng hộ phòng chống covid-19.

- Nhân dịp ngày 27/7 Hội đã chủ trì tổ chức một đoàn cá bộ của Hội thực hiện chuyến đi "Về thăm chiến trường xưa – thăm di tích Côn Đảo và miền đất mũi Cà Mau" để tưởng nhớ về các anh hùng liệt sĩ thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ.

- Hội đã tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền giữ vững ổn định chính trị tại cơ sở; triển khai hoạt động có hiệu quả 4 Đề án, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội IV (nhiệm kỳ 2017-2022) và Nghị quyết Đại hội lần thứ V (nhiệm kỳ 2022-2027). Tổ chức tốt hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn, hoàn thành các chỉ thị, thông báo của Hội CCB Thành phố. Tình hình chính trị tư tưởng cán bộ hội viên ổn định, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Trường.

**13.2. Những tồn tại**

***Công tác giáo dục quốc phòng – quân sự địa phương***

- Việc huy động nam cán bộ chưa qua phục vụ tại ngũ (quân nhân dự bị hạng 2) đi huấn luyện dự bị động viên còn gặp nhiều khó khăn.

- Một số cán bộ lãnh đạo các đơn vị (đối tượng 3) và một số cán bộ, viên chức thuộc đối tượng 4 chưa được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

- Công tác kế hoạch, phân công giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên có thời điểm chưa phù hợp, còn trùng môn học khác.

- Nhiều nội dung trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh chưa có giáo trình thống nhất.

***Công tác Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên***

Trong năm học 2021 - 2022, Đoàn trường vẫn chưa kịp thời nắm bắt được diễn biến tư tưởng, tình cảm, lối sống của ĐVTN. Công tác tuyên truyền trực tiếp chưa phát huy được thế mạnh, chưa đến được số đông ĐVTN. Hình thức, phương pháp giáo dục tuy đã được đổi mới song vẫn chưa đủ sức lôi cuốn đông đảo đoàn viên. Hiệu quả giáo dục pháp luật và ý thức công dân chưa cao, một bộ phận không nhỏ ĐVTN thiếu ý thức học tập, rèn luyện.

Một số cán bộ chi đoàn năng lực và kết quả học tập còn hạn chế, uy tín không cao đối với tập thể làm ảnh hưởng đến công tác. Một bộ phận cán bộ, giảng viên trẻ không quan tâm đến hoạt động Đoàn. Kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đoàn của nhiều cán bộ chủ chốt ở cấp Liên chi đoàn và chi đoàn cần được tiếp tục củng cố.

Đoàn Thanh niên trường vẫn chưa phát huy được tinh thần tình nguyện của toàn thể ĐVTN, đặc biệt là các ĐVSV có kết quả học tập khá, giỏi, đảng viên là ĐVSV, đối với mảng công tác "Vì cộng đồng", hoạt động chủ yếu mới do Đội TNTN của trường và của các LCĐ thực hiện. Chưa thu hút được các cán bộ giảng viên trẻ tham gia vào phong trào Tình nguyện

Nguồn tài lực, vật lực (kinh phí, vật chất) phục vụ cho công tác tình nguyện vì cộng đồng chủ yếu còn do kinh phí của trường cấp và từ nguồn đóng góp của CBVC, ĐVSV và các đơn vị trong trường, sự huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội bên ngoài còn hạn chế. Vì vậy, nguồn lực vật chất còn bất cập so với yêu cầu của công tác.

**13.3. Giải pháp**

***Thực hiện quy chế dân chủ***

Tiếp tục tổ chức quán triệt các văn bản của Trung ương, Quốc hội và của Chính phủ về thực hiện QCDC ở cơ sở để không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, viên chức về dân chủ và thực hành dân chủ. Những vấn đề "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" phải được cụ thể hóa thực hiện nghiêm túc trên mọi lĩnh vực của đời sống. Mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với giữ gìn kỷ cương, trật tự.

Tiếp tục duy trì, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn Trường. Duy trì việc đối thoại giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức theo quy định của pháp luật. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo thường được các đơn vị trong toàn Trường phối hợp để giải quyết kịp thời.

Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để phù hợp với tình hình thực tế. Điều chỉnh những nội quy, quy trình mang tính phối hợp còn chồng chéo, bất cập (nếu có).

Thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác phê bình, tự phê bình, chống các biểu hiện tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức công bằng, công khai, chú trọng công tác khen thưởng để tạo động lực cho toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Khắc phục những mặt hạn chế, tồn tại trong 6 tháng đầu năm

Tiếp tục thực hiện công tác đối thoại định kỳ, lắng nghe những đóng góp, ý kiến của cán bộ, viên chức và người lao động nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời phù hợp với quy định.

***Công tác giáo dục quốc phòng – quân sự địa phương***

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, viên chức và sinh viên nắm chắc quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tích cực tham gia huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Đồng thời, có chế tài xử phạt đối với các trường hợp chấp hành chưa nghiêm túc việc điều động tham gia huấn luyện theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh quận và thành phố cử cán bộ lãnh đạo các đơn vị đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, viên chức đối tượng 4 tại Trường theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa các đơn vị trong Trường để xây dựng kế hoạch giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh phù hợp, đảm bảo đúng quy định, chất lượng hiệu quả dạy và học.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giờ giảng, bài giảng của các giảng viên, qua đó kịp thời nắm bắt, đánh giá đúng thực chất kết quả giảng dạy và nhận thức của người học.

- Tiếp tục biên soạn giáo án, bài giảng, tài liệu tham khảo và tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật thống nhất nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ công tác khảo thí môn học kể cả trực tiếp và online

***Công tác Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên***

Cần xác định công tác xây dựng tổ chức Đoàn là trọng tâm, trong đó cán bộ là khâu then chốt. Từ đó, lựa chọn đội ngũ cán bộ Đoàn phải là những người trẻ, có sức khoẻ, có trình độ, tâm huyết, nhiệt tình với phong trào, có năng lực tổ chức các hoạt động thực tiễn, biết đoàn kết nội bộ, phát huy trí tuệ tập thể nâng cao chất lượng hoạt động đoàn. Đoàn trường cần phải trực tiếp hoặc tham mưu với lãnh đạo trường, lãnh đạo Khoa, Trung tâm chăm lo đến đội ngũ cán bộ Đoàn. Trong từng điều kiện cụ thể cần đề xuất và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cán bộ Đoàn; có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ Đoàn kế cận.

Các hoạt động của Đoàn phải thiết thực, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích chính đáng của ĐVTN, phát huy mạnh mẽ tinh thần xung kích, tình nguyện và hỗ trợ ĐVSV trong học tập, rèn luyện, tự khẳng định và phát triển khả năng. Tích cực khai thác nguồn lực của xã hội phục vụ công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Trường.

Trong công tác chỉ đạo thể hiện tính sáng tạo, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, bám sát nhiệm vụ chính trị của Trường, xác định mục tiêu, phương hướng, kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể, khoa học cho công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong cả nhiệm kỳ và từng giai đoạn cụ thể.

Cần phân cấp giao nhiệm vụ cụ thể cho từng chi đoàn, từng bộ phận để tổ chức Đoàn các cấp phát huy được trí tuệ, tài năng, sức sáng tạo của đội ngũ, cán bộ, đoàn viên trong toàn trường.

Tích cực và chủ động hơn nữa trong công tác tham mưu, tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, và lãnh đạo các Khoa, Phòng, Ban vàTrung tâm trong trường. Nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, chương trình phù hợp để phát huy thế mạnh của lực lượng ĐVSV đông đảo của trường.

**14. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 48**

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của một Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra vẫn còn một số nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 43).

*Bảng 43. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2021 - 2022*

| **Tiêu chí** | **Mục tiêu** | **Thực hiện** | **Đánh giá** |
|---|---|---|---|
| Quy mô đào tạo chính quy | 13.500 | 16.056 | Vượt |
| Mở mới ngành đào tạo:<br>- Bậc đại học<br>- Thạc sĩ<br>- Tiến sỹ | <br>14<br>1<br>2 | <br>9<br>0<br>2 | <br>Không đạt<br>Không đạt<br>Đạt |
| Đề tài KHCN mới:<br>- Cấp Nhà nước<br>- Cấp Bộ và tương đương | <br>10<br>10 | <br>30<br>67 | <br>Vượt<br>Vượt |
| Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế | 150 | 255 | Vượt |
| Hội nghị khoa học quốc tế | 3 | 2 | Không đạt |
| Hội nghị khoa học toàn quốc | 1 | 2 | Vượt |
| Xây dựng các nhóm nghiên cứu:<br>- Nhóm nghiên cứu mạnh<br>- Nhóm nghiên cứu | <br>1<br>5 | <br>3<br>7 | <br>Vượt<br>Vượt |
| Mở các khóa đào tạo ngắn hạn | 2 | 0 | Không đạt |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Xuất bản giáo trình | 10 | 9 | Không đạt |
| Tự đánh giá 4 chương trình đào tạo: Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Quản lý đất đai, Kỹ thuật hóa học | 4 | 4 | Đạt |
| Đánh giá ngoài 3 CTĐT: Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Quản lý đất đai | 3 | 3 | Đạt |
| Triển khai cải tiến chất lượng 1 CTĐT Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA | 1 | 0 | Chưa triển khai |
| Thi đua | 85% LĐTT | | Chưa có số liệu |

Kết quả trên thể hiện trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Chất lượng đào tạo ở một số ngành của Nhà trường vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội; năng lực cạnh tranh còn hạn chế; Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả trong công tác tư vấn tuyển sinh ở một số ngành truyền thống, các khoa chuyên môn và các bộ môn còn gặp khó khăn trong việc mở mới các ngành đào tạo; công tác tư vấn tuyển sinh nhiều khi chưa kịp thời, chất liệu truyền thông chưa phong phú; chưa có kế hoạch tổng thể về công tác giáo trình, bài giảng trong toàn trường; chưa xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường, việc cải tiến sau kiểm định các chương trình đào tạo còn chậm; một bộ phận giảng viên và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được trong thời kỳ mới, thiếu hụt nhân lực giảng viên chất lượng cao; chưa triển khai công tác tuyển dụng ở 1 số đơn vị trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng; cơ sở vật chất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của tự chủ đại học; bộ máy tổ chức còn cồng kềnh; thu nhập của cán bộ, viên chức còn chưa cao đặc biệt là khối cán bộ hành chính; chiến lược phát triển Nhà trường chưa tính hết được sự thay đổi nhanh chóng của chính sách và xã hội.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị Nhà trường.

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; Chương trình đào tạo được cập nhật nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Chưa hình thành Quỹ phát triển khoa học công nghệ để tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ cho các hoạt động KHCN; chưa trích lập Quỹ học bổng, nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Nhà trường vừa thiếu vừa cũ; hệ thống phòng thí nghiệm chủ yếu hoạt động theo hướng hoạt động đào tạo, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

## PHẦN II
## NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 - 2023

Năm học 2022 - 2023 là năm học ngành giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản của Bộ GD&ĐT về giáo dục đại học; Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; Chỉ thị 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023; Công văn số 4735/BGDĐT-GDĐH ngày 23/9/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục đại học. Trên cơ sở đó Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023 là *"Thúc đẩy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường",* nhằm tuân thủ triết lý giáo dục "Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập", phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

**1. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023**

1.1. Triển khai thực hiện chiến lược phát triển Trường, tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng cá nhân, đơn vị của Nhà trường. Hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Hội đồng Trường và các quy định nội bộ khác của Nhà trường trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa Hội đồng Trường và Ban giám hiệu theo đúng quy định; Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị chủ động xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của Nhà trường.

1.2. Nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm cán bộ, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; bảo đảm số lượng và chất lượng cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và sinh viên. Tăng cường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức và người học của Nhà trường.

1.3. Triển khai cải tiến chất lượng Nhà trường giữa chu kỳ kiểm định (2018 - 2023). Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Thúc đẩy kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học và sau đại học. Triển khai hệ thống đào tạo E-Learning và Blended Learning hiệu quả.

1.4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

1.5. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên. Nâng cao vai trò trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc quản lý sinh viên.

1.6. Tổ chức thực hiện kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thành việc lập qui hoạch chi tiết các công trình xây dựng Khu A1 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng các công trình theo từng giai đoạn, hạng mục công việc thành phần thuộc Khu A1 và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học. Triển khai từng bước chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ tại phường Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

1.7. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả trong hoạt động truyền thông, đa dạng và đổi mới liên tục về hình thức và cách thức tiếp cận nhằm phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, hướng đến sự phát triển bền vững qua việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường.

1.8. Tiếp tục tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao, phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0; xây dựng và sắp xếp lại hệ thống phòng thí nghiệm, thực nghiệm để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo. Xây dựng các phương án huy động vốn (vốn ngân sách Nhà nước, vay nợ, viện trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác) dành cho đầu tư khu A1 trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục nâng cấp phòng học như lắp máy điều hòa nhiệt độ, trang thiết bị phục vụ quản lý đào tạo, hệ thống wifi, phần mềm quản lý, cải tạo cơ sở vật chất, chống xuống cấp; quy hoạch và nâng cấp các phòng thí nghiệm, cải tạo giảng đường phù hợp với hoạt động đào tạo và cơ cấu sinh viên của trường.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Quy mô đào tạo hệ chính quy: >13.000 sinh viên
- Mở mới 05 ngành, chuyên ngành đào tạo hệ đại học (chương trình thường và hệ chất lượng cao). Mở mới 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Kỹ thuật xây dựng).
- Tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ (Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa-bản đồ); Hoàn thành báo cáo giữa kỳ KĐCL đối với 04 CTĐT (Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kế toán, Quản trị kinh doanh; triển khai công tác Tự đánh giá Trường; Triển khai cải tiến chất lượng 01 CTĐT Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA.
- 100% giảng viên hoàn thành định mức NCKH được giao; 100% số đề tài NCKH nghiệm thu đúng tiến độ.
- Đề tài triển khai mới: 03 đề tài cấp NN; 10 đề tài cấp Bộ GD&ĐT.
- Bài báo Quốc tế: 150 bài (trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục WoS: 100 bài).
- Hội nghị Khoa học quốc tế: 03 Hội nghị.
- Xây dựng các nhóm nghiên cứu: 1 nhóm nghiên cứu mạnh, 5 nhóm nghiên cứu.
- Mở khóa học ngắn hạn: ít nhất 2 khóa.
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình.
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

**3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2022 – 2023**

3.1. Ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhà trường định hướng cho các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn. Thí điểm triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho một số đơn vị của Nhà trường theo yêu cầu của Luật GDĐH sửa đổi và các quy định pháp luật. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai Đề án vị trí việc làm, Đề án thành lập Trường, Viện trực thuộc Trường. Thành lập các trung tâm, doanh nghiệp khoa học công nghệ thuộc, trực thuộc Trường.

3.2. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức có nguyện vọng chuyển đổi chuyên môn đào tạo, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho cán bộ, viên chức như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực viên chức làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, công tác truyền thông .... Tăng nguồn thu từ các hoạt động của Nhà

trường, cân đối, bố trí hợp lý các khoản chi nhằm dành nguồn lực tài chính cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường.

3.3. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Thí điểm xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của một số chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường theo vị trí việc làm, theo kết quả, hiệu quả công việc. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế.

3.4. Xây dựng thí điểm chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học và sau đại học. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, khảo sát cơ cấu, đặc điểm của thị trường lao động; gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất để xây dựng các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp, triển khai đồng bộ hệ thống đào tạo E-Learning và Blended Learning ... nhằm đa dạng hóa loại hình, phương pháp đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội và theo các quy định mới về đào tạo trực tuyến. Tiếp tục triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo của Nhà trường. Triển khai kiểm định chất lượng 01 chương trình đào tạo đại học theo chuẩn AUN-QA.

3.5. Kết nối các phần mềm quản lý của Nhà trường tạo thành một hệ thống quản lý đồng nhất. Tổ chức rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Tiếp tục tăng số lượng thủ tục giải quyết ở bộ phận một cửa như đối với các thủ tục kế toán, tài chính, tổ chức cán bộ, đào tạo đại học, sau đại học, công tác chính trị sinh viên ... Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tại Nhà trường. Tăng cường giao lưu học thuật quốc tế. Ban hành chính sách khuyến khích viên chức công bố khoa học quốc tế. Tiếp tục thúc đẩy thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong Nhà trường thông qua việc ưu tiên giao, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, ưu tiên đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu ... Tiếp tục cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao; Triển khai thực hiện định hướng hoạt động KHCN phù hợp với chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo Quốc gia; đẩy mạnh hoạt động đổi  mới sáng tạo, khởi nghiệp và sở hữu trí tuệ trong Nhà trường.

3.6. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên. Tổ chức khóa tập huấn cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm.

3.7. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư dành cho phát triển cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng đề án một số phòng thí nghiệm chuyên sâu để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học, chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan để thực hiện các công tác liên quan đến đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Khu A1 theo hướng phân kỳ giai đoạn đầu tư phù hợp với qui mô và phương án vốn giai đoạn 2021-2025.

3.8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; hoàn thiện đề án tuyển sinh năm 2023 và xác định phương thức tuyển sinh từ năm 2025; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho

sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của Nhà trường; Xây dựng chương trình phối hợp với các đối tác để tổ chức các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp, việc làm, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho sinh viên.

3.9. Sắp xếp lại các phòng thí nghiệm, thực nghiệm để nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà trường. Triển khai xây dựng mô hình bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cho Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 để quản lý, sử dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, khoa học công nghệ của Nhà trường.

3.10. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo"* và phong trào *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong cán bộ, viên chức và người học tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

# DỰ THẢO BÁO CÁO
## HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG
## LẦN THỨ 50

**HÀ NỘI, THÁNG 11/2023**

# Phần I. BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 – 2023

## 1 Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023

### 1.1 Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định phương hướng phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ hàng đầu trong khu vực, đat chuẩn kiểm định quốc tế, tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 9 khoa chuyên môn) với 58 bộ môn, 23 đơn vị chức năng (12 phòng, 8 đơn vị chức năng, văn phòng đại diện tại Quảng Ninh, Đà Nẵng). Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Đội ngũ nhân lực có chất lượng của Trường là 691 viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định 68 (nay là Nghị định 161) trong đó có 161 (23,3%) cán bộ hành chính, 485 (70,1%) giảng viên và 45 kỹ sư (6,6%). Về trình độ, Nhà trường có 285 người trình độ TS và TSKH (trong đó có 4 GS, 54 PGS), 288 người trình độ Thạc sĩ, 101 người trình độ đại học và 19 người trình độ cao đẳng, sơ cấp …, . Trong số giảng viên, số viên chức có học hàm GS, PGS, học vị Tiến sĩ là 283 người chiếm 58,3%, thạc sĩ là 195 người chiếm 40,2% đại học là 7 chiếm 1,4% tổng số giảng viên. Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 $m^2$, tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 $m^2$, đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là: 73 tỷ VNĐ (NSNN: 60 tỷ VNĐ; nguồn Nhà trường: 13 tỷ VNĐ). Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trường tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022.Theo kế hoạch dự kiến công trình sẽ bản giao đưa vào sử dụng năm 2025.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng đại học nghiên cứu.

Năm học 2022 – 2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất vinh dự nằm trong Top 17 bảng xếp hạng URAP 2022 của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành

tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance); đứng ở vị trí 13 các trường đại học ở Việt Nam và vị trí thứ 2564 các trường đại học trên thế giới.

**1.2 Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2022 – 2023**

Trong những năm tới là giai đoạn đất nước triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo đó nhiều trường đại học nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam; nhiều tổ chức, công ty, doanh nghiệp sẽ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục Việt Nam; song song với đó là việc áp dụng cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học và Nghị định 99. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Năm năm tới sẽ có sự thay đổi cơ bản, toàn diện về giáo dục theo chiến lược phát triển ngành giáo dục Việt Nam, có sự thay đổi về định hướng phát triển khoa học công nghệ của cả nước.

Đây là giai đoạn phải điều chỉnh mạnh mẽ để triển khai Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; là giai đoạn Nhà trường phấn đấu đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng cơ sở mới tại khu đô thị đại học đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong bối cảnh đó, Trường Đại học Mỏ - Địa chất cần xây dựng một chiến lược phát triển mới, phát huy nội lực, với sức mạnh tổng hợp và tận dụng triệt để mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để nâng cấp và mở rộng, phát triển thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây thực sự là chặng đường vô cùng quan trọng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thực hiện Kế hoạch năm học 2022 – 2023 của Bộ GD&ĐT, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.
- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.
- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật này cũng như nhiều văn bản pháp luật khác đã và chuẩn bị có hiệu lực hiện chưa có hoặc chưa có hiệu lực thi hành, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.
- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong giáo dục, thu hút người dạy, người học và tuyển sinh.
- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của Trường.
- Biến động trong lựa chọn ngành nghề dẫn đến sụt sụt giảm số lượng sinh viên nhập học và người học ở hầu hết các ngành truyền thống gây mất cân đối và ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt

những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin *"Một cửa"* mới được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả. Đề án vị trí việc làm chưa được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt nên chưa thực hiện được công tác tuyển dụng cán bộ năm 2023.

- Đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và còn chưa linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình đào tạo mới và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số Khoa chuyên còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn thiếu và chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, đào tạo chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và coi người học là đối tượng phục vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng là một yêu cầu quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa thực sự được toàn thể cán bộ viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm và chưa hiệu quả.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như yêu cầu. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu hoạt động tương đối độc lập và chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCN triển khai ở các trung tâm và công ty.

- Số lượng sinh viên sụt giảm và không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, dẫn tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ đang bị thách thức lớn. Công tác chính trị tư tưởng cho cả thầy và trò hiện nay chưa đáp ứng được với những thay đổi của thực tiễn.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và tiếp tục xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

- Các đơn vị dịch vụ khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ còn hạn chế.

- Số lượng cán bộ khoa học có khả năng hội nhập quốc tế chưa nhiều, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu đào tạo chất lượng cao.

## 2 Công tác chính trị tư tưởng

### 2.1 Những kết quả đạt được

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Nhà trường, tăng cường tính chủ động nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất

trong toàn Đảng bộ và Nhà trường.

Tiếp tục tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và tiếp tục thực hiện Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên trong trường; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình hiện nay và nâng cao chất lượng đào tạo, đời sống cho cán bộ, giảng viên, Đảng ủy Trường đã tổ chức sinh hoạt chuyên đề hàng quý, xây dựng kế hoạch dự sinh hoạt định kỳ hàng tháng và sinh hoạt chuyên đề của một số chi bộ trong Đảng bộ.

Triển khai công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*". Tổ chức: nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH TW Đảng khóa XIII về *"Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"***,** về *"Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"* và Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về *"Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*. Phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH TW khóa XIII *"về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"*, Quy định số 96-QĐ/TW ngày 02/02/2023 về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, Quy định về cờ Đảng Cộng sản Việt Nam và việc sử dụng cờ Đảng, Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *"Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*, Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 13/02/2023 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự, hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2023; kết quả 15 năm thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 của Quốc hội (khóa XII) về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô (01/8/2008-01/8/2023) và Hội nghị giữa nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Triển khai Hướng dẫn số 03-HD/TW ngày 27/12/2022 về thí điểm sinh hoạt trực tuyến ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính chất đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt và sinh hoạt đảng theo tổ đảng ở chi bộ đông đảng viên; Hướng dẫn số 47-HD/ĐUK ngày 01/3/2023 về một số nội dung thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ chính trị, Kế hoạch số 36-KH/ĐUK, ngày 11/10/2021 của Đảng ủy Khối về *"Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo*

*đức, phong cách Hồ Chí Minh"* và xây dựng chuyên đề năm 2023; Hướng dẫn số 48-HD/ĐUK ngày 02/3/2023 về Tuyên truyền Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện các Kết luận, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII).

Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức sinh hoạt chuyên đề tại các chi bộ**,** ưu tiên tập trung vào các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện Luật số 34, Nghị định 99/2019/NĐ-CP đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy cũng đã ban hành kế hoạch *"Thực hiện Đề án số 11-ĐA/TU, ngày 06/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội trong tình hình mới"*, trên cơ sở đó, hầu hết các chi bộ đã linh hoạt, sáng tạo, đổi mới trong thực hiện sinh hoạt định kỳ và sinh hoạt chuyên đề, nâng cao chất lượng, hiệu quả sinh hoạt chi bộ. Qua các buổi học tập, sinh hoạt chuyên đề đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, viên chức và sinh viên Nhà trường.

### 2.2 Những tồn tại

Công tác tuyên truyền đôi khi chưa được kịp thời đến từng đảng viên, các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, sinh hoạt chính trị các đảng viên chưa có sự trao đổi, thảo luận hiệu quả, công tác tuyên truyền ở một số tổ chức đảng còn mang tính hình thức, chưa thực sự đổi mới nên chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn, chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường. Bên cạnh đó, vẫn còn có cán bộ, đảng viên ý thức tham gia đầy đủ các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của đảng, sinh hoạt chính trị chưa cao; tâm lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự yên tâm công tác do những nguyên nhân khách quan và chủ quan; vẫn còn một số cán bộ, viên chức và người lao động chưa thực sự nâng cao tinh thần trách nhiệm trong trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc trong tình hình mới.

### 2.3 Giải pháp

Nâng cáo ý thức của cán bộ, sinh viên trong các buổi học tập chuyên đề, sinh hoạt chính trị, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kịp thời thực hiện và đổi mới công tác tuyên truyền, triển khai học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng hình thức phù hợp, hiệu quả. Sát sao hơn trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên, tạo tâm lý ổn định, yên tâm công tác cho cán bộ trong trường.

## 3 Công tác đào tạo

### 3.1 Những kết quả đạt được

#### *3.1.1 Công tác tuyển sinh năm học 2022 – 2023*

Theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Nhà Trường đã tổ chức nghiêm túc, đúng quy định công tác tuyển sinh các hệ: Đại học chính quy; Đại học bằng 2; Liên thông đại học; Vừa làm vừa học và Sau đại học. Kết quả tuyển sinh năm học 2022-2023 của toàn trường được thể hiện:

a, Đào tạo Đại học

Nhà trường đã tổ chức các đợt tuyển sinh đại học chính quy, văn bằng 2, liên thông, vừa làm vừa học trong năm học 2022 - 2023 với tổng số lượng đã tuyển mới được là 2327. So với năm học 2021 – 2022 (4301), số lượng tuyển sinh giảm khoảng 45%.

Văn bằng 1: Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, một vài ngành vượt chỉ tiêu khá lớn, điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp nhưng đã có sự thay đổi ở một số ngành. Đặc biệt một số ngành mới mở cũng đạt được kết quả tuyển sinh

khả quan cho thấy được công tác mở ngành của Nhà trường đang đi đúng hướng. Kết quả này có nhiều nguyên nhân gồm: nhu cầu về ngành nghề, sự biến động của xã hội về cơ cấu nền kinh tế.

Văn bằng 2, liên thông: Do nhu cầu của thị trường giảm, công tác tổ chức tuyển sinh gặp nhiều khó khăn nhưng Nhà trường đã khắc phục những khó khăn để thực hiện việc tổ chức thi cho những thí sinh đã nộp hồ sơ.

*Bảng 1. Kết quả tuyển sinh Hệ chính quy*

| **Mã ngành** | **Tên Khoa/Ngành** | **Năm học 2021-2022** | | | | **Năm học 2022-2023** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **VB1** | | **VB 2** | **LT** | **VB1** | | **VB 2** | **LT** |
| | | **HB** | **THPT** | | | **HB + KHÁC** | **THPT** | | |
| **Khoa:** | **Công nghệ Thông tin** | **70** | **789** | **1** | **0** | **38** | **99** | **1** | **0** |
| 7460108 | Khoa học Dữ liệu | 17 | 90 | | | 27 | 29 | | |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 49 | 609 | 1 | | 11 | 70 | 1 | |
| 7480201_CLC | Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) | 4 | 90 | | | 0 | 0 | | |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | **22** | **824** | **0** | **1** | **147** | **453** | **1** | **0** |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 6 | 74 | | | 65 | 1 | | |
| 7520114 | Kỹ thuật Cơ Điện tử | 0 | 172 | | | 10 | 40 | | |
| 7520116 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 1 | 19 | | | 29 | 34 | | |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 15 | 122 | | 1 | 18 | 222 | 1 | |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 0 | 181 | | | 4 | 61 | | |
| 7520130 | Kỹ thuật Ô tô | 0 | 161 | | | 21 | 23 | | |
| 7520218 | Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo | 0 | 24 | | | 0 | 35 | | |
| 7510301 | Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử | 0 | 71 | | | 0 | 37 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí và Năng lượng** | **21** | **63** | **1** | **0** | **30** | **118** | **0** | **0** |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 4 | 21 | 1 | | 6 | 20 | | |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học – CTTT | 0 | 5 | | | 2 | 10 | | |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 1 | 0 | | | 2 | 3 | | |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 15 | 25 | | | 15 | 72 | | |
| 7440229 | Quản lý dữ liệu khoa học trái đất | 1 | 6 | | | 4 | 6 | | |
| 7520605 | Kỹ thuật khí thiên nhiên | 0 | 3 | | | 1 | 6 | | |
| 7520606 | Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên | 0 | 3 | | | 0 | 1 | | |
| **Khoa:** | **Khoa học và Kỹ thuật Địa chất** | **41** | **106** | **0** | **1** | **42** | **88** | **1** | **0** |

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2021-2022 | | | | Năm học 2022-2023 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | | VB 2 | LT | VB1 | | VB 2 | LT |
| | | HB | THPT | | | HB + KHÁC | THPT | | |
| 7440201 | Địa chất học | 3 | 14 | | | 1 | 17 | | |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 4 | 21 | | 1 | 5 | 24 | 1 | |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 5 | 27 | | | 2 | 26 | | |
| 7810105 | Du lịch địa chất | 21 | 28 | | | 32 | 5 | | |
| 7580212 | Kỹ thuật Tài nguyên nước | 2 | 7 | | | 1 | 6 | | |
| 7520505 | Đá quý Đá mỹ nghệ | 6 | 9 | | | 1 | 10 | | |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | **59** | **1180** | **3** | **20** | **25** | **233** | **0** | **0** |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 17 | 476 | 1 | | 8 | 62 | | |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 5 | 159 | | | 5 | 30 | | |
| 7340301 | Kế toán | 16 | 322 | 2 | 20 | 5 | 36 | | |
| 7510601 | Quản lý công nghiệp | 21 | 223 | | | 7 | 105 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | **22** | **51** | **0** | **2** | **25** | **43** | **12** | **0** |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 15 | 22 | | 2 | 16 | 30 | 12 | |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 3 | 7 | | | 5 | 1 | | |
| 7850202 | An toàn, Vệ sinh lao động | 4 | 22 | | | 4 | 12 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Môi trường** | **30** | **68** | **0** | **0** | **4** | **99** | **0** | **0** |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 7 | 22 | | | 0 | 27 | | |
| 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 23 | 46 | | | 4 | 72 | | |
| **Khoa:** | **Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai** | **55** | **267** | **12** | **25** | **58** | **189** | **6** | **6** |
| 7480206 | Địa tin học | 8 | 36 | | | 2 | 43 | | |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 15 | 40 | 11 | 25 | 2 | 44 | 5 | 6 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 22 | 151 | 1 | | 22 | 83 | 1 | |
| 7580109 | Quản lý phát triển đô thị và bất động sản | 10 | 40 | | | 32 | 19 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | **75** | **222** | **5** | **22** | **107** | **255** | **5** | **10** |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 53 | 84 | 5 | 22 | 72 | 80 | 5 | 10 |
| 7580204 | Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm | 1 | 11 | | | 1 | 7 | | |
| 7580205 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 6 | 34 | | | 2 | 64 | | |
| 7580302 | Quản lý xây dựng | 15 | 93 | | | 32 | 104 | | |
| **Khoa:** | **Khoa Cơ bản** | **3** | **14** | **0** | **0** | **3** | **40** | **0** | **0** |
| 7720203 | Hóa dược | 3 | 14 | | | 3 | 40 | | |

Vừa làm vừa học: Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề (số lượng theo bảng kết quả phía dưới bao gồm cả một số đang học dự thính do nộp muộn hồ sơ so với đợt tuyển sinh nên chưa thể tổ chức thi tuyển được).

*Bảng 2. Kết quả tuyển sinh Hệ vừa làm vừa học*

| **Mã ngành** | **Tên Khoa/Ngành** | **Năm học 2021-2022** | | **Năm học 2022-2023** | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **VB1** | **VB2** | **VB1** | **VB2** |
| **Khoa:** | **Công nghệ Thông tin** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | **16** | **12** | **33** | **8** |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 0 | 0 | 10 | 4 |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 16 | 12 | 23 | 4 |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học - chương trình tiên tiến | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa học và Kỹ thuật Địa chất** | **1** | **9** | **0** | **1** |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 1 | 9 | 0 | 1 |
| 7440201 | Địa chất học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | **13** | **4** | **29** | **14** |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 11 | 0 | 20 | 13 |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7340301 | Kế toán | 2 | 4 | 9 | 1 |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | **23** | **31** | **36** | **35** |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 7 | 1 | 29 | 32 |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 16 | 30 | 7 | 3 |
| **Khoa:** | **Khoa Môi trường** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai** | **0** | **0** | **5** | **4** |
| 7480206 | Địa tin học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 0 | 0 | 5 | 4 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | **1** | **3** | **9** | **15** |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 1 | 3 | 9 | 15 |
| | **TỔNG CỘNG** | **108** | **118** | **112** | **77** |

b. Đào tạo Sau đại học

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2022 - 2023 (đợt 2 năm 2022 và đợt 1 năm 2023) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 430 học viên cao học và 30 nghiên cứu sinh. So với năm học 2021 - 2022, số lượng tuyển sinh cao học giảm 120 học viên và NCS năm 2022 - 2023 tăng 08 người.

*Bảng 3. Kết quả tuyển sinh cao học năm học 2022-2023*

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | **2022 - 2023** | **2021 - 2022** |
| **Tổng số** | | **430** | **550** |
| | ***Khoa CNTT*** | ***14*** | ***10*** |
| 1 | Địa tin học | 14 | 10 |
| | ***Khoa Cơ điện*** | ***25*** | ***18*** |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | |
| 3 | Kỹ thuật điện | 14 | 18 |
| 4 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 11 | |
| 5 | Kỹ thuật cơ khí | | |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***24*** | ***30*** |
| 6 | Kỹ thuật dầu khí | 11 | 14 |
| 7 | Kỹ thuật địa vật lý | 4 | 10 |
| 8 | Kỹ thuật hóa học | 9 | 6 |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***16*** | ***39*** |
| 9 | Kỹ thuật địa chất | 16 | 33 |
| 10 | Địa chất học | | 6 |
| 11 | Khoáng vật học và địa hóa học | | |
| | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | ***116*** | ***114*** |
| 12 | Quản lý kinh tế | 116 | 114 |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***7*** | ***82*** |
| ***13*** | Khai thác mỏ | 7 | 78 |
| 14 | Kỹ thuật tuyển khoáng | | 4 |
| | ***Khoa Môi trường*** | ***27*** | ***20*** |
| 15 | Kỹ thuật môi trường | 27 | 20 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***134*** | ***194*** |
| 16 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 61 | 88 |
| 17 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 18 | 42 |
| 18 | Quản lý đất đai | 55 | 64 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | ***67*** | ***43*** |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 34 | 16 |
| 20 | Kỹ thuật xây dựng | 33 | 27 |

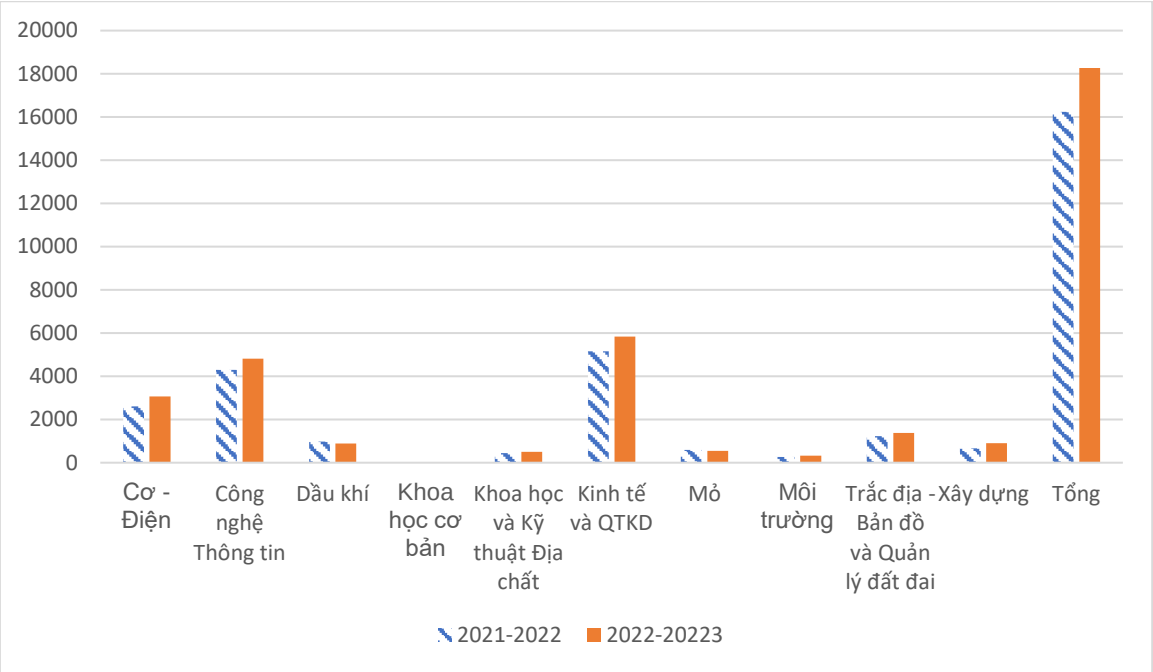
*Bảng 4. Kết quả tuyển sinh NCS năm học 2022-2023*

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | **2022 - 2023** | **2021 - 2022** |
| **Tổng số** | | | **22** |
| | ***Khoa KH và KT địa chất*** | ***2*** | |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | | |
| 2 | Địa chất học | 1 | |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | 1 | |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***4*** | ***5*** |

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | **2022 - 2023** | **2021 - 2022** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 1 | 3 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 3 | 1 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | | 1 |
| | ***Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ*** | ***8*** | ***5*** |
| 7 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 6 | 5 |
| 8 | Bản đồ viễn thám & Hệ thông tin địa lý | 2 | |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***1*** | ***3*** |
| 9 | Khai thác mỏ | 1 | 3 |
| 10 | Kỹ thuật tuyển khoáng | | |
| | ***Khoa Cơ điện*** | ***4*** | ***2*** |
| 11 | Kỹ thuật điện | 2 | 1 |
| 12 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | |
| 13 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 2 | 1 |
| | ***Khoa Xây dựng*** | ***2*** | ***2*** |
| 14 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | ***2*** | 2 |
| ***15*** | ***Khoa Kinh tế QTKD*** | ***4*** | ***5*** |
| ***16*** | ***Kỹ thuật môi trường*** | ***5*** | |

*3.1.2 Quy mô đào tạo*

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2022 – 2023 là **18.262** người (năm trước là **16.232**).




*Hình 1. Quy mô đào tạo toàn trường*

a. Đào tạo Đại học

Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **17227** tăng 15% so với năm học 2021-2022 (**14969** sinh viên), trong đó Đại học: **16821**; **Cao đẳng: 66** và Liên thông: **340**

*Bảng 5. Số lượng sinh viên Chính quy*

| TT | Khoa | 2021-2022 | | | 2022-2023 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Đại học** | **Cao đẳng** | **Liên thông** | **Đại học** | **Cao đẳng** | **Liên thông** |
| 1 | Công nghệ Thông tin | 4259 | 13 | 5 | 4767 | 8 | 2 |
| 2 | Cơ - Điện | 2474 | 17 | 48 | 3000 | 10 | 13 |
| 3 | Dầu khí | 893 | 0 | 13 | 806 | 0 | 14 |
| 4 | Khoa học cơ bản | 0 | 0 | 0 | 17 | 0 | 0 |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 320 | 4 | 26 | 418 | 4 | 6 |
| 6 | Kinh tế và QTKD | 4625 | 8 | 162 | 5458 | 3 | 138 |
| 7 | Mỏ | 432 | 21 | 28 | 449 | 18 | 17 |
| 8 | Môi trường | 224 | 0 | 1 | 266 | 0 | 0 |
| 9 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 722 | 18 | 50 | 928 | 16 | 87 |
| 10 | Xây dựng | 550 | 10 | 46 | 712 | 7 | 63 |
| | **Tổng** | **14499** | **91** | **379** | **16821** | **66** | **340** |

Tổng số sinh viên Hệ vừa làm vừa học tại các điểm đào tạo trong năm học 2022-2023 là **1506** sinh viên (năm ngoái **973**), tăng 54.7% so với năm học trước. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

*Bảng 6. Số lượng sinh viên Vừa làm vừa học*

| TT | Khoa | 2022-2023 | |
|---|---|---|---|
| | | **B1** | **B2** |
| 1 | Cơ - Điện | 270 | 52 |
| 2 | Dầu Khí | 6 | 3 |
| 3 | Khoa học và Kỹ thuật địa chất | 23 | 10 |
| 4 | Kinh tế và QTKD | 256 | 80 |
| 5 | Mỏ | 429 | 219 |
| 6 | Môi trường | 1 | |
| 7 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 43 | 19 |
| 8 | Xây dựng | 34 | 61 |
| **Tổng** | | **1062** | **444** |

b. Đào tạo Sau đại học

Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là là 1084, trong đó có 980 học viên cao học của 17/20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 104 nghiên cứu sinh của 16/16 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2021 - 2022, quy mô đào tạo sau đại học nói chung tương đối ổn định (Năm học 2021 - 2022, quy mô đào tạo sau đại học là 1263, trong đó số lượng học viên cao học là 1163 và nghiên cứu sinh là 100 Số lượng NCS bình quân tăng 3 người so với năm trước.Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng HVCH ổn định như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật xây dựng, Khai thác mỏ, Quản lý kinh tế,...

*Bảng 7. Số lượng học viên Cao học*

| TT | Khoa | 2022-2023 | 2021-2022 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 24 | 23 | |
| 2 | Cơ điện | 43 | 57 | |
| 3 | Dầu khí | 54 | 55 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 55 | 75 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 230 | 345 | |
| 6 | Mỏ | 89 | 92 | |
| 7 | Môi trường | 47 | 35 | |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 317 | 422 | |
| 9 | Xây dựng | 110 | 59 | |
| | **Tổng** | **980** | **1163** | |

*Bảng 8. Số lượng Nghiên cứu sinh*

| TT | Khoa | 2022-2023 | 2021-2022 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | | | Chưa có |
| 2 | Cơ - Điện | 9 | 10 | |
| 3 | Dầu khí | 13 | 10 | |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 23 | 24 | |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 12 | 13 | |
| 6 | Mỏ | 11 | 16 | |
| 7 | Môi trường | 5 | | |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 28 | 24 | |
| 9 | Xây dựng | 4 | 3 | |
| | **Tổng** | **104** | **100** | |

*3.1.3 Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp*

a. Đào tạo Đại học

Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là **2805**, trong đó chỉ có **2024** sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại **781** sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, học phần giáo dục thể chất.

*Bảng 9. Số lượng sinh viên tốt nghiệp*

| TT | Khoa | Đã in bằng tốt nghiệp | | | | | Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | |
| 1 | Công nghệ Thông tin | **467** | 2 | 20 | 351 | 94 | **119** |
| 2 | Cơ điện | **293** | 2 | 7 | 186 | 98 | **93** |
| 3 | Dầu khí | **67** | 0 | 1 | 43 | 23 | **60** |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | **18** | 0 | 1 | 8 | 9 | **34** |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | **466** | 5 | 57 | 357 | 47 | **140** |
| 6 | Mỏ | **149** | 1 | 22 | 107 | 19 | **44** |
| 7 | Môi trường | **28** | 0 | 5 | 21 | 2 | **20** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | **86** | 5 | 29 | 42 | 10 | **77** |
| 9 | Xây dựng | **48** | 2 | 6 | 28 | 12 | **47** |
| | **Tổng cộng** | **1622** | **17** | **148** | **1143** | **314** | **634** |

*Bảng 10. Kết quả học tập hệ Đại học*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 67 | 246 | 1289 | 1180 | 1372 | **4154** |
| 2 | Cơ điện | 16 | 94 | 322 | 472 | 1672 | **2576** |
| 3 | Dầu khí | 18 | 25 | 73 | 61 | 201 | **378** |
| 4 | Kinh tế & QTKD | 97 | 387 | 1590 | 1341 | 1664 | **5079** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 2 | 16 | 42 | 48 | 255 | **363** |
| 6 | Mỏ | 37 | 107 | 114 | 49 | 542 | **849** |
| 7 | Môi trường | 13 | 13 | 46 | 42 | 92 | **206** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 37 | 39 | 111 | 139 | 482 | **808** |
| 9 | Xây dựng | 12 | 33 | 72 | 73 | 454 | **644** |
| 10 | Khoa học cơ bản | 0 | 0 | 5 | 3 | 9 | **17** |
| | **Tổng** | **299** | **960** | **3664** | **3408** | **6743** | **15074** |

*Bảng 11. Kết quả học tập hệ Liên thông*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | **2** |
| 2 | Cơ điện | 0 | 4 | 8 | 3 | 37 | **52** |
| 3 | Dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 | 9 | **9** |
| 4 | Kinh tế & QTKD | 1 | 1 | 7 | 2 | 57 | **68** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | **2** |
| 6 | Mỏ | 0 | 2 | 7 | 0 | 21 | **30** |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai | 19 | 1 | 1 | 0 | 50 | **71** |
| 9 | Xây dựng | 0 | 0 | 1 | 0 | 62 | **63** |
| 10 | Khoa học cơ bản | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| | **Tổng** | **21** | **8** | **24** | **5** | **239** | **297** |

b. Đào tạo Sau đại học

Với quy mô đào tạo gần 1000 học viên cao học của 17/20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và trên 100 nghiên cứu sinh của 16 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo theo chu kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với công tác đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ cho 551 HVCH và trao bằng cho 551 thạc sỹ; tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường 17 NCS và trao bằng cho 12 tiến sĩ đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức

trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã phải làm các thủ tục xử lý cho thôi học đối với 40 HVCH và 07 NCS, đồng thời làm các thủ tục kéo dài cho nhiều HVCH và NCS. Nguyên nhân do nhiều HVCH và NCS còn chưa dành đủ thời gian trong học tập, nghiên cứu và một số chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ theo quy định trước khi bảo vệ.

Khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2022 - 2023 là 26.589 giờ chuẩn, tăng hơn một chút so với năm học trước do số lớp cao học tăng lên (năm học 2021 - 2022 là 26.159 giờ). Số lượng HVCH và NCS tốt nghiệp của từng ngành trong 2 năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023 được thể hiện trong bảng sau.

*Bảng 12. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2021-2022 và 2022-2023*

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2022-2023 | 2021-2022 |
| **Tổng số** | | **551** | **455** |
| ***Khoa KH & KT Địa chất*** | | ***31*** | ***28*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 26 | 27 |
| 2 | Địa chất học | 4 | - |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | 1 | 1 |
| ***Khoa Dầu khí*** | | ***11*** | ***14*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 3 | 9 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 4 | 3 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | 4 | 2 |
| ***Khoa Cơ - Điện*** | | ***27*** | ***18*** |
| 7 | Kỹ thuật cơ khí động lực | - | - |
| 8 | Kỹ thuật điện | 19 | 15 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 8 | - |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí | - | 3 |
| ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | | ***203*** | ***117*** |
| 11 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 94 | 93 |
| 12 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 30 | 15 |
| 13 | Quản lý đất đai | 79 | 9 |
| ***Khoa Mỏ*** | | ***19*** | ***49*** |
| 14 | Khai thác mỏ | 15 | 45 |
| 15 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 4 | 4 |
| ***Khoa Môi trường*** | | ***16*** | ***32*** |
| 16 | Kỹ thuật môi trường | 16 | 32 |
| ***Khoa Công nghệ thông tin*** | | ***9*** | ***4*** |
| 17 | Địa tin học | 9 | 4 |
| ***Khoa Xây dựng*** | | ***19*** | ***21*** |
| 18 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 13 | 21 |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng | 6 | - |
| ***Khoa Kinh tế & QTKD*** | | ***216*** | ***172*** |
| 20 | Quản lý kinh tế | 216 | 172 |

*Bảng 13. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2021-2022 và 2022-2023*

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2022-2023 | 2021-2022 |
| **Tổng số** | | **17** | **14** |
| | ***Khoa Cơ - Điện*** | ***4*** | ***2*** |
| 1 | Kỹ thuật điện | 2 | 1 |

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2022-2023 | 2021-2022 |
| 2 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | 1 |
| 3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 2 | |
| | ***Khoa Dầu khí*** | ***1*** | ***2*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 1 | 1 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | | 1 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | | |
| | ***Khoa KH và KT Địa chất*** | ***2*** | ***3*** |
| 7 | Kỹ thuật địa chất | 1 | 3 |
| 8 | Địa chất học | 1 | |
| 9 | Khoáng vật học và địa hóa học | | |
| | ***Khoa Kinh tế và QTKD*** | ***3*** | |
| 10 | Quản lý kinh tế | 3 | |
| | ***Khoa Mỏ*** | ***2*** | ***2*** |
| 11 | Khai thác mỏ | 1 | 2 |
| 12 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 1 | |
| | ***Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ*** | ***5*** | ***4*** |
| 14 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 5 | |
| | ***Khoa Xây dựng*** | | ***1*** |
| 14 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | | 1 |

*3.1.4 Kết quả xử lý học tập năm học 2022 – 2023*

Trong năm học 2022-2023 Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học **1437** sinh viên.

*Bảng 14. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học*

| TT | Khoa | SV học đúng tiến độ 2021-2022 | SV buộc thôi học 2021-2022 | SV học đúng tiến độ 2022-2023 | SV buộc thôi học 2022-2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 4035 | 302 | 4437 | 340 |
| 2 | Cơ điện | 2451 | 120 | 3089 | 256 |
| 3 | Dầu khí | 669 | 76 | 731 | 98 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 326 | 33 | 378 | 83 |
| 5 | Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | 4584 | 304 | 5588 | 347 |
| 6 | Mỏ | 443 | 68 | 1074 | 58 |
| 7 | Môi trường | 220 | 10 | 247 | 20 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 718 | 94 | 961 | 132 |
| 9 | Xây dựng | 555 | 84 | 774 | 103 |
| 10 | Khoa học cơ bản | 0 | 0 | 17 | 0 |
| | **Tổng** | **14001** | **1091** | **17296** | **1437** |

*3.1.5 Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới*

a. Đào tạo Đại học

Công tác quản lý đào tạo gặp nhiều khó khăn do số lượng sinh viên vào trường trong 02 năm liên tiếp tăng vọt, điều đó gây khó khăn trong công tác quản lý sinh viên, sắp xếp thời khóa biểu…. Tuy nhiên, nhà trường ngày càng chú trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy và học tập theo hướng có lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến công tác mở ngành được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung. Nhà trường đẩy mạnh công tác xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập.

Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung đề cương chi tiết chương trình đào tạo theo khuyến nghị của đoàn đánh giá.

b. Đào tạo Sau Đại học

Việc tổ chức giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Mặc dù quy mô đào tạo giảm nhưng khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2022 - 2023 tăng hơn so với năm học trước do số lớp/số nhóm học tập tăng lên.

Trong năm học vừa qua Nhà trường đã tổ chức được 5 lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn sau đại học với số lượng là 61 học viên. Số lượng các lớp đào tạo chuyên đề ngắn hạn chưa nhiều do chưa đẩy mạnh công tác truyền thông nắm bắt nhu cầu đào tạo của các đơn vị và các doanh nghiệp, chưa có chế độ đãi ngộ hợp lý cho cá nhân hoặc đơn vị liên kết tổ chức đào tạo các chuyên đề ngắn hạn.

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép đào tạo mới 02 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ là ngành Kỹ thuật môi trường và ngành Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý, nâng tổng số ngành đào tạo của Trường là 16 ngành trình độ tiến sĩ và 20 ngành trình độ thạc sĩ. Hiện nay, Nhà trường đã hoàn thành việc xây dựng Đề án và đang trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mới ngành Kỹ thuật xây dựng trình độ tiến sĩ.

*Bảng: 15. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo đang mở mới*

| STT | Tên ngành, chuyên ngành | Trình độ đào tạo | Trạng Thái |
|---|---|---|---|
| 1 | Ngành Kỹ thuật xây dựng | Tiến sĩ | Hồ sơ đang trình Bộ GD&ĐT |

*3.1.6 Công tác giáo trình, bài giảng*

a. Đào tạo Đại học

*Bảng 16. Giáo trình/ sách đào tạo đại học xuất bản trong và ngoài trường*

| Khoa | Trong trường | Ngoài trường |
|---|---|---|
| Công nghệ thông tin | 0 | 5 |
| Cơ - Điện | 0 | 2 |
| Dầu khí | 2 | 1 |
| Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 2 | 0 |
| Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 5 | 2 |
| Mỏ | 2 | 0 |
| Môi trường | 0 | 3 |
| Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 2 | 4 |
| Xây dựng | 0 | 6 |
| Khoa học cơ bản | 0 | 6 |
| Lý luận chính trị | 1 | 1 |

b. Đào tạo Sau Đại học

*Bảng 17. Giáo trình giảng dạy sau đại học cấp Nhà xuất bản được xuất bản*

| TT | Tên giáo trình | Tác giả | Ngành đào tạo |
|---|---|---|---|
| 1 | Những phương pháp khai thác lộ thiên đặc biệt | GS.TS Bùi Xuân Nam, (chủ biên), TS Đỗ Ngọc Hoàn, PGS.TS Trần Quang Hiếu, TS Lê Qúi Thảo | Khai thác mỏ |
| 2 | Các mô hình tối ưu hóa biên giới mỏ lộ thiên | GS.TS Bùi Xuân Nam, (chủ biên),PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn, TS Mai Ngọc Luân, TS Trần Đình Bảo, TS Nguyễn Hoàng | Khai thác mỏ |
| 3 | Xử lý dữ liệu đám mây điểm phục vụ thành lập mô hình 3D | 1. PGS.TS. Bùi Ngọc Quý (Chủ biên);2. TS Nguyễn Quốc Long (Đồng chủ biên);3. TS Lê Đình Hiển;4. TS Đỗ Thị Phương Thảo | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý |

***3.2 Những tồn tại***

a. Đào tạo Đại học

- Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả, bền vững trong công tác tư vấn tuyển sinh đại học và sau đại học (đặc biệt là một số ngành truyền thống);
- Sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng trong công tác quản lý đào tạo, quản lý người học, các khoa và bộ môn quản lý chuyên môn chưa tốt;
- Chưa quyết liệt trong việc triển khai hình thức đào tạo E-learning trong Nhà trường;
- Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo, khảo thí, kiểm định CTĐT còn thiếu và chưa đồng bộ;
- Nhu cầu xã hội hiện nay đối với các ngành nghề đào tạo của Nhà trường có xu hướng giảm, sinh viên ra trường không làm việc đúng chuyên môn được đào tạo, các cơ sở đào tạo có cùng ngành đào tạo với Nhà trường mở rộng tuyển sinh vì vậy nguồn tuyển hạn chế.

b. Đào tạo Sau Đại học

*Trình độ thạc sĩ:*

- Công tác tuyển sinh cao học của Nhà trường trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay và dự báo trong những năm tiếp theo sẽ gặp nhiều khó khăn do các nguyên nhân chủ yếu:

+ Nhu cầu xã hội hiện nay đối với các ngành nghề đào tạo của Nhà trường có xu hướng đi xuống, sinh viên ra trường không làm việc đúng chuyên môn được đào tạo vì vậy nguồn tuyển hạn chế;

+ Các trường đại học có cùng ngành nghề đào tạo với Nhà trường mở rộng tuyển sinh, các thông tin tuyển sinh chưa được phổ biến rộng rãi tới đối tượng dự tuyển;

+ Bên cạnh đó, do thay đổi quy chế đào tạo, tuyển sinh, yêu cầu tiêu chí chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với học viên cao học nên số lượng dự tuyển giảm đi rõ rệt so với những năm trước.

- Công tác mở mới các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường nhằm đáp ứng với nhu cầu xã hội và đa dạng hóa ngành nghề đào tạo của Nhà trường còn rất hạn chế do còn thiếu đội ngũ cán bộ cơ hữu chưa được bổ sung kịp thời để phù hợp với các ngành dự định mở mới;
- Việc triển khai xây dựng phần mềm để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo sau đại học còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

*Trình độ tiến sĩ:*

- Công tác tuyển nghiên cứu sinh của Nhà trường ngày càng khó khan, hằng năm chỉ đạt 60-80% chỉ tiêu, đặc biệt sau năm 2018 do thay đổi quy chế đào tạo, tuyển sinh, yêu cầu tiêu chí đầu vào cao đối với nghiên cứu sinh nên số lượng dự tuyển giảm đi rõ rệt so với những năm trước năm 2018;

- Sự gắn kết giữa công tác đào tạo sau đại học nói chung, đào tạo nghiên cứu sinh nói riêng với công tác nghiên cứu khoa học đã được tăng cường nhưng chưa đồng đều giữa các ngành đào tạo của Nhà trường;

***3.3 Giải pháp***

a. Đào tạo Đại học

- Tiếp tục triển khai các giải pháp quảng bá, tư vấn tuyển sinh phù hợp, hiệu quả với mục tiêu tuyển được ít nhất 2000 sinh viên đại học chính quy;

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung bài giảng điện tử, tăng cường triển khai công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh với mục tiêu tuyển được ít nhất 50 sinh viên đại học từ xa;

- Tăng cường tập huấn sử dụng edusoft tại các khoa, Phối hợp xây dựng các modul trên nền tảng di động phục vụ sinh viên và giảng viên;

- Xây dựng mới các CTĐT theo hướng liên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội;

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp;

- Phân cấp quản lý nhằm nâng cao trách nhiệm, phát huy động lực và tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu các đơn vị;

- Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý; xây dựng tiêu chí và thực hiện đánh giá giảng viên thường xuyên; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giảng viên bậc cao;

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, hỗ trợ tư vấn tuyển sinh. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ, xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo;

** Về chương trình đào tạo*

- Thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo để phù hợp với quy định về chuẩn nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học, với nhu cầu xã hội và với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp;

- Tăng cường công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.

** Về ứng dụng công nghệ thông tin*

Hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản lý, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hệ thống quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Xây dựng lộ trình phát triển hệ thống đào tạo từ xa và bài giảng đa phương tiện; đẩy mạnh số hóa giáo trình, tài liệu tham khảo.

** Về hội nhập khu vực và quốc tế*

Mở rộng và tăng cường hợp tác với các đối tác trong khu vực và quốc tế. Xây dựng cơ chế thu hút các chuyên gia nước ngoài, Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường, đặc biệt giảng dạy cho các chương trình đào tạo. Từng bước tạo lập môi trường đào tạo quốc tế.……

b. Đào tạo Sau Đại học

** Về công tác quản lý*

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp;

- Phân cấp quản lý nhằm nâng cao trách nhiệm, phát huy động lực và tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu các đơn vị;

- Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý; xây dựng tiêu chí và thực hiện đánh giá giảng viên thường xuyên; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giảng viên bậc cao;

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, hỗ trợ tư vấn tuyển sinh. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ, xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo;

** Về chương trình đào tạo*

- Thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ để phù hợp với quy định về chuẩn nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học, với nhu cầu xã hội và với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp;

- Tăng cường công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.

** Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo*

- Chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng và quản lý quá trình tổ chức đào tạo, chú trọng quản lý chất lượng đầu ra;

- Thực hiện đánh giá toàn diện năng lực của người học;

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo sau đại học cho các ngành trong Trường và công khai kết quả đánh giá;

** Về ứng dụng công nghệ thông tin*

Hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản lý, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hệ thống quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Xây dựng lộ trình phát triển hệ thống đào tạo từ xa và bài giảng đa phương tiện; đẩy mạnh số hóa giáo trình, tài liệu tham khảo.

** Về hội nhập khu vực và quốc tế*

Mở rộng và tăng cường hợp tác với các đối tác trong khu vực và quốc tế. Xây dựng cơ chế thu hút các chuyên gia nước ngoài, Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường, đặc biệt giảng dạy cho các chương trình đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh và tham gia hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ. Từng bước tạo lập môi trường đào tạo quốc tế.

** Về xã hội hóa và nâng cao hiệu quả đầu tư trong đào tạo*

Xây dựng cơ chế và khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động mở các lớp đào tạo sau đại học và tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo sau đại học.

## 4 Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

### 4.1 Những kết quả đạt được

#### *4.1.1 Công tác khảo thí*

Trong năm học 2022-2023, công tác khảo thí hệ đại học được triển khai theo kế hoạch đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Đối với hệ sau đại học, phần lớn các lớp cao học khóa 45 HK1, HK2 và các lớp khóa 46 HK1 đã được tổ chức thi tập trung, trực tiếp.

*Đối với bậc đại học, hệ chính quy,* Nhà trường đã triển khai công tác khảo thí đối với tất cả các học phần có tổ chức giảng dạy trong học kỳ ngoại trừ các học phần thực hành, thực tập, đồ án, thí nghiệm. Để triển khai tốt công tác khảo thí, Nhà trường đã kịp thời điều chỉnh các

văn bản, ban hành Quy định công tác khảo thí trường Đại học Mỏ-Địa chất theo Quyết định 1298/QĐ-MĐC ngày 20/12/2021. Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được điều chỉnh hình thức thi theo đề nghị của các bộ môn chủ quản học phần để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

*Bảng 18. Tổng hợp hình thức thi, bài thi theo lịch thi các đợt trong năm học 2022-2023.*

| **Học kỳ** | **Hình thức thi** | **Số phòng thi** | | **Số thí sinh** | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **2021-22** | **2022-23** | **2021-22** | **2022-23** |
| **Học kỳ 1A** | Thực hành trên máy | - | 24 | - | 1007 |
| | Trắc nghiệm | - | 67 | - | 3253 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | - | 107 | - | 5581 |
| | Tự luận | - | 87 | - | 2815 |
| | Vấn đáp | - | 7 | - | 261 |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 24 | - | 817 | - |
| | Thực hành online | 6 | - | 240 | - |
| | Làm tiểu luận | 88 | - | 4416 | - |
| | Tiểu luận và vấn đáp online | 4 | - | 106 | - |
| | Vấn đáp online | 27 | - | 905 | - |
| | Trắc nghiệm online | 100 | - | 2894 | - |
| | Tự luận online | 23 | - | 636 | - |
| **Học kỳ 1B** | Thực hành trên máy | - | 25 | - | 1305 |
| | Trắc nghiệm | - | 376 | - | 25068 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | - | 110 | - | 8820 |
| | Tự luận | - | 379 | - | 21662 |
| | Vấn đáp | - | 74 | - | 3599 |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 80 | - | 4118 | - |
| | Thực hành online | 13 | - | 584 | - |
| | Làm tiểu luận | 279 | - | 16593 | - |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 11 | - | 252 | - |
| | Vấn đáp online | 71 | - | 1981 | - |
| | Trắc nghiệm online | 581 | - | 18986 | - |
| | Tự luận online | 333 | - | 11177 | - |
| **Học kỳ 2A** | Thực hành | - | 2 | - | 58 |
| | Thực hành trên máy | - | 1 | - | 9 |
| | Trắc nghiệm | - | 48 | - | 3179 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | - | 18 | - | 1309 |
| | Tự luận | - | 100 | - | 4404 |
| | Vấn đáp | - | 12 | - | 397 |
| | Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online | 7 | - | 388 | - |
| | Làm tiểu luận | 36 | - | 2101 | - |
| | Tiểu luận và bảo vệ online | 2 | - | 25 | - |
| | Vấn đáp online | 11 | - | 400 | - |
| | Trắc nghiệm online | 65 | - | 1918 | - |
| | Tự luận online | 11 | - | 264 | - |
| **Học kỳ 2B** | Thực hành | - | 20 | - | 925 |
| | Thực hành trên máy | 9 | 2 | 314 | 93 |

| Học kỳ | Hình thức thi | Số phòng thi | | Số thí sinh | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **2021-22** | **2022-23** | **2021-22** | **2022-23** |
| | Trắc nghiệm | 486 | 249 | 27160 | 16853 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 231 | 121 | 15620 | 9756 |
| | Tự luận | 134 | 446 | 7928 | 21163 |
| | Vấn đáp | 50 | 126 | 2277 | 7653 |
| **Học kỳ phụ** | Thực hành | - | 1 | - | 66 |
| | Thực hành trên máy | 1 | - | 37 | - |
| | Trắc nghiệm | 15 | 23 | 634 | 1051 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 9 | 12 | 387 | 740 |
| | Tự luận | 24 | 26 | 573 | 996 |
| | Vấn đáp | 1 | 5 | 32 | 248 |
| **Tổng số** | | 2732 | **2468** | 123763 | **142271** |

Năm học 2022-2023, tổng số bài thi thuộc diện khảo thí (142271 số lượt SV dự thi) lớn hơn năm học trước (123763 số lượt SV dự thi) tăng 15%; trong đó HK 2B và HK phụ tăng 8,3% số lượt SV dự thi so với cùng kỳ năm trước (59544 lượt / 54962 lượt;). Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi.

Công tác chấm thi tập trung, trực tiếp cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: khẩn trương dán phách bài thi ngay sau khi buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Hầu như toàn bộ các giảng viên tham gia công tác khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, hoàn thành công tác chấm thi trong vòng 2 tuần sau khi kỳ thi kết thúc theo quy định. Công tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát công tác chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc của sinh viên.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Thời gian nhận đơn và chấm bài phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được cập nhật trên hệ thống chung của toàn Trường. Số bài đăng ký phúc khảo chiếm tỷ lệ từ 0,03 – 0.38% ; cả năm học là 405 bài chiếm tỷ lệ trung bình 0.28%, thấp hơn so với các kỳ thi kết thúc học phần trước đây. Sự thay đổi điểm nhỏ, chủ yếu là sai sót cơ học do giảng viên chấm bài cộng sót điểm; không có trường hợp nào sai lệch điểm phúc khảo lớn dẫn tới vi phạm quy định nội bộ và áp dụng trừ điểm KPIs theo quy định. Số liệu phúc khảo bài thi trong năm học vừa qua như sau:

*Bảng 19. Tổng hợp số liệu bài phúc khảo trong các đợt thi kết thúc học kỳ năm học 2022-2023.*

| Học kỳ | Số bài thi | Đăng ký phúc khảo | | Tăng điểm trong số bài phúc khảo | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **Số bài** | **Tỷ lệ** | **Số bài** | **Tỷ lệ** |
| 1A | 12917 | 7 | 0.05% | 1 | 14.3% |
| 1B | 60454 | 171 | 0.28% | 15 | 8.8% |
| 2A | 9356 | 13 | 0.14% | 2 | 15.4% |
| 2B | 56443 | 213 | 0.38% | 7 | 3.3% |
| HK phụ | 3101 | 1 | 0.03% | 0 | 0.0% |
| **Tổng số /** | **142271** | **405** | **0.28%** | **25** | **6%** |

*Đối với hệ VLVH*, công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy định công tác khảo thí đối với hệ chính quy, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm liên kết xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VLVH, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi kết thúc học phần được giảng viên gửi Phòng ĐBCLGD kèm đề thi, đáp án và bài thi để Phòng cập nhật điểm thi và phục vụ công tác lưu giữ bài thi theo quy định.

*Đối với bậc sau đại học*, công tác tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện (Bảng 4.3) do Phòng ĐBCLGD phối hợp cùng Phòng ĐTSĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Nhà trường đã tổ chức thi kết thúc học phần cho các lớp cao học với tổng số bài thi 9038 . Từ Khóa 46, Phòng ĐBCLGD đã chủ động xếp lịch thi và công bố lịch thi trực tuyến sớm để học viên, giảng viên chủ động theo dõi trên Hệ thống Edusoft.

*Bảng 20. Tổng hợp thông tin kỳ thi kết thúc học phần các lớp cao học năm học 2022-2023.*

| **TT** | **Khóa / Kỳ thi** | **Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần** | **Số lượt học viên dự thi** |
|---|---|---|---|
| 1 | Khóa 44 Học kỳ 1 | Tháng 9/2022 | 1448 |
| 2 | Khóa 44 Học kỳ 2 | Tháng 12/2022 – 1/2023 | 1453 |
| 3 | Khóa 45 Học kỳ 1 | Tháng 3/2023 | 2128 |
| 4 | Khóa 45 Học kỳ 2 | Tháng 7 - 8/2023 | 2212 |
| 5 | Khóa 46 Học kỳ 1 | Từ ngày 30/9 – 1/10/2023 | 1797 |
| **Tổng số** | | | **9038** |

*Bảng 21. Tổng hợp số liệu hình thức thi, bài thi các lớp cao học K46 học kỳ 1 năm học 2022-2023; X = tổ chức thi ngoài Trường.*

| **TT** | **Hình thức thi** | **Số phòng thi** | **Số thí sinh** |
|---|---|---|---|
| 1. | Thực hành | 1 | 8 |
| 2. | Tiểu luận | 3 | 24 |
| 3. | Tiểu luận X | 83 | 620 |
| 4. | Trắc nghiệm | 3 | 63 |
| 5. | Trắc nghiệm X | 3 | 26 |
| 6. | Tự luận | 70 | 813 |
| 7. | Tự luận X | 30 | 219 |
| 8. | Vấn đáp | 3 | 24 |
| **Tổng số** | | **196** | **1797** |

Thống kê tính chất điểm thi của tất cả các học phần trong toàn Trường trong năm học vừa qua ta thấy như sau: i) Giả sử chưa quan tâm đến quy mô tổng thể về số lượng bài thi cần thống kê, thông thường người ta sẽ lấy số lượng mẫu đại diện là 384 (Yamane, 1967). Báo cáo đã thống kê tính chất điểm thi của tất cả 73 học phần có số bài thi nhiều hơn 384 bài (điểm), nằm trong số 06 khoa (Khoa học cơ bản; Lý luận chính trị; Kinh tế & QTKD; Công nghệ thông tin; Cơ - điện; Giáo dục quốc phòng); ii) Khi chúng ta quan tâm đến tính chất điểm thi của học phần có 120 SV (ví dụ 3 lớp học phần có 40 SV/lớp), số điểm cần để thống kê tối thiểu sẽ là 92 (Yamane, 1967). Bảng 4.5 và 4.6 liệt kê chi tiết tính chất điểm thi (Mean, Median, Mode) của các học phần 92 – 384; > 384 bài thi có mức điểm trung bình thấp nhất, cao nhất trong toàn trường.

Thống kê phân bố điểm thi là những chỉ dẫn quan trọng để các Khoa, Bộ môn liên quan chủ động triển khai việc rà soát, điều chỉnh ma trận câu hỏi đề thi trắc nghiệm; điều chỉnh giảm mức độ khó đối với câu hỏi đề thi các học phần có giá trị điểm Mean, Median và Mode thấp

hoặc tăng mức độ khó (giảm mức độ dễ) của câu hỏi đề thi đối với các học phần có giá trị điểm Mean, Median và Mode cao.

*Bảng 22. Thống kê 13 HP có điểm thi trung bình thấp nhất và 19 HP có điểm thi trung bình cao nhất đối với các học phần có > 384 bài thi trong năm học 2022-2023.*

| | | Mean | Median | Mode | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | < 5 | < 5 | < 5 | | | |
| TT | Parameters | N > 384 | Mean | Median | Mode | Std. Deviation | Variance |
| 1 | HP7010104 | 2030 | 4.5 | 4.5 | 3 | 2.58 | 6.6 |
| 2 | HP7010505 | 434 | 4.6 | 4.5 | 2 | 2.13 | 4.6 |
| 3 | HP7010403 | 743 | 3.6 | 3 | 1 | 2.08 | 4.3 |
| 4 | HP7010103 | 2536 | 3.5 | 3 | 2 | 2.41 | 5.8 |
| 5 | HP7010120 | 2998 | 4.1 | 4 | 3 | 2.42 | 5.9 |
| 6 | HP7010204 | 2567 | 3.1 | 3 | 2 | 1.73 | 3.0 |
| 7 | HP7070432 | 1824 | 3.6 | 3 | 1 | 2.68 | 7.2 |
| 8 | HP7010108 | 726 | 3.8 | 3.5 | 2 | 2.70 | 7.3 |
| 9 | HP7090304 | 418 | 4.1 | 4 | 4.4 | 1.32 | 1.8 |
| 10 | HP7070415 | 414 | 4.5 | 4 | 4 | 2.27 | 5.2 |
| 11 | HP7070111 | 1014 | 3.5 | 3 | 0 | 2.96 | 8.8 |
| 12 | HP7080512 | 1274 | 4.3 | 4.2 | 3.8 | 1.43 | 2.0 |
| 13 | HP7080112 | 1400 | 4.7 | 4.6 | 4 | 1.17 | 1.4 |

| | | Mean | Median | Mode | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | > 7 | > 7 | > 7 | | | |
| TT | Parameters | N > 384 | Mean | Median | Mode | Std. Deviation | Variance |
| 1 | HP7000002 | 465 | 8.2 | 8.5 | 9 | 1.31 | 1.7 |
| 2 | HP7000003 | 591 | 7.4 | 7.5 | 8 | 1.20 | 1.4 |
| 3 | HP7070214 | 1938 | 7.2 | 7.3 | 8 | 1.21 | 1.5 |
| 4 | HP7070335 | 717 | 7.3 | 7.5 | 8 | 0.95 | 0.9 |
| 5 | HP7080122 | 569 | 7.6 | 7.5 | 7.5 | 1.24 | 1.5 |
| 6 | HP7080226 | 1318 | 7.3 | 7.5 | 7.5 | 1.11 | 1.2 |
| 7 | HP7080504 | 479 | 7.1 | 7.2 | 7.6 | 1.44 | 2.1 |
| 8 | HP7080514 | 753 | 7.5 | 7.5 | 7.5 | 0.76 | 0.6 |
| 9 | HP7080517 | 585 | 7.5 | 7.6 | 8 | 0.85 | 0.7 |
| 10 | HP7080712 | 1536 | 7.1 | 7.3 | 7.5 | 1.10 | 1.2 |
| 11 | HP7080713 | 613 | 7.7 | 7.8 | 8 | 1.21 | 1.5 |
| 12 | HP7080717 | 1507 | 7.4 | 7.5 | 8 | 1.15 | 1.3 |

| | | Mean | Median | Mode | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | > 6.5 | > 6.5 | > 6.5 | | | |
| TT | Parameters | N > 384 | Mean | Median | Mode | Std. Deviation | Variance |
| 1 | HP7000002 | 465 | 8.2 | 8.5 | 9 | 1.31 | 1.7 |
| 2 | HP7000003 | 591 | 7.4 | 7.5 | 8 | 1.20 | 1.4 |
| 3 | HP7020303 | 4011 | 6.8 | 7 | 8 | 1.48 | 2.2 |
| 4 | HP7070205 | 489 | 7.1 | 7.3 | 7 | 1.61 | 2.6 |
| 5 | HP7070214 | 1938 | 7.2 | 7.3 | 8 | 1.21 | 1.5 |
| 6 | HP7070335 | 717 | 7.3 | 7.5 | 8 | 0.95 | 0.9 |
| 7 | HP7080111 | 712 | 7.0 | 7.15 | 7 | 1.64 | 2.7 |
| 8 | HP7080122 | 569 | 7.6 | 7.5 | 7.5 | 1.24 | 1.5 |
| 9 | HP7080211 | 1296 | 7.1 | 7 | 7 | 1.36 | 1.8 |
| 10 | HP7080225 | 1334 | 7.2 | 7.5 | 7 | 1.17 | 1.4 |
| 11 | HP7080226 | 1318 | 7.3 | 7.5 | 7.5 | 1.11 | 1.2 |
| 12 | HP7080504 | 479 | 7.1 | 7.2 | 7.6 | 1.44 | 2.1 |
| 13 | HP7080514 | 753 | 7.5 | 7.5 | 7.5 | 0.76 | 0.6 |
| 14 | HP7080517 | 585 | 7.5 | 7.6 | 8 | 0.85 | 0.7 |
| 15 | HP7080712 | 1536 | 7.1 | 7.3 | 7.5 | 1.10 | 1.2 |
| 16 | HP7080713 | 613 | 7.7 | 7.8 | 8 | 1.21 | 1.5 |
| 17 | HP7080717 | 1507 | 7.4 | 7.5 | 8 | 1.15 | 1.3 |
| 18 | HP7300104 | 2201 | 6.9 | 7 | 7.5 | 0.95 | 0.9 |
| 19 | HP7300202 | 4585 | 7.3 | 7 | 7 | 0.75 | 0.6 |

*Bảng 23. Thống kê 30 HP có điểm thi trung bình thấp nhất và 44 HP có điểm thi trung bình cao nhất đối với các học phần có 92 - 384 bài thi năm học 2022-2023.*

| | | Mean | Median | Mode | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | <5 | <5 | <5 | | | |
| TT | HP | N > 92 N < 384 | Mean | Median | Mode | Std. Deviation | Variance |
| 1 | HP7010101 | 293 | 3.4 | 3 | 1 | 2.65 | 7.00 |
| 2 | HP7010110 | 107 | 3.2 | 2.5 | 1 | 2.86 | 8.19 |
| 3 | HP7010117 | 341 | 4.2 | 4 | 3.5 | 1.96 | 3.83 |
| 4 | HP7010404 | 158 | 2.8 | 3 | 1 | 1.76 | 3.09 |
| 5 | HP7010407 | 133 | 4.1 | 4 | 2.5 | 1.88 | 3.55 |
| 6 | HP7030501 | 94 | 3.8 | 4 | 2 | 1.99 | 3.94 |
| 7 | HP7030503 | 325 | 3.5 | 3 | 1 | 2.30 | 5.30 |
| 8 | HP7030504 | 96 | 3.0 | 2.75 | 2 | 1.28 | 1.63 |
| 9 | HP7050608 | 140 | 4.7 | 4 | 3 | 2.47 | 6.10 |
| 10 | HP7050616 | 139 | 3.9 | 4 | 0 | 2.71 | 7.32 |
| 11 | HP7070322 | 141 | 4.6 | 4.5 | 4.5 | 1.98 | 3.90 |
| 12 | HP7070418 | 298 | 4.8 | 4.5 | 2.5 | 2.56 | 6.54 |
| 13 | HP7080316 | 120 | 4.0 | 4.2 | 0 | 1.61 | 2.58 |
| 14 | HP7080317 | 105 | 3.1 | 2.8 | 1.8 | 1.40 | 1.97 |
| 15 | HP7080633 | 96 | 4.3 | 4 | 0 | 2.82 | 7.93 |
| 16 | HP7080638 | 100 | 3.1 | 2.5 | 0 | 2.75 | 7.56 |
| 17 | HP7080721 | 117 | 2.1 | 1 | 0.5 | 2.25 | 5.06 |
| 18 | HP7090115 | 136 | 2.7 | 2 | 0.5 | 2.49 | 6.19 |
| 19 | HP7090118 | 119 | 3.7 | 4 | 4 | 1.37 | 1.88 |
| 20 | HP7090201 | 298 | 3.9 | 3.5 | 3.5 | 1.76 | 3.09 |
| 21 | HP7090202 | 151 | 4.3 | 4.5 | 3.5 | 1.93 | 3.74 |
| 22 | HP7090206 | 114 | 2.5 | 2.5 | 2.5 | 1.86 | 3.47 |
| 23 | HP7090211 | 326 | 2.9 | 3 | 2 | 1.46 | 2.14 |
| 24 | HP7090219 | 111 | 3.0 | 3 | 3 | 1.05 | 1.10 |
| 25 | HP7090226 | 110 | 4.6 | 4 | 4 | 1.04 | 1.08 |
| 26 | HP7090233 | 290 | 3.3 | 3 | 3 | 1.67 | 2.80 |
| 27 | HP7090235 | 117 | 4.3 | 4 | 4 | 1.84 | 3.39 |
| 28 | HP7090316 | 352 | 4.1 | 4 | 3.6 | 1.37 | 1.87 |
| 29 | HP7090422 | 136 | 2.6 | 2.25 | 1 | 1.83 | 3.35 |
| 30 | HP7090431 | 141 | 4.5 | 4 | 4 | 1.79 | 3.19 |

| | | Mean | Median | Mode | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | >7 | >7 | >7 | | | |
| TT | HP | N > 92 N < 384 | Mean | Median | Mode | Std. Deviation | Variance |
| 1 | HP7000001 | 181 | 7.4 | 7.5 | 8 | 0.70 | 0.49 |
| 2 | HP7000005 | 383 | 7.2 | 7.5 | 7.5 | 0.92 | 0.85 |
| 3 | HP7010607 | 239 | 7.3 | 7.7 | 10 | 2.28 | 5.20 |
| 4 | HP7050303 | 92 | 7.7 | 7.7 | 7.7 | 0.80 | 0.64 |
| 5 | HP7070220 | 135 | 7.5 | 7.5 | 8.5 | 1.48 | 2.19 |
| 6 | HP7070227 | 176 | 8.1 | 8.2 | 8.4 | 0.85 | 0.73 |
| 7 | HP7070228 | 170 | 7.1 | 7.2 | 7.4 | 0.86 | 0.73 |
| 8 | HP7070229 | 170 | 8.7 | 9 | 9 | 0.77 | 0.60 |
| 9 | HP7070231 | 108 | 7.9 | 8 | 8 | 0.76 | 0.57 |
| 10 | HP7070310 | 164 | 7.2 | 7.3 | 7.3 | 1.00 | 1.00 |
| 11 | HP7070312 | 135 | 7.0 | 7.5 | 8.5 | 1.52 | 2.32 |
| 12 | HP7070330 | 180 | 7.6 | 7.5 | 8 | 0.96 | 0.92 |
| 13 | HP7070346 | 260 | 7.8 | 8 | 8 | 1.84 | 3.39 |
| 14 | HP7070407 | 120 | 7.9 | 8 | 9 | 0.91 | 0.82 |
| 15 | HP7070429 | 164 | 7.5 | 8 | 9 | 1.83 | 3.36 |
| 16 | HP7080115 | 110 | 8.6 | 9 | 9 | 1.08 | 1.16 |
| 17 | HP7080234 | 150 | 7.5 | 7.5 | 8 | 0.83 | 0.69 |
| 18 | HP7080505 | 109 | 7.9 | 8.2 | 8.4 | 0.67 | 0.44 |
| 19 | HP7080510 | 104 | 8.3 | 8.8 | 8.8 | 1.24 | 1.54 |
| 20 | HP7080518 | 123 | 8.0 | 8 | 7.3 | 1.26 | 1.60 |
| 21 | HP7080627 | 128 | 8.1 | 8 | 8 | 1.00 | 1.01 |
| 22 | HP7090406 | 114 | 7.1 | 7.5 | 8 | 1.60 | 2.55 |
| 23 | HP7090578 | 133 | 7.6 | 7.5 | 8 | 0.66 | 0.43 |

| | | Mean | Median | Mode | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | >6.5 | >6.5 | >6.5 | | | |
| TT | HP | N > 92 N < 384 | Mean | Median | Mode | Std. Deviation | Variance |
| 1 | HP7000001 | 181 | 7.4 | 7.5 | 8 | 0.70 | 0.49 |
| 2 | HP7000004 | 120 | 6.9 | 7 | 7 | 1.50 | 2.25 |
| 3 | HP7000005 | 383 | 7.2 | 7.5 | 7.5 | 0.92 | 0.85 |
| 4 | HP7010401 | 177 | 6.9 | 7.5 | 9 | 2.73 | 7.45 |
| 5 | HP7010604 | 358 | 6.7 | 7 | 7.6 | 1.55 | 2.40 |
| 6 | HP7010607 | 239 | 7.3 | 7.7 | 10 | 2.28 | 5.20 |
| 7 | HP7050301 | 163 | 6.8 | 7 | 7 | 1.03 | 1.06 |
| 8 | HP7050303 | 92 | 7.7 | 7.7 | 7.7 | 0.80 | 0.64 |
| 9 | HP7050637 | 131 | 7.3 | 7 | 7 | 1.56 | 2.44 |
| 10 | HP7070220 | 135 | 7.5 | 7.5 | 8.5 | 1.48 | 2.19 |
| 11 | HP7070227 | 176 | 8.1 | 8.2 | 8.4 | 0.85 | 0.73 |
| 12 | HP7070228 | 170 | 7.1 | 7.2 | 7.4 | 0.86 | 0.73 |
| 13 | HP7070229 | 170 | 8.7 | 9 | 9 | 0.77 | 0.60 |
| 14 | HP7070231 | 108 | 7.9 | 8 | 8 | 0.76 | 0.57 |
| 15 | HP7070301 | 134 | 6.6 | 7 | 7 | 2.43 | 5.89 |
| 16 | HP7070302 | 132 | 6.8 | 7.5 | 8 | 2.19 | 4.81 |
| 17 | HP7070310 | 164 | 7.2 | 7.3 | 7.3 | 1.00 | 1.00 |
| 18 | HP7070312 | 135 | 7.0 | 7.5 | 8.5 | 1.52 | 2.32 |
| 19 | HP7070330 | 180 | 7.6 | 7.5 | 8 | 0.96 | 0.92 |
| 20 | HP7070339 | 259 | 6.8 | 7 | 7 | 0.98 | 0.96 |
| 21 | HP7070346 | 260 | 7.8 | 8 | 8 | 1.84 | 3.39 |
| 22 | HP7070407 | 120 | 7.9 | 8 | 9 | 0.91 | 0.82 |
| 23 | HP7070419 | 226 | 7.0 | 7.5 | 7.5 | 1.75 | 3.08 |
| 24 | HP7070429 | 164 | 7.5 | 8 | 9 | 1.83 | 3.36 |
| 25 | HP7070431 | 221 | 7.0 | 7 | 7 | 1.55 | 2.41 |
| 26 | HP7070444 | 265 | 6.8 | 7 | 7 | 1.73 | 3.00 |
| 27 | HP7070448 | 116 | 7.0 | 7.5 | 8 | 1.63 | 2.66 |
| 28 | HP7070453 | 151 | 7.2 | 7.5 | 7 | 1.31 | 1.73 |
| 29 | HP7070454 | 156 | 6.8 | 7 | 7.5 | 1.19 | 1.41 |
| 30 | HP7080114 | 101 | 6.7 | 7.5 | 8 | 2.37 | 5.60 |
| 31 | HP7080115 | 110 | 8.6 | 9 | 9 | 1.08 | 1.16 |
| 32 | HP7080121 | 273 | 6.8 | 7 | 7.5 | 1.24 | 1.53 |
| 33 | HP7080234 | 150 | 7.5 | 7.5 | 8 | 0.83 | 0.69 |
| 34 | HP7080410 | 107 | 7.4 | 7.5 | 7 | 1.08 | 1.17 |
| 35 | HP7080505 | 109 | 7.9 | 8.2 | 8.4 | 0.67 | 0.44 |
| 36 | HP7080510 | 104 | 8.3 | 8.8 | 8.8 | 1.24 | 1.54 |
| 37 | HP7080518 | 123 | 8.0 | 8 | 7.3 | 1.26 | 1.60 |
| 38 | HP7080622 | 137 | 6.8 | 7 | 8 | 1.42 | 2.03 |
| 39 | HP7080627 | 128 | 8.1 | 8 | 8 | 1.00 | 1.01 |
| 40 | HP7090406 | 114 | 7.1 | 7.5 | 8 | 1.60 | 2.55 |
| 41 | HP7090546 | 172 | 6.7 | 7 | 8 | 2.22 | 4.92 |
| 42 | HP7090578 | 133 | 7.6 | 7.5 | 8 | 0.66 | 0.43 |
| 43 | HP7100201 | 92 | 7.0 | 7 | 7 | 1.58 | 2.48 |
| 44 | HP7100601 | 99 | 6.8 | 7 | 8 | 1.42 | 2.01 |

***Nhận xét, đánh giá chung:***

- Công tác khảo thí đại học và sau đại học trong năm học vừa qua đã được triển khai tốt theo kế hoạch năm học. Khối lượng bài khảo thí lớn 151.309 bài (142.271 bài thi đại học và 9.038 bài thi cao học); số bài thi đại học có nhu cầu phúc khảo rất nhỏ (405 bài), chiếm 0.28%. Kết quả phúc khảo có tỷ lệ bài thay đổi điểm 6% (25/405) và không có cán bộ chấm thi nào bị trừ điểm KPIs vì lý do làm thay đổi điểm thi giữa đợt chấm chính thức và đợt chấm phúc khảo.

- Kết quả phân tích thống kê cho thấy cần tiếp tục triển khai rà soát, đổi mới hình thức ra đề thi; thường xuyên cập nhật ngân hàng câu hỏi đề thi - đáp án, điều chỉnh mức độ khó của câu hỏi đề thi; đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm giúp người học đạt được CĐR học phần được tốt hơn.

*4.1.2 Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học*

***Công tác kiểm tra trình độ ngoại ngữ, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn đầu ra công nghệ thông tin***

Trong năm học 2022 - 2023, nhằm tạo điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên đặc biệt là những sinh viên khóa cũ đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa đạt Chuẩn đầu ra, Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị chức năng liên tục tổ chức các đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp. Cụ thể, Trung tâm đã tổ chức 6 đợt kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra công nghệ thông tin cho 2.838 lượt sinh viên. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở bảng sau:

*Bảng 24. Số sinh viên tham dự kiểm tra trình độ ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin năm học 2022 - 2023*

| **Đợt kiểm tra** | **ngữ** | | | **ọc** | | | **Ghi chú** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Số TS dự thi** | **Số TS đạt** | **Tỷ lệ** | **Số TS dự thi** | **Số TS đạt** | **Tỷ lệ** | |
| Đợt 3 (07, 09/2022) | 213 | 139 | 65.26% | 248 | 204 | 82.26% | |
| Đợt 1 (11/2022) NH 22-23 | 242 | 129 | 53.31% | 303 | 228 | 75.25% | |
| Đợt 2 (01/2023) NH 22-23 | 195 | 115 | 58.97% | 182 | 140 | 76.92% | |
| Đợt 3 NH 22-23 (03/2023) | 111 | 90 | 81.08% | 112 | 86 | 76.79% | |
| Đợt 4 NH 22-23 (05/2023) | 381 | 320 | 83.99% | 361 | 303 | 83.93% | |
| Đợt 5 NH 22-23 (06/2023) | 205 | 168 | 81.95% | 174 | 148 | 85.06% | |
| **Cộng** | 1458 | 1051 | 72.09% | 1380 | 1109 | 80.36% | |

Nhìn vào bảng thống kê cho thấy, tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 1.458 sinh viên, số sinh viên đạt là 1.051 sinh viên, chiếm tỷ lệ 72.09%; tổng số sinh viên dự thi tin học là 1.380 sinh viên, số sinh viên đạt là 1.109 sinh viên, chiếm tỷ lệ 80.36%.

*Bảng 25. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, tin học năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023*

| | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Tăng/Giảm** |
|---|---|---|---|
| **Tổng số thí sinh** | **5968** | **2838** | - 3130 |
| Ngoại ngữ | 3091 | 1458 | -1633 |
| Tin học | 2877 | 1380 | -1497 |
| **Số thí sinh đạt** | **5005** | **2160** | -2845 |
| Ngoại ngữ | 2554 | 1051 | -1503 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Tin học | 2451 | 1109 | -1342 |

So với năm học trước, số lượng sinh viên tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ giảm do năm học 2021-2022 có hai khóa 62 và 63 cùng tốt nghiệp, trong khi đó năm học 2022 – 2023 số lượng sinh viên tốt nghiệp giảm. Điều này kéo theo số lượng sinh viên đạt Chuẩn đầu ra cũng giảm.

Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong năm học 2022 – 2023, Trung tâm cũng đã phối hợp tổ chức 02 đợt kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ cho 808 sinh viên, trong đó có 269 sinh viên đủ điều kiện học tiếng Anh chính khoá, chiếm tỷ lệ 33.29%. Kết quả kiểm tra là cơ sở để Nhà trường phân loại và sắp xếp các lớp học phù hợp với trình độ của sinh viên.

Trong năm học 2022 – 2023, Trung tâm đã làm thủ tục trình Ban giám hiệu cấp, phát 370 chứng nhận tin học, ngoại ngữ cho sinh viên.

*4.1.3 Công tác đảm bảo chất lượng*

Trong thời gian qua, Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019; Nhà trường đã ban hành quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 11/11/2019 về Cấu trúc tổ chức, mô hình và hoạt động ĐBCLGD bên trong của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo QĐ số 508/QĐ-MĐC ngày 3/6/2022, trong đó có các mức hỗ trợ công tác ĐBCL cấp CTĐT và cấp Trường đối với các khoa chủ quản CTĐT và các đơn vị chức năng liên quan trong Trường.

*Kiểm định Chương trình đào tạo:* Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 03 CTĐT Kỹ thuật điện, Kỹ thuật cơ khí, Quản lý đất đai cho Khoa Cơ - Điện và Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ. Tháng 9 và tháng 10/2022 Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh (VCEA) đã hoàn thành các đợt KSSB và KSCT 03 CTĐT. Tháng 1/2023, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh (VCEA) đã thông qua nghị quyết về việc Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT hệ chính quy đối với 03 CTĐT:

- Ngành Kỹ thuật điện: tỷ lệ số tiêu chí đạt 88%
- Ngành Kỹ thuật cơ khí: tỷ lệ số tiêu chí đạt 88%
- Ngành Quản lý đất đai: tỷ lệ số tiêu chí đạt 88%.

*Kiểm định Cơ sở giáo dục:* Tháng 2/2023 Nhà trường đã ra Thông báo về Kế hoạch triển khai công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục năm 2023 theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 3/2023 Nhà trường đã ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG và Ban thư ký giúp việc để xây dựng và triển khai công tác tự đánh giá Trường trong giai đoạn 01/2018 – 12/2022 và bổ sung, cập nhật dữ liệu (nếu cần). Tháng 6/2023 Nhà trường đã mời chuyên gia của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội về Trường tập huấn ”Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ giáo dục đào tạo” cho các Thành viên Hội đồng tự đánh giá Trường, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hiện nay Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách đang hoàn thành Báo cáo tự đánh giá để tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến hoạt động đánh giá ngoài Trường.

*Bảng 26. Tổng hợp thông tin TĐG, ĐGN, Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD Trường và CTĐT giai đoạn 2018 - 2025*

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Năm bắt đầu đào tạo | KĐCL Giai đoạn 1 | | Báo cáo giữa kỳ KĐCL | Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD | KĐCL Giai đoạn 2 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | |
| 1 | Quản trị kinh doanh | 7340101 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |
| 2 | Tài chính - Ngân hàng | 7340201 | 2018 | 2018 | 2024 | | | | | | |
| 3 | Kế toán | 7340301 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |
| 4 | Địa chất học | 7440201 | 2018 | 1966 | | | | | | | |
| 5 | Quản lý và phân tích dữ liệu khoa học | 7440229 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 6 | Khoa học dữ liệu | 7460108 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 7 | Công nghệ thông tin | 7480201 | 2018 | 2002 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 8 | Địa tin học | 7480206 | 2019 | 2019 | 2024 | | | | | | |
| 9 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 7510301 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 10 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | 7510401 | 2018 | 2011 | | | | | | | |
| 11 | Quản lý công nghiệp | 7510601 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 12 | Kỹ thuật cơ khí | 7520103 | 2018 | 1966 | 2021 | 24/3/2023 | 9/2025 | 24/3/2028 | 2027 | | |
| 13 | Kỹ thuật cơ điện tử | 7520114 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 14 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 7520116 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 15 | Kỹ thuật ô tô | 7520130 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 16 | Kỹ thuật điện | 7520201 | 2018 | 1966 | 2021 | 24/3/2023 | 9/2025 | 24/3/2028 | 2027 | | |
| 17 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 7520216 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |
| 18 | Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo | 7520218 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 19 | Kỹ thuật hoá học | 7520301 | | 2011 | (2021) | | | | | | |

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Năm bắt đầu đào tạo | KĐCL Giai đoạn 1 | | Báo cáo giữa kỳ KĐCL | Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD | KĐCL Giai đoạn 2 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | |
| 20 | Kỹ thuật môi trường | 7520320 | 2018 | 2011 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 21 | Kỹ thuật địa chất | 7520501 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |
| 22 | Kỹ thuật địa vật lý | 7520502 | 2018 | 1966 | | | | | | | |
| 23 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 7520503 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 24 | Đá quý Đá mỹ nghệ | 7520505 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 25 | Kỹ thuật mỏ | 7520601 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 26 | Kỹ thuật dầu khí | 7520604 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 27 | Kỹ thuật khí thiên nhiên | 7520605 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 28 | Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên | 7520606 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 29 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 7520607 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 30 | Quản lý phát triển đô thị và bất động sản | 7580109 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 31 | Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | 2018 | 2011 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 32 | Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm | 7580204 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 33 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 7580205 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 34 | Địa kỹ thuật xây dựng | 7580211 | 2018 | 2018 | 2024 | | | | | | |
| 35 | Kỹ thuật tài nguyên nước | 7580212 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 36 | Quản lý xây dựng | 7580302 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 37 | Hoá dược | 7720203 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Năm bắt đầu đào tạo | KĐCL Giai đoạn 1 | | Báo cáo giữa kỳ KĐCL | Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD | KĐCL Giai đoạn 2 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | |
| 38 | Du lịch địa chất | 7810105 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 39 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 7850101 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 40 | Quản lý đất đai | 7850103 | 2018 | 2018 | 2021 | 24/3/2023 | 9/2025 | 24/3/2028 | 2027 | | |
| 41 | An toàn, Vệ sinh lao động | 7850202 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 42 | Trường Đại học Mỏ - Địa chất | | | 1966 | 2016 | 31/03/2018 | x | 31/03/2023 | 2023 | 2024 | |
| 43 | Khai thác mỏ (Thạc sĩ) | 8520603 | 2012 | 1991 | 04/2022 | | | | | | |
| 44 | Kỹ thuật địa chất (Thạc sĩ) | 8520501 | 2012 | 1991 | 04/2022 | | | | | | |
| 45 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (Thạc sĩ) | 8520503 | 2012 | 1991 | 04/2022 | | | | | | |

Nhà trường tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ: Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất và Kỹ thuật trắc địa - bản đồ theo Thông báo số 190/TB-MĐC ngày 07/04/2022. Tháng 7/2022, Nhà trường đã tổ chức Chương trình tập huấn "Đảm bảo chất lượng và tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và giảng viên, chuyên viên trong Trường.

Hiện nay, Phòng ĐBCLGD đang triển khai rà soát việc thực hiện các nội dung cải tiến chất lượng trong Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD đối với 04 CTĐT: Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kế toán; Quản trị kinh doanh đã kiểm định năm 2019 và lập kế hoạch xây dựng Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD đối với 07 CTĐT đã kiểm định năm 2020: Kỹ thuật Mỏ; Kỹ thuật tuyển khoáng; Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ; Kỹ thuật dầu khí; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật môi trường.

*Cập nhật dữ liệu lên Phần mềm* Quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học: Phòng ĐBCL đã triển khai việc cập nhật dữ liệu lên Phần mềm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục Đào tạo.

*Xếp hạng trường:* Tháng 8/2020, Phòng ĐBCLGD đã phối hợp với các đơn vị trong toàn trường, hoàn thành việc cung cấp số liệu, tham gia xếp hạng các trường ĐH theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu, được cấp Chứng nhận vào ngày 18/8/2020. Hiện nay Phòng ĐBCLGD đang rà soát, tiếp tục cập nhật các quy định mới và xây dựng kế hoạch phối hợp với các đơn vị trong toàn trường rà soát mức độ đáp ứng các tiêu chí của hệ thống UPM – Xếp hạng Đại học của Việt Nam.

*Văn bằng chứng chỉ:* Nhà trường thực hiện báo cáo văn bằng chứng chỉ theo Quy định của Bộ GDĐT. Trên cơ sở kinh phí được phê duyệt, Phòng ĐBCLGD đã hoàn thành việc in 5000 phôi bằng kỹ sư và 2000 phôi bằng cử nhân trong năm 2023 (Bảng I.30) và tiếp tục triển khai in phôi bằng thạc sĩ. Thống kê tình hình thực hiện in phôi văn bằng như bảng sau:

*Bảng 27. Tình hình thực hiện in và cấp phôi văn bằng.*

| Năm | Thời gian in phôi văn bằng theo kế hoạch quy định | Loại phôi văn bằng | Số lượng phôi văn bằng in trong kỳ | | Số phôi văn bằng sử dụng trong kỳ | Số phôi văn bằng cấp cho người học | Ghi chú (*in Hỏng*) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng phôi văn bằng do Bộ GDDT cung cấp | Số lượng phôi văn bằng do Trường in | | | |
| **8/2022 – 30/10/2023** | 10/2023 | Cử nhân | - | 2000 | 913 | 911 | 2 |
| | 10/2023 | Kỹ sư | - | 5000 | 1991 | 1986 | 5 |
| | (dự kiến 11/2023) | Thạc sĩ | - | 2000 | 741 | 732 | 9 |
| | - | Tiến sĩ | - | - | 25 | 24 | 1 |
| **Tổng số** | | | | | **3670** | **3653** | **17** |

*(Số liệu cấp phôi từ Tháng 8/2022 – 30/10/2023)*

Hiện nay Phòng ĐBCL đang cùng với các đơn vị trong Trường triển khai xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2023-2024; rà soát, xây dựng bổ sung Kế hoạch đảm bảo chất lượng trung hạn giai đoạn 2023-2025 và Kế hoạch đảm bảo chất lượng dài hạn 2025-2030; Tiếp tục rà soát và triển khai hoạt động có hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong của Nhà trường.

Nhận xét, đánh giá chung:

- Công tác đảm bảo chất lượng cấp CTĐT và CSGD tiếp tục được đẩy mạnh trong năm học vừa qua. Nhiệm vụ ĐBCLGD cần được các Khoa/Bộ môn, giảng viên, sinh viên coi là

nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường nói chung; cần được quan tâm, triển khai một cách hệ thống và hiệu quả, phục vụ tốt hơn việc kiểm định CSGD, CTĐT và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo (CTĐT/CSGD) trong Trường.

- Kết quả triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sau kiểm định CTĐT còn khiêm tốn. Việc triển khai báo cáo giữa kỳ KĐCL còn chậm và thụ động.

**4.2 Những tồn tại**

*4.2.1 Công tác đảm bảo chất lượng*

- Quy định về công tác ĐBCLGD Trường, Hội đồng ĐBCL Trường cũng như Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường (mô hình mạng lưới, cơ cấu tổ chức) đã được xây dựng, ban hành nhưng khi triển khai các hoạt động ĐBCL, cải tiến chất lượng còn bộc lộ sự thiếu chuyên nghiệp và hạn chế.

- Việc cải tiến chất lượng sau kiểm định 11 CTĐT đã kiểm định chất lượng các năm 2019, 2020 qua còn diễn ra chậm và thụ động. Việc xây dựng báo cáo giữa chu kỳ với các CTĐT kiểm định năm 2019, 2020; việc triển khai công tác tự đánh giá trường sau khi hết chu kỳ KĐCL thứ nhất còn chậm.

- Chưa xây dựng được kế hoạch cải tiến chất lượng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT theo theo tiêu chuẩn AUN-QA đối với Chương trình Kỹ thuật hóa học (Chương trình Tiên tiến) của Nhà trường.

***Những tồn tại, hạn chế***

Theo kết quả thống kê đợt xét tốt nghiệp tháng 9 năm 2023, thực trạng sinh viên còn nợ Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra CNTT như sau: số sinh viên nợ Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ là 1.310 sinh viên, số sinh viên nợ Chuẩn đầu ra CNTT là 1.282 sinh viên, đặc biệt trong số những sinh viên này thì phần lớn là những sinh viên đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra.

Đây là một con số khá lớn phản ánh thực tế hiện nay không ít sinh viên không còn xem việc lấy bằng tốt nghiệp là một việc hệ trọng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc sinh viên bị cuốn vào vòng xoáy việc làm và nhận thấy bằng cấp không còn quan trọng nên mặc dù đã được thông báo, đôn đốc, nhắc nhở tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra để đủ điều kiện xét tốt nghiệp ra trường nhưng hầu hết sinh viên vẫn thờ ơ và chỉ khi yêu cầu công việc cần có bằng cấp thì sinh viên mới quay lại trường để tham gia kiểm tra và lấy bằng tốt nghiệp.

**4.3 Giải pháp**

*4.3.1 Công tác khảo thí*

- Rà soát, kiện toàn các quy định về công tác ĐBCLGD; vận hành hiệu quả Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Rà soát, xây dựng các quy định bổ sung và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về ĐBCL. Đề nghị xem xét, đưa công tác KĐCLGD vào nhiệm vụ của chuyên viên/giảng viên/cán bộ quản lý trong thành phần các tổ ĐBCLGD của Nhà trường để có thể triển khai các công việc ĐBCL một cách thường xuyên, đồng bộ và hiệu quả.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về công tác đảm bảo chất lượng CSGD và CTĐT; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác ĐBCL.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào các hoạt động của khảo thí và ĐBCL trong Trường;

*4.3.2 Công tác đảm bảo chất lượng*

- Xây dựng quy định và định kỳ rà soát hệ thống thông tin ĐBCL trong Nhà trường.

- Phối hợp với các Khoa quản lý sinh viên và các đơn vị chức năng trong nhà trường tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và liên lạc trực tiếp tư vấn và hỗ trợ sinh viên đăng ký tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra.

- Tăng cường mở các đợt thi Chuẩn đầu ra trực tiếp kết hợp trực tuyến để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tham gia ngay sau khi chuẩn bị đủ điều kiện và đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định.

- Đề xuất Nhà trường ra các quy định yêu cầu sinh viên phải hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ và CNTT trước khi được bảo vệ tốt nghiệp.

## 5 Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp

### 5.1 Những kết quả đạt được

*5.1.1 Công tác tư vấn tuyển sinh*

Trong năm học qua, Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch truyền thông tư vấn tuyển sinh cụ thể và bài bản. Kế hoạch 718/MĐC-CCDN ngày 26/12/2022 về việc triển khai Kế hoạch truyền thông TVTS năm 2023 được BGH phê duyệt, ban hành và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.

Năm học 2022 -2023, công tác Truyền thông - Tư vấn tuyển sinh đã trở lại bình thường sau nhiều năm liền bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19. Theo kế hoạch, Phòng QHCC & DN đã triển khai các hình thức truyền thông tuyển sinh online và truyền thông TVTS trực tiếp, cụ thể:

*a. Truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp:*

- Tham gia chương trình TVTS do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại :

+ Thanh Hóa, Nghệ An (Ngày 18;19/02/2023); Tại Hải Phòng, Hải Dương (26/02/2023);

+ Ngày hội TVTS - Hướng nghiệp (Ngày 19/3/2023) tổ chức tại Đại học Bách khoa;

+ Ngày hội Lựa chọn nguyện vọng xét tuyển Đại học, cao đẳng năm 2023 (22/7/2023) tổ chức tại Đại học Bách khoa;

- Tham gia chương trình: "Tư vấn mùa thi, định hướng nghề nghiệp năm 2023" do Tỉnh đoàn Quảng Ninh tổ chức (01/4/2023);

- Thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 06 trường THPT tại Hà Nội có số lượng sinh viên nhập học vào HUMG cao như: THPT Cầu Giấy (18/3/2023), THPT Nguyễn Thị Minh Khai (30/3/2023), THPT Thượng Cát, THPT Tân Lập, THPT Hồng Thái, THPT Đan Phượng (15/5/2023);

- TVTS trực tiếp tại 06 trường THPT trên địa bàn tỉnh Nam Định: Trường THPT: Nguyễn Trãi, THPT Nguyễn du, THPT Trần Văn Bảo, THPT Trực Ninh, THPT Quất Lâm, THPT Giao Thủy C (22/5/2023);

- Tham gia TVTS tại 35 trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Bình nơi Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện công tác giám sát kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia bằng hình thức treo Banner có thông tin TVTS của Nhà trường và banner (24 – 27/6/2023)

*b. Truyền thông tư vấn tuyển sinh online:*

Sử dụng rất hiệu quả kênh truyền thông qua mạng xã hội để quảng bá thông tin tuyển sinh tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Trang facebook chính thức của HUMG năm 2022 số lượng thích trang là 56.000 sang năm 2023 số lượng người thích trang là 66.081 người (tăng hơn 10.000 lượt so với năm 2022); Đã thực hiện gần 30 chiến dịch quảng cáo lớn về các thông tin, hình ảnh của Trường, thông tin tuyển sinh của Trường qua các bài viết trên mạng xã hội, Zalo OA; tổng số lượng tương tác với các bài viết và bài quảng cáo là 1.687.677 lượt, tổng số lượng tương tin nhắn là 1390 tin nhắn.

Thực hiện 04 chiến dịch (74 videoclip) công tác truyền thông tuyển sinh đại học trên kênh Tiktok (9/2022-9/2023) thu hút hàng chục nghìn người quan tâm, theo dõi trực tiếp.

*c. Tư vấn tuyển sinh qua hình thức gọi điện thoại và trả lời tin nhắn;*

Đã trả lời hàng chục ngàn tin nhắn về tuyển sinh offline và online (thường tập trung từ 17h00 - 01h00); Đã gọi điện trực tiếp cho 2.316 thí sinh trúng tuyển vào trường theo hình thức xét học bạ và xét theo kết quả thi THPT.

Kết quả: Từ các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh nói trên, mùa tuyển sinh năm 2023 đã đạt kết quả rất tốt, cụ thể:

Năm 2023, đã có 20.381 nguyện vọng của 7.544 thí sinh đăng ký vào HUMG, con số đủ điều kiện trúng tuyển là 2.316 con số chính thức nhập học là 2.096. Điều này cho thấy kết quả của công tác truyền thông TVST được cho là đạt hiệu quả tốt.

*5.1.2 Công tác truyền thông*

Trong năm học 2022 - 2023, Phòng Quan hệ Công chúng và doanh nghiệp đã thực hiện tốt công tác truyền thông nội bộ và truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

*Công tác truyền thông nội bộ:*

Thống kê bài viết theo năm học (tháng 9/2022-8/2023):

1. Facebook: đã đăng tải tổng số 237 bài truyền thông về mọi mặt hoạt động của trường và 133 bài truyền thông tuyển sinh;

2. Website: HUMG: 113;

3. Website: ts.humg.edu.vn: 23

3. Tin bài trên Zalo OA: 116

4. Đăng tải nội dung trên Tiktok: 74 Video

5. Thực hiện video clip trên facebook: 42 video

6. Đăng tải clip trên Youtube: 22 video

7. Đã tham dự ghi hình sự kiện: 104 các sự kiện được tổ chức bởi Nhà trường và các đơn vị trong trường

Đã thực hiện gần 300 pano điện tử các loại phục vụ công tác truyền thông nội bộ, công tác tư vấn tuyển sinh, quảng bá thương hiệu của Nhà trường, thực hiện gần 70 nội dung trang trí khánh tiết trên các pano khổ lớn, bandrol, backdrop, cho các sự kiện lớn của Đảng, Nhà nước và của Nhà trường.

Trong năm học vừa qua, công tác truyền thông được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong năm học 2022 - 2023 các tin tức về hoạt động của Nhà trường, thông tin tuyển sinh đã được đăng tải trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa phương, cụ thể đã có gần 50 tin bài về hoạt động của HUMG được phát sóng và đăng tải trong các chuyên mục giáo dục của: Đài truyền hình Việt Nam (chương trình Thời sự; chương trình Chuyển động 24h; chương trình Việt Nam hôm nay); Đài truyền hình Hà Nội (chương trình thời sự, phóng sự chuyên đề), Báo Lao động; Đài PT & TH tỉnh Thái Bình, Báo tintuc.vn; Vnxpress.net; dantri.com.vn; giaoducvathoidai.vn.....

Trong tổng số tin bài đã đăng tải, số lượng tin bài truyền thông có trả phí - kinh phí lấy từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của Nhà trường là 50% = 25 tin bài, số còn lại là do Phòng chức năng đã xây dựng được những chất liệu truyền thông có tính lan tỏa tốt, cung cấp trúng và đúng thông tin mà xã hội đang quan tâm và đã phát huy tính chủ động trong việc kết nối với các cơ quan truyền thông để nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu, hình ảnh của HUMG.

*5.1.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp*

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã triển khai thoả thuận hợp tác với 08 cơ quan, doanh nghiệp trong đó có những đối tác chiến lược, gắn bó mật thiết với các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường như: Hợp tác toàn diện 7 trường Đại học Kỹ thuật hàng đầu Việt Nam Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản (VIGMR)…Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai gần 50 thỏa thuận hợp tác đã được ký kết trước đây.

Trong quá trình kết nối với doanh nghiệp, triển khai các thỏa thuận hợp tác đã ký, Phòng chức năng đã đặc biệt quan tâm trao đổi cùng các cơ quan, doanh nghiệp trong việc cam kết tiếp nhận sinh viên thực tập, tạo việc làm bán thời gian cho sinh viên, tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp vào làm việc; tài trợ học bổng cho quỹ khuyến học. Trong Lễ khai giảng năm học mới 2023 – 2024, số tiền tài trợ cho Quỹ khuyến học HUMG lên đến hơn 1 tỷ VND.

Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên trong thời gian học tập tại Trường, năm 2023, HUMG đã phối hợp với Tập đoàn Novaedu để tổ chức 02 khóa Tập huấn kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên để cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết, tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của mình (Đã tổ chức vào tháng 10-11/2023).

Vào tháng 3/2022 cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo HUMG 2022" đã được khởi động với 10 khoa chuyên môn và chương trình tiên tiến. Đã có 21 đề án được xây dựng và tham dự sơ khảo cuộc thi. Qua đó đã chọn được 10 đề án vào vòng chung kết cuộc thi được diễn ra

vào tháng 1/2023. 3 đề án xuất sắc nhất đã được chọn dự thi cấp Quốc gia. Vượt qua hơn 400 đề án đến từ các sơ sở giáo dục trên cả nước, đề án "Bê tông xanh không xi măng trộn sẵn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn" của nhóm sinh viên Khoa Xây dựng) đã đạt giải Ba toàn quốc tại Vòng chung kết Quốc gia cuộc thi SV_STARTUP V tổ chức tại Đại học Huế vào tháng 3/2023.

Tiếp nối hoạt động khởi nghiệp, tháng 8/2023, cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo HUMG 2023" đã được phát động tới sinh viên toàn trường. Sau hơn 3 tháng triển khai, Ban Tổ chức đã nhận được 15 các ý tưởng đến từ nhóm sinh viên các Khoa với nhiều lĩnh vực. Trong đó, đa dạng nhất là lĩnh vực thương mại – dịch vụ, môi trường, xây dựng, dầu khí.... Hội đồng Sơ khảo đã lựa chọn được 12 đề tài xuất sắc nhất để tiếp tục tham dự Vòng Chung khảo (dự kiến sẽ tổ chức vào ngày 28/11/2023)

**5.2 Tồn tại**

*5.2.1 Công tác tư vấn tuyển sinh*

*Hạn chế*

- Các chất liệu truyền thông chưa thực sự phong phú (thiếu những chất liệu truyền thông mang tính thực tế, có sức thu hút và hấp dẫn)
- Công tác truyền thông TVTS đôi khi còn chưa kịp thời

*Nguyên nhân*

- Bộ phận nhân sự rất thiếu đặc biệt về mảng truyền thông đa phương tiện (thiếu các vị trí công việc như: phóng viên; biên tập viên; kỹ thuật viên);
- Trang thiết bị cơ sở vật chất không đồng bộ, thiếu trang thiết bị để thực hiện một chương trình có chất lượng cao;
- Thiếu đội ngũ báo cáo viên, diễn giả có chuyên môn nghiệp vụ và khả năng truyền cảm hứng tốt;
- Sự phối kết hợp giữa các khoa có ngành nghề truyền thống, đặc thù với bộ phận truyền thông chưa chặt chẽ;
- Tính kế hoạch trong công tác truyền thông còn chưa cao; nhiều khi bị động trong công việc.
- Chế độ bồi dưỡng thêm cho các cán bộ trực tiếp làm công tác tư vấn tuyển sinh chưa hợp lý, đặc biệt là công tác Tư vấn ngoài giờ hoặc thực hiện công việc vào những ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật)
- Việc phê duyệt dự toán kinh phí đôi khi còn chưa linh hoạt, chưa phù hợp với thực tiễn. Đối với những công việc đột xuất, việc xin dự toán kinh phí đột xuất rất khó khăn.

*5.2.2 Công tác truyền thông*

*Hạn chế*

- Tính liên kết trong mạng lưới truyền thông nội bộ chưa cao;
- Công tác tuyên truyền các sự kiện lớn của Đất nước, của Nhà trường và của các ngành liên quan đôi khi còn chưa kịp thời.
- Công tác truyền thông nhiều khi chưa bao quát hết các mảng công tác của các Khoa và các đơn vị trong trường.

*Nguyên nhân*

- Chưa thực sự quan tâm và đầu tư cho công tác truyền thông nội bộ của tổ chức; Phương thức truyền thông nội bộ hiện nay đang theo hướng manh mún, nhỏ lẻ mà chưa theo một định hướng chung;
- Tính phối hợp giữa các đơn vị trong trường về công tác truyền thông chưa cao;

*5.2.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp*

*Hạn chế*

- Hợp tác doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, chưa đem lại hiệu quả cao;
- Công tác hướng nghề, hướng nghiệp chưa phát huy được hiệu quả và thế mạnh của Nhà trường;
- Hỗ trợ việc làm còn chưa đáp ứng được mong muốn và nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng;

- Công tác khởi nghiệp chưa lan tỏa, còn mang tính chất cuộc thi.

*Nguyên nhân*

- Dữ liệu về doanh nghiệp chưa được thống kê, chuyển giao, cập nhật đầy đủ;
- Chưa xây dựng được cơ chế liên kết chặt chẽ giữa Phòng – Khoa; giữa Nhà trường - Doanh nghiệp trên cơ sở win – win;
- Công tác đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội;
- Chất lượng và ý thức của sinh viên ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu HUMG;

### 5.3 Giải pháp

*5.3.1 Công tác tư vấn tuyển sinh*

- Tuyển dụng mới những cán bộ có năng lực chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành của các vị trí việc làm đang còn thiếu khuyết;
- Cho phép cán bộ đang có đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc;
- Trang bị cơ sở vật chất (theo yêu cầu, có tham khảo chuyên môn của các đơn vị truyền thông chuyên nghiệp) để đảm bảo thiết bị mua về sử dụng được lâu dài và có chất lượng;
- Xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn, có cơ chế chi trả thù lao hợp lý cho cán bộ tham gia công tác báo cáo viên, diễn giả, người truyền cảm hứng trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh;
- Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, tính phố hợp của các khoa trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh;
- Xây dựng kế hoạch truyền thông Tư vấn tuyển sinh để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả, tránh bị động, vội vàng.

*5.3.2 Công tác truyền thông*

- Xây dựng mạng lưới (website, group) truyền thông nội bộ, kênh thông tin chia sẻ và thấu hiểu, thực sự là nơi gửi gắm các thông điệp truyền thông có ích từ lãnh đạo tới nhân viên và ngược lại (truyền thông 2 chiều tích cực)
- Quy định lại chức năng của đơn vị theo đúng nội hàm và ngoại diên phù hợp theo tên đơn vị.
- Xây dựng Quy tắc phối hợp trong công tác truyền thông nội bộ.

*5.3.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp*

- Tập trung các cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cựu sinh viên và tập hợp về một mối;
- Gia tăng các hoạt động quan hệ doanh nghiệp một cách sâu sắc và gắn kết trên cơ sở win – win;
- Đẩy mạnh và đẩy sớm các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng như: Bồi dưỡng kỹ năng học tập cho sinh viên năm 1; kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên năm 2.
- Gia tăng các hoạt động hướng nghề hướng nghiệp tại các đơn vị ký kết hợp tác thỏa thuận như: Tham quan nhà máy, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh dành cho sinh viên năm 2, tổ chức thực tập môn học cho sinh viên năm 3; tổ chức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên năm 4.
- Kêu gọi doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình tuyển sinh, đào tạo và chuyển giao khoa học – kỹ thuật.
- Tháo gỡ nút thắt cơ chế, chế độ cho giáo viên, sinh viên và người làm công tác khởi nghiệp.
- Tiếp tục học tập các mô hình hay về khởi nghiệp sáng tạo trong hệ thống giáo dục đại học.

## 6 Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên

### 6.1 Những kết quả đạt được

*6.1.1 Công tác sinh viên*

Hàng năm, Phòng Công tác chính trị - Sinh viên xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trong năm học theo hướng dẫn đầu năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Xây dựng kế hoạch công tác sinh viên năm học 2022 - 2023; Kế hoạch tổ chức các khóa học Kỹ năng mềm,

Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường; Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, Kế hoạch Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, Kế hoạch tổ chức Sinh hoạt lớp.... Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên, Phòng CTSV thực hiện theo đúng kế hoạch của Nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tuyên truyền, tôn vinh các tấm gương sinh viên tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai các hoạt động hưởng ứng cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh….và nhiều cuộc thi có ý nghĩa khác.

Tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm bằng nhiều hình thức: Tuyên truyền qua Pano, qua trang web, facebook…

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, với tinh thần chủ động phối hợp hoạt động tốt giữa phòng chức năng và các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Trường. Năm 2022 - 2023, đã triển khai tốt các hoạt động văn thể theo đúng kế hoạch đề ra như: hội khỏe truyền thống sinh viên; giải bóng đá nam cán bộ, nam sinh viên, giải bóng rổ nam, nữ sinh viên, giải bóng chuyền cán bộ, bóng chuyền sinh viên...

Ngoài các hoạt động văn thể còn có các chương trình phục vụ sự kiện của Nhà trường như: Lễ khai giảng năm học mới; lễ trao bằng cho sinh viên hệ chính quy; lễ trao bằng cho sinh viên sau đại học, tiến sỹ; lễ kỷ niệm ngày Thành lập Trường và ngày Nhà giáo Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam…

Tổ chức hiệu quả Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa, đầu năm cho sinh viên toàn Trường tại các cơ sở đào tạo Hà Nội. Nội dung sinh hoạt đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…). Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng CTSV và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất. Tổ chức lớp học, lịch học nghiêm túc, hiệu quả. Số sinh viên tham gia sinh hoạt đạt 98%;

Tổ chức hiệu quả buổi Sinh hoạt lớp đầu mỗi học kỳ để đánh giá điểm rèn luyện sinh viên các khóa.

Tổ chức hiệu quả hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên: Hội nghị đối thoại là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức có hiệu quả các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường, đặc biệt là sinh viên năm đầu và sinh viên năm cuối nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên.

Thường xuyên tuyên truyền, triển khai các thông báo tới sinh viên qua trang web, qua hệ thống các fanpage chính thống của Phòng CTSV và của Nhà trường nhằm hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng thông tin trên internet, mạng xã hội phục vụ việc học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí lành mạnh

*6.1.2 Công tác hỗ trợ sinh viên*

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên có khó khăn trong việc đăng ký ghép lớp, hủy học phần, đăng ký môn học, xin quay trở lại học tập..., đề xuất giải pháp phát hiện cảnh báo sớm học tập sinh viên.

Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp.

Tổ chức có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sinh viên (xử lý các giấy tờ liên quan đến công tác sinh viên, bảo hiểm thân thể …) giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với sinh viên. Trong năm học 2022 - 2023, giải quyết thủ tục miễn giảm học phí cho 287 sinh viên với tổng số tiền miễn giảm hơn 1.3 tỷ đồng.

Tìm kiếm và sử dụng nhiều nguồn học bổng giá trị hỗ trợ sinh viên. Năm học 2022 - 2023 xét duyệt 1.847 suất học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên với tổng giá trị gần 10 tỷ đồng, xét duyệt 30 suất học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Nhà trường.

Công tác hỗ trợ sinh viên trong mùa dịch covit được giải quyết kịp thời, hiệu quả.

**6.2 Những tồn tại**

a. Công tác quản lý sinh viên

Trong bối cảnh khó khăn của công tác tuyển sinh, việc thắt chặt và quản trị tốt người học để duy trì quy mô đào tạo là hết sức quan trọng, tuy vậy công tác này đang gặp phải một số tồn tại cơ bản:

+ Sự thiếu đồng bộ trong toàn bộ hệ thống quản trị của Nhà trường: Xử lý kết quả học tập, kết quả thi chậm, ảnh hưởng đến công tác chuẩn hóa Danh sách sinh viên và rà soát cảnh báo học tập sinh viên. Quy chế đào tạo chưa phù hợp và chưa bám sát bối cảnh thực tế của công tác đào tạo theo tín chỉ; việc đăng ký tự động khối lượng học phần cho SV đã làm loãng Danh sách sinh viên ảo, gây phát sinh các dữ liệu nợ học phí ...

+ Thiếu cơ chế, chính sách để tạo động lực cho toàn bộ hệ thống tham gia vào công tác QLSV.

+ Sự chưa đồng bộ và thiếu tích cực của một số các khâu tham gia vào công tác QLSV, dẫn tới tình trạng trên chặt, dưới lỏng, cá biệt một số đơn vị còn buông lỏng công tác quản lý sinh viên, dẫn tới những hạn chế lớn trong công tác tư vấn và hỗ trợ người học.

b. Công tác hỗ trợ sinh viên, đảm bảo chế độ chính sách của sinh viên

Dù có nền tảng chuyển đổi số khá tốt, công tác hành chính, công tác hỗ trợ sinh viên đã được quan tâm chỉ đạo, tuy vậy sự hoạt động không đồng bộ ở một số khâu trung gian đã ngăn cản công tác này đạt được hiệu quả cao nhất.

Ngoài ra các văn bản pháp quy của Nhà nước còn chưa được ban hành kịp thời, gây những lúng túng và vướng mắc nhất định cho người học và cho cả các cơ quan quản lý.

**6.3 Giải pháp**

- Lập kế hoạch các hoạt động của Phòng theo từng giai đoạn, phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng để công việc đạt hiệu quả cao;
- Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện để toàn thể chuyên viên trong Phòng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Đẩy mạnh cải tiến tổ chức thực hiện công việc, phát huy tính tích cực, chủ động của Cán bộ viên chức nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc được giao.

**7 Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản**

**7.1 Những kết quả đạt được**

*7.1.1 Hoạt động nghiên cứu khoa học*

*Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ*

Năm học 2022-2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện:

- 18 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 04 đề tài độc lập thuộc chương trình cấp Quốc gia, 08 đề tài NCCB trong KHTN (Nafosted), 06 đề tài do Bộ Công Thương quản lý (4 đề tài chuyển tiếp, 02 đề tài triển khai mới).
- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương, gồm: Chủ trì 01 chương trình KHCN cấp Bộ (08 đề tài/nhiệm vụ/01 Chương trình), tham gia 01 chương trình KHCN cấp bộ do Trường Đại học Xây dựng là tổ chức chủ trì (02 đề tài); 35 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp, 10 đề tài triển khai mới được giao năm 2023, 01 dự án nâng cấp Tạp chí chuyển tiếp; 01 đề tài KH&CN cấp Bộ Xây dựng, 03 đề tài KH&CN do Bộ Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ quản, 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh, 01 nhiệm vụ HTQT.

Về kết quả thực hiện, năm 2022-2023: đã có 28 đề tài nghiệm thu cấp Quốc gia, cấp Bộ, Tỉnh (03 đề tài Quỹ Nafosted, 02 đề tài Bộ Công Thương, 16 đề tài Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 đề tài Bộ Tài nguyên và Môi trường, 01 đề tài cấp Tỉnh) trong đó có 03 đề tài xếp loại xuất sắc.

Trường đã gắn mục tiêu thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ CBGD của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao

công nghệ là tài liệu phong phú đóng góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo.

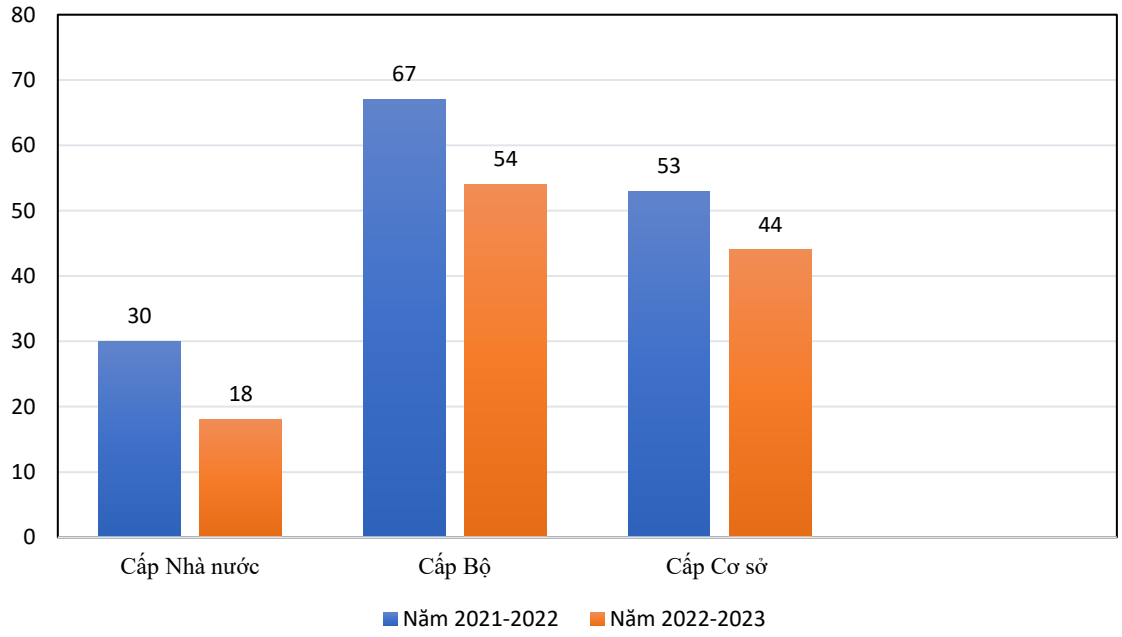
- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Nhà trường đã ưu tiên, khuyến khích NCS, học viên cao học được tham gia, chủ trì thực hiện các đề tài KHCN dưới nhiều hình thức; bổ sung hình thức thực hiện đề tài cấp cơ sở bằng nguồn kinh phí khác; nhiệm vụ KHCN phục vụ mở mới ngành nghề đào tạo; đánh giá xét chọn có chú ý đến đặc thù của khối ngành kinh tế, khoa học xã hội, nhân văn. Chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt, một số đề tài NCKH cấp cơ sở có đăng ký sản phẩm đầu ra là bài báo ISI, Scopus với mức kinh phí hỗ trợ lên đến gần 100 triệu đồng/đề tài. Đa số các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước. Năm học 2022-2023, Nhà trường đã tổ chức nghiệm thu 49 đề tài/nhiệm vụ theo đúng quy định của Nhà trường. Năm 2023 nhà trường triển khai mới 44 đề tài nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.315.000.000đ.

- Bên cạnh việc thực hiện đề tài KHCN các cấp, hoạt động sinh hoạt học thuật của đội ngũ cán bộ giảng dạy vẫn được duy trì tốt và triển khai rộng rãi tại các bộ môn, khoa.

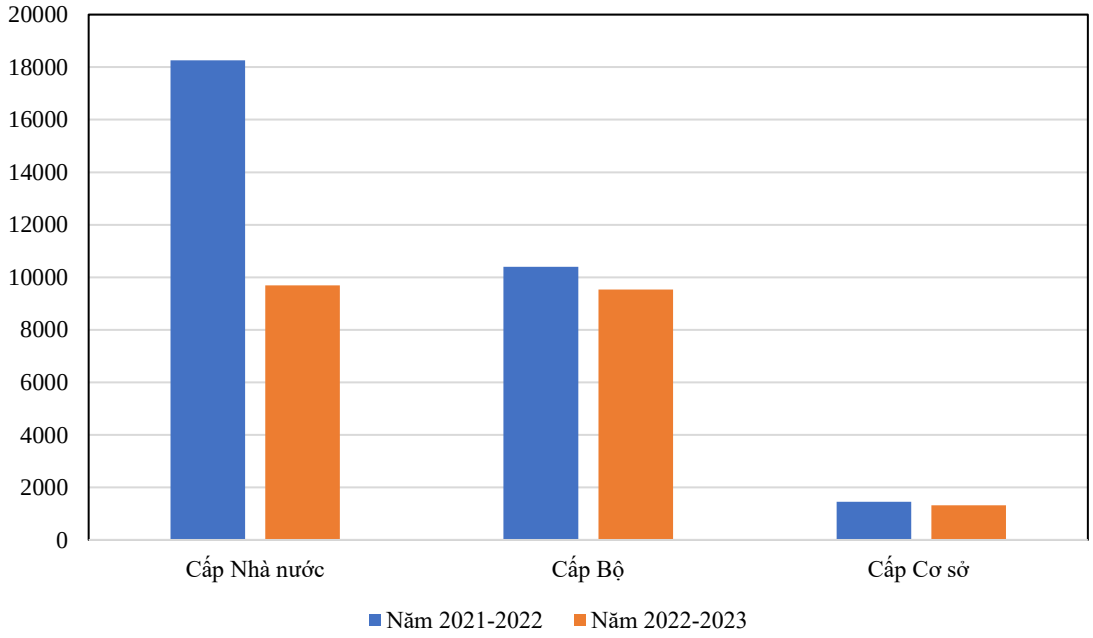
*Bảng 28. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp*

| **Nội dung** | **Năm 2021-2022** | | **Năm 2022-2023** | |
|---|---|---|---|---|
| | **Số lượng** | **Kinh phí cấp (triệu đồng)** | **Số lượng** | **Kinh phí cấp (triệu đồng)** |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước | 30 | 18,258 | 18 | 9,695 |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ/tương đương | 67 | 10.401 | 54 | 9,530 |
| Nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở | 53 | 1.460 | 44 | 1.315 |

*(số liệu cập nhật đến ngày 30/10/2023)*




*Hình 2. Số lượng đề tài các cấp năm học 2021-2022 và 2022-2023*




*Hình 3. Kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2021-2022 và 2022-2023*

*Bảng 29. Thống kê công tác NCKH theo Khoa năm 2022-2023*

| **Đơn vị** | **Đề tài cấp NN** | **Đề tài cấp Bộ và tương đương** | **Đề tài cấp cơ sở** |
|---|---|---|---|
| Khoa Công nghệ thông tin | 3 | 2 | 1 |
| Khoa Cơ - Điện | 1 | 1 | 8 |
| Khoa Dầu khí | 4 | 4 | 3 |
| Khoa Khoa học cơ bản | 1 | 4 | 8 |
| Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 6 | 11 | 3 |
| Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 0 | 1 | 5 |
| Khoa Mỏ | 2 | 6 | 5 |
| Khoa Môi trường | 0 | 2 | 3 |
| Khoa Lý luận chính trị | 1 | 0 | 1 |
| Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ | 0 | 11 | 5 |
| Khoa Xây dựng | 0 | 12 | 2 |
| Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 0 | 0 |
| Khối Hiệu bộ | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 18 | 54 | 44 |

***Đánh giá chung:*** Tổng số nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước giảm so với năm học 2021-2022, bên cạnh đó số kinh phí cũng giảm đáng kể do tiến độ cấp kinh phí của cơ quan quản lý cấp trên bị chậm so với kế hoạch. Số đề tài cấp Bộ tăng về số lượng, tuy nhiên kinh phí thực hiện nhiệm vụ cũng giảm so với năm học 2020-2021. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN của Trường tập trung chủ yếu vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt. Nhìn chung, hầu hết các đề tài đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, nội dung chuyên môn. Tuy nhiên, chủ nhiệm và nhóm thực hiện một số đề tài còn chưa tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, chưa đảm bảo chất lượng các sản phẩm trung gian, sản phẩm khoa học của đề tài. Tình trạng chậm tiến độ do không đủ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là công bố bài báo quốc tế là sản phẩm của đề tài vẫn còn xảy ra,

***Những tồn tại, hạn chế:*** Nguồn kinh phí cấp để thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm. Ý thức tổ chức thực hiện của một số nhóm thực hiện đề tài chưa cao, chưa chủ động.

*Công tác thông tin khoa học*

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường chủ trì tổ chức các Hội nghị, Hội thảo:

+ 03 Hội thảo quốc tế: "International Conference on Interlligence of Things" (ICIT 2022) được tổ chức vào tháng 8/2022, "Integrated Petroleum Engineering" (IPE 2022) được tổ chức 6-7/10/2022, "Geo-spatial Technologies and Earth Resources" (GTER 2022) được tổ chức vào tháng 11/2022.

+ 02 Hội nghị quốc gia: Hội nghị Khoa học Toàn quốc "Khoa học Trái đất và Tài nguyên với Phát triển bền vững – ERSD 2022); Hội nghị khoa học Quốc gia "Khoa học xã hội với phát triển bền vững – SSSD 2022".

+ Ngoài ra các Khoa chủ trì hội thảo khoa học cấp Trường: "Hội nghị Khoa học - đào tạo Địa chất dầu khí"; "Giáo dục quốc phòng và an ninh với phát triển bền vững (DSSD 2022).

Hội nghị khoa học là nơi giao lưu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học nghiên cứu của Nhà trường.

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Trong năm 2022, các nhà khoa học trong Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thưởng 382 triệu đồng cho 144 bài báo khoa học thuộc danh mục Web of Science (WoS) giai đoạn từ 1/2022-12/2022.

*Bảng 30. Hội thảo và Công bố khoa học năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023*

| **Loại hình Hội thảo/công bố khoa học** | **Năm học 2021 - 2022** | **Năm học 2022 - 2023** |
|---|---|---|
| Hội nghị, hội thảo quốc tế | 2 | 3 |
| Hội nghị, hội thảo trong nước | 4 | 4 |
| Báo cáo khoa học | 315 | 428 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế | 255 | 187 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước | 240 | 308 |

Thống kê kết quả công bố khoa học tại các đơn vị trong Nhà trường cụ thể như sau:

*Bảng 31. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị năm học 2022 - 2023*

| | **Khoa** | **Bài báo** | | **Báo cáo khoa học** |
|---|---|---|---|---|
| | | **Tạp chí Quốc tế** | **Tạp chí trong nước** | |
| 1 | Cơ - Điện | 8 | 25 | 20 |
| 2 | Công nghệ thông tin | 13 | 22 | 8 |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 17 | 26 | 44 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | 0 | 9 | 22 |
| 5 | Kinh tế và QTKD | 6 | 47 | 16 |
| 6 | Khoa học và kỹ thuật địa chất | 22 | 26 | 52 |
| 7 | Khoa học cơ bản | 38 | 27 | 82 |
| 8 | Lý luận chính trị | 2 | 9 | 37 |
| 9 | Mỏ | 21 | 23 | 33 |
| 10 | Môi trường | 9 | 27 | 50 |
| 11 | Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ | 24 | 34 | 25 |
| 12 | Xây dựng | 27 | 33 | 39 |
| | **Tổng** | **187** | **308** | **428** |

*(Số liệu cập nhật trên phần mềm QLKHCN đến ngày 31/7/2023)*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất có mặt trong các bảng xếp hạng Đại học uy tín của thế giới như:

+ Xếp hạng thứ 17 các Trường Đại học của Việt Nam trong bảng xếp hạng của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) năm 2023 (10/2023);

+ Xếp hạng thứ 15 trong số các Trường Đại học tại Việt Nam theo xếp hạng của Webometrics (7/2023) trên tổng số 186 trường Đại học của Việt Nam được xếp hạng.

*Hoạt động Sở hữu trí tuệ*

Trong năm học 2022-2023 cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đăng ký thành công 04 sáng chế, 03 giải pháp hữu ích tại Cục sở hữu trí tuệ (chấp nhận đơn hợp lệ) và 01 chứng nhận bản quyền tác giả.

*Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ*

- Trong năm học 2022-2023, Nhà trường đã ra Quyết định công nhận 14 nhóm nghiên cứu (trong đó có 04 nhóm nghiên cứu mạnh) dựa trên cơ sở tập hợp các nhà khoa học trong và ngoài nước, nâng tổng số nhóm nghiên cứu trong toàn trường lên 21 nhóm. Ngoài ra, năm 2023 cũng đã giải thể 02 nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh (Nhóm nghiên cứu Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Trắc địa – Bản đồ thành lập 5/2018, trưởng nhóm PGS.TS Nguyễn Quang Minh và nhóm nghiên cứu mạnh Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các khoa học Trái đất thành lập 5/2018, trưởng nhóm GS.TS Trương Xuân Luận). Một số nhóm nghiên cứu có hiệu quả hoạt động rất tốt với nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín như nhóm nghiên cứu mạnh ISRM. Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu tích hợp trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

- Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

*Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên*

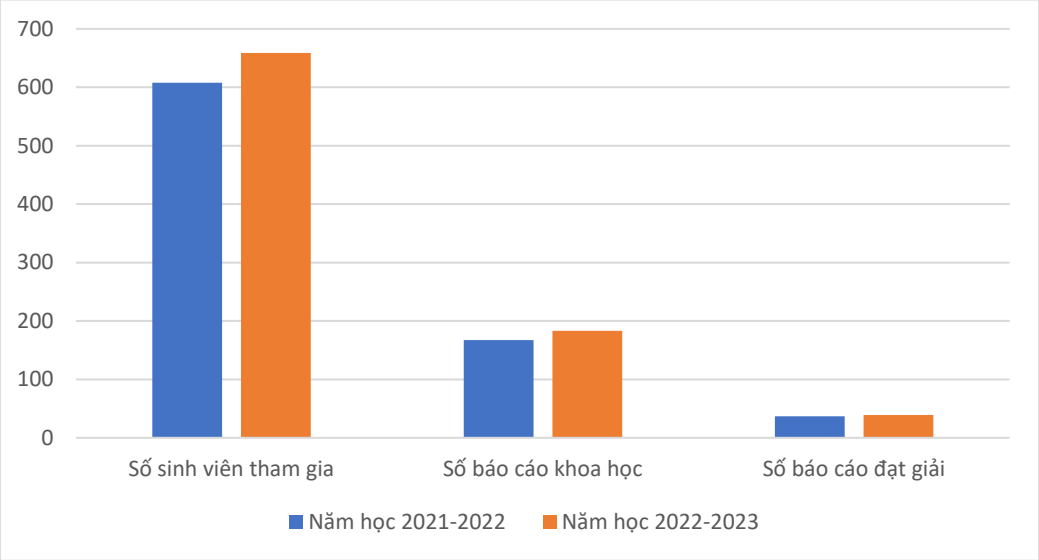
+ Hội nghị KHSV Trường lần thứ 36 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên môn với tổng số 183 đề tài được báo cáo. Sau khi Hội nghị kết thúc, Nhà trường đã trao 39 giải NCKH SV cấp Tiểu ban cho các đề tài NCKH SV, trong đó có 18 giải Nhất, 17 giải Nhì và 02 giải Ba (21 giải Nhất, 17 giải Nhì và 01 giải Ba) và 03 đề tài NCKH SV đạt giải cấp Trường.

+ Trong năm học 2022-2023, Nhà trường đã lựa chọn 01 công trình sinh viên NCKH có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao để gửi tham dự giải thưởng Khoa học Công nghệ dành cho sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất còn tham gia giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka" lần 25 năm 2023 với 02 đề tài NCKH SV.

+ Hoạt động thi Olympic năm học 2022-2023 được Nhà trường tổ chức vào tháng 3/2023 với 805 sinh viên tham dự. Kết quả đã có 235 sinh viên đạt giải cấp Trường (12 giải Nhất, 41 giải Nhì, 67 giải Ba và 115 giải Khuyến khích). Nhà trường đã lựa chọn ra các đội tuyển tham dự thi Olympic cấp Quốc gia các môn Toán (thi vào tháng 06/2023). Sau thành tích xuất sắc đạt được trong kỳ thi Olympic Toán học cấp Quốc gia năm 2022, trong kỳ thi Olympic cấp Quốc gia môn Toán năm 2023 đội tuyển Toán học trường Đại học Mỏ - Địa chất được xếp cùng bảng thi với các Trường khối chuyên Toán. Đây là bước tiến rất lớn của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, ghi nhận những nỗ lực không ngừng phấn đấu của đội tuyển Olympic Toán học của Trường trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, do lần đầu tham gia sân chơi dành cho các Trường khối chuyên, do vậy thành tích đạt được của đội tuyển còn rất khiêm tốn. Kết quả đội tuyển Toán đã đạt được 02 giải Khuyến khích. Cũng trong năm học 2022-2023, đội tuyển Vật lý tham gia kỳ thi Olympic cấp Quốc gia vào 10/2022 và đã đạt thành tích 02 giải Ba và 04 giải Khuyến khích; đội tuyển Hóa học tham gia kỳ thi Olympic cấp Quốc gia năm 2023, đạt thành tích 03 giải Ba và 02 giải Khuyến khích, đội tuyển Cơ học đạt 02 giải Ba môn Cơ học kết cấu.

*Bảng 32. Công tác NCKH sinh viên năm học 2021-2022 và 2022-2023*

| Nội dung | Năm học 2021 - 2022 | Năm học 2022 - 2023 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| ***A. Hội nghị Khoa học sinh viên*** | | | |
| - Số lượng sinh viên tham gia | 608 | 659 | 8.39% |
| - Số lượng báo cáo khoa học | 167 | 183 | 9.58% |
| - Số báo cáo đạt giải | 37 | 39 | 5.41% |
| ***B. Thi Olympic cấp Trường*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 261 | 883 | 238.31% |
| - Số sinh viên đạt giải | 87 | 225 | 158.62% |
| ***C. Thi Olympic cấp Quốc gia*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 50 | 50 | |
| - Giải Nhất | 8 | 0 | |
| - Giải Nhì | 2 | 0 | |
| - Giải Ba | 2 | 9 | 350.00% |
| - Giải Khuyến khích | 7 | 4 | -42.86% |




*Hình 4. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH năm học 2021-2022 và 2022-2023*

*Bảng 33. Thống kê NCKH sinh viên theo Khoa năm học 2022 - 2023*

| TT | Đơn vị | Hội nghị KHSV Cấp Trường | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Số SV tham gia | Số BCKH | Số BC đạt giải |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 95 | 25 | 6 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 71 | 22 | 4 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 46 | 12 | 2 |
| 4 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 202 | 44 | 10 |
| 5 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 88 | 29 | 6 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 6 | Khoa Mỏ | 55 | 21 | 4 |
| 7 | Khoa Môi trường | 15 | 5 | 1 |
| 8 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 53 | 15 | 3 |
| 9 | Khoa Xây dựng | 29 | 9 | 2 |
| 10 | Chương trình tiên tiến | 5 | 1 | 1 |
| | **Tổng** | **659** | **183** | **39** |

Nhìn chung, các nhóm sinh viên rất nhiệt tình tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm, đầu tư nhiều hơn và bước đầu phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, chất lượng sinh viên tham gia các hoạt động này cũng được nâng cao.

*Công tác quản lý khoa học*

- Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm đúng mức. Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

- Nhà trường đã Ban hành Quy định liêm chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và Đổi mới sáng tạo trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất; ban hành Dự thảo Quy định sửa đổi về quản lý hoạt động KHCN của Trường.

- Phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) tiếp tục được hoàn thiện cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

*7.1.2 Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ*

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các Trung tâm, Công ty thuộc Trường.

Các đề tài/hợp đồng ký về trường

Năm 2022, có 02 đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ chuyển sang từ năm 2021 được thực hiện, với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 716,5 triệu đồng, giảm 28,3% so với năm 2021 (xem Bảng 6).

*7.1.3 Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO*

Năm 2022, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động KHCN, cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí đáng kể cho hoạt động chung của nhà trường. Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO được trình bày trong Bảng ….và Bảng …..

*Bảng 34. Đối sánh kết quả các đề tài NCKH - triển khai công nghệ với doanh nghiệp, địa phương trực tiếp ký Trường giai đoạn 2020-2022*

| TT | Nội dung | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Tỉ lệ năm 2022/2021 (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số lượng hợp đồng | 3 | 2 | 0 | -100 |
| 2 | Tổng kinh phí quyết toán (Tr.đ) | 5595 | 1.000 | 716,5 | -28.3 |
| 3 | Số tiền đóng góp cho Trường (Tr.đ) | 260 | 50 | 35,8 | -28,4 |

*Bảng 35. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm và công ty CODECO giai đoạn 2020-2022*

| TT | Nội dung | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Tỉ lệ tăng/ giảm 2022/2021 (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số lượng hợp đồng | 882 | 900 | 983 | 1,09 |
| 2 | Tổng doanh thu của TT, Cty (Tr.đ) | 223.404 | 249.699 | 309.937 | 12,41 |
| 3 | Số tiền đóng góp về Trường (Tr.đ) | 3.351 | 3.745 | 4.649 | 12,41 |
| 4 | Số tiền thuế đã nộp (Tr.đ) | 16.415 | 18.356 | 20.314 | 11,06 |

*Đánh giá chung*

Kết quả hoạt động KHCN của công ty, các trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác khoáng sản, trắc địa - bản đồ, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về khai thác, quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai, bảo vệ môi trường… ở các địa phương và doanh nghiệp.

Trung tâm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của trung tâm là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Một số trung tâm đã tích cực tìm kiếm, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KHCN từ các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, các Tỉnh, … như trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật, trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, Trung tâm Môi trường Địa chất.

Các trung tâm nghiên cứu và công ty Codeco đã đóng góp cho nhà trường một nguồn thu đáng kể từ hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ. Hai trung tâm có doanh thu và qua đó là đóng góp vào nguồn thu nhiều nhất Trường là Trung tâm HTPT khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật (xem Bảng 2).

*Bảng 36. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các Trung tâm nghiên cứu, công ty Codeco năm 2022.*

*(theo số liệu của KHTC đến ngày 08/4/2023)*

| TT | Trung tâm, Công ty | Số hợp đồng | Kinh phí thực hiện (đồng) | | Kinh phí đóng góp về Trường (đồng) | | | Các loại thuế (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng | Đã quyết toán số kinh phí | Mức đóng góp 2022 (1,5%) | Đã nộp | Còn phải nộp | |
| 1 | Công ty CODECO | 90 | 28.783.826.825 | 28.783.826.825 | 431.757.402 | 431.757.402 | | 2.320.642.070 |
| 2 | TT NC Địa kỹ thuật | 406 | 116.292.821.349 | 116.292.821.349 | 1.744.392.320 | 1.744.392.320 | | 3.019.245.555 |
| 3 | TT Hỗ trợ Phát triển KHKT | 212 | 81.031.979.132 | 81.031.979.132 | 1.215.479.687 | 1.215.479.687 | | 9.185.128.653 |
| 4 | TT NC Môi trường Địa chất | 43 | 8.192.543.606 | 8.192.543.606 | 122.888.154 | 122.888.154 | | 666.484.090 |
| 5 | TT KHCN Mỏ và Môi trường | 65 | 11.111.055.452 | 11.111.055.452 | 166.665.832 | | 166.665.832 | 547.247.017 |
| 6 | TT NC Trắc địa công trình | 20 | 5.981.000.000 | 5.981.000.000 | 89.715.000 | 89.715.000 | | 700.000.000 |
| 7 | TT NCUD CNM Trắc địa - Bản đồ | 52 | 30.809.819.446 | 30.809.819.446 | 462.147.292 | 462.147.292 | | 2.712.857.463 |
| 8 | TT NC Cơ điện mỏ | 54 | 15.720.078.567 | 15.720.078.567 | 235.801.179 | 235.801.179 | | 208.318.104 |
| 9 | TT TK Công nghệ khoáng chất | 41 | 12.014.288.683 | 12.014.288.683 | 180.214.330 | 180.214.330 | | 954.656.818 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng** | **983** | **309.937.413.060** | **309.937.413.060** | **4.649.061.196** | **4.482.395.364** | **166.665.832** | **20.314.579.770** |

*7.1.4 Công tác hợp tác quốc tế*

Trong năm học 2022-2023, mặc dù còn nhiều khó khăn, Nhà trường tiếp tục thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa giáo dục của trường trên cơ sở tôn trọng, hữu nghị và đôi bên cùng có lợi. Một số kết quả đã đạt được như sau:

***Mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác mới***

Từ tháng 9/2022 tới tháng 8/2023, Nhà trường đã ký 21 Biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu từ các nước Pháp, Lào, Hàn Quốc, Vương quốc Anh, Canada, Trung Quốc, Ấn Độ, Đức, Italy, Thụy Điển; tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các chương trình hợp tác như: Trao đổi cán bộ và sinh viên, Nghiên cứu và Phát triển, Đào tạo và Tăng cường năng lực, Thực hiện dự án Erasmus+, Xây dựng cơ sở đào tạo và thi sát hạch tiếng Trung, Tài trợ trang thiết bị cho Nhà trường. Cụ thể:

*Bảng 37. Các thỏa thuận, chương trình hợp tác ký kết mới năm học 2022-2023*

| **TT** | **Tên đối tác nước ngoài** | **Nước** | **Nội dung chương trinh, thỏa thuận hợp tác** | **Ngày ký kết** | **Thời hạn hiệu lực** |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Institut polytechnique de Grenoble (Grenoble INP – UGA) | Pháp | MOU | 06/9/2022 | 5 năm |
| 2 | Institut polytechnique de Grenoble (Grenoble INP – UGA) | Pháp | Thỏa thuận trao đổi sinh viên | 06/9/2022 | 5 năm |
| 3 | Polytechnic College, Vientiane, Lao PDR | Lào | MOU | 29/9/2022 | 5 năm |
| 4 | Korea Natural History Museum | Hàn Quốc | MOU | 13/10/2022 | 5 năm |
| 5 | Resources Recycling Science Education Society of Korea | Hàn Quốc | MOU | 13/10/2022 | 5 năm |
| 6 | Portsmouth University | VQ Anh | MOU | 27/10/2022 | 5 năm |
| 7 | Aix Marseille University | Pháp | Thỏa thuận hợp tác toàn diện | 15/11/2022 | 5 năm |
| 8 | Aix Marseille University | Pháp | Thỏa thuận trao đổi sinh viên | 15/11/2022 | 5 năm |
| 9 | University of Regina | Canada | MOU | 02/12/2022 | 5 năm |
| 10 | University of Regina | Canada | Thỏa thuận trao đổi sinh viên | 02/12/2022 | 5 năm |
| 11 | Kangwon National University, Carbon Mineralization Flagship Center, DL E&C Co., Ltd., Carbonco Pte. Ltd. | Hàn Quốc | Thỏa thuận hợp tác Nghiên cứu và Phát triển, Đào tạo và Tăng cường năng lực, Chuyển giao công nghệ và Thương mại hóa về công nghệ CDM | 18/01/2023 | 5 năm |

| TT | Tên đối tác nước ngoài | Nước | Nội dung chương trinh, thỏa thuận hợp tác | Ngày ký kết | Thời hạn hiệu lực |
|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Uttaranchal University | Ấn Độ | MOU | 09/3/2023 | 5 năm |
| 13 | TU Clausthal | Đức | Thỏa thuận về trao đổi cán bộ và sinh viên | | Không thời hạn |
| 14 | Helmholtz Centre Potsdam GFZ, German Research Centre for Geosciences | Đức | Thỏa thuận về tài trợ lắp đặt trạm quan trắc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất | 04/4/2023 | 5 năm |
| 15 | CADEO Consortium Agreement | Italy, Thụy Điển và Việt Nam | Thỏa thuận về thực hiện dự án Erasmus+ CADEO | 22/5/2023 | Trong thời gian dự án |
| 16 | Học viện công nghệ hóa dầu Bắc Kinh | Trung Quốc | MOU | 13/6/2023 | 5 năm |
| 17 | Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp nghề Hà Bắc | Trung Quốc | Biên bản ghi nhớ hợp tác về xây dựng cơ sở đào tạo tiếng Trung và nghề và các trao đổi học thuật và khoa học | 15/6/2023 | 3 năm |
| 18 | Học viện kỹ thuật nghề Lai Vu | Trung Quốc | Biên bản ghi nhớ hợp tác về xây dựng cơ sở đào tạo tiếng Trung và nghề và các trao đổi học thuật và khoa học | 17/6/2023 | 3 năm |
| 19 | Trường Đại học nghề Tế Nam | Trung Quốc | Biên bản ghi nhớ hợp tác về xây dựng cơ sở đào tạo tiếng Hán và nghề và các trao đổi học thuật và khoa học | 18/6/2023 | 3 năm |
| 20 | Korea Maritime and Ocean University | Hàn Quốc | Biên bản ghi nhớ hợp tác về nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và công nghệ môi trường | 10/7/2023 | 3 năm |
| 21 | Đại học Mỏ Mines d'Alès | Pháp | Thỏa thuận hợp tác về đào tạo và khoa học | 25/7/2023 | 5 năm |

Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp tục duy trì quan hệ tốt đẹp với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam như Đại sứ quán Ba Lan, Đại sứ quán CHDCND Lào, Đại sứ quán Vương quốc Campuchia, Đại sứ quán Mông Cổ, Đại sứ quán Pháp, Đại sứ quán Hungary, Đại sứ quán Mỹ, Lãnh sự quán Canada tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đài Bắc, Trung tâm văn hóa Nga tại Hà Nội, đại diện Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA), Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD), Campus France và một số doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam. Sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức này hỗ trợ rất nhiều trong các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

***Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế***

Hiện nay, Nhà trường đang tham gia thực hiện 2 dự án Erasmus+ về nâng cao năng lực trong giáo dục đại học do EU tài trợ và 1 dự án hợp tác do Hội đồng Anh tài trợ. Cụ thể:

- Dự án Erasmus+ ANGEL "Mạng lưới khởi tạo và lãnh đạo doanh nghiệp xanh của ASEAN" do Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hoá của Liên minh Châu Âu phê duyệt tài trợ từ năm 2021 với sự tham gia của 16 trường đại học tại Hy Lạp, Síp, Malaysia, Indonesia, Lào, Campuchia và Việt Nam. Dự án đang đi vào năm cuối cùng của chương trình, với kết quả là một Văn phòng sáng tạo khởi nghiệp (Angel Hub) được tài trợ thiết bị để hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên.

- Dự án Erasmus+ CADEO "Ứng dụng kỹ thuật quan trắc Trái đất và bản sao số địa không gian trong thích ứng với biến đổi khí hậu" với sự hỗ trợ chuyên môn của Đại học Bách khoa Milan (Italy) và Đại học Lund (Thụy Điển) nhằm xây dựng 4 môn học trình độ sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế, qua đó phát triển cho người học những kỹ năng và kiến thức về khoa học công nghệ trong lĩnh vực không gian địa lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, dự án cũng sẽ phát triển một hệ thống E-Learning dùng chung giữa các đối tác Châu Âu và Việt Nam, cải thiện khả năng học trực tuyến và chu trình học tập suốt đời, giúp sinh viên và giảng viên theo kịp các xu hướng và công nghệ mới nhất.

- Dự án về Khung năng lực nghiên cứu giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, Trường Đại học Portsmounth và Trường Đại học Bournemouth (VQ Anh) tiếp tục được thực hiện với sự tài trợ của Hội đồng Anh nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho các trường đại học Việt Nam.

***Hội nghị, hội thảo quốc tế, khóa học ngắn hạn***

Năm học 2022-2023, Trường Đại học Mỏ-Địa chất đã tổ chức thành công một số Hội nghị quốc tế có xuất bản quốc tế cụ thể:

*Bảng 38. Các Hội nghị, Hội thảo quốc tế được tổ chức năm học 2022-2023*

| TT | Tên/Chủ đề Hội nghị/Hội thảo | Nội dung hoạt động | SL đại biểu | Đến từ các nước | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hội nghị khoa học quốc tế "Integrated Petroleum Engineering - IPE3" | Tìm kiếm thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí và các hoạt động khác liên quan đến năng lượng | 80 | Việt Nam, Mỹ, Nga, Hàn Quốc | 06/10/2022 |
| 2 | Hội nghị khoa học quốc tế "Geo-spatial Technologies and Earth Resources (GTER 2022). | Công nghệ địa không gian trong lĩnh vực Khoa học trái đất và Mỏ. | 100 | Việt Nam, Đức, Ba Lan, Hàn Quốc | 13/10/2022 |
| 3 | Hội nghị vùng Đông Nam Á của của Hội Giáo sư mỏ thế giới | (1) Chuyển đổi số trong ngành khai khoáng, (2) Khai thác mỏ an toàn và có trách nhiệm, (3) Kinh tế tuần hoàn trong ngành khai khoáng | 40 | Việt Nam, Đức, Mỹ, Indonesia, Ấn Độ | 11-12/10/2022 |
| 4 | Hội thảo hợp tác Tuyển khoáng Việt Nam - Ba Lan hợp tác cùng Viện Kim loại màu Łukasiewicz | Các giải pháp công nghệ trong tuyển khoáng | 30 | Việt Nam, Ba Lan | 14/7/2023 |

Ngoài ra, Nhà trường tích cực kết nối để tổ chức các khóa học miễn phí cho sinh viên. Không chỉ các khóa học có nội dung chuyên môn, các khóa học về lịch sử, văn hóa nhằm nâng cao hiểu biết toàn diện cho sinh viên cũng được tổ chức, như:

- Chuỗi khóa học online về địa chất thủy văn, kỹ thuật dầu khí, địa vật lý, logistic và quản lý chuỗi cung ứng phối hợp với Trường Đại học Công nghiệp Tyument - LB Nga tổ chức từ tháng 9/2022 đến tháng 11/2022.

- Khóa học về văn hóa và lịch sử Châu Âu do Đại sứ quán Hungary hỗ trợ cử giảng viên giảng dạy cho sinh viên trường liên tục trong thời gian 12/12/2022 - 20/3/2023.

***Trao đổi cán bộ và sinh viên***

Hoạt động trao đổi cán bộ và sinh viên diễn ra sôi nổi trong năm học. Nhà trường tích cực tìm kiếm các cơ hội học bổng và hỗ trợ tài chính cho sinh viên, viên chức giảng dạy và hành chính tham gia các hoạt động trao đổi sinh viên tại nước ngoài nhằm học hỏi / chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, nâng cao kỹ năng đặc biệt là năng lực ngoại ngữ.

Trong năm học 2022-2023, Nhà trường đã cử 5 viên chức giảng dạy và hành chính, 13 sinh viên đi tham gia các chương trình trao đổi ở Ba Lan, Đức, Canada, Romania, Indonesia, LB Nga. Đặc biệt, trong năm 2023, trường đã cử được đoàn vận động viên sinh viên đi dự Đại hội thể thao sinh viên quốc tế tại Nga, là đoàn vận động viên không chuyên duy nhất của Việt Nam dự Đại hội.

Trong năm học, Nhà trường cũng đón 13 lượt giảng viên nước ngoài (từ Ba Lan, Hungary, Italy, Hoa Kỳ, Pháp) đến giảng dạy, làm việc ngắn hạn và 29 sinh viên nước ngoài (Pháp, Đức, Nhật Bản) đến trao đổi, thực tập, học tập ngắn hạn tại Trường; nâng cao uy tín của Nhà trường đối với đối tác quốc tế.

Bên cạnh đó, nhà trường vẫn duy trì các hoạt động trao đổi giảng viên trực tuyến. Trong năm học 2022 – 2023 đã có các giáo viên tham gia các hoạt động trực tuyến như giảng viên dài hạn (1 học kì) tại trường Đại học Khoa học ứng dụng Warsaw Ba Lan, giảng viên cho các khóa ngắn hạn hoặc trại hè tại Trường Đại học Công nghiệp Tyument - LB Nga.

***Quản lý và đào tạo sinh viên nước ngoài học chính quy***

Năm học 2022-2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục là địa chỉ đáng tin cậy thu hút sinh viên các nước Lào, Mông Cổ, Campuchia đến học chính quy tại Trường, theo diện Hiệp định và tự túc. Cụ thể như sau:

*Bảng 39. Số lượng lưu học sinh nước ngoài trong năm học 2022 – 2023*

| Bậc học | Lưu học sinh nước | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Lào | Campuchia | Mông Cổ | Trung Quốc |
| Đại học | **29** | **18** | **02** | **01** |
| Thạc sĩ | **5** | **0** | **0** | **0** |
| Tiến sĩ | **1** | **0** | **0** | **0** |

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý: Cục Hợp tác quốc tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an, Phòng An ninh văn hóa – Công an Thành phố Hà Nội, Đại sứ quán các nước có sinh viên đang theo học để quản lý và đảm bảo các vấn đề an ninh, an toàn cho lưu học sinh trong quá trình sinh sống và học tập tại Việt Nam.

***Hoàn thiện các quy định quản lý công tác HTQT***

Nhà trường đã chỉ đạo phòng chức năng nghiên cứu các chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước để soạn thảo và ban hành bổ sung các văn bản quy định quản lý công tác hợp tác quốc tế của nhà trường đi vào nề nếp:

- Quy định về tiêu chuẩn, thủ tục phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (ban hành theo Quyết định số 946/QĐ-MĐC ngày 23/8/2022);

- Quy định về quản lý và sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (ban hành theo Quyết định số 440/QĐ-MĐC ngày 28/4/2023).

*7.1.5 Công tác xuất bản*

*Nhiệm vụ quản lý hoạt động tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất*

Chủ trì, phối hợp mạng lưới cộng tác viên khoa học và các đơn vị liên quan thực hiện các công việc thuộc quy trình biên tập, xuất bản và phát hành Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (tiếng Việt và tiếng Anh), Hội nghị Nghiên cứu khoa học sinh viên, Hội nghị nghiên cứu khoa học Quốc tế, các ấn phẩm, sách, giáo trình, bài giảng của Trường theo quy định nội bộ của Trường và các quy định của pháp luật.

*Bảng 40. Thống kê tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.*

| Nhận bài | Phản biện đồng ý đăng | Ban biên tập đánh giá không đạt để phản biện | Phản biện không đồng ý đăng | Tác giả không đồng ý đăng |
|---|---|---|---|---|
| 90 | 60 | 17 | 10 | 3 |

*Nhận xét đánh giá chung*

Mặc dù nhân lực còn ít nhưng Phòng đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học 2022 - 2023.

- Về tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất: Hoàn thành 7 số tạp chí (1 số chuyên đề và 6 số thường niên).

Về hội nghị, hội thảo: Tuyển tập ERSD.

*Nhiệm vụ in ấn, xuất bản*

- Tổ chức in và xuất bản theo quy định của pháp luật các tài liệu: sách, giáo trình, bài giảng; Tạp chí Khoa học - Kỹ thuật Mỏ - Địa chất; giấy thi phục vụ thi khảo thí, tài liệu phục vụ thi tuyển sinh, hội nghị, hội thảo….

*Bảng 41. Thống kê in thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.*

| Tên tài liệu | Loại | Số lượng | Đơn vị | Kinh phí |
|---|---|---|---|---|
| **I. Giáo trình** | | | | |
| 1. Xử lý dữ liệu đám mây điểm | Giáo trình NXB | 85 | Quyển | 14.500.000 |
| 2. Quản lý bảo vệ tài nguyên nước dưới đất | Giáo trình NXB | 50 | Quyển | 9.120.000 |
| 3. Kế toán máy | Giáo trình NXB | 50 | Quyển | 9.640.000 |
| 4. Tin học văn phòng nâng cao | Giáo trình NXB | 50 | Quyển | 9.150.000 |
| **II. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất** | Tạp chí | 6 | Kỳ | NSNN |
| **III. In phục vụ tuyển sinh năm 2023** | Tờ rơi, tờ gấp, kẹp file,… | 3 | Đợt | 80.000.000 |
| **IV. In tài liệu nội bộ khác** | Catalogue, biểu mẫu, thư mời, card visit, banner, pano,… | 20 | Đợt | 20.500.000 |
| Tổng chi phí in: | | | | 142.910.000 |
| *Trong đó: NSNN là tiền in tạp chí theo đề án nâng cấp tạp chí.* | | | | |

***7.2 Những tồn tại***

a. Khoa học công nghệ

- Chưa hình thành Quỹ khoa học công nghệ theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP về hoạt động khoa học trong cơ sở giáo dục đại học để tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ cho các hoạt động KHCN (tăng kinh phí cho nhóm nghiên cứu, khen thưởng bài báo quốc tế; tăng số lượng và kinh phí cấp cho đề tài cấp cơ sở của giảng viên và sinh viên; tạo nguồn kinh phí đối ứng cho các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, ...);

- Chưa hình thành được hệ thống các tổ chức KHCN (Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu) phù hợp với nhu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của Nhà trường;

- Hệ thống các PTN được sắp xếp hoạt động chủ yếu theo hướng phục vụ hoạt động đào tạo, chưa gắn kết sâu và phục vụ hiệu quả hoạt động KHCN, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học;

- Số lượng kết quả NCKH của các đề tài/nhiệm vụ KHCN được chuyển giao, ứng dụng vào thực tế sản xuất còn hạn chế;

- Chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học ngoài trường tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học chưa đủ mạnh;

- Nguồn kinh phí dành cho KHCN vẫn chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tỷ trọng kinh phí đầu tư từ doanh nghiệp dưới các hình thức nhiệm vụ KHCN đặt hàng để giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn sản xuất còn hạn chế. Nguồn kinh phí từ NSNN cấp cho một số đề tài KHCN các cấp không đảm bảo theo kế hoạch thực hiện, do đó hầu hết các đề tài không chủ động thực hiện theo kế hoạch, dẫn tới nhiều đề tài phải kéo dài thời gian thực hiện ngoài mong muốn.

b. Hợp tác quốc tế

- Sự quan tâm và ghi nhận của lãnh đạo về quốc tế hóa giáo dục, sự nhận thức của cán bộ, viên chức trong trường về đổi mới trong hợp tác quốc tế còn chưa đồng đều.

- Việc thiếu nhân lực chuyên trách công tác hợp tác quốc tế cũng gây nhiều khó khăn và hạn chế việc mở rộng quy mô hợp tác cũng như phát triển các chương trình hợp tác.

- Cơ sở vật chất và phương pháp phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu của Trường còn có phần lạc hậu so với khu vực và thế giới. Sự khác nhau về hạ tầng cơ sở cũng gây khó khăn cho việc hợp tác nhất là trong nghiên cứu khoa học.

- Hệ thống văn bản quản lý chưa đầy đủ, chưa rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế.

- Chưa có chương trình đào tạo được kiểm định quốc tế mặc dù Nhà trường đã tham gia Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN), có liên kết đào tạo và một số chương trình đào tạo được nâng cấp theo tiêu chuẩn Châu Âu từ những dự án quốc tế.

c. Xuất bản

***Công tác xuất bản***

Số lượng giáo trình xuất bản còn thiếu, do các Thầy/cô viết không nhiều.

Số lượng bài báo Tiếng Anh chất lượng chưa nhiều,

Nhiều tác giả phàn nàn chờ đăng bái báo mất nhiều thời gian;

### *7.3 Giải pháp*

***Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

- Sửa đổi Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP và thực tế hoạt động KHCN của Trường;

- Nghiên cứu đề xuất một số quy định, quy chế mới nhằm phát huy tính chủ động, năng lực sáng tạo của các nhà khoa học trong hoạt động nghiên cứu, cụ thể: giao khoán đến sản phẩm cuối cùng; chuyển đổi từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm trước mắt đối với đề tài cấp cơ sở dựa trên việc giao khoán, giao các nhóm nghiên cứu chủ động trong chi kinh phí phục vụ hoạt động nghiên cứu trên cơ sở các văn bản quy định của pháp luật và của Trường có liên quan, Nhà trường giữ vai trò kiểm tra việc thực hiện NCKH và giải ngân kinh phí tuân thủ các quy định hiện hành;

- Triển khai Xây dựng phần mềm quản lý đề tài KHCN các cấp;

- Đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học;

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường;

- Tăng cường hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, gắn với thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Nâng cao hiệu quả, tính tự chủ trong hoạt động của các nhóm nghiên cứu thông qua các nhiệm vụ KHCN, hội thảo, sinh hoạt học thuật, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế; khoán kinh phí, sản phẩm cho nhóm nghiên cứu dựa trên năng lực, kết quả hoạt động và mục tiêu phát triển của từng nhóm nghiên cứu; tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, mục tiêu đến 2025 có tối thiểu 01 nhóm nghiên cứu mạnh đáp ứng yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP; Đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, đặc biệt cán bộ trẻ, NCS, học viên cao học thông qua hoạt động của các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh kết hợp với cơ chế tài chính hỗ trợ/tài trợ cho học viên sau đại học có năng lực nghiên cứu tốt;

- Thúc đẩy hợp tác về KHCN với các trường đại học kỹ thuật trong nước, trong đó đặc biệt là các trường trong nhóm G7 trên cơ sở triển khai các nội dung thỏa thuận hợp tác đã ký kết vào tháng 9/2022;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật;

- Trang bị cho các đơn vị nghiên cứu, nhà khoa học công cụ để tự kiểm tra, kiểm tra liêm chính trong NCKH, hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học trong và ngoài nước.

***Công tác hợp tác quốc tế***

- Nâng cao nhận thức cho viên chức và sinh viên về công tác hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học, mở rộng mạng lưới tình nguyện viên là các viên chức, sinh viên có thể hỗ trợ các hoạt động của trường, đồng thời tăng cường nhân lực chuyên trách.

- Tiếp tục chủ động tìm kiếm đối tác và cơ hội hợp tác mới, đẩy mạnh việc tiếp cận và đề xuất các dự án hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn tài trợ nước ngoài nhằm phát triển năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh ra các nước lân cận và trong khu vực để quảng bá hình ảnh của trường.

- Soạn thảo và lấy ý kiến các đơn vị để ban hành Quy định quản lý các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Quy định quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Thực hiện kiểm định quốc tế đối với các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng uy tín của Nhà trường, đồng thời thu hút người học.

***Công tác xuất bản:***

- Phát huy hơn nữa tinh thần chủ động sáng tạo của cán bộ, viên chức Phòng Xuất bản trong các công việc được giao.

## 8 Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

### *8.1 Những kết quả đạt được*

#### *8.1.1 Công tác tổ chức - cán bộ*

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn, từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

a. Công tác tổ chức bộ máy

Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường theo Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm (Hình 1):

1. Đảng ủy;
2. Hội đồng trường;
3. Ban Kiểm soát

4. Ban Giám hiệu;

5. Các đơn vị trong Trường, gồm:

- Các đơn vị hành chính gồm: phòng, ban, trung tâm, văn phòng, trạm.

- Các đơn vị chuyên môn (đào tạo, nghiên cứu khoa học) gồm: trường, khoa, Trung tâm, viện và bộ môn (nếu có).

- Các đơn vị khoa học và công nghệ, dịch vụ gồm: trung tâm; công ty

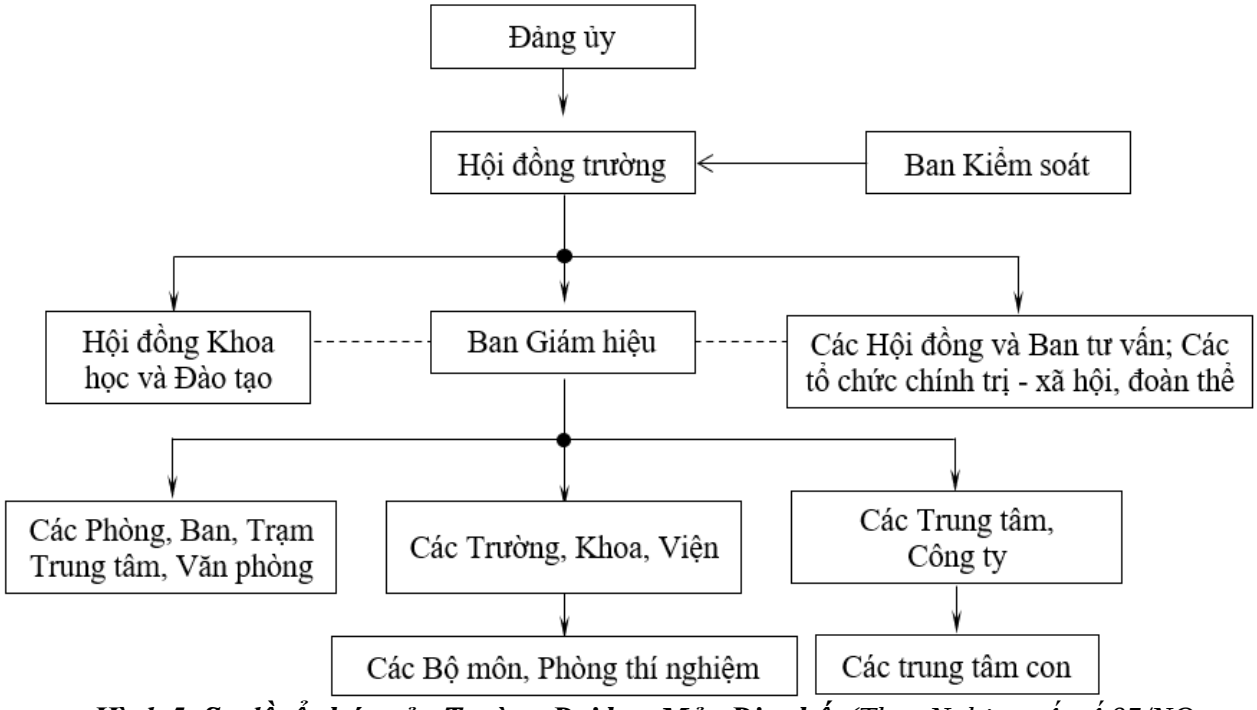
Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viện và tương đương.

6. Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viên và tương đương.

7. Các trung tâm con thuộc các trung tâm, công ty.

8. Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các hội đồng và ban tư vấn khác; các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở **03** cấp: trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa đại cương với **58** bộ môn; 12 phòng và 08 đơn vị chức năng, văn phòng đại diện tại Quảng Ninh, Đà Nẵng.




***Hình 5: Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất*** *(Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

Ghi chú: ———— Quan hệ lãnh đạo

---------- Quan hệ tư vấn, phối hợp

Năm học 2022 – 2023, Hiệu trưởng đã trình Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 201/NQ-HĐT ngày 30/12/2022, về việc đổi tên khoa Dầu khí thành khoa Dầu khí và Năng lượng và Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 19/01/2023, về việc đổi tên bộ môn Môi trường cơ sở thành bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

b. Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý

Nhà trường đã triển khai công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 438-QĐ/ĐU, 439-QĐ/ĐU, 440-QĐ/ĐU, 441-QĐ/ĐU ngày 27/02/2023 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các vị trí lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ hiện tại 2020 - 2025 và nhiệm kỳ kế tiếp 2025 - 2030, cụ thể có 316 cán bộ, viên chức được quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp phó trưởng bộ môn và tương đương trở lên ở giai đoạn 2020 - 2025 và 284 cán bộ, viên chức trong giai đoạn kế tiếp 2025 - 2030. Ngày 17/5/2023, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 89-QĐ/BCSĐ về việc phê duyệt quy hoạch chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020 - 2025 và 2025 - 2030.

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường.

c. Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo quản lý, thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định.

Tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện Luật Viên chức và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường, cụ thể đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, quy trình, thủ tục bổ nhiệm được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, quy chế được ban hành, công khai, phổ biến và triển khai rộng rãi trong toàn Trường. Đối với các chức vụ quản lý khác: tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, quy trình, thủ tục bổ nhiệm được quy định trong quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm của Trường, quy chế được ban hành, công khai, phổ biến và triển khai rộng rãi trong toàn Trường. Quy trình bổ nhiệm/bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo quản lý thực hiện theo trình tự từ việc thống nhất chủ trương cho đến triển khai các bước thực hiện quy trình nhân sự, trước khi thực hiện bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý thì có đầy đủ các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy trường, Hội đồng trường.

Ngoài ra các tiêu chuẩn tối thiểu cho từng vị trí việc làm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý cũng được quy định trong đề án vị trí việc làm của Trường. Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, Trường tạo điều kiện cho các viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (hạng I, II), xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư; thực hiện các thủ tục bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên cao cấp theo quy định pháp luật. Hồ sơ bổ nhiệm thực hiện theo đúng quy định của Trường và pháp luật .

Bảng 42. Bảng thống kê số lượng viên chức được bổ nhiệm năm học 2022 - 2023

| **Năm** | **Vị trí lãnh đạo, quản lý** | | | **Đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh** | | **Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Cấp Trường | Cấp Phòng, Khoa, Ban và tương đương | Cấp Bộ môn và tương đương | Giáo sư | Phó Giáo sư | Hạng I | Hạng II |
| 2022 - 2023 | | 3 | 20 | | 5 | 1 | 82 |

d. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường. Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 40 tuổi có 235 cán bộ, chiếm 43.4% tổng số CBGD, từ 41 - 50 có 260 cán bộ, chiếm 47,9% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất.

Tính đến ngày 31/10/2023, tổng số viên chức là 690 người, trong đó viên chức giảng dạy là 485 viên chức, 161 viên chức hành chính, 44 kỹ sư. Trong số viên chức giảng dạy có 282 tiến sĩ (trong đó có 04 giáo sư và 54 phó giáo sư).

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu trí và tử tuất cho 9 cán bộ, 12 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

Bảng 43. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường

| **Nội dung** | **Năm 2022 (đến 30/10/2022)** | **Năm 2023 (đến 30/10/2022)** | **Tăng/giảm (%)** |
|---|---|---|---|
| 1. Tổng số CBVC | 711 | 690 | -2.9 |
| - Viên chức giảng dạy | 497 | 485 | -2.4 |
| - Viên chức hành chính | 169 | 161 | -4.7 |
| - Kỹ sư | 45 | 44 | -2.2 |
| 2. Viên chức nghỉ hưu | 9 | 9 | 0 |
| 3. Viên chức chuyển công tác | 6 | 12 | 100 |
| 4. Số lượt viên chức được cử đi học cao học | 14 | 0 | -100 |
| 5. Số lượt viên chức được cử đi học NCS | 15 | 10 | -33.3 |
| - Trong nước | 8 | 5 | -37.5 |
| - Ngoài nước (đề án 89 ....) | 7 | 5 | -28.57 |
| 6. Số lượt viên chức hoàn thành học tập | 20 | 13 | -35 |
| - Trong nước | 7 | 9 | 28.57 |
| - Ngoài nước (đề án 89 ....) | 13 | 4 | -69.23 |
| 7. Thỉnh giảng | 99 | 80 | -19.19 |

- Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã cử 05 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 05 nghiên cứu sinh và nghiên cứu sau tiến sĩ.

- Tính đến ngày 31/10/2023, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 13 cán bộ hoàn thành học tập về nước, 04 cán bộ ở nước ngoài về nước và 09 cán bộ trong nước, bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

Bảng 44. Cơ cấu đội ngũ viên chức giảng dạy

| **Năm** | **GS** | | **PGS** | | **TS** | | **ThS** | | **ĐH** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| 2022 | 4 | 0.8 | 50 | 10.06 | 217 | 43.66 | 219 | 44.06 | 7 | 1.4 |
| 2023 | 4 | 0.8 | 53 | 10.09 | 225 | 46.39 | 196 | 40.4 | 7 | 1.4 |

Bảng 45. Phân loại đội ngũ viên chức giảng dạy và kỹ sư tại các Khoa theo trình độ (tính đến ngày 31/10/2023)

| Số TT | Đơn vị | Tổng số | | Phân loại theo trình độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | trong đó: Nữ | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sỹ, TSKH | Đại học, Cao đẳng | Thạc sỹ |
| | Toàn đơn vị: | 529 | 202 | 4 | 53 | 282 | 12 | 235 |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 58 | 28 | 0 | 3 | 18 | 2 | 38 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 51 | 10 | 0 | 7 | 24 | 2 | 25 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Khoa Dầu khí và Năng lượng | 50 | 14 | 0 | 8 | 34 | 1 | 15 |
| 4 | Khoa Khoa học cơ bản | 73 | 42 | 0 | 2 | 28 | 1 | 44 |
| 5 | Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 62 | 18 | 1 | 7 | 34 | 5 | 23 |
| 6 | Khoa Mỏ | 43 | 10 | 1 | 5 | 28 | 0 | 15 |
| 7 | Khoa Môi trường | 30 | 15 | 0 | 2 | 17 | 0 | 13 |
| 8 | Khoa Lý luận chính trị | 16 | 11 | 0 | 0 | 7 | 0 | 9 |
| 9 | Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh | 44 | 27 | 0 | 3 | 24 | 1 | 19 |
| 10 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 71 | 24 | 1 | 10 | 42 | 0 | 29 |
| 11 | Khoa Xây dựng | 31 | 3 | 1 | 6 | 26 | 0 | 5 |

Theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2023 ban hành kèm theo Kế hoạch số 82/KH-MĐC ngày 17/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động năm 2023 và Công văn số 390/MĐC-TCCB ngày 19/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc điều chỉnh Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động năm 2023; Nhà trường đã mở 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cho 71 viên chức, 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng điều hành cuộc họp với 120 viên chức quản lý tham gia và 01 lớp Kỹ năng viết báo cáo cho viên chức hành chính với 50 lượt viên chức tham gia và 74 lượt viên chức tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị, 04 viên chức đi đào tạo Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung.

đ. Công tác xét nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn

Trong năm học 2022-2023 Nhà trường đã thực hiện công tác xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước thời hạn năm 2022 cụ thể như sau:

Đợt 02/2022 nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 82 cán bộ viên chức và người lao động (53 cán bộ giảng dạy trong đó 2 giảng viên cao cấp, 51 giảng viên, giảng viên chính; 25 viên chức hành chính, kỹ sư, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 04 viên chức giảng dạy và hành chính); Nâng bậc lương trước hạn với 59 cán bộ viên chức và người lao động (44 cán bộ giảng dạy trong đó 08 GVCC, 36 GV, GVC; 15 viên chức hành chính, kỹ sư).

Đợt 01/2023 nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 80 cán bộ viên chức và người lao động (49 cán bộ giảng dạy trong đó 9 giảng viên cao cấp, 40 giảng viên, giảng viên chính; 25 viên chức hành chính, kỹ sư; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 06 viên chức giảng dạy và hành chính)

*8.1.2 Công tác thanh tra*

Nhằm nắm bắt tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đề xuất phương án xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hoặc những thiếu sót trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị, cá nhân trong Trường, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 83/KH-MĐC ngày 16/02/2022 về việc ban hành Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát năm 2022, số 13/KH-MĐC ngày 06/01/2023 về việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2023, Thông báo số 29/TB-MĐC ngày 17/01/2023 về việc thông báo Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023. Tuy nhiên do khối lượng công việc các tháng đầu năm 2023 quá lớn nên việc triển khai công tác kiểm tra theo kế hoạch chưa đúng tiến độ, vì vậy tháng 7/2023 Nhà trường ban hành Quyết định số 978/QĐ-MĐC ngày 20/7/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

Công tác tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát bao gồm các hoạt động:

a. Giám sát thường xuyên liên tục:

- Việc giám sát công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên. Hằng tháng, Nhà trường đều tiến hành giám sát việc dạy và học, kết quả các cuộc giám sát cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ cán bộ khi lên lớp….

- Giám sát chấp hành kỷ luật lao động khối hành chính: trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã lắp thiết bị chấm công bằng vân tay phối kết hợp với các tổ giám sát đột xuất việc chấp hành kỷ luật lao động cũng như giám sát ý thức tiết kiệm, bảo quản và giữ gìn tài sản, trang thiết bị được giao cho đơn vị quản lý. Qua các cuộc giám sát cho thấy, CBVC chấp hành tốt ý thức kỷ luật lao động, có ý thức trong việc giữ gìn tài sản chung. Hằng tháng, Phòng Tổ chức - Cán bộ tổng hợp dữ liệu về giám sát và chấm công tới các đơn vị để kịp thời rà soát và đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ có dấu hiệu vi phạm.

b. Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất:

Căn cứ vào Kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 và năm 2023, năm học 2022-2023 Nhà trường đã tiến hành các cuộc kiểm tra bao gồm:

* Kiểm tra công tác quản lý tài chính nội bộ

- Ngày 11/8/2022, Nhà trường thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 901/QĐ-MĐC ngày 11/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra tài chính Trung tâm Dịch vụ, thời gian kiểm tra từ học kỳ 2 năm học 2018-2019 đến học kỳ 2 năm học 2021 - 2022.

- Ngày 19/10/2022, Nhà trường thông báo kết quả kiểm tra về việc kiểm tra tài chính Trung tâm Dịch vụ theo số 569/TB-MĐC ngày 19/10/2022.

* Kiểm tra nội dung các đơn kiến nghị của CBVC Trung tâm Dịch vụ

- Ngày 11/11/2023, Nhà trường thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1369/QĐ-MĐC ngày 11/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra nội dung các đơn kiến nghị của CBVC, người lao động của Trung tâm Dịch vụ (theo đơn kiến nghị).

- Ngày 30/12/2022, Nhà trường thông báo kết quả kiểm tra theo thông báo số 732/TB-MĐC ngày 30/12/2022.

* Kiểm tra việc thực hiện tự chủ của các đơn vị được giao tự chủ hoạt động (Trung tâm NNTH-HUMG, Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm Phân tích TNCNC)

- Ngày 15/12/2022, Nhà trường thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1682/QĐ-MĐC ngày 15/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra việc thực hiện tự chủ của các đơn vị được giao tự chủ hoạt động.

- Do nội dung kiểm tra này có nội dung trùng với nội dung kiểm tra của Uỷ ban kiểm tra Đảng uỷ trường nên đã tạm dừng triển khai, tháng 8/2023, Nhà trường hoàn thành quy trình kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra theo thông báo số 466/TB-MĐC ngày 25/8/2023.

* Kiểm tra công tác Y tế học đường, phòng chống dịch bệnh của Trường năm 2023

- Ngày 03/7/2023, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra theo Quyết định số 747/QĐ-MĐC ngày 03/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra công tác Y tế học đường, phòng chống dịch bệnh của Trường năm 2023, thời gian kiểm tra từ tháng 7/2023 đến hết tháng 12/2023. Hiện tại, Nhà trường đang thực hiện quy trình kiểm tra theo quy định. Dự kiến tháng 01/2024 thông báo kết quả kiểm tra.

* Kiểm tra đột xuất: kiểm tra, xác minh dấu hiệu vi phạm

Ngày 07/11/2023, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra, xác minh dấu hiệu vi phạm theo Quyết định số 1685/QĐ-MĐC ngày 07/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra, xác minh dấu hiệu vi phạm quy định, nội quy, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp của Ông Đinh Hữu Khánh và Bà Nguyễn Mai

Hà (viên chức Trung tâm Dịch vụ) vào sáng ngày 20/10/2023 (trước và sau có liên quan). Hiện tại, Nhà trường đang thực hiện quy trình kiểm tra theo quy định.

c. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo

Nhà trường đã bố trí phòng tiếp công dân (phòng 217 Nhà C12), lịch tiếp công dân theo quy định, tại địa điểm tiếp công dân, Nhà trường đã niêm yết nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật và công khai thông tin về việc tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường; đồng thời cử viên chức trực phòng tiếp công dân vào giờ làm việc các ngày trong tuần.

- Ngày 19/6/2023, qua bộ phận tiếp công dân, Nhà trường nhận được đơn kiến nghị, phản ánh của 01 viên chức về các vấn đề liên quan đến dấu hiệu trù dập cá nhân người có tinh thần đấu tranh đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực ... Ngày 30/6/2023, Nhà trường ban hành công văn số 358a/MĐC-TCCB về việc tiếp nhận đơn, hiện đang trong quá trình xử lý thông tin theo quy định.

- Ngày 28/7/2023, Nhà trường nhận được đơn tố cáo về nhân phẩm, tư cách đạo đức của 01 giảng viên, đảng viên. Ngày 21/8/2023, Nhà trường làm việc trực tiếp với người tố cáo. Ngày 11/9/2023 Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo theo Quyết định số 506-QĐ/UBKTĐU; Ngày 23/10/2023, Nhà trường thông báo kết luận giải quyết khiếu nại tố cáo theo thông báo số 63-TB/UBKTĐU.

Trên cơ sở yêu cầu về tiêu chuẩn của viên chức làm công tác thanh tra, Nhà trường đã cử các viên chức, viên chức phụ trách công tác thanh tra đi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ các đợt do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, nhằm đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Nhà nước đã ban hành. Tuy nhiên, hiện tại đội ngũ viên chức thanh tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra thường xuyên, liên tục hơn. 100% viên chức làm công tác thanh tra của Nhà trường đã được cấp chứng chỉ " Cộng tác viên thanh tra giáo dục" theo đúng các quy định của Bộ, các viên chức làm công tác thanh tra tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng.

Các viên chức làm công tác thanh tra của Nhà trường đa phần là viên chức giảng dạy kiêm nhiệm. Việc giám sát công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên, kết quả các cuộc giám sát cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ viên chức khi lên lớp.

Nhà trường tiếp tục chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới Quy chế dân chủ; ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo. Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị tăng cường hoàn thiện các quy chế đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quản lý sử dụng vốn ngân sách, quản lý mua sắm sử dụng tài sản công, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, chế độ hội họp, chi tiêu nội bộ, chế độ chính sách đối với viên chức, viên chức...

Công tác báo cáo về công tác thanh tra, kiểm tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng của trường được báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Thanh tra Bộ GD&ĐT. Đảm bảo trung thực, chính xác, khách quan và công bằng.

*8.1.3 Công tác cải cách hành chính*

Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy định nội bộ trên cơ sở các văn bản của Nhà nước và Bộ Giáo dục Đào tạo. Năm học 2022-2023 Nhà trường đã ban hành trên 40 văn bản quy định nội bộ Quy định quy chế dân chủ, đánh giá xếp loại cá nhân và tập thể, nâng bậc lương thường xuyên và vượt khung, các quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ

tiến sĩ, khảo thí, về quyền sở hữu trí tuệ và văn hóa công sở. vv... hàng năm căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà nước có sự điều chỉnh sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ. Nhà trường thực hiện phân cấp quản lý giao quyền chủ động triển khai các công việc cho từng thành viên trong Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, các đoàn thể phụ trách, theo dõi, giám sát việc thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Nhà trường.

Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Vào đầu mỗi nhiệm kỳ, Nhà trường tổ chức Quy hoạch cán bộ lãnh đạo các phòng, khoa, ban, giữa nhiệm kỳ lại tiến hành công tác rà soát, quy hoạch bổ sung nhằm phát hiện nhân tố mới, có năng lực, trình độ.

Nhà trường đã trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án vị trí việc làm năm 2015. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh tự chủ, Nhà trường chủ động đang tiếp tục xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2. Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Nhà trường tổ chức công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025 và quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 của Trường ĐH Mỏ - Địa chất.

Bộ phận một cửa của Nhà trường đã đi vào hoạt động từ tháng 10/2020 và từng bước hoàn thiện với 39 quy trình giải quyết của các mảng Đào tạo, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Năm học 2021-2022 Bộ phận một cửa đã giải quyết 8413 lượt hồ sơ, việc tiếp nhận được giải quyết nhanh chóng thuận tiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc online.

*8.1.4 Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng*

a. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường tiếp tục đã có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý hơn góp phần đánh giá đúng hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC; đây cũng là cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

Kết quả năm học 2022 - 2023, toàn trường có 421 CBVC đạt mức A+, 135 CBVC đạt mức A, 96 CBVC đạt mức B+, 04 CBVC đạt mức C, 55 CBVC không đánh giá xếp loại; 67 tập thể đạt mức A+, 13 tập thể đạt mức A, 11 tập thể đạt mức B+, 0 tập thể đạt mức C.

*Bảng 46. Thống kê xếp loại chất lượng viên chức và người lao động năm học 2022 - 2023*

| TT | Đơn vị | Mức xếp loại | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | A+ | A | B | C | KĐG |
| **A** | **Khối Khoa** | **326** | **91** | **90** | **3** | **52** |
| 1 | Khoa Cơ - Điện | 35 | 7 | 7 | 0 | 4 |
| 2 | Khoa Công nghệ thông tin | 42 | 9 | 5 | 0 | 5 |
| 3 | Khoa Dầu khí và năng lượng | 22 | 9 | 9 | 0 | 12 |
| 4 | Khoa Giáo dục quốc phòng | 9 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Khoa Khoa học cơ bản | 38 | 15 | 24 | 0 | 0 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Khoa Khoa học và KTĐC | 27 | 9 | 17 | 0 | 9 |
| 7 | Khoa Kinh tế - QTKD | 43 | 3 | 1 | 0 | 1 |
| 8 | Khoa Lý luận chính trị | 14 | 2 | 1 | 0 | 0 |
| 9 | Khoa Mỏ | 25 | 10 | 3 | 2 | 4 |
| 10 | Khoa Môi trường | 11 | 8 | 7 | 1 | 4 |
| 11 | Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ | 37 | 15 | 14 | 0 | 7 |
| 12 | Khoa Xây dựng | 23 | 3 | 2 | 0 | 6 |
| **B** | **Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm** | **95** | **44** | **6** | **1** | **3** |
| 1 | Phòng Công tác chính trị - SV | 5 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phòng Cơ sở vật chất | 8 | 6 | 2 | 0 | 1 |
| 3 | Phòng Đào tạo Đại học | 8 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Phòng Đạo tạo sau đại học | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Phòng ĐBCLGD | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Phòng Hành chính - Tổng hợp | 16 | 6 | 0 | 0 | 1 |
| 7 | Phòng Hợp tác quốc tế | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Phòng KHCN | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Phòng Kế hoạch Tài chính | 8 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Phòng Quan hệ CC và DN | 3 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Phòng Tổ chức - Cán bộ | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Phòng Xuất bản | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 |
| 13 | Văn phòng Chương trình tiên tiến | 0 | 0 | 2 | 0 | 1 |
| 14 | VP Đảng - Đoàn thể | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 15 | Trạm y tế | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 16 | Trung tâm dịch vụ | 9 | 8 | 1 | 0 | 0 |
| 17 | Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 18 | Trung tâm PTTN CN cao | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 19 | Trung tâm Thông tin - Thư viện | 11 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| 20 | Ban quản lý các dự án | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 21 | Văn phòng Đại diện | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| | **TỔNG CỘNG** | **421** | **135** | **96** | **4** | **55** |

b. Công tác thi đua khen thưởng

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, trong năm qua tập trung vào tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn của Trung ương, của Bộ. Công tác sơ kết, tổng kết được Hội đồng thi đua khen thưởng Trường triển khai chặt chẽ.

Mặt khác, để tăng cường tính hiệu quả cao trong công tác này, Nhà trường đã kết hợp dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt; Phong trào đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường đã phát động các phong trào thi đua như: Phong trào Thi đua dạy tốt, học tốt…Công đoàn Trường phát động phong trào "Giỏi việc Trường đảm việc nhà", tuyên truyền hưởng ứng, thực hiện cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo". Bên cạnh đó Nhà trường tổ chức các cuộc thi và khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào Công đoàn. Đoàn thanh niên Trường phát động các

phòng trào nghiên cứu khoa học công nghệ trong cán bộ trẻ, sinh viên và có khen thưởng cho tập thể, cá nhân xuất sắc;

Trường đã ban hành Quyết định quy định điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung công nhận và phân loại sáng kiến tổ chức đánh giá công nhận các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ có hiệu quả. Các giải pháp hữu ích, áp dụng sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính…của tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu, xuất sắc để làm cơ sở cho việc xem xét công nhận các danh hiệu thi đua và biểu dương, khen thưởng cuối năm học;

Các Phòng, Khoa, Ban, Trạm, Bộ môn, Trung tâm, Công ty trực thuộc Trường và các tổ chức đoàn thể tích cực tham gia phòng trào, thường xuyên đề ra chương trình công tác cụ thể hàng tháng, quý, năm để có hướng thực hiện, góp phần thắng lợi nhiệm vụ chung của Nhà trường đã đề ra;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và đặc điểm, điều kiện của đơn vị, Nhà trường xây dựng tiêu chí hàng năm khen thưởng thường xuyên và khen thưởng đột xuất. Với đặc thù của ngành giáo dục, việc bình xét thi đua phải theo năm học. Nhà trường đã ra Quyết định quy định tiêu chí xét thi đua cho tập thể, cá nhân. Danh hiệu thi đua khen thưởng năm học đối với cá nhân gồm có: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở (trường); Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Bằng khen Bộ trưởng; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động; Kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục. Danh hiệu thi đua khen thưởng đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến; Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen Bộ trưởng; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động.

Năm học 2022 -2023, Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng năm học 2022-2023 với kết quả cụ thể:

- Khen thưởng cấp trường Tập thể lao động tiên tiến80 tập thể; Chiến sĩ thi đua cơ sở 101 cá nhân.; Lao động tiên tiến 458 cá nhân; Giấy khen Hiệu trưởng 114 cá nhân và 20 tập thể.

- Đề xuất Khen thưởng bậc cao : Tập thể Lao động xuất sắc 62 tập thể; Bằng khen Bộ trưởng 95 cá nhân, 18 tập thể; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ 07 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng chính phủ 11 cá nhân; Chiến sĩ thi đua toàn quốc 01 cá nhân; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục: 73 cá nhân

### *8.2 Những tồn tại*

***Công tác tổ chức - cán bộ***

+ Viên chức phụ trách các mảng công việc trong công tác tổ chức, viên chức không được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật các văn bản pháp lý có liên quan một cách thường xuyên nên đôi khi còn gặp khó khăn trong quá trình xây dựng.

+ Việc xây dựng phương án tự chủ bộ máy, nhân sự phải gắn với Chiến lược phát triển của Nhà trường tuy nhiên bối cảnh thực tiễn thay đổi thường xuyên khó dự đoán. Các văn bản pháp luật hướng dẫn xây dựng đề án vị trí việc làm còn chung chung, chưa cụ thể dẫn tới mất nhiều thời gian để triển khai xây dựng.

+ Chính sách đãi ngộ đối với viên chức theo quy định pháp luật còn thấp dẫn tới khó tuyển dụng cũng như duy trì nhân lực chất lượng cao của Nhà trường. Viên chức giảng dạy tại một số ngành đào tạo thiếu giờ giảng dạy do gặp khó khăn trong công tác tuyển sinh, việc dịch chuyển nghề nghiệp mất nhiều thời gian.

+ Hiện nay, nhiều vị trí lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường không có nhân sự quy hoạch do khi triển khai quy hoạch không có nhân sự bảo đảm tỷ lệ % quy định nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên tại Hội nghị viên chức chủ chốt và ít nhất trên 50% tại Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng so với tổng số người có mặt.

+ Quá trình thẩm tra xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền ảnh hưởng đến thời gian thực hiện quy trình bổ nhiệm/bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

+ Hiện tại đội ngũ viên chức tham gia công tác kiểm tra, giám sát còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc kiểm tra thường xuyên, liên tục.

+ Kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn hạn hẹp. Nhiều viên chức, viên chức đi đào tạo trong nước, nước ngoài sau khi được tiếp nhận về Nhà trường làm việc lại làm thủ tục chuyển công tác do thu nhập không bảo đảm cuộc sống.

***Công tác thanh tra, kiểm tra***

Đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra thường xuyên, liên tục hơn.

Công tác cải cách hành chính:

- Do hệ thống văn bản hướng dẫn của Nhà nước còn chưa cụ thể, đôi khi còn dẫn đến việc chồng chéo, chưa kịp thời trong công tác cải cách thể chế và cơ cấu tổ chức bộ máy.
- Do nhân viên làm công tác ở bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải kiêm nhiệm nhiều việc, do đó ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.
- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhân viên thực hiện liên thông các thủ tục hành chính còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ cho công tác Cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng theo yêu cầu.

***Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng:***

- Công tác ban hành các quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.
- Công tác xét đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức vẫn còn một số hạn chế, chưa đánh giá đầy đủ các hoạt động mà cán bộ, viên chức thực hiện trong năm.

### *8.3 Giải pháp*

Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt là cán bộ quản lý, cán bộ trong quy hoạch tạo tiền đề cho công tác bổ nhiệm, tăng cường công tác quản trị của Nhà trường.

Tiếp tục nâng cao nhận thức, thực hiện đúng các quan điểm, nguyên tắc, phương châm nội dung và phương pháp của công tác bổ nhiệm, rà soát, quy hoạch cán bộ. Thực hiện nghiêm túc các Hướng dẫn, các văn bản của cấp trên về công tác quy hoạch.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ của nhà trường có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, đảm bảo về cơ cấu độ tuổi, có tính kế thừa, phát triển, nhằm đáp ứng các nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. Song song với công tác quy hoạch cán bộ nhằm đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, để bố trí công.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát tiêu chuẩn chức danh cán bộ gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao, sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên theo hướng hiệu quả tích cực. Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ của Nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực toàn diện về cả số lượng, chất lượng, cơ cấu, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Chú trọng phát hiện, tạo nguồn cán bộ, nhất là cần quan tâm đến những cán bộ, viên chức giỏi, có năng lực chuyên môn tốt, có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình trong công tác, có tư cách và phẩm chất đạo đức tốt, từ đó để chọn nguồn quy hoạch cán bộ lâu dài cho nhà trường.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách cán bộ, gắn với khen thưởng, kỷ luật kịp thời, đúng đối tượng. Cải thiện đời sống cán bộ, tăng thu nhập cán bộ, viên chức trong trường theo Chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong công tác cán bộ. Qua đó đề ra các giải pháp hiệu quả để phòng ngừa, ngăn chặn sai phạm trong công tác cán bộ.

## 9 Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án

### *9.1 Những kết quả đạt được*

#### *9.1.1 Công tác tài chính*

Năm 2022, công tác tài chính của Trường đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Kết quả tài chính năm 2022 được thể hiện tại bảng 1,2,3 như sau:

*Bảng 47. Thống kê thu, chi tài chính năm 2022*

(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)

| STT | Nội dung | Số tiền (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Thu, chi thường xuyên** | | |
| ***1*** | ***Thu thường xuyên*** | ***257.585*** | |
| | Thu NSNN cấp chi thường xuyên | 40.000 | |
| | Thu học phí các hệ đào tạo | 186.240 | |
| | Thu hoạt động sự nghiệp khác | 31.345 | |
| ***2*** | ***Chi thường xuyên*** | ***162.070*** | |
| | Chi tiền lương, tiền công và các khoản chi khác cho viên chức | 130.279 | |
| | Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý | 25.255 | |
| | Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định | 3.577 | |
| | Chi khác theo quy định | 1.835 | |
| | Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định | 1.124 | |
| ***3*** | ***Kinh phí giảm trong năm do tiết kiệm chi thường xuyên nộp trả NSNN*** | ***0*** | |
| ***4*** | ***Chênh lệch thu - chi thường xuyên (4=1-2-3)*** | ***95.514*** | |
| | Chênh lệch thu - chi thường xuyên chưa phân phối (lãi tiền gửi dự thu tính đến 31/12/2022 chưa về tài khoản Trường trong năm 2022) | 7.375 | |
| | Phân phối cho các Quỹ | 70.266 | |
| | Kinh phí cải cách tiền lương | 17.874 | |
| ***5*** | ***Trích lập Quỹ cơ quan năm 2022 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên*** | ***70.266*** | |
| | Quỹ khen thưởng | 2.108 | |
| | Quỹ phúc lợi | 15.458 | |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 35.133 | |
| | *Trong đó:* | *0* | |
| | *+ Quỹ bổ sung thu nhập* | *31.620* | |
| | *+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập* | *3.513* | |
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 17.567 | |
| ***6*** | ***Số chi Quỹ cơ quan trong năm 2022 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên*** | ***35.255*** | |
| | Quỹ khen thưởng | 1.166 | |
| | Quỹ phúc lợi | 10.507 | |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 22.894 | |
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 688 | |
| **II** | **Thu, chi không thường xuyên** | **0** | |
| ***1*** | ***Thu không thường xuyên*** | ***16.426*** | |
| | Thu NSNN cấp chi không thường xuyên | 6.664 | |
| | Thu đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 9.762 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***2*** | ***Chi không thường xuyên*** | ***15.312*** | |
| | Chi NSNN cấp chi không thường xuyên | 6.249 | |
| | Chi đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 9.063 | |
| ***3*** | ***Kinh phí hủy dự toán*** | ***581*** | |
| | NSNN cấp chi không thường xuyên | 415 | |
| | Đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 166 | |
| ***4*** | ***Kinh phí chuyển năm sau của đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP*** | ***533*** | |
| **III** | **Các khoản thu hộ, chi hộ, Quỹ đặc thù** | **0** | |
| ***1*** | ***Các khoản thu hộ, Quỹ đặc thù*** | ***39.149*** | |
| 1.1 | Các khoản thu hộ | 34.672 | |
| | Thu từ Dự án Eramus + | 509 | |
| | Thu từ đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 23.196 | |
| | Các khoản thu hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)* | 8.034 | |
| | Doanh thu nhận trước | 2.933 | |
| 1.2 | Thu các Quỹ đặc thù | 4.476 | |
| | Quỹ khuyến học | 1.193 | |
| | Quỹ hỗ trợ sinh viên | 3.284 | |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | 0 | |
| ***2*** | ***Các khoản chi hộ, Quỹ đặc thù*** | ***26.228*** | |
| 2.1 | Các khoản chị hộ | 23.305 | |
| | Chi Dự án Eramus + | 509 | |
| | Chi đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 16.480 | |
| | Các khoản chi hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)* | 6.315 | |
| | Kết chuyển doanh thu nhận trước | 0 | |
| 2.2 | Chi các Quỹ đặc thù | 2.923 | |
| | Chi Quỹ khuyến học | 560 | |
| | Chi Quỹ hỗ trợ sinh viên | 2.364 | |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | 0 | |
| ***3*** | ***Chênh lệch các khoản thu hộ - chi hộ, Quỹ đặc thù (3=1-2)*** | ***12.921*** | |

*Bảng 48. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022*
*(trong đó không bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

Đơn vị tính: đồng

| STT | **Danh mục** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2021 (%)** | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 14 913 000 | 16 188 000 | 1 275 000 | 9 |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 17 161 000 | 18 600 000 | 1 439 000 | 8 |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 10 180 000 | 11 057 000 | 877 000 | 9 |

*Bảng 49. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022*
*(trong đó bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

Đơn vị tính: đồng

| STT | **Danh mục** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2021 (%)** | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 16 767 000 | 17 834 000 | 1 067 000 | 6 |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 19 686 000 | 20 748 000 | 1 062 000 | 5 |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 10 622 000 | 11 635 000 | 1 013 000 | 10 |

Các khoản thu phí, lệ phí và mức thu sự nghiệp được thực hiện theo quy định tại: Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm 2022 – 2023. Nguồn thu sự nghiệp thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và được thu theo các Nghị quyết của Hội đồng trường phê duyệt.

Phòng Kế hoạch Tài chính là đơn vị chủ trì xây dựng và đã hoàn thành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo quyết định số Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022; Tiếp tục sửa đổi các văn bản phục vụ công tác quản lý tài chính cho phù hợp với thực tế.

Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2022: Phòng đã báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời gian quy định tại công văn số 964/BGDĐT-KHTC ngày 13/03/2023. Mẫu biểu báo cáo lập về cơ bản đầy đủ theo đúng quy định về chế độ báo cáo tài chính đối với đơn vị hành chính sự nghiệp. Phòng sử dụng các chương trình, phần mềm phục vụ công tác kế toán

như: phần mềm kế toán, phần mềm lương, phần mềm thu học phí... để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán, thống kê số liệu và lập báo cáo trong quá trình quản lý tài chính của Trường.

Công tác chấp hành chế độ, định mức chi: Các nội dung chi của Trường đã bám sát theo nội dung, mức chi quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác của Nhà nước. Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn thu hiệu quả, quản lý công tác chi đúng quy định, tiết kiệm, chống lãng phí. Các báo cáo tài chính hàng năm được công khai tài chính theo đúng quy định và được kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp trên như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra kho bạc công nhận.

Các khoản thu được thực hiện đúng với văn bản quy định về tài chính của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác theo đúng dự toán. Phòng KHTC đã chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ về tài chính, kế toán; thực hiện kịp thời các báo cáo tài chính, báo quyết toán tài chính.

Các báo cáo đột xuất khác: Trong năm học 2022-2023, phòng KHTC đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các nội dung cũng như yêu cầu về thời gian của các báo cáo cơ quan thẩm quyền cấp trên.

Công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán được Phòng thực hiện hàng năm trước khi Bộ Giáo dục và Đào tạo về duyệt quyết toán theo đúng quy định tại Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 5636/BGDĐT-KHTC ngày 06/7/2005.

Thực hiện công văn số 1674/BGDĐT-KHTC ngày 17/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo lịch xét duyệt báo cáo quyết toán năm 2022, đoàn kiểm tra đã làm việc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất được đánh giá không vi phạm về quản lý tài chính.

Phòng KHTC đã chủ động tham mưu cho Hội đồng trường, Ban Giám hiệu phân bổ sử dụng nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của Trường, thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình hình hoạt động thực tế, Phòng KHTC hoàn thành xây dựng kế hoạch dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2023-2025.

Thực hiện công khai công khai, minh bạch về tài chính trên Website của Trường, hội nghị viên chức, hội nghị kế hoạch tài chính. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến với Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm.

*9.1.2 Công tác cơ sở vật chất*

Năm học 2022-2023, Nhà trường thực hiện sửa chữa thường xuyên các hạng mục:

Phòng họp Từ Liêm và lắp bảng điện tử, Thay mái tôn tầng 2 nhà F, Ký túc xá; Nhà vệ sinh tầng 1 nhà C12 tầng; sửa chữa thấm sàn hệ thống Nhà vệ sinh, hộp kỹ thuật Ký túc xá 9 tầng khu B (KTX D3), Cải tạo nhà A, D tại khu B (cải tạo phòng học); lợp mái tôn chống thấm giảng đường nhà D, hạ tầng, sân, tường bao, đường nội bộ; chống thấm kí túc xá D3; cải tạo cảnh quan trong khuôn viên trường; sửa chữa thay thế trần thạch cao hội trường 300, … và một số công việc sửa chữa thường xuyên khác.

Công tác sửa chữa, cải tạo chủ yếu được thực hiện học kỳ 1 năm học (cuối năm tài chính 2022). Nhìn chung công tác duy tu, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

9.1.2.2 Công tác mua sắm tài sản, thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất

Công tác mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và làm việc gồm: bổ sung máy chiếu, màn chiếu các phòng học lớn, tăng cường một số thiết bị, dụng cụ các phòng thí nghiệm, mua trang thiết bị phục vụ làm việc các đơn vị. Việc mua sắm này được thực hiện vào học kỳ 1 năm học 2022-2023 (tức cuối năm 2022). Học kỳ 2 của năm học (tức đầu năm 2022), công tác mua sắm gần như chưa được thực hiện, việc mua sắm này tập trung vào quý 4/2023.

Công tác Mua sắm dụng cụ vật tư hóa chất các phòng thí nghiệm trong Trường được thực hiện theo kế hoạch.

Công tác theo dõi quản lý hoạt động các phòng thí nghiệm:

Hiện tại, toàn Trường có 42 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đai: 10 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí: 06 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 05 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

PTN 4.0 do Hitachi tài trợ hiện tại vẫn chưa đưa vào hoạt động.

Theo quy định của Nhà trường, cuối mỗi năm học, các phòng thí nghiệm sẽ thực hiện nộp sổ nhật ký phòng thí nghiệm về Nhà trường, tuy nhiên một số phòng thí nghiệm không nộp sổ nhật ký.

*9.1.3 Công tác quản lý các dự án*

**Công tác Giải phóng mặt bằng (GPMB)**

- Tính đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đỉnh (*khối lượng công việc đã thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích đất đã được thu hồi theo quyết định của UBND quận Bắc Từ Liêm là 8,7ha/147 hộ dân và 01 tổ chức (UBND phường Cổ Nhuế 2) đạt khoảng 37% diện tích dự án nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (5,7ha/79 hộ dân); nằm trên địa giới hành chính phường Xuân Đỉnh (3,0ha/68 hộ dân*)).

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-HĐT ngày 26/4/2022 về Kế hoạch bồi thường hỗ trợ và tái định cư năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng trường và Kế hoạch số 02/KH-TTPTQĐ-UBND ngày 02/6/2022 về tiến độ GPMB để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị đại học của Chủ tịch hội đồng GPMB quận Bắc Từ Liêm.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ mặt bằng và chống tái lấn chiếm các khu vực, diện tích đã hoàn thành công tác GPMB.

**Công tác quản lý thực hiện dự án**

- Với nội dung đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Ban QLCDA đã tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, nghiên cứu điều chỉnh dự án theo phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư và xin gia hạn thời gian thực hiện dự án.

- Về công tác đầu tư xây dựng: Nhà trường tập trung đầu tư vào Khu A1 thuộc dự án Khu Đô thị Đại học để nhanh chóng tạo ra một khuôn viên đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và các công trình trên cơ sở khu chức năng đã được phê duyệt như:

+ Đầu tư xây dựng Khu Giảng đường tại khu A1 (2021-2025): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là 73 tỷ VNĐ. Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022, dự kiến công trình sẽ bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2025.

+ Tiếp tục bám sát các Bộ, Ban ngành về đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Khu nhà đa năng, Giảng đường và Phòng thí nghiệm để vận hành cùng với Khu Giảng đường tạo ra 1 khu độc lập trong công tác quản lý và khai thác.

- Dự án tăng cường năng lực Phòng thí nghiệm (PTN)

Tiếp tục thực hiện dự án PTN thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0, theo kế hoạch:

+ Phần tài trợ: đã hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm cho PTN.

+ Phần dịch vụ: Nhà trường đang thực hiện các công tác liên quan đến đào tạo, chuyển giao công nghệ cho cán bộ, viên chức của khoa để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong thời gian tới.

**Công tác quy hoạch cơ sở vật chất**

- Tiếp tục chủ động phối hợp với phòng Cơ sở vật chất, Kế hoạch Tài chính tham mưu cho Đảng ủy, Lãnh đạo Nhà trường về công tác quy hoạch phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2021 - 2030 và định hướng 2045 đạt hiệu quả tốt.

- Tiếp tục phối hợp với Ban Quản lý các dự án, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Quyết định số 2465/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2022 về việc phê duyệt kế hoạch dự kiến thực hiện các

nhiệm vụ tăng cường năng lực, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất từ nguồn ngân sách nhà nước.

### *9.2 Những tồn tại*

#### *9.2.1 Công tác tài chính*

- Kế hoạch tài chính của Trường khoảng giữa năm tài chính mới được HĐT phê duyệt ảnh hướng đến hoạt động chung của Trường.
- Thu nhập của viên chức và người lao động còn thấp do nguồn thu của Trường còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân do Trường là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, mức học phí rất thấp theo khung mức học phí do Nhà nước quy định.
- Chưa thực hiện trích đủ 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi từ nguồn thu dịch vụ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương do nguồn thu của trường thấp và phải trang trải nhiều chi phí cho các hoạt động của Trường.
- Còn tồn tại một số khoản nợ của các đơn vị chưa làm các thủ tục hoàn tạm ứng.

#### *9.2.2 Công tác cơ sở vật chất*

Xây dựng tạo nguồn tài chính đầu tư CSVC còn hạn chế, trong năm học không có nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Sử dụng điện của các đơn vị vẫn còn hiện tượng lãng phí, công tác điện chiếu sáng, thiết bị phòng học đã cải thiện nhưng vẫn còn ý kiến.

Năm học 2022-2023, một số công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng triển khai vẫn còn tình trạng chậm so với yêu cầu thực thế hoạt động của Nhà trường một phần chờ phê duyệt, một phần do chủ quan chưa thực sự sâu sát dẫn đến chậm.

Về công tác chuyên môn vẫn còn một số sai sót khi triển khai thủ tục văn bản hồ sơ mà được các đoàn làm việc của cơ quan chức năng nhắc nhở.

Chưa thực hiện được thu tục cấp giấy chứng nhận QSD đất 30 Tạ Quang Bửu.

#### *9.2.3 Công tác quản lý các dự án*

Quản lý dự án là một lĩnh vực kéo dài về thời gian, trải qua nhiều giai đoạn với những thay đổi về cơ chế, chính sách thường xuyên và liên tục. Việc điều chỉnh theo pháp lý để phù hợp với đặc thù của dự án gặp nhiều khó khăn do nhiều yếu tố (khách quan, nguồn vốn, văn bản pháp lý) nên kết quả một số công việc chưa đảm bảo đúng kế hoạch.

### *9.3 Giải pháp*

#### *9.3.1 Công tác tài chính*

- Xây dựng đề án tự chủ về tài chính đơn vị sự nghiệp công lập;
- Lập kế hoạch tài chính dài hạn và ngắn hạn, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo kinh phí thường xuyên cho các hoạt động của Trường;
- Phối hợp với các đơn vị trong Trường tăng thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh: tăng thu từ hoạt động dịch vụ, thu từ hoạt động hợp tác liên kết, thu từ hợp đồng, đề tài, dự án...để bổ sung kinh phí cho hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, hỗ trợ người học và tăng thu nhập cho viên chức và người lao động.
- Phối hợp với các đơn vị thực hiện các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động theo Nghị quyết của Đảng ủy Trường; Phối hợp với các đơn vị chức năng (đặc biệt phòng Tổ chức cán bộ, phòng Cơ sở vật chất, đơn vị đào tạo, phòng Khoa học công nghệ...) nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và người lao động.
- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ và phối hợp với các đơn vị thực hiện, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để nâng cao năng lực quản trị Trường.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật thuế, thực hiện kê khai đầy đủ đối tượng có thu nhập chịu thuế; thực hiện khấu trừ thuế TNCN tại nguồn trước khi chi trả tiền lương, tiền công cho người lao thuộc diện chịu thuế.
- Hoàn thành tốt công tác giải ngân các nguồn kinh phí thường xuyên và không thường xuyên; Thực hiện đúng thời hạn, chính xác việc giải quyết chế độ cho cán bộ, viên chức và người lao động.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra công tác thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch tài chính (hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung nếu có) đã được Hội đồng trường phê duyệt để quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi của Trường;

- Thực hiện hạch toán và lập báo cáo quyết toán tài chính theo chế độ kế toán mới thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Thực hiện báo cáo ba công khai theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, tự kiểm tra tài chính nội bộ; Thực hiện công tác báo cáo tài chính định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Bộ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quy.

*9.3.2 Công tác cơ sở vật chất*

Thực hiện tốt công tác CSVC phục vụ đào tạo và NCKH: Tận dụng mọi nguồn lực tài chính để đầu tư CSVC.

Đẩy mạnh công tác quản lý thiết bị, máy móc, quản lý chặt chẽ thiết bị, máy móc giá trị lớn, hiện đại nhằm hạn chế sự hư hỏng, cũng như việc sử dụng kém hiệu quả.

Tiếp tục công tác rà soát hiện trạng CSVC của các đơn vị; tận dụng mọi nguồn lực, tập trung đầu tư trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở ưu tiên các đơn vị đầu tư CSVC thiết thực phục vụ đào tạo và NCKH; công tác vật tư, hóa chất dụng cụ phòng thí nghiệm trên tinh thần đáp ứng đầy đủ để đảm bảo công tác đào tạo đối với tất cả các ngành trong trường; đáp ứng đầy đủ dụng cụ văn phòng dựa trên cơ sở hiệu quả, tiết kiệm.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã được chú trọng và đạt hiệu quả hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

*9.3.3 Công tác quản lý các dự án*

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho cán bộ, viên chức phù hợp với chuyện môn nghiệp vụ. Quản lý dự án phải trở thành một nghề mang tính chuyên nghiệp, quản lý rủi ro là nội dung quan trọng hàng đầu của quản lý dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong và ngoài trường để thực hiện tốt công việc được giao liên quan đến công tác GPMB và dự án đầu tư xây dựng.

-Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản pháp luật trong lĩnh vực đầu tư dự án để triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị theo đúng quy định; chủ động, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ trình Hiệu trưởng ban hành nhằm chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

- Chủ động lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm, trong đó phải xác định rõ mục tiêu về chất lượng dự án và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện dự án.

## 10 Công tác thông tin, thư viện

### *10.1 Những kết quả đạt được*

*10.1.1 Công tác thư viện*

Mua 77 đầu sách (732 cuốn);

Mua 02 CSDL điện tử;

Phòng Xuất bản chuyển cho Thư viện 18 đầu sách (1518 cuốn);

Nhận tặng 51 đầu sách tiếng Việt (108 cuốn);

Nhận 294 cuốn luận án/luận văn và 52 cuốn báo cáo tổng kết đề tài KHCN;

Phục vụ hơn 19.000 nghìn lượt bạn đọc, gần 11.000 nghìn lượt tài liệu.

*Bảng 50. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023*

| **Năm học** | **PHÒNG XUẤT BẢN IN** | |
|---|---|---|
| | **Giáo trình** | **Ghi chú** |
| | **Số lượng** | |

| | Đầu tài liệu | Cuốn | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2021 - 2022 | 4 | 1005 | | | |
| 2022 - 2023 | 18 | 1518 | | | |
| Tăng/Giảm | +350% | +51.0% | | | |
| **Năm học** | **TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA** | | | | |
| | **Tài liệu giấy** | | | **Cơ sở dữ liệu điện tử** | |
| | **Số lượng** | | **Kinh phí (đồng)** | **Số lượng** | **Kinh phí (đồng)** |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | | | |
| 2021 - 2022 | 123 | 1.942 | 565.321.368 | 02 | 71,000,000 |
| 2022 - 2023 | 169 | 1045 | 396.114.000 | 02 | 71.000.000 |
| Tăng/Giảm | 37.4% | -86% | -35% | 0% | 0% |
| **Năm** | **TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG** | | | | |
| | **Tiếng Việt** | | | **Tiếng Anh** | |
| | **Đầu tài liệu** | **Cuốn** | | **Đầu tài liệu liệu** | **Cuốn** |
| 2021 - 2022 | 17 | 1007 | | 2 | 2 |
| 2022 - 2023 | 51 | 108 | | 0 | 0 |
| Tăng/Giảm | +200% | -89.2% | | -100% | -100% |

*Bảng 51. Nhập, bán sách năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022*

| **Năm** | **CẤP NHÀ XUẤT BẢN** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Nhập** | | **Bán** | |
| | **Số lượng (cuốn)** | **Kinh phí (đồng)** | **Số lượng (cuốn)** | **Kinh phí (đồng)** |
| 2021 - 2022 | 160 | 8.700.000 | 432 | 14.050.000 |
| 2022 - 2023 | 70 | 5.625.000 | 384 | 12.583.000 |
| Tăng/giảm | -56,25% | -35,34% | -11,11% | -10,44% |

*10.1.2 Công tác công nghệ thông tin*

- Đang tổ chức thực hiện đấu thầu qua mạng 01 gói thầu "Mua sắp, lắp đặt hệ thống mạng không dây khu A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất", tổ chức thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư 01 gói thầu "Mua sắp, lắp đặt hệ thống mạng không dây khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất" từ nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường.

- Đảm bảo công tác kỹ thuật, liên tục cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử và trang Tuyển sinh của Nhà trường. Duy trì thứ hạng TOP 15 Việt Nam của Nhà trường trên bảng xếp hạng Webometrics.

- Quản trị, vận hành hệ thống Microsoft 365 Business Standard (bao gồm công cụ Microsoft Teams), cung cấp đầy đủ bản quyền Microsoft Office, tài khoản e-mail, ổ lưu trữ đám mây OneDrive cho viên chức và người học của Nhà trường.

- Đảm bảo hoạt động của hệ thống mạng Internet. Phối hợp với VinaPhone Hà Nội duy trì wifi miễn phí trong khuôn viên Nhà trường.

- Đảm bảo kỹ thuật cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tuyến trong nước và quốc tế.

- Đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hộp thư điện tử của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

***10.2 Những tồn tại***

- Tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các ngành đào tạo còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.

- Hệ thống hạ tầng CNTT còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường.

***10.3 Giải pháp***

- Các khoa, bộ môn nhanh chóng đề xuất giáo trình, sách tham khảo bổ sung cho các ngành đào tạo.

- Tăng cường bổ sung kinh phí cho tài liệu tiếng Anh, tài liệu điện tử.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án mua sắp, lắp đặt hệ thống mạng không dây khu A và khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

**11 Công tác y tế**

***11.1 Những kết quả đạt được***

- Năm học 2022 - 2023, Trạm Y tế đã thực hiện tốt công tác y tế, khám cấp cứu đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Tổ chức thực hiện giám sát vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh: Như dịch sốt xuất huyết, Covid-19...đúng theo hướng dẫn, chỉ đạo của của ngành dọc Bộ Y tế.

- vệ sinh an toàn thực phẩm, không có ca ngộ độc thực phẩm tại Nhà trường.

- Tuyên truyền giáo dục sức khoẻ sinh sản, sức khoẻ tình dục, sức khoẻ tâm thần, tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội. Đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm, Trạm Y tế đã tham mưu giúp Nhà trường để đưa ra biện pháp giải pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, phân công cán bộ y tế giám sát tình hình dịch bệnh, điều trị F0 là sinh viên tại ký túc xá khu A, B, điều tra, hướng dẫn cách ly, theo dõi đúng quy định Bộ Y tế, tuyên truyền cho cán bộ và sv phòng, chống dịch bệnh an toàn tuyệt đối.

- Công tác đảm bảo vệ sinh chất lượng nước:

+ Nhà trường có ban hành Quyết định số 810/QĐ-MĐC ngày 21/8/2020 về Quy định kiểm soát chất lượng nguồn nước tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

+ Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là nước sạch Thành phố, có bể chứa đúng tiêu chuẩn quy định, thau rửa bể năm 1 lần (có hợp đồng thau bể), xét nghiệm mẫu nước 6 tháng/lần.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K66 vào tháng 4/2023: 4.148, K67: 3.106 sinh viên, Bệnh viện Xây Dựng khám theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ.

- Tuyên truyền Luật BHYT cho các lớp SV Nhà trường để Sv thực hiện đúng Luật BHYT, năm 2022 - 2023 tổng số BHYT là: 10.871 thẻ (thẻ mua 10.167 thẻ, thẻ đối tượng khác 704 thẻ)

***11.2 Những tồn tại***

- Năm 2022 - 2023 khám sức khoẻ đầu vào SV khóa 66, 67 còn chậm không đúng kế hoạch (do dịch Covid-19 các khoá trước tồn đọng).

- Phải tổ chức 02 đợt làm thẻ BHYT mới đạt 95% sinh viên mua thẻ, nhận thức kém của một số sinh viên về giá trị và tính nhân văn của BHYT.

***11.3 Giải pháp***

Tiếp tục tuyên truyền cho sinh viên hiểu và nhận thức về giá tri của thẻ BHYT và tính nhân văn của BHYT, Nhà trường có chế tài rõ ràng, xử phạt nghiêm những sinh viên không chấp hành đúng Luật BHYT.

## 12 Hoạt động dịch vụ

### *12.1 Những kết quả đạt được*

*Công tác Ký túc xá*

- Chất lượng phòng ở sinh viên tại Ký túc xá (KTX) được cải thiện. Tình hình an ninh trật tự, an ninh chính trị trong khu nội trú sinh viên được giữ vững. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được tăng cường và đã đạt được những thành công nhất định, được dư luận xã hội và sinh viên đánh giá cao. Trung tâm cũng đã góp phần vào thành công của kiểm định khảo sát đánh giá ngoài 04 CTĐT của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Trong đợt phòng dịch Covid-19, Trung tâm đã phối với chặt chẽ các phòng ban liên quan trong Trường để đảm bảo tốt công việc phòng và chống dịch. Ban quản lý KTX đã tuyên truyền cho sinh viên nội trú những khuyến cáo về dịch bệnh và cách phòng chống, liên tục cập nhật và gửi thông tin đến sinh viên dưới nhiều hình thức, đảm bảo sinh viên nắm rõ về tình hình dịch bệnh và có những kiến thức, kỹ năng cơ.

*Công tác trông giữ xe*

- Trong năm học 2022 - 2023, Trung tâm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không để xảy ra mất mát tài sản.

- Các bãi xe luôn được dọn dẹp sạch sẽ; công tác phòng cháy cháy nổ được đặt lên hàng đầu.

- Công tác thu và quản lý nguồn thu từ các bãi trông giữ xe ô tô, xe máy đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định.

*Công tác cho thuê cơ sở vật chất*

- Hiện Trung tâm đang quản lý việc cho thuê cơ sở vật gồm: Nhà ăn Khu A, Nhà ăn Khu B, KTX khu B, Nhà khách, vị trí đặt máy bán café, nước tự động.

- Các hoạt động cho thuê cơ sở vật chất được trung tâm quản lý chặt chẽ theo đúng hợp đồng ký kết. Hàng tuần, Trung tâm đều có kiểm tra, giám sát việc thuê và sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường đảm bảo tuân thủ đúng hợp đồng.

*Công tác phát triển dịch vụ*

- Theo chiến lược phát triển, Trung tâm phải phát triển đa dạng dạng hóa các loại hình dịch vụ từng bước tạo hệ sinh thái dịch vụ khép kín trong trường, tạo việc làm và tăng nguồn thu cho Nhà trường. Các dịch vụ tiện ích và vui chơi giải trí (như sân bóng đá mini cỏ nhân tạo) đã được đưa vào sử dụng. Do điều kiện khách quan nên Trung tâm cũng như chưa hoàn thiện được cơ sở pháp lý nên Trung tâm vẫn đang trong trạng thái lên kế hoạch phát triển các loại hình dịch vụ như: café, ăn nhanh, quà lưu niệm, khu thể thao,…

*Về công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài*

- Hiện Trung tâm đang quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài gồm: Thuê cắt tỉa cây, thuê vệ sinh công nghiệp, thuê thu gom rác thải, thuê bảo vệ.

- Các dịch vụ thuê bên ngoài đang được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

### *12.2 Những tồn tại*

*Công tác Ký túc xá*

- Chưa khắc phục triệt để được tình trạng nấu ăn trong phòng.

- Vẫn còn hiện tượng cán bộ trực KTX chưa sát sao đến từng sinh viên, còn hiện tượng bỏ trực, bỏ vị trí làm việc hoặc nhờ người trực hộ.

- Vẫn còn tình trạng sinh viên nước ngoài tụ tập ăn uống đêm muộn nên ảnh hưởng đến các nhà dân xung quanh.

*Công tác trông giữ xe*

Bãi xe là nơi có nguy cơ cháy nổ cao và khi xảy cháy rất dễ cháy lan, cháy lớn gây hậu quả nghiêm trọng do phương tiện đậu san sát, luôn có hơi xăng dầu tích tụ. Nguy hiểm là vậy nhưng công tác phòng cháy chữa cháy còn buông lỏng.

*Về công tác cho thuê cơ sở vật chất*

Vẫn còn một số vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình thực hiện, như hợp đồng đã hết hạn mà vẫn chưa ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

*Về công tác phát triển dịch vụ*

- Do nhiều lý do khách quan nên nên các dịch vụ mới vẫn chưa được triển khai.

- Các dịch vụ tiện ích và vui chơi giải trí (như sân bóng đá mini cỏ nhân tạo) đã được đưa vào sử dụng.

- Kết hợp với P.CTCTSV, P.QHCC tiếp tục triển khai xây dựng hệ sinh thái phục vụ sinh viên.

*Về công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài*

Việc thuê ngoài có thể đem đến cho tổ chức những nguy cơ tiềm ẩn và có khả năng đặt tổ chức vào những rủi ro pháp lý. Chất lượng dịch vụ cũng thường là vấn đề của giai đoạn chuyển tiếp từ dịch vụ nội bộ sang thuê ngoài. Trong thời gian đầu nhân viên bên được thuê ngoài chưa nắm rõ hệ thống của khách, nên sẽ gây chậm trễ trong giải quyết sự cố hoặc sai sót.

### *12.3 Giải pháp*

*Công tác Ký túc xá*

- Cần phải thay đổi tư duy, cách tiếp cận để có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng KTX. Nếu không có khả năng tự triển khai thì phải tìm cơ chế xã hội hóa, hợp tác với doanh nghiệp.

- Có chính sách truyền thông, quảng bá để thu hút sinh viên vào ở KTX.

- Hoàn thiện nội quy về ở nội trú cho phù hợp với sự phát triển của Trung tâm theo từng năm học trên cơ sở quy chế học sinh, sinh viên. Những quy định này nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sinh hoạt và hỗ trợ tốt nhất cho việc tự học của sinh viên, đồng thời cũng tạo ra những chuẩn mực cho công tác quản lý.

*Công tác trông giữ xe*

- Để an toàn hệ thống điện cần phải được bảo vệ trong các ống chống cháy. Xe cộ cần phải được xếp ngay ngắn thành hàng và phải chừa lối đi không được để bừa bãi.

- Bình chữa cháy cần trang bị tại các khu vực đó để kịp thời dập lửa tuy nhiên bình chữa cháy chỉ có công dụng với những ngọn lửa mới bắt đầu nhen nhúm, khi ngọn lửa lớn cần phải sử dụng các lăng vòi kịp thời phun nước vào đám cháy.

- Để tăng cường công tác quản lý và đảm bảo an ninh tài sản khu vực để xe cho cán bộ ở nhà xe 2 tầng khu A, cần lắp thêm máy quẹt thẻ tự động dành riêng cho CBVC và NLĐ của Nhà trường.

*Công tác cho thuê cơ sở vật chất*

Rà soát, đánh giá hiện trạng, công năng, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất được Nhà trường giao quản lý, khai thác.

*Công tác phát triển dịch vụ*

Khi Trung tâm tự chủ về hoạt động có chức năng pháp lý, có con dấu, tài khoản sẽ giúp hoạt động linh hoạt, thuận lợi trong các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.

*Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài*

Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết thông qua tuyển chọn, đấu thầu đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng pháp luật.

## 13 Các công tác khác

### *13.1 Những kết quả đạt được*

#### *13.1.1 Thực hiện quy chế dân chủ*

Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường đã triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; nêu cao tinh thần gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên trong thực hành dân chủ. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp dân; tăng cường tiếp xúc, đối thoại và giải quyết kịp thời những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của cán bộ, viên chức, người lao động và người học; tiếp nhận và giải quyết, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ.

Tạo điều kiện để cán bộ, viên chức, người lao động tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tham gia góp ý, phản ảnh những điểm còn chưa hợp lý trong việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các đơn vị, những nội dung còn chưa hợp lý trong các nội quy, quy chế của Nhà trường để đề xuất, kiến nghị bổ sung cho phù hợp.

Hiện nay, Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định trong mọi lĩnh vực quản lý quan trọng của Trường: Quy chế Tổ chức và hoạt động; Quy định về quan hệ giữa Đảng ủy và Ban Giám hiệu; Đề án Vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong Trường Đại học Mỏ-Địa chất; Quy chế tài chính, Quy định chi tiêu nội bộ; Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động; Quy định về nâng lương; Quy định về quản lý công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác khảo thí, công tác nghiên cứu khoa học; Thi đua khen thưởng; Đánh giá, phân loại, cán bộ, viên chức; …Các quy định được ban hành đầy đủ, phù hợp đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Trường, đảm bảo sự dân chủ trong công tác quản lý.

Mặt khác Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến toàn thể cán bộ, viên chức, người học cho các quy chế, quy định, sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển Trường, quy chế Tổ chức hoạt động, Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý và xử lý kỷ luật viên chức, người lao động, Nội quy lao động, Quy định văn hóa công sở, Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, Quy chế dân chủ, Quy chế lương, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ... qua các thông báo số 01a/TB-MĐC, 17/MĐC-TCCB, 134/MĐC-TCCB, 286/MĐC-TCCB, 357/MĐC-VPĐĐ, 305/MĐC-TCCB, 446/MĐC-TCCB, 535/MĐC-TCCB, 574/MĐC-KHTC, 584/MĐC-KHTC..... và khảo sát qua đường link, qua web của Nhà trường.

- Bên cạnh việc triển khai các văn bản hiện có, Nhà trường liên tục cập nhật các quy định pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời các văn bản đã có. Cụ thể trong tháng 3, tháng 11/2021 Nhà trường đã sửa đổi, bổ sung ban hành quy định nâng lương, tháng 9/2021 ban hành Quy chế dân chủ, tháng 6/2022 ban hành quy định chi tiêu nội bộ và một số văn bản khác đang tiếp tục được sửa đổi, bổ sung để ban hành.

Kết quả việc thực hiện quy chế dân chủ đã từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Nhà trường.

*13.1.2 Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương*

Trong năm học 2022-2023, Nhà trường đã thực hiện và hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương, Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên, cụ thể là:

- Xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch trong năm theo quy định Ban chỉ huy quân sự quận như: Kế hoạch công tác quốc phòng, quân sự địa phương; Kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị đảm bảo đúng chất lượng, đúng thời gian quy định. Đồng thời, thực hiện tốt công tác báo cáo, tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban chỉ huy quân sự quận và cấp trên tổ chức.

- Đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, sẵn sàng nhập ngũ. Đăng ký quản lý sĩ quan dự bị, quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội, phương tiện kỹ thuật.

- Tiếp nhận và giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học, tốt nghiệp ra trường, thôi học về địa phương theo quy định.

- Lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ tại chỗ theo đúng nội dung, chương trình đã được Ban chỉ huy quân sự quận phê chuẩn. Tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ tham gia Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Ba đồng đội môn Kỹ thuật, giải Ba toàn đoàn khối tự vệ quận, bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị.

- Tuyển chọn 18 nam sinh viên tốt nghiệp đại học năm 2023 đi đào tạo sĩ quan dự bị đảm bảo chất lượng chính trị đúng quy đinh.

- Cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường và 04 cán bộ tham gia tập huấn cán bộ DQTV; cử 01 cán bộ Ban CHQS Trường và 01 cán bộ tự vệ tham dự lễ ra quân huấn luyện vào ngày 01/3/2023; cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường tham gia tập huấn về công tác quốc phòng, quân sự, lực lượng tự vệ. Tháng 10/2023; cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường tham gia tập huấn về công tác quốc phòng, quân sự và phòng, chống khủng bố do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại Quân khu 5.

- Động viên 01 SQDB đi huấn luyện tại Kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần; 01 SQDB đi tập huấn tại Trung đoàn Pháo binh 452, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo đúng thành phần được triệu tập.

- Năm học 2022-2023, đã triển khai giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho khoảng 6654 sinh viên khóa 66 và 67. Quá trình dạy và học bảo đảm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, quy định của môn học, chấp hành tốt kỷ luật học tập trên giảng đường và bãi tập, quản lý chặt chẽ về quân số và thời gian, bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn tuyệt đối với người và vũ khí trang bị. Thông qua quá trình đào tạo trang bị cho sinh viên một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; đặc biệt trong quá trình giảng dạy đã lồng ghép các nội dung cơ bản với xây dựng cho sinh viên tính tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể trong quá trình học tập.

- Năm học 2022 – 2023, khoa đã phối hợp với các phòng, ban chức năng của Nhà trường hoàn thiện cơ sở vật chất tại khu B đảm bảo cho việc học tập, ăn, ở, sinh hoạt tập trung môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên tại cơ sở ngày càng tốt hơn.

- Để đảm bảo hoàn thành tốt hơn công tác GDQP&AN tập trung theo đề án tự chủ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho SV của Nhà trường theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng cao, trong năm 2022 khoa đã được bổ sung thêm 01 cán bộ sĩ quan biệt phái về làm công tác giảng dạy môn học GDQP&AN cho SV, hiện nay, khoa đã phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chức năng trong nhà trường để xây dựng phương án tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên của nhà trường để tiếp tục giảng dạy cho sinh viên khi Binh chủng Pháo Binh rút sĩ quan biệt phái theo đề án của Bộ Quốc phòng.

*13.1.3 Công tác Công đoàn*

- Tuyên truyền Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về *"Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*.

- Phối hợp với chính quyền tổ chức và chi giải thưởng Giải Bóng đá nam cán bộ, Hội diễn văn nghệ Trường nhân dịp kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Trường và 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam; Tổ chức Giải Bóng bàn cán bộ, viên chức năm 2023 chào mừng Đại hội công đoàn các cấp;

- Tổ chức đợt cao điểm tuyên truyền Đại hội XVI Công đoàn Giáo dục Việt Nam (tháng 8-10/2023)

- Thăm, tặng quà và trao học bổng cho học sinh Trường Tiểu học Thành Yên và Trường Trung học cơ sở Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá với tổng giá trị: 55.000.000 đồng (tháng 4/2023); tổ chức trao đổi kinh nghiệm hoạt động công đoàn, bồi dưỡng về công tác chuyển đổi số trong giáo dục, trao tặng máy tính tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai với tổng giá trị 55.000.000 đồng (tháng 7/2023); vận động ủng hộ các nạn nhân, gia đình trong vụ hỏa hoạn chung cư số 37, ngách 29/70, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội 70.050.000 đồng (tháng 9/2023);

- Phối hợp với Nhà trường thăm Đồn biên phòng xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang và đón nhận Quốc kỳ đã được treo trên Cột cờ Quốc gia Lũng Cú về trưng bày tại phòng truyền thống của Trường Đại học Mỏ - Địa chất; trao tặng Đồn biên phòng kinh phí mua 10 lá cờ mới trị giá 30.000.000 đồng kinh phí ủng hộ của một số Công ty, Trung tâm và cá nhân trong Trường (tháng 8/2023).

*Công tác tham gia quản lý*

- Hướng dẫn, cử Đại biểu tham dự Hội nghị Đại biểu viên chức các đơn vị và phối hợp với Chính quyền tổ chức Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 49 đúng quy định;

- Tham gia cùng chính quyền tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với các đơn vị trong Trường; hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với viên chức trẻ;

- Đề xuất với Nhà Trường chi tiền cho toàn thể CBNGNLĐ nhân dịp Đại hội Công đoàn Trường lần thứ XXIV (700.000đồng/người).

*Thực hiện chế độ, chính sách và đời sống*

- Xét trợ cấp khó khăn cho 55 cán bộ với số tiền 32.000.000 đồng; Chi hỗ trợ toàn thể công đoàn viên nhân dịp tết Nguyên đán Quý Mão 2023 (300.000 đồng/người).

- Đề xuất Nhà trường cấp áo nhận diện cho toàn thể cán bộ, viên chức để quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Nhà trường.

- Thành lập đoàn cán bộ tham gia Giải thể thao giao lưu Khối thi đua số 2 chào mừng Đại hội công đoàn các cấp (tại ĐH Kinh tế quốc dân) môn bóng đá nam và tennis.

*Công tác nữ*

- Tổ chức thăm quan thực tế cho nữ cán bộ tại Hà Nam nhân ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10/2022; Tổ chức du xuân năm 2023 tại Chùa Mía - Làng cổ Đường Lâm - Thành cổ Sơn Tây - Chùa Khai Nguyên (tháng 2/2023);

- Phối hợp cùng Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tổ chức Tọa đàm "Bình đẳng giới và xây dựng gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỳ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3/2023;

- Tổng kết phong trào "Giỏi việc Trường - Đảm việc nhà"; vinh danh nữ Phó Giáo sư, nữ cán bộ đã bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ; tuyên dương khen thưởng nữ cán bộ đạt thành tích xuất sắc trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nữ cán bộ xuất sắc khối hành chính văn phòng và nữ sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong học tập, NCKH và rèn luyện năm học 2021 - 2022; 2022 – 2023;

- Nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6, chi quà cho con cán bộ 100.000 đồng/cháu với số tiền 81.600.000 đồng; khen thưởng các cháu đạt giải trong kỳ thi HSG các môn văn hóa cấp quận, huyện trở lên và đạt danh hiệu HSG toàn diện năm học 2022 - 2023 với tổng số tiền 50.350.000 đồng.

*Công tác xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh*

- Tổ chức thành công Đại hội Công đoàn Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2023-2028;

- Phân công nhiệm vụ các Ban chuyên môn của công đoàn; hoàn thành bàn giao công tác công đoàn nhiệm kỳ 2017-2023 và nhiệm kỳ 2023-2028;

- Bổ nhiệm Kế toán trưởng công đoàn nhiệm lỳ 2023-2028.

*Khen thưởng:*

Bằng khen Công đoàn Giáo dục Việt Nam: - Tập thể: 03

- Cá nhân: 04

*13.1.4 Công tác Đoàn TN, Hội SV*

Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường hiện nay quản lý trực tiếp 10 Liên Chi đoàn, 10 Liên chi Hội và 03 Chi đoàn Cán bộ trực thuộc, 26 Câu lạc bộ sinh viên với hơn **10.000** đoàn viên thanh niên (ĐVTN), được học tập và sinh hoạt tại nhà trường với truyền thống lịch sử hơn 56 năm phát triển và trưởng thành.

Các nội dung, hình thức hoạt động và các phong trào thi đua được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, Ban chấp hành Hội Sinh viên Trường triển khai thống nhất về mặt tổ chức giữa các cấp của Đoàn trường, dựa trên tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn của đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp trong toàn Trường; góp phần tạo nên phong trào sôi nổi, thiết thực trong Trường và đạt được những kết quả đáng ghi nhận và hoàn thành xuất sắc phần lớn các mục, nhiệm vụ Đảng ủy – Ban Giám hiệu và Đoàn cấp trên giao.

***Hoạt động tình nguyện vì cộng đồng***

Các hoạt động tình nguyện trong năm học 2022 - 2023đã thể hiện rõ nét tính tiên phong và vai trò của tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Các hoạt động tiếp tục mở rộng về quy mô, ngày càng thiết thực, hiệu quả, thực sự là môi trường rèn luyện của tuổi trẻ. Các đợt hoạt động cao điểm hàng năm: Tháng Thanh niên, Chiến dịch Thanh niên tình nguyện Hè, Chương trình Tiếp sức đến trường, Tình nguyện mùa đông, được Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai thông qua các hoạt động tình nguyện tại chỗ, cũng như các hoạt động tại các tỉnh, thành trên cả nước. Cùng với đó là Chiến dịch Tiếp sức Mùa thi 2023 tại các điểm thi THPT Quốc gia trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm và các tỉnh thành nơi Trường Đại học Mỏ - Địa chất được giao nhiệm vụ chủ trì công tác coi thi. Bên cạnh đó, các câu lạc bộ Hội đồng hương Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh cùng thường xuyên tích cực thực hiện các chương trình tình nguyện về địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh hàng năm. Chiến dịch Mùa hè tình nguyện trong năm học 2022 - 2023của Đoàn trường đã thu hút hơn 800 tình nguyện viên tham gia, tham gia xây dựng và trao tặng 04 công trình thanh niên tại Ba Vì – Hà Nội, Quan Hóa – Thanh Hóa, Thanh Chương – Nghệ An và Hương Khê – Hà Tĩnh với tổng số tiền trên 120 triệu đồng.

Tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã khẳng định được tinh thần chủ động, xung kích, tiên phong, không ngại khó, ngại khổ khi tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội như: đội hình Thanh niên xung kích trong Ký túc xá.... Tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn sẵn sàng ứng trực thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khi Thành phố giao.

***Hoạt động Tuổi trẻ sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học***

Trong năm học 2022 - 2023, Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo của đoàn viên Thanh niên tham gia học tập và nghiên cứu khoa học nhằm khẳng định vị thế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất qua hơn 56 năm xây dựng và phát triển, tổ chức nhiều hoạt động phù hợp với các ĐVTN, lĩnh vực công tác với nội dung thiết thực, hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi để đoàn viên phát huy vai trò xung kích đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Nhiều phong trào hoạt động trong cán bộ giảng viên đã được triển khai nhằm tạo môi trường thuận lợi để Đoàn viên thanh niên phát huy vai trò xung kích trong việc góp phần tăng chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập: các buổi hội thảo khoa học về việc nâng cao đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giảng dạy được tổ chức; nhiều đoàn viên là cán bộ giảng viên được học tập nâng cao trình độ trong và ngoài nước; các buổi sinh hoạt chuyên đề cho học sinh sinh viên về kỹ năng tìm học liệu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết CV, kỹ năng xin việc và phỏng vấn được tổ chức thường xuyên...

Đoàn Thanh niên đã có những hành động thiết thực nhằm hỗ trợ Đoàn viên giáo viên trong việc thực hiện chuẩn hóa trình độ sau đại học: tuyên truyền, vận động Đoàn viên giáo viên trẻ trong việc nâng cao ý thức phát triển trình độ chuyên môn, tìm kiếm các học bổng chuyên ngành có uy tín để theo học nhằm nâng cao cơ hội cọ sát, tìm hiểu về văn hóa, môi trường giáo dục các nước tiên tiến, từ đó, nâng cao khả năng tiếp cận với các trường đại học uy tín. Nhiều đề tài, giải pháp, sáng kiến có tính thực tiễn cao đã được Đoàn thanh niên "ươm mầm", ứng dụng vào thực tiễn đời sống, phát huy tác dụng. Nhiều CLB sinh viên nghiên cứu khoa học, CLB chuyên ngành, học thuật  tiếp tục hoạt động hiệu quả.

Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tích cực tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu tạo cơ chế, môi trường, điều kiện thuận lợi để hỗ trợ đoàn viên thanh niên, sinh viên, cán bộ, giảng viên trẻ học tập, nghiên cứu khoa học. Chủ động, tích cực tổ chức thường xuyên các diễn đàn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm học tập; tổ chức các sân chơi, cuộc thi gắn liền với chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo. Thành lập và duy trì các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên và cán bộ, giảng viên trẻ; chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn lực xã hội để xây dựng, phát triển quỹ học bổng hỗ trợ sinh viên, đặc biệt là sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp Hội Sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất làm tốt việc bình xét, giới thiệu sinh viên nhận các giải thưởng, danh hiệu của Trung ương và Thành phố, như: *"Sao tháng giêng", "Sinh viên 5 tốt", Thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội…*

Hoạt động tư vấn, hỗ trợ ĐVTN về nghề nghiệp, việc làm đã được triển khai đa dạng. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất tập trung đẩy mạnh các hoạt động hướng nghiệp, tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại nghề nghiệp với các tập đoàn, công ty, trung tâm lớn, vừa và nhỏ, có uy tín trong nước.... Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng thường xuyên cử ĐVTN tham dự Ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp do Thành đoàn Hà Nội tổ chức hàng năm.

Hoạt động tạo ra cầu nối giữa doanh nghiệp và sinh viên tiếp tục được Đoàn thanh niên đẩy mạnh. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp tổ chức kết nghĩa với các Công ty thuộc Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, Công ty Fecon, Đoàn Thanh niên Viện Dầu khí Việt Nam... để từ đó sinh viên có cơ hội thực hành nghề nghiệp và khởi nghiệp.

***Hoạt động văn nghệ - thể thao dành cho sinh viên***

Các hoạt động văn nghệ, thể thao luôn được quan tâm, tổ chức thường xuyên, phục vụ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, lành mạnh của Đoàn viên thanh niên, … Qua đó đã mang lại cho Đoàn viên đời sống văn hóa tinh thần phong phú, nâng cao ý thức rèn luyện sức khỏe, xây dựng

nếp sống văn minh, lành mạnh. Bên cạnh các hoạt động do Trường Đại học Mỏ - Địa chất chủ động tổ chức, các hoạt động do Trung ương đoàn, Thành đoàn phát động cũng được ĐVTN Trường Đại học Mỏ - Địa chất hưởng ứng với tinh thần sôi nổi. Trong năm học 2022 - 2023vừa qua, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường đã tổ chức nhiều sự kiện đặc biệt dành cho sinh viên HUMG và được đông đảo sinh viên hưởng ứng nhiệt thành như Gala Breaking 2022 – Connected, Cuộc thi Khoa tôi là Nhất năm 2023… Đây là những sự kiện được tổ chức tại HUMG nhằm mục đích tạo sân chơi giúp sinh viên Nhà trường tự tin thể hiện bản thân, tạo không khí vui tươi, bổ ích dành cho sinh viên.

***Công tác xây dựng tổ chức Đoàn – Hội***

Với hơn 10.000 Đoàn viên, công tác phát triển và quản lý đoàn viên – hội viên được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ Đoàn, Hội. Đoàn Thanh niên luôn quan tâm theo dõi sát sao và hỗ trợ kịp thời, đặc biệt đã phối hợp với Hội Sinh viên tổ chức được nhiều hoạt động lớn dành cho cho sinh viên, góp phần tạo ra nhiều khởi sắc trong hoạt động của Hội Sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng đã giới thiệu cán bộ Đoàn ưu tú tham gia vào các vị trí chủ chốt của Hội Sinh viên; phát huy vai trò nòng cốt chính trị trong việc chỉ đạo thành công Đại hội đại biểu Hội Sinh viên Trường lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2023 - 2025.

Trong năm học 2022 - 2023, công phát triển Đảng trong đoàn viên sinh viên tiếp tục được tăng cường và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các liên chi đoàn, chi đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã triển khai cuộc vận động *"Xây dựng tổ chức cơ sở Đoàn vững mạnh, đoàn viên thanh niên phấn đấu trở thành Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam"*, mỗi năm Đoàn Thanh niên phối hợp cùng văn phòng Đảng – Đoàn thể tổ chức lớp học Bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho hơn 150 Đoàn viên, kết nạp 58 Đoàn viên ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng.

*13.1.5 Công tác hoạt động của Hội CCB*

Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp cũng như chủ trì thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ trọng yếu, đặc biệt là công tác hoạt động theo qui định của Điều lệ hội. Năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội CCB lần thứ V, hoạt động của Hội là chủ động, tích cực, toàn diện đúng với tính chất, mục đích nhiệm vụ của Hội. Các chi hội và hội viên đã nêu cao được tinh thần trách nhiệm, đoàn kết gương mẫu thực hiện và đã hoàn thành tốt các mặt công tác của Hội. Kết quả đạt được là tương đối toàn diện và có hiệu quả thiết thực, giữ vững là tổ chức Hội trong sạch vững mạnh, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

- Ngày 22/12/2022, Hội đã phối hợp cùng Khoa Quốc phòng chủ trì tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 33 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân,78 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 33 năm ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam và 22 năm ngày Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ Địa chất.

- Hội đã phối hợp với các đơn vị đoàn thể trong và ngoài trường làm tốt các phong trào hoạt động do các cấp phát động, như phong trào vận động đóng góp xây dựng và ủng hộ đề án 03 (xây nhà tình nghĩa do Hội CCB Thành phố Hà Nội phát động) và quỹ hỗ trợ các gia đình khó khăn gặp hạn,...

- Trong năm qua Hội đã thực hiện hai chục lượt tham dự các sự kiện của các Hội CCB trong Hội CCB thành phố Hà Nội, các đơn vị Hội CCB ở các địa phương ngoài thành phố và các đơn vị khác ngoài Hội làm tốt công tác quảng bá hình ảnh của Nhà trường nói chung và của Hội CCB trường Đại học Mỏ Địa chất nói riêng.

- Trong năm qua Hội cũng đã duy trì và làm tốt công tác tham hỏi các gia đình chính sách, gia đình khó khăn,.... đặc biệt là công tác tham hỏi việc hiếu hỷ của các gia đình hội viên.

- Nhân dịp ngày 27/7 Hội đã chủ trì tổ chức lễ tri ân các anh hùng liệt sĩ, các thầy trò của nhà trường tham gia nhập ngũ bảo vệ tổ quốc, với sự tham gia của đại diện Đảng uỷ, Ban giám hiệu và các phòng khoa ban trong Trường.

- Hội đã tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền giữ vững ổn định chính trị tại cơ sở; triển khai hoạt động có hiệu quả 4 Đề án, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ V (nhiệm kỳ 2022-2027). Tổ chức tốt hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn, hoàn thành các công tác phân công chỉ đạo, chỉ thị, thông báo của Hội CCB Thành phố. Tình hình chính trị tư tưởng cán bộ hội viên ổn định, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Trường.

***13.2 Những tồn tại***

*13.2.1 Thực hiện quy chế dân chủ*

Nhà trường đã thực hiện tốt QCDC đặc biệt đối với các hoạt động ở cấp Trường, song ở các đơn vị cơ sở vẫn còn có những hiện tượng:

- Việc triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở trong hoạt động của một số đơn vị còn mang tính hình thức.

- Vẫn còn khá nhiều CBVC chưa dám phản ánh, kiến nghị, tâm lý ngại va chạm hoặc còn thờ ơ, chưa xem việc thực hiện dân chủ ở cơ sở là trách nhiệm của mình đối với đơn vị.

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa tập trung chỉ đạo, thiếu đôn đốc; chưa cụ thể hóa các quy chế, quy định, quy trình công khai, dân chủ ở cơ sở; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm...,vẫn còn một số đơn vị chưa phát huy tốt vai trò giám sát.

- Có hiện tượng thông tin không được thông suốt, một số ít CBVC còn chưa thực sự quan tâm với công việc chung của Nhà trường nên chưa nắm bắt đầy đủ được những công việc, chủ trương của Nhà trường đã làm. CBVC, người lao động còn chưa chủ động, sáng tạo, thiếu tính khoa học trong công việc được đơn vị giao, tâm lý e ngại trong phê bình, ngại góp ý vẫn còn tồn tại ở một số cá nhân. Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể làm việc kiêm nhiệm nên việc kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

- Công tác khen thưởng, nhân rộng các điển hình trong thực hiện QCDC chưa được thực hiện kịp thời.

- Thời gian đầu tư cho các buổi sinh hoạt chuyên đề tuyên truyền các văn bản về thực hiện QCDC ở cơ sở chưa nhiều.

*13.2.2 Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương*

- Việc huy động CBVC là quân nhân dự bị hạng 2 (nam CBVC từ đủ 28 tuổi đến hết 45 tuổi chưa qua phục vụ tại ngũ) đi huấn luyện dự bị động viên hoặc khi có lệnh triệu tập của cấp trên còn gặp nhiều khó khăn.

- Nhà trường vẫn còn một số CBVC đối tượng 3 (trưởng, phó các khoa, phòng, ban, trạm, trung tâm) và một số CBVC đối tượng 4 chưa được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

- Công tác kế hoạch, phân công giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên có thời điểm chưa phù hợp, còn trùng môn học khác.

- Nhiều nội dung trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh chưa có giáo trình thống nhất.

*13.2.3 Công tác Đoàn TN, Hội SV*

Một số cán bộ Đoàn – Hội năng lực và kết quả học tập còn hạn chế, uy tín không cao đối với tập thể làm ảnh hưởng đến công tác. Một bộ phận cán bộ, giảng viên trẻ thiếu quan tâm đến hoạt động Đoàn – Hội. Kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đoàn – Hội của nhiều cán bộ chủ chốt ở cấp Liên chi đoàn và chi đoàn cần được tiếp tục củng cố.

Nguồn tài lực, vật lực (kinh phí, vật chất) phục vụ cho công tác tình nguyện vì cộng đồng chủ yếu còn do kinh phí của trường cấp và từ nguồn đóng góp của CBVC, ĐVSV và các đơn vị trong trường, sự huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội bên ngoài còn hạn chế. Vì vậy, nguồn lực vật chất còn bất cập so với yêu cầu của công tác.

Công tác tuyển sinh các năm gần đây của nhà trường và giữa các khoa có sự suy giảm và chênh lệnh nhiều về chỉ tiêu, vấn đề này sẽ tạo ảnh hưởng lớn đến lượng đoàn viên của Đoàn trường, tạo ra sự chênh lệch đoàn viên lớn giữa các liên chi khiến cho việc triển khai đồng bộ nhiệm vụ công tác Đoàn gặp những khó khăn nhất định.

Tất cả các vấn đề trên có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, đòi hỏi Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất phải nỗ lực vượt bậc để thu hút, tập hợp, giáo dục ĐVTN theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Đoàn.

### *13.3 Giải pháp*

***Thực hiện quy chế dân chủ***

Tiếp tục tổ chức quán triệt các văn bản của Trung ương, Quốc hội và của Chính phủ về thực hiện QCDC ở cơ sở để không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, viên chức về dân chủ và thực hành dân chủ. Những vấn đề "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" phải được cụ thể hóa thực hiện nghiêm túc trên mọi lĩnh vực của đời sống. Mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với giữ gìn kỷ cương, trật tự.

Tiếp tục duy trì, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn Trường. Duy trì việc đối thoại giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức theo quy định của pháp luật. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo thường được các đơn vị trong toàn Trường phối hợp để giải quyết kịp thời.

Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để phù hợp với tình hình thực tế. Điều chỉnh những nội quy, quy trình mang tính phối hợp còn chồng chéo, bất cập (nếu có).

Thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác phê bình, tự phê bình, chống các biểu hiện tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức công bằng, công khai, chú trọng công tác khen thưởng để tạo động lực cho toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục thực hiện công tác đối thoại định kỳ, lắng nghe những đóng góp, ý kiến của cán bộ, viên chức và người lao động nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời phù hợp với quy định.

***Công tác giáo dục quốc phòng – quân sự địa phương***

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, viên chức và sinh viên nắm chắc quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự.
- Động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tích cực tham gia huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Đồng thời, có chế tài xử phạt đối với các trường hợp chấp hành chưa nghiêm túc việc điều động tham gia huấn luyện theo quy định của pháp luật.
- Phối hợp với Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh quận và thành phố cử cán bộ lãnh đạo các đơn vị đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, viên chức đối tượng 4 tại Trường theo quy định.
- Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa các đơn vị trong Trường để xây dựng kế hoạch giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh phù hợp, đảm bảo đúng quy định, chất lượng hiệu quả dạy và học.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giờ giảng, bài giảng của các giảng viên, qua đó kịp thời nắm bắt, đánh giá đúng thực chất kết quả giảng dạy và nhận thức của người học.
- Tiếp tục biên soạn giáo án, bài giảng, tài liệu tham khảo và tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật thống nhất nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ công tác khảo thí môn học kể cả trực tiếp và online

***Công tác Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên***

Cần xác định công tác xây dựng tổ chức Đoàn là trọng tâm, trong đó cán bộ là khâu then chốt. Từ đó, lựa chọn đội ngũ cán bộ Đoàn phải là những người trẻ, có sức khoẻ, có trình độ, tâm huyết, nhiệt tình với phong trào, có năng lực tổ chức các hoạt động thực tiễn, biết đoàn kết nội bộ, phát huy trí tuệ tập thể nâng cao chất lượng hoạt động đoàn. Đoàn trường cần phải trực

tiếp hoặc tham mưu với lãnh đạo trường, lãnh đạo Khoa, Trung tâm chăm lo đến đội ngũ cán bộ Đoàn. Trong từng điều kiện cụ thể cần đề xuất và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cán bộ Đoàn; có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ Đoàn kế cận.

Các hoạt động của Đoàn phải thiết thực, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích chính đáng của ĐVTN, phát huy mạnh mẽ tinh thần xung kích, tình nguyện và hỗ trợ ĐVSV trong học tập, rèn luyện, tự khẳng định và phát triển khả năng. Tích cực khai thác nguồn lực của xã hội phục vụ công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Trường.

Trong công tác chỉ đạo thể hiện tính sáng tạo, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, bám sát nhiệm vụ chính trị của Trường, xác định mục tiêu, phương hướng, kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể, khoa học cho công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong cả nhiệm kỳ và từng giai đoạn cụ thể.

Cần phân cấp giao nhiệm vụ cụ thể cho từng chi đoàn, từng bộ phận để tổ chức Đoàn các cấp phát huy được trí tuệ, tài năng, sức sáng tạo của đội ngũ, cán bộ, đoàn viên trong toàn trường.

Tích cực và chủ động hơn nữa trong công tác tham mưu, tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, và lãnh đạo các Khoa, Phòng, Ban vàTrung tâm trong trường. Nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, chương trình phù hợp để phát huy thế mạnh của lực lượng ĐVSV đông đảo của trường.

## 14 Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu viên chức Trường lần thứ 49

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của một Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Thành lập nhiều nhóm nghiên cứu và nghiên cứu mạnh; tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra vẫn còn một số nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 52).

*Bảng 52. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2022 - 2023*

| Tiêu chí | Mục tiêu | Thực hiện | Đánh giá |
|---|---|---|---|
| Quy mô đào tạo chính quy | 13.000 | 18.262 | Vượt |
| Mở mới ngành đào tạo:<br>- Bậc đại học<br>- Thạc sĩ<br>- Tiến sỹ | <br>5<br>0<br>1 | <br>0<br>0<br>1 | Không đạt<br><br>Hồ sơ đang trình Bộ GD&ĐT |
| Đề tài KHCN mới:<br>- Cấp Nhà nước<br>- Cấp Bộ và tương đương | <br>3<br>10 | <br>18<br>54 | <br>Vượt<br>Vượt |
| Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế | 150 | 187 | Vượt |
| Hội nghị khoa học quốc tế | 3 | 3 | Đạt |
| Xây dựng các nhóm nghiên cứu:<br>- Nhóm nghiên cứu mạnh<br>- Nhóm nghiên cứu | <br>1<br>5 | <br>4<br>10 | <br>Vượt<br>Vượt |
| Mở các khóa đào tạo ngắn hạn | 2 | 5 | Vượt |
| Xuất bản giáo trình | 10 | 14 | Vượt |
| Tự đánh giá 3 chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ: Khai thác mỏ, Ký thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa bản đồ | 3 | 3 | Tiếp tục thực hiện |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Hoàn thành báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng đối với 4 CTĐT: Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kế toán, Quản trị kinh doanh | 4 | 4 | Đã thực hiện, chưa hoàn thành |
| Triển khai công tác tự đánh giá Trường | | | Đang thực hiện |
| Triển khai cải tiến chất lượng 1 CTĐT Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA | 1 | 0 | Chưa thực hiện |
| Thi đua | 85% LĐTT | | Đạt |

Kết quả trên thể hiện trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Chất lượng đào tạo ở một số ngành của Nhà trường vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội; năng lực cạnh tranh còn hạn chế; Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả trong công tác tư vấn tuyển sinh ở một số ngành truyền thống, các khoa chuyên môn và các bộ môn còn gặp khó khăn trong việc mở mới các ngành đào tạo; công tác tư vấn tuyển sinh nhiều khi chưa kịp thời, chất liệu truyền thông chưa phong phú; chưa có kế hoạch tổng thể về công tác giáo trình, bài giảng trong toàn trường; chưa xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường, việc cải tiến sau kiểm định các chương trình đào tạo còn chậm; một bộ phận giảng viên và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được trong thời kỳ mới, thiếu hụt nhân lực giảng viên chất lượng cao; chưa triển khai công tác tuyển dụng ở 1 số đơn vị trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng; cơ sở vật chất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của tự chủ đại học; bộ máy tổ chức còn cồng kềnh; thu nhập của cán bộ, viên chức còn chưa cao đặc biệt là khối cán bộ hành chính; chiến lược phát triển Nhà trường chưa tính hết được sự thay đổi nhanh chóng của chính sách và xã hội.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị Nhà trường. Hệ thống hạ tầng CNTT còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; Chương trình đào tạo được cập nhật nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Nhà trường vừa thiếu vừa cũ; hệ thống phòng thí nghiệm chủ yếu hoạt động theo hướng hoạt động đào tạo, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

Kế hoạch tài chính của Trường khoảng giữa năm tài chính mới được Hội đồng Trường phê duyệt làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Trường

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

## Phần II. NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023- 2024

### 1 Bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong năm học 2023 – 2024

Năm học 2023 - 2024 là năm học ngành giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản của Bộ GD&ĐT về giáo dục đại học; Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm NH2023 - 2024 của ngành Giáo dục; Căn cứ Công văn số 5155/BGDĐT-GDĐH ngày 22/9/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn nhiệm vụ NH2023 - 2024 đối với GDĐH. Trên cơ sở đó Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024 là "Thúc đẩy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường", nhằm tuân thủ triết lý giáo dục "Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập", phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

### 2 Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 – 2024

2.1. Triển khai thực hiện chiến lược phát triển Trường, tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng cá nhân, đơn vị của Nhà trường. Hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Hội đồng Trường và các quy định nội bộ khác của Nhà trường trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa Hội đồng Trường và Ban giám hiệu theo đúng quy định; Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị chủ động xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của Nhà trường.

2.2. Nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm cán bộ, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; bảo đảm số lượng và chất lượng cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và sinh viên. Tăng cường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức và người học của Nhà trường.

2.3. Triển khai cải tiến chất lượng Nhà trường giữa chu kỳ kiểm định (2018 - 2023). Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Thúc đẩy kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học và sau đại học. Triển khai hệ thống đào tạo E-Learning và Blended Learning hiệu quả.

2.4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

2.5. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên. Nâng cao vai trò trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc quản lý sinh viên.

2.6. Tổ chức thực hiện kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thành việc lập qui hoạch chi tiết các công trình xây dựng Khu A1 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng các công trình theo từng giai đoạn, hạng mục công việc thành phần thuộc Khu A1 và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học. Triển khai từng bước chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ tại phường Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

2.7. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả trong hoạt động truyền thông, đa dạng và đổi mới liên tục về hình thức và cách thức tiếp cận nhằm phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, hướng đến sự phát triển bền vững qua việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường.

2.8. Tiếp tục tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao, phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0; xây dựng và sắp xếp lại hệ thống phòng thí nghiệm, thực nghiệm để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo. Xây dựng các phương án huy động vốn (vốn ngân sách Nhà nước, vay nợ, viện trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác) dành cho đầu tư khu A1 trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục nâng cấp phòng học như lắp máy điều hòa nhiệt độ, trang thiết bị phục vụ quản lý đào tạo, hệ thống wifi, phần mềm quản lý, cải tạo cơ sở vật chất, chống xuống cấp; quy hoạch và nâng cấp các phòng thí nghiệm, cải tạo giảng đường phù hợp với hoạt động đào tạo và cơ cấu sinh viên của trường.

**3 Các chỉ tiêu cơ bản**

- Quy mô đào tạo hệ chính quy: >13.000 sinh viên
- Mở mới 05 ngành, chuyên ngành đào tạo hệ đại học (chương trình thường và hệ chất lượng cao). Mở mới 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Kỹ thuật xây dựng).
- Tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ (Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa-bản đồ); Hoàn thành báo cáo giữa kỳ KĐCL đối với 04 CTĐT (Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kế toán, Quản trị kinh doanh; triển khai công tác Tự đánh giá Trường; Triển khai cải tiến chất lượng 01 CTĐT Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA.
- 100% giảng viên hoàn thành định mức NCKH được giao; 100% số đề tài NCKH nghiệm thu đúng tiến độ.
- Đề tài triển khai mới: 03 đề tài cấp NN; 10 đề tài cấp Bộ GD&ĐT.
- Bài báo Quốc tế: 150 bài (trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục WoS: 100 bài).
- Hội nghị Khoa học quốc tế, quốc gia: 03 Hội nghị.
- Xây dựng các nhóm nghiên cứu: 3 nhóm nghiên cứu/ nhóm nghiên cứu mạnh.
- Mở khóa học ngắn hạn: ít nhất 2 khóa.
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình.
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

**4 Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024**

4.1. Ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhà trường định hướng cho các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn. Thí điểm triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho một số đơn vị của Nhà trường theo yêu cầu của Luật GDĐH sửa đổi và các quy định pháp luật. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai Đề án vị trí việc làm, Đề án thành lập Trường, Viện trực thuộc Trường. Thành lập các trung tâm, doanh nghiệp khoa học công nghệ thuộc, trực thuộc Trường.

4.2. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức có nguyện vọng chuyển đổi chuyên môn đào tạo, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho cán bộ, viên chức như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực viên chức làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, công tác truyền thông .... Tăng nguồn thu từ các hoạt động của Nhà trường, cân đối, bố trí hợp lý các khoản chi nhằm dành nguồn lực tài chính cho việc

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường.

4.3. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Thí điểm xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của một số chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường theo vị trí việc làm, theo kết quả, hiệu quả công việc. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế.

4.4. Xây dựng thí điểm chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học và sau đại học. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, khảo sát cơ cấu, đặc điểm của thị trường lao động; gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất để xây dựng các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp, triển khai đồng bộ hệ thống đào tạo E-Learning và Blended Learning ... nhằm đa dạng hóa loại hình, phương pháp đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội và theo các quy định mới về đào tạo trực tuyến. Tiếp tục triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo của Nhà trường. Triển khai kiểm định chất lượng 01 chương trình đào tạo đại học theo chuẩn AUN-QA.

4.5. Kết nối các phần mềm quản lý của Nhà trường tạo thành một hệ thống quản lý đồng nhất. Tổ chức rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Tiếp tục tăng số lượng thủ tục giải quyết ở bộ phận một cửa như đối với các thủ tục kế toán, tài chính, tổ chức cán bộ, đào tạo đại học, sau đại học, công tác chính trị sinh viên ... Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tại Nhà trường. Tăng cường giao lưu học thuật quốc tế. Ban hành chính sách khuyến khích viên chức công bố khoa học quốc tế. Tiếp tục thúc đẩy thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong Nhà trường thông qua việc ưu tiên giao, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, ưu tiên đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu ... Tiếp tục cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao; Triển khai thực hiện định hướng hoạt động KHCN phù hợp với chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo Quốc gia; đẩy mạnh hoạt động đổi  mới sáng tạo, khởi nghiệp và sở hữu trí tuệ trong Nhà trường.

4.6. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên. Tổ chức khóa tập huấn cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư dành cho phát triển cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng đề án một số phòng thí nghiệm chuyên sâu để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao. Đầu tư xây dựng Khu Giảng đường tại khu A1 (2021-2025): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là 73 tỷ VNĐ. Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022, dự kiến công trình sẽ bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2025. Tiếp tục bám sát các Bộ, Ban ngành về đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Khu nhà đa năng, Giảng đường và Phòng thí nghiệm để vận hành cùng với Khu Giảng đường tạo ra 1 khu độc lập trong công tác quản lý và khai thác

4.8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền

hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của Nhà trường; Xây dựng chương trình phối hợp với các đối tác để tổ chức các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp, việc làm, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho sinh viên.

4.9. Sắp xếp lại các phòng thí nghiệm, thực nghiệm để nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà trường. Triển khai xây dựng mô hình bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cho Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 để quản lý, sử dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, khoa học công nghệ của Nhà trường.

4.10. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo"* và phong trào *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong cán bộ, viên chức và người học tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2023 - 2024.

Phần I. BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 – 2023 1
1 Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023 1
1.1 Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất 1
1.2 Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2022 – 2023 2
2 Công tác chính trị tư tưởng 3
2.1 Những kết quả đạt được 3
2.2 Những tồn tại 5
2.3 Giải pháp 5
3 Công tác đào tạo 5
3.1 Những kết quả đạt được 5
3.1.1 Công tác tuyển sinh năm học 2022 – 2023 5
3.1.2 Quy mô đào tạo 10
3.1.3 Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp 13
3.1.4 Kết quả xử lý học tập năm học 2022 – 2023 16
3.1.5 Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới 16
3.1.6 Công tác giáo trình, bài giảng 17
3.2 Những tồn tại 18
3.3 Giải pháp 19
4 Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục 20
4.1 Những kết quả đạt được 20
4.1.1 Công tác khảo thí 20
4.1.2 Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học 27
4.1.3 Công tác đảm bảo chất lượng 28
4.2 Những tồn tại 33
4.2.1 Công tác đảm bảo chất lượng 33
4.3 Giải pháp 33
4.3.1 Công tác khảo thí 33
4.3.2 Công tác đảm bảo chất lượng 33
5 Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp 34
5.1 Những kết quả đạt được 34
5.1.1 Công tác tư vấn tuyển sinh 34
5.1.2 Công tác truyền thông 34
5.1.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp 35
5.2 Tồn tại 36
5.2.1 Công tác tư vấn tuyển sinh 36
5.2.2 Công tác truyền thông 36
5.2.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp 36

5.3 Giải pháp ..... 37
5.3.1 Công tác tư vấn tuyển sinh ..... 37
5.3.2 Công tác truyền thông ..... 37
5.3.3 Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp ..... 37
6 Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên ..... 37
6.1 Những kết quả đạt được ..... 37
6.1.1 Công tác sinh viên ..... 37
6.1.2 Công tác hỗ trợ sinh viên ..... 38
6.2 Những tồn tại ..... 39
6.3 Giải pháp ..... 39
7 Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản ..... 39
7.1 Những kết quả đạt được ..... 39
7.1.1 Hoạt động nghiên cứu khoa học ..... 39
7.1.2 Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ ..... 45
Các đề tài/hợp đồng ký về trường ..... 45
7.1.3 Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO ..... 45
Đánh giá chung ..... 46
7.1.4 Công tác hợp tác quốc tế ..... 47
7.1.5 Công tác xuất bản ..... 50
Nhiệm vụ quản lý hoạt động tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất ..... 50
7.2 Những tồn tại ..... 51
7.3 Giải pháp ..... 52
8 Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng ..... 53
8.1 Những kết quả đạt được ..... 53
8.1.1 Công tác tổ chức - cán bộ ..... 53
8.1.2 Công tác thanh tra ..... 57
8.1.3 Công tác cải cách hành chính ..... 59
8.1.4 Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng ..... 60
8.2 Những tồn tại ..... 62
8.3 Giải pháp ..... 63
9 Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án ..... 63
9.1 Những kết quả đạt được ..... 63
9.1.1 Công tác tài chính ..... 63
9.1.2 Công tác cơ sở vật chất ..... 67
9.1.3 Công tác quản lý các dự án ..... 68
9.2 Những tồn tại ..... 69
9.2.1 Công tác tài chính ..... 69
9.2.2 Công tác cơ sở vật chất ..... 69

9.2.3 Công tác quản lý các dự án ... 69
9.3 Giải pháp ... 69
9.3.1 Công tác tài chính ... 69
9.3.2 Công tác cơ sở vật chất ... 70
9.3.3 Công tác quản lý các dự án ... 70
10 Công tác thông tin, thư viện ... 70
10.1 Những kết quả đạt được ... 70
10.1.1 Công tác thư viện ... 70
10.1.2 Công tác công nghệ thông tin ... 71
10.2 Những tồn tại ... 72
10.3 Giải pháp ... 72
11 Công tác y tế ... 72
11.1 Những kết quả đạt được ... 72
11.2 Những tồn tại ... 72
11.3 Giải pháp ... 72
12 Hoạt động dịch vụ ... 73
12.1 Những kết quả đạt được ... 73
12.2 Những tồn tại ... 73
Công tác Ký túc xá ... 73
12.3 Giải pháp ... 74
13 Các công tác khác ... 74
13.1 Những kết quả đạt được ... 74
13.1.1 Thực hiện quy chế dân chủ ... 74
13.1.2 Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương ... 75
13.1.3 Công tác Công đoàn ... 76
13.1.4 Công tác Đoàn TN, Hội SV ... 77
13.1.5 Công tác hoạt động của Hội CCB ... 79
13.2 Những tồn tại ... 80
13.2.1 Thực hiện quy chế dân chủ ... 80
13.2.2 Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương ... 80
13.2.3 Công tác Đoàn TN, Hội SV ... 80
13.3 Giải pháp ... 81
14 Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu viên chức Trường lần thứ 49 82
Phần II. NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023- 2024 ... 84
1 Bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong năm học 2023 – 2024 ... 84
2 Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 – 2024 ... 84
3 Các chỉ tiêu cơ bản ... 85
4 Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 ... 85

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

# BÁO CÁO

## TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG

## LẦN THỨ 51

(Dự thảo lần 4)

***Hà Nội, 11/2024***

# MỤC LỤC

**PHẦN I. BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024 ..... 1**
1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2023-2024 ..... 1
1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất ..... 1
1.2. Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2023-2024 ..... 2
2. Công tác chính trị tư tưởng ..... 4
2.1. Những kết quả đạt được ..... 4
2.2. Những tồn tại ..... 5
2.3. Giải pháp ..... 5
3. Công tác đào tạo ..... 5
3.1. Những kết quả đạt được ..... 5
3.2. Những tồn tại ..... 17
3.3. Giải pháp ..... 18
4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục ..... 19
4.1. Những kết quả đạt được ..... 19
4.2. Những tồn tại ..... 32
4.3. Giải pháp ..... 32
5. Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp ..... 32
5.1. Những kết quả đạt được ..... 32
5.2. Tồn tại, hạn chế và giải pháp ..... 35
6. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên ..... 36
6.1. Những kết quả đạt được ..... 36
6.2. Những tồn tại, giải pháp khắc phục ..... 38
7. Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản ..... 38
7.1. Những kết quả đạt được ..... 38
7.2. Những tồn tại ..... 47
7.3. Giải pháp ..... 48
8. Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng ..... 50
8.1. Những kết quả đạt được ..... 50
8.2. Những tồn tại ..... 63
8.3. Giải pháp ..... 64
9. Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án ..... 65
9.1. Những kết quả đạt được ..... 65
9.2. Những tồn tại ..... 71
9.3. Giải pháp ..... 71
10. Công tác thông tin, thư viện ..... 72
10.1. Những kết quả đạt được ..... 72
10.2. Những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp ..... 73
11. Công tác y tế ..... 74
11.1. Những kết quả đạt được ..... 74

11.2. Tồn tại, giải pháp ..... 74
12. Hoạt động dịch vụ ..... 74
12.1. Những kết quả đạt được ..... 74
12.2. Những tồn tại ..... 75
12.3. Giải pháp ..... 76
13. Các công tác khác ..... 76
13.1. Những kết quả đạt được ..... 76
13.2. Những tồn tại ..... 86
13.3. Giải pháp ..... 87
14. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu viên chức Trường lần thứ 50 ..... 89
**PHẦN II NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025 ..... 92**
1. Bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong năm học 2024-2025 ..... 92
2. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2024-2025 ..... 92
3. Các chỉ tiêu cơ bản ..... 93
4. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 ..... 94

**PHẦN III. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO:**
Bảng 43. Thống kê thu, chi tài chính năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định).
Bảng 50. Thống kê thu, chi thường xuyên và phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
Bảng 51. Thống kê thu, chi không thường xuyên năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
Bảng 52. Thống kê các khoản thu hộ - chi hộ của Trưởng năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
Bảng 53. Thống kê các quỹ và trích lập nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
**Phụ lục I.** Tổng hợp kết quả thực hiện các ý kiến của Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 50.
**Phụ lục II.** Tổng hợp giải trình các ý kiến của Hội nghị Viên chức các đơn vị gửi Nhà trường năm 2024.

# DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy ..... 6
Bảng 2. Kết quả tuyển sinh hệ vừa làm vừa học ..... 7
Bảng 3. Kết quả tuyển sinh cao học ..... 8
Bảng 4. Kết quả tuyển sinh NCS ..... 9
Bảng 5. Số lượng sinh viên chính quy ..... 10
Bảng 6. Số lượng sinh viên vừa làm vừa học ..... 11
Bảng 7. Số lượng học viên cao học ..... 11
Bảng 8. Số lượng nghiên cứu sinh ..... 12
Bảng 9. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ..... 12
Bảng 10. Kết quả học tập hệ đại học ..... 13
Bảng 11. Kết quả học tập hệ liên thông ..... 13
Bảng 12. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp ..... 14
Bảng 13. Số lượng NCS đã tốt nghiệp ..... 14
Bảng 14. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học ..... 15
Bảng 15. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo mở mới ..... 16
Bảng 16. Giáo trình/sách đào tạo đại học cấp Nhà xuất bản ..... 16
Bảng 17. Giáo trình giảng dạy sau đại học cấp Nhà xuất bản ..... 17
Bảng 18. Tổng hợp hình thức thi, bài thi theo lịch thi các đợt trong năm học 2023-2024 ..... 20
Bảng 19. Tổng hợp số liệu bài phúc khảo các đợt thi kết thúc học kỳ năm học 2023-2024 ..... 21
Bảng 20. Tổng hợp thông tin thi kết thúc học phần các lớp cao học năm học 2023-2024 ..... 21
Bảng 21. Dữ liệu thống kê đối với 264 học phần có số bài > 92 cho thấy trong năm học 2023-2024 có 46 học phần có điểm thi kết thúc học phần thấp và rất thấp. Trong đó có 17 học phần cũng có điểm thi thấp trong năm học 2022-2023. Đề thi của các học phần này cần được rà soát, điều chỉnh cho dễ hơn. N = số bài thi; Mean = Trung bình số học; Median = Trung vị; Mode = Trung trình có tần xuất lớn nhất. ..... 22
Bảng 22. Dữ liệu thống kê đối với 264 học phần có số bài > 92 cho thấy trong năm học 2023-2024 có 61 học phần có điểm thi kết thúc học phần thuộc loại cao - rất cao. Trong đó có 25 học phần cũng có điểm thi cao – rất cao trong năm học 2022-2023. Đề thi của các học phần này cần được rà soát, điều chỉnh tăng độ khó hơn. N = số bài thi; Mean = Trung bình số học; Median = Trung vị; Mode = Trung trình có tần xuất lớn nhất. ..... 23
Bảng 23. Số sinh viên tham dự kiểm tra trình độ ngoại ngữ, ..... 25
Bảng 24. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, ..... 26
Bảng 25. Tổng hợp thông tin tự đánh giá 19 CTĐT ..... 27
Bảng 26. Tình hình thực hiện in và cấp phôi văn bằng (đến 31/12/2023) ..... 28
Bảng 27. Tổng hợp thông tin TĐG, ĐGN, Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD Trường và CTĐT giai đoạn 2018-2025 ..... 29
Bảng 28. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp ..... 39
Bảng 29. Thống kê công tác NCKH theo Khoa năm 2023-2024 ..... 40
Bảng 30. Hội thảo và công bố khoa học năm học 2022-2023 và 2023-2024 ..... 41
Bảng 31. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị năm học 2023 - 2024 ..... 41
Bảng 32. Công tác NCKH sinh viên năm học 2022-2023 và 2023-2024 ..... 43

Bảng 33. Thống kê NCKH sinh viên theo khoa năm học 2023-2024 ..... 43
Bảng 34. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất ..... 44
Bảng 35. Số lượng các đối tác theo quốc gia và vùng lãnh thổ ..... 45
Bảng 36. Số lượng lưu học sinh nước ngoài trong năm học 2023-2024 ..... 47
Bảng 37. Bảng thống kê số lượng viên chức được bổ nhiệm ..... 53
Bảng 38. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường ..... 53
Bảng 39. Cơ cấu đội ngũ viên chức giảng dạy và trợ giảng ..... 54
Bảng 40. Phân loại đội ngũ viên chức giảng dạy và trợ giảng tại các Khoa theo trình độ ..... 54
Bảng 41. Các hoạt động kiểm tra giám sát trong năm học 2023-2024 ..... 56
Bảng 42. Thống kê xếp loại chất lượng viên chức và người lao động ..... 59
Bảng 43. Thống kê thu, chi tài chính năm 2023 ..... 65
Bảng 44. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2023 ..... 67
Bảng 45. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2023 ..... 67
Bảng 46. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2022-2023 và 2023-2024 ..... 73
Bảng 47. Các văn bản triển khai lấy ý kiến của viên chức năm học 2023-2024 ..... 77
Bảng 48. Các văn bản nội bộ ban hành năm học 2023-2024 ..... 79
Bảng 49. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2023-2024 ..... 89

# DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy mô đào tạo toàn trường ..... 10
Hình 2. Số lượng đề tài các cấp năm học 2022-2023 và 2023-2024 ..... 39
Hình 3. Kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2022-2023 và 2023-2024 ..... 40
Hình 4. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH năm học 2022-2023 và 2023-2024 ..... 43
Hình 5. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất) ..... 51

# PHẦN I
# BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024

## 1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2023-2024

### *1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và Môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định phương hướng phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ hàng đầu trong khu vực, đat chuẩn kiểm định quốc tế, tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 10 khoa quản lý ngành đào tạo) với 59 bộ môn; 21 phòng, ban, trạm, văn phòng, trung tâm. Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Tổng số viên chức của Trường là 669 người, trong đó viên chức giảng dạy là 478 viên chức, 160 viên chức hành chính, 31 kỹ sư. Trong số viên chức giảng dạy có 278 tiến sĩ (trong đó có 01 giáo sư và 58 phó giáo sư)….. Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống HUMG eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 $m^2$, tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 $m^2$, đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là 73 tỷ VNĐ (NSNN: 60 tỷ VNĐ; nguồn Nhà trường: 13 tỷ VNĐ). Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022. Theo kế hoạch dự kiến công trình sẽ bản giao đưa vào sử dụng năm 2025.

Năm học 2023-2024, Trường Đại học Mỏ - Địa chất vinh dự nằm trong Top 16 (thứ 16) Trường Đại học của Việt Nam trong bảng xếp hạng của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) năm 2023 (số liệu cập nhật 10/2024); Tuy nhiên, tháng 10 năm 2024, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tụt xuống thứ hạng 24 (giảm 9 hạng so với thứ hạng 15 của năm 2023) trên bảng xếp hạng các Trường Đại học tại Việt Nam theo xếp hạng của Webometrics trên tổng số 190 trường Đại học

của Việt Nam được xếp hạng. Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng đại học nghiên cứu.

***1.2. Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2023-2024***

Trong những năm tới là giai đoạn đất nước triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo đó nhiều trường đại học nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam; nhiều tổ chức, công ty, doanh nghiệp sẽ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục Việt Nam; song song với đó là việc áp dụng cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học theo Luật Giáo dục đại học và Nghị định 99. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội.

Thời gian tới sẽ có sự thay đổi cơ bản, toàn diện về giáo dục theo chiến lược phát triển ngành giáo dục Việt Nam, có sự thay đổi về định hướng phát triển khoa học công nghệ của cả nước. Đây là giai đoạn phải điều chỉnh mạnh mẽ để triển khai Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nhà trường phấn đấu đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng cơ sở mới tại khu đô thị đại học đáp ứng yêu cầu phát triển. Hiện nay tại khu đô thị đại học Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT xây 1 tòa nhà giảng đường và dự kiến đưa vào sử dụng năm 2025.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất cần xây dựng một chiến lược phát triển mới, phát huy nội lực, với sức mạnh tổng hợp và tận dụng triệt để mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để nâng cấp và mở rộng, phát triển thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây thực sự là chặng đường vô cùng quan trọng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thực hiện Kế hoạch năm học 2023-2024 của Bộ GD&ĐT, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.

- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.

- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật này cũng như nhiều văn bản pháp luật khác đã và chuẩn bị có hiệu lực hiện chưa có hoặc chưa có hiệu lực thi hành, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.

- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong giáo dục, thu hút người dạy, người học và tuyển sinh.

- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và

xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của Trường.

- Biến động trong lựa chọn ngành nghề dẫn đến sụt sụt giảm số lượng sinh viên nhập học và người học ở hầu hết các ngành truyền thống gây mất cân đối và ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin *"Một cửa"* đã được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả.

- Đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và còn chưa linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình đào tạo mới và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số khoa còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, đào tạo chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và coi người học là đối tượng phục vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng là một yêu cầu quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa thực sự được toàn thể viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm và chưa hiệu quả.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như yêu cầu. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu hoạt động tương đối độc lập và chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCN triển khai ở các trung tâm và công ty.

- Số lượng sinh viên không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, dẫn tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ đang bị thách thức lớn. Công tác chính trị tư tưởng cho cả thầy và trò hiện nay chưa đáp ứng được với những thay đổi của thực tiễn.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và tiếp tục xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

- Các đơn vị dịch vụ khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ còn hạn chế.

- Số lượng cán bộ khoa học có khả năng hội nhập quốc tế chưa nhiều, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu đào tạo chất lượng cao.

**2. Công tác chính trị tư tưởng**

***2.1. Những kết quả đạt được***

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Nhà trường, tăng cường tính chủ động nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong toàn Đảng bộ và Nhà trường.

Tiếp tục tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và tiếp tục thực hiện Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên trong trường; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động.

Triển khai công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*". Tổ chức Hội nghị Thông tin thời sự trong nước và thế giới cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Hội nghị nghiên cứu, học tập, tuyên truyền cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng " Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh"; triển khai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng về nội dung bài viết *"Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng"* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; triển khai một số nội dung thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về *"Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"* và xây dựng chuyên đề năm 2024; triển khai học tập, bồi dưỡng chính trị hè năm 2023 cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh hoạt chính trị đầu khóa cho sinh viên; nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới; triển khai Chương trình hành động *"Thực hiện nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới"*. Phổ biến và quán triệt Chỉ thị 24-CT/TU ngày 07/8/2023 của Thành ủy Hà Nội về việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội; Chỉ thị 25-CT/TU ngày 20/9/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong tình hình mới; Quy định số 125-QĐ/TW ngày 10/10/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Tuyên truyền kết quả các kỳ họp Quốc hội khóa XV; Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2024; Đề án *"Nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa Cấp ủy*

*với Hội đồng đại học, Hội đồng trường, Hiệu trưởng các Đại học, trường Đại học, Học viện, Cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tình hình mới"* và Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 19/02/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội *"Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng về xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh"*. Tổ chức các hoạt động mừng Xuân Giáp Thìn an toàn, tiết kiệm và kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2024); 70 năm chiến thắng Điện Biên phủ (07/05/1954-07/05/2024); 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2024); tri ân các gia đình thương binh, liệt sĩ nhân kỷ niệm 77 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2024) và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm.

Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức sinh hoạt chuyên đề tại các chi bộ**,** ưu tiên tập trung vào các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện Luật số 34, Nghị định 99/2019/NĐ-CP đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Hầu hết các chi bộ đã linh hoạt, sáng tạo, đổi mới trong thực hiện sinh hoạt định kỳ và sinh hoạt chuyên đề, nâng cao chất lượng, hiệu quả sinh hoạt chi bộ. Qua các buổi học tập, sinh hoạt chuyên đề đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, viên chức và sinh viên Nhà trường.

***2.2. Những tồn tại***

Công tác tuyên truyền đôi khi chưa được kịp thời đến từng đảng viên, các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, sinh hoạt chính trị các đảng viên chưa có sự trao đổi, thảo luận hiệu quả, công tác tuyên truyền ở một số tổ chức đảng còn mang tính hình thức, chưa thực sự đổi mới nên chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn, chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của viên chức và sinh viên trong toàn Trường. Bên cạnh đó, vẫn còn có cán bộ, đảng viên ý thức tham gia đầy đủ các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của đảng, sinh hoạt chính trị chưa cao; tâm lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự yên tâm công tác do những nguyên nhân khách quan và chủ quan; vẫn còn một số cán bộ, viên chức và người lao động chưa thực sự nâng cao tinh thần trách nhiệm trong trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc trong tình hình mới.

***2.3. Giải pháp***

Nâng cáo ý thức của cán bộ, sinh viên trong các buổi học tập chuyên đề, sinh hoạt chính trị, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kịp thời thực hiện và đổi mới công tác tuyên truyền, triển khai học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng hình thức phù hợp, hiệu quả. Sát sao hơn nữa trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên, tạo tâm lý ổn định, yên tâm công tác cho viên chức, người lao động trong Trường.

**3. Công tác đào tạo**

***3.1. Những kết quả đạt được***

***3.1.1. Công tác tuyển sinh năm học 2023-2024***

Theo chủ trương của Bộ GD&ĐT và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Nhà trường đã tổ chức nghiêm túc, đúng quy định công tác tuyển sinh các hệ: Đại học chính quy; Đại học bằng 2; Liên thông đại học; Vừa làm vừa học và Sau đại học. Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024 của toàn trường được thể hiện:

***a) Đào tạo đại học***

Nhà trường đã tổ chức thành công các đợt tuyển sinh đại học chính quy với tổng số lượng sinh viên mới đạt 2.668, tăng 27% so với năm học 2023 - 2024 (2.097 sinh viên).

***Văn bằng 1:*** Số lượng tuyển sinh đầu vào của một số ngành tuy chưa đạt đủ chỉ tiêu, nhưng đa phần các ngành đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Mặc dù điểm chuẩn đầu vào của trường đã có sự điều chỉnh, một số ngành vẫn duy trì ở mức khá thấp. Đáng chú ý, các ngành mới mở

cũng ghi nhận kết quả tuyển sinh tích cực, cho thấy công tác mở ngành của Nhà trường đang đi đúng hướng. Kết quả này chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm nhu cầu về nhân lực trong các lĩnh vực và những biến động trong cơ cấu nền kinh tế xã hội.

***Văn bằng 2, liên thông**:* Công tác tuyển sinh chưa thể thực hiện được do trường chưa xong kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

*Bảng 1. Kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy*

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2022-2023 | | | | Năm học 2023-2024 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | | VB 2 | LT | VB1 | | VB 2 | LT |
| | | HB | THPT | | | HB | THPT | | |
| **Khoa:** | **Công nghệ thông tin** | 38 | 99 | 1 | 0 | 13 | 190 | 0 | 0 |
| 7460108 | Khoa học Dữ liệu | 27 | 29 | | | 5 | 69 | 0 | 0 |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 11 | 70 | 1 | | 8 | 121 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | 147 | 453 | 1 | 0 | 143 | 530 | 0 | 0 |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 65 | 1 | | | 34 | 41 | 0 | 0 |
| 7520114 | Kỹ thuật Cơ Điện tử | 10 | 40 | | | 10 | 62 | 0 | 0 |
| 7520116 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 29 | 34 | | | 80 | 1 | 0 | 0 |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 18 | 222 | 1 | | 2 | 232 | 0 | 0 |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 4 | 61 | | | 7 | 52 | 0 | 0 |
| 7520130 | Kỹ thuật Ô tô | 21 | 23 | | | 10 | 56 | 0 | 0 |
| 7520218 | Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo | 0 | 35 | | | 0 | 42 | 0 | 0 |
| 7510301 | Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử | 0 | 37 | | | 0 | 44 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí và Năng lượng** | 30 | 118 | 0 | 0 | 38 | 126 | 0 | 0 |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 6 | 20 | | | 13 | 15 | 0 | 0 |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học – CTTT | 2 | 10 | | | 0 | 12 | 0 | 0 |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 2 | 3 | | | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 15 | 72 | | | 21 | 87 | 0 | 0 |
| 7440229 | Quản lý dữ liệu khoa học trái đất | 4 | 6 | | | 3 | 2 | 0 | 0 |
| 7520605 | Kỹ thuật khí thiên nhiên | 1 | 6 | | | 1 | 3 | 0 | 0 |
| 7520606 | Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên | 0 | 1 | | | 0 | 6 | 0 | 0 |
| Khoa: | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 42 | 88 | 1 | 0 | 17 | 210 | 0 | 0 |
| 7440201 | Địa chất học | 1 | 17 | | | 0 | 35 | 0 | 0 |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 5 | 24 | 1 | | 1 | 32 | 0 | 0 |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 2 | 26 | | | 4 | 52 | 0 | 0 |
| 7810105 | Du lịch địa chất | 32 | 5 | | | 11 | 71 | 0 | 0 |
| 7580212 | Kỹ thuật tài nguyên nước | 1 | 6 | | | 0 | 11 | 0 | 0 |
| 7520505 | Đá quý Đá mỹ nghệ | 1 | 10 | | | 1 | 9 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | 25 | 233 | 0 | 0 | 43 | 224 | 0 | 0 |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 8 | 62 | | | 12 | 50 | 0 | 0 |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 5 | 30 | | | 9 | 34 | 0 | 0 |

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2022-2023 | | | | Năm học 2023-2024 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | | VB 2 | LT | VB1 | | VB 2 | LT |
| | | HB | THPT | | | HB | THPT | | |
| 7340301 | Kế toán | 5 | 36 | | | 6 | 40 | 0 | 0 |
| 7510601 | Quản lý công nghiệp | 7 | 105 | | | 16 | 100 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Mỏ** | 25 | 43 | 12 | 0 | 21 | 86 | 0 | 0 |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 16 | 30 | 12 | | 7 | 61 | 0 | 0 |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 5 | 1 | | | 13 | 5 | 0 | 0 |
| 7850202 | An toàn, Vệ sinh lao động | 4 | 12 | | | 1 | 20 | 0 | 0 |
| Khoa: | Khoa Môi trường | 4 | 99 | 0 | 0 | 22 | 107 | 0 | 0 |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 0 | 27 | | | 2 | 53 | 0 | 0 |
| 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 4 | 72 | | | 20 | 54 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ** | 58 | 189 | 6 | 6 | 107 | 151 | 0 | 0 |
| 7480206 | Địa tin học | 2 | 43 | | | 1 | 44 | 0 | 0 |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 2 | 44 | 5 | 6 | 2 | 60 | 0 | 0 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 22 | 83 | 1 | | 64 | 27 | 0 | 0 |
| 7580109 | Quản lý phát triển đô thị và BĐS | 32 | 19 | | | 40 | 20 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Xây dựng** | 107 | 255 | 5 | 10 | 75 | 537 | 0 | 0 |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 72 | 80 | 5 | 10 | 46 | 275 | 0 | 0 |
| 7580204 | Xây dựng CTNTP và hệ thống tàu điện ngầm | 1 | 7 | | | 0 | 15 | 0 | 0 |
| 7580205 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 2 | 64 | | | 5 | 75 | 0 | 0 |
| 7580302 | Quản lý xây dựng | 32 | 104 | | | 24 | 172 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa học cơ bản** | 3 | 40 | 0 | 0 | 7 | 21 | 0 | 0 |
| 7720203 | Hóa dược | 3 | 40 | | | 7 | 21 | 0 | 0 |

***Vừa làm vừa học:*** Công tác tuyển sinh chưa thể thực hiện được do trường chưa xong kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

*Bảng 2. Kết quả tuyển sinh hệ vừa làm vừa học*

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2022-2023 | | Năm học 2023-2024 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | VB2 | VB1 | VB2 |
| **Khoa:** | **Công nghệ thông tin** | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7480201 | Công nghệ thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Cơ - Điện** | 33 | 8 | 0 | 0 |
| 7520103 | Kỹ thuật cơ khí | 10 | 4 | 0 | 0 |
| 7520201 | Kỹ thuật điện | 23 | 4 | 0 | 0 |
| 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa Dầu khí và Năng lượng** | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520604 | Kỹ thuật dầu khí | 0 | 0 | 0 | 0 |

| Mã ngành | Tên Khoa/Ngành | Năm học 2022-2023 | | Năm học 2023-2024 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | VB1 | VB2 | VB1 | VB2 |
| 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520301 | Kỹ thuật hoá học - chương trình tiên tiến | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Khoa học và Kỹ thuật Địa chất** | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 7440201 | Địa chất học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Kinh tế - Quản trị kinh doanh** | 29 | 14 | 0 | 0 |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | 20 | 13 | 0 | 0 |
| 7340201 | Tài chính - ngân hàng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7340301 | Kế toán | 9 | 1 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Mỏ** | 36 | 35 | 0 | 0 |
| 7520601 | Kỹ thuật mỏ | 29 | 32 | 0 | 0 |
| 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 7 | 3 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Môi trường** | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520320 | Kỹ thuật môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Trắc địa - Bản đồ và QLĐ** | 5 | 4 | 0 | 0 |
| 7480206 | Địa tin học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 5 | 4 | 0 | 0 |
| 7850103 | Quản lý đất đai | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Khoa:** | **Xây dựng** | 9 | 15 | 0 | 0 |
| 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | 9 | 15 | 0 | 0 |
| | **Tổng số** | 112 | 77 | 0 | 0 |

***b) Đào tạo sau đại học***

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2023-2024 (đợt 2 năm 2023 và đợt 1 năm 2024) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 301 học viên cao học và 22 nghiên cứu sinh. So với năm học 2022-2023, số lượng tuyển sinh cao học giảm 129 học viên và NCS năm 2023-2024 giảm 08 người.

*Bảng 3. Kết quả tuyển sinh cao học*

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2023-2024 | 2022-2023 |
| **Tổng số** | | **301** | **550** |
| **Khoa KH và KT địa chất** | | ***6*** | ***16*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 6 | 16 |
| 2 | Địa chất học | | |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | | |
| **Khoa Dầu khí và Năng lượng** | | ***15*** | ***24*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 4 | 11 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 4 | 4 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | 7 | 9 |
| **Khoa Cơ - Điện** | | ***15*** | ***25*** |
| 7 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | |

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2023-2024 | 2022-2023 |
| 8 | Kỹ thuật điện | 11 | 14 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 0 | 11 |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí | ***4*** | |
| **Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ** | | ***146*** | ***134*** |
| 11 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 89 | 61 |
| 12 | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý | 11 | 18 |
| 13 | Quản lý đất đai | 46 | 55 |
| **Khoa Mỏ** | | ***2*** | ***7*** |
| 14 | Khai thác mỏ | 2 | 7 |
| 15 | Kỹ thuật tuyển khoáng | | |
| **Khoa Môi trường** | | ***5*** | ***27*** |
| 16 | Kỹ thuật môi trường | 5 | 27 |
| **Khoa CNTT** | | ***9*** | ***14*** |
| 17 | Địa tin học | 9 | 14 |
| **Khoa Xây dựng** | | ***24*** | ***67*** |
| 18 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 7 | 34 |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng | 17 | 33 |
| **Khoa Kinh tế - QTKD** | | ***79*** | ***116*** |
| 20 | Quản lý kinh tế | 79 | 116 |

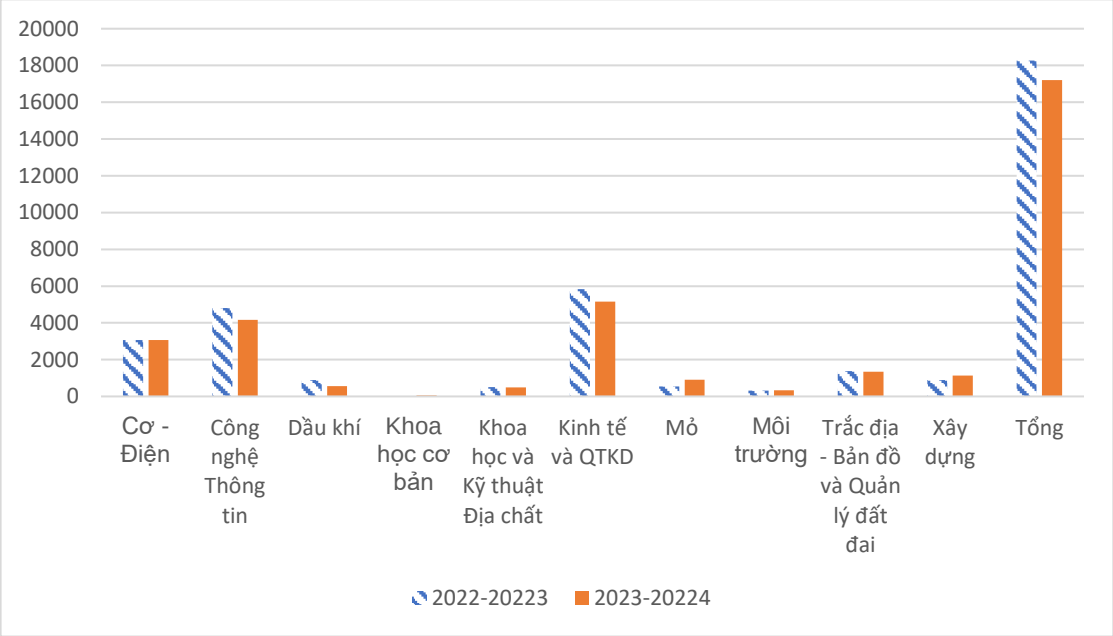
*Bảng 4. Kết quả tuyển sinh NCS*

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2023-2024 | 2022-2023 |
| **Tổng số** | | **22** | **30** |
| ***Khoa KH và KT địa chất*** | | ***3*** | ***2*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 3 | - |
| 2 | Địa chất học | - | 1 |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | - | 1 |
| **Khoa Dầu khí và Năng lượng** | | ***1*** | ***4*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | - | 1 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 1 | 3 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | - | - |
| **Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ** | | ***12*** | ***8*** |
| 7 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 4 | 6 |
| 8 | Bản đồ viễn thám & Hệ thông tin địa lý | 8 | 2 |
| **Khoa Mỏ** | | ***2*** | ***1*** |
| 9 | Khai thác mỏ | 2 | 1 |
| 10 | Kỹ thuật tuyển khoáng | - | - |
| **Khoa Cơ - Điện** | | ***1*** | ***4*** |
| 11 | Kỹ thuật điện | - | 2 |
| 12 | Kỹ thuật cơ khí động lực | - | |

| TT | Ngành đào tạo | Tuyển mới | |
|---|---|---|---|
| | | 2023-2024 | 2022-2023 |
| 13 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 1 | 2 |
| **Khoa Xây dựng** | | ***1*** | ***2*** |
| 14 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 1 | 2 |
| **Khoa Kinh tế - QTKD** | | ***1*** | ***4*** |
| 15 | Quản lý kinh tế | 1 | 4 |
| **Khoa Môi trường** | | ***1*** | ***5*** |
| 16 | Kỹ thuật môi trường | *1* | *5* |

### *3.1.2. Quy mô đào tạo*

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2023-2024 là **17.214** người (năm học trước là **18.262**).




*Hình 1. Quy mô đào tạo toàn trường*

### *a) Đào tạo đại học*

Tổng số sinh viên đại học, cao đẳng, liên thông hệ chính quy là **15.203** giảm 11.7% so với năm học 2022-2023 (**17.227** sinh viên), trong đó đại học: **15.096**; cao đẳng: **15** và Liên thông: **92.**

*Bảng 5. Số lượng sinh viên chính quy*

| TT | Khoa | 2022-2023 | | | 2023-2024 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đại học | Cao đẳng | Liên thông | Đại học | Cao đẳng | Liên thông |
| 1 | Cơ - Điện | 3000 | 10 | 13 | 2787 | 0 | 1 |
| 2 | Công nghệ thông tin | 4767 | 8 | 2 | 4144 | 4 | 1 |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 806 | 0 | 14 | 506 | 0 | 2 |
| 4 | Khoa học cơ bản | 17 | 0 | 0 | 60 | 0 | 0 |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 418 | 4 | 6 | 434 | 0 | 2 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Kinh tế - QTKD | 5458 | 3 | 138 | 4663 | 0 | 3 |
| 7 | Mỏ | 449 | 18 | 17 | 368 | 7 | 14 |
| 8 | Môi trường | 266 | 0 | 0 | 303 | 0 | 0 |
| 9 | Trắc địa - Bản đồ và QL Đ Đ | 928 | 16 | 87 | 931 | 4 | 27 |
| 10 | Xây dựng | 712 | 7 | 63 | 900 | 0 | 42 |
| | **Tổng số** | **16.821** | **66** | **340** | **15.096** | **15** | **92** |

Tổng số sinh viên vừa làm vừa học tại các điểm đào tạo trong năm học 2023-2024 là **1.185** sinh viên (năm học trước là **1.506**), giảm 21,3% so với năm học trước. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

*Bảng 6. Số lượng sinh viên vừa làm vừa học*

| TT | Khoa | 2022-2023 | | 2023-2024 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | B1 | B2 | B1 | B2 |
| 1 | Cơ - Điện | 270 | 52 | 187 | 36 |
| 2 | Công nghệ thông tin | | | 0 | 0 |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 6 | 3 | 1 | 0 |
| 4 | Khoa học cơ bản | | | 0 | 0 |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 23 | 10 | 27 | 0 |
| 6 | Kinh tế - QTKD | 256 | 80 | 238 | 49 |
| 7 | Mỏ | 429 | 219 | 475 | 17 |
| 8 | Môi trường | 1 | | 1 | 0 |
| 9 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 43 | 19 | 35 | 30 |
| 10 | Xây dựng | 34 | 61 | 79 | 10 |
| | **Tổng số** | **1062** | **444** | **1043** | **142** |

***b) Đào tạo sau đại học***

Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là là 826, trong đó có 731 HVCH của 16/20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 95 NCS của 16/16 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2022-2023, quy mô đào tạo sau đại học giảm (năm học 2022-2023, HVCH: 980, NCS: 104). Một số ngành kỹ thuật số lượng HVCH và NCS tuyển được ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Địa chất học, Khoáng vật học và địa hóa học, Khai thác mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí. Một số ngành có số lượng HVCH và NCS khá ổn định như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Bản đồ - Viễn thám và Hệ thông tin địa lý, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý kinh tế, Kỹ thuật môi trường.

*Bảng 7. Số lượng học viên cao học*

| TT | Khoa | 2023-2024 | 2022-2023 |
|---|---|---|---|
| 1 | Cơ - Điện | 40 | 43 |
| 2 | Công nghệ thông tin | 23 | 24 |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 39 | 54 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 22 | 55 |
| 5 | Kinh tế - Quản trị Kinh doanh | 195 | 230 |

| TT | Khoa | 2023-2024 | 2022-2023 |
|---|---|---|---|
| 6 | Mỏ | 9 | 89 |
| 7 | Môi trường | 32 | 47 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 280 | 328 |
| 9 | Xây dựng | 91 | 110 |
| | **Tổng số** | **731** | **980** |

*Bảng 8. Số lượng nghiên cứu sinh*

| TT | Khoa | 2023-2024 | 2022-2023 |
|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | - | - |
| 2 | Cơ - Điện | 9 | 9 |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 11 | 13 |
| 4 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 11 | 23 |
| 5 | Kinh tế - Quản trị Kinh doanh | 12 | 12 |
| 6 | Mỏ | 10 | 11 |
| 7 | Môi trường | 6 | 5 |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 31 | 27 |
| 9 | Xây dựng | 5 | 4 |
| | **Tổng số** | **95** | **104** |

***3.1.3. Kết quả học tập, tốt nghiệp***

***a) Đào tạo đại học***

Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là **2.010**, trong đó chỉ có **1.219** sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại **791** sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất.

*Bảng 9. Số lượng sinh viên tốt nghiệp*

| TT | Khoa | Đã in bằng tốt nghiệp | | | | | Đã bảo vệ, thiếu CĐR |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | |
| 1 | Cơ - Điện | 192 | 1 | 6 | 123 | 62 | **75** |
| 2 | Công nghệ thông tin | 363 | 1 | 28 | 268 | 66 | **133** |
| 3 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 18 | 0 | 4 | 12 | 2 | **33** |
| 4 | Dầu khí và Năng lượng | 68 | 0 | 10 | 47 | 11 | **49** |
| 5 | Kinh tế - Quản trị Kinh doanh | 346 | 18 | 76 | 219 | 33 | **327** |
| 6 | Mỏ | 146 | 5 | 78 | 57 | 6 | **28** |
| 7 | Môi trường | 11 | 0 | 0 | 9 | 2 | **22** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 40 | 6 | 4 | 24 | 6 | **79** |
| 9 | Xây dựng | 35 | 0 | 3 | 21 | 11 | **45** |
| | **Tổng số** | **1.219** | **31** | **209** | **780** | **199** | **791** |

*Bảng 10. Kết quả học tập hệ đại học*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 136 | 424 | 1349 | 765 | 1474 | **4148** |
| 2 | Cơ - Điện | 12 | 91 | 465 | 616 | 1790 | **2974** |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 35 | 30 | 64 | 76 | 302 | **507** |
| 4 | Kinh tế - QTKD | 193 | 574 | 1610 | 1003 | 1517 | **4897** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 22 | 29 | 89 | 58 | 263 | **461** |
| 6 | Mỏ | 63 | 132 | 204 | 51 | 400 | **850** |
| 7 | Môi trường | 12 | 32 | 77 | 55 | 128 | **304** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 47 | 77 | 194 | 163 | 489 | **970** |
| 9 | Xây dựng | 19 | 39 | 104 | 109 | 708 | **979** |
| 10 | Khoa học cơ bản | 0 | 2 | 18 | 14 | 26 | **60** |
| | **Tổng số** | **539** | **1.430** | **4.174** | **2.910** | **7.097** | **16.150** |

*Bảng 11. Kết quả học tập hệ liên thông*

| TT | Khoa | Xuất sắc | Giỏi | Khá | TB | Yếu, Kém | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | **1** |
| 2 | Cơ - Điện | 0 | 12 | 13 | 2 | 9 | **36** |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | **1** |
| 4 | Kinh tế - QTKD | 0 | 7 | 24 | 1 | 23 | **55** |
| 5 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | **2** |
| 6 | Mỏ | 0 | 8 | 7 | 5 | 7 | **27** |
| 7 | Môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 8 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 0 | 17 | 13 | 3 | 24 | **57** |
| 9 | Xây dựng | 0 | 2 | 28 | 6 | 16 | **52** |
| 10 | Khoa học cơ bản | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| | **Tổng** | 0 | **47** | **85** | **17** | **82** | **231** |

***b) Đào tạo sau đại học***

Với quy mô đào tạo 731 HVCH của 16/20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và gần 100 NCS của 16 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có, Nhà trường đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho HVCH và NCS một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, rà soát, chỉnh sửa thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo theo chu kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với công tác đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Công tác giao đề tài và theo dõi HVCH, NCS thực hiện đề án tốt nghiệp, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh liên tục được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức

bảo vệ cho 401 HVCH và trao bằng cho 401 thạc sĩ; tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường cho 15 NCS đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng tiến sĩ và thạc sĩ được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

*Bảng 12. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp*

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2023-2024 | 2022-2023 |
| **Tổng số** | | **401** | **551** |
| **Khoa KH & KT Địa chất** | | **34** | **31** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 28 | 26 |
| 2 | Địa chất học | 6 | 4 |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | - | 1 |
| **Khoa Dầu khí và Năng lượng** | | **18** | **11** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | 12 | 3 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 5 | 4 |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | 1 | 4 |
| **Khoa Cơ - Điện** | | **9** | **27** |
| 7 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | - |
| 8 | Kỹ thuật điện | 9 | 19 |
| 9 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | - | 8 |
| 10 | Kỹ thuật cơ khí | - | - |
| **Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ** | | **137** | **203** |
| 11 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 62 | 94 |
| 12 | Bản đồ viễn thám và hệ TTĐL | 33 | 30 |
| 13 | Quản lý đất đai | 42 | 79 |
| **Khoa Mỏ** | | ***4*** | ***19*** |
| 14 | Khai thác mỏ | - | 15 |
| 15 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 4 | 4 |
| **Khoa Môi trường** | | ***11*** | ***16*** |
| 16 | Kỹ thuật môi trường | 11 | 16 |
| **Khoa Công nghệ thông tin** | | ***7*** | ***9*** |
| 17 | Địa tin học | 7 | 9 |
| **Khoa Xây dựng** | | ***42*** | ***19*** |
| 18 | Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm | 8 | 13 |
| 19 | Kỹ thuật xây dựng | 34 | 6 |
| **Khoa Kinh tế - QTKD** | | ***81*** | ***216*** |
| 20 | Quản lý kinh tế | 81 | 216 |

*Bảng 13. Số lượng NCS đã tốt nghiệp*

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2023-2024 | 2022-2023 |
| **Tổng số** | | **15** | **17** |
| **Khoa KH và KT Địa chất** | | ***9*** | ***2*** |
| 1 | Kỹ thuật địa chất | 7 | 1 |
| 2 | Địa chất học | 2 | 1 |
| 3 | Khoáng vật học và địa hóa học | | |

| TT | Ngành đào tạo | Tốt nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | 2023-2024 | 2022-2023 |
| **Khoa Dầu khí và Năng lượng** | | ***1*** | ***1*** |
| 4 | Kỹ thuật dầu khí | | 1 |
| 5 | Kỹ thuật địa vật lý | 1 | |
| 6 | Kỹ thuật hóa học | | |
| **Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ** | | ***3*** | ***5*** |
| 7 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 3 | 5 |
| **Khoa Mỏ** | | | ***2*** |
| 8 | Khai thác mỏ | | 1 |
| 9 | Kỹ thuật tuyển khoáng | | 1 |
| **Khoa Cơ - Điện** | | | ***4*** |
| 10 | Kỹ thuật điện | | 2 |
| 11 | Kỹ thuật cơ khí động lực | | |
| 12 | Kỹ thuật điều khiển và TĐH | | 2 |
| **Khoa Xây dựng** | | | |
| 13 | Kỹ thuật xây dựng CTN | | |
| **Khoa Kinh tế - QTKD** | | ***2*** | ***3*** |
| 14 | Quản lý kinh tế | 2 | 3 |

***3.1.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2023 - 2024***

Trong năm học 2023 – 2024, Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học **1.041** sinh viên.

*Bảng 14. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học*

| TT | Khoa | SV học đúng tiến độ 2022-2023 | SV buộc thôi học 2022-2023 | SV học đúng tiến độ 2023-2024 | SV buộc thôi học 2023-2024 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cơ - Điện | 3089 | 256 | 1452 | 197 |
| 2 | Công nghệ thông tin | 4437 | 340 | 2503 | 234 |
| 3 | Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 378 | 83 | 163 | 57 |
| 4 | Khoa học cơ bản | 17 | 0 | 40 | 5 |
| 5 | Dầu khí và Năng lượng | 731 | 98 | 162 | 30 |
| 6 | Kinh tế - Quản trị Kinh doanh | 5588 | 347 | 3080 | 243 |
| 7 | Mỏ | 1074 | 58 | 410 | 42 |
| 8 | Môi trường | 247 | 20 | 109 | 18 |
| 9 | Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 961 | 132 | 447 | 99 |
| 10 | Xây dựng | 774 | 103 | 274 | 98 |
| 11 | Chương trình tiên tiến | | | 23 | 18 |
| | **Tổng số** | **17.296** | **1.437** | **8.663** | **1.041** |

Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã làm các thủ tục xử lý cho thôi học đối với **34** HVCH và **9** NCS, đã làm các thủ tục kéo dài cho nhiều HVCH và NCS. Nguyên nhân do nhiều HVCH và NCS còn chưa dành đủ thời gian trong học tập, nghiên cứu và một số chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ theo quy định.

***3.1.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới***

***a) Đào tạo đại học***

Nhà trường ngày càng chú trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy và học tập theo hướng có lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến công tác mở ngành được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung. Nhà trường đẩy mạnh công tác xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập.

***b) Đào tạo sau đại học***

Việc tổ chức giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Mặc dù quy mô đào tạo giảm nhưng khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2023-2024 tăng hơn so với năm học trước do số lớp/số nhóm học tập tăng lên.

Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã tổ chức được 02 lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn sau đại học với số lượng là 54 học viên. Số lượng các lớp đào tạo chuyên đề ngắn hạn chưa nhiều do chưa đẩy mạnh công tác truyền thông nắm bắt nhu cầu đào tạo của các đơn vị và các doanh nghiệp, chưa có chế độ đãi ngộ hợp lý cho cá nhân hoặc đơn vị liên kết tổ chức đào tạo các chuyên đề ngắn hạn.

Năm học 2023-2024, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo mới 02 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ là ngành Kỹ thuật môi trường và ngành Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý, nâng tổng số ngành đào tạo của Trường là 16 ngành trình độ tiến sĩ và 20 ngành trình độ thạc sĩ. Hiện nay, Nhà trường đã hoàn thành việc xây dựng Đề án và đang trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mới ngành Kỹ thuật xây dựng trình độ tiến sĩ.

*Bảng 15. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo mở mới*

| TT | Tên ngành, chuyên ngành | Trình độ đào tạo | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Kỹ thuật môi trường | Tiến sĩ | Bộ GD&ĐT |
| 2 | Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý | Tiến sĩ | |

### *3.1.6. Công tác giáo trình, bài giảng*

***a) Đào tạo đại học***

*Bảng 16. Giáo trình/sách đào tạo đại học cấp Nhà xuất bản*

| Khoa | Trong trường | Ngoài trường |
|---|---|---|
| Công nghệ thông tin | 0 | 0 |
| Cơ - Điện | 0 | 0 |
| Dầu khí và Năng lượng | 2 | 0 |
| Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 0 | 0 |
| Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 4 | 2 |
| Mỏ | 1 | 0 |
| Môi trường | 0 | 0 |
| Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 3 | 0 |

| Khoa | Trong trường | Ngoài trường |
|---|---|---|
| Xây dựng | 0 | 0 |
| Khoa học cơ bản | 2 | 0 |
| Lý luận chính trị | 0 | 0 |
| Giáo dục quốc phòng | 1 | 0 |
| **Tổng số** | **12** | **2** |

***b) Đào tạo sau đại học***

Việc chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật các thông tin, dữ liệu mới vào trong các bài giảng, cũng như biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo cấp Nhà xuất bản còn rất hạn chế. Trong năm học 2023-2024 chỉ có 04 giáo trình giảng dạy sau đại học cấp Nhà xuất bản được xuất bản.

*Bảng 17. Giáo trình giảng dạy sau đại học cấp Nhà xuất bản*

| TT | Tên giáo trình | Tác giả | Ngành đào tạo |
|---|---|---|---|
| 1 | Tuyển cấp hạt mịn | 1. PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung (Chủ biên)<br>2. TS Phạm Thanh Hải<br>3. TSKH Đinh Ngọc Đăng | Kỹ thuật tuyển khoáng |
| 2 | Các phương pháp hiện đại trong phân tích và xử lý số liệu đo đạc mặt đất và GPS/GNSS | 1. GS.TSKH Hoàng Ngọc Hà (Chủ biên) | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ |
| 3 | Xử lý dữ liệu GNSS: Lý thuyết, phần mềm và ứng dụng | 1. TS. Nguyễn Gia Trọng (Chủ biên)<br>2. PGS.TS Lê Đức Tình<br>3. TS Nguyễn Văn Cương<br>4. ThS Phạm Ngọc Quang | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ |
| 4 | Công nghệ quét laser mặt đất và các ứng dụng | 1. TS. Trần Hồng Hạnh (Chủ biên)<br>2. TS Ngô Sỹ Cường<br>3. PGS.TS Trần Xuân Trường<br>4. TS Trần Trung Anh | Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý |
| 5 | Công nghệ khai thác cơ giới hóa đồng bộ hạ trần thu hồi than nóc; | 1. GVC.TS. Vũ Trung Tiến (chủ biên);<br>2. TS. Đỗ Anh Sơn;<br>3. GVC.TS. Bùi Mạnh Tùng;<br>4. TS. Phạm Đức Hưng;<br>5. TS. Nguyễn Phi Hùng;<br>6. TS. Lê Tiến Dũng; | Khai thác mỏ |

***3.2. Những tồn tại***

***a) Đào tạo đại học***

- Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả, bền vững trong công tác tư vấn tuyển sinh đại học và sau đại học (đặc biệt là một số ngành truyền thống).

- Sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng trong công tác quản lý đào tạo, quản lý người học, các khoa và bộ môn quản lý chuyên môn chưa tốt.

- Chưa quyết liệt trong việc triển khai hình thức đào tạo E-learning trong Nhà trường.

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo, khảo thí, kiểm định CTĐT còn thiếu và chưa đồng bộ.

***b) Đào tạo sau đại học***

- Nhu cầu xã hội hiện nay đối với các ngành nghề đào tạo của Nhà trường có xu hướng giảm, sinh viên ra trường không làm việc đúng chuyên môn được đào tạo vì vậy nguồn tuyển hạn chế; các cơ sở đào tạo có cùng ngành đào tạo với Nhà trường mở rộng tuyển sinh. Bên cạnh đó, do việc thay đổi Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, yêu cầu tiêu chí chuẩn đầu vào và đầu ra về ngoại ngữ đối với học viên cao học tăng lên nên số lượng dự tuyển giảm đi rõ rệt so với những năm trước.

- Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp. Vẫn còn tình trạng một số giảng viên dạy không đúng lịch học tập được phân công, dạy dồn giờ và thậm chí rút bớt số giờ dạy theo quy định.

- Tình trạng nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập và nghiên cứu không đúng tiến độ, chậm tốt nghiệp chiếm tỷ lệ còn cao, đặc biệt là đối với NCS.

- Công tác mở mới các ngành đào tạo trình độ sau đại học của Nhà trường nhằm đáp ứng với nhu cầu xã hội và đa dạng hóa ngành nghề đào tạo của Nhà trường còn hạn chế do thiếu đội ngũ cán bộ cơ hữu chưa được bổ sung kịp thời để phù hợp với các ngành dự định mở mới;

- Sự gắn kết giữa công tác đào tạo sau đại học nói chung, đào tạo nghiên cứu sinh nói riêng với công tác nghiên cứu khoa học đã được tăng cường nhưng còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các ngành đào tạo của Nhà trường;

- Việc triển khai và hoàn thiện xây dựng phần mềm để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo sau đại học còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo chung của Nhà trường.

***3.3. Giải pháp***

***a) Đào tạo Đại học***

- Tiếp tục triển khai các giải pháp quảng bá, tư vấn tuyển sinh phù hợp, hiệu quả với mục tiêu tuyển được ít nhất 2.500 sinh viên đại học chính quy.

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung bài giảng điện tử, tăng cường triển khai công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh với mục tiêu tuyển được ít nhất 50 sinh viên đại học từ xa.

- Tăng cường tập huấn sử dụng Edusoft tại các khoa, phối hợp xây dựng các modul trên nền tảng di động phục vụ sinh viên và giảng viên.

- Xây dựng mới các CTĐT theo hướng liên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp.

- Phân cấp quản lý nhằm nâng cao trách nhiệm, phát huy động lực và tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu các đơn vị.

- Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý; xây dựng tiêu chí và thực hiện đánh giá giảng viên thường xuyên; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giảng viên bậc cao.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, hỗ trợ tư vấn tuyển sinh. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ, xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo.

***Về chương trình đào tạo:*** (1) Thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo để phù hợp với quy định về chuẩn nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục

và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. (2) Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học, với nhu cầu xã hội và với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.(3) Tăng cường công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.

***Về ứng dụng công nghệ thông tin:*** Hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản lý, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hệ thống quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Xây dựng lộ trình phát triển hệ thống đào tạo từ xa và bài giảng đa phương tiện; đẩy mạnh số hóa giáo trình, tài liệu tham khảo.

***Về hội nhập khu vực và quốc tế :*** Mở rộng và tăng cường hợp tác với các đối tác trong khu vực và quốc tế. Xây dựng cơ chế thu hút các chuyên gia nước ngoài, Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường, đặc biệt giảng dạy cho các chương trình đào tạo. Từng bước tạo lập môi trường đào tạo quốc tế.

***b) Đào tạo sau đại học***

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp.
- Tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, tư vấn tuyển sinh. Xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo, bồi dưỡng sau đại học với nhu cầu xã hội và với các doanh nghiệp.
- Chú trọng công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.
- Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo sau đại học để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.
- Chú trọng và thực hiện chặt chẽ hơn nữa việc thực hiện quy chế giảng dạy, học tập và nghiên cứu; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo; thực hiện tốt công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của học viên, từ đó đề ra các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến công tác lập và điều hành kế hoạch đào tạo cho hợp lý và khoa học hơn.

## 4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

### *4.1. Những kết quả đạt được*

#### *4.1.1. Công tác khảo thí*

Trong năm học 2023-2024, công tác khảo thí hệ đại học được triển khai theo kế hoạch đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Đối với hệ sau đại học, phần lớn các lớp cao học khóa 46, 47 (HK1, HK2) và các lớp khóa 48 (HK1) đã được tổ chức thi tập trung, trực tiếp.

*Đối với bậc đại học, hệ chính quy,* Nhà trường đã triển khai công tác khảo thí đối với tất cả các học phần có tổ chức giảng dạy trong học kỳ ngoại trừ các học phần thực hành, thực tập, đồ án, thí nghiệm. Để triển khai tốt công tác khảo thí, Nhà trường đã kịp thời điều chỉnh các văn bản, ban hành Quy định công tác khảo thí Trường Đại học Mỏ-Địa chất theo Quyết định số 1298/QĐ-MĐC ngày 20/12/2021.

Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được điều chỉnh hình thức thi theo đề nghị của các bộ môn chủ quản để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

*Bảng 18. Tổng hợp hình thức thi, bài thi theo lịch thi các đợt trong năm học 2023-2024*

| Học kỳ | Hình thức thi | Số phòng thi | | Số thí sinh | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 2022-2023 | 2023-2024 | 2022-2023 | 2023-2024 |
| Học kỳ 1A | Thực hành trên máy | 24 | 10 | 1007 | 127 |
| | Trắc nghiệm | 67 | 74 | 3253 | 2555 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 107 | 78 | 5581 | 4404 |
| | Tự luận | 87 | 137 | 2815 | 5210 |
| | Vấn đáp | 7 | 44 | 261 | 2129 |
| Học kỳ 1B | Thực hành trên máy | 25 | 10 | 1305 | 66 |
| | Trắc nghiệm | 376 | 274 | 25068 | 14705 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 110 | 203 | 8820 | 12511 |
| | Tự luận | 379 | 497 | 21662 | 24194 |
| | Vấn đáp | 74 | 105 | 3599 | 8012 |
| Học kỳ 2A | Thực hành | 2 | 4 | 58 | 204 |
| | Thực hành trên máy | 1 | 2 | 9 | 64 |
| | Trắc nghiệm | 48 | 37 | 3179 | 2202 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 18 | 22 | 1309 | 1245 |
| | Tự luận | 100 | 143 | 4404 | 7488 |
| | Vấn đáp | 12 | 19 | 397 | 879 |
| Học kỳ 2B | Thực hành | 20 | | 925 | |
| | Thực hành trên máy | 2 | 21 | 93 | 708 |
| | Trắc nghiệm | 249 | 243 | 16853 | 14305 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 121 | 126 | 9756 | 7902 |
| | Tự luận | 446 | 429 | 21163 | 16524 |
| | Vấn đáp | 126 | 122 | 7653 | 7292 |
| Học kỳ phụ | Thực hành | 1 | 1 | 66 | 39 |
| | Thực hành trên máy | - | | - | - |
| | Trắc nghiệm | 23 | 18 | 1051 | 688 |
| | Trắc nghiệm + Tự luận | 12 | 17 | 740 | 849 |
| | Tự luận | 26 | 42 | 996 | 2928 |
| | Vấn đáp | 5 | 13 | 248 | 570 |
| **Tổng số** | | **2.468** | **2.691** | **142.271** | **137.800** |

Kết thúc năm học 2023-2024, tổng số bài thi thuộc diện khảo thí (137800 số lượt SV dự thi) giảm nhẹ so với năm học trước 4471 số lượt SV dự thi (giảm 3,1%) (Bảng I.22). Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi.

Công tác chấm thi tập trung, trực tiếp cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: khẩn trương dán phách bài thi ngay sau khi buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Hầu như toàn bộ các giảng viên tham gia công tác khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, hoàn thành công tác chấm thi trong vòng 2 tuần sau khi kỳ thi kết thúc theo quy định. Công tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát công tác chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc của sinh viên.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Thời gian nhận đơn và chấm bài phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được cập nhật trên hệ thống chung của toàn Trường. Số bài đăng ký phúc khảo chiếm tỷ lệ từ 0,057-0,51% ; cả năm học là 493 bài chiếm tỷ lệ trung bình 0,36%, cao hơn so với năm học trước (0,28%). Sự thay đổi điểm sau phúc khảo nhỏ, chủ yếu là sai sót cơ học do giảng viên chấm bài cộng sót điểm. Số liệu phúc khảo bài thi trong năm học vừa qua như sau:

*Bảng 19. Tổng hợp số liệu bài phúc khảo các đợt thi kết thúc học kỳ năm học 2023-2024*

| Học kỳ | Số bài thi | Đăng ký phúc khảo | | Tăng điểm trong số bài phúc khảo | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Số bài | Tỷ lệ % | Số bài | Tỷ lệ % |
| 1A | 14425 | 51 | 0,35 | 10 | 19,60 |
| 1B | 59488 | 186 | 0,31 | 40 | 21,50 |
| 2A | 12082 | 7 | 0,06 | 2 | 28,57 |
| 2B | 46770 | 243 | 0,51 | 18 | 7,40 |
| HK phụ | 5035 | 6 | 0,11 | 0 | 0 |
| **Tổng số** | **13.7800** | **493** | **0,36** | **70** | **14,20** |

***Đối với hệ VLVH,*** công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy định công tác khảo thí đối với hệ chính quy, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm liên kết xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VLVH, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi kết thúc học phần được giảng viên gửi Phòng ĐBCLGD kèm đề thi, đáp án và bài thi để Phòng cập nhật điểm thi và phục vụ công tác lưu giữ bài thi theo quy định.

***Đối với bậc sau đại học,*** công tác tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện do Phòng ĐBCLGD phối hợp cùng Phòng ĐTSĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Nhà trường đã tổ chức thi kết thúc học phần cho các lớp cao học với tổng số bài thi 7.864. Từ K46, Phòng ĐBCLGD đã chủ động xếp lịch thi và công bố lịch thi trực tuyến sớm để học viên, giảng viên chủ động theo dõi trên hệ thống Edusoft.

*Bảng 20. Tổng hợp thông tin thi kết thúc học phần các lớp cao học năm học 2023-2024*

| TT | Khóa / Kỳ thi | Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần | Số lượt học viên dự thi |
|---|---|---|---|
| 1 | K46/HK1 | 30/9 – 1/10/2023 | 1764 |
| 2 | K46/HK2 | 13/1 – 25/2/2024 | 2070 |
| 3 | K47/HK1 | 06/4 – 14/4/2024 | 1170 |
| 4 | K47/HK2 | 16/8 – 18/8/2024 | 1166 |
| 5 | K48/HK1 | 20/9 – 29/9-2024 | 1694 |
| **Tổng số** | | | **7864** |

***Nhận xét, đánh giá chung:***

- Công tác khảo thí đại học và sau đại học trong năm học vừa qua đã được triển khai tốt theo kế hoạch năm học. Khối lượng bài khảo thí lớn 145.664 bài (137.800 bài thi đại học và 7.864 bài thi cao học); số bài thi đại học có nhu cầu phúc khảo rất nhỏ (493 bài), chiếm 0,36%. Kết quả phúc khảo có tỷ lệ bài thay đổi điểm 14,20% (70/493) và không có cán bộ chấm thi nào bị trừ điểm KPIs vì lý do làm thay đổi điểm thi giữa đợt chấm chính thức và đợt chấm phúc khảo.

- Tiến hành phân tích thống kê đối với 789 học phần tổ chức khảo thí hệ đại học chính quy năm học 2023-2024 cho thấy có 33,5% (264/789 học phần) có số bài thi > 92 bài (mẫu đại diện), cho phép phân tích điểm thi kết thúc học kỳ đối với các học phần có số SV > 120. Kết quả thống kê 264 học phần này cho thấy, có 46 học phần (17926 /137800 bài thi chiếm 13%) có điểm thi kết thúc học phần thuộc diện thấp và rất thấp (Mean, Median và Mode đều < 5,0). Có 17/46 học phần cũng đã có điểm thi rất thấp trong năm học 2022-2023. Ngược lại, có 61 học phần (21.936/137.800 bài thi chiếm 16%; có điểm thi kết thúc học phần thuộc loại cao - rất cao (Mean, Median và Mode đều > 7,0). Trong đó có 25/61 học phần thuộc diện đã có điểm thi cao - rất cao trong năm học 2022-2023.

- Phân tích thống kê điểm thi cho thấy, cần tiếp tục triển khai rà soát, đổi mới hình thức ra đề thi; thường xuyên cập nhật ngân hàng câu hỏi đề thi - đáp án; điều chỉnh giảm mức độ khó của câu hỏi đề thi đối với 46 học phần (Bảng 4.4); điều chỉnh tăng mức độ khó của câu hỏi đề thi đối với 61 học phần (Bảng 4.5). Đặc biệt lưu ý đối với các học phần có điểm thi thấp/cao từ năm học trước mà năm nay vẫn xuất hiện; đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm giúp người học đạt được CĐR học phần được tốt hơn.

*Bảng 21. Dữ liệu thống kê đối với 264 học phần có số bài > 92 cho thấy trong năm học 2023-2024 có 46 học phần có điểm thi kết thúc học phần thấp và rất thấp. Trong đó có 17 học phần cũng có điểm thi thấp trong năm học 2022-2023. Đề thi của các học phần này cần được rà soát, điều chỉnh cho dễ hơn. N = số bài thi; Mean = Trung bình số học; Median = Trung vị; Mode = Trung trình có tần xuất lớn nhất.*

| TT | Mã học phần | Năm học 2023-2024 | | | | Năm học 2022-2023 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | N | Mean < 5 | Median < 5 | Mode < 5 | N | Mean < 5 | Median < 5 | Mode < 5 |
| 1 | 7010103 | 1499 | 4.2 | 4.0 | 1.0 | . | . | . | . |
| 2 | 7010110 | 117 | 4.8 | 4.0 | 3.0 | 107.0 | 3.2 | 2.5 | 1.0 |
| 3 | 7010111 | 699 | 4.8 | 4.5 | 3.0 | . | . | . | . |
| 4 | 7010114 | 379 | 3.6 | 3.5 | 2.5 | . | . | . | . |
| 5 | 7010120 | 1396 | 3.9 | 3.5 | 2.0 | . | . | . | . |
| 6 | 7010204 | 1777 | 3.5 | 3.0 | 2.0 | . | . | . | . |
| 7 | 7010304 | 2214 | 4.3 | 4.0 | 3.5 | . | . | . | . |
| 8 | 7010403 | 636 | 3.6 | 3.0 | 2.0 | . | . | . | . |
| 9 | 7010404 | 232 | 2.9 | 3.0 | 1.0 | 158.0 | 2.8 | 3.0 | 1.0 |
| 10 | 7010407 | 124 | 2.8 | 3.0 | 2.0 | 133.0 | 4.1 | 4.0 | 2.5 |
| 11 | 7010505 | 315 | 3.0 | 2.0 | 2.0 | . | . | . | . |
| 12 | 7010506 | 143 | 3.9 | 4.0 | 2.0 | . | . | . | . |
| 13 | 7030501 | 198 | 3.8 | 4.0 | 3.0 | 94.0 | 3.8 | 4.0 | 2.0 |
| 14 | 7030503 | 241 | 3.5 | 3.0 | 1.0 | 325.0 | 3.5 | 3.0 | 1.0 |
| 15 | 7030504 | 220 | 2.8 | 2.5 | 1.0 | 96.0 | 3.0 | 2.8 | 2.0 |
| 16 | 7070105 | 1306 | 4.4 | 4.0 | 4.0 | . | . | . | . |
| 17 | 7070322 | 160 | 4.1 | 4.0 | 3.0 | 141.0 | 4.6 | 4.5 | 4.5 |
| 18 | 7070328 | 152 | 4.1 | 4.0 | 4.0 | . | . | . | . |
| 19 | 7070408 | 133 | 4.1 | 4.0 | 4.0 | . | . | . | . |
| 20 | 7070447 | 290 | 4.4 | 4.0 | 4.0 | . | . | . | . |
| 21 | 7070455 | 277 | 4.8 | 4.8 | 4.0 | . | . | . | . |
| 22 | 7080216 | 659 | 4.5 | 4.2 | 3.5 | . | . | . | . |
| 23 | 7080633 | 121 | 4.6 | 4.5 | 2.0 | 96.0 | 4.3 | 4.0 | 0.0 |

| TT | Mã học phần | Năm học 2023-2024 | | | | Năm học 2022-2023 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | N | Mean < 5 | Median < 5 | Mode < 5 | N | Mean < 5 | Median < 5 | Mode < 5 |
| 24 | 7090101 | 99 | 3.2 | 3.0 | 3.0 | . | . | . | . |
| 25 | 7090115 | 182 | 3.6 | 3.5 | 4.0 | 136.0 | 2.7 | 2.0 | 0.5 |
| 26 | 7090118 | 154 | 2.6 | 2.5 | 1.0 | 119.0 | 3.7 | 4.0 | 4.0 |
| 27 | 7090122 | 117 | 4.4 | 4.5 | 4.0 | . | . | . | . |
| 28 | 7090181 | 134 | 3.3 | 3.0 | 3.0 | . | . | . | . |
| 29 | 7090201 | 195 | 4.0 | 4.0 | 4.5 | 298.0 | 3.9 | 3.5 | 3.5 |
| 30 | 7090206 | 338 | 2.6 | 2.0 | 0.5 | 114.0 | 2.5 | 2.5 | 2.5 |
| 31 | 7090207 | 294 | 4.1 | 4.0 | 3.0 | . | . | . | . |
| 32 | 7090208 | 141 | 3.6 | 4.0 | 4.0 | . | . | . | . |
| 33 | 7090211 | 262 | 3.2 | 3.0 | 2.0 | 326.0 | 2.9 | 3.0 | 2.0 |
| 34 | 7090213 | 262 | 3.6 | 3.5 | 3.5 | . | . | . | . |
| 35 | 7090215 | 277 | 3.3 | 3.0 | 3.0 | . | . | . | . |
| 36 | 7090233 | 199 | 3.8 | 3.5 | 4.0 | 290.0 | 3.3 | 3.0 | 3.0 |
| 37 | 7090235 | 301 | 4.3 | 4.0 | 3.0 | 117.0 | 4.3 | 4.0 | 4.0 |
| 38 | 7090236 | 114 | 3.7 | 3.4 | 2.9 | . | . | . | . |
| 39 | 7090242 | 167 | 4.5 | 4.5 | 3.5 | . | . | . | . |
| 40 | 7090288 | 102 | 1.7 | 1.0 | 1.0 | . | . | . | . |
| 41 | 7090304 | 293 | 4.0 | 4.0 | 3.6 | . | . | . | . |
| 42 | 7090312 | 252 | 4.6 | 4.8 | 4.8 | . | . | . | . |
| 43 | 7090316 | 309 | 3.7 | 3.6 | 4.0 | 352.0 | 4.1 | 4.0 | 3.6 |
| 44 | 7090405 | 166 | 4.6 | 4.5 | 2.0 | . | . | . | . |
| 45 | 7090422 | 131 | 3.3 | 3.0 | 2.0 | 136.0 | 2.6 | 2.3 | 1.0 |
| 46 | 7090521 | 149 | 3.6 | 4.0 | 3.0 | . | . | . | . |
| **Tổng số** | | **17.926** | | | | **3.038** | | | |

*Bảng 22. Dữ liệu thống kê đối với 264 học phần có số bài > 92 cho thấy trong năm học 2023-2024 có 61 học phần có điểm thi kết thúc học phần thuộc loại cao - rất cao. Trong đó có 25 học phần cũng có điểm thi cao – rất cao trong năm học 2022-2023. Đề thi của các học phần này cần được rà soát, điều chỉnh tăng độ khó hơn. N = số bài thi; Mean = Trung bình số học; Median = Trung vị; Mode = Trung trình có tần xuất lớn nhất.*

| TT | Mã học phần | Năm học 2023-2024 | | | | Năm học 2022-2023 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | N | Mean > 7 | Median > 7 | Mode > 7 | N | Mean > 7 | Median > 7 | Mode > 7 |
| 1 | 7000001 | 226 | 8.1 | 8.0 | 8.0 | 181 | 7.4 | 7.5 | 8.0 |
| 2 | 7000002 | 1391 | 8.2 | 8.5 | 9.0 | 465 | 8.2 | 8.5 | 9.0 |
| 3 | 7000003 | 869 | 8.1 | 8.0 | 8.0 | 591 | 7.4 | 7.5 | 8.0 |
| 4 | 7000005 | 326 | 7.4 | 7.5 | 7.5 | 383 | 7.2 | 7.5 | 7.5 |
| 5 | 7010603 | 284 | 7.4 | 7.6 | 8.4 | . | . | . | . |
| 6 | 7010604 | 230 | 7.1 | 7.4 | 8.4 | . | . | . | . |
| 7 | 7010607 | 428 | 7.3 | 7.9 | 10.0 | 239 | 7.3 | 7.7 | 10.0 |
| 8 | 7050301 | 239 | 7.6 | 7.8 | 8.0 | . | . | . | . |
| 9 | 7050502 | 120 | 8.1 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |

| TT | Mã học phần | Năm học 2023-2024 | | | | Năm học 2022-2023 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | N | Mean > 7 | Median > 7 | Mode > 7 | N | Mean > 7 | Median > 7 | Mode > 7 |
| 10 | 7050602 | 99 | 7.7 | 8.0 | 9.5 | . | . | . | . |
| 11 | 7050608 | 139 | 7.1 | 7.5 | 8.0 | . | . | . | . |
| 12 | 7050610 | 129 | 7.4 | 8.0 | 9.0 | . | . | . | . |
| 13 | 7050637 | 120 | 7.7 | 8.0 | 9.0 | . | . | . | . |
| 14 | 7050651 | 98 | 7.6 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 15 | 7070107 | 1038 | 7.0 | 7.5 | 8.5 | . | . | . | . |
| 16 | 7070205 | 545 | 7.6 | 7.8 | 8.5 | . | . | . | . |
| 17 | 7070214 | 1146 | 7.4 | 7.5 | 7.5 | 1938 | 7.2 | 7.3 | 8.0 |
| 18 | 7070220 | 212 | 7.9 | 8.0 | 7.5 | 135 | 7.5 | 7.5 | 8.5 |
| 19 | 7070227 | 419 | 8.3 | 8.4 | 9.0 | 176 | 8.1 | 8.2 | 8.4 |
| 20 | 7070228 | 419 | 7.7 | 7.8 | 8.0 | 170 | 7.1 | 7.2 | 7.4 |
| 21 | 7070229 | 418 | 7.7 | 8.0 | 8.0 | 170 | 8.7 | 9.0 | 9.0 |
| 22 | 7070231 | 151 | 7.9 | 8.0 | 8.0 | 108 | 7.9 | 8.0 | 8.0 |
| 23 | 7070233 | 260 | 7.3 | 7.4 | 8.0 | . | . | . | . |
| 24 | 7070301 | 124 | 7.4 | 7.5 | 8.0 | . | . | . | . |
| 25 | 7070302 | 128 | 7.7 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 26 | 7070330 | 336 | 7.2 | 7.5 | 7.5 | 180 | 7.6 | 7.5 | 8.0 |
| 27 | 7070335 | 422 | 7.9 | 8.0 | 8.0 | 717 | 7.3 | 7.5 | 8.0 |
| 28 | 7070338 | 252 | 8.0 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 29 | 7070342 | 244 | 7.4 | 7.5 | 7.5 | . | . | . | . |
| 30 | 7070346 | 96 | 8.1 | 8.0 | 8.0 | 260 | 7.8 | 8.0 | 8.0 |
| 31 | 7070429 | 326 | 7.4 | 8.0 | 8.5 | 164 | 7.5 | 8.0 | 9.0 |
| 32 | 7070444 | 310 | 7.3 | 7.5 | 7.5 | . | . | . | . |
| 33 | 7080108 | 256 | 7.5 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 34 | 7080115 | 131 | 7.2 | 7.5 | 8.0 | 110 | 8.6 | 9.0 | 9.0 |
| 35 | 7080121 | 378 | 8.8 | 9.0 | 9.0 | . | . | . | . |
| 36 | 7080122 | 1183 | 8.8 | 9.0 | 9.5 | 569 | 7.6 | 7.5 | 7.5 |
| 37 | 7080123 | 94 | 7.1 | 7.5 | 7.5 | . | . | . | . |
| 38 | 7080205 | 102 | 8.2 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 39 | 7080211 | 641 | 8.4 | 8.5 | 8.8 | . | . | . | . |
| 40 | 7080214 | 127 | 7.7 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 41 | 7080220 | 216 | 7.8 | 8.0 | 7.5 | . | . | . | . |
| 42 | 7080225 | 624 | 7.3 | 7.5 | 7.5 | . | . | . | . |
| 43 | 7080226 | 1218 | 7.9 | 8.0 | 7.8 | 1318 | 7.3 | 7.5 | 7.5 |
| 44 | 7080234 | 326 | 8.0 | 8.0 | 7.5 | 150 | 7.5 | 7.5 | 8.0 |
| 45 | 7080505 | 128 | 7.6 | 7.8 | 7.8 | 109 | 7.9 | 8.2 | 8.4 |
| 46 | 7080509 | 1314 | 7.1 | 7.3 | 8.0 | . | . | . | . |
| 47 | 7080510 | 228 | 8.0 | 8.4 | 9.3 | 104 | 8.3 | 8.8 | 8.8 |
| 48 | 7080511 | 145 | 7.3 | 7.5 | 9.0 | . | . | . | . |
| 49 | 7080518 | 187 | 8.5 | 8.5 | 8.8 | 123 | 8.0 | 8.0 | 7.3 |
| 50 | 7080605 | 132 | 7.9 | 8.0 | 8.5 | . | . | . | . |
| 51 | 7080627 | 124 | 8.3 | 8.5 | 8.5 | 128 | 8.1 | 8.0 | 8.0 |
| 52 | 7080637 | 104 | 7.6 | 7.5 | 8.0 | . | . | . | . |

| TT | Mã học phần | Năm học 2023-2024 | | | | Năm học 2022-2023 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | N | Mean > 7 | Median > 7 | Mode > 7 | N | Mean > 7 | Median > 7 | Mode > 7 |
| 53 | 7080712 | 679 | 7.3 | 7.3 | 7.3 | 1536 | 7.1 | 7.3 | 7.5 |
| 54 | 7080716 | 109 | 9.8 | 10.0 | 10.0 | . | . | . | . |
| 55 | 7080717 | 1121 | 7.6 | 7.8 | 8.0 | 1507 | 7.4 | 7.5 | 8.0 |
| 56 | 7090507 | 131 | 8.0 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 57 | 7100601 | 124 | 8.3 | 8.5 | 8.5 | . | . | . | . |
| 58 | 7110106 | 123 | 8.0 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 59 | 7110112 | 231 | 7.7 | 8.0 | 8.0 | . | . | . | . |
| 60 | 7110220 | 120 | 8.1 | 8.5 | 9.0 | . | . | . | . |
| 61 | 7110223 | 96 | 8.2 | 8.5 | 8.5 | . | . | . | . |
| **Tổng số** | | **21.936** | | | | **11.531** | | | |

#### *4.1.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học*

Trong năm học 2023-2024, nhằm tạo điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên đặc biệt là những sinh viên khóa cũ đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa đạt Chuẩn đầu ra, Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị chức năng liên tục tổ chức các đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp. Cụ thể, đã tổ chức 6 đợt kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra công nghệ thông tin cho 2.408 lượt sinh viên. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở bảng sau:

*Bảng 23. Số sinh viên tham dự kiểm tra trình độ ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin năm học 2023-2024*

| Đợt kiểm tra | Ngoại ngữ | | | Tin học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ | Số TS dự thi | Số TS đạt | Tỷ lệ |
| Đợt 1 NH 23-24 (10/2023) | 157 | 126 | 80.25% | 182 | 151 | 82.97% |
| Đợt 2 NH 23-24 (10/2023) | 246 | 196 | 79.67% | 188 | 152 | 80.85% |
| Đợt 3 NH 23-24 (12/2023) | 349 | 280 | 80.23% | 198 | 164 | 82.83% |
| Đợt 4 NH 23-24 (01/2024) | 35 | 35 | 100.00% | 36 | 36 | 100.00% |
| Đợt 5 NH 23-24 (03/2024) | 322 | 133 | 41.30% | 266 | 203 | 76.32% |
| Đợt 6 NH 23-24 (06/2024) | 287 | 186 | 64.81% | 142 | 118 | 83.10% |
| **Tổng số** | **1.396** | **956** | **68,48%** | **1.012** | **824** | **81,42%** |

Từ bảng thống kê cho thấy, tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 1.396 sinh viên, số sinh viên đạt là 956 sinh viên, chiếm tỷ lệ 68,48%; tổng số sinh viên dự thi tin học là 1.012 sinh viên, số sinh viên đạt là 824 sinh viên, chiếm tỷ lệ 81,42%.

*Bảng 24. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, tin học năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024*

| | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | **Tăng/Giảm** |
|---|---|---|---|
| **Tổng số** | **2.838** | **2.408** | **-430** |
| Ngoại ngữ | 1.458 | 1.396 | -62 |
| Tin học | 1.380 | 1.012 | -368 |
| **Số thí sinh đạt** | **2.160** | **1.780** | **-380** |
| Ngoại ngữ | 1.051 | 956 | -95 |
| Tin học | 1.109 | 824 | -285 |

So với năm học trước, số lượng sinh viên tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ giảm, điều này kéo theo số lượng sinh viên đạt Chuẩn đầu ra cũng giảm.

Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong năm học 2023-2024, Trung tâm NNTH cũng đã phối hợp tổ chức 02 đợt kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ cho 475 sinh viên, trong đó có 169 sinh viên đủ điều kiện học tiếng Anh chính khoá, chiếm tỷ lệ 33,7%. Kết quả kiểm tra là cơ sở để Nhà trường phân loại và sắp xếp các lớp học phù hợp với trình độ của sinh viên.

***- Những tồn tại, hạn chế***

Theo kết quả thống kê đợt xét tốt nghiệp tháng 8 năm 2024, thực trạng sinh viên còn nợ Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra CNTT như sau: số sinh viên nợ Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ là 1.843 sinh viên, số sinh viên nợ Chuẩn đầu ra CNTT là 1.253 sinh viên, đặc biệt trong số những sinh viên này thì phần lớn là những sinh viên đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra.

Đây là một con số khá lớn phản ánh thực tế hiện nay không ít sinh viên không còn xem việc lấy bằng tốt nghiệp là một việc hệ trọng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc sinh viên bị cuốn vào vòng xoáy việc làm và nhận thấy bằng cấp không còn quan trọng nên mặc dù đã được thông báo, đôn đốc, nhắc nhở tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra để đủ điều kiện xét tốt nghiệp ra trường nhưng hầu hết sinh viên vẫn thờ ơ và chỉ khi yêu cầu công việc cần có bằng cấp thì sinh viên mới quay lại trường để tham gia kiểm tra và lấy bằng tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, theo "Quy định về Chuẩn trình độ ngoại ngữ và Công nghệ thông tin" được ban hành kèm theo Quyết định số 1164/QĐ-MĐC ngày 02/12/2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất thì sinh viên tốt nghiệp từ năm 2024 trở về sau để được công nhận tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Quy định này cũng ảnh hưởng tới tỷ lệ đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên.

***- Giải pháp:*** (1) Phối hợp với các Khoa quản lý sinh viên và các đơn vị chức năng trong Nhà trường tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và liên lạc trực tiếp tư vấn và hỗ trợ sinh viên đăng ký tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra. (2) Tăng cường mở các đợt thi Chuẩn đầu ra trực tiếp kết hợp trực tuyến để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tham gia ngay sau khi chuẩn bị đủ điều kiện và đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định. (3) Đề xuất Nhà trường ra các quy định yêu cầu sinh viên phải hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ và CNTT trước khi được bảo vệ tốt nghiệp. (4) Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

***4.1.3. Công tác đảm bảo chất lượng***

Trong thời gian qua, Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019; Nhà trường đã ban hành quyết định số

1515/QĐ-MĐC ngày 11/11/2019 về Cấu trúc tổ chức, mô hình và hoạt động ĐBCLGD bên trong của Trường. Nhà trường đã ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng bên trong Trường đại học Mỏ - Địa chất năm học 2023-2024 theo quyết định số 1575/QĐ-MĐC ngày 13/10/2023. Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo QĐ số 508/QĐ-MĐC ngày 3/6/2022, trong đó có các mức hỗ trợ công tác ĐBCL cấp CTĐT và cấp Trường đối với các khoa chủ quản CTĐT và các đơn vị chức năng liên quan trong Trường.

*Kiểm định chất lượng giáo dục:* Trong năm học 2023-2024, Nhà trường đã hoàn thành KĐCL cơ sở giáo dục chu kỳ 2 với kết quả "Đạt" và đã được cấp giấy chứng nhận vào tháng 7/2024. Hiện nay, Phòng ĐBCLGD đang triển khai hướng dẫn Tự đánh giá cho 19 chương trình đào tạo.

*Bảng 25. Tổng hợp thông tin tự đánh giá 19 CTĐT*

| TT | Chương trình đào tạo | Trình độ | Khoa chủ quản |
|---|---|---|---|
| 1. | Kỹ thuật địa chất | Đại học | Khoa học và KTĐC |
| 2. | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | Đại học | Cơ - Điện |
| 3. | Kế toán | Đại học | Kinh tế - QTKD |
| 4. | Quản trị kinh doanh | Đại học | Kinh tế và QTKD |
| 5. | Khai thác mỏ | Thạc sĩ | Mỏ |
| 6. | Kỹ thuật địa chất | Thạc sĩ | Khoa học và KTĐC |
| 7. | Kỹ thuật trắc địa | Thạc sĩ | Trắc địa bản đồ và QLĐĐ |
| 8. | Quản lý đất đai | Thạc sĩ | Trắc địa bản đồ và QLĐĐ |
| 9. | Kỹ thuật xây dựng | Thạc sĩ | Xây dựng |
| 10. | Khoa học dữ liệu | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 11. | Quản lý công nghiệp | Đại học | Kinh tế - QTKD |
| 12. | Kỹ thuật cơ điện tử | Đại học | Cơ - Điện |
| 13. | Kỹ thuật cơ khí động lực | Đại học | Cơ - Điện |
| 14. | Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm | Đại học | Xây dựng |
| 15. | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Đại học | Xây dựng |
| 16. | Du lịch địa chất | Đại học | Khoa học và KTĐC |
| 17. | Quản lý tài nguyên và môi trường | Đại học | Môi trường |
| 18. | Địa tin học | Đại học | Trắc địa -Bản đồ và QLĐĐ |
| 19. | Địa kỹ thuật xây dựng | Đại học | Khoa học và KTĐC |

***Cập nhật dữ liệu lên phần mềm*** Quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học: Phòng ĐBCLGD đã triển khai việc cập nhật dữ liệu lên phần mềm theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

***Xếp hạng trường:*** Tháng 8/2020, Phòng ĐBCLGD đã phối hợp với các đơn vị trong toàn trường, hoàn thành việc cung cấp số liệu, tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu, được cấp Chứng nhận vào ngày 18/8/2020. Hiện nay Phòng ĐBCLGD đang rà soát, tiếp tục cập nhật các quy định mới và xây dựng kế hoạch phối hợp với các đơn vị trong toàn trường rà soát mức độ đáp ứng các tiêu chí của hệ thống UPM - Xếp hạng Đại học của Việt Nam.

***Văn bằng chứng chỉ:*** Thực hiện Công văn số 2077/QLCL-QLVBCC ngày 25/12/2023 của Cục trưởng cục Quản lý chất lượng về việc báo cáo thông tin về quản lý văn bằng, chứng chỉ, Nhà trường thực hiện báo cáo văn bằng chứng chỉ theo Quy định của Bộ GDĐT.

*Bảng 26. Tình hình thực hiện in và cấp phôi văn bằng (đến 31/12/2023)*

*Bảng 26a. Phôi văn bằng*

| TT | Loại văn bằng | Số lượng phôi bằng tồn cũ | Số lượng phôi bằng in mới | Số lượng bằng đã cấp cho người học | Số lượng bằng in hỏng | Số lượng phôi bằng chưa sử dụng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kỹ sư | 906 | 5000 | 1229 | 3 | 4674 |
| 2 | Cử nhân | 577 | 2000 | 477 | 2 | 2098 |
| 3 | Thạc sĩ | 1008 | 0 | 772 | 9 | 227 |
| 4 | Tiến sĩ | 62 | 0 | 17 | 1 | 44 |

*Bảng 26b. Phôi Chứng chỉ*

| TT | Loại CC | Số lượng phôi CC tồn cũ | Số lượng phôi CC được cấp/in mới | Số lượng CC đã cấp cho người học | Số lượng CC hỏng | Số lượng phôi CC chưa sử dụng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | GDQP-AN | 2.900 | 0 | 1.240 | 20 | 1.640 |

Trong năm học vừa qua, Phòng ĐBCLGD nghiêm túc thực hiện Kế hoạch thanh tra số 01/KH-ĐKTr ngày 26/12/2023 theo Quyết định số 2297/QĐ-MĐC ngày 25/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra cấp phát phôi và cấp phát các loại văn bằng chứng chỉ, theo yêu cầu của Nhà trường.

Hiện nay Phòng ĐBCLGD đang cùng với các đơn vị trong Trường triển khai xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2024-2025 và Kế hoạch đảm bảo chất lượng dài hạn 2025-2030; Tiếp tục rà soát và triển khai hoạt động có hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong của Nhà trường.

*Bảng 27. Tổng hợp thông tin TĐG, ĐGN, Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD Trường và CTĐT giai đoạn 2018-2025*

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Năm bắt đầu đào tạo | KĐCL Giai đoạn 1 | | Báo cáo giữa kỳ KĐCL | Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD | KĐCL Giai đoạn 2 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | |
| 1 | Quản trị kinh doanh | 7340101 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |
| 2 | Tài chính - Ngân hàng | 7340201 | 2018 | 2018 | 2024 | | | | | | |
| 3 | Kế toán | 7340301 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |
| 4 | Địa chất học | 7440201 | 2018 | 1966 | | | | | | | |
| 5 | Quản lý và phân tích dữ liệu khoa học | 7440229 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 6 | Khoa học dữ liệu | 7460108 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 7 | Công nghệ thông tin | 7480201 | 2018 | 2002 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 8 | Địa tin học | 7480206 | 2019 | 2019 | 2024 | | | | | | |
| 9 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 7510301 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 10 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | 7510401 | 2018 | 2011 | | | | | | | |
| 11 | Quản lý công nghiệp | 7510601 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 12 | Kỹ thuật cơ khí | 7520103 | 2018 | 1966 | 2021 | 24/3/2023 | 9/2025 | 24/3/2028 | 2027 | | |
| 13 | Kỹ thuật cơ điện tử | 7520114 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 14 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 7520116 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 15 | Kỹ thuật ô tô | 7520130 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 16 | Kỹ thuật điện | 7520201 | 2018 | 1966 | 2021 | 24/3/2023 | 9/2025 | 24/3/2028 | 2027 | | |
| 17 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 7520216 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Năm bắt đầu đào tạo | KĐCL Giai đoạn 1 | | Báo cáo giữa kỳ KĐCL | Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD | KĐCL Giai đoạn 2 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | |
| 18 | Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo | 7520218 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 19 | Kỹ thuật hoá học | 7520301 | | 2011 | (2021) | | | | | | |
| 20 | Kỹ thuật môi trường | 7520320 | 2018 | 2011 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 21 | Kỹ thuật địa chất | 7520501 | 2018 | 1966 | 2018 | 14/10/2019 | x | 14/10/2024 | 2023 | | |
| 22 | Kỹ thuật địa vật lý | 7520502 | 2018 | 1966 | | | | | | | |
| 23 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 7520503 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 24 | Đá quý Đá mỹ nghệ | 7520505 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 25 | Kỹ thuật mỏ | 7520601 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 26 | Kỹ thuật dầu khí | 7520604 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 27 | Kỹ thuật khí thiên nhiên | 7520605 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 28 | Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên | 7520606 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 29 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 7520607 | 2018 | 1966 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 30 | Quản lý phát triển đô thị và bất động sản | 7580109 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 31 | Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | 2018 | 2011 | 2020 | 15/12/2020 | 2023 | 15/12/2025 | 2025 | | |
| 32 | Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm | 7580204 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 33 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 7580205 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Năm bắt đầu đào tạo | KĐCL Giai đoạn 1 | | Báo cáo giữa kỳ KĐCL | Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD | KĐCL Giai đoạn 2 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | | | TĐG | ĐGN /GCN KĐCL | |
| 34 | Địa kỹ thuật xây dựng | 7580211 | 2018 | 2018 | 2024 | | | | | | |
| 35 | Kỹ thuật tài nguyên nước | 7580212 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 36 | Quản lý xây dựng | 7580302 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 37 | Hoá dược | 7720203 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 38 | Du lịch địa chất | 7810105 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 39 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 7850101 | 2021 | 2021 | 2025 | | | | | | |
| 40 | Quản lý đất đai | 7850103 | 2018 | 2018 | 2021 | 24/3/2023 | 9/2025 | 24/3/2028 | 2027 | | |
| 41 | An toàn, Vệ sinh lao động | 7850202 | 2022 | 2022 | 2026 | | | | | | |
| 42 | Trường Đại học Mỏ - Địa chất | | | 1966 | 2016 | 31/03/2018 | x | 31/03/2023 | 2023 | 2024 | |
| 43 | Khai thác mỏ (Thạc sĩ) | 8520603 | 2012 | 1991 | 04/2022 | | | | | | |
| 44 | Kỹ thuật địa chất (Thạc sĩ) | 8520501 | 2012 | 1991 | 04/2022 | | | | | | |
| 45 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (Thạc sĩ) | 8520503 | 2012 | 1991 | 04/2022 | | | | | | |
| 46 | Kỹ thuật xây dựng (Thạc sĩ) | | | | 10/2024 | | | | | | |
| 47 | Quản lý đất đai (Thạc sĩ) | | | | 10/2024 | | | | | | |

***Nhận xét, đánh giá chung:***

- Công tác đảm bảo chất lượng CTĐT và CSGD tiếp tục được đẩy mạnh trong năm học vừa qua. Nhiệm vụ ĐBCLGD cần được các Khoa/Bộ môn, giảng viên, sinh viên coi là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường nói chung; cần được quan tâm, triển khai một cách hệ thống và hiệu quả, phục vụ tốt hơn việc kiểm định CSGD, CTĐT và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo (CTĐT/CSGD) trong Trường.

- Kết quả triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sau kiểm định CTĐT còn khiêm tốn. Việc triển khai báo cáo giữa kỳ KĐCL còn chậm và thụ động.

***4.2. Những tồn tại***

- Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

- Quy định về công tác ĐBCLGD Trường, Hội đồng ĐBCL Trường cũng như Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường (mô hình mạng lưới, cơ cấu tổ chức) đã được xây dựng, ban hành nhưng khi triển khai các hoạt động ĐBCL, cải tiến chất lượng còn bộc lộ sự thiếu chuyên nghiệp và hạn chế.

- Việc cải tiến chất lượng sau kiểm định 14 CTĐT đã kiểm định chất lượng các năm 2019, 2020, 2022, 2023 qua còn diễn ra chậm và thụ động. Việc triển khai báo cáo giữa kỳ KĐCL, triển khai hoạt động KĐCL chu kỳ 2 đối với cơ sở giáo dục và CTĐT còn chậm và thụ động.

- Chưa xây dựng được kế hoạch cải tiến chất lượng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT theo theo tiêu chuẩn quốc tế đối với 10% số lượng các CTĐT của Nhà trường.

***4.3. Giải pháp***

- Rà soát, kiện toàn các quy định về công tác ĐBCLGD; vận hành hiệu quả Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Rà soát, xây dựng các quy định bổ sung và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về ĐBCL.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về công tác đảm bảo chất lượng CSGD và CTĐT; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác ĐBCL.

- Thực hiện các nội dung đúng hạn trong kế hoạch ĐBCLGD đã đề ra trong năm học 2024-2025.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào các hoạt động của khảo thí và ĐBCL trong Trường;

- Xây dựng, định kỳ rà soát hệ thống thông tin ĐBCL trong Nhà trường.

- Đăng ký KĐCL 10% số CTĐT với tổ chức KĐCLGD quốc tế, cải tiến chất lượng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT theo theo tiêu chuẩn quốc tế đối với các CTĐT của Nhà trường.

**5. Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp**

***5.1. Những kết quả đạt được***

***5.1.1. Công tác tư vấn tuyển sinh***

Trong năm học qua, Phòng QHCC&DN đã xây dựng kế hoạch truyền thông tư vấn tuyển sinh cụ thể và bài bản. Kế hoạch 26/MĐC-CCDN ngày 22/01/2024 về việc triển khai Kế hoạch truyền thông TVTS năm 2024 được Ban Giám hiệu phê duyệt, ban hành và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.

Năm 2023-2024, theo kế hoạch, Phòng QHCC&DN đã triển khai các hình thức truyền thông tuyển sinh online và truyền thông TVTS trực tiếp, cụ thể:

***a) Truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp:***

- Tham gia chương trình TVTS do Bộ GD&ĐT phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức:

+ Ngày hội TVTS - Hướng nghiệp (Ngày 17/3/2024) tổ chức tại Đại học Bách khoa Hà Nội;

+ Ngày hội Lựa chọn nguyện vọng xét tuyển Đại học, cao đẳng năm 2024 (20/7/2024) tổ chức tại Đại học Bách khoa Hà Nội;

- Tham gia chương trình *"Tư vấn mùa thi, định hướng nghề nghiệp năm 2024"* do Tỉnh đoàn Quảng Ninh tổ chức (20/4/2024).

- Thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 02 trường THPT tại Hà Nội có số lượng sinh viên nhập học vào HUMG cao như: THPT Nguyễn Thị Minh Khai (13/3/2024), THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa (15/3/2024).

- Thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 06 trường THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ngày 20/5/2024 (THPT Tĩnh Gia 1, THPT Tĩnh Gia 2, THPT Tĩnh Gia 3, THPT Tĩnh Gia 4; THPT Lam Kinh, THPT Triệu Sơn 2).

- Tham gia TVTS tại 16 trường THPT trên địa bàn tỉnh Nam Định nơi Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện công tác giám sát kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia bằng hình thức treo Banner có thông tin TVTS của Nhà trường và banner (25-28/6/2024).

***b) Truyền thông tư vấn tuyển sinh online***

Sử dụng rất hiệu quả kênh truyền thông qua mạng xã hội để quảng bá thông tin tuyển sinh tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Trang facebook chính thức của HUMG năm 2023 số lượng theo dõi trang là 66.081 sang năm 2024 số lượng người theo dõi trang là 71.000 người (tăng hơn 5.000 lượt so với năm 2023); Đã thực hiện gần 30 chiến dịch quảng cáo lớn về các thông tin, hình ảnh của Trường, thông tin tuyển sinh của Trường qua các bài viết trên mạng xã hội, Zalo OA; tổng số lượng tương tác với các bài viết và bài quảng cáo là 3,9 triệu lượt, tổng số lượng tương tin nhắn là 1390 tin nhắn.

***c) Tư vấn tuyển sinh qua hình thức gọi điện thoại và trả lời tin nhắn***

Đã trả lời hàng chục ngàn tin nhắn về tuyển sinh offline và online (thường tập trung từ 17h00 - 01h00); Đã gọi điện trực tiếp cho 2.668 thí sinh trúng tuyển vào trường theo hình thức xét học bạ và xét theo kết quả thi THPT.

***d) Kết quả:*** Từ các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh nói trên, mùa tuyển sinh năm 2024 đã đạt kết quả rất tốt, cụ thể:

Năm 2024, đã có 23.394 nguyện vọng (tăng 14,78% so với năm 2023 là 20.381 nguyện vọng) của 9688 thí sinh đăng ký vào HUMG (28,42% so với năm 2023 là 7.544 thí sinh), con số đủ điều kiện trúng tuyển là 3.307 (tăng 42,79% so với năm 2023 là 2.316), con số chính thức nhập học là 2668 sinh viên (tăng 27,29% so với năm 2023 là 2.096 sinh viên). Điều này cho thấy kết quả của công tác truyền thông TVST được cho là đạt hiệu quả tốt.

***5.1.2. Công tác truyền thông***

Trong năm học 2023-2024, Phòng QHCC&DN đã thực hiện tốt công tác truyền thông nội bộ và truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

***a) Công tác truyền thông nội bộ,*** Thống kê bài viết theo năm học (tháng 9/2023-10/2024):

1. Facebook: đã đăng tải tổng số 237 bài truyền thông về mọi mặt hoạt động của trường và 133 bài truyền thông tuyển sinh;

2. Website: HUMG: 113;

3. Website: ts.humg.edu.vn: 23

3. Tin bài trên Zalo OA: 116

4. Đăng tải nội dung trên Tiktok: 28 Video

5. Thực hiện video clip trên facebook: 61 video

6. Đăng tải clip trên Youtube: 48 video

7. Đã tham dự ghi hình sự kiện: 104 các sự kiện được tổ chức bởi Nhà trường và các đơn vị trong trường

Đã thực hiện gần 200 pano điện tử các loại phục vụ công tác truyền thông nội bộ, công tác tư vấn tuyển sinh, quảng bá thương hiệu của Nhà trường, thực hiện gần 180 nội dung trang trí khánh tiết trên các pano khổ lớn, bandrol, backdrop, cho các sự kiện lớn của Đảng, Nhà nước và của Nhà trường.

***b) Công tác truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng***

Trong năm học vừa qua, công tác truyền thông được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong năm học 2023-2024 các tin tức về hoạt động của Nhà trường, thông tin tuyển sinh đã được đăng tải trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa phương, cụ thể đã có gần 50 tin bài về hoạt động của HUMG được phát sóng và đăng tải trong các chuyên mục giáo dục của: Đài truyền hình Việt Nam (chương trình Thời sự; chương trình Chuyển động 24h; chương trình Việt Nam hôm nay); Đài truyền hình Hà Nội (chương trình thời sự, phóng sự chuyên đề), Báo Lao động; Đài PT & TH tỉnh Thái Bình, Báo tintuc.vn; Vnxpress.net; dantri.com.vn; giaoducvathoidai.vn..... Trong năm học 2023 - 2024 các tin tức về hoạt động của Nhà trường, thông tin tuyển sinh đã được đăng tải trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa phương, cụ thể đã có gần 50 tin bài về hoạt động của HUMG được phát sóng và đăng tải trong các chuyên mục giáo dục của: Đài truyền hình Việt Nam; Đài truyền hình Hà Nội, Báo Lao động; Vnxpress.net; dantri.com.vn; tienphong online; báo giaoducvathoidai.vn.....

Trong tổng số tin bài đã đăng tải, số lượng tin bài truyền thông có trả phí-kinh phí lấy từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của Nhà trường là 50% là 25 tin bài, số còn lại là do phòng chức năng đã xây dựng được những chất liệu truyền thông có tính lan tỏa tốt, cung cấp trúng và đúng thông tin mà xã hội đang quan tâm và đã phát huy tính chủ động trong việc kết nối với các cơ quan truyền thông để nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu, hình ảnh của HUMG.

***5.1.3. Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp***

Năm học 2023-2024, Nhà trường đã triển khai thoả thuận hợp tác với 11 cơ quan, doanh nghiệp trong đó có những đối tác chiến lược, gắn bó mật thiết với các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường như: Hợp tác toàn diện 7 trường Đại học Kỹ thuật hàng đầu Việt Nam, Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP), UBND tỉnh Yên Bái,…Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai gần 50 thỏa thuận hợp tác đã được ký kết trước đây.

Trong quá trình kết nối với doanh nghiệp, triển khai các thỏa thuận hợp tác đã ký, các đơn vị chức năng đã đặc biệt quan tâm trao đổi cùng các cơ quan, doanh nghiệp trong việc cam kết tiếp nhận sinh viên thực tập, tạo việc làm bán thời gian cho sinh viên, tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp vào làm việc; tài trợ học bổng cho quỹ khuyến học. Trong Lễ khai giảng năm học mới 2024-2025, số tiền tài trợ cho Quỹ khuyến học HUMG lên đến hơn 1,223 tỷ VND.

Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên trong thời gian học tập tại Trường, năm 2023, Nhà trường đã phối hợp với Tập đoàn Novaedu để tổ chức 02 khóa Tập huấn kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên để cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết, tạo

môi trường thuận lợi để hỗ trợ sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của mình:

- Khóa 01: 03 ngày (Ngày 23,24 & 30/9/2023);
- Khóa 02: 03 ngày (Ngày 05, 12 & 19/11/2023).

Vào tháng 6/2023 cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo HUMG 2023" đã được khởi động với 10 khoa chuyên môn và chương trình tiên tiến. Đã có 20 đề án được xây dựng và tham dự sơ khảo cuộc thi. Qua đó đã chọn được 15 đề án vào vòng chung kết cuộc thi được diễn ra vào tháng 11/2023. 3 đề án xuất sắc nhất đã được chọn dự thi cấp Quốc gia. Vượt qua hơn 400 đề án đến từ các sơ sở giáo dục trên cả nước, đề án *"Sản xuất sơn thông minh tự phục hồi thân thiện môi trường để bảo vệ chống ăn mòn"* của nhóm sinh viên Khoa Dầu khí và Năng lương) đã đạt giải Ba toàn quốc tại Vòng chung kết Quốc gia cuộc thi SV_STARTUP V tổ chức tại Đại học Cần Thơ vào tháng 5/2024.

***5.2. Tồn tại, hạn chế và giải pháp***

***a) Công tác tư vấn tuyển sinh***

***- Hạn chế:*** (1) Các chất liệu truyền thông chưa thực sự phong phú (rất thiếu những chất liệu truyền thông mang tính thực tế, có sức thu hút và hấp dẫn, đúng tâm lý và thị hiếu khách hàng. (2) Công tác truyền thông cho những ngành khó tuyển sinh gặp nhiều khó khăn. (3) Công tác truyền thông TVTS nhiều khi còn chưa kịp thời.

***- Nguyên nhân:*** (1) Bộ phận nhân sự rất thiếu đặc biệt về mảng truyền thông đa phương tiện (thiếu các vị trí công việc như: phóng viên; biên tập viên; kỹ thuật viên); Trang thiết bị cơ sở vật chất không đồng bộ, thiếu rất nhiều thiết bị tối thiểu để thực hiện một chương trình có chất lượng cao; Thiếu đội ngũ báo cáo viên, diễn giả có chuyên môn nghiệp vụ và khả năng truyền cảm hứng tốt. (2) Các đơn vị trong trường đặc biệt là các khoa có những ngành khó tuyển sinh phối hợp với phòng chức năng còn lỏng lẻo, thụ động, nhận thức về truyền thông còn hời hợt. (3) Tính kế hoạch trong công tác truyền thông còn chưa cao; nhiều khi bị động trong công việc.

***- Giải pháp:*** (1) Tuyển dụng mới những cán bộ có năng lực chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành của các vị trí việc làm đang còn thiếu khuyết; Cho phép cán bộ đang có đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc. (2) Trang bị cơ sở vật chất (theo yêu cầu, có tham khảo chuyên môn của các đơn vị truyền thông chuyên nghiệp) để đảm bảo thiết bị mua về sử dụng được lâu dài và có chất lượng. (3) Xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn, có cơ chế chi trả thù lao hợp lý cho cán bộ tham gia công tác báo cáo viên, diễn giả, người truyền cảm hứng trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh; Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, tính phố hợp của các khoa trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh. (4) Xây dựng kế hoạch truyền thông Tư vấn tuyển sinh để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả, tránh bị động, vội vàng.

***b) Công tác truyền thông***

***- Hạn chế:*** (1) Tính liên kết trong mạng lưới truyền thông nội bộ chưa cao; Công tác tuyên truyền các sự kiện lớn của Đất nước, của Nhà trường và của các ngành liên quan đôi khi còn chưa kịp thời. Công tác truyền thông nhiều khi chưa bao quát hết các mảng công tác của các Khoa và các đơn vị trong trường. (2) Việc quan hệ với báo chí, tạm hiểu ở đây là hợp tác chặt chẽ với một số cơ quan thông tấn báo chí (có uy tín và số lượng người sử dụng cao) chưa thực hiện tốt. Do vậy khi có thông tin tốt, hoặc khi có khủng hoảng truyền thông rất khó để kiểm soát và xử lý kịp thời.

***- Nguyên nhân:*** (1) Chưa thực sự quan tâm và đầu tư cho công tác truyền thông nội bộ của tổ chức; Phương thức truyền thông nội bộ hiện nay đang theo hướng manh mún, nhỏ lẻ mà chưa theo một định hướng chung. (2) Việc chồng chéo trong chức năng nhiệm vụ của đơn vị,

dẫn đến có sự kiện thì nhiều đơn vị làm xong có sự kiện không biết thuộc trách nhiệm của đơn vị nào (việc này đã được PHT phụ trách phân xử vào những tháng cuối cùng của năm học); Tính phối hợp giữa các đơn vị trong trường về công tác truyền thông chưa cao. (3) Chưa xây dựng cơ chế phối kết hợp với các cơ quan thông tấn báo chí để hỗ trợ truyền thông cho Nhà trường.

***- Giải pháp:*** (1) Xây dựng mạng lưới (website, group) truyền thông nội bộ, kênh thông tin chia sẻ và thấu hiểu, thực sự là nơi gửi gắm các thông điệp truyền thông có ích từ lãnh đạo tới nhân viên và ngược lại (truyền thông 2 chiều tích cực). (2) Xây dựng mối quan hệ "gắn bó mật thiết" với một số cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình để hỗ trợ và tư vấn truyền thông cho Nhà trường. (3) Quy định lại chức năng của đơn vị theo đúng nội hàm và ngoại diên phù hợp theo tên đơn vị. Xây dựng các Quy định, Quy chế liên quan đến công tác truyền thông quảng bá thương hiệu trong trường.

***c) Công tác hợp tác với doanh nghiệp, hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm cho người học***

***- Hạn chế:*** (1) Hợp tác doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, chưa đem lại hiệu quả; Công tác hướng nghề, hướng nghiệp chưa phát huy được hiệu quả và thế mạnh của nhà trường; (2) Hỗ trợ việc làm còn chưa đáp ứng được mong muốn và nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng. (3) Công tác khởi nghiệp chưa lan tỏa, còn mang tính chất cuộc thi.

***- Nguyên nhân:*** (1) Dữ liệu về doanh nghiệp chưa được thống kê, chuyển giao, cập nhật đầy đủ. (2) Chưa xây dựng được cơ chế liên kết chặt chẽ giữa Phòng-Khoa; giữa Nhà trường-Doanh nghiệp trên cơ sở win-win. (3) Chất lượng và ý thức của sinh viên ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu HUMG.

***- Giải pháp:*** (1) Tập trung các cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cựu sinh viên và tập hợp về một mối. (2) Gia tăng các hoạt động quan hệ doanh nghiệp một cách sâu sắc và gắn kết trên cơ sở win-win. Đẩy mạnh và đẩy sớm các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng như: Bồi dưỡng kỹ năng học tập cho sinh viên năm 1; kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên năm 2. Gia tăng các hoạt động hướng nghề hướng nghiệp tại các đơn vị ký kết hợp tác thỏa thuận như: Tham quan nhà máy, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh dành cho sinh viên năm 2, tổ chức thực tập môn học cho sinh viên năm 3; tổ chức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên năm 4. (3) Kêu gọi doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình tuyển sinh, đào tạo và chuyển giao khoa học-kỹ thuật. Tháo gỡ nút thắt cơ chế, chế độ cho giáo viên, sinh viên và người làm công tác khởi nghiệp. Tiếp tục học tập các mô hình hay về khởi nghiệp sáng tạo trong hệ thống giáo dục đại học.

## 6. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên

### *6.1. Những kết quả đạt được*

#### *6.1.1. Công tác sinh viên*

Hàng năm, Phòng CTCT-SV xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trong năm học theo hướng dẫn đầu năm học của Bộ GD&ĐT như: Xây dựng kế hoạch công tác sinh viên năm học 2023-2024; Kế hoạch tổ chức các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường; Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, Kế hoạch Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, Kế hoạch tổ chức Sinh hoạt lớp.... Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên, Phòng CTCT-SV thực hiện theo đúng kế hoạch của Nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tuyên truyền, tôn vinh các tấm gương sinh viên tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai các hoạt động hưởng ứng cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và nhiều cuộc thi có ý nghĩa khác. Tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm bằng nhiều hình thức: Tuyên truyền qua Pano, qua trang web, facebook…

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, với tinh thần chủ động phối hợp hoạt động tốt giữa phòng chức năng và các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Trường. Năm 2023-2024, Nhà trường đã triển khai tốt các hoạt động văn thể theo đúng kế hoạch đề ra như: hội khỏe truyền thống sinh viên; giải bóng đá nam cán bộ, nam sinh viên, giải bóng rổ nam, nữ sinh viên, giải bóng chuyền cán bộ, bóng chuyền sinh viên...

Ngoài các hoạt động văn thể còn có các chương trình phục vụ sự kiện của Nhà trường như: Lễ khai giảng năm học mới; lễ trao bằng cho sinh viên hệ chính quy; lễ trao bằng cho sinh viên sau đại học, tiến sỹ; lễ kỷ niệm ngày thành lập Trường và ngày Nhà giáo Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam…

Tổ chức hiệu quả Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa, đầu năm cho sinh viên toàn Trường tại các cơ sở đào tạo Hà Nội. Nội dung sinh hoạt đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…). Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân-sinh viên được công bố rộng rãi trên website của Nhà trường và Phòng CTCT-SV và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất. Tổ chức lớp học, lịch học nghiêm túc, hiệu quả. Số sinh viên tham gia sinh hoạt đạt 98%;

Tổ chức hiệu quả buổi Sinh hoạt lớp đầu mỗi học kỳ để đánh giá điểm rèn luyện sinh viên các khóa.

Tổ chức hiệu quả hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên: Hội nghị đối thoại là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức có hiệu quả các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường, đặc biệt là sinh viên năm đầu và sinh viên năm cuối nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên.

Thường xuyên tuyên truyền, triển khai các thông báo tới sinh viên qua trang web, qua hệ thống các fanpage chính thống của Phòng CTCT-SV và của Nhà trường nhằm hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng  thông tin trên internet, mạng xã hội phục vụ việc học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí lành mạnh.

***6.1.2. Công tác hỗ trợ sinh viên***

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên có khó khăn trong việc đăng ký ghép lớp, hủy học phần, đăng ký môn học, xin quay trở lại học tập..., đề xuất giải pháp phát hiện cảnh báo sớm học tập sinh viên.

Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp.

- Tổ chức có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sinh viên (bảo hiểm thân thể, xác nhận sinh viên,…), giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với sinh viên (trong năm học 2023-2024, giải quyết thủ tục miễn giảm học phí cho hơn 187 lượt sinh viên với tổng số tiền miễn giảm hơn 1,1 tỷ đồng).

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc quy định về khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên. Trong năm học 2023-2024, Nhà trường trao giấy khen và 1.289 phần thưởng cho 1.289 sinh viên đạt kết quả học tập xuất sắc và giỏi.

- Tìm kiếm và sử dụng nhiều nguồn học bổng giá trị hỗ trợ sinh viên. Học kỳ 1 năm học 2023-2024 xét duyệt 802 suất học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên với tổng giá trị hơn

6,2 tỷ đồng, tìm kiếm và xét duyệt 145 suất học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường.

- Công tác khuyến học được Nhà trường rất quan tâm và chú trọng. Hàng năm Nhà trường có nhiều hoạt động nhằm khuyến khích, động viên các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, trao nhiều suất học bổng và phần quà có giá trị cho sinh viên như: Trao 75 suất học bổng cho sinh viên tại Lễ Khai giảng năm học 2023-2024.

- Phối hợp với doanh nghiệp tổ chức thành công các cuộc thi khởi nghiệp cho sinh viên…

***6.2. Những tồn tại, giải pháp khắc phục***

***a) Những tồn tại***

- Công tác xét khen thưởng và chi trả học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ.

- Tình trạng sinh viên còn nợ chuẩn đầu ra tin/ngoại ngữ ở mức cao.

- Công tác chi trả học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ. (nguyên nhân là do điểm các môn học của sinh viên cập nhật bị chậm, số tài khoản của sinh viên tự kê khai còn nhiều sai sót, nhầm lẫn)

- Công tác xét miễn giảm học phí cho sinh viên còn nhiều khó khăn chậm trễ do không được tiếp cận với hệ thống số tài khoản của sinh viên.

- Khó khăn trong việc cập nhật thông tin còn thiếu của những sinh viên khóa mới do sinh viên nhập học rải rác nên không lấy được thông tin của sinh viên ngay từ đầu.

- Công tác cảnh báo sớm học tập sinh viên chưa được tổ chức thực hiện, dẫn đến việc chậm trễ trong công tác xử lý các tác vụ học tập của sinh viên và sự phối hợp với gia đình người học

***b) Giải pháp***

- Hoàn thiện nâng cao hệ thống cảnh báo sớm tình trạng học tập của sinh viên. Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học hoàn thiện chu trình và quy chế đào tạo. Phối hợp hiệu quả với các phòng, khoa, ban trong Nhà trường để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chung.

- Cải thiện chất lượng quản lý sinh viên.

- Giải quyết triệt để, kịp thời khen thưởng, học bổng, miễm giảm học phí cho sinh viên.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan pháp luật, các ngành, địa phương; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường trong công tác quản lý sinh viên.

**7. Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản**

***7.1. Những kết quả đạt được***

***7.1.1. Công tác khoa học - công nghệ***

***a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ***

Năm học 2023-2024, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện:

- 17 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 04 đề tài độc lập thuộc chương trình cấp Quốc gia, 10 đề tài NCCB trong KHTN (Nafosted), 03 đề tài do Bộ Công thương quản lý (01 đề tài chuyển tiếp, 02 đề tài triển khai mới).

- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương, gồm: Chủ trì 01 chương trình KHCN cấp Bộ (08 đề tài/nhiệm vụ do 3 đơn vị thực hiện Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội); 36 đề tài KH&CN cấp Bộ/tương đương (Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: 18 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp, 10 đề tài triển khai mới được giao năm 2024, 01 nhiệm vụ bảo vệ môi trường mở mới và 01 dự án nâng cấp Tạp chí chuyển tiếp; 01 đề tài KH&CN cấp Bộ Xây dựng, 04 đề tài KH&CN do Bộ Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ quản, 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh).

Về kết quả thực hiện, năm 2023-2024: đã có 01 đề tài nghiệm thu cấp Quốc gia (01 đề tài do Bộ Công Thương quản lý), 23 đề tài  cấp Bộ, Tỉnh (19 đề tài Bộ Giáo dục và Đào tạo, 02 đề tài Bộ Tài nguyên và Môi trường, 01 đề tài Bộ Xây dựng, 01 đề tài cấp Tỉnh).

Trường đã gắn mục tiêu thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ CBGD của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là tài liệu phong phú đóng góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo.

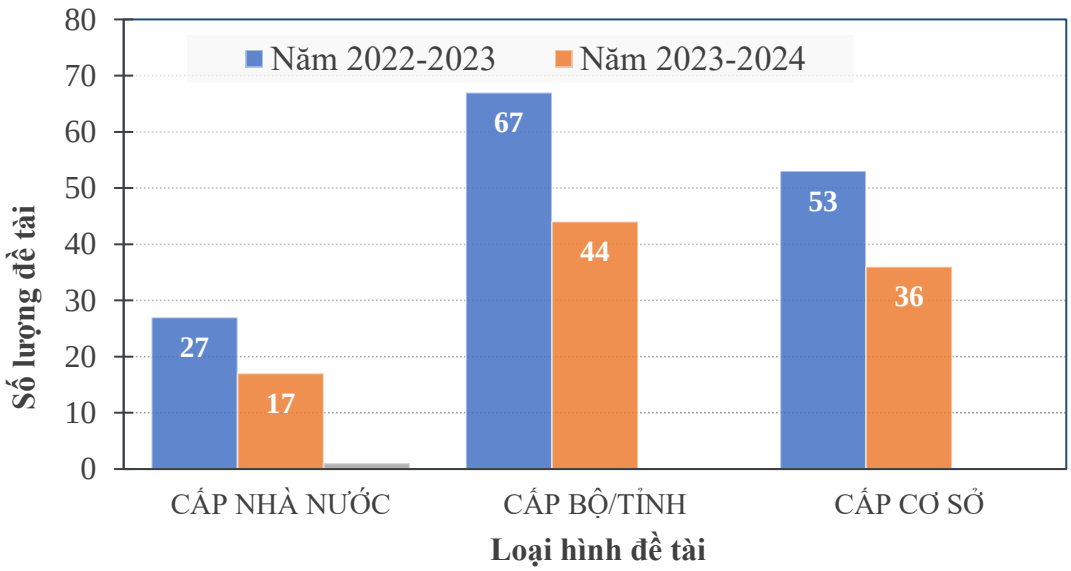
- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Nhà trường đã ưu tiên, khuyến khích NCS, học viên cao học được tham gia, chủ trì thực hiện các đề tài KHCN dưới nhiều hình thức; bổ sung hình thức thực hiện đề tài cấp cơ sở bằng nguồn kinh phí khác; nhiệm vụ KHCN phục vụ mở mới ngành nghề đào tạo. Chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Năm học 2024, Nhà trường đã phê duyệt mới cho phép thực hiện 36 đề tài với tổng kinh phí hỗ trợ 1207 trđ.. Nhà trường đã chú trọng đổi mới chất lượng đề tài từ khâu xây dựng thuyết minh, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài được ưu tiên thực hiện thuộc nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh, có sản phẩm công bố trong tạp chí WoS, có công bố bài báo trong nước (bắt buộc đăng trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất đối với các lĩnh vực khoa học trong phạm vi của Tạp chí), có sản phẩm ứng dụng, hoặc hỗ trợ đào tạo sau đại học. Qua đó, chất lượng đề tài NCKH cấp cơ sở ngày càng được nâng lên.

- Bên cạnh việc thực hiện đề tài KHCN các cấp, hoạt động sinh hoạt học thuật của đội ngũ cán bộ giảng dạy vẫn được duy trì tốt và triển khai rộng rãi tại các bộ môn, khoa.

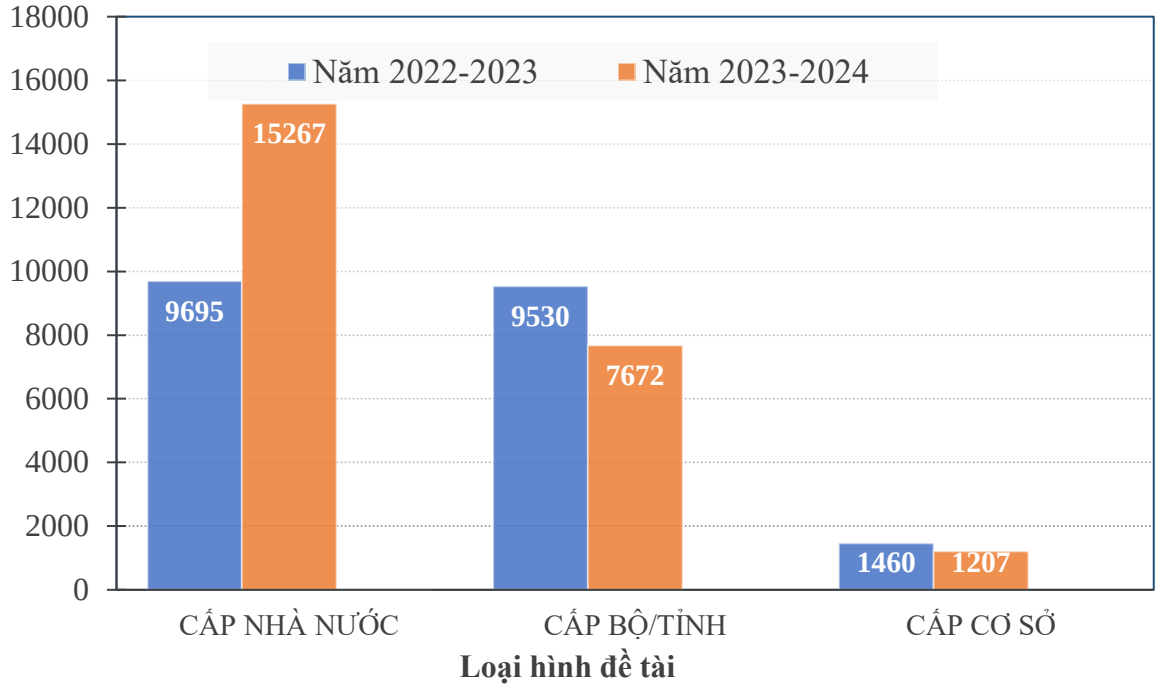
*Bảng 28. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp*

| Nội dung | Năm 2022-2023 | | Năm 2023-2024 | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Kinh phí cấp (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí cấp (triệu đồng) |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước | 27 | 9,695 | 17 | 15.267 |
| Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ/tương đương | 67 | 9,530 | 44 | 7.672 |
| Nhiêm vụ NCKH cấp cơ sở | 53 | 1.460 | 36 | 1207 |

*(số liệu cập nhật đến ngày 21/10/2024)*




*Hình 2. Số lượng đề tài các cấp năm học 2022-2023 và 2023-2024*




*Hình 3. Kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2022-2023 và 2023-2024*

*Bảng 29. Thống kê công tác NCKH theo Khoa năm 2023-2024*

| Đơn vị | Đề tài cấp NN | Đề tài cấp Bộ | Đề tài cấp cơ sở |
|---|---|---|---|
| Khoa Công nghệ thông tin | 2 | 2 | 4 |
| Khoa Cơ - Điện | 0 | 1 | 15 |
| Khoa Dầu khí và Năng lượng | 4 | 3 | 8 |
| Khoa Khoa học cơ bản | 1 | 4 | 8 |
| Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 5 | 10 | 4 |
| Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 0 | 1 | 7 |
| Khoa Mỏ | 3 | 5 | 10 |
| Khoa Môi trường | 0 | 2 | 10 |
| Khoa Lý luận chính trị | 1 | 1 | 1 |
| Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ | 0 | 6 | 7 |
| Khoa Xây dựng | 1 | 9 | 5 |
| Khoa Giáo dục quốc phòng | 0 | 0 | 1 |
| **Tổng số** | **17** | **44** | **80** |

- ***Đánh giá chung:*** Tổng số nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ giảm về số lượng, nhưng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước tăng so với năm học 2022-2023 do kinh phí của các đề tài tăng. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN của Trường tập trung chủ yếu vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt. Nhìn chung, hầu hết các đề tài đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, nội dung chuyên môn. Tuy nhiên, chủ nhiệm và nhóm thực hiện một số đề tài còn chưa tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, chưa đảm bảo chất lượng các sản phẩm trung gian, sản phẩm khoa học của đề tài. Tình trạng chậm tiến độ do không đủ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là công bố bài báo quốc tế là sản phẩm của đề tài vẫn còn xảy ra.

***- Những tồn tại, hạn chế:*** Nguồn kinh phí cấp để thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm. Ý thức tổ chức thực hiện của một số nhóm thực hiện đề tài chưa cao, chưa chủ động.

***b) Công tác thông tin khoa học***

Trong năm học 2023-2024, Nhà trường chủ trì tổ chức các Hội nghị, Hội thảo:

- Hội thảo quốc tế (Pol-Viet 2023) được tổ chức vào tháng 10/2023 (đồng chủ trì).
- 03 Hội nghị quốc gia:

+ Hội nghị khoa học toàn quốc về Cơ khí, Điện và Tự động hoá (MEAE 2023) được tổ vào ngày 18/12/2023;

+ Hội nghị khoa học toàn quốc "Trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững" năm 2023 được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Bộ môn Trắc địa Công trình (1973-2023);

+ Hội nghị toàn quốc Địa chất công trình - Địa kỹ thuật và môi trường phục vụ phát triển bền vững- Đồng tổ chức (VietGeo 2023) tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Hội nghị khoa học là nơi giao lưu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học nghiên cứu của Nhà trường.

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Trong năm 2023, các nhà khoa học trong Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thưởng 133.705.000đ cho 32 bài báo khoa học thuộc danh mục Web of Science (WoS) và 01 sáng chế trong thời gian từ 1/2023-12/2023.

*Bảng 30. Hội thảo và công bố khoa học năm học 2022-2023 và 2023-2024*

| Loại hình Hội thảo/công bố khoa học | Năm học 2022 - 2023 | Năm học 2023 - 2024 |
|---|---|---|
| Hội nghị, hội thảo quốc tế | 3 | 1 |
| Hội nghị, hội thảo trong nước | 4 | 3 |
| Báo cáo khoa học | 428 | 314 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế | 187 | 249 |
| Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước | 308 | 374 |

Thống kê kết quả công bố khoa học tại các đơn vị trong Nhà trường cụ thể như sau:

*Bảng 31. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị năm học 2023 - 2024*

| TT | Khoa | Bài báo | | Báo cáo khoa học |
|---|---|---|---|---|
| | | Tạp chí Quốc tế | Tạp chí trong nước | |
| 1 | Cơ - Điện | 19 | 16 | 35 |
| 2 | Công nghệ thông tin | 10 | 22 | 5 |
| 3 | Dầu khí và Năng lượng | 25 | 20 | 43 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | 0 | 12 | 4 |
| 5 | Kinh tế và QTKD | 16 | 48 | 7 |
| 6 | Khoa học và kỹ thuật địa chất | 28 | 45 | 32 |
| 7 | Khoa học cơ bản | 53 | 42 | 35 |
| 8 | Lý luận chính trị | 1 | 16 | 8 |
| 9 | Mỏ | 21 | 23 | 34 |
| 10 | Môi trường | 15 | 42 | 30 |

| TT | Khoa | Bài báo | | Báo cáo khoa học |
|---|---|---|---|---|
| | | Tạp chí Quốc tế | Tạp chí trong nước | |
| 11 | Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ | 36 | 48 | 46 |
| 12 | Xây dựng | 25 | 40 | 35 |
| | **Tổng số** | **249** | **374** | **314** |

*(Số liệu cập nhật trên phần mềm QLKHCN đến ngày 31/7/2024)*

Trường Đại học Mỏ - Địa chất có mặt trong các bảng xếp hạng Đại học uy tín của thế giới như:

- Top 16 (thứ 16) Trường Đại học của Việt Nam trong bảng xếp hạng của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) năm 2023 (số liệu cập nhật 10/2024);

- Năm 2024, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tụt xuống thứ hạng 24 (giảm 9 hạng so với thứ hạng 15 của năm 2023) trên bảng xếp hạng các Trường Đại học tại Việt Nam theo xếp hạng của Webometrics (10/2024) trên tổng số 190 trường Đại học của Việt Nam được xếp hạng.

***c) Hoạt động Sở hữu trí tuệ***

Trong năm 2023-2024, các nhà khoa học trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đăng ký cấp quyền SHTT thành công đối với 02 Quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả và cấp bằng SHTT đối với 01 Giải pháp hữu ích và 01 sáng chế. Đây là những thành tựu đáng khích lệ của Nhà trường trong năm học 2023-2024, khi số lượng đơn xin cấp Quyền SHTT và GPHI giảm về số lượng so với năm học 2022-2023, tuy nhiên số lượng bằng SHTT và GPHI cũng như Bản quyền tác giả, tác phẩm trong năm học 2023-2024 đã tăng đột biến. Các đăng ký SHTT của Nhà trường đều được thực hiện theo Quy trình đăng ký quyền SHTT của trường Đại học Mỏ - Địa chất, qua đó giúp cán bộ định hướng và phát triển hoàn thiện các sản phẩm NCKH của mình thành các sáng chế và giải pháp hữu ích, đăng ký thành công và được cấp Bằng Bảo hộ sáng chế, GPHI, từng bước quảng bá, thương mại hóa và chuyển giao rộng rãi trong và ngoài nước, góp phần khẳng định thương hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ.

***d) Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ***

Trong năm 2023-2024, Nhà trường đang triển khai thực hiện đầu tư nâng cấp một số Phòng thí nghiệm từ nguồn ngân sách của Trường với tổng kinh phí dự kiến 839 trđ trong đó gồm 684.trđ mua trang thiết bị, 01 trđ mua vật tư hóa chất và 154 trđ cho sửa chữa phòng thí nghiệm

Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao của Trường tiếp tục giữ vững về cả số lượng và chất lượng. Trong số viên chức giảng dạy có 278 tiến sĩ (trong đó có 01 giáo sư và 58 phó giáo sư). Nhiều nhà khoa học trong Trường có năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế rất tốt, có khả năng dẫn dắt và đóng vai trò nòng cốt để có thể hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.

***e) Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên***

- Hội nghị KHSV Trường lần thứ 37 đã được triển khai ở 26 tiểu ban chuyên môn với tổng số 238 đề tài được báo cáo. Sau khi Hội nghị kết thúc, Nhà trường đã trao 55 giải NCKH SV cấp Tiểu ban cho các đề tài NCKH SV, trong đó có 26 giải Nhất, 25 giải Nhì và 04 giải Ba và 03 đề tài NCKH SV đạt giải cấp Trường.

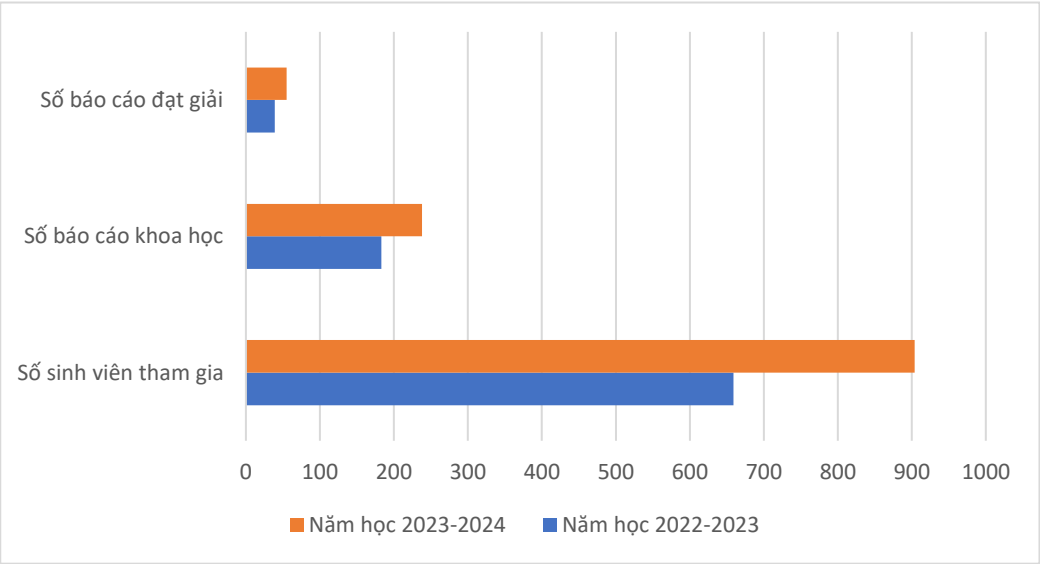
- Trong năm học 2023-2024, Nhà trường đã lựa chọn 01 công trình sinh viên NCKH có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao để gửi tham dự giải thưởng Khoa học Công nghệ dành cho sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất còn

tham gia giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka" lần 26 năm 2024 với 01 đề tài NCKH SV.

- Hoạt động thi Olympic năm học 2023-2024 được Nhà trường tổ chức vào tháng 3/2024 với 1648 sinh viên tham dự. Kết quả đã có 361 sinh viên đạt giải cấp Trường (19 giải Nhất, 45 giải Nhì, 93 giải Ba và 204 giải Khuyến khích). Nhà trường đã lựa chọn ra các đội tuyển tham dự thi Olympic cấp Quốc gia các môn Toán, Cơ học, Vật lý. Trong năm học 2023-2024, đội tuyển Olympic Vật lý đã xuất sắc đội tuyển Vật lý đã xuất sắc đạt giải Nhất toàn đoàn với 02 giải Nhất và 05 giải Ba. Đây là bước tiến rất lớn của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, ghi nhận những nỗ lực không ngừng phấn đấu của đội tuyển Olympic Vật lý của Trường trong những năm vừa qua. Bên cạnh thành tích của đội tuyển Vật lý, đội tuyển Toán học cũng đạt 02 giải Nhì và 04 giải Ba, đội Cơ học đạt 01 giải Ba và 06 giải Khuyến khích.

*Bảng 32. Công tác NCKH sinh viên năm học 2022-2023 và 2023-2024*

| Nội dung | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| ***A. Hội nghị Khoa học sinh viên*** | | | |
| - Số lượng sinh viên tham gia | 659 | 904 | 37,18% |
| - Số lượng báo cáo khoa học | 183 | 238 | 30,05% |
| - Số báo cáo đạt giải | 39 | 55 | 41,03% |
| ***B. Thi Olympic cấp Trường*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 883 | 1648 | 86,64% |
| - Số sinh viên đạt giải | 225 | 361 | 60,44% |
| ***C. Thi Olympic cấp Quốc gia*** | | | |
| - Số sinh viên tham gia | 50 | 41 | |
| - Giải Nhất | 0 | 2 | 200% |
| - Giải Nhì | 0 | 2 | 200% |
| - Giải Ba | 9 | 9 | |
| - Giải Khuyến khích | 4 | 6 | 150% |




*Hình 4. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH năm học 2022-2023 và 2023-2024*

*Bảng 33. Thống kê NCKH sinh viên theo khoa năm học 2023-2024*

| TT | Đơn vị | Hội nghị KHSV Cấp Trường | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Số SV tham gia | Số BCKH | Số BC đạt giải |
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 131 | 34 | 8 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 106 | 30 | 8 |
| 3 | Khoa Dầu khí | 87 | 24 | 6 |
| 4 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 209 | 45 | 10 |
| 5 | Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất | 82 | 27 | 6 |
| 6 | Khoa Mỏ | 92 | 23 | 5 |
| 7 | Khoa Môi trường | 38 | 10 | 2 |
| 8 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ | 71 | 21 | 5 |
| 9 | Khoa Xây dựng | 75 | 20 | 4 |
| 10 | Chương trình tiên tiến | 10 | 3 | |
| 11 | Khoa Khoa học cơ bản | 3 | 1 | 1 |
| | **Tổng số** | **904** | **238** | **55** |

Các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm, đầu tư nhiều hơn và bước đầu phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, chất lượng sinh viên tham gia các hoạt động này cũng được nâng cao.

***g) Công tác quản lý khoa học***

- Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm đúng mức. Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

- Nhà trường đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KHCN của Trường giai đoạn 2021-2025, Ban hành Quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ, Ban hành Quy định sửa đổi về Giải thưởng KHCN HUMG, Ban hành Quy định chế độ làm việc của nghiên cứu viên của Nhà trường để thực hiện tốt công tác quản lý mang lại hiệu quả về công tác thuộc lĩnh vực hoạt động KHCN của Nhà trường.

- Phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) tiếp tục được hoàn thiện cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

***h) Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ tập trung chủ yếu thông qua Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về các Trung tâm, Công ty thuộc Trường. Năm 2023, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình. Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO.

*Bảng 34. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất*

| Nội dung | Năm 2022 | Năm 2023 | Tỉ lệ tăng/ giảm 2023/2022 (%) |
|---|---|---|---|
| Tổng số hợp đồng đã ký kết và thực hiện | 983 | 916 | -6,81% |
| Tổng doanh thu theo hợp đồng (triệu đồng) | 309.937 | 342.562 | 10,52% |
| Đóng góp cho Trường (triệu đồng) | 4.649 | 5.138 | 10,51% |
| Nộp thuế (triệu đồng) | 20.314 | 18.199 | -9,84% |

*(Số liệu báo cáo các đơn vị Công ty, Trung tâm trực thuộc đến ngày 30/3/2024)*

Bằng sự nỗ lực của mình, các trung tâm, công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò nghiên cứu triển khai và phục vụ đào tạo của mình, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung của Nhà trường. Nhiều trung tâm đã được các Bộ ngành, tin tưởng giao thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, dự án trọng điểm.

***7.1.2. Công tác hợp tác quốc tế***

Công tác Hợp tác quốc tế năm học 2023-2024 tiếp tục có những bước tiến mới, góp phần thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa giáo dục của Trường, một số kết quả đã đạt được như sau:

***a) Mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác mới***

Từ tháng 8/2023 tới tháng 7/2024, Nhà trường đã ký 16 Biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trên khắp thế giới, nâng tổng số văn bản hợp tác còn hiệu lực lên 84 văn bản, với 88 đối tác đến từ 25 quốc gia và vùng lãnh thổ. Với chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa; Nhà trường mở rộng hợp tác với các đối tác từ khắp nơi trên thế giới, chú trọng củng cố hợp tác với các đối tác truyền thống và không ngừng tìm kiếm đối tác mới để tăng thêm các cơ hội hợp tác.

*Bảng 35. Số lượng các đối tác theo quốc gia và vùng lãnh thổ*

| TT | Quốc gia và vùng lãnh thổ | Số đối tác có hợp tác với trường |
|---|---|---|
| 1 | LB Nga | 11 |
| 2 | Trung Quốc và các vùng trực thuộc | 9 |
| 3 | Hàn Quốc | 8 |
| 4 | Đức | 7 |
| 5 | Pháp | 5 |
| 6 | Indonesia | 5 |
| 7 | Hungary | 4 |
| 8 | Canada | 4 |
| 9 | VQ Anh | 3 |
| 10 | Ấn Độ | 3 |
| 11 | Ba Lan | 3 |
| 12 | Lào | 3 |
| 13 | Campuchia | 3 |
| 14 | Malaysia | 3 |
| 15 | Australia | 2 |
| 16 | CH Síp | 2 |
| 17 | Hy Lạp | 2 |
| 18 | Romania | 2 |
| 19 | Italy | 2 |
| 20 | Hoa Kỳ | 2 |
| 21 | Na-uy | 1 |
| 22 | Latvia | 1 |

| TT | Quốc gia và vùng lãnh thổ | Số đối tác có hợp tác với trường |
|---|---|---|
| 23 | Belarus | 1 |
| 24 | Thụy Điển | 1 |
| 25 | Iran | 1 |
| | **Tổng số** | **88** |

Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp tục duy trì quan hệ tốt đẹp với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam như Đại sứ quán Ba Lan, Đại sứ quán CHDCND Lào, Đại sứ quán Vương quốc Campuchia, Đại sứ quán Mông Cổ, Đại sứ quán Pháp, Đại sứ quán Hungary, Đại sứ quán Mỹ, Lãnh sự quán Canada tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đài Bắc, Trung tâm văn hóa Nga tại Hà Nội, đại diện Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA), Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD), Campus France và một số doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam. Sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức này hỗ trợ rất nhiều trong các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

***b) Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế***

Hiện nay, Nhà trường đang tham gia thực hiện 2 dự án Erasmus+ về nâng cao năng lực trong giáo dục đại học do EU tài trợ và 1 dự án hợp tác do Hội đồng Anh tài trợ. Cụ thể:

- Dự án Erasmus+ ANGEL "Mạng lưới khởi tạo và lãnh đạo doanh nghiệp xanh của ASEAN" do Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hoá của Liên minh Châu Âu phê duyệt tài trợ từ năm 2021 với sự tham gia của 16 trường đại học tại Hy Lạp, Síp, Malaysia, Indonesia, Lào, Campuchia và Việt Nam. Dự án đang đi vào năm cuối cùng của chương trình, với kết quả là một Văn phòng sáng tạo khởi nghiệp (Angel Hub) được tài trợ thiết bị để hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên. Dự án đã kết thúc vào tháng 7/2024 và đang trong giai đoạn báo cáo.

- Dự án Erasmus+ CADEO "Ứng dụng kỹ thuật quan trắc Trái đất và bản sao số địa không gian trong thích ứng với biến đổi khí hậu" với sự hỗ trợ chuyên môn của Đại học Bách khoa Milan (Italy) và Đại học Lund (Thụy Điển) nhằm xây dựng 4 môn học trình độ sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế, qua đó phát triển cho người học những kỹ năng và kiến thức về khoa học công nghệ trong lĩnh vực không gian địa lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, dự án cũng sẽ phát triển một hệ thống E-Learning dùng chung giữa các đối tác Châu Âu và Việt Nam, cải thiện khả năng học trực tuyến và chu trình học tập suốt đời, giúp sinh viên và giảng viên theo kịp các xu hướng và công nghệ mới nhất.

- Dự án về Khung năng lực nghiên cứu giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, Trường Đại học Portsmounth và Trường Đại học Bournemouth (VQ Anh) tiếp tục được thực hiện với sự tài trợ của Hội đồng Anh nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho các trường đại học Việt Nam.

***c) Hoạt động trao đổi học thuật, trao đổi cán bộ và sinh viên***

Hoạt động trao đổi cán bộ và sinh viên diễn ra sôi nổi trong năm học. Nhà trường tích cực tìm kiếm các cơ hội học bổng và hỗ trợ tài chính cho sinh viên, viên chức giảng dạy và hành chính tham gia các hoạt động trao đổi sinh viên tại nước ngoài nhằm học hỏi / chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, nâng cao kỹ năng đặc biệt là năng lực ngoại ngữ.

Trong năm học 2023-2024, Nhà trường đã cử 3 giảng viên đi trao đổi giảng dạy, 16 sinh viên đi tham gia các chương trình trao đổi và các cuộc thi quốc tế ở Ba Lan, Malaysia, Trung Quốc, Indonesia, LB Nga, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Đặc biệt, các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học của Trường đã có cơ hội và tự tin tham gia các cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp ở nước ngoài nhằm giao lưu, học hỏi và nâng cao kỹ năng.

Trong năm học, Nhà trường cũng đón 5 lượt giảng viên nước ngoài (từ Indonesia, Hoa Kỳ, Pháp) đến trao đổi chuyên môn ngắn hạn, giảng dạy cho CTTT và 52 sinh viên nước ngoài (Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia) đến trao đổi, thực tập, học tập ngắn hạn tại Trường; thể hiện uy tín của Nhà trường ngày một nâng cao, góp phần tăng cường sự hiện diện và hình ảnh của Trường đối với đối tác quốc tế.

***d) Quản lý và đào tạo sinh viên nước ngoài học chính quy***

Năm học 2023-2024, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục công tác quản lý và đào tạo lưu học sinh các nước Lào, Mông Cổ, Campuchia đến học chính quy tại Trường, theo diện Hiệp định và tự túc. Mặc dù số lượng lưu học sinh Lào diện Hiệp định giảm trong những năm gần đây nhưng việc thu hút lưu học sinh diện tự túc đã có những khởi sắc nhờ hoạt động truyền thông và quảng bá thông qua các triển lãm giáo dục Việt Nam tại Lào.

*Bảng 36. Số lượng lưu học sinh nước ngoài trong năm học 2023-2024*

| Lưu học sinh nước | | | Tổng số |
|---|---|---|---|
| Lào | Campuchia | Mông Cổ | |
| 20 | 19 | 4 | 43 |

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý: Cục Hợp tác quốc tế - Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, Phòng An ninh văn hóa - Công an Thành phố Hà Nội, Đại sứ quán các nước có sinh viên đang theo học để quản lý và đảm bảo các vấn đề an ninh, an toàn cho lưu học sinh trong quá trình sinh sống và học tập tại Việt Nam.

***7.1.3. Công tác xuất bản***

- Từ tháng 12 năm 2023, Tạp chí Khoa học Mỏ - Địa chất xuất bản định kỳ 3 số tiếng Việt và 03 số tiếng Anh) theo giấy phép xuất bản mới, số 450/GP-BTTTT.
- Hoàn thành xuất bản định kỳ các số Tạp chí theo đúng quy định.
- Tạp chí Khoa học Mỏ - Địa chất được 07 Hội đồng Giáo sư Ngành/ Liên ngành tính điểm (năm 2023-2024 thêm Hội đồng Giáo sư ngành Giao thông vận tải xét tính điểm).
- Biên tập tuyển tập Hội nghị Nghiên cứu khoa học sinh viên; xuất bản các ấn phẩm, sách, giáo trình, bài giảng sau đại học của Trường theo quy định nội bộ của Trường và các quy định của pháp luật trong năm học 2023-2024.

***7.2. Những tồn tại***

***a) Khoa học - công nghệ***

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN của Trường trong năm qua còn một số tồn tại và hạn chế nhất định, cụ thể:

- Chưa thành lập được Viện Nghiên cứu trực thuộc Trường trên cơ sở một số nhóm nghiên cứu.
- Chưa thực hiện được tái cấu trúc lại hệ thống phòng thí nghiệm.
- Chưa xây dựng được chính sách và nguồn kinh phí hỗ trợ NCS để thu hút NCS đến học tập và nghiên cứu tại trường, gắn với NCKH;
- Hoạt động khoa học và công nghệ vẫn chủ yếu tập trung ở một số khoa chủ chốt, chưa đồng đều ở các đơn vị.
- Một số nhóm NC hoạt động chưa thực sự hiệu quả, chưa tạo dựng được môi trường NCKH của nhóm để phát huy năng lực của thành viên, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ nghiên cứu, kế hoạch và triển khai các nghiên cứu chung theo định hướng đã xác định, ... Năm 2023 đã giải thể 02 nhóm nghiên cứu, trong đó có 01 nhóm nghiên cứu mạnh.
- Sản phẩm NCKH được chuyển giao từ các đề tài nghiên cứu do Trường chủ trì thực hiện còn khiêm tốn, hoạt động chuyển giao chủ yếu thông qua các Hợp đồng ký về các Công ty, trung tâm.

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề tài của một số chủ nhiệm còn lúng túng; một số chủ nhiệm đề tài chưa nêu cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm đúng mực dẫn đến thực hiện không đúng tiến độ, hoặc kéo dài quá hạn hợp đồng.

- Số lượng đề tài KHCN các cấp năm 2023 giảm so với năm 2022. Đặc biệt là số lượng các đề xuất đề tài cấp cơ sở đăng ký thực hiện từ năm 2024 giảm đáng kể so với năm 2023, một số Khoa thậm chí không có đăng ký đề xuất đề tài cơ sở.

- Số đề tài NCKH cấp Bộ phải xin gia hạn lớn do chưa hoàn thành sản phẩm công bố khoa học.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế, đặc biệt là các bài báo thuộc danh mục WoS của cán bộ khoa học năm 2023 so với năm 2022 giảm về số lượng (75/118) và chất lượng (37/41 bài báo Q1). Tỷ lệ số bài báo WoS/giảng viên trong năm 2023 là 0,14, giảm mạnh so với năm 2022 (0,22). Sự suy giảm tập trung vào số bài báo là sản phẩm của đề tài NCKH các cấp (23/46), bài báo là sản phẩm của NCS (5/14), bài báo do giảng viên trong Trường là tác giả chính (44/50), số tác giả trong trường tham gia viết bài (74/88) và giảm ở tất cả các độ tuổi (trên 50, 40-50 và dưới 40), số bài có tác giả là GS, PGS (20/43). Bên cạnh nguyên nhân một số nhà khoa học có năng lực công bố tốt chuyển công tác, nguyên nhân chính là động lực của nhiều giảng viên để thực hiện nghiên cứu và công bố khoa học quốc tế không cao do: (1) hiện nay Trường không có yêu cầu bắt buộc về định mức công bố quốc tế đối với giảng viên, (2) mặc dù Trường đã có một số cơ chế khuyến khích công bố quốc tế thông qua quy định thưởng đối với công bố quốc tế (đến 100 triệu đồng) và quy định đánh giá, phân loại CBVC nhưng chưa đủ sức hấp dẫn để biến thành động lực cho giảng viên.

- Thủ tục tài chính có một số thay đổi trong quá trình triển khai ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân đề tài; kinh phí NSNN cấp cho một số đề tài bị chậm gây ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện đề tài.

***b) Hợp tác quốc tế***

- Sự quan tâm và ghi nhận của lãnh đạo về quốc tế hóa giáo dục, sự nhận thức của cán bộ, viên chức trong trường về đổi mới trong hợp tác quốc tế còn chưa đồng đều.

- Việc thiếu nhân lực chuyên trách công tác hợp tác quốc tế cũng gây nhiều khó khăn và hạn chế việc mở rộng quy mô hợp tác cũng như phát triển các chương trình hợp tác.

- Cơ sở vật chất và phương pháp phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu của Trường còn có phần lạc hậu so với khu vực và thế giới. Sự khác nhau về hạ tầng cơ sở cũng gây khó khăn cho việc hợp tác nhất là trong nghiên cứu khoa học.

- Hệ thống văn bản quản lý chưa đầy đủ, chưa rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế.

- Chưa có chương trình đào tạo được kiểm định quốc tế mặc dù Nhà trường đã tham gia Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN), có chương trình tiên tiến và một số chương trình đào tạo được nâng cấp theo tiêu chuẩn Châu Âu từ những dự án quốc tế.

***c) Xuất bản***

- Tạp chí Khoa học Mỏ - Địa chất chưa được tham gia hệ thống ACI cấp nhận tham gia hệ thống trích dẫn.

- Chỉ số trích dẫn các bài báo của Tạp chí còn thấp và đang có xu hướng giảm.

- Chưa kiện toàn Ban biên tập của Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ mới.

***7.3. Giải pháp***

***a) Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ***

- Tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai thực hiện các nội dung của Thỏa thuận Hợp tác về Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo và Thỏa thuận Hợp tác về Chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng ký kết giữa 7 Trường Đại học kỹ thuật hàng đầu.

- Triển khai thành lập Quỹ KHCN theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong cơ sở GDĐH, nhằm tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN từ nguồn thu của Trường.

- Triển khai, giám sát việc thực hiện quy định Liêm chính trong hoạt động KHCN và Đổi mới sáng tạo.

- Đưa vào ứng dụng phần mềm quản lý đề tài KHCN cấp cơ sở.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách KHCN phù hợp với định hướng mô hình đại học nghiên cứu, tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ tham gia NCKH, cụ thể: Tập trung đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN thông qua các đơn vị nghiên cứu như nhóm nghiên cứu, giảm dần kinh phí đầu tư các cho đề tài dự án nhỏ, lẻ, rời rạc; Gắn kết trong quản lý và hoạt động của phòng thí nghiệm với các nhóm nghiên cứu.

- Đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, đặc biệt cán bộ trẻ thông qua hoạt động của các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh, đội ngũ NCS.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu thông qua tăng mức kinh phí hỗ trợ hoạt động, định mức sản phẩm cần đạt; Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh đáp ứng yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP.

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề tài KHCN lớn cấp nhà nước, mang tính liên ngành để tập hợp các nhà khoa học trong Trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ, Môi trường, phù hợp với xu hướng mới về chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thực hiện mục tiêu trung hòa carbon và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Tham gia tích cực vào các chương trình KHCN trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành; Xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí; đề tài do Quỹ đổi mới sáng tạo (VINIF) thuộc Tập đoàn VINGROUP tài trợ.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực Khoa học Trái đất - Mỏ của các nhà khoa học.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của Nhà trường.

- Tiếp tục đầu tư các dự án khởi nghiệp về KHCN do sinh viên thực hiện.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng tài liệu thông tin khoa học và công nghệ, tăng cường quảng bá, truyền thông về hoạt động khoa học công nghệ.

- Tăng cường công tác quản lý đề tài các cấp thông qua kiểm tra đánh giá định kỳ, nâng cao vai trò trách nhiệm của Khoa/Bộ môn/Nhóm nghiên cứu; chủ động trong công tác thủ tục thanh quyết toán đề tài/nhiệm vụ KHCN.

- Giải quyết dứt điểm một số đề tài chậm tiến độ, quá hạn nghiên cứu.

***b) Công tác hợp tác quốc tế***

- Nâng cao nhận thức cho viên chức và sinh viên về công tác hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học, mở rộng mạng lưới tình nguyện viên là các viên chức, sinh viên có thể hỗ trợ các hoạt động của Trường, đồng thời tăng cường nhân lực chuyên trách.

- Tiếp tục chủ động tìm kiếm đối tác và cơ hội hợp tác mới, đẩy mạnh việc tiếp cận và đề xuất các dự án hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn tài trợ nước ngoài nhằm phát triển năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh ra các nước lân cận và trong khu vực để quảng bá hình ảnh của trường.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản văn bản quy định quản lý công tác hợp tác quốc tế: Quy định về quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài của Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Quy định về tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Quy định về cử người học đi trao đổi, học tập, nghiên cứu tại nước ngoài; Sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý các hoạt động Hợp tác quốc tế tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất

- Thực hiện kiểm định quốc tế đối với các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng uy tín của Nhà trường, đồng thời thu hút người học.

***c) Công tác xuất bản***

- Ban hành quy chế hoạt động của Tạp chí theo hướng tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế.
- Kiện toàn Ban biên tập của Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý tạp chí online, hoàn thiện các tiêu chí của ACI để đáp ứng với các tiêu chí của hệ thống ACI và tiếp cận chuẩn hệ thống quản lý online của tạp chí Scopus. Nhằm hiện đại hoá công tác biên tập, trị sự và trình bày tạp chí "Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất".

- Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ biên tập viên, đáp ứng theo tiêu chuẩn mới để đáp ứng với các tiêu chí của biên tập hội nhập quốc tế.

**8. Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng**

***8.1. Những kết quả đạt được***

***8.1.1. Công tác tổ chức - cán bộ***

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn, từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

***a) Công tác tổ chức bộ máy***

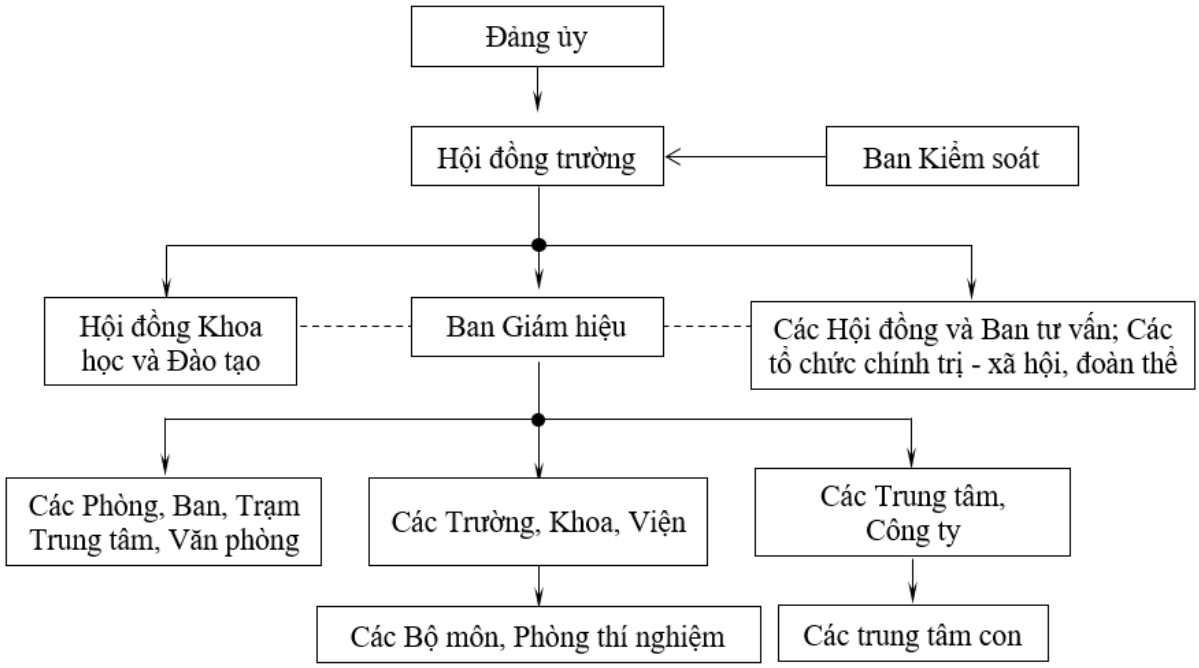
Bộ máy tổ chức của Trường được xây dựng theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm:

1. Đảng ủy;
2. Hội đồng trường;
3. Ban Kiểm soát;
4. Ban Giám hiệu;
5. Các đơn vị trong Nhà trường, gồm:

- Các đơn vị hành chính gồm: phòng, ban, trung tâm, văn phòng, trạm.
- Các đơn vị chuyên môn (đào tạo, NCKH) gồm: trường, khoa, trung tâm, viện và bộ môn (nếu có).
- Các đơn vị khoa học và công nghệ, dịch vụ gồm: trung tâm, công ty,
- Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viện và tương đương.

6. Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viện và tương đương.
7. Các trung tâm con thuộc các trung tâm, công ty.
8. Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các hội đồng và ban tư vấn khác; các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể.




*Hình 5. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

Số lượng các đơn vị trong Nhà trường: việc tổ chức bộ máy của Nhà trường căn cứ Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở 03 cấp: trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa với 59 bộ môn; 12 phòng, 09 văn phòng, ban, trung tâm, trạm thuộc Trường; 08 trung tâm hoạt động theo Luật Khoa học công nghệ và 01 công ty trực thuộc Trường.

Ngày 27/11/2023, Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 154/NQ-HĐT về việc đề nghị thay thế thành viên và đề nghị công nhận thay thế thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 14/12/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Quyết định số 4291/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2023 về việc công nhận thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020-2025.

Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 10/4/2024 về việc thông qua phương án nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ Hội đồng trường (nhiệm kỳ 2020-2025). Ngày 22/5/2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1458/QĐ-BGDĐT về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020-2025

Sau khi được thành lập, Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất, ban hành Quyết nghị các chủ trương, hoạt động của HĐT và Trường như: thành lập các ban, xây dựng quy chế tổ chức hoạt động, xây dựng Chương trình hoạt động của HĐT…; Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của trường; Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; Chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị của trường đại học; Ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; Quyết định chủ trương

đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của trường đại học theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học; Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị. Đến ngày 21/10/2024, Hội đồng trường đã chỉ đạo triển khai hoàn thành quy trình bổ nhiệm lại 01 và bổ nhiệm 02 nhân sự Phó Hiệu trưởng.

Năm học 2023-2024, Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 và Nghị quyết số 178/NQ-HĐT ngày 19/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Ngày 19/12/2023, ban hành Nghị quyết số 176/NQ-HĐT về việc Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và từng bước nâng cao hiệu quả làm việc.

Hội đồng trường ban hành Nghị quyết số 233/NQ-HĐT ngày 28/12/2023 về việc phê duyệt Đề án tự chủ bộ máy, nhân sự và tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2023-2025 và phương hướng đến năm 2030. Ngày 02/8/2024, Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 81/NQ-HĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án Vị trí việc làm của Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2023-2025 theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2024/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục tại cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm công lập.

Trong quá trình hoạt động, Hội đồng trường đã thực hiện tốt công tác giám sát các hoạt động của Trường, đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ trong Trường, tập thể cán bộ, viên chức và người lao động đoàn kết, nhất trí cao với Lãnh đạo Trường, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Tuy nhiên, do chưa thành lập được Văn phòng Hội đồng trường dẫn tới một số hoạt động của Hội đồng trường triển khai còn chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của Nhà trường.

***b) Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý***

Nhà trường đã triển khai công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 627/QĐ-ĐU, 628/QĐ-ĐU, 629/QĐ-ĐU, 630/QĐ-ĐU; 631/QĐ-ĐU ngày 19/7/2024 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các vị trí lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ hiện tại 2020-2025 và nhiệm kỳ kế tiếp 2025-2030, cụ thể có 533 cán bộ, viên chức được quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp phó trưởng bộ môn và tương đương trở lên ở giai đoạn 2020-2025 và 496 cán bộ, viên chức trong giai đoạn kế tiếp 2025-2030. Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường.

***c) Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo quản lý, thăng hạng chức danh nghề nghiệp***

Trong năm học 2023-2024, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định.

Tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện Luật Viên chức và các quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường, cụ thể đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, quy trình, thủ tục bổ nhiệm được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, quy chế được ban hành, công khai, phổ biến và triển khai rộng rãi trong toàn Trường. Đối với các chức vụ quản lý khác: tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, quy trình, thủ tục bổ nhiệm được quy định trong quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm của Trường,

quy chế được ban hành, công khai, phổ biến và triển khai rộng rãi trong toàn Trường. Quy trình bổ nhiệm/bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo quản lý thực hiện theo trình tự từ việc thống nhất chủ trương cho đến triển khai các bước thực hiện quy trình nhân sự, trước khi thực hiện bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý thì có đầy đủ các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy trường, Hội đồng trường.

Ngoài ra các tiêu chuẩn tối thiểu cho từng vị trí việc làm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý cũng được quy định trong đề án vị trí việc làm của Trường. Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, Trường tổ chức xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư, thực hiện các thủ tục bổ nhiệm chức danh phó giáo sư và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp theo quy định pháp luật. Hồ sơ bổ nhiệm thực hiện theo đúng quy định của Trường và pháp luật .

*Bảng 37. Bảng thống kê số lượng viên chức được bổ nhiệm năm học 2022-2023 và 2023-2024*

| Năm | Vị trí lãnh đạo, quản lý | | | Đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh | | Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Cấp Trường | Cấp Phòng, Khoa, Ban và tương đương | Cấp Bộ môn và tương đương | Giáo sư | Phó Giáo sư | Hạng I | Hạng II |
| 2022 - 2023 | | 3 | 20 | | 5 | 1 | 82 |
| 2023 - 2024 | | 12 | 27 | | 9 | 9 | 0 |

***d) Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức***

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường. Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Đến ngày 30/10/2024, tổng số cán bộ của Trường là 669 viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 (đã sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, nay là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022), trong đó có 160 (24%) viên chức và người lao động khối hành chính, 467 (69,7%) giảng viên và 31 kỹ sư (4,6%), 11 trợ giảng (1,7%). Về trình độ, Nhà trường có 278 người trình độ TS (trong đó có 01 GS, 58 PGS), 282 người trình độ Thạc sĩ, 90 người trình độ đại học và 19 người trình độ cao đẳng, sơ cấp.

Năm học 2023-2024, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu trí và tử tuất cho 16 cán bộ, 10 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

*Bảng 38. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường*

| Nội dung | Năm 2023 (đến 31/10/2023) | Năm 2024 (đến 31/10/2024) | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| 1. Tổng số CBVC | 690 | 669 | -3,14 |
| - Viên chức giảng dạy<br>trong đó: Trợ giảng | 485 | 478<br>11 | -1.8 |
| - Viên chức hành chính | 161 | 160 | -0,63 |

| Nội dung | Năm 2023 (đến 31/10/2023) | Năm 2024 (đến 31/10/2024) | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| - Kỹ sư | 44 | 31 | -29,5 |
| 2. Viên chức nghỉ hưu | 9 | 16 | 43,75 |
| 3. Viên chức chuyển công tác | 12 | 10 | -20,00 |
| 4. Số lượt viên chức được cử đi học cao học | 0 | 2 | 100,00 |
| 5. Số lượt viên chức được cử đi học NCS, sau tiến sĩ | 10 | 13 | 23,08 |
| - Trong nước | 5 | 8 | 37,50 |
| - Ngoài nước, đề án 89, sau tiến sĩ ....) | 5 | 5 | 0,00 |
| 6. Số lượt viên chức hoàn thành học tập | 13 | 16 | 18,75 |
| - Trong nước | 9 | 14 | 35,71 |
| - Ngoài nước (đề án 89 ....) | 4 | 2 | -100,00 |
| 7. Thỉnh giảng | 80 | 60 | -33,33 |
| 8. Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức | | Dự kiến | |
| - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 421 | 120 | -71,50 |
| - Hoàn thành tốt nhiệm vụ | 135 | 432 | 220 |
| - Hoàn thành nhiệm vụ | 96 | 86 | -10,42 |
| - Không hoàn thành nhiệm vụ | 4 | 1 | -75,00 |

Để xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức, từ tháng 09 đến tháng 10/2024, Nhà trường đã tổ chức kỳ tuyển dụng viên chức, dự kiến số lượng viên chức tuyển dụng gồm 20 viên chức giảng dạy (trong đó 6 tiến sĩ, 13 thạc sĩ, 01 đại học (trợ giảng) và 14 chuyên viên làm việc tại một số đơn vị trong Nhà trường.

- Trong năm học 2023-2024, Nhà trường đã cử 08 cán bộ đi học nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 05 nghiên cứu sinh và nghiên cứu sau tiến sĩ.

- Tính đến ngày 31/10/2024, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 16 cán bộ hoàn thành học tập về nước, 02 cán bộ ở nước ngoài về nước và 14 cán bộ trong nước, bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

*Bảng 39. Cơ cấu đội ngũ viên chức giảng dạy và trợ giảng*

| Năm | GS | | PGS | | TS | | ThS | | ĐH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 2023 | 4 | 0.8 | 53 | 10.09 | 225 | 46.39 | 196 | 40.4 | 7 | 1.4 |
| 2024 | 1 | 0.1 | 58 | 11.4 | 217 | 42.6 | 224 | 44 | 9 | 1.7 |

*Bảng 40. Phân loại đội ngũ viên chức giảng dạy và trợ giảng tại các Khoa theo trình độ (tính đến ngày 31/10/2024)*

| STT | | Tổng số | Phân loại theo trình độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sỹ, TSKH | Thạc sĩ | Đại học, Cao đẳng |
| | Toàn đơn vị: | 509 | 1 | 58 | 276 | 224 | 9 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Khoa Công nghệ thông tin | 57 | 0 | 3 | 17 | 39 | 1 |
| 2 | Khoa Cơ - Điện | 48 | 0 | 7 | 22 | 24 | 2 |
| 3 | Khoa Dầu khí và Năng lượng | 51 | 0 | 8 | 35 | 15 | 1 |
| 4 | Khoa Khoa học cơ bản | 72 | 0 | 2 | 31 | 40 | 1 |
| 5 | Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất | 58 | 1 | 6 | 34 | 21 | 3 |
| 6 | Khoa Mỏ | 41 | 0 | 7 | 28 | 13 | 0 |
| 7 | Khoa Môi trường | 29 | 0 | 2 | 17 | 12 | 0 |
| 8 | Khoa Lý luận chính trị | 15 | 0 | 0 | 6 | 9 | 0 |
| 9 | Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | 41 | 0 | 3 | 22 | 18 | 1 |
| 10 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai | 67 | 0 | 11 | 38 | 29 | 0 |
| 11 | Khoa Xây dựng | 30 | 0 | 9 | 26 | 4 | 0 |

Theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2024 ban hành kèm theo Kế hoạch số 62/KH-MĐC ngày 01/3/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động năm 2024 và Công văn số 327/MĐC-TCCB ngày 02/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc điều chỉnh Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động năm 2024; Phòng TCCB đã phối hợp với Phòng CSVC triển khai gói thầu cho các lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2024. Bên cạnh đó Nhà trường đã cử 21 viên chức tham dự lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Khoa học Công nghệ, 14 viên chức đi học lớp chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính, 02 viên chức đi học cao cấp Lý luận hệ tập trung và 02 viên chức đi học cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung.

***e) Công tác xét nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn***

Trong năm học 2023-2024 Nhà trường đã thực hiện công tác xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước thời hạn năm 2023 cụ thể như sau:

- Tháng 11/2023 triển khai xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 100 cán bộ viên chức và người lao động (68 cán bộ giảng dạy trong đó 5 giảng viên cao cấp, 63 giảng viên, giảng viên chính; 29 viên chức hành chính, kỹ sư, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 03 viên chức giảng dạy và hành chính); Nâng bậc lương trước hạn với 59 cán bộ viên chức và người lao động (30 cán bộ giảng dạy; 29 viên chức hành chính, kỹ sư).

- Tháng 01/2024 triển khai xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 80 cán bộ viên chức và người lao động (53 cán bộ giảng dạy trong đó 5 giảng viên cao cấp, 48 giảng viên, giảng viên chính; 19 viên chức hành chính, kỹ sư; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 8 viên chức giảng dạy và hành chính).

***8.1.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, tiếp công dân***

***- Việc xây dựng kế hoạch:*** Nhằm nắm bắt tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đề xuất phương án xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hoặc những thiếu sót trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị, cá nhân trong Trường, năm học 2023-2024 Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-MĐC ngày 06/01/2023 về việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2023, Kế hoạch số 731/KH-MĐC ngày 25/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2024.

- ***Kết quả thực hiện*** công tác tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát bao gồm các hoạt động:

***Giám sát thường xuyên, liên tục:*** Việc giám sát công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên. Hằng tháng, Nhà trường đều tiến hành giám sát việc dạy và học, kết quả các cuộc giám sát cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ cán bộ khi lên lớp….

Giám sát chấp hành kỷ luật lao động khối hành chính: trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã lắp thiết bị chấm công bằng vân tay phối kết hợp với các tổ giám sát đột xuất việc chấp hành kỷ luật lao động cũng như giám sát ý thức tiết kiệm, bảo quản và giữ gìn tài sản, trang thiết bị được giao cho đơn vị quản lý. Qua các cuộc giám sát cho thấy, CBVC chấp hành tốt ý thức kỷ luật lao động, có ý thức trong việc giữ gìn tài sản chung. Hằng tháng, Phòng Tổ chức - Cán bộ tổng hợp dữ liệu về giám sát và chấm công tới các đơn vị để kịp thời rà soát và đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ có dấu hiệu vi phạm.

***Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất:*** Căn cứ vào Kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm học 2023-2024, Nhà trường đã tiến hành các cuộc kiểm tra bao gồm:

*Bảng 41. Các hoạt động kiểm tra giám sát trong năm học 2023-2024*

| Thời gian | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|
| Tháng 9/2023 | Số 1280/QĐ-MĐC ngày 12/9/2023 về việc kiểm tra công tác quản lý và sử dụng các phòng thí nghiệm trong Trường | Theo kế hoạch |
| Tháng 10/2023 | Số 1640/QĐ-MĐC ngày 31/10/2023 về việc kiểm tra việc tính toán khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của viên chức giảng dạy năm học 2021-2022 | Theo kế hoạch |
| Tháng 11/2023 | Số 1685/QĐ-MĐC ngày 07/11/2023 về việc kiểm tra, xác minh dấu hiệu vi phạm quy định, nội quy, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp của một số viên chức | Đột xuất |
| Tháng 12/2023 | Số 2297/QĐ-MĐC ngày 25/12/2023 về việc kiểm tra việc quản lý văn bằng, chứng chỉ | Theo kế hoạch |
| Tháng 4/2024 | Số 304/QĐ-MĐC ngày 11/4/2024 về việc kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng chống cháy nổ tại Kho chứa đồ tầng 5, nhà C12 tầng, khu A của Trường | Đột xuất |
| Tháng 5/2024 | Số 460/QĐ-MĐC ngày 10/5/2024 về việc kiểm tra việc tổ chức đưa nội dung phòng chống tham nhũng vào giảng dạy theo Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2013, việc cập nhật nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn có liên quan | Theo kế hoạch |

| Thời gian | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|
| Tháng 10/2024 | Số 1589/QĐ-MĐC ngày 24/10/2024 về việc kiểm tra công tác quản lý và sử dụng các phòng thí nghiệm trong Trường | Theo kế hoạch |

***Về công tác kiểm điểm, xử lý kỷ luật:*** Năm học 2023-2024, Nhà trường nhận được Kết luận thanh tra số 212/KL-BGDĐT ngày 26/7/2024 của Bộ GD&ĐT về việc kết luận thanh tra đột xuất dự án "Tăng cường năng lực nghiên cứu cho Phòng thí nghiệm Cơ - Điện của Trường Đại học Mỏ - Địa chất" trong đó có chỉ ra một số hạn chế, khuyết điểm và vi phạm. Kết quả triển khai thực hiện kiến nghị tại Kết luận 212 như sau: (1) Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 430/KH-MĐC ngày 15/8/2024 về việc thực hiện các kiến nghị nêu tại Kết luận số 212, Kế hoạch số 500/KH-MĐC ngày 10/9/2024 về việc thực hiện kiểm điểm trách nhiệm các đơn vị, cá nhân liên quan đến Kết luận số 212; (2) Ngày 30/9/2024, Nhà trường báo cáo Thanh tra Bộ GĐ&ĐT, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ GD&ĐT việc thực hiện Kết luận thanh tra số 212/KL-BGDĐT.

Trên cơ sở yêu cầu về tiêu chuẩn của viên chức làm công tác thanh tra, Nhà trường đã cử các viên chức, viên chức phụ trách công tác thanh tra đi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ các đợt do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, nhằm đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Nhà nước đã ban hành. Tuy nhiên, hiện tại đội ngũ viên chức thanh tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra thường xuyên, liên tục hơn. 100% viên chức làm công tác thanh tra của Nhà trường đã được cấp chứng chỉ " Cộng tác viên thanh tra giáo dục" theo đúng các quy định của Bộ, các viên chức làm công tác thanh tra tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng.

Các viên chức làm công tác thanh tra, kiểm tra của Nhà trường đa phần là viên chức giảng dạy kiêm nhiệm. Việc giám sát công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên, kết quả các cuộc giám sát cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ viên chức khi lên lớp.

Nhà trường tiếp tục chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tài chính, chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị tăng cường hoàn thiện các quy chế, quy định đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quản lý sử dụng vốn ngân sách, quản lý mua sắm sử dụng tài sản công, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, chế độ hội họp, chi tiêu nội bộ, chế độ chính sách đối với viên chức, viên chức...

***Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo:*** Thực hiện đúng quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Nhà trường cử cán bộ trực phòng tiếp công đân vào giờ làm việc cụ thể như sau:

Các ngày làm việc trong tuần (từ 14 giờ 00 đến 17 giờ 00) trừ ngày lễ, ngày nghỉ hằng tuần.

Lịch tiếp công dân định kỳ của Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng trực tiếp hoặc vì lý do bất khả kháng phân công Phó Hiệu trưởng tiếp công dân vào ngày 15 hằng tháng (nếu ngày tiếp công dân định kỳ trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ, thì sẽ tiếp vào ngày làm việc tiếp theo).

Sáng từ: 8 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ: 14 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

Tiếp công dân đột xuất: Hiệu trưởng quyết định.

Tổng số lượt tiếp, số người được tiếp trong năm 2024 là: 0 lượt

Tổng số lượt giải quyết đơn thư kiến nghị phản ánh: 02 đơn, cụ thể: ngày 20/9/2024 Nhà trường nhận được Công văn số 1057/TTr-NV3 của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo

chuyển đơn của công dân Hoàng Thị Chung, ngày 24/9/2024 Nhà trường nhận được đơn thư khiếu nại của công dân Phạm Thị Phương Anh, hiện Nhà trường đang trong quá trình giải quyết đơn thư theo quy định pháp luật.

Công tác báo cáo về công tác thanh tra, kiểm tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng của Trường được báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Thanh tra Bộ GD&ĐT. Đảm bảo trung thực, chính xác, khách quan và công bằng.

***8.1.3. Công tác cải cách hành chính***

Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy định nội bộ trên cơ sở các văn bản của Nhà nước và Bộ GD&ĐT. Năm học 2023-2024 Nhà trường đã ban hành trên 30 văn bản quy định nội bộ sửa dổi quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường, quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường, sửa đổi bổ sung một số điều của quy định tiếp công dân. vv... hàng năm căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà nước có sự điều chỉnh sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiểu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ. Nhà trường thực hiện phân cấp quản lý giao quyền chủ động triển khai các công việc cho từng thành viên trong Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, các đoàn thể phụ trách, theo dõi, giám sát việc thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Nhà trường.

Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Vào đầu mỗi nhiệm kỳ, Nhà trường tổ chức Quy hoạch cán bộ lãnh đạo các phòng, khoa, ban, giữa nhiệm kỳ lại tiến hành công tác rà soát, quy hoạch bổ sung nhằm phát hiện nhân tố mới, có năng lực, trình độ.

Nhà trường đã trình Bộ GD&ĐT Đề án vị trí việc làm năm 2015. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh tự chủ, Nhà trường chủ động đang tiếp tục xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2. Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Nhà trường tổ chức công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025 và quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Bộ phận một cửa của Nhà trường đã đi vào hoạt động từ tháng 10/2020 và từng bước hoàn thiện với 73 quy trình giải quyết của các mảng Đào tạo, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Năm học 2023-2024 Bộ phận một cửa đã giải quyết hơn 10.000 lượt hồ sơ, việc tiếp nhận được giải quyết nhanh chóng thuận tiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc online.

***8.1.4. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng***

***a) Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức***

Trong năm học 2023-2024, Nhà trường tiếp tục đã có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý hơn góp phần đánh giá đúng hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC; đây cũng là cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

Kết quả năm học 2023-2024, toàn trường có 121 CBVC đạt mức A+, 433 CBVC đạt mức A, 88 CBVC đạt mức B+, 01 CBVC đạt mức C, 52 CBVC không đánh giá xếp loại; 14 tập thể đạt mức A+, 69 tập thể đạt mức A, 8 tập thể đạt mức B+, 0 tập thể đạt mức C.

*Bảng 42. Thống kê xếp loại chất lượng viên chức và người lao động năm học 2023-2024*

| TT | Đơn vị | Mã đơn vị | Số lượng cá nhân theo các mức xếp loại | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | A+ | A | B | C | KĐG |
| A | **Khối Khoa, Bộ môn** | | | | | | |
| **1** | **Khoa Cơ - Điện** | **Khoa** | **9** | **36** | **4** | **0** | **1** |
| 2 | Bộ môn Điện khí hóa | 0901 | 4 | 2 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Bộ môn Kỹ thuật cơ khí | 0904 | 0 | 8 | 1 | 0 | 0 |
| 4 | Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử | 0903 | 1 | 9 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Bộ môn Máy và Thiết bị công nghiệp | 0905 | 2 | 5 | 1 | 0 | 0 |
| 6 | Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí | 0902 | 1 | 7 | 1 | 0 | 1 |
| 7 | Xưởng Cơ - Điện | 1000 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| | Văn phòng Khoa Cơ - Điện | 6631 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **8** | **Khoa Công nghệ thông tin** | **Khoa** | **9** | **42** | **4** | **0** | **1** |
| 9 | Bộ môn Tin học Kinh tế | 0806 | 1 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Bộ môn Khoa học máy tính | 0805 | 1 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Bộ môn Mạng máy tính | 0807 | 0 | 7 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Bộ môn Tin học Địa chất | 0804 | 0 | 3 | 3 | 0 | 0 |
| 13 | Bộ môn HT Thông tin và Tri thức | 0802 | 0 | 7 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | Bộ môn Tin học Trắc địa | 0803 | 3 | 7 | 0 | 0 | 0 |
| 15 | Bộ môn Công nghệ phần mềm | 0801 | 2 | 5 | 1 | 0 | 1 |
| 16 | Phòng TN Địa - Tin học | 0808 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| | VP Khoa Công nghệ thông tin | 6629 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **17** | **Khoa Dầu khí và năng lượng** | **Khoa** | **4** | **28** | **10** | **0** | **0** |
| 18 | Bộ môn Địa chất dầu | 0602 | 0 | 2 | 4 | 0 | 0 |
| 19 | Bộ môn Địa vật lý | 0601 | 1 | 3 | 1 | 0 | 0 |
| 20 | Bộ môn Khoan - Khai thác | 0604 | 2 | 7 | 4 | 0 | 0 |
| 21 | Bộ môn Lọc - Hóa dầu | 0603 | 1 | 9 | 0 | 0 | 0 |

| TT | Đơn vị | Mã đơn vị | Số lượng cá nhân theo các mức xếp loại | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | A+ | A | B | C | KĐG |
| 22 | Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình | 0605 | 0 | 5 | 1 | 0 | 0 |
| | VP khoa Dầu khí và năng lượng | 6627 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| **23** | **Khoa Giáo dục quốc phòng** | **Khoa** | **2** | **8** | **0** | **0** | **0** |
| 24 | Bộ môn Đường lối quân sự | 3001 | 1 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 25 | Bộ môn Kỹ thuật quân sự | 3002 | 1 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| | VP khoa GDQP | 6630 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| **26** | **Khoa Khoa học cơ bản** | **Khoa** | **7** | **39** | **30** | **0** | **0** |
| 27 | Bộ môn Cơ lý thuyết | 0105 | 0 | 3 | 1 | 0 | 0 |
| 28 | Bộ môn Giáo dục thể chất | 0107 | 0 | 9 | 1 | 0 | 0 |
| 29 | Bộ môn Hình họa | 0104 | 0 | 2 | 3 | 0 | 0 |
| 30 | Bộ môn Hóa | 0103 | 1 | 3 | 12 | 0 | 0 |
| 31 | Bộ môn Ngoại ngữ | 0106 | 0 | 8 | 9 | 0 | 0 |
| 32 | Bộ môn Toán | 0101 | 4 | 7 | 1 | 0 | 0 |
| 33 | Bộ môn Vật lý | 0102 | 2 | 6 | 3 | 0 | 0 |
| | VP Khoa khoa học Cơ bản | 6622 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **34** | **Khoa Khoa học và KTĐC** | **Khoa** | **3** | **37** | **11** | **0** | **1** |
| 35 | Bộ môn Địa chất | 0401 | 1 | 6 | 1 | 0 | 0 |
| 36 | Bộ môn Địa chất công trình | 0405 | 1 | 10 | 0 | 0 | 1 |
| 37 | Bộ môn Địa chất Thủy văn | 0406 | 0 | 2 | 5 | 0 | 0 |
| 38 | Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa | 0403 | 0 | 5 | 3 | 0 | 0 |
| 39 | Bộ môn Tìm kiếm thăm dò | 0402 | 1 | 11 | 2 | 0 | 0 |
| | Văn phòng khoa KH và KTĐC | 6625 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| | Bảo tàng địa chất | 0410 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **40** | **Khoa Kinh tế - QTKD** | **Khoa** | **20** | **24** | **1** | **0** | **0** |
| 41 | Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí | 0703 | 6 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 42 | Bộ môn QTDN Mỏ | 0702 | 5 | 7 | 0 | 0 | 0 |
| 43 | Bộ môn Kinh tế cơ sở | 0701 | 1 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 44 | Bộ môn Kế toán doanh nghiệp | 0704 | 7 | 8 | 0 | 0 | 0 |

| TT | Đơn vị | Mã đơn vị | Số lượng cá nhân theo các mức xếp loại | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | A+ | A | B | C | KĐG |
| | VP khoa KT & QTKD | 6628 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| **45** | **Khoa Lý luận chính trị** | **Khoa** | **1** | **13** | **1** | **0** | **0** |
| 46 | Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN | 0203 | 0 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 47 | Bộ môn Triết học và Pháp luật | 0201 | 0 | 4 | 1 | 0 | 0 |
| 48 | Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH | 0202 | 1 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| | VP khoa Lý luận chính trị | 6623 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **49** | **Khoa Mỏ** | **Khoa** | **4** | **29** | **6** | **0** | **0** |
| 50 | Bộ môn Khai thác hầm lò | 0302 | 2 | 9 | 3 | 0 | 0 |
| 51 | Bộ môn Khai thác lộ thiên | 0301 | 1 | 7 | 2 | 0 | 0 |
| 52 | Bộ môn Sức bền vật liệu | 0305 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| 53 | Bộ môn Tuyển khoáng | 0304 | 1 | 7 | 1 | 0 | 0 |
| | VP khoa Mỏ | 6624 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| **54** | **Khoa Môi trường** | **Khoa** | **4** | **16** | **6** | **1** | **0** |
| 55 | Bộ môn Địa sinh thái và CNMT | 0408 | 2 | 4 | 4 | 0 | 0 |
| 56 | Bộ môn Kỹ thuật Môi trường | 1103 | 0 | 7 | 2 | 0 | 0 |
| 57 | Bộ môn QLTN và môi trường | 1101 | 2 | 4 | 0 | 1 | 0 |
| | VP Khoa Môi trường | 6633 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **58** | **Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ** | **Khoa** | **15** | **37** | **7** | **0** | **0** |
| 59 | Bộ môn Bản đồ | 0507 | 1 | 1 | 3 | 0 | 0 |
| 60 | Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | 0503 | 2 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 61 | Bộ môn Trắc địa Cao cấp | 0502 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 62 | Bộ môn Trắc địa Công trình | 0501 | 1 | 5 | 1 | 0 | 0 |
| 63 | Bộ môn Trắc địa Mỏ | 0505 | 5 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 64 | Bộ môn Địa chính | 0506 | 2 | 9 | 1 | 0 | 0 |
| 65 | Bộ môn Trắc địa Phổ thông | 0504 | 1 | 7 | 2 | 0 | 0 |
| 66 | Tổ máy Trắc địa | 0509 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| | VP Khoa Trắc địa BĐ-QLĐĐ | 6626 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **67** | **Khoa Xây dựng** | **Khoa** | **15** | **10** | **1** | **0** | **0** |

| TT | Đơn vị | Mã đơn vị | Số lượng cá nhân theo các mức xếp loại | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | A+ | A | B | C | KĐG |
| 68 | Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng | 1002 | 4 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 69 | Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ | 1001 | 6 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| 70 | Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở | 1003 | 4 | 3 | 1 | 0 | 0 |
| | VP khoa Xây dựng | 6632 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| | **Tổng cộng** | | **93** | **319** | **81** | **1** | **3** |
| B | **Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm** | | | | | | |
| 1 | Phòng Công tác chính trị - SV | 6601 | 1 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phòng Cơ sở vật chất | 6602 | 2 | 14 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng Đào tạo Đại học | 6604 | 2 | 9 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Phòng Đạo tạo sau đại học | 6605 | 1 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Phòng ĐBCLGD | 6603 | 1 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Phòng Hành chính - Tổng hợp | 6606 | 3 | 18 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Phòng Hợp tác quốc tế | 6607 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| 8 | Phòng KHCN | 6609 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Phòng Kế hoạch Tài chính | 6608 | 2 | 9 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Phòng Quan hệ CC và DN | 6610 | 1 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Phòng Tổ chức - Cán bộ | 6611 | 1 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Phòng Xuất bản | 6612 | 0 | 2 | 1 | 0 | 0 |
| 13 | Văn phòng Chương trình tiên tiến | 6619 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | VP Đảng - Đoàn thể | 6620 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 15 | Trạm y tế | 6618 | 1 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 16 | Trung tâm dịch vụ | 6614 | 2 | 14 | 0 | 0 | 0 |
| 17 | Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học | 6615 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 18 | Trung tâm PTTN CN cao | 6616 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 19 | Trung tâm Thông tin - Thư viện | 6617 | 2 | 13 | 0 | 0 | 0 |
| 20 | Ban quản lý các dự án | 6613 | 3 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 21 | Văn phòng Đại diện | 6621 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| | **Tổng cộng** | | **28** | **114** | **4** | **0** | **0** |

***b) Công tác thi đua khen thưởng***

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, trong năm qua tập trung vào tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn của Trung ương, của Bộ. Công tác sơ kết, tổng kết được Hội đồng thi đua khen thưởng Trường triển khai chặt chẽ.

Nhà trường đã phát động các phong trào thi đua như Thi đua dạy tốt, học tốt…Công đoàn Trường phát động phong trào "Giỏi việc Trường đảm việc nhà", tuyên truyền hưởng ứng, triển khai thực hiện phong trào thi đua "đổi mới, sáng tạo, trong quản lý, giảng dạy và học tập; triển khai Phong trào "Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030" của ngành Giáo dục. Bên cạnh đó Nhà trường tổ chức các cuộc thi và khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào Công đoàn. Đoàn thanh niên Trường phát động các phòng trào nghiên cứu khoa học công nghệ trong cán bộ trẻ, sinh viên và có khen thưởng cho tập thể, cá nhân xuất sắc.

Trường đã ban hành Quyết định quy định điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung công nhận và phân loại sáng kiến tổ chức đánh giá công nhận các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ có hiệu quả. Các giải pháp hữu ích, áp dụng sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính…của tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu, xuất sắc để làm cơ sở cho việc xem xét công nhận các danh hiệu thi đua và biểu dương, khen thưởng cuối năm học.

Các Phòng, Khoa, Ban, Trạm, Bộ môn, Trung tâm, Công ty trực thuộc Trường và các tổ chức đoàn thể tích cực tham gia phòng trào, thường xuyên đề ra chương trình công tác cụ thể hàng tháng, quý, năm để có hướng thực hiện, góp phần thắng lợi nhiệm vụ chung của Nhà trường đã đề ra.

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và đặc điểm, điều kiện của đơn vị, Nhà trường xây dựng tiêu chí hàng năm khen thưởng thường xuyên và khen thưởng đột xuất. Với đặc thù của ngành giáo dục, việc bình xét thi đua phải theo năm học. Nhà trường đã ra Quyết định quy định tiêu chí xét thi đua cho tập thể, cá nhân. Danh hiệu thi đua khen thưởng năm học đối với cá nhân gồm có: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở (trường); Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Bằng khen Bộ trưởng; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động; Kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục. Danh hiệu thi đua khen thưởng đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến; Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen Bộ trưởng; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động.

Năm học 2022-2023, Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng với kết quả cụ thể:

- Khen thưởng cấp Trường: Tập thể lao động tiên tiến: 80; Chiến sĩ thi đua cơ sở: 102; Lao động tiên tiến: 458; Giấy khen Hiệu trưởng: 114 cá nhân và 18 tập thể.

- Khen thưởng bậc cao: Huân chương Lao đông hạng Ba: 02 cá nhân; Tập thể Lao động xuất sắc: 61; Bằng khen Bộ trưởng: 78 cá nhân, 21 tập thể; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ: 06 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng chính phủ 04 cá nhân;; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục: 58 cá nhân.

***8.2. Những tồn tại***

***a) Công tác tổ chức - cán bộ***

- Viên chức phụ trách các mảng công việc trong công tác tổ chức, viên chức không được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật các văn bản pháp lý có liên quan một cách thường xuyên nên đôi khi còn gặp khó khăn trong quá trình xây dựng.

- Việc xây dựng phương án tự chủ bộ máy, nhân sự phải gắn với Chiến lược phát triển của Nhà trường tuy nhiên bối cảnh thực tiễn thay đổi thường xuyên khó dự đoán. Các văn bản pháp luật hướng dẫn xây dựng đề án vị trí việc làm còn chung chung, chưa cụ thể dẫn tới mất nhiều thời gian để triển khai xây dựng.

- Chính sách đãi ngộ đối với viên chức theo quy định pháp luật còn thấp dẫn tới khó tuyển dụng cũng như duy trì nhân lực chất lượng cao của Nhà trường. Viên chức giảng dạy tại một số ngành đào tạo thiếu giờ giảng dạy do gặp khó khăn trong công tác tuyển sinh, việc dịch chuyển nghề nghiệp mất nhiều thời gian.

- Quá trình thẩm tra xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền ảnh hưởng đến thời gian thực hiện quy trình bổ nhiệm/bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Hiện tại đội ngũ viên chức tham gia công tác kiểm tra, giám sát còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc kiểm tra thường xuyên, liên tục.

- Kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn hạn hẹp. Nhiều viên chức, viên chức đi đào tạo trong nước, nước ngoài sau khi được tiếp nhận về Nhà trường làm việc lại làm thủ tục chuyển công tác do thu nhập không bảo đảm cuộc sống.

***b) Công tác thanh tra, kiểm tra***

Đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra thường xuyên, liên tục hơn.

***c) Công tác cải cách hành chính***

- Do hệ thống văn bản hướng dẫn của Nhà nước còn chưa cụ thể, đôi khi còn dẫn đến việc chồng chéo, chưa kịp thời trong công tác cải cách thể chế và cơ cấu tổ chức bộ máy.

- Do nhân viên làm công tác ở bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải kiêm nhiệm nhiều việc, do đó ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhân viên thực hiện liên thông các thủ tục hành chính còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ cho công tác Cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng theo yêu cầu.

***d) Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng***

- Công tác ban hành các quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

- Công tác xét đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức vẫn còn một số hạn chế, chưa đánh giá đầy đủ các hoạt động mà cán bộ, viên chức thực hiện trong năm.

***8.3. Giải pháp***

Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt là cán bộ quản lý, cán bộ trong quy hoạch tạo tiền đề cho công tác bổ nhiệm, tăng cường công tác quản trị của Nhà trường.

Tiếp tục nâng cao nhận thức, thực hiện đúng các quan điểm, nguyên tắc, phương châm nội dung và phương pháp của công tác bổ nhiệm, rà soát, quy hoạch cán bộ. Thực hiện nghiêm túc các Hướng dẫn, các văn bản của cấp trên về công tác quy hoạch.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ của nhà trường có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, đảm bảo về cơ cấu độ tuổi, có tính kế thừa, phát triển, nhằm đáp ứng các nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. Song song với công tác quy hoạch cán bộ nhằm đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, để bố trí công.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát tiêu chuẩn chức danh cán bộ gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao, sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên theo hướng hiệu quả tích cực. Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ của Nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực toàn diện về cả số lượng, chất lượng, cơ cấu, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Chú trọng phát hiện, tạo nguồn cán bộ, nhất là cần quan tâm đến những cán bộ, viên chức giỏi, có năng lực chuyên môn tốt, có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình trong công tác, có tư cách và phẩm chất đạo đức tốt, từ đó để chọn nguồn quy hoạch cán bộ lâu dài cho nhà trường.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách cán bộ, gắn với khen thưởng, kỷ luật kịp thời, đúng đối tượng. Cải thiện đời sống cán bộ, tăng thu nhập cán bộ, viên chức trong trường theo Chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong công tác cán bộ. Qua đó đề ra các giải pháp hiệu quả để phòng ngừa, ngăn chặn sai phạm trong công tác cán bộ.

**9. Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án**

***9.1. Những kết quả đạt được***

***9.1.1. Công tác tài chính***

Năm 2023, công tác thu, chi các nguồn tài chính của Trường phòng Kế hoạch Tài chính đã đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Kết quả tài chính năm 2023 được thể hiện tại bảng 42 như sau:

*Bảng 43. Thống kê thu, chi tài chính năm 2023*
*(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)*

| TT | Nội dung | Số tiền (triệu đồng) |
|---|---|---|
| **I** | **Thu, chi thường xuyên** | |
| ***1*** | ***Thu thường xuyên*** | ***266.701*** |
| | Thu NSNN cấp chi thường xuyên | 39.000 |
| | Thu học phí các hệ đào tạo | 188.491 |
| | Thu hoạt động sự nghiệp khác | 39.210 |
| ***2*** | ***Chi thường xuyên*** | ***171.331*** |
| | Chi tiền lương, tiền công và các khoản chi khác cho viên chức | 128.652 |
| | Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý | 30.624 |
| | Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định | 4.606 |
| | Chi khác theo quy định | 2.198 |
| | Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định | 5.251 |
| ***3*** | ***Kinh phí giảm trong năm do tiết kiệm chi thường xuyên nộp trả NSNN*** | ***0*** |
| ***4*** | ***Chênh lệch thu - chi thường xuyên (4=1-2-3)*** | ***95.370*** |
| | Chênh lệch thu - chi thường xuyên chưa phân phối<br>(lãi tiền gửi dự thu tính đến 31/12/2023 chưa về tài khoản Trường trong năm 2023) | 14.840 |
| | Phân phối cho các Quỹ | 42.382 |
| | Trích lập nguồn cải cách tiền lương | 38.148 |
| ***5*** | ***Trích lập Quỹ cơ quan năm 2023 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên và lãi tiền gửi dự thu tính đến 31/12/2022 đã về tài khoản Trường trong năm 2023*** *số tiền: 7.374.573.835 đồng* | ***49.756*** |
| | Quỹ khen thưởng | 1.493 |
| | Quỹ phúc lợi | 10.946 |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 24.878 |
| | *Trong đó:* | *0* |
| | *+ Quỹ bổ sung thu nhập* | *22.390* |
| | *+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập* | *2.488* |
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 12.440 |

| TT | Nội dung | Số tiền (triệu đồng) |
|---|---|---|
| ***6*** | ***Số chi Quỹ cơ quan trong năm 2023 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên*** | ***41.817*** |
| | Quỹ khen thưởng | 777 |
| | Quỹ phúc lợi | 11.424 |
| | Quỹ bổ sung thu nhập | 27.513 |
| | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 2.103 |
| **II** | **Thu, chi không thường xuyên** | **0** |
| ***1*** | ***Kinh phí năm 2022 để lại chuyển sang năm 2023*** | ***533*** |
| | Thu NSNN cấp chi không thường xuyên | 0 |
| | Thu đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 533 |
| ***2*** | ***Thu không thường xuyên*** | ***14.798*** |
| | Thu NSNN cấp chi không thường xuyên | 6.264 |
| | Thu đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 8.534 |
| ***3*** | ***Chi không thường xuyên*** | ***14.931*** |
| | Chi NSNN cấp chi không thường xuyên | 5.988 |
| | Chi đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 8.943 |
| ***4*** | ***Kinh phí hủy dự toán*** | ***399*** |
| | NSNN cấp chi không thường xuyên | 276 |
| | Đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 124 |
| **III** | **Các khoản thu hộ, chi hộ, Quỹ đặc thù** | **0** |
| ***1*** | ***Các khoản thu hộ, Quỹ đặc thù*** | ***218.175*** |
| 1.1 | Các khoản thu hộ | 214.090 |
| | Thu từ Dự án Eramus + | 0 |
| | Thu từ đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 27.155 |
| | Các khoản thu hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)* | 9.572 |
| | Doanh thu nhận trước | 177.363 |
| 1.2 | Thu các Quỹ đặc thù | 4.085 |
| | Quỹ khuyến học | 1.365 |
| | Quỹ hỗ trợ sinh viên | 2.719 |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | 0 |
| ***2*** | ***Các khoản chi hộ, Quỹ đặc thù*** | ***200.973*** |
| 2.1 | Các khoản chị hộ | 196.016 |
| | Chi Dự án Eramus + | 0 |
| | Chi đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP | 11.217 |
| | Các khoản chi hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)* | 11.108 |

| TT | Nội dung | Số tiền (triệu đồng) |
|---|---|---|
| | Kết chuyển doanh thu nhận trước | 173.691 |
| 2.2 | Chi các Quỹ đặc thù | 4.958 |
| | Chi Quỹ khuyến học | 458 |
| | Chi Quỹ hỗ trợ sinh viên | 4.475 |
| | Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ | 25 |
| ***3*** | ***Chênh lệch các khoản thu hộ - chi hộ, Quỹ đặc thù (3=1-2)*** | ***17.202*** |

*Bảng 44. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2023 (trong đó không bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

Đơn vị tính: đồng

| TT | Danh mục | Năm 2022 | Năm 2023 | Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2022 (%) | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 16 188 000 | 18.594.000 | 2 406 000 | 15 |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 18 600 000 | 20 805 000 | 2 205 000 | 12 |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 11 057 000 | 13 837 000 | 2 780 000 | 25 |

*Bảng 45. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2023 (trong đó bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)*

Đơn vị tính: đồng

| TT | Danh mục | Năm 2022 | Năm 2023 | Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2022 (%) | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động | 16 767 000 | 21 140 000 | 3 306 000 | 6 |
| 2 | Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy | 19 686 000 | 24 026 000 | 3 278 000 | 5 |
| 3 | Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy | 10 622 000 | 14 930 000 | 1 013 000 | 10 |

*Về thực hiện chế độ chính sách của nhà nước, chế độ cho người học và nghĩa vụ với nhà nước:* Trường thực hiện nghiêm túc mức thu học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Đồng thời thực hiện chế độ biễn giảm học phí,hỗ trợ chi phí học tập, chi chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên theo quy định của Nhà nước.

Phòng KHTC đã tham mưu cho Hiệu trưởng tuân thủ nghiêm túc và chịu trách nhiệm tổ chức rà soát thường xuyên để bổ sung, điều chỉnh kịp thời quy chế chi tiêu nội bộ khi có các thay đổi về chế độ, chính sách theo đúng quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2023:* thực hiện lập báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời gian theo thông báo tại công văn số 937/BGDĐT-KHTC ngày 06/3/2024. Mẫu biểu báo cáo lập về cơ bản đầy đủ theo đúng quy định về chế độ báo cáo tài chính đối với đơn vị hành chính sự nghiệp. Phòng sử dụng các chương trình, phần mềm phục vụ công tác kế toán như: phần mềm kế toán, phần mềm lương, phần mềm thu học phí... để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán, thống kê số liệu và lập báo cáo trong quá trình quản lý tài chính của Trường.

*Công tác chấp hành chế độ, định mức chi:* Các nội dung chi của Trường đã bám sát theo nội dung, mức chi quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác của Nhà nước. Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn thu hiệu quả, quản lý công tác chi đúng quy định, tiết kiệm, chống lãng phí. Các báo cáo tài chính hàng năm được công khai tài chính theo đúng quy định và được kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp trên như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra kho bạc công nhận.

Nghiêm túc thực hiện kê khai và nộp đầy đủ các loại thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, các khoản thuế khác ... theo đúng quy định của pháp luật về thuế.

Các khoản thu được thực hiện đúng với văn bản quy định về tài chính của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác theo đúng dự toán. Phòng KHTC đã chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ về tài chính, kế toán; thực hiện kịp thời các báo cáo tài chính, báo quyết toán tài chính.

*Các báo cáo đột xuất khác:* Trong năm học 2023-2024, Phòng KHTC đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các nội dung cũng như yêu cầu về thời gian của các báo cáo cơ quan thẩm quyền cấp trên.

Công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán được Phòng thực hiện hàng năm trước khi Bộ Giáo dục và Đào tạo về duyệt quyết toán theo đúng quy định tại Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 5636/BGDĐT-KHTC ngày 06/7/2005.

Thực hiện công văn số 1674/BGDĐT-KHTC ngày 17/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo lịch xét duyệt báo cáo quyết toán năm 2023, đoàn kiểm tra đã làm việc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất được đánh giá không vi phạm về quản lý tài chính.

Phòng KHTC đã chủ động tham mưu cho Hội đồng trường, Ban Giám hiệu phân bổ sử dụng nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của Trường, thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình hình hoạt động thực tế, Phòng KHTC hoàn thành xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027.

Thực hiện công khai công khai, minh bạch về tài chính trên cổng thông tin điện tử của Trường, hội nghị viên chức, hội nghị kế hoạch tài chính. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến với Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm.

Kế toán, tài chính, kiểm toán; hiệu quả của công tác tài chính; minh bạch và công khai.

***9.1.2. Công tác cơ sở vật chất***

***a) Sửa chữa thường xuyên***

Năm học 2023-2024, Nhà trường thực hiện sửa chữa thường xuyên các hạng mục:

Chống thấm nhà A; sửa chữa phòng H8; thay trần và hệ thống chiếu sáng phòng Sông Công; phòng truyền thống; lối vào sảnh nhà A; lát nền gạch granit 4 dãy nhà A,B,C,D cấp 4 khu B (hai dãy nhà ăn, hai dãy phòng học Giáo dục quốc phòng an ninh); lắp dựng trần thạch cao 4 dãy nhà A,B,C,D cấp 4 khu B (hai dãy nhà ăn, hai dãy phòng học Giáo dục quốc phòng an ninh), … và một số công việc sửa chữa thường xuyên khác.

Công tác sửa chữa, cải tạo chủ yếu được thực hiện học kỳ 1 năm học (cuối năm tài chính 2023). Nhìn chung công tác duy tu, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

***b) Công tác mua sắm tài sản, thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất***

- Công tác triển khai đề án, dự án: Trong năm học 2023-2024 có 03 đề án, dự án triển khai. Đề án lắp đặt wifi phòng học (đã triển khai xong khu A, đang triển khai khu B); Tiếp tục và hoàn thiên công trình phục vụ sinh viên; Triển khai các tiểu dự án phòng thí nghiệm.

- Công tác mua sắm tài sản, thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất: Công tác mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và làm việc gồm: Máy tính văn phòng và phần mềm, máy chiếu, máy scan, máy pho to, máy in tốc độ cao; thay thế, bổ sung điều hòa các đơn vị; thiết bị các phòng thí nghiệm, thiết bị phòng học; Lắp điều hòa dãy nhà A,B,C,D cấp 4 khu B; Mua sắm công cụ, dụng cụ: Màn hình máy tính, máy in, màn chiếu, …; Ghế, bàn làm việc, bàn phòng họp, bàn ghế phòng thí nghiệm; Tủ sắt, giá sắt; Công cụ dụng dụ văn phòng, công cụ dụng cụ PTN phục vụ làm việc các đơn vị. Việc mua sắm này được thực hiện chủ yếu vào học kỳ 1 năm học 2023-2024 (tức cuối năm 2023). Học kỳ 2 của năm học (tức đầu năm 2024), do kế hoạch tài chính chưa được phê duyệt nên công tác mua sắm thực hiện ít, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.

Công tác mua sắm dụng cụ vật tư hóa chất các phòng thí nghiệm trong Trường được thực hiện theo kế hoạch.

***c) Công tác theo dõi quản lý hoạt động các phòng thí nghiệm***

Hiện tại, toàn Trường có 42 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đại: 10 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí và Năng lượng: 06 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 05 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao. PTN 4.0 do Hitachi tài trợ hiện tại vẫn chưa đưa vào hoạt động.

Nhìn chung các PTN hoạt động bình thường, các khoa có tuyển sinh tốt sử dụng PTN hiệu quả. Theo quy định của Nhà trường, cuối mỗi năm học, các phòng thí nghiệm sẽ thực hiện nộp sổ nhật ký phòng thí nghiệm về Nhà trường, tuy nhiên một số phòng thí nghiệm vẫn không nộp sổ nhật ký đầy đủ.

***d) Công tác PCCC***

Hiện nay, Nhà trường thực hiện thiết kế thẩm duyệt được Nhà E, Giảng đường và KTX 9 tầng khu B, đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư Thi công hệ thống PCCC công trình này; Bào trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC các tòa nhà đảm bảo theo khuyến nghị và yêu cầu của Công an PCCC quận Bắc Từ Liêm.

***9.1.3. Công tác quản lý các dự án***

***a) Công tác điều chỉnh dự án và Giải phóng mặt bằng***

- Lập kế hoạch, hoàn thiện hồ sơ và tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học (điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, gia hạn thời gian thực hiện Dự án, Đề xuất nguồn vốn đầu tư: NSNN, nguồn tự có).

- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Xuân Đỉnh, phường Đức Thắng.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ mặt bằng và chống tái lấn chiếm các khu vực, diện tích đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.

***b) Công tác đầu tư xây dựng Giảng đường tại Khu A1 - Khu Đô thị Đại học***

- Phối hợp chặt chẽ với Ban QLCDA Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thi công Công trình đảm bảo theo đúng các qui định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát để giải quyết các vấn đề liên quan đến hạ tầng kỹ thuật của Khu Giảng đường kết nối với Khu Đô thị Đại học như: cấp điện, cấp nước, thoát nước theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo sự đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu A1.

***c) Công tác Kế hoạch đầu tư công 2026-2030***

Với mục tiêu là tập trung đầu tư vào Khu A1 thuộc dự án Khu Đô thị Đại học để nhanh chóng tạo ra một khuôn viên đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và các công trình trên cơ sở khu chức năng xây dựng trường học có diện tích 3,766ha/tổng diện tích khoảng 5,5ha của Khu A1 (06.CQ3) đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và phù hợp với Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030, Ban QLCDA đã tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường lập kế hoạch đầu tư công giai đoạn trung hạn 2026-2030 trình cấp thẩm quyền nghiên cứu, xem xét.

***d) Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa, nâng cấp Nhà làm việc C12***

Với mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo các tiêu chuẩn cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của giảng viên, cán bộ viên chức nhà trường trong môi trường sư phạm an toàn, thân thiện, Ban QLCDA đã tham mưu đề xuất Nhà trường trình cấp thẩm quyền xem xét bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 và đề xuất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, thẩm duyệt Dự án nâng cấp, Cải tạo sửa chữa Nhà làm việc C12 với TMĐT dự kiến là 14,982 tỷ VNĐ, thời gian thực hiện dự án 2024 - 2025, nguồn vốn: NSNN theo Quyết định số 2507/QĐ-BGDĐT ngày 13/9/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.

***e) Công tác quy hoạch cơ sở vật chất***

Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045; trong đó mục tiêu về cơ sở vật chất là "Xây dựng Đề án lộ trình hiện đại hóa cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó có một số phòng thí nghiệm đạt chuẩn khu vực", Ban QLDA chủ động phối hợp với phòng Cơ sở vật chất, Kế hoạch Tài chính tham mưu cho Đảng ủy, Lãnh đạo nhà trường về công tác quy hoạch phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2030 và định hướng 2045 đạt hiệu quả tốt.

***g) Công tác khác***

- Tổ chức khôi phục hệ thống hàng rào tạm chống tái lấn chiếm khu Đô thị Đại học do cơn bão số 3 Yagi gây ra.

- Phối hợp với Ban QLCDA Bộ Giáo dục và Đào tạo làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội về thoát nước thải để triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Hệ thống thoát nước thải Khu giảng đường tại Khu A1 - Khu Đô thị Đại học để công trình Giảng đường khi đưa vào sử dụng đảm bảo theo yêu cầu qui định của pháp luật về tiêu chuẩn nước thải và đấu nối thoát nước thải trong khi Hệ thống thoát nước thải chung của Khu ĐTĐH chưa hoàn chỉnh.

- Ngoài các nội dung trên, Ban QLCDA phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường thực hiện viêc triển khai các nội dung công việc có liên quan khác như: bãi tập chiến thuật phục vụ

môn học Giáo dục quốc phòng an ninh; bãi đỗ xe tạm dành cho cán bộ, viên chức, giảng viên, sinh viên tại khu A1 Khu Đô thị Đại học...

***9.2. Những tồn tại***

***a) Công tác tài chính***

Do nguồn tài chính của Trường còn hạn hẹp nên Trường gặp nhiều khó khăn trong việc lập kế hoạch tài chính năm đề phân bổ kinh phí thực hiện các hoạt động của Trường.

***b) Công tác cơ sở vật chất***

- Nguồn tài chính đầu tư CSVC còn hạn chế, trong năm học không có nguồn đầu tư từ Ngân sách NN.

- Công tác quản lý điều hòa, thiết bị phòng học vẫn còn hạn chế, còn hiện tượng phòng không có người, điều hòa nhiệt độ và thiết bị phòng học vẫn làm việc.

- Năm học 2023-2024, một số công việc liên quan đến cơ sở vật chất triển khai vẫn còn tình trạng chậm so với yêu cầu của thực thế hoạt động của Nhà trường, một phần chờ phê duyệt, một phần do phải thực hiện chặt chẽ các quy định tài chính, đây là nhược điểm của năm cũ, năm nay có phần cải thiện, nhưng chậm vẫn xảy ra.

- Chưa thực hiện làm cấp giấy chứng nhận QSD đất 30 Tạ Quang Bửu do vẫn đang chờ sự sắp xếp tự Bộ GD&ĐT.

***c) Công tác quản lý các dự án***

Quản lý dự án là một lĩnh vực kéo dài về thời gian, trải qua nhiều giai đoạn với những thay đổi về cơ chế, chính sách thường xuyên và liên tục. Việc điều chỉnh theo pháp lý để phù hợp với đặc thù của dự án gặp nhiều khó khăn do nhiều yếu tố (khách quan, nguồn vốn, văn bản pháp lý) nên kết quả một số công việc chưa đảm bảo đúng kế hoạch.

***9.3. Giải pháp***

***a) Công tác tài chính***

- Đề nghị các đơn vị lập kế hoạch tài chính năm 2025 thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch hoặc đặc biệt là công tác tập huấn, hội nghị, hội thảo. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong năm hiện hành.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan, chủ yếu là Phòng TCCB, ĐTĐH, ĐTSĐG, KHCN và CSVC để tăng nguồn thu từ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động dịch vụ của Trường để thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/ĐU ngày 30/12/2020 về các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

- Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị tuân thủ nghiêm túc và chịu trách nhiệm tổ chức rà soát thường xuyên để bổ sung, điều chỉnh kịp thời quy chế chi tiêu nội bộ khi có các thay đổi về chế độ, chính sách theo đúng quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phối hợp với Phòng TCCB trong việc phân phối thu nhập tăng thêm đảm bảo nguyên tắc: 'Người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi thì được hưởng nhiều hơn".

- Tăng cường công tác kiểm soát chi tiêu theo đúng nhiệm vụ, nội dung và nguồn kinh phí. Thực hiện kê khai và nộp đầy đủ các loại thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, các khoản thuế khác ... theo đúng quy định của pháp luật về thuế. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật thuế, thực hiện kê khai đầy đủ đối tượng có thu nhập chịu thuế; thực hiện khấu trừ thuế TNCN vãng lai tại nguồn trước khi chi trả tiền lương, tiền công cho người lao thuộc diện chịu thuế.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và công khai tài chính; tham mưu ban lãnh đạo Trường có thể thuê đơn vị kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ với các thành viên là người có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán nhằm

thực hiện công tác kiểm toán đạt hiệu quả và đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước. Thông qua công tác kiểm toán giúp các đơn vị phát hiện những thiếu sót, kịp thời thực hiện chấn chỉnh lại những sai sót trong công tác quản lý tài chính và đưa công tác quản lý tài chính các trường đi vào nề nếp theo đúng quy định của Nhà nước.

- Báo cáo Ban Giám hiệu, thông báo các đơn vị thu hồi công nợ đối với các khoản tạm ứng chưa hoàn của các tổ chức, cá nhân.

- Lập kế hoạch về việc học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho viên chức làm công tác tài chính như thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chế độ, chính sách mới về quản lý tài chính.

***b) Công tác cơ sở vật chất***

- Thực hiện tốt công tác CSVC phục vụ đào tạo và NCKH: Tận dụng mọi nguồn lực tài chính để đầu tư CSVC.

- Đẩy mạnh công tác quản lý thiết bị, máy móc, quản lý chặt chẽ thiết bị, máy móc giá trị lớn, hiện đại nhằm hạn chế sự hư hỏng, cũng như việc sử dụng kém hiệu quả.

- Tiếp tục công tác rà soát hiện trạng CSVC của các đơn vị; tận dụng mọi nguồn lực, tập trung đầu tư trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở ưu tiên các đơn vị đầu tư CSVC thiết thực phục vụ đào tạo và NCKH; công tác vật tư, hóa chất dụng cụ phòng thí nghiệm trên tinh thần đáp ứng đầy đủ để đảm bảo công tác đào tạo đối với tất cả các ngành trong trường; đáp ứng đầy đủ dụng cụ văn phòng dựa trên cơ sở hiệu quả, tiết kiệm.

Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã được chú trọng và đạt hiệu quả hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

***c) Công tác quản lý các dự án***

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho cán bộ, viên chức phù hợp với chuyện môn nghiệp vụ. Quản lý dự án phải trở thành một nghề mang tính chuyên nghiệp, quản lý rủi ro là nội dung quan trọng hàng đầu của quản lý dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong và ngoài trường để thực hiện tốt công việc được giao liên quan đến công tác GPMB và dự án đầu tư xây dựng.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản pháp luật trong lĩnh vực đầu tư dự án để triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị theo đúng quy định; chủ động, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ trình Hiệu trưởng ban hành nhằm chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

- Chủ động lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm, trong đó phải xác định rõ mục tiêu về chất lượng dự án và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện dự án.

**10. Công tác thông tin, thư viện**

***10.1. Những kết quả đạt được***

***a) Công tác thư viện***

- Mua 86 đầu sách (940 cuốn). Mua 02 CSDL điện tử.
- Xuất bản và nhập thư viện 31 đầu sách (2702 cuốn).
- Nhận tặng 27 đầu sách tiếng Việt (132 cuốn).
- Bổ sung 187 cuốn luận án/luận văn và 12 cuốn báo cáo tổng kết đề tài KHCN.
- Phục vụ hơn 12.835 lượt bạn đọc, gần 9.635 lượt tài liệu.

*Bảng 46. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2022-2023 và 2023-2024*

| Năm học | SÁCH XUẤT BẢN | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Giáo trình | | | Ghi chú | |
| | Số lượng | | | | |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | | |
| 2022-2023 | 18 | 1518 | | | |
| 2023-2024 | 31 | 2702 | | | |
| Tăng/Giảm | +72.2% | +78% | | | |
| Năm học | SÁCH MUA | | | | |
| | Tài liệu giấy | | | Cơ sở dữ liệu điện tử | |
| | Số lượng | | Kinh phí (đồng) | Số lượng | Kinh phí (đồng) |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | | |
| 2022 - 2023 | 77 | 732 | 185.584.609 | 02 | 71.000.000 |
| 2023 - 2024 | 86 | 940 | 241.120.992 | 02 | 71.000.000 |
| Tăng/Giảm | +11.7% | +28.4% | +29.9% | 0% | 0% |
| Năm | SÁCH ĐƯỢC TẶNG | | | | |
| | Tiếng Việt | | | Tiếng Anh | |
| | Đầu tài liệu | Cuốn | | Đầu tài liệu | Cuốn |
| 2022 - 2023 | 51 | 108 | | 0 | 0 |
| 2023 - 2024 | 27 | 132 | | 7 | 7 |
| Tăng/Giảm | -47% | 22.2% | | 100% | 100% |

***b) Công tác công nghệ thông tin***

- Đã triển khai, đưa vào sử dụng Hệ thống mạng không dây khu A; hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư gói thầu "Mua sắm, lắp đặt hệ thống mạng không dây khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất".

- Đã nâng cấp thiết bị tường lửa, ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Liên tục cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử và trang Tuyển sinh của Nhà trường. Duy trì thứ hạng cao của Nhà trường trên bảng xếp hạng Webometrics Việt Nam.

- Quản trị, vận hành hệ thống Microsoft 365: gồm cả Microsoft Teams, tài khoản Email, ổ lưu trữ đám mây OneDrive cho viên chức và người học. Cung cấp bản quyền MS Office 365 cho các đơn vị phòng, khoa, ban, bộ môn**.**

***10.2. Những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp***

***a) Tồn tại***

- Tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các ngành đào tạo còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.

- Hệ thống hạ tầng CNTT còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường.

- Cổng thông tin điện tử được đầu tư đã lâu và hiện tại không đáp ứng được yêu cầu.

***b) Nguyên nhân***

- Các khoa, bộ môn còn chậm trong việc đề xuất giáo trình, sách tham khảo và thành lập Hội đồng thẩm định sách đưa vào giảng dạy (theo Quy định số 748/QĐ-MĐC về việc biên

soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất).

- Nhiều tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần đã cũ, không có hoặc rất hiếm có tại các nhà cung cấp hiện nay. Tài liệu tiếng Anh trong đề cương chi tiết các học phần còn ít. Kinh phí bổ sung tài liệu điện tử, tài liệu tiếng Anh còn hạn chế.

- Nhiều trang thiết bị hạ tầng CNTT và cổng thông tin điện tử được đầu tư đã lâu và hiện tại không đáp ứng được yêu cầu.

***c) Giải pháp***

- Các khoa, bộ môn nhanh chóng đề xuất giáo trình, sách tham khảo bổ sung cho các ngành đào tạo.

- Tăng cường bổ sung kinh phí cho tài liệu tiếng Anh, tài liệu điện tử.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT và cổng thông tin điện tử.

**11. Công tác y tế**

***11.1. Những kết quả đạt được***

- Năm học 2023-2024, Trạm Y tế đã thực hiện tốt công tác y tế, khám cấp cứu đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Tổ chức thực hiện giám sát vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, vệ sinh an toàn thực phẩm, không có ca ngộ độc thực phẩm tại Nhà trường.

- Tuyên truyền giáo dục sức khoẻ sinh sản, sức khoẻ tình dục, sức khoẻ tâm thần, tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội. Đặc biệt là dịch sốt xuất huyết, Trạm Y tế đã tham mưu giúp Nhà trường để đưa ra biện pháp giải pháp phòng, chống dịch sốt xuất huyết, phân công cán bộ y tế chuyên trách phòng, chống dịch, phối hợp đoàn thanh niên Trường thành lập đội xung kích diệt bọ gậy theo đúng hướng dẫn ngành dọc địa phương, Trung tâm kiểm soát dịch bệnh thành phố Hà Nội và quy định Bộ Y tế, tuyên truyền cho cán bộ và sv phòng, chống dịch bệnh an toàn tuyệt đối.

- Công tác đảm bảo vệ sinh chất lượng nước

+ Nhà trường có ban hành Quyết định số 810/QĐ-MĐC ngày 21/8/2020 về Quy định kiểm soát chất lượng nguồn nước tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

+ Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là nước sạch Thành phố, có bể chứa đúng tiêu chuẩn quy định, thau rửa bể năm 1 lần (có hợp đồng thau bể), xét nghiệm mẫu nước 6 tháng/lần.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K68: 1.748 sinh viên

- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ năm 2024 là 466 cán bộ, đơn vị trúng thầu khám là Bệnh viện Đại học Y Dược, khám theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ.

- Tuyên truyền Luật BHYT cho các lớp SV Nhà trường để Sv thực hiện đúng Luật BHYT, năm 2023 - 2024 tỷ lệ mua BHYT tổng số 11.645 thẻ (thẻ mua 10.810 thẻ, thẻ đối tượng khác 835 thẻ).

***11.2. Tồn tại, giải pháp***

- Phải tổ chức 02 đợt thu BHYT mới đạt 96.7% sinh viên mua thẻ, nhận thức kém của một số sinh viên về giá trị và tính nhân văn của BHYT.

- Tiếp tục tuyên truyền cho sinh viên hiểu và nhận thức về giá tri của thẻ BHYT và tính nhân văn của BHYT, Nhà trường có chế tài rõ ràng, xử phạt nghiêm những sinh viên không tham gia thẻ BHYT.

**12. Hoạt động dịch vụ**

***12.1. Những kết quả đạt được***

***a) Công tác quản lý Ký túc xá***

- Chất lượng phòng ở sinh viên tại KTX được cải thiện. Tình hình an ninh trật tự, an

ninh chính trị trong khu nội trú sinh viên được giữ vững. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được tăng cường và đã đạt được những thành công nhất định, được dư luận xã hội và sinh viên đánh giá cao. Trung tâm cũng đã góp phần vào thành công của công tác TĐG CSGD của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Trung tâm đã phối với chặt chẽ với Trạm Y tế Trường để đảm bảo tốt công việc phòng và chống dịch, phun thuốc diệt ruồi tại khu B. Ban quản lý KTX luôn triển khai và thực hiện các kiến nghị của Tổ kiểm tra công tác y tế học đường, phòng chống dịch bệnh của Trường năm 2023

***b) Công tác trông giữ xe***

- Trong năm học 2023-2024, Trung tâm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không để xảy ra mất mát tài sản.

- Các bãi xe luôn được dọn dẹp sạch sẽ; công tác phòng cháy cháy nổ được đặt lên hàng đầu.

- Công tác thu và quản lý nguồn thu từ các bãi trông giữ xe ô tô, xe máy đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định.

***c) Công tác cho thuê cơ sở vật chất***

- Hiện Trung tâm đang quản lý việc cho thuê cơ sở vật gồm: Nhà khách, các Trung tâm đặt văn phòng làm việc tại tầng 1 KTX nước ngoài, sân bóng đá mini và các địa điểm cho thuê mặt bằng để đặt máy bán nước, cafê tự động.

- Các hoạt động cho thuê cơ sở vật chất được trung tâm quản lý chặt chẽ theo đúng hợp đồng ký kết. Hàng tuần, Trung tâm đều có kiểm tra, giám sát việc thuê và sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường đảm bảo tuân thủ đúng hợp đồng.

***d) Công tác phát triển dịch vụ***

- Theo chiến lược phát triển, Trung tâm phải phát triển đa dạng dạng hóa các loại hình dịch vụ từng bước tạo hệ sinh thái dịch vụ khép kín trong trường, tạo việc làm và tăng nguồn thu cho Nhà trường. Các dịch vụ tiện ích và vui chơi giải trí (như sân bóng đá mini cỏ nhân tạo) đã được đưa vào sử dụng. Do điều kiện khách quan nên Trung tâm cũng như chưa hoàn thiện được cơ sở pháp lý nên Trung tâm vẫn đang trong trạng thái lên kế hoạch phát triển các loại hình dịch vụ như: café, ăn nhanh, quà lưu niệm, khu thể thao,…

***e) Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài***

- Trung tâm đang quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài gồm: Thuê cắt tỉa cây, thuê vệ sinh công nghiệp, thuê thu gom rác thải, thuê bảo vệ.

- Các dịch vụ thuê bên ngoài đang được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

***12.2. Những tồn tại***

***- Công tác Ký túc xá:*** Chưa khắc phục triệt để được tình trạng nấu ăn trong phòng. Vẫn còn hiện tượng cán bộ trực KTX chưa sát sao đến từng sinh viên, còn hiện tượng bỏ trực, bỏ vị trí làm việc hoặc nhờ người trực hộ.

***- Công tác trông giữ xe:*** Do đặc thù công việc, môi trường làm việc ngoài trời bất kể nắng hay mưa, hàng ngày cán bộ Tổ trông giữ xe Trung tâm Dịch vụ tiếp xúc với một lượng lớn khói bụi. Trong những năm qua, Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị phòng chống cháy nổ, quần áo bảo hộ lao động (gồm: áo mưa, ủng). Bãi xe là nơi có nguy cơ cháy nổ cao và khi xảy cháy rất dễ cháy lan, cháy lớn gây hậu quả nghiêm trọng do phương tiện đậu san sát, luôn có hơi xăng dầu tích tụ.

***- Công tác cho thuê cơ sở vật chất:*** Vẫn còn một số vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình thực hiện, như hợp đồng đã hết hạn mà vẫn chưa ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

***- Công tác phát triển dịch vụ:*** Do nhiều lý do khách quan nên nên các dịch vụ mới vẫn chưa được triển khai.

**- Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài:** Việc thuê ngoài có thể đem đến cho tổ chức những nguy cơ tiềm ẩn và có khả năng đặt tổ chức vào những rủi ro pháp lý. Chất lượng dịch vụ cũng thường là vấn đề của giai đoạn chuyển tiếp từ dịch vụ nội bộ sang thuê ngoài. Trong thời gian đầu nhân viên bên được thuê ngoài chưa nắm rõ hệ thống của khách, nên sẽ gây chậm trễ trong giải quyết sự cố hoặc sai sót.

***12.3. Giải pháp***

***- Công tác quản lý Ký túc xá:*** Cần phải thay đổi tư duy, cách tiếp cận để có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng KTX. Nếu không có khả năng tự triển khai thì phải tìm cơ chế xã hội hóa, hợp tác với doanh nghiệp. Có chính sách truyền thông, quảng bá để thu hút sinh viên vào ở KTX.

Hoàn thiện nội quy về ở nội trú cho phù hợp với sự phát triển của Trung tâm theo từng năm học trên cơ sở quy chế học sinh, sinh viên. Những quy định này nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sinh hoạt và hỗ trợ tốt nhất cho việc tự học của sinh viên, đồng thời cũng tạo ra những chuẩn mực cho công tác quản lý.

***- Công tác trông giữ xe:*** Để an toàn hệ thống điện cần phải được bảo vệ trong các ống chống cháy. Xe cộ cần phải được xếp ngay ngắn thành hàng và phải chừa lối đi không được để bừa bãi.

Bình chữa cháy cần trang bị tại các khu vực đó để kịp thời dập lửa tuy nhiên bình chữa cháy chỉ có công dụng với những ngọn lửa mới bắt đầu nhen nhúm, khi ngọn lửa lớn cần phải sử dụng các lăng vòi kịp thời phun nước vào đám cháy.

Để tăng cường công tác quản lý và đảm bảo an ninh tài sản khu vực để xe cho cán bộ ở nhà xe 2 tầng khu A, cần lắp thêm máy quẹt thẻ tự động dành riêng cho CBVC và NLĐ của Nhà trường.

***- Công tác cho thuê cơ sở vật chất:*** Rà soát, đánh giá hiện trạng, công năng, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất được Nhà trường giao quản lý, khai thác.

***- Công tác phát triển dịch vụ:*** Khi Trung tâm tự chủ về hoạt động có chức năng pháp lý, có con dấu, tài khoản sẽ giúp hoạt động linh hoạt, thuận lợi trong các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.

**- Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài:** Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết thông qua tuyển chọn, đấu thầu đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng pháp luật.

**13. Các công tác khác**

***13.1. Những kết quả đạt được***

***13.1.1. Thực hiện quy chế dân chủ***

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; nêu cao tinh thần gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên trong thực hành dân chủ. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp dân; tăng cường tiếp xúc, đối thoại và giải quyết kịp thời những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của cán bộ, viên chức, người lao động và người học; tiếp nhận và giải quyết, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ.

Tạo điều kiện để cán bộ, viên chức, người lao động tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tham gia góp ý, phản ảnh những điểm còn chưa hợp lý trong việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các đơn vị, những nội dung còn chưa hợp lý trong các nội quy, quy chế của Nhà trường để đề xuất, kiến nghị bổ sung cho phù hợp.

Hiện nay, Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định trong mọi lĩnh vực quản lý quan trọng của Trường: Quy chế Tổ chức và hoạt động; Quy định về quan hệ giữa Đảng ủy và Ban

Giám hiệu; Đề án Vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong Trường Đại học Mỏ-Địa chất; Quy chế tài chính, Quy định chi tiêu nội bộ; Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động; Quy định về nâng lương; Quy định về quản lý công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác khảo thí, công tác nghiên cứu khoa học; Thi đua khen thưởng; Đánh giá, phân loại, cán bộ, viên chức; …Các quy định được ban hành đầy đủ, phù hợp đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Trường, đảm bảo sự dân chủ trong công tác quản lý.

Mặt khác Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến toàn thể cán bộ, viên chức, người học cho các quy chế, quy định, sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển Trường, quy chế Tổ chức hoạt động, Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý và xử lý kỷ luật viên chức, người lao động, Nội quy lao động, Quy định văn hóa công sở, Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, Quy chế dân chủ, Quy chế lương, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ.

*Bảng 47*. Các văn bản triển khai lấy ý kiến của viên chức năm học 2023-2024

| TT | Số ký hiệu | Ngày tháng văn bản | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1. | 725/MĐC-TCCB | 21/12/2023 | V/v khảo sát lấy ý kiến nhà giáo đối với các nội dung chính sách trong dự thảo Luật Nhà giáo |
| 2. | 734/MĐC-KHCN | 27/12/2023 | V/v góp ý dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về liêm chính trong hoạt động KHCN và Đổi mới sáng tạo của Trường |
| 3. | 744/MĐC-HTQT | 27/12/2023 | V/v góp ý dự thảo Quy định quản lý, sử dụng Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp thuộc dự án ANGEL của Trường |
| 4. | 11/MĐC-KHCN | 12/01/2024 | V/v giải trình ý kiến góp ý dự thảo lần 1 và lấy ý kiến đóng góp lần 2 dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định liêm chính trong hoạt động KHCN&ĐMST của Trường |
| 5. | 31/MĐC-TCCB | 29/01/2024 | V/v góp ý cho dự thảo Thông tư Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm |
| 6. | 340-CV/ĐU | 03/01/2024 | V/v góp ý cho dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng phần mềm "Sổ tay đảng viên điện tử" |
| 7. | 68/MĐC-TCCB | 04/03/2024 | V/v góp ý đề xuất sửa đổi quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể |
| 8. | 95/MĐC-TCCB | 19/03/2024 | V/v góp ý dự thảo Quyết định quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của B |
| 9. | 116/MĐC-TCCB | 26/03/2024 | V/v Góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 41/2021/TT-BGDĐT |
| 10. | 123/MĐC-KHTC | 01/04/2024 | V/v Đóng góp ý kiến phục vụ công tác sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Mỏ - Địa chất (lần 2) |

| TT | Số ký hiệu | Ngày tháng văn bản | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 11. | 142/MĐC-TCCB | 09/04/2024 | V/v Góp ý dự thảo phương án, kế hoạch và Hướng dẫn thanh tra, kiểm tra Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 |
| 12. | 158/MĐC-KHCN | 17/04/2024 | V/v Góp ý dự thảo "Quy định trình tự, thủ tục xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất" |
| 13. | 159/MĐC-GDQP | 19/04/2024 | V/v Góp ý Dự thảo Quy định về công tác quản lý sinh viên tại Cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 14. | 171/MĐC-TTTV | 26/04/2024 | V/v Góp ý dự thảo "Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất" |
| 15. | 172/MĐC-ĐTĐH | 26/04/2024 | V/v Góp ý điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều, Khoản Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ |
| 16. | 176/MĐC-ĐTĐH | 03/05/2024 | V/v Góp ý, đề xuất nâng cấp hệ thống quản lý đào tạo |
| 17. | 211/MĐC-TCCB | 21/05/2024 | V/v xin ý kiến đối với dự thảo hồ sơ dự án Luật Nhà giáo |
| 18. | 323/MĐC-HCTH | 01/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 19. | 324/MĐC-HCTH | 01/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến cấp cơ sở và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường |
| 20. | 332/MĐC-TCCB | 05/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh GS,PGS |
| 21. | 337/MĐC-CTSV | 08/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy định về Giáo viên chủ nhiệm |
| 22. | 338/MĐC-CTSV | 08/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Ban hành Quy trình xử lý với các tình huống khẩn cấp bất thường liên quan đến sinh viên tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 23. | 349/MĐC-XB | 12/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất |
| 24. | 349a/MĐC-XB | 12/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (lần 2) |
| 25. | 368/MĐC-TCCB | 19/07/2024 | V/v góp ý dự thảo Quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với các đơn vị và công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ GD&ĐT |
| 26. | 99a/CĐMĐC-VP | 02/08/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy chế phối hợp công tác giữa BCH CĐ Trường và Ban Giám hiệu |
| 27. | 402/MĐC-ĐTĐH | 08/08/2024 | V/v góp ý điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ |
| 28. | 403/MĐC-TCCB | 08/08/2024 | V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ |

| TT | Số ký hiệu | Ngày tháng văn bản | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 29. | 441/MĐC-HCTH | 21/08/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy định tổ chức các sự kiện của Trường |
| 30. | 443/MĐC-TCCB | 22/08/2024 | V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục |
| 31. | 445/MĐC-KHCN | 22/08/2024 | V/v góp ý dự thảo Quy định sử dụng hoá chất để thực hiện thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của Trường |
| 32. | 468/MĐC-HCTH | 26/08/2024 | V/v góp ý dự thảo lần 2 Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến cấp cơ sở và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường |
| 33. | 469/MĐC-HCTH | 26/08/2024 | V/v góp ý dự thảo lần 2 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 34. | 477/MĐC-TCCB | 30/08/2024 | V/v góp ý Kế hoạch ban hành đề án, văn bản quản lý nội bộ năm học 2024-2025 |
| 35. | 496/MĐC-TCCB | 09/09/2024 | V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực GD&ĐT |
| 36. | 499/MĐC-TCCB | 10/09/2024 | V/v góp ý dự thảo Quyết định quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác |
| 37. | 517/MĐC-TCCB | 17/09/2024 | V/v góp ý dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và Hoạt động |
| 38. | 562/MĐC-XB | 09/10/2024 | V/v góp ý dự thảo lần 2 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất |
| 39. | 570/MĐC-ĐTĐH | 11/10/2024 | V/v góp ý Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 |
| 40. | 615/MĐC-KHTC | 01/11/2024 | Về việc góp ý kiến bản Dự thảo "Các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong Quy chế tài chính năm 2024 (so với năm 2022) |

- Bên cạnh việc triển khai các văn bản hiện có, Nhà trường liên tục cập nhật các quy định pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời các văn bản đã có.

*Bảng 48*. Các văn bản nội bộ ban hành năm học 2023-2024

| TT | Số ký hiệu | Ngày tháng văn bản | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1. | 176/NQ-HĐT | 19/12/2023 | NQ về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 2. | 178/NQ-HĐT | 19/12/2023 | NQ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường |
| 3. | 2311/QĐ-MĐC | 25/12/2023 | QĐ về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động KH&CN của Trường |

| TT | Số ký hiệu | Ngày tháng văn bản | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 4. | 2359/QĐ-MĐC | 27/12/2023 | QĐ về việc ban hành Quy định quy trình bóc tách thu, chi của các đơn vị thuộc Trường |
| 5. | 188/QĐ-MĐC | 21/03/2024 | Quy định tham gia và sử dụng Không gian thực hành khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 6. | 262/QĐ-MĐC | 02/04/2024 | Quy định quản lý, sử dụng Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp thuộc dự án ANGEL của Trường Đại học Mỏ - Địa chất. |
| 7. | 374/QĐ-MĐC | 24/04/2024 | V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định về việc đỗ xe ô tô, xe máy trong khuôn viên khu A, Trường ĐH Mỏ - Địa chất |
| 8. | 415/QĐ-MĐC | 03/05/2024 | V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Liêm chính trong hoạt động Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 9. | 613-QĐ/ĐU | 09/05/2024 | V/v ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Phần mềm "Sổ tay đảng viên điện tử" Đảng bộ Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 10. | 664/QĐ-MĐC | 07/06/2024 | Quy định về công tác quản lý sinh viên tại Cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 11. | 679/QĐ-MĐC | 11/06/2024 | Quy định trình tự, thủ tục xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường |
| 12. | 86/NQ-HĐT | 02/08/2024 | Nghị quyết về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư của Trường |
| 13. | 992/QĐ-MĐC | 02/08/2024 | Quyết định về việc ban hành Quy định về Giáo viên chủ nhiệm |
| 14. | 993/QĐ-MĐC | 02/08/2024 | Quyết định về việc ban hành Quy trình xử lý với các tình huống khẩn cấp, bất thường liên quan đến sinh viên tại Trường |
| 15. | 114/NQ-HĐT | 10/10/2024 | Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất |

Kết quả việc thực hiện quy chế dân chủ đã từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Nhà trường.

***13.1.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương***

Trong năm học 2023-2024, Nhà trường đã thực hiện và hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương, Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên, cụ thể là:

- Xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch trong năm theo quy định Ban CHQS quận như: Kế hoạch công tác QP, QSĐP; Kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị và Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ khác đảm bảo chất lượng, đúng thời gian. Đồng thời thực hiện tốt công tác báo cáo, tham gia đầy đủ các hội nghị, các cuộc họp do Ban CHQS quận và cấp trên tổ chức.

- Đăng ký, quản lý CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ (DQTV), độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ.

- Đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị (SQDB), quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội, phương tiện kỹ thuật.

- Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự (NVQS), di chuyển quân dự bị cho nam SV nhập học, ra trường, thôi học theo quy định.

- Phối hợp tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ Nhà trường và tự vệ các trường đại học, học viên trên địa bàn theo Kế hoạch huấn luyện tự vệ được Ban CHQS quận phê chuẩn. Tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ tham gia Hội thao Bắn súng quân dụng và Hội thao lực lượng DQTV quận năm 2024; kết quả đạt giải Nhì đồng đội môn Kỹ thuật, giải Nhất cá nhân môn Kỹ thuật, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị.

- Năm 2023, tuyển chọn và gửi 18 SV tốt nghiệp đại học năm 2023 đi đào tạo SQDB tại Trường Quân sự Quân khu 2, đảm bảo chất lượng, đúng quy định.

- Tham mưu cho Nhà trường cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường và 03 cán bộ tham gia tập huấn cán bộ DQTV; cử 01 cán bộ Ban CHQS Trường và 04 cán bộ tự vệ tham dự lễ ra quân huấn luyện vào ngày 01/3/2024.

- Tham mưu cho Nhà trường cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường tham gia tập huấn về công tác quốc phòng, quân sự và phòng, chống khủng bố do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại Quân khu 5 (Đà Nẵng, tháng 10/2023).

- Tham mưu cho Nhà trường động viên 02 SQDB đi huấn luyện tại Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần; 01 SQDB đi tập huấn tại Trung đoàn Pháo binh 452, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo đúng thành phần được triệu tập.

- Năm học 2023 - 2024, khoa đã tổ chức giảng dạy cho khoảng 2615 SV (chia thành 11 đợt trong 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ) theo kế hoạch đã được Nhà trường phê duyệt. Quá trình dạy và học bảo đảm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, quy định của môn học, chấp hành tốt kỷ luật học tập trên giảng đường và bãi tập, quản lý chặt chẽ về quân số và thời gian, bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn tuyệt đối với người, vũ khí, trang bị và an toàn giao thông. Thông qua quá trình đào tạo trang bị cho SV một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; đặc biệt trong quá trình giảng dạy đã lồng ghép các nội dung cơ bản với xây dựng cho SV tính tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể trong quá trình học tập.

Kết quả cụ thể: Giỏi 15,3 % (399 SV);  Khá 46,0 (1204 SV); Đạt 38,7% (1012 SV).

- Năm học 2023-2024, khoa đã phối hợp với các phòng, ban chức năng của Nhà trường hoàn thiện cơ sở vật chất tại khu B, sửa chữa những hạn mục đã xuống cấp, xây dựng mô hình chiến thuật, bãi học thực hành tại khu đô thị đại học. Việc xây dựng và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ sĩ quan biệt phái được tiến hành thường xuyên, đồng bộ, xây dựng đủ số lượng, chất lượng tốt. Có kế hoạch xây dựng cụ thể trong từng giai đoạn, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chỉ huy, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, vừa thực hiện giảng dạy, vừa gắn kết với NCKH là một yêu cầu cấp thiết.

- Để đảm bảo hoàn thành tốt hơn công tác GDQP&AN tập trung theo đề án tự chủ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho SV của Nhà trường theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng cao, trong năm 2023 Nhà trường đã có 04 giảng viên tham gia học văn bằng 2 GDQP&AN, hiện nay, khoa đã phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chức năng trong Nhà trường để tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên của Nhà trường để tiếp tục giảng dạy cho sinh viên của trường khi Binh chủng Pháo Binh rút sĩ quan biệt phái theo đề án của Bộ Quốc phòng.

### *13.1.3. Công tác Công đoàn*

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban chấp hành Công đoàn trường đã phối hợp chặt chẽ với chuyên môn trong việc tổ chức tốt việc học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII, tuyên truyền triển khai chương trình hành động số 02/CTr-BCH ngày 20/7/2021 của Bộ chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn trong tình hình mới", tuyên truyền Đại hội và kết quả Đại hội, quán triệt nghị quyết Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam và Nghị quyết Đại hội XVI Công đoàn Giáo dục Việt Nam; Tổ chức sơ kết nghị quyết 6b/NQ-BCH về công tác nữ, Chỉ thị 03/CT-TLĐ và phong trào thi đua "GVT-ĐVN" năm 2023; Nghị quyết Đại hội XXIV Công đoàn Trường... 100% viên chức người lao động các đơn vị trong toàn Trường đã tích cực tham gia học tập có ý thức rõ rệt trong việc quán triệt, triển khai các nghị quyết vào thực hiện kế hoạch công tác; tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức: pano, áp phích, infographic, … zalo nhóm, website, fanpage, hội nghị, họp định kỳ…; tuyên truyền, triển khai thực hiện chỉ thị 23-CT/TW về công tác trật tự an toàn giao thông; góp ý dự thảo Luật việc làm; vận động tham gia thi trực tuyến tìm hiểu về Luật phòng chống ma túy, Cuộc thi Chung tay vì an toàn giao thông, Cuộc thi tìm hiểu truyền thống lịch sử, tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, cuộc thi tìm hiểu Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII; cuộc thi Tìm hiểu Nghị quyết Đại hội Công đoàn và hành động của đoàn viên, người lao động; tham gia theo dõi các buổi livestream Đồng hành cùng nhà giáo; tuyên truyền kỷ niệm 120 năm ngày sinh đồng chí Trần Phú, 120 năm ngày sinh đồng chí Hoàng Đình Giong, kỷ niệm 70 năm ngày ký Hiệp định Giơnevơ; vận động học viên, viên chức người lao động tích cực tham gia cuộc thi "Thầy cô trong mắt em" năm 2024, gửi Công đoàn Giáo dục Việt Nam 02 tác phẩm tham dự vòng chung khảo.

- Chào mừng kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2024), Công đoàn Trường tổ chức "Bữa cơm công đoàn" với 430 công đoàn viên tham gia.

- Tiếp tục xây dựng đời sống văn hóa trường học theo Đề án ″Văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025" nhằm xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh thân thiện, cơ quan trường học đạt chuẩn văn hóa, thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" giai đoạn 2021-2026 theo Quyết định 2214/QĐ-TTG ngày 21/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Tuyên truyền, xây dựng trường học: không hút thuốc lá nơi công sở; thực hiện nếp sống văn minh, môi trường văn hóa công sở; thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc, cải cách hành chính; cơ quan xanh - sạch - đẹp...

- Chi quà cho các cháu thiếu nhi là con viên chức Trường nhân dịp Tết Thiếu nhi 1/6, Tết trung thu; tổ chức xem phim; tặng bánh trung thu; chi tiền khen thưởng 26 cháu đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quận, huyện trở lên; 523 cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi toàn diện năm học 2023 – 2024;

- Nhân dịp đầu xuân, Ban Nữ công phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Trường tổ chức du xuân cho hơn 180 cán bộ tại Đền thờ Nguyên phi Ỷ Lan (Gia Lâm, Hà Nội), chùa Nôm (Văn Lâm, Hưng Yên); Làng gốm Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội). Nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tổ chức sơ kết phong trào thi đua "Giỏi việc Trường - Đảm việc Nhà" giai đoạn 2021-2025, Liên hoan ẩm thực HUMG thu hút trên 500 người tham gia; vận động nữ viên chức hưởng ứng tuần lễ áo dài dân tộc; trao tặng áo dài cho các giáo viên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Tổ chức tổng kết phong trào thi đua "Giỏi việc Trường - Đảm việc Nhà"; tôn vinh, khen thưởng 04 nữ cán bộ đã bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ; khen thưởng 03 tập thể và 24 nữ cán bộ đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy; nữ cán bộ xuất sắc khối hành chính văn phòng và nữ sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện năm học 2023 - 2024 vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10.

- Vận động và nhận được sự ủng hộ của đông đảo viên chức, người lao động trong các chương trình: Ủng hộ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn - đóng góp kinh phí 30 triệu đồng xây dựng nhà công vụ tại trường mầm non Tênh Phông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; ủng hộ nhận dân bị thiệt lại do bão lũ (tháng 9/2024).

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ công đoàn nhiệm kỳ 2023-2028 vào tháng 4/2024 tại tỉnh Thanh Hóa; 02 buổi giao lưu trao đổi kinh nghiệm hoạt động công đoàn cho cán bộ công đoàn tại Quảng Ninh và Hải Phòng (tháng 4-5/2024).

- Hoàn thành công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ công đoàn nhiệm kỳ 2023-2028, xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ 2028 - 2033; Hoàn thành công tác bầu bổ sung nhân sự Ba chấp hành Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Vận động và kết nạp 09 viên chức vào Công đoàn Việt Nam.

***Khen thưởng:***

- Bằng Lao động sáng tạo của  Tổng Liên đoàn Lao động động Việt Nam: 01 cá nhân;

- Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc năm học 2023 – 2024: - Tập thể: 2, Cá nhân: 3

- Giấy khen của Công đoàn Trường cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc năm học 2023 - 2024: Tập thể: 12, Cá nhân: 45

***Đánh giá chung*:**

- Công đoàn trường đã chủ động bám sát chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường để chủ động phối hợp tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tiễn, mang lại hiệu quả và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của viên chức, người lao động.

- Các phong trào thi đua, các cuộc vận động tiếp tục được triển khai có hiệu quả. Tuy nhiên, một số phong trào chưa đạt kết quả cao, chất lượng còn thấp.

- Cần xây dựng kế hoạch hoạt động công đoàn chi tiết, cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, của đơn vị; kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch.

- Đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo qua các kênh thông tin, hình thức khác nhau; xây dựng các biểu mẫu báo cáo trực tuyến.

- Cần tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, kịp thời phối hợp giữa lãnh đạo đơn vị để chủ động trong hoạt động, tạo sự đồng thuận trong đội ngũ.

***13.1.4. Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên***

Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường hiện nay quản lý trực tiếp 11 Liên Chi đoàn, 11 Liên chi Hội và 03 Chi đoàn Cán bộ trực thuộc, 28 Câu lạc bộ sinh viên với hơn 14.000 đoàn viên thanh niên (ĐVTN), được học tập và sinh hoạt tại nhà trường với truyền thống lịch sử hơn 57 năm phát triển và trưởng thành.

Các nội dung, hình thức hoạt động và các phong trào thi đua được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, Ban chấp hành Hội Sinh viên Trường triển khai thống nhất về mặt tổ chức giữa các cấp của Đoàn trường, dựa trên tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn của đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp trong toàn Trường; góp phần tạo nên phong trào sôi nổi, thiết thực trong Trường và đạt được những kết quả đáng ghi nhận và hoàn thành xuất sắc phần lớn các mục, nhiệm vụ Đảng ủy - Ban Giám hiệu và Đoàn cấp trên giao.

***a) Hoạt động tình nguyện vì cộng đồng***

Các hoạt động tình nguyện trong năm học 2023-2024 đã thể hiện rõ nét tính tiên phong và vai trò của tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Các hoạt động tiếp tục mở rộng về quy mô, ngày càng thiết thực, hiệu quả, thực sự là môi trường rèn luyện của tuổi trẻ. Các đợt hoạt động cao điểm hàng năm: Tháng Thanh niên, Chiến dịch Thanh niên tình nguyện Hè, Chương trình Tiếp sức đến trường, Tình nguyện mùa đông, được Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai thông qua các hoạt động tình nguyện tại chỗ, cũng như các hoạt động tại các tỉnh, thành

trên cả nước. Cùng với đó là Chiến dịch Tiếp sức Mùa thi 2024 tại các điểm thi vào lớp 10 THPT và điểm thi THPT Quốc gia trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm. Bên cạnh đó, các câu lạc bộ Hội đồng hương Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh cùng thường xuyên tích cực thực hiện các chương trình tình nguyện về địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh hàng năm. Chiến dịch Mùa hè tình nguyện trong năm học 2023 – 2024 của Đoàn trường đã thu hút hơn 600 tình nguyện viên tham gia, tham gia xây dựng và trao tặng 02 sân chơi tại Thái Bình; 02 công trình chiếu sáng tại Thanh Hóa và Nghệ, 01 công trình cấp Cụm Đoàn 7 là 01 tuyến đường camera an ninh tại Thái Bình.

Tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã khẳng định được tinh thần chủ động, xung kích, tiên phong, không ngại khó, ngại khổ khi tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội như: đội hình Thanh niên xung kích trong Ký túc xá.... Tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn sẵn sàng ứng trực thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khi Thành phố giao.

***b) Hoạt động Tuổi trẻ sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học***

Trong năm học 2023-2024, Đoàn Thanh niên trường đã khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo của đoàn viên Thanh niên tham gia học tập và nghiên cứu khoa học nhằm khẳng định vị thế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất qua hơn 57 năm xây dựng và phát triển, tổ chức nhiều hoạt động phù hợp với các ĐVTN, lĩnh vực công tác với nội dung thiết thực, hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi để đoàn viên phát huy vai trò xung kích đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Nhiều phong trào hoạt động trong cán bộ giảng viên đã được triển khai nhằm tạo môi trường thuận lợi để Đoàn viên thanh niên phát huy vai trò xung kích trong việc góp phần tăng chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập: các buổi hội thảo khoa học về việc nâng cao đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giảng dạy được tổ chức; nhiều đoàn viên là cán bộ giảng viên được học tập nâng cao trình độ trong và ngoài nước; các buổi sinh hoạt chuyên đề cho học sinh sinh viên về kỹ năng tìm học liệu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết CV, kỹ năng xin việc và phỏng vấn được tổ chức thường xuyên...

Đoàn Thanh niên đã có những hành động thiết thực nhằm hỗ trợ Đoàn viên giáo viên trong việc thực hiện chuẩn hóa trình độ sau đại học: tuyên truyền, vận động Đoàn viên giáo viên trẻ trong việc nâng cao ý thức phát triển trình độ chuyên môn, tìm kiếm các học bổng chuyên ngành có uy tín để theo học nhằm nâng cao cơ hội cọ sát, tìm hiểu về văn hóa, môi trường giáo dục các nước tiên tiến, từ đó, nâng cao khả năng tiếp cận với các trường đại học uy tín. Nhiều đề tài, giải pháp, sáng kiến có tính thực tiễn cao đã được Đoàn thanh niên "ươm mầm", ứng dụng vào thực tiễn đời sống, phát huy tác dụng. Nhiều CLB sinh viên nghiên cứu khoa học, CLB chuyên ngành, học thuật  tiếp tục hoạt động hiệu quả.

Đoàn Thanh niên trường đã tích cực tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu tạo cơ chế, môi trường, điều kiện thuận lợi để hỗ trợ đoàn viên thanh niên, sinh viên, cán bộ, giảng viên trẻ học tập, nghiên cứu khoa học. Chủ động, tích cực tổ chức thường xuyên các diễn đàn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm học tập; tổ chức các sân chơi, cuộc thi gắn liền với chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo. Thành lập và duy trì các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên và cán bộ, giảng viên trẻ; chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn lực xã hội để xây dựng, phát triển quỹ học bổng hỗ trợ sinh viên, đặc biệt là sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Trong năm học vừa qua, Đoàn trường đã phối hợp cùng Phòng KHCN, QHCC&DN triển khai có hiệu quả các hoạt động thi Olympic, nghiên cứu khoa học sinh viên và phong trào Khởi nghiệp - Đổi mới sáng tạo trong đoàn viên sinh viên với những con số và kết quả ấn tượng:

- Hơn 2500 đoàn viên, sinh viên tham gia các kỳ thi Olympic cấp trường.
- Hơn 600 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên được triển khai.
- Hơn 20 dự án khởi nghiệp sinh viên được khởi tạo và tham gia các cuộc thi.

- Số lượng sinh viên đạt giải Olympic Quốc gia các môn Toán, Lý, Hóa là 30 sinh viên.

- Có 01 nhóm sinh viên Đạt giải Nhì cuộc thi Khởi nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Có 02 nhóm sinh viên Đạt giải Ba cuộc thi Khởi nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Có 01 nhóm sinh viên Đạt giải nhì cuộc thi NCKH Eruka năm 2023.

- Có 01 nhóm sinh viên Đạt giải ba cuộc thi Khởi nghiệp - Thành phố sáng tạo thông minh do Thành đoàn Hà Nội tổ chức.

- Có 01 nhóm sinh viên được Đại diện cho sinh viên Việt Nam tham dự triển lãm các dự án khởi nghiệp sinh viên toàn cầu trong khuôn khổ Hội nghị Cop 28 tại Dubai năm 2023.

Đoàn Thanh niên trường đã phối hợp Hội Sinh viên làm tốt việc bình xét, giới thiệu sinh viên nhận các giải thưởng, danh hiệu của Trung ương và Thành phố, như: *"Sao tháng giêng", "Sinh viên 5 tốt", Thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội…*

Hoạt động tư vấn, hỗ trợ ĐVTN về nghề nghiệp, việc làm đã được triển khai đa dạng. Đoàn Thanh niên trường tập trung đẩy mạnh các hoạt động hướng nghiệp, tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại nghề nghiệp với các tập đoàn, công ty, trung tâm lớn, vừa và nhỏ, có uy tín trong nước.... Đoàn Thanh niên cũng thường xuyên cử ĐVTN tham dự Ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp do Thành đoàn Hà Nội tổ chức hàng năm.

Hoạt động tạo ra cầu nối giữa doanh nghiệp và sinh viên tiếp tục được Đoàn thanh niên đẩy mạnh. Đoàn Thanh niên trường đã phối hợp tổ chức kết nghĩa với các Công ty thuộc Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, Công ty Fecon, Đoàn Thanh niên Viện Dầu khí Việt Nam... để từ đó sinh viên có cơ hội thực hành nghề nghiệp và khởi nghiệp.

***c) Hoạt động văn nghệ - thể thao dành cho sinh viên***

Các hoạt động văn nghệ, thể thao luôn được quan tâm, tổ chức thường xuyên, phục vụ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, lành mạnh của Đoàn viên thanh niên, … Qua đó đã mang lại cho Đoàn viên đời sống văn hóa tinh thần phong phú, nâng cao ý thức rèn luyện sức khỏe, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh. Bên cạnh các hoạt động do Trường Đại học Mỏ - Địa chất chủ động tổ chức, các hoạt động do Trung ương đoàn, Thành đoàn phát động cũng được ĐVTN Trường Đại học Mỏ - Địa chất hưởng ứng với tinh thần sôi nổi. Trong năm học 2023 – 2024 vừa qua, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên Trường đã tổ chức nhiều sự kiện đặc biệt dành cho sinh viên HUMG và được đông đảo sinh viên hưởng ứng nhiệt thành như Gala Breaking 2023, Cuộc thi Khoa tôi là Nhất năm 2024… Đây là những sự kiện được tổ chức tại HUMG nhằm mục đích tạo sân chơi giúp sinh viên Nhà trường tự tin thể hiện bản thân, tạo không khí vui tươi, bổ ích dành cho sinh viên.

***d) Công tác xây dựng tổ chức Đoàn - Hội***

Với hơn 14.000 Đoàn viên, công tác phát triển và quản lý đoàn viên - hội viên được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ Đoàn, Hội. Đoàn Thanh niên luôn quan tâm theo dõi sát sao và hỗ trợ kịp thời, đặc biệt đã phối hợp với Hội Sinh viên tổ chức được nhiều hoạt động lớn dành cho cho sinh viên, góp phần tạo ra nhiều khởi sắc trong hoạt động của Hội Sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng đã giới thiệu cán bộ Đoàn ưu tú tham gia vào các vị trí chủ chốt của Hội Sinh viên; phát huy vai trò nòng cốt chính trị trong việc chỉ đạo thành công Đại hội đại biểu Hội Sinh viên Trường lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2023-2025.

Trong năm học 2023-2024, công phát triển Đảng trong đoàn viên sinh viên tiếp tục được tăng cường và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các liên chi đoàn, chi đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã triển khai cuộc vận động *"Xây dựng tổ chức cơ*

*sở Đoàn vững mạnh, đoàn viên thanh niên phấn đấu trở thành Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam"*, mỗi năm Đoàn Thanh niên phối hợp cùng Văn phòng Đảng - Đoàn thể tổ chức lớp học Bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho hơn 300 Đoàn viên, kết nạp 80 Đoàn viên ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng.

***13.1.5. Công tác hoạt động của Hội Cựu chiến binh***

Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp cũng như chủ trì thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ trọng yếu, đặc biệt là công tác hoạt động theo qui định của Điều lệ hội. Năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội CCB lần thứ V, hoạt động của Hội là chủ động, tích cực, toàn diện đúng với tính chất, mục đích nhiệm vụ của Hội. Các chi hội và hội viên đã nêu cao được tinh thần trách nhiệm, đoàn kết gương mẫu thực hiện và đã hoàn thành tốt các mặt công tác của Hội. Kết quả đạt được là tương đối toàn diện và có hiệu quả thiết thực, giữ vững là tổ chức Hội trong sạch vững mạnh, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

- Ngày 6/12/2023, Hội đã chủ trì tổ chức buổi gặp mặt giao lưu với Hội CCB 2073 là các Cựu chiến binh nguyên là cán bộ và sinh viên của trường nhập ngũ năm 1972 về thăm Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Ngày 22/12/2023, Hội đã phối hợp cùng Khoa GDQP chủ trì tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 34 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân,79 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 34 năm ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam và 23 năm ngày Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Hội đã phối hợp với các đơn vị đoàn thể trong và ngoài trường làm tốt các phong trào hoạt động do các cấp phát động, như phong trào vận động đóng góp xây dựng và ủng hộ đề án 03 (xây nhà tình nghĩa do Hội CCB Thành phố Hà Nội phát động) và quỹ hỗ trợ các gia đình khó khăn gặp hạn, đặc biệt hưởng ứng đóng góp xây dựng quỹ ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng của cơn bão số 3 do Nhà trường và địa phương nơi cư trú,… phát động. Ngoài ra Hội đã phối hợp cùng 16 Hội CCB khối 487 (Hội CCB các trường Đại học Cao đẳng Hà Nội) góp quỹ xây dựng một ngôi nhà tình nghĩa ở Điện Biên nhân dịp 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Ngày 19 đến 22/4/2024 Hội đã tổ chức một đoàn cán bộ về thăm Điện Biên Phủ nhân dịp 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Trong năm qua Hội đã thực hiện hai chục lượt tham dự các sự kiện của các Hội CCB trong Hội CCB thành phố Hà Nội, các đơn vị Hội CCB ở các địa phương ngoài thành phố và các đơn vị khác ngoài Hội làm tốt công tác quảng bá hình ảnh của Nhà trường nói chung và của Hội CCB trường Đại học Mỏ Địa chất nói riêng.

- Trong năm qua Hội cũng đã duy trì và làm tốt công tác tham hỏi các gia đình chính sách, gia đình khó khăn,.... đặc biệt là công tác tham hỏi việc hiếu hỷ của các gia đình hội viên.

- Nhân dịp ngày 27/7 Hội đã chủ trì tổ chức lễ tri ân các anh hùng liệt sĩ, các thầy trò của nhà trường tham gia nhập ngũ bảo vệ tổ quốc, với sự tham gia của đại diện Đảng uỷ, Ban giám hiệu và các phòng khoa ban trong Trường.

***13.2. Những tồn tại***

***13.2.1. Thực hiện quy chế dân chủ***

Nhà trường đã thực hiện tốt QCDC đặc biệt đối với các hoạt động ở cấp Trường, song ở các đơn vị cơ sở vẫn còn có những hiện tượng:

- Việc triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở trong hoạt động của một số đơn vị còn mang tính hình thức.

- Vẫn còn khá nhiều CBVC chưa mạnh dạn phản ánh, kiến nghị, tâm lý ngại va chạm hoặc còn thờ ơ, chưa xem việc thực hiện dân chủ ở cơ sở là trách nhiệm của mình đối với đơn vị.

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa tập trung chỉ đạo, thiếu đôn đốc; chưa cụ thể hóa các quy chế, quy định, quy trình công khai, dân chủ ở cơ sở; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm...,vẫn còn một số đơn vị chưa phát huy tốt vai trò giám sát.

- Có hiện tượng thông tin không được thông suốt, một số ít CBVC còn chưa thực sự quan tâm với công việc chung của Nhà trường nên chưa nắm bắt đầy đủ được những công việc, chủ trương của Nhà trường đã làm CBVC, người lao động còn chưa chủ động, sáng tạo, thiếu tính khoa học trong công việc được đơn vị giao, tâm lý e ngại trong phê bình, ngại góp ý vẫn còn tồn tại ở một số cá nhân. Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể làm việc kiêm nhiệm nên việc kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

- Công tác khen thưởng, nhân rộng các điển hình trong thực hiện QCDC chưa được thực hiện kịp thời.

- Thời gian đầu tư cho các buổi sinh hoạt chuyên đề tuyên truyền các văn bản về thực hiện QCDC ở cơ sở chưa nhiều

***13.2.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương***

- Việc huy động CBVC là tự vệ đi huấn luyện, hội thao hoặc khi có lệnh triệu tập thực hiện nhiệm vụ đột xuất của cấp trên đôi khi còn gặp khó khăn.

- Nhà trường vẫn còn một số CBVC đối tượng 3 (trưởng, phó các khoa, phòng, ban, trạm, trung tâm) và một số CBVC đối tượng 4 chưa được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

- Vẫn còn một số sinh viên bị trùng lịch học với các môn học khác, làm ảnh hưởng đến quá trình tổ chức và giảng dạy môn học.

- Sự phối hợp giữa khoa với các phòng, ban chức năng đôi lúc còn chưa kịp thời, thống nhất.

- Công tác kế hoạch, phân công giảng dạy của khoa và các bộ môn có thời điểm chưa phù hợp.

- Nhiều nội dung trong chương trình GDQP&AN chưa có giáo trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

***13.2.3. Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên***

- Đội ngũ cán bộ làm công tác đoàn chủ yếu là kiêm nhiệm, kỹ năng nghiệp vụ của một số cán bộ còn hạn chế nên chưa phát huy hết sức mạnh, vai trò của tổ chức Đoàn.

- Một số cán bộ Đoàn - Hội năng lực và kết quả học tập còn hạn chế, uy tín không cao đối với tập thể làm ảnh hưởng đến công tác. Một bộ phận cán bộ, giảng viên trẻ thiếu quan tâm đến hoạt động Đoàn - Hội. Kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đoàn - Hội của nhiều cán bộ chủ chốt ở cấp Liên chi đoàn và chi đoàn cần được tiếp tục củng cố.

- Nguồn tài lực, vật lực (kinh phí, vật chất) phục vụ cho công tác tình nguyện vì cộng đồng chủ yếu còn do kinh phí của trường cấp và từ nguồn đóng góp của CBVC, ĐVSV và các đơn vị trong trường, sự huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội bên ngoài còn hạn chế. Vì vậy, nguồn lực vật chất còn bất cập so với yêu cầu của công tác.

- Công tác tuyển sinh các năm gần đây của nhà trường và giữa các khoa có sự suy giảm và chênh lệnh nhiều về chỉ tiêu, vấn đề này sẽ tạo ảnh hưởng lớn đến lượng đoàn viên của Đoàn trường, tạo ra sự chênh lệch đoàn viên lớn giữa các liên chi khiến cho việc triển khai đồng bộ nhiệm vụ công tác Đoàn gặp những khó khăn nhất định.

Tất cả các vấn đề trên có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, đòi hỏi Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất phải nỗ lực vượt bậc để thu hút, tập hợp, giáo dục ĐVTN theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Đoàn.

***13.3. Giải pháp***

***13.3.1. Thực hiện quy chế dân chủ***

- Tiếp tục tổ chức quán triệt các văn bản của Trung ương, Quốc hội và của Chính phủ về thực hiện QCDC ở cơ sở để không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, viên chức về dân chủ và thực hành dân chủ. Những vấn đề "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" phải được cụ thể hóa thực hiện nghiêm túc trên mọi lĩnh vực của đời sống. Mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với giữ gìn kỷ cương, trật tự.

- Tiếp tục duy trì, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn Trường. Duy trì việc đối thoại giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức theo quy định của pháp luật. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo thường được các đơn vị trong toàn Trường phối hợp để giải quyết kịp thời.

- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để phù hợp với tình hình thực tế. Điều chỉnh những nội quy, quy trình mang tính phối hợp còn chồng chéo, bất cập (nếu có).

- Thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác phê bình, tự phê bình, chống các biểu hiện tham nhũng, lãng phí. Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức công bằng, công khai, chú trọng công tác khen thưởng để tạo động lực cho toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục thực hiện công tác đối thoại định kỳ, lắng nghe những đóng góp, ý kiến của cán bộ, viên chức và người lao động nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời phù hợp với quy định

***13.3.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương***

- Phối hợp với các đơn vị trong Trường làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho CBVC trong độ tuổi thực hiện Luật NVQS, Luật DQTV, Luật Lực lượng dự bị động viên nắm chắc quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia thực hiện NVQS, DQTV, dự bị động viên.

- Phối hợp với phòng Tổ chức Cán bộ nắm chắc danh sách, chất lượng và tình hình biến động của CBVC trong độ tuổi thực hiện Luật NVQS, độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV, dự bị động viên.

- Tham mưu cho Nhà trường động viên, khen thưởng tập thể, cá nhân tích cực tham gia huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ công tác QP, QSĐP. Đồng thời có chế tài xử phạt phù hợp đối với các trường hợp chấp hành chưa nghiêm túc việc huy động, triệu tập thực hiện nhiệm vụ, tham gia huấn luyện, hội thao.

- Tham mưu cho Nhà trường lần lượt cử các đồng chí cán bộ lãnh đạo các phòng, khoa, ban, trạm, trung tâm (đối tượng 3) tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo Kế hoạch của Hội đồng GDQP&AN thành phố. Đồng thời phối hợp mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho CBCV đối tượng 4 tại Trường theo phân cấp.

- Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với các phòng, ban chức năng để xây dựng kế hoạch giảng dạy môn học GDQP&AN phù hợp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giờ giảng, bài giảng của các giảng viên trong khoa, qua đó kịp thời nắm bắt, đánh giá đúng thực chất kết quả giảng dạy và nhận thức của SV.

- Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên, tổ chức tốt các buổi sinh hoạt học thuật cấp khoa và bộ môn, trong đó cần tập trung vào những vấn đề có liên quan đến đổi mới phương pháp, thống nhất nội dung đề cương bài giảng; tổ chức giảng mẫu, thao giảng nhằm nâng cao trình độ cho các giảng viên.

- Tổ chức thông qua bài giảng, thông qua đề cương những bài giảng, những nội dung mới cập nhật trong chương trình GDQP&AN do Bộ ban hành.

***13.3.4. Công tác Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên***

- Cần xác định công tác xây dựng tổ chức Đoàn - Hội là trọng tâm, trong đó cán bộ là khâu then chốt. Từ đó, lựa chọn đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội phải là những người trẻ, có sức khoẻ, có trình độ, tâm huyết, nhiệt tình với phong trào, có năng lực tổ chức các hoạt động thực tiễn, biết đoàn kết nội bộ, phát huy trí tuệ tập thể nâng cao chất lượng hoạt động đoàn; có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ Đoàn – Hội kế cận.

- Phát huy mạnh mẽ tinh thần xung kích, tình nguyện và hỗ trợ ĐVSV trong học tập, rèn luyện, tự khẳng định và phát triển khả năng. Tích cực khai thác nguồn lực của xã hội phục vụ công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Trường.

- Trong công tác chỉ đạo thể hiện tính sáng tạo, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, bám sát nhiệm vụ chính trị của Trường.

- Cần phân cấp giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ sở, từng bộ phận để tổ chức Đoàn các cấp phát huy được trí tuệ, tài năng, sức sáng tạo của đội ngũ, cán bộ, đoàn viên trong toàn trường.

- Tích cực và chủ động hơn nữa trong công tác tham mưu, tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, và lãnh đạo các Khoa, Phòng, Ban và Trung tâm trong trường.

- Nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, chương trình phù hợp để phát huy thế mạnh của lực lượng ĐVSV đông đảo của trường.

**14. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu viên chức Trường lần thứ 50**

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra vẫn còn một số nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 49).

*Bảng 49. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2023-2024*

| Tiêu chí | Mục tiêu | Thực hiện | Đánh giá |
|---|---|---|---|
| Quy mô đào tạo đại học | Phấn đấu giữ vững quy mô và kết quả tuyển sinh năm 2024 như năm 2023 | Đã tuyển được 2.668 sinh viên đại học chính quy, Quy mô hiện tại: 16.388 (15.203 chính quy, 1.185 VLVH) | Vượt |
| Quy mô đào tạo sau đại học | 1.000, trong đó 100 NCS và 900 HVCH | 826, trong đó 95 NCS, 731 HVCH | Không đạt |
| Mở mới ngành đào tạo:<br>- Bậc đại học<br>- Thạc sĩ<br>- Tiến sĩ | <br>Theo nhu cầu<br>0<br>1 | 0(nộp 02 hồ sơ cho Bộ)<br>0<br>2 | Đã kiểm định Trường<br><br>Vượt |
| Đề tài KHCN mới:<br>- Cấp Nhà nước<br>- Cấp Bộ và tương đương | <br>3<br>10 | <br>4<br>12 | <br>Vượt<br>Vượt |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế | 150 | 249 | Vượt |
| Hội nghị khoa học quốc tế | 3 | 1 | Không đạt |
| Xây dựng các nhóm nghiên cứu:<br>- Nhóm nghiên cứu mạnh<br>- Nhóm nghiên cứu | <br>1<br>5 | <br>-1<br>-1 | <br>Không đạt<br>Không đạt |
| Mở các khóa đào tạo ngắn hạn | 2 | 2 | Đạt |
| Xuất bản giáo trình | 10 | 19 | Vượt |
| Tự đánh giá 3 chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ: Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa bản đồ | 3 | 3 | Tiếp tục thực hiện |
| Hoàn thành báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng đối với 4 CTĐT: Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kế toán, Quản trị kinh doanh | 4 | 4 | Hoàn thành |
| Triển khai công tác tự đánh giá Trường | x | x | Hoàn thành ĐGN, được cấp GCN KĐCLGD |
| Triển khai cải tiến chất lượng 1 CTĐT Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA | 1 | 0 | Không đạt |
| Thi đua | 85% LĐTT | | Đạt |

Trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Chất lượng đào tạo ở một số ngành của Nhà trường vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội; năng lực cạnh tranh còn hạn chế; Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả trong công tác tư vấn tuyển sinh ở một số ngành truyền thống, các khoa chuyên môn và các bộ môn còn gặp khó khăn trong việc mở mới các ngành đào tạo; công tác tư vấn tuyển sinh nhiều khi chưa kịp thời, chất liệu truyền thông chưa phong phú; chưa có kế hoạch tổng thể về công tác giáo trình, bài giảng trong toàn Trường; chưa xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường, việc cải tiến sau kiểm định các chương trình đào tạo còn chậm; một bộ phận giảng viên và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được trong thời kỳ mới, thiếu hụt nhân lực giảng viên chất lượng cao; chưa triển khai công tác tuyển dụng ở 1 số đơn vị trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng; cơ sở vật chất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của tự chủ đại học; bộ máy tổ chức còn cồng kềnh; thu nhập của cán bộ, viên chức còn chưa cao đặc biệt là khối cán bộ hành chính; chiến lược phát triển Nhà trường chưa tính hết được sự thay đổi nhanh chóng của chính sách và xã hội.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị Nhà trường. Hệ thống hạ tầng CNTT còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; Chương trình đào tạo được

cập nhật nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Nhà trường vừa thiếu vừa cũ; hệ thống phòng thí nghiệm chủ yếu hoạt động theo hướng hoạt động đào tạo, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

Kế hoạch tài chính của Trường khoảng giữa năm tài chính mới được Hội đồng trường phê duyệt làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Trường

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

## PHẦN II
## NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

### 1. Bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong năm học 2024-2025

Năm học 2024-2025 là năm học đánh dấu kết thúc nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và tiến tới Đại hội Đảng các cấp. Nhằm thực hiện hiệu quả các quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, ngành Giáo dục xác định chủ đề năm học 2024-2025 là "Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương"; Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2024 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025 của ngành Giáo dục; Căn cứ Công văn số 4606/BGDĐT-GDĐH ngày 23/8/2024 của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm. Năm học 2024-2025 cũng là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025, Nhiệm kỳ Hội đồng trường, Nhiệm kỳ Hiệu trưởng. Trên cơ sở đó Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định nhiệm vụ trọng tâm năm học 2024-2025 là *"Thúc đẩy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường"*, nhằm tuân thủ triết lý giáo dục "Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập", phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

### 2. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2024-2025

2.1. Triển khai thực hiện chiến lược phát triển Trường, tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển Trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng cá nhân, đơn vị của Nhà trường. Hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Hội đồng trường và các quy định nội bộ khác của Nhà trường trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa Hội đồng trường và Ban Giám hiệu theo quy định của pháp luật; Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị chủ động xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của Nhà trường.

2.2. Nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm cán bộ, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; bảo đảm số lượng và chất lượng cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và sinh viên. Tăng cường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức và người học của Nhà trường. Xây dựng chính sách đãi ngộ gắn với mức độ đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

2.3. Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Thúc đẩy kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học và sau đại học. Triển khai hệ thống đào tạo E-Learning và Blended hiệu quả.

2.4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động,

công tác xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

2.5. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên. Nâng cao vai trò trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc quản lý sinh viên.

2.6. Tổ chức thực hiện kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021-2025 hoàn thành việc lập qui hoạch chi tiết các công trình xây dựng Khu A1 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng các công trình theo từng giai đoạn, hạng mục công việc thành phần thuộc Khu A1 và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học.

2.7. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả trong hoạt động truyền thông, đa dạng và đổi mới liên tục về hình thức và cách thức tiếp cận nhằm phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, hướng đến sự phát triển bền vững qua việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường.

2.8. Tiếp tục tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao, phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0; xây dựng và sắp xếp lại hệ thống phòng thí nghiệm, thực nghiệm để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo. Xây dựng các phương án huy động vốn (vốn ngân sách Nhà nước, vay nợ, viện trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác) dành cho đầu tư khu A1 trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục nâng cấp phòng học phục vụ quản lý đào tạo, hệ thống wifi, phần mềm quản lý, cải tạo cơ sở vật chất, chống xuống cấp; quy hoạch và nâng cấp các phòng thí nghiệm, cải tạo giảng đường phù hợp với hoạt động đào tạo và cơ cấu sinh viên của trường. Xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số công trình của trường để nâng cao hiệu quả hoạt động và chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ trường lần thứ 21 năm 2025 và chào mừng 60 năm thành lập Trường 2026.

**3. Các chỉ tiêu cơ bản**

- Quy mô đào tạo hệ đại học chính quy: Phấn đấu giữ vững quy mô và kết quả tuyển sinh trong đợt tuyển sinh năm 2025 như năm 2024.
- Quy mô đào tạo sau đại học khoảng 800-900, trong đó có 90-00 NCS và 750-800 học viên cao học.
- Phấn đấu tuyển sinh khoảng 50-100 sinh viên loại hình đào tạo từ xa
- Hoàn thiện các quy định quy chế về: Mở ngành, bài giảng giáo trình, dạy trực tuyến và liên kết đào tạo theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai các modul ứng dụng Edusoft trên nền tảng di động, đẩy mạnh công tác sử dụng Edusoft tại các Khoa trong công tác quản lý sinh viên .
- Mở mới 05 ngành, chuyên ngành đào tạo hệ đại học. Mở mới 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Kỹ thuật xây dựng).
- Hoàn thành công tác tự đánh giá cho 19 chương trình đào tạo đại học và cao học.
- 100% giảng viên hoàn thành định mức NCKH được giao; 100% số đề tài NCKH nghiệm thu đúng tiến độ.
- Đề tài triển khai mới: 03 đề tài cấp NN; 10 đề tài cấp Bộ GD&ĐT.

- Bài báo Quốc tế: 150 bài (trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục WoS: 100 bài).
- Hội nghị Khoa học quốc tế, quốc gia: 03 Hội nghị.
- Xây dựng các nhóm nghiên cứu: 3 nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh.
- Mở khóa học ngắn hạn: 2-3 khóa.
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình.
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

**4. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025**

4.1. Ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhà trường định hướng cho các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn. Thí điểm triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho một số đơn vị của Nhà trường theo yêu cầu của Luật GDĐH sửa đổi và các quy định pháp luật. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2025-2030. Ban hành quy định về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc để có căn cứ triển khai thành lập Trường thành viên, Viện đào tạo theo chiến lược phát triển của Nhà trường. Phấn đấu thành lập 01 trung tâm hoặc 01 doanh nghiệp khoa học công nghệ thuộc, trực thuộc Trường.

4.2. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức có nguyện vọng chuyển đổi chuyên môn đào tạo, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho cán bộ, viên chức như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực viên chức làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, công tác truyền thông, lập Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (đối với vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung) theo quy định pháp luật. .... Tăng nguồn thu từ các hoạt động của Nhà trường, cân đối, bố trí hợp lý các khoản chi nhằm dành nguồn lực tài chính cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường. Xây dựng chi phí đào tạo thí điểm cho 01 ngành đào tạo trình độ đại học.

4.3. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Thí điểm xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của một số chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường theo vị trí việc làm, theo kết quả, hiệu quả công việc; xây dựng chính sách đãi ngộ CBVC gắn với mức độ đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Nhà trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế.

4.4. Xây dựng thí điểm chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học và sau đại học. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, khảo sát cơ cấu, đặc điểm của thị trường lao động; gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất để xây dựng các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp, triển khai đồng bộ hệ thống đào tạo E-Learning và Blended Learning ... nhằm đa dạng hóa loại hình, phương pháp đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội và theo các quy định mới về đào tạo trực tuyến. Tiếp tục triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo của Nhà trường. Triển khai kiểm định chất lượng 01 chương trình đào tạo đại học theo chuẩn AUN-QA.

4.5. Kết nối các phần mềm quản lý của Nhà trường tạo thành một hệ thống quản lý đồng nhất. Tổ chức rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Tiếp tục tăng số lượng thủ tục giải quyết ở bộ phận một cửa như đối với các thủ tục kế toán, tài chính, tổ chức cán bộ, đào tạo đại học, sau đại học, công tác chính trị sinh viên ... Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tại Nhà trường.

Tăng cường giao lưu học thuật quốc tế. Ban hành chính sách khuyến khích viên chức công bố khoa học quốc tế. Tiếp tục thúc đẩy thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong Nhà trường thông qua việc ưu tiên giao, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, ưu tiên đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu ... Tiếp tục cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao; Triển khai thực hiện định hướng hoạt động KHCN phù hợp với chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo Quốc gia; đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và sở hữu trí tuệ trong Nhà trường.

4.6. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên. Tổ chức khóa tập huấn cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư dành cho phát triển cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng đề án một số phòng thí nghiệm chuyên sâu để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao. Đầu tư xây dựng Khu Giảng đường tại khu A1 (2021-2025): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là 73 tỷ VNĐ. Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022, dự kiến công trình sẽ bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2025. Tiếp tục bám sát các Bộ, Ban ngành về đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Khu nhà đa năng, Giảng đường và Phòng thí nghiệm để vận hành cùng với Khu Giảng đường tạo ra 1 khu độc lập trong công tác quản lý và khai thác.

4.8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của Nhà trường; Xây dựng chương trình phối hợp với các đối tác để tổ chức các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp, việc làm, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho sinh viên.

4.9. Sắp xếp lại các phòng thí nghiệm, thực nghiệm để nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà trường. Triển khai xây dựng mô hình bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cho Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 để quản lý, sử dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, khoa học công nghệ của Nhà trường.

4.10. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo"* và phong trào *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong cán bộ, viên chức và người học tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2024-2025.

## PHẦN III. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO:

Bảng 43. Thống kê thu, chi tài chính năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định).

Bảng 50. Thống kê thu, chi thường xuyên và phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

Bảng 51. Thống kê thu, chi không thường xuyên năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

Bảng 52. Thống kê các khoản thu hộ - chi hộ của Trưởng năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

Bảng 53. Thống kê các quỹ và trích lập nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

**Phụ lục I.** Tổng hợp kết quả thực hiện các ý kiến của Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 50.

**Phụ lục II.** Tổng hợp giải trình các ý kiến của Hội nghị Viên chức các đơn vị gửi Nhà trường năm 2024.